HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN
GIÁO VIÊN NĂM 2023

PHỤ LỤC 1A

KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG CDNN GIÁO VIÊN NĂM 2023
Khối Mầm non

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1	BĐ001	Nguyễn Thị Anh Thư	27/06/1973	MN 01- 6	Ba Đình	100	
2	BĐ002	Phạm Thúy Hà	05/11/1983	MN 01- 6	Ba Đình	100	
3	BĐ003	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	20/08/1974	MN 01- 6	Ba Đình	100	
4	BĐ004	Nguyễn Thị Dung	10/10/1973	MN 01- 6	Ba Đình	100	
5	BĐ005	Đinh Thị Thúy Nga	30/10/1979	MN 01- 6	Ba Đình	100	
6	BĐ006	Công Thị Kim Tuyến	26/02/1987	MN 01- 6	Ba Đình	100	
7	BĐ007	Nguyễn Thị Mai	28/12/1987	MN 01- 6	Ba Đình	100	
8	BĐ008	Hồ Thị Quyên	13/06/1993	MN 01- 6	Ba Đình	100	
9	BĐ009	Nguyễn Thị Thanh Mai	08/07/1994	MN 01- 6	Ba Đình	100	
10	BĐ010	Nguyễn Thị Hồng	07/02/1972	MN 01- 6	Ba Đình	100	
11	BĐ011	Kim Thùy Linh	13/12/1985	MN 01- 6	Ba Đình	100	
12	BĐ012	Trần Thị Nhàn	07/08/1988	MN 01- 6	Ba Đình	100	
13	BĐ013	Nguyễn Thị Thủy	08/03/1984	MN 01- 6	Ba Đình	100	
14	BĐ014	Đỗ Thu Trang	17/11/1988	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
15	BĐ015	Nguyễn Thanh Phương	16/10/1985	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
16	BĐ016	Nguyễn Thị Bích Thảo	4/6/1975	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
17	BĐ017	Phạm Anh Phương	22/01/1979	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
18	BĐ018	Nguyễn Thị Thu Hòa	26/10/1976	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
19	BĐ019	Lý Thị Thúy Quỳnh	30/9/1978	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
20	BĐ020	Nguyễn Phương Hạnh	31/03/1978	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
21	BĐ021	Vũ Thị Ngọc Quỳnh	28/03/1984	Hoa Hồng	Ba Đình	100	
22	BĐ022	Nguyễn Thị Thu Trang	18/7/1977	Hoa Mai	Ba Đình	100	
23	BĐ023	Đặng Thị Lan Hương	02/04/1988	Hoa Mai	Ba Đình	100	
24	BĐ024	Trần Thị Mai Hương	20/5/1968	Hoa Mai	Ba Đình	100	
25	BĐ025	Phạm Hồng Nhung	14/10/1989	Hoa Mai	Ba Đình	100	
26	BĐ026	Đặng Thị Hoàng Vân	24/08/1996	Hoa Mai	Ba Đình	100	
27	BĐ027	Trần Thị Anh Văn	14/10/1973	Họa Mi	Ba Đình	100	
28	BĐ028	Nguyễn Thị Vân Anh	12/14/1981	Họa Mi	Ba Đình	100	
29	BĐ029	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/01/1975	Họa Mi	Ba Đình	100	
30	BĐ030	Nguyễn Thị Dung	7/18/1994	Họa Mi	Ba Đình	100	
31	BĐ031	Nguyễn Thị Hường	11/20/1976	Họa Mi	Ba Đình	100	
32	BĐ032	Trần Hồng Điệp	2/18/1990	Họa Mi	Ba Đình	100	
33	BĐ033	Phạm Thị Bích Liên	1/4/1972	Họa Mi	Ba Đình	100	
34	BĐ034	Bùi Thị Thơ	7/20/1979	Họa Mi	Ba Đình	100	
35	BĐ035	Nguyễn Thị Thanh Huyền	8/27/1979	Họa Mi	Ba Đình	100	
36	BĐ036	Trần Thị Thanh Loan	2/2/1977	Họa Mi	Ba Đình	100	
37	BĐ037	Nguyễn Thị Hồng Huế	6/8/1980	Họa Mi	Ba Đình	100	
38	BĐ038	Phan Thị Thúy Anh	11/11/1976	Họa Mi	Ba Đình	100	
39	BĐ039	Nguyễn Thị Nguyệt	7/2/1979	Họa Mi	Ba Đình	100	
40	BĐ040	Nguyễn Thị Ngân Anh	1/20/1981	Họa Mi	Ba Đình	100	
41	BĐ041	Nguyễn Khánh Vân	10/17/1973	Họa Mi	Ba Đình	100	
42	BĐ042	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	10/19/1978	Họa Mi	Ba Đình	100	
43	BĐ043	Nguyễn Mỹ Dung	2/5/1994	Họa Mi	Ba Đình	100	
44	BĐ044	Lưu Thị Hương	18/04/1974	Họa Mi	Ba Đình	100	
45	BĐ045	Đỗ Minh Phương	17/03/1973	Họa Mi	Ba Đình	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
46	**BĐ**046	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/27/1975	Họa Mi	Ba Đình	100	
47	**BĐ**047	Bùi Thị Vân Thương	4/25/1978	Họa Mi	Ba Đình	100	
48	**BĐ**048	Trần Thị Thùy Linh	2/26/1985	Họa Mi	Ba Đình	100	
49	**BĐ**049	Phạm Thị Thu Thủy	3/21/1976	Họa Mi	Ba Đình	100	
50	**BĐ**050	Nguyễn Thị Huyền	6/18/1981	Họa Mi	Ba Đình	100	
51	**BĐ**051	Trần Thị Minh Phú	25/04/1973	MG A	Ba Đình	100	
52	**BĐ**052	Nguyễn Thị Thu Trang	21/09/1978	MG A	Ba Đình	100	
53	**BĐ**053	Lê Thị Vân	22/04/1980	MG A	Ba Đình	100	
54	**BĐ**054	Nguyễn Thị Thảo	03/02/1973	MG A	Ba Đình	100	
55	**BĐ**055	Nguyễn Thị Bạch Yến	11/12/1976	MG A	Ba Đình	100	
56	**BĐ**056	Nguyễn Thị Thu Hoa	14/07/1971	MG A	Ba Đình	100	
57	**BĐ**057	Tô Thị Minh Phương	18/10/1976	MG A	Ba Đình	100	
58	**BĐ**058	Bùi Thu Hà	12/01/1986	MG A	Ba Đình	100	
59	**BĐ**059	Phạm Thị Thu Hà	08/08/1973	MG A	Ba Đình	100	
60	**BĐ**060	Bùi Thị Thanh Hương	05/11/1995	MG A	Ba Đình	100	
61	**BĐ**061	Lưu Thị Tứ	20/05/1987	MG A	Ba Đình	100	
62	**BĐ**062	Hoàng Hải Yến	10/12/1994	MG A	Ba Đình	100	
63	**BĐ**063	Bùi Hà Vinh	11/02/1978	MG A	Ba Đình	100	
64	**BĐ**064	Nguyễn Thị Thanh Hương	19/04/1985	Sao Mai	Ba Đình	100	
65	**BĐ**065	Phạm Thu Hường	17/08/1977	Sao Mai	Ba Đình	100	
66	**BĐ**066	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	6/29/1975	Sao Mai	Ba Đình	100	
67	**BĐ**067	Nguyễn Thùy Dung	31/05/1985	Sao Mai	Ba Đình	100	
68	**BĐ**068	Trần Nhị Hà Châu	13/03/1973	Sao Mai	Ba Đình	100	
69	**BĐ**069	Nguyễn Diệu Thúy	10/06/1984	Sao Mai	Ba Đình	100	
70	**BĐ**070	Hà Thị Kim Dung	07/07/1987	Sao Mai	Ba Đình	100	
71	**BĐ**071	Nguyễn Thu Hiền	03/12/1990	Sao Mai	Ba Đình	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
72	**BĐ**072	Nguyễn Ngọc Hoa	24/06/1986	Sao Mai	Ba Đình	100	
73	**BĐ**073	Nguyễn Thị Hồng Vân	30/08/1981	Sao Mai	Ba Đình	100	
74	**BĐ**074	Nguyễn Thị Thiên Hương	1/27/1987	Sao Mai	Ba Đình	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
75	**BĐ**075	Trần Thị Xuân Ngọ	15/03/1978	Sao Mai	Ba Đình	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
76	**BĐ**076	Lưu Thị Ngoan	05/09/1980	Sao Mai	Ba Đình	100	
77	**BĐ**077	Trương Thị Huyền	10/01/1991	Sao Mai	Ba Đình	100	
78	**BĐ**078	Vũ Hồng Nhung	07/02/1995	Sao Mai	Ba Đình	100	
79	**BĐ**079	Trần Thị Huế	26/04/1975	Sao Mai	Ba Đình	100	
80	**BĐ**080	Nguyễn Thị Thanh Hương	06/07/1978	Sao Mai	Ba Đình	100	
81	**BĐ**081	Trần Thị Phương Loan	22/12/1968	MG Số 2	Ba Đình	100	
82	**BĐ**082	Phạm Thị Thủy	15/12/1978	MG Số 2	Ba Đình	100	
83	**BĐ**083	Nguyễn Thị Minh Hạnh	28/07/1974	MG Số 2	Ba Đình	100	
84	**BĐ**084	Trịnh Thị Thủy	05/03/1981	MG Số 2	Ba Đình	100	
85	**BĐ**085	Nguyễn Thị Bích Thảo	16/07/1983	MG Số 2	Ba Đình	100	
86	**BĐ**086	Phùng Thị Kim Hoa	10/01/1989	MG Số 2	Ba Đình	100	
87	**BĐ**087	Lê Thị Lộc	26/6/1975	MG Số 3	Ba Đình	100	
88	**BĐ**088	Cao Thị Mơ	25/08/1973	MG Số 5	Ba Đình	100	
89	**BĐ**089	Hoàng Thị Tuyết	03/08/1978	MG Số 5	Ba Đình	100	
90	**BĐ**090	Trần Thị Thu Trang	17/11/1988	MG Số 5	Ba Đình	100	
91	**BĐ**091	Bùi Thị Ngọc Bích	11/01/1991	MG Số 5	Ba Đình	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
92	**BĐ**092	Trọng Thị Hồng Tuyên	16/01/1983	MG Số 5	Ba Đình	100	
93	**BĐ**093	Đặng Thùy Trang	11/07/1980	MG Số 5	Ba Đình	100	
94	**BĐ**094	Đặng Thị Ngần	01/06/1979	MG Số 5	Ba Đình	100	
95	**BĐ**095	Nguyễn Thị Mai Anh	25/02/1979	Số 6	Ba Đình	100	
96	**BĐ**096	Nguyễn Thu Trang	02/5/1983	Số 6	Ba Đình	100	
97	**BĐ**097	Phạm Thị Lý	5/1/1981	Số 6	Ba Đình	100	
98	**BĐ**098	Nguyễn Thị Hồng	6/7/1974	Số 6	Ba Đình	100	
99	**BĐ**099	Phan Diệu Hoa	14/03/1976	Số 6	Ba Đình	100	
100	**BĐ**100	Phạm Quỳnh Mai	11/1/1987	Số 6	Ba Đình	100	
101	**BĐ**101	Vũ Thị Thanh Bình	19/10/1974	Số 6	Ba Đình	100	
102	**BĐ**102	Dương Thị Hồng Hoa	14/12/1979	Số 6	Ba Đình	95	Không có minh chứng về khả năng sử dụng sử dụng CNTT, ngoại ngữ
103	**BĐ**103	Nguyễn Thị Thanh Hải Yến	09/04/1973	MG Số 7	Ba Đình	100	
104	**BĐ**104	Lý Phương Lan	10/04/1981	MG Số 7	Ba Đình	100	
105	**BĐ**105	Nguyễn Nhật Linh	16/05/1989	MG Số 7	Ba Đình	100	
106	**BĐ**106	Lưu Thị Thúy Quỳnh	10/3/1989	MG Số 7	Ba Đình	100	
107	**BĐ**107	Nguyễn Thu Trang	29/06/1980	MG Số 7	Ba Đình		Không có Hồ sơ
108	**BĐ**108	Nguyễn Hồng Mai	27/09/1990	MG Số 7	Ba Đình	100	
109	**BĐ**109	Nguyễn Thị Hà	20/07/1969	MG Số 8	Ba Đình	100	
110	**BĐ**110	Trần Thị Thu Trang	16/10/1976	MG Số 8	Ba Đình	100	
111	**BĐ**111	Ngô Thị Huyền Trang	04/07/1983	MG Số 8	Ba Đình	100	
112	**BĐ**112	Trần Thị Thu Phương	29/08/1975	MG Số 8	Ba Đình	100	
113	**BĐ**113	Nguyễn Thị Hảo	03/10/1981	MG Số 8	Ba Đình	100	
114	**BĐ**114	Phạm Tuyết Anh	02/11/1979	MG Số 8	Ba Đình	100	
115	**BĐ**115	Nguyễn Thị Oanh	'06/03/1975	MG Số 8	Ba Đình	100	
116	**BĐ**116	Nguyễn Thu Huyền	02/08/1976	MG Số 8	Ba Đình	100	
117	**BĐ**117	Lê Thị Lan Anh	04/11/1981	MG Số 8	Ba Đình	100	
118	**BĐ**118	Phạm Tuyết Phương	10/11/1975	MG Số 8	Ba Đình	100	
119	**BĐ**119	Đoàn Thị Bích Ngọc	09/12/1973	MG Số 8	Ba Đình	100	
120	**BĐ**120	Trương Thị Thúy Anh	03/02/1972	MG Số 9	Ba Đình	100	
121	**BĐ**121	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/09/1975	MG Số 9	Ba Đình	100	
122	**BĐ**122	Ngô Thị Vân Huệ	09/12/1975	MG Số 9	Ba Đình	100	
123	**BĐ**123	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/6/1972	MG Số 9	Ba Đình	95	Không có đánh giá, xếp loại viên chức 2021-2022
124	**BĐ**124	Nguyễn Thị Thu Phương	09/12/1984	MG Số 9	Ba Đình	100	
125	**BĐ**125	Trần Thị Mai Anh	5/8/1968	MG Số 10	Ba Đình	100	
126	**BĐ**126	Trần Thị Hồng Loan	2/2/1976	MG Số 10	Ba Đình	100	
127	**BĐ**127	Dương Thu Giang	11/2/1985	MG Số 10	Ba Đình	100	
128	**BĐ**128	Lương Thị Thanh Hải	8/13/1973	MG Số 10	Ba Đình	100	
129	**BĐ**129	Đặng Thị Thu Hà	9/18/1985	MG Số 10	Ba Đình	100	
130	**BĐ**130	Nguyễn Thị Thu Hà	4/18/1987	MG Số 10	Ba Đình	100	
131	**BĐ**131	Vũ Bích Hương	11/20/1991	MG Số 10	Ba Đình	100	
132	**BĐ**132	Nguyễn Thị Trang	2/15/1990	MG Số 10	Ba Đình	100	
133	**BĐ**133	Vũ Thị Hậu	7/3/1975	MG Số 10	Ba Đình	100	
134	**BĐ**134	Kiều Thị Nhung	2/9/1988	MG Số 10	Ba Đình	100	
135	**BĐ**135	Vũ Thị Hoàn	1/15/1985	MG Số 10	Ba Đình	100	
136	**BĐ**136	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/17/1990	MG Số 10	Ba Đình	100	
137	**BĐ**137	Nguyễn Minh Trang	5/21/1976	MG Số 10	Ba Đình	100	
138	**BĐ**138	Trần Hồng Trang	5/17/1988	MG Số 10	Ba Đình	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
139	**BĐ**139	Vũ Thị Thanh Ngọc	09/02/1978	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
140	**BĐ**140	Lê Diệu Thúy	03/06/1978	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
141	**BĐ**141	Lê Thị Tuyết Mai	16/09/1977	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
142	**BĐ**142	Trần Thị Hồng Chinh	01/12/1971	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
143	**BĐ**143	Lao Tú Minh	14/04/1979	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
144	**BĐ**144	Âu Thị Nguyên	02/02/1980	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
145	**BĐ**145	Nguyễn Khánh Ly	28/12/1990	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
146	**BĐ**146	Nguyễn Thu Trang	19/11/1988	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
147	**BĐ**147	Nguyễn Thị Hồng	28/10/1991	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
148	**BĐ**148	Lê Thị Thương	07/12/1988	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
149	**BĐ**149	Dương Huyền Trang	01/02/1987	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
150	**BĐ**150	Đàm Thị Hải Yến	10/9/1985	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
151	**BĐ**151	Vũ Thanh Hà	18/01/1991	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
152	**BĐ**152	Vương Huyền Thanh	06/09/1976	Tuổi Hoa	Ba Đình	100	
153	**BĐ**153	Nguyễn Thị Hồng Diễm	24/03/1977	Tuổi Thơ	Ba Đình	100	
154	**BĐ**154	Đặng Thu Nga	22/07/1991	Tuổi Thơ	Ba Đình	100	
155	**BĐ**155	Lưu Thị Hiền	10/06/1979	Tuổi Thơ	Ba Đình	100	
156	**BĐ**156	Nguyễn Thị Thu Hương	31/12/1977	Tuổi Thơ	Ba Đình	100	
157	**BĐ**157	Tô Thị Tươi	24/03/1981	Tuổi Thơ	Ba Đình	100	
158	**BĐ**158	Vũ Kim Yến	29/02/1992	Tuổi Thơ	Ba Đình	95	ĐGVC năm học 2021-2022: Hoàn thành nhiệm vụ
159	**BĐ**159	Lê Bảo Ngọc	4/11/1983	MG Chim non	Ba Đình	100	
160	**BĐ**160	Đỗ Thị Hương Giang	22/12/1981	MG Chim non	Ba Đình	100	
161	**BĐ**161	Dư Thị Phương	27/10/1983	MG Chim non	Ba Đình	100	
162	**BĐ**162	Phạm Thị Thanh Thường	9/1/1976	MG Chim non	Ba Đình	100	
163	**BĐ**163	Đỗ Kim Oanh	7/12/1980	MG Chim non	Ba Đình	100	
164	**BĐ**164	Nguyễn Thị Phương Nga	29/07/1976	MG Chim non	Ba Đình	100	
165	**BĐ**165	Vũ Thị Nhung	12/7/1987	MG Chim non	Ba Đình	100	
166	**BĐ**166	Lê Nga Anh	2/2/1976	MG Chim non	Ba Đình	100	
167	**BĐ**167	Đinh Thị Bích Loan	8/4/1981	MG Chim non	Ba Đình	100	
168	**BĐ**168	Nguyễn Ngọc Huyền	08/03/1981	Thành Công	Ba Đình	100	
169	**BĐ**169	Bùi Quế Lan Hương	21/06/1974	Thành Công	Ba Đình	100	
170	**BĐ**170	Nguyễn Thu Hồng	31/03/1981	Thành Công	Ba Đình	100	
171	**BĐ**171	Phạm Thanh Hoa	01/12/1983	Thành Công	Ba Đình	100	
172	**BĐ**172	Hồ Thị Huyền	10/08/1995	Thành Công	Ba Đình	100	
173	**BĐ**173	Hoàng Thị Phượng	07/11/1986	Thành Công	Ba Đình	100	
174	**BĐ**174	Trần Thu Thúy	03/04/1976	Thành Công	Ba Đình	100	
175	**BĐ**175	Nguyễn Thị Dung	29/10/1978	Thành Công	Ba Đình	100	
176	**BĐ**176	Nguyễn Thị Ban Mai	24/07/1976	Thành Công	Ba Đình	100	
177	**BĐ**177	Đào Thị Hương	17/07/1976	Thành Công	Ba Đình	100	
178	**BĐ**178	Trần Minh Nguyệt	21/01/1978	Thành Công	Ba Đình	100	
179	**BĐ**179	Vương Thị Thúy Nga	7/21/1978	Thành Công	Ba Đình	100	
180	**BĐ**180	Đặng Thị Thu Thuỷ	22/12/1970	Thành Công	Ba Đình	100	
181	**BĐ**181	Nguyễn Thị Lan Anh	07/08/1970	Thành Công	Ba Đình	100	
182	**BĐ**182	Lê Phương Dung	12/09/1986	Thành Công	Ba Đình	100	
183	**BĐ**183	Nguyễn Thị Thu Hà	07/02/1969	Thành Công	Ba Đình	100	
184	**BĐ**184	Đinh Thị Ngọc Lan	19/06/1973	Thành Công	Ba Đình	100	
185	**BĐ**185	Đặng Thị Duyên	01/01/1972	Thành Công	Ba Đình	100	
186	**BĐ**186	Nguyễn Thu Hằng	28/06/1972	Thành Công	Ba Đình	100	
187	**BĐ**187	Nguyễn Thị Thu Hà	11/24/1981	Thành Công	Ba Đình	100	
188	**BĐ**188	Nguyễn Thị Mỹ Anh	10/11/1972	Thành Công	Ba Đình	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
189	**BĐ**189	Ngô Thị Điệp	18/10/1973	Thành Công	Ba Đình	100	
190	**BĐ**190	Nguyễn Thanh Huyền	07/07/1978	Thành Công	Ba Đình	100	
191	**BĐ**191	Đỗ Thị Thanh	31/5/1983	Thành Công	Ba Đình	100	
192	**BĐ**192	Trần Thị Thơi	16/12/1987	Thành Công	Ba Đình	100	
193	**BĐ**193	Bùi Thị Kim Nhung	11/05/1990	Thành Công	Ba Đình	100	
194	**BĐ**194	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	29/03/1969	Hoa Đào	Ba Đình	100	
195	**BĐ**195	Cao Phương Thúy	11/7/1974	Hoa Đào	Ba Đình	100	
196	**BĐ**196	Nguyễn Thị Mỹ Linh	11/29/1991	Hoa Đào	Ba Đình	100	
197	**BĐ**197	Bùi Thị Tấm	20/07/1987	Hoa Đào	Ba Đình	100	
198	**BĐ**198	Nguyễn Đỗ Quyên	27/12/1992	Hoa Đào	Ba Đình	100	
199	**BĐ**199	Nguyễn Thị Ngà	28/02/1991	Hoa Đào	Ba Đình	100	
200	**BĐ**200	Vũ Thị Tám	20/02/1982	Hoa Đào	Ba Đình	100	
201	**BĐ**201	Hoàng Thị Châm	20/08/1990	Hoa Đào	Ba Đình	100	
202	**BĐ**202	Nguyễn Huỳnh Thu Cúc	11/8/1970	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
203	**BĐ**203	Phạm Thị Hà Phương	28/11/1986	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
204	**BĐ**204	Nguyễn Thị Thanh Bình	15/07/1979	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
205	**BĐ**205	Đinh Thị Bích Thuỷ	17/09/1980	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
206	**BĐ**206	Bùi Kiều Oanh	20/03/1984	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
207	**BĐ**207	Lê Vân Anh	21/071996	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
208	**BĐ**208	Đỗ Thị Hải Minh	15/05/1973	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
209	**BĐ**209	Bùi Thị Hồng Phương	18/01/1974	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
210	**BĐ**210	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/10/1976	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
211	**BĐ**211	Nguyễn Huyền Trang	3/2/1991	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
212	**BĐ**212	Phan Thị Ngọc Minh	31/08/1978	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
213	**BĐ**213	Hoàng Thị Thu Hằng	30/07/1978	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
214	**BĐ**214	Phan Thị Đoan	1/8/1993	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
215	**BĐ**215	Vũ Hồng Phương	10/12/1973	H.Hướng Dương	Ba Đình	100	
216	**BĐ**216	Nguyễn Thị Thu Hà	20/08/1984	H.Hướng Dương	Ba Đình	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
217	***BV***001	Phùng Thị Phương Thịnh	12/08/1981	Đồng Thái	Ba Vì	100	
218	***BV***002	Nguyễn Thị Sang	17/11/1972	Đồng Thái	Ba Vì	100	
219	***BV***003	Phùng Thị Lan	8/10/1982	Đồng Thái	Ba Vì	100	
220	***BV***004	Phùng Thị Ngọc Ánh	18/04/1987	Đồng Thái	Ba Vì	100	
221	***BV***005	Trương Thị Nhung	1/11/1987	Đồng Thái	Ba Vì	100	
222	***BV***006	Phùng Thị Đông	22/11/1988	Đồng Thái	Ba Vì	100	
223	***BV***007	Phan Thị Mai Liên	17/12/1985	Đồng Thái	Ba Vì	100	
224	***BV***008	Lê Thị Hà	11/08/1986	Đồng Thái	Ba Vì	100	
225	***BV***009	Nguyễn Thị Ánh	29/11/1991	Đồng Thái	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
226	***BV*** 010	Dương Thị Khánh My	20/09/1987	Đồng Thái	Ba Vì	100	
227	***BV*** 011	Nguyễn Thị Hồng Hương	24/04/1979	Đồng Thái	Ba Vì	100	
228	***BV*** 012	Dương Thị Thu	21/03/1990	Đồng Thái	Ba Vì	100	
229	***BV*** 013	Nguyễn Thị Liên	20/3/1987	Đồng Thái	Ba Vì	100	
230	***BV*** 014	Chu Thị Mai	29/04/1993	Đồng Thái	Ba Vì	100	
231	***BV*** 015	Nguyễn Thị Kim Thành	10/10/1993	Đồng Thái	Ba Vì	100	
232	***BV*** 016	Ngô Thị Điệp	25/11/1993	Đồng Thái	Ba Vì	100	
233	***BV*** 017	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23/11/1994	Đồng Thái	Ba Vì	100	
234	***BV*** 018	Phùng Thị Thanh Huyền	18/07/1990	Đồng Thái	Ba Vì	100	
235	***BV*** 019	Bùi Thị Thuý Nga	28/12/1993	Đồng Thái	Ba Vì	100	
236	***BV*** 020	Phùng Thị Hằng	18/03/1990	Đồng Thái	Ba Vì	100	
237	***BV*** 021	Nguyễn Thị Hiền	08/02/1993	Đồng Thái	Ba Vì	100	
238	***BV*** 022	Lê Thị Lan Liên	05/02/1988	Đồng Thái	Ba Vì	100	
239	***BV*** 023	Phùng Thị Nhung	30/07/1992	Đồng Thái	Ba Vì	100	
240	***BV*** 024	Trần Thị Nhàn	6/11/1973	Đồng Thái	Ba Vì	100	
241	***BV*** 025	Phùng Thị Thu Vân	15/10/1974	Đồng Thái	Ba Vì	100	
242	***BV*** 026	Nguyễn Thị Đương	14/12/1972	Tản Hồng	Ba Vì	100	
243	***BV*** 027	Phương Thị Hằng	17/8/1984	Tản Hồng	Ba Vì	100	
244	***BV*** 028	Đỗ Xuân Trường	03/11/1973	Tản Hồng	Ba Vì	100	
245	***BV*** 029	Ngô Thị Linh	15/8/1990	Tản Hồng	Ba Vì	100	
246	***BV*** 030	Lương Thị Xuyến	30/10/1985	Tản Hồng	Ba Vì	100	
247	***BV*** 031	Đặng Thị Huyền	20/06/1987	Tản Hồng	Ba Vì	100	
248	***BV*** 032	Mùi Thị Cẩm Nhung	04/03/1988	Tản Hồng	Ba Vì	100	
249	***BV*** 033	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	13/03/1986	Tản Hồng	Ba Vì	100	
250	***BV*** 034	Lê Thị Quý	03/03/1988	Tản Hồng	Ba Vì	100	
251	***BV*** 035	Nguyễn Thị Yến	14/10/1979	Tản Hồng	Ba Vì	100	
252	***BV*** 036	Lê Thị Ngọc Tuyết	24/5/1984	Tản Hồng	Ba Vì	100	
253	***BV*** 037	Nguyễn Thị Hồng	30/06/1990	Tản Hồng	Ba Vì	100	
254	***BV*** 038	Lê Thị Lan	23/10/1987	Tản Hồng	Ba Vì	100	
255	***BV*** 039	Lê Thị Ngọc Nhị	13/05/1991	Tản Hồng	Ba Vì	100	
256	***BV*** 040	Nguyễn Thị Hà	20/11/1982	Tản Hồng	Ba Vì	100	
257	***BV*** 041	Nguyễn Thị Thu Cúc	20/07/1990	Tản Hồng	Ba Vì	100	
258	***BV*** 042	Nguyễn Thị Lệ Thu	06/12/1993	Tản Hồng	Ba Vì	100	
259	***BV*** 043	Nguyễn Thị Hương	22/06/1984	Tản Hồng	Ba Vì	100	
260	***BV*** 044	Lê Thị Thanh Hương	11/10/1992	Tản Hồng	Ba Vì	100	
261	***BV*** 045	Lê Thị Nguyên	13/07/1991	Tản Hồng	Ba Vì	100	
262	***BV*** 046	Đặng Thị Lệ Thủy	21/01/1974	Tản Hồng	Ba Vì	100	
263	***BV*** 047	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	17/9/1980	Tản Hồng	Ba Vì	100	
264	***BV*** 048	Nguyễn Thị Lương	09/06/1982	Tản Hồng	Ba Vì	100	
265	***BV*** 049	Lê Thị Xuyến	01/04/1983	Tản Hồng	Ba Vì	100	
266	***BV*** 050	Đặng Thị Thu Hiền	01/07/1984	Tản Hồng	Ba Vì	100	
267	***BV*** 051	Lê Thị Thanh	26/06/1985	Tản Hồng	Ba Vì	100	
268	***BV*** 052	Trương Thị Dung	28/07/1982	MN 01-6	Ba Vì	100	
269	***BV*** 053	Lê Thị Bích Ngọc	02/06/1986	MN 01-6	Ba Vì	100	
270	***BV*** 054	Lê Thị Hồng	10/01/1991	MN 01-6	Ba Vì	100	
271	***BV*** 055	Nguyễn Thị Tâm	04/10/1983	MN 01-6	Ba Vì	100	
272	***BV*** 056	Nguyễn Thị Thùy	21/04/1991	MN 01-6	Ba Vì	100	
273	***BV*** 057	Phan Thị Thu Hiền	08/02/1983	MN 01-6	Ba Vì	100	
274	***BV*** 058	Phan Thị Lệ Giang	09/11/1993	MN 01-6	Ba Vì	100	
275	***BV*** 059	Phùng Thị Hương	04/03/1988	MN 01-6	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
276	***BV*** 060	Nguyễn Thị Yến	07/05/1990	MN 01-6	Ba Vì	100	
277	***BV*** 061	Vũ Thị Hằng	28/10/1971	MN 01-6	Ba Vì	100	
278	***BV*** 062	Nguyễn Thị Thúy	27/1//1974	MN 01-6	Ba Vì	100	
279	***BV*** 063	Lý Thị Hiền	07/08/1981	MN 01-6	Ba Vì	100	
280	***BV*** 064	Đinh Thị Kim Luyện	20/11/1983	MN 01-6	Ba Vì	100	
281	***BV*** 065	Đinh Thị Thủy	04/07/1984	MN 01-6	Ba Vì	100	
282	***BV*** 066	Trần Thị Yến	06/06/1986	MN 01-6	Ba Vì	100	
283	***BV*** 067	Đặng Thị Minh	05/09/1989	MN 01-6	Ba Vì	100	
284	***BV*** 068	Trần Thị Sinh	03/09/1990	MN 01-6	Ba Vì	100	
285	***BV*** 069	Lê Thị Hiệp	11/08/1990	MN 01-6	Ba Vì	100	
286	***BV*** 070	Hoàng Thị Nhân	25/07/1971	Ba Trại A	Ba Vì	100	
287	***BV*** 071	Trần Thị Minh	18/09/1979	Ba Trại A	Ba Vì	100	
288	***BV*** 072	Bùi Thị Thanh Thùy	06/12/1983	Ba Trại A	Ba Vì	100	
289	***BV*** 073	Trần Thị Hợi	29/03/1983	Ba Trại A	Ba Vì	100	
290	***BV*** 074	Đỗ Thị Mai Thùy	12/08/1983	Ba Trại A	Ba Vì	100	
291	***BV*** 075	Hoàng Thị Chuyên	30/04/1984	Ba Trại A	Ba Vì	100	
292	***BV*** 076	Lê Thị Thu Thủy	13/11/1991	Ba Trại A	Ba Vì	100	
293	***BV*** 077	Đinh Thị Tuyết	26/06/1991	Ba Trại A	Ba Vì	100	
294	***BV*** 078	Nguyễn Thị Thu Phương	25/05/1989	Ba Trại A	Ba Vì	100	
295	***BV*** 079	Nguyễn Thị Thắm	20/09/1968	Ba Trại A	Ba Vì	100	
296	***BV*** 080	Trần Thị Nhung	06/07/1974	Ba Trại A	Ba Vì	100	
297	***BV*** 081	Khương Thị Lan	15/05/1991	Ba Trại A	Ba Vì	100	
298	***BV*** 082	Đinh Thị Thanh Mai	30/06/1986	Ba Trại A	Ba Vì	100	
299	***BV*** 083	Nguyễn Thị Huyền	08/06/1991	Ba Trại A	Ba Vì	100	
300	***BV*** 084	Bạch Thị Hằng	20/03/1987	Ba Trại A	Ba Vì	100	
301	***BV*** 085	Phan Thị Hằng	23/04/1988	Ba Trại A	Ba Vì	100	
302	***BV*** 086	Đặng Thị Kim Tiến	25/07/1989	Ba Trại A	Ba Vì	100	
303	***BV*** 087	Nguyễn Thị Thúy	10/01/1972	Ba Trại A	Ba Vì	100	
304	***BV*** 088	Phùng Thị Hoa	04/06/1976	Ba Trại A	Ba Vì	100	
305	***BV*** 089	Nguyễn Thị Hương Sen	29/07/1982	Ba Trại A	Ba Vì	100	
306	***BV*** 090	Nguyễn Thị Minh Hằng	02/04/1981	Ba Trại B	Ba Vì	100	
307	***BV*** 091	Võ Thị Chi	30/6/1968	Ba Trại B	Ba Vì	100	
308	***BV*** 092	Nguyễn Thị Oanh	30/5/1971	Ba Trại B	Ba Vì	100	
309	***BV*** 093	Hoàng Thị Xuyến	21/10/1983	Ba Trại B	Ba Vì	100	
310	***BV*** 094	Hoàng Thị Lâm	02/12/1983	Ba Trại B	Ba Vì	100	
311	***BV*** 095	Bạch Thị Ánh Tuyết	28/10/1984	Ba Trại B	Ba Vì	100	
312	***BV*** 096	Nguyễn Thị Tuyết	6/9/1986	Ba Trại B	Ba Vì	100	
313	***BV*** 097	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30/8/1988	Ba Trại B	Ba Vì	100	
314	***BV*** 098	Bùi Thị Hồng Chiêm	22/1/1992	Ba Trại B	Ba Vì	100	
315	***BV*** 099	Hoàng Minh Nguyệt	23/10/1981	Ba Trại B	Ba Vì	100	
316	***BV*** 100	Đỗ Thị Phương	29/4/1981	Ba Trại B	Ba Vì	100	
317	***BV*** 101	Đinh Thị Huyền	26/3/1986	Ba Trại B	Ba Vì	100	
318	***BV*** 102	Phạm Thị Thu	5/4/1988	Ba Trại B	Ba Vì	100	
319	***BV*** 103	Quách Thị Thùy Dung	12/7/1985	Ba Trại B	Ba Vì	100	
320	***BV*** 104	Bùi Thị Luận	28/6/1990	Ba Trại B	Ba Vì	100	
321	***BV*** 105	Đinh Thị Xuân Tươi	12/5/1985	Ba Trại B	Ba Vì	100	
322	***BV*** 106	Khuất Thị Thanh	6/6/1980	Ba Trại B	Ba Vì	100	
323	***BV*** 107	Vũ Thị Hương	13/4/1983	Ba Trại B	Ba Vì	100	
324	***BV*** 108	Nguyễn Thị Thu	21/9/1986	Ba Trại B	Ba Vì	100	
325	***BV*** 109	Bàn Thị Lệ Thủy	28/04/1976	Ba Vì	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
326	***BV*** 110	Đoàn Thị Bình	21/05/1981	Ba Vì	Ba Vì	100	
327	***BV*** 111	Bạch Thị Hạnh	02/09/1982	Ba Vì	Ba Vì	100	
328	***BV*** 112	Lý Thu Loan	17/05/1989	Ba Vì	Ba Vì	100	
329	***BV*** 113	Bàn Thị Bình	15/04/1987	Ba Vì	Ba Vì	100	
330	***BV*** 114	Triệu Thị Mừng	31/12/1979	Ba Vì	Ba Vì	100	
331	***BV*** 115	Lý Thị Bích Hồng	23/02/1980	Ba Vì	Ba Vì	100	
332	***BV*** 116	Triệu Thị Thỏa	13/05/1985	Ba Vì	Ba Vì	100	
333	***BV*** 117	Vũ Thanh Hương	15/09/1983	Ba Vì	Ba Vì	100	
334	***BV*** 118	Lý Thị Dung	28/09/1991	Ba Vì	Ba Vì	100	
335	***BV*** 119	Triệu Thị Thơm	19/01/1980	Ba Vì	Ba Vì	100	
336	***BV*** 120	Phùng Thị Phượng	30/04/1978	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
337	***BV*** 121	Phạm Thị Thủy	26/09/1979	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
338	***BV*** 122	Phùng Thị Vân	06/11/1983	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
339	***BV*** 123	Hoàng Thị Đang	15/08/1977	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
340	***BV*** 124	Phùng Thị Lan Hương	24/04/1978	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
341	***BV*** 125	Lê Thị Thủy	02/12/1975	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
342	***BV*** 126	Phùng Công Hương Trà	27/10/2987	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
343	***BV*** 127	Phùng Thị Loan	25/05/1971	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
344	***BV*** 128	Phùng Thị Vinh	03/06/1988	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
345	***BV*** 129	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/09/1992	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
346	***BV*** 130	Phạm Thị Phượng	19/04/1994	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
347	***BV*** 131	Phùng Thị Tiếp	10/04/1973	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
348	***BV*** 132	Phùng Thị Hải Quyết	12/07/1980	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
349	***BV*** 133	Phùng Thị Thảo Hiền	12/02/1985	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
350	***BV*** 134	Hoàng Thị Hoàn	10/11/1985	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
351	***BV*** 135	Phùng Thị Như Yến	31/07/1986	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
352	***BV*** 136	Phùng Thị Lan	03/05/1989	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
353	***BV*** 137	Phùng Thị Hà	24/10/1990	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
354	***BV*** 138	Đoàn Thị Hằng	18/04/1991	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
355	***BV*** 139	Phạm Thị Ngọc Ly	30/10/1992	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
356	***BV*** 140	Lê Thị Vinh	01/02/1993	Cẩm Lĩnh A	Ba Vì	100	
357	***BV*** 141	Phùng Thị Hoa	03/02/1968	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
358	***BV*** 142	Vũ Thị Thanh	11/11/1977	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
359	***BV*** 143	Nguyễn Thị Nhung	04/04/1981	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
360	***BV*** 144	Nguyễn Thị Lan Hương	06/09/1983	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
361	***BV*** 145	Trần Thị Thu	20/09/1984	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
362	***BV*** 146	Nguyễn Thị Loan	19/02/1990	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
363	***BV*** 147	Chu Thị Thu Hà	12/10/1979	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
364	***BV*** 148	Phùng Thị Yến	05/01/1980	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
365	***BV*** 149	Chu Thị Hằng	15/09/1993	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
366	***BV*** 150	Trần Thị Lành	04/09/1982	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
367	***BV*** 151	Nguyễn Thị Hải Yến	01/02/1992	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
368	***BV*** 152	Phan Thùy Linh	22/04/1989	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
369	***BV*** 153	Chu Thị Ngân	26/12/1985	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
370	***BV*** 154	Phạm Thị Thành	06/04/1980	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
371	***BV*** 155	Ngô Thị Nhàn	12/08/1982	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
372	***BV*** 156	Nguyễn Thị Vân Anh	02/09/1981	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
373	***BV*** 157	Phùng Thị Khuyến	23/09/1986	Cẩm Lĩnh B	Ba Vì	100	
374	***BV*** 158	Vũ Thị Tuyết Minh	23/03/1970	Cam Thượng	Ba Vì	100	
375	***BV*** 159	Nguyễn Thị Ngọc Bích	26/08/1982	Cam Thượng	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
376	***BV*** 160	Lê Thị Hạnh	06/05/1979	Cam Thượng	Ba Vì	100	
377	***BV*** 161	Phan Thị Thu Hồng	29/10/1969	Cam Thượng	Ba Vì	100	
378	***BV*** 162	Nguyễn Thị Minh Tú	08/11/1989	Cam Thượng	Ba Vì	100	
379	***BV*** 163	Nguyễn Thị Hảo	03/11/1979	Cam Thượng	Ba Vì	100	
380	***BV*** 164	Quách Thị Thanh Huyền	09/11/1979	Cam Thượng	Ba Vì	100	
381	***BV*** 165	Hồ Thị Minh Hà	13/07/1971	Cam Thượng	Ba Vì	100	
382	***BV*** 166	Nguyễn Thị Hồng Châm	04/06/1992	Cam Thượng	Ba Vì	100	
383	***BV*** 167	Phạm Thị Hồng Uyên	02/09/1979	Cam Thượng	Ba Vì	100	
384	***BV*** 168	Nguyễn Thùy Dung	01/10/1983	Cam Thượng	Ba Vì	100	
385	***BV*** 169	Giang Thị Nhẫn	14/05/1991	Cam Thượng	Ba Vì	100	
386	***BV*** 170	Phan Thị Thu Phương	02/07/1985	Cam Thượng	Ba Vì	100	
387	***BV*** 171	Nguyễn Thị Thu Hà	08/07/1973	Cam Thượng	Ba Vì	100	
388	***BV*** 172	Lã Thị Minh Phương	22/10/1977	Cam Thượng	Ba Vì	100	
389	***BV*** 173	Cao Thị Thơm	12/01/1986	Cam Thượng	Ba Vì	100	
390	***BV*** 174	Đặng Thị Thủy	06/05/1983	Cam Thượng	Ba Vì	100	
391	***BV*** 175	Chu Thị Lụa	13/10/1988	Cam Thượng	Ba Vì	100	
392	***BV*** 176	Nguyễn Thị Tuyến	08/11/1989	Cam Thượng	Ba Vì	100	
393	***BV*** 177	Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ	08/11/1972	Châu Sơn	Ba Vì	100	
394	***BV*** 178	Phùng Thị Thuý Nhài	30/06/1982	Châu Sơn	Ba Vì	100	
395	***BV*** 179	Nguyễn Thị Thu Lan	13/07/1987	Châu Sơn	Ba Vì	100	
396	***BV*** 180	Nguyễn Thị Minh Trang	20/01/1988	Châu Sơn	Ba Vì	100	
397	***BV*** 181	Lê Thị Hằng	04/02/1989	Châu Sơn	Ba Vì	100	
398	***BV*** 182	Lê Thị Tuyết	03/01/1990	Châu Sơn	Ba Vì	100	
399	***BV*** 183	Lê Thị Kim Hoa	03/01/1978	Châu Sơn	Ba Vì	100	
400	***BV*** 184	Chu Thị Hiền	01/10/1984	Châu Sơn	Ba Vì	100	
401	***BV*** 185	Tô Thị Huyền	06/01/1987	Châu Sơn	Ba Vì	100	
402	***BV*** 186	Nguyễn Thị Ngà	22/04/1988	Châu Sơn	Ba Vì	100	
403	***BV*** 187	Nguyễn Thị Thu Hương	20/07/1982	Châu Sơn	Ba Vì	100	
404	***BV*** 188	Phương Thị Huế	26/12/1985	Châu Sơn	Ba Vì	100	
405	***BV*** 189	Nguyễn Thị Kim Hoa	18/01/1987	Châu Sơn	Ba Vì	100	
406	***BV*** 190	Phương Thị Bích Liên	30/03/1969	Chu Minh	Ba Vì	100	
407	***BV*** 191	Nguyễn Thị Hoa	01/06/1975	Chu Minh	Ba Vì	100	
408	***BV*** 192	Nguyễn Thị Xuân	15/07/1969	Chu Minh	Ba Vì	100	
409	***BV*** 193	Nguyễn Thị Cửu	10/2/1971	Chu Minh	Ba Vì	100	
410	***BV*** 194	Phùng Thị Lan Phương	09/12/1984	Chu Minh	Ba Vì	100	
411	***BV*** 195	Trần Thị Thanh Huyền	12/06/1986	Chu Minh	Ba Vì	100	
412	***BV*** 196	Nguyễn Thị Hợi	31/01/1987	Chu Minh	Ba Vì	100	
413	***BV*** 197	Lê Thị Thu Hường	21/02/1981	Chu Minh	Ba Vì	100	
414	***BV*** 198	Nguyễn Thị Lan	27/04/1987	Chu Minh	Ba Vì	100	
415	***BV*** 199	Nguyễn Thị Thanh	07/02/1982	Chu Minh	Ba Vì	100	
416	***BV*** 200	Phạm Thị Phương	02/11/1991	Chu Minh	Ba Vì	100	
417	***BV*** 201	Trần Thị Tuyết	04/02/1984	Chu Minh	Ba Vì	100	
418	***BV*** 202	Ngô Thị Vân	4/8/1986	Chu Minh	Ba Vì	100	
419	***BV*** 203	Nguyễn Thị Hương Giang	24/08/1987	Chu Minh	Ba Vì	100	
420	***BV*** 204	Nguyễn Thị Hương	30/07/1990	Chu Minh	Ba Vì	100	
421	***BV*** 205	Đỗ Thị Tâm	12/09/1990	Chu Minh	Ba Vì	100	
422	***BV*** 206	Nguyễn Thị Minh Ngọc	01/02/1990	Chu Minh	Ba Vì	100	
423	***BV*** 207	Nguyễn Thị Thông	12/08/1990	Chu Minh	Ba Vì	100	
424	***BV*** 208	Nguyễn Thị Loan	20/11/1991	Chu Minh	Ba Vì	100	
425	***BV*** 209	Nguyễn Thị Hoa	19/06/1991	Chu Minh	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
426	***BV*** 210	Lê Thị Tuyết	7/10/1977	Cổ Đô	Ba Vì	100	
427	***BV*** 211	Nguyễn Thị Hoài Phương	11/9/1981	Cổ Đô	Ba Vì	100	
428	***BV*** 212	Lê Thị Thu Hòa	11/11/1973	Cổ Đô	Ba Vì	100	
429	***BV*** 213	Phạm Thị Mận	2/3/1985	Cổ Đô	Ba Vì	100	
430	***BV*** 214	Lê Thị Thanh Tùng	4/7/1972	Cổ Đô	Ba Vì	100	
431	***BV*** 215	Hoàng Thị Thúy	11/9/1991	Cổ Đô	Ba Vì	100	
432	***BV*** 216	Phan Thị Phượng	6/9/1982	Cổ Đô	Ba Vì	100	
433	***BV*** 217	Lê Thị Kim Ánh	7/3/1995	Cổ Đô	Ba Vì	100	
434	***BV*** 218	Lê Thị Kim Dung	10/10/1970	Cổ Đô	Ba Vì	100	
435	***BV*** 219	Nguyễn Thị Hải Yến	22/12/1990	Cổ Đô	Ba Vì	100	
436	***BV*** 220	Cao Diệu Hương	11/4/1986	Cổ Đô	Ba Vì	100	
437	***BV*** 221	Trần Thị Thúy Hường	31/10/1990	Cổ Đô	Ba Vì	100	
438	***BV*** 222	Chu Thị Thêu	4/5/1992	Cổ Đô	Ba Vì	100	
439	***BV*** 223	Nguyễn Thị Nga	8/2/1990	Cổ Đô	Ba Vì	100	
440	***BV*** 224	Đào Thị Xuân Nương	15/02/1983	Cổ Đô	Ba Vì	100	
441	***BV*** 225	Trần Thị Thảo	16/12/1985	Cổ Đô	Ba Vì	100	
442	***BV*** 226	Nguyễn Thị Nhung	3/7/1982	Cổ Đô	Ba Vì	100	
443	***BV*** 227	Lê Thị Phượng	18/12/1991	Cổ Đô	Ba Vì	100	
444	***BV*** 228	Nguyễn Thị Hồng Phương	22/06/1990	Cổ Đô	Ba Vì	100	
445	***BV*** 229	Đặng Thị Ngần	22/12/1973	Đông Quang	Ba Vì	100	
446	***BV*** 230	Trần Thị Thanh Huyền	12/02/1975	Đông Quang	Ba Vì	100	
447	***BV*** 231	Nguyễn Thị Thanh Loan	6/7/1977	Đông Quang	Ba Vì	100	
448	***BV*** 232	Nguyễn Thị Thúy Hồng	24/01/1983	Đông Quang	Ba Vì	100	
449	***BV*** 233	Nguyễn Thị Thanh Yến	04/07/1990	Đông Quang	Ba Vì	100	
450	***BV*** 234	Đặng Thị Dung	22/12/1992	Đông Quang	Ba Vì	100	
451	***BV*** 235	Nguyễn Thanh Huyền	28/07/1978	Đông Quang	Ba Vì	100	
452	***BV*** 236	Nguyễn Thị Vân	20/02/1990	Đông Quang	Ba Vì	100	
453	***BV*** 237	Trần Thị Cẩm Vân	18/09/1988	Đông Quang	Ba Vì	100	
454	***BV*** 238	Dương Thị Thắm	12/4/1987	Đông Quang	Ba Vì	100	
455	***BV*** 239	Đỗ Thị lan Anh	12/10/1994	Đông Quang	Ba Vì	100	
456	***BV*** 240	Lã Thị Thu	23/10/1987	Đông Quang	Ba Vì	100	
457	***BV*** 241	Nguyễn Thị Phương	29/09/1977	Đông Quang	Ba Vì	100	
458	***BV*** 242	Nguyễn Thị Huệ	09/11/1993	Đông Quang	Ba Vì	100	
459	***BV*** 243	Phan Thị Thoa	11/11/1976	Đông Quang	Ba Vì	100	
460	***BV*** 244	Đinh Thị Lan Hương	03/07/1983	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
461	***BV*** 245	Nguyễn Thị Phương Loan	18/11/1984	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
462	***BV*** 246	Cấn Thị Hảo	4/8/1982	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
463	***BV*** 247	Lê Thị Hoài	10/20/1986	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
464	***BV*** 248	Nguyễn Thị Ngọc Sen	24/09/1984	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
465	***BV*** 249	Ngô Thị Thuý Khoa	13/01/1969	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
466	***BV*** 250	Nguyễn Thanh Đạo	15/05/1990	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
467	***BV*** 251	Đinh Thị Thu Hiền	20/11/1995	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
468	***BV*** 252	Phan Thị Thanh Thảo	23/03/1988	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
469	***BV*** 253	Nguyễn Thị Lệ Thuỷ	26/06/1993	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
470	***BV*** 254	Nguyễn Thị Trang	03/11/1990	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
471	***BV*** 255	Cấn Thị Lân	04/11/1990	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
472	***BV*** 256	Đinh Thị Diệu An	07/04/1989	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
473	***BV*** 257	Nguyễn Thị Ngọc Dung	12/02/1981	Khánh Thượng A	Ba Vì	100	
474	***BV*** 258	Nguyễn Thị Phương Loan	26/05/1981	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
475	***BV*** 259	Dương Thị Dung	23/02/1981	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
476	***BV*** 260	Đinh Thị Anh	02/03/1984	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
477	***BV*** 261	Đinh Thị Ngân	19/11/1988	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
478	***BV*** 262	Đỗ Thị Lý	13/09/1990	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
479	***BV*** 263	Đặng Thị Huyền Trang	26/08/1992	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
480	***BV*** 264	Phí Thị Thanh Tâm	05/02/1993	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
481	***BV*** 265	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17/09/1993	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
482	***BV*** 266	Đinh Thị Hồng Xiêm	08/07/1993	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
483	***BV*** 267	Nguyễn Thị Thu	01/09/1989	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
484	***BV*** 268	Nguyễn Lan Phương	30/04/1990	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
485	***BV*** 269	Nguyễn Thị Thanh Mai	16/04/1979	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
486	***BV*** 270	Đinh Thị Thu Huyền	04/09/1988	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
487	***BV*** 271	Lê Thị Thu Nga	28/12/1994	Khánh Thượng B	Ba Vì	100	
488	***BV*** 272	Nguyễn Thị Bình	09/11/1973	Minh Châu	Ba Vì	100	
489	***BV*** 273	Nguyễn Thị Mai	26/02/1980	Minh Châu	Ba Vì	100	
490	***BV*** 274	Phương Thị Kiều	26/10/1984	Minh Châu	Ba Vì	100	
491	***BV*** 275	Nguyễn Thị Duyên	01/8/1983	Minh Châu	Ba Vì	100	
492	***BV*** 276	Nguyễn Thị Tươi	25/5/1990	Minh Châu	Ba Vì	100	
493	***BV*** 277	Nguyễn Thị Đào	26/8/1990	Minh Châu	Ba Vì	100	
494	***BV*** 278	Nguyễn Thị Tuyên	27/9/1991	Minh Châu	Ba Vì	100	
495	***BV*** 279	Nguyễn Thị Hoa	30/8/1990	Minh Châu	Ba Vì	100	
496	***BV*** 280	Nguyễn Thị Thu Hà	21/01/1986	Minh Châu	Ba Vì	100	
497	***BV*** 281	Nguyễn Thị Hạnh	17/12/1990	Minh Châu	Ba Vì	100	
498	***BV*** 282	Nguyễn Minh Huệ	10/9/1979	Minh Châu	Ba Vì	100	
499	***BV*** 283	Nguyễn Thị Xuân	08/02/1979	Minh Châu	Ba Vì	100	
500	***BV*** 284	Nguyễn Thị Nam	17/02/1989	Minh Châu	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
501	***BV*** 285	Nguyễn Thị Tâm	01/01/1979	Minh Châu	Ba Vì	100	
502	***BV*** 286	Nguyễn Thị Duyên	28/8/1986	Minh Châu	Ba Vì	100	
503	***BV*** 287	Nguyễn Thị Huyền	29/3/1983	Minh Châu	Ba Vì	100	
504	***BV*** 288	Phùng Thị Thu Hà	27/6/1993	Minh Châu	Ba Vì	100	
505	***BV*** 289	Nguyễn Thị Luyến	04/02/1992	Minh Châu	Ba Vì	100	
506	***BV*** 290	Nguyễn Thị Hiếu	13/10/1979	Minh Châu	Ba Vì	100	
507	***BV*** 291	Phùng Thị Lan	04/07/1969	Minh Quang A	Ba Vì	100	
508	***BV*** 292	Nguyễn Thị Thanh Toan	04/12/1974	Minh Quang A	Ba Vì	100	
509	***BV*** 293	Võ Thị Hồng Mơ	01/05/1980	Minh Quang A	Ba Vì	100	
510	***BV*** 294	Nguyễn Thị Thu Hà	19/07/1979	Minh Quang A	Ba Vì	100	
511	***BV*** 295	Nguyễn Thị Oanh	20/02/1988	Minh Quang A	Ba Vì	100	
512	***BV*** 296	Đặng Khánh Ly	27/09/1985	Minh Quang A	Ba Vì	100	
513	***BV*** 297	Đinh Thị Đề	31/10/1990	Minh Quang A	Ba Vì	100	
514	***BV*** 298	Hoàng Thị Thu Thuỷ	02/08/1991	Minh Quang A	Ba Vì	100	
515	***BV*** 299	Trần Thị Ánh Tuyết	20/09/1991	Minh Quang A	Ba Vì	100	
516	***BV*** 300	Phan Thị Thanh Tâm	27/02/1991	Minh Quang A	Ba Vì	100	
517	***BV*** 301	Trần Thị Thanh Hương	08/05/1986	Minh Quang A	Ba Vì	100	
518	***BV*** 302	Nông Thị Biên	20/07/1983	Minh Quang A	Ba Vì	100	
519	***BV*** 303	Nguyễn Thị Hoàn	10/12/1992	Minh Quang A	Ba Vì	100	
520	***BV*** 304	Nguyễn Thị Khuyên	29/05/1983	Minh Quang A	Ba Vì	100	
521	***BV*** 305	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/03/1987	Minh Quang A	Ba Vì	100	
522	***BV*** 306	Bùi Thị Phương Liên	30/06/1984	Minh Quang A	Ba Vì	100	
523	***BV*** 307	Nguyễn Thị Kim Dung	21/10/1994	Minh Quang A	Ba Vì	100	
524	***BV*** 308	Nguyễn Thị Thanh Loan	18/10/1988	Minh Quang A	Ba Vì	100	
525	***BV*** 309	Nguyễn Thị Thuỳ	19/9/1971	Minh Quang A	Ba Vì	100	
526	***BV*** 310	Nguyễn Thị Kim Chung	23/08/1984	Minh Quang A	Ba Vì	100	
527	***BV*** 311	Bùi Thị Luyện	29/09/1983	Minh Quang A	Ba Vì	100	
528	***BV*** 312	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/12/1985	Minh Quang A	Ba Vì	100	
529	***BV*** 313	Nguyễn Thị Hà	19/01/1991	Minh Quang A	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
530	***BV*** 314	Nguyễn Thị Đoan	04/06/1971	Minh Quang B	Ba Vì	100	
531	***BV*** 315	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	19/09/1982	Minh Quang B	Ba Vì	100	
532	***BV*** 316	Đặng Thị Phượng	7/29/1979	Minh Quang B	Ba Vì	100	
533	***BV*** 317	Đinh Thị Lý	30/07/1983	Minh Quang B	Ba Vì	100	
534	***BV*** 318	Đinh Thị Thịnh	13/07/1983	Minh Quang B	Ba Vì	100	
535	***BV*** 319	Ngô Thị Thùy Linh	04/1/1991	Minh Quang B	Ba Vì	100	
536	***BV*** 320	Nguyễn Thị Khánh	18/03/1985	Minh Quang B	Ba Vì	100	
537	***BV*** 321	Kiều Thị Huyền	06/5/1984	Minh Quang B	Ba Vì	100	
538	***BV*** 322	Nguyễn Thị Thanh Huyền	16/01/1977	Minh Quang B	Ba Vì	100	
539	***BV*** 323	Đinh Thị Cúc	15/05/1990	Minh Quang B	Ba Vì	100	
540	***BV*** 324	Bạch Thị Tâm	14/08/1989	Minh Quang B	Ba Vì	100	
541	***BV*** 325	Đinh Thị Tươi	07/06/1991	Minh Quang B	Ba Vì	100	
542	***BV*** 326	Đặng Thị Linh	05/12/1992	Minh Quang B	Ba Vì	100	
543	***BV*** 327	Trương Thị Thuý Thu	22/5/1971	Phong Vân	Ba Vì	100	
544	***BV*** 328	Chu Thị Hạnh	9/9/1986	Phong Vân	Ba Vì	100	
545	***BV*** 329	Nguyễn Thị Như Duyên	22/12/1988	Phong Vân	Ba Vì	100	
546	***BV*** 330	Nguyễn Thị Tâm	11/12/1972	Phong Vân	Ba Vì	100	
547	***BV*** 331	Nguyễn Thị Bích	02/5/1979	Phong Vân	Ba Vì	100	
548	***BV*** 332	Lê Thị Bích Diệp	15/8/1985	Phong Vân	Ba Vì	100	
549	***BV*** 333	Nguyễn Thị Sự	30/6/1985	Phong Vân	Ba Vì	100	
550	***BV*** 334	Ngô Thị Ngọc Chi	01/02/1987	Phong Vân	Ba Vì	100	
551	***BV*** 335	Nguyễn Thị Huệ	13/12/1990	Phong Vân	Ba Vì	100	
552	***BV*** 336	Nguyễn Thị Thu Hằng	16/9/1981	Phong Vân	Ba Vì	100	
553	***BV*** 337	Đào Thị Hà	25/1/1989	Phong Vân	Ba Vì	100	
554	***BV*** 338	Nguyễn Thị Ngọc Lan	7/9/1993	Phong Vân	Ba Vì	100	
555	***BV*** 339	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	28/3/1993	Phong Vân	Ba Vì	100	
556	***BV*** 340	Nguyễn Thị Anh Thơ	12/8/1972	Phong Vân	Ba Vì	100	
557	***BV*** 341	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11/9/1981	Phong Vân	Ba Vì	100	
558	***BV*** 342	Nguyễn Thị Hải Yến	20/8/1983	Phong Vân	Ba Vì	100	
559	***BV*** 343	Lê Thị Vinh	13/3/1984	Phong Vân	Ba Vì	100	
560	***BV*** 344	Bùi Thị Phương	6/7/1985	Phong Vân	Ba Vì	100	
561	***BV*** 345	Phùng Thị Xuân Sơn	20/12/1967	Phú Châu	Ba Vì	100	
562	***BV*** 346	Phùng Thị Kim Liên	30/9/1969	Phú Châu	Ba Vì	100	
563	***BV*** 347	Hán Thị Hồng	11/10/1977	Phú Châu	Ba Vì	100	
564	***BV*** 348	Trần Thị Thành	3/9/1990	Phú Châu	Ba Vì	100	
565	***BV*** 349	Đỗ Thị Lan	30/10/1983	Phú Châu	Ba Vì	100	
566	***BV*** 350	Đỗ Thị Thu Hiền	30/9/1980	Phú Châu	Ba Vì	100	
567	***BV*** 351	Nguyễn Thị Luyến	8/1/1980	Phú Châu	Ba Vì	100	
568	***BV*** 352	Đỗ Thị Loan	18/7/1985	Phú Châu	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
569	***BV*** 353	Lê Thị Hoà	22/5/1989	Phú Châu	Ba Vì	100	
570	***BV*** 354	Lê Thị Thanh Nga	14/4/1987	Phú Châu	Ba Vì	100	
571	***BV*** 355	Nguyễn Thị Hương	2/11/1995	Phú Châu	Ba Vì	100	
572	***BV*** 356	Nguyễn Thị Mai Hương	12/9/1991	Phú Châu	Ba Vì	100	
573	***BV*** 357	Trần Thị Ánh Nguyệt	13/10/1986	Phú Châu	Ba Vì	100	
574	***BV*** 358	Đinh Thị Thùy Vui	23/11/1992	Phú Châu	Ba Vì	100	
575	***BV*** 359	Lê Phương Quỳnh	6/4/1983	Phú Châu	Ba Vì	100	
576	***BV*** 360	Bùi Thị Huyền	22/5/1982	Phú Châu	Ba Vì	100	
577	***BV*** 361	Phan Thị Hồng Thái	5/11/1978	Phú Châu	Ba Vì	100	
578	***BV*** 362	Nguyễn Thị Tươi	21/12/1986	Phú Châu	Ba Vì	100	
579	***BV*** 363	Phan Thị Phượng	6/11/1983	Phú Châu	Ba Vì	100	
580	***BV*** 364	Lê Thị Nga	30/10/1983	Phú Châu	Ba Vì	100	
581	***BV*** 365	Chu Thị Hiếu	23/7/1983	Phú Châu	Ba Vì	100	
582	***BV*** 366	Nguyễn Thị Vân	20/11/1971	Phú Cường	Ba Vì	100	
583	***BV*** 367	Hoàng Hồng Hà	24/3/1974	Phú Cường	Ba Vì	100	
584	***BV*** 368	Trần Thị Hồng Thắm	27/05/1987	Phú Cường	Ba Vì	100	
585	***BV*** 369	Lê Thúy Lan	13/08/1980	Phú Cường	Ba Vì	100	
586	***BV*** 370	Nguyễn Thị Vui	31/10/1991	Phú Cường	Ba Vì	100	
587	***BV*** 371	Phùng Thị Hương Mai	17/10/1981	Phú Cường	Ba Vì	100	
588	***BV*** 372	Nguyễn Thị Lê Duyên	4/27/1988	Phú Cường	Ba Vì	100	
589	***BV*** 373	Trần Thị Tính	15/01/1986	Phú Cường	Ba Vì	100	
590	***BV*** 374	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10/10/1993	Phú Cường	Ba Vì	100	
591	***BV*** 375	Nguyễn Thị Hải	19/11/1990	Phú Cường	Ba Vì	100	
592	***BV*** 376	Bùi Thị Lan Anh	9/11/1987	Phú Cường	Ba Vì	100	
593	***BV*** 377	Bùi Thị Tươi Vui	10/9/1990	Phú Cường	Ba Vì	100	
594	***BV*** 378	Nguyễn Thị Kim Dung	17/08/1983	Phú Cường	Ba Vì	100	
595	***BV*** 379	Hứa Thị Kim Hoa	17/08/1977	Phú Cường	Ba Vì	100	
596	***BV*** 380	Chu Thị Bích Thanh	6/11/1974	Phú Đông	Ba Vì	100	
597	***BV*** 381	Chu Thị Mai	24/09/1974	Phú Đông	Ba Vì	100	
598	***BV*** 382	Nguyễn Thị Tuyết	15/01/1979	Phú Đông	Ba Vì	100	
599	***BV*** 383	Phùng Thị Kim Hường	7/10/1975	Phú Đông	Ba Vì	100	
600	***BV*** 384	Chu Thị Hồng Hạnh	15/12/1981	Phú Đông	Ba Vì	100	
601	***BV*** 385	Đào Thị Loan	4/11/1985	Phú Đông	Ba Vì	100	
602	***BV*** 386	Nguyễn Thị Hoa	12/4/1988	Phú Đông	Ba Vì	100	
603	***BV*** 387	Trần Thị Mai	13/01/1992	Phú Đông	Ba Vì	100	
604	***BV*** 388	Phùng Thị Thu Mai	15/08/1992	Phú Đông	Ba Vì	100	
605	***BV*** 389	Lê Thị Bích Thảo	16/11/1972	Phú Đông	Ba Vì	100	
606	***BV*** 390	Chu Thị Hòa	25/01/1995	Phú Đông	Ba Vì	100	
607	***BV*** 391	Nguyễn Thị Hồng Thúy	19/11/1987	Phú Đông	Ba Vì	100	
608	***BV*** 392	Lê Thị Phương Hậu	18/08/1993	Phú Đông	Ba Vì	100	
609	***BV*** 393	Phùng Thị Thúy	22/09/1995	Phú Đông	Ba Vì	100	
610	***BV*** 394	Đinh Thị Mơ	16/05/1989	Phú Đông	Ba Vì	100	
611	***BV*** 395	Chu Thị Thu	27/09/1970	Phú Đông	Ba Vì	100	
612	***BV*** 396	Phạm Thị Hoa	26/07/1985	Phú Đông	Ba Vì	100	
613	***BV*** 397	Đào Thị Bình	6/8/1985	Phú Đông	Ba Vì	100	
614	***BV*** 398	Chu Thị Thanh Tuyên	23/06/1987	Phú Đông	Ba Vì	100	
615	***BV*** 399	Trần Thị Lan	22/12/1989	Phú Đông	Ba Vì	100	
616	***BV*** 400	Định Thị Út	18/6/1983	Phú Phương	Ba Vì	100	
617	***BV*** 401	Lê Thanh Huyền	28/8/1976	Phú Phương	Ba Vì	100	
618	***BV*** 402	Nguyễn Thị Hoa	11/03/1970	Phú Phương	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
619	***BV*** 403	Phùng Thị Thúy	04/10/1987	Phú Phương	Ba Vì	100	
620	***BV*** 404	Phùng Thị Hương	10/10/1984	Phú Phương	Ba Vì	100	
621	***BV*** 405	Nguyễn Thị Hồng Vân	22/04/1982	Phú Phương	Ba Vì	100	
622	***BV*** 406	Nguyễn Thị Hà	23/12/1984	Phú Phương	Ba Vì	100	
623	***BV*** 407	Dương Thị Hằng	08/09/1980	Phú Phương	Ba Vì	100	
624	***BV*** 408	Phùng Thị Dung	20/12/1984	Phú Phương	Ba Vì	100	
625	***BV*** 409	Nguyễn Thị Hường	01/04/1983	Phú Phương	Ba Vì	100	
626	***BV*** 410	Nguyễn Thị Hồng Vân	13/05/1988	Phú Phương	Ba Vì	100	
627	***BV*** 411	Trần Thị Hoa	07/08/1983	Phú Phương	Ba Vì	100	
628	***BV*** 412	Nguyễn Thị Hằng Ngân	16/06/1989	Phú Phương	Ba Vì	100	
629	***BV*** 413	Phùng Thị Hải Yến	30/01/1988	Phú Phương	Ba Vì	100	
630	***BV*** 414	Trần Thị Nam	15/06/1984	Phú Phương	Ba Vì	100	
631	***BV*** 415	Nguyễn Minh Thắng	14/06/1971	Phú Phương	Ba Vì	100	
632	***BV*** 416	Nguyễn Thị Bằng	26/06/1982	Phú Phương	Ba Vì	100	
633	***BV*** 417	Lê Thị Thắm	11/03/1970	Phú Phương	Ba Vì	100	
634	***BV*** 418	Nguyễn Thị Đào	4/9/1969	Phú Sơn	Ba Vì	100	
635	***BV*** 419	Phùng Thị Thanh Hà	06/02/1987	Phú Sơn	Ba Vì	100	
636	***BV*** 420	Chu Thị Lan	06/10/1977	Phú Sơn	Ba Vì	100	
637	***BV*** 421	Nguyễn Thị Năm	04/02/1970	Phú Sơn	Ba Vì	100	
638	***BV*** 422	Phùng Thị Oanh	09/12/1989	Phú Sơn	Ba Vì	100	
639	***BV*** 423	Phùng Thị Như Thanh	15/3/1984	Phú Sơn	Ba Vì	100	
640	***BV*** 424	Phùng Thị Tuyết	16/2/1992	Phú Sơn	Ba Vì	100	
641	***BV*** 425	Chúc Thị Phương	01/04/1992	Phú Sơn	Ba Vì	100	
642	***BV*** 426	Phùng Thị Thúy	06/07/1991	Phú Sơn	Ba Vì	100	
643	***BV*** 427	Chu Thị Hồng Tươi	22/06/1986	Phú Sơn	Ba Vì	100	
644	***BV*** 428	Phùng Thị Xuân Khanh	29/04/1991	Phú Sơn	Ba Vì	100	
645	***BV*** 429	Trần Thị Duyên	26/07/1989	Phú Sơn	Ba Vì	100	
646	***BV*** 430	Đinh Thị Nga	06/11/1983	Phú Sơn	Ba Vì	100	
647	***BV*** 431	Chu Thị Hòa	30/11/1989	Phú Sơn	Ba Vì	100	
648	***BV*** 432	Chu Thị Thu Hiền	17/01/1989	Phú Sơn	Ba Vì	100	
649	***BV*** 433	Nguyễn Thị Hải	07/06/1970	Phú Sơn	Ba Vì	100	
650	***BV*** 434	Phan Thị Thanh Huyền	14/07/1987	Phú Sơn	Ba Vì	100	
651	***BV*** 435	Nguyễn Thị Lương	18/02/1990	Phú Sơn	Ba Vì	100	
652	***BV*** 436	Phùng Thị Loan	01/09/1972	Phú Sơn	Ba Vì	100	
653	***BV*** 437	Trần Thị Hào	23/08/1973	Phú Sơn	Ba Vì	100	
654	***BV*** 438	Nguyễn Thị Tiệp	25/01/1987	Phú Sơn	Ba Vì	100	
655	***BV*** 439	Phùng Thị Hương	02/01/1972	Sơn Đà	Ba Vì	100	
656	***BV*** 440	Nguyên Thị Kim Hoa	17/10/1968	Sơn Đà	Ba Vì	100	
657	***BV*** 441	Đặng Đoan Dung	01/03/1973	Sơn Đà	Ba Vì	100	
658	***BV*** 442	Khương Thị Lương	01/10/1983	Sơn Đà	Ba Vì	100	
659	***BV*** 443	Vũ Thị Lan Anh	22/07/1983	Sơn Đà	Ba Vì	100	
660	***BV*** 444	Nguyễn Thị Thu Hà	25/08/1989	Sơn Đà	Ba Vì	100	
661	***BV*** 445	Hoàng Thị Hội	18/09/1968	Sơn Đà	Ba Vì	100	
662	***BV*** 446	Phạm Thị Xuyên	19/09/1977	Sơn Đà	Ba Vì	100	
663	***BV*** 447	Trần Thị Thu Hương	01/03/1981	Sơn Đà	Ba Vì	100	
664	***BV*** 448	Phạm Thị Phương	12/07/1985	Sơn Đà	Ba Vì	100	
665	***BV*** 449	Trần Thị Thuý Hường	26/03/1984	Sơn Đà	Ba Vì	100	
666	***BV*** 450	Nguyễn Thị Thanh Hương	11/01/1985	Sơn Đà	Ba Vì	100	
667	***BV*** 451	Phùng Thị Thư	26/01/1993	Sơn Đà	Ba Vì	100	
668	***BV*** 452	Đặng Thị Thơ	28/08/1988	Sơn Đà	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
669	***BV*** 453	Ngô Thị Vân	02/09/1973	Sơn Đà	Ba Vì	100	
670	***BV*** 454	Phạm Thị Lan	29/12/1986	Sơn Đà	Ba Vì	100	
671	***BV*** 455	Tạ Thị Tâm	26/09/1973	Sơn Đà	Ba Vì	100	
672	***BV*** 456	Phan Thị Dung	30/07/1988	Sơn Đà	Ba Vì	100	
673	***BV*** 457	Nguyễn Thị Tâm	17/10/1989	Sơn Đà	Ba Vì	100	
674	***BV*** 458	Nguyễn Thị Ngọc Bích	16/01/1987	Sơn Đà	Ba Vì	100	
675	***BV*** 459	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	11/11/1985	Sơn Đà	Ba Vì	100	
676	***BV*** 460	Vũ Thị Nga	15/06/1990	Sơn Đà	Ba Vì	100	
677	***BV*** 461	Đào Thị Hằng	15/12/1994	Sơn Đà	Ba Vì	100	
678	***BV*** 462	Phạm Thị Quyên	11/01/1986	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
679	***BV*** 463	Hoàng Thị Nga	17/01/1981	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
680	***BV*** 464	Kiều Thị Hải	27/09/1991	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
681	***BV*** 465	Nguyễn Thị Loan Hương	15/04/1985	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
682	***BV*** 466	Trần Thị Kim Tuyến	13/09/1985	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
683	***BV*** 467	Nguyễn Thị Duyên	06/11/1987	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
684	***BV*** 468	Lương Thị Kim Hiên	16/11/1991	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
685	***BV*** 469	Phùng Thị Lan Anh	06/02/1992	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
686	***BV*** 470	Nguyễn Thị Thu Trang	25/06/1990	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
687	***BV*** 471	Đỗ Thị Niên	10/11/1988	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
688	***BV*** 472	Kiều Thị Đan	23/03/1994	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
689	***BV*** 473	Hà Thị Nắng	21/07/1994	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
690	***BV*** 474	Phùng Thị Thanh	12/12/1989	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
691	***BV*** 475	Khuất Thị Hạnh	08/05/1990	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
692	***BV*** 476	Nguyễn Thị Hương	01/04/1976	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
693	***BV*** 477	Ma Thị Chang	12/04/1991	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
694	***BV*** 478	Nguyễn Thị Hiếu	30/09/1984	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
695	***BV*** 479	Nguyễn Thị Hương	23/01/1988	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
696	***BV*** 480	Trần Thị Minh	04/04/1980	Tản Lĩnh A	Ba Vì	100	
697	***BV*** 481	Chu Vân Trang	28/01/1986	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
698	***BV*** 482	Kiều Thị Thanh Duyên	30/08/1983	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
699	***BV*** 483	Phùng Thị Bích Nga	10/11/1983	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
700	***BV*** 484	Nguyễn Thị Huyền	16/03/1992	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
701	***BV*** 485	Nguyễn Thị Mai Anh	16/05/1983	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
702	***BV*** 486	Đỗ Thị Thu Hằng	14/10/1981	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
703	***BV*** 487	Nguyễn Thị Thúy	11/09/1979	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
704	***BV*** 488	Nguyễn Thị Nhung	28/07/1993	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
705	***BV*** 489	Đặng Thị Ngân	18/12/1992	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
706	***BV*** 490	Nguyễn Thị Thịnh	08/04/1994	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
707	***BV*** 491	Đinh Thị Thúy	20/05/1991	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
708	***BV*** 492	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/01/1981	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
709	***BV*** 493	Bùi Thị Ngư	27/02/1990	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
710	***BV*** 494	Đặng Thị Kim Hạnh	28/12/1987	Tản Lĩnh B	Ba Vì	100	
711	***BV*** 495	Phan Thị Thu Huyền	10/01/1983	Tản Viên	Ba Vì	100	
712	***BV*** 496	Nguyễn Thị Huế	10/05/1983	Tản Viên	Ba Vì	100	
713	***BV*** 497	Nguyễn Thị Mai Anh	12/10/1981	Tản Viên	Ba Vì	100	
714	***BV*** 498	Lã Thị Thanh Tâm	14/08/1984	Tản Viên	Ba Vì	100	
715	***BV*** 499	Phan Thị Hường	21/07/1983	Tản Viên	Ba Vì	100	
716	***BV*** 500	Phùng Thị Tuyền	12/11/1987	Tản Viên	Ba Vì	100	
717	***BV*** 501	Hoàng Thị Hồng Thúy	02/12/1981	Tản Viên	Ba Vì	100	
718	***BV*** 502	Dương Thị Tuyết Nhung	27/8/1978	Tản Viên	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
719	***BV*** 503	Kiều Khánh Trang	08/12/1989	Tản Viên	Ba Vì	100	
720	***BV*** 504	Lê Thị Vui	29/08/1991	Tản Viên	Ba Vì	100	
721	***BV*** 505	Trần Kim Oanh	31/12/1993	Tản Viên	Ba Vì	100	
722	***BV*** 506	Triệu Thị Hoa	09/01/1991	Tản Viên	Ba Vì	100	
723	***BV*** 507	Nguyễn Thị Lanh	25/10/1992	Tản Viên	Ba Vì	100	
724	***BV*** 508	Phùng Thị Phương	06/06/1990	Tản Viên	Ba Vì	100	
725	***BV*** 509	Nguyễn Thị Thúy	01/01/1969	Tây Đằng	Ba Vì	100	
726	***BV*** 510	Nguyễn Thị Huyền	17/06/1976	Tây Đằng	Ba Vì	100	
727	***BV*** 511	Nguyễn Thị Thanh Xuân	29/08/1969	Tây Đằng	Ba Vì	100	
728	***BV*** 512	Nguyễn Thị Hiền	18/12/1991	Tây Đằng	Ba Vì	100	
729	***BV*** 513	Nguyễn Thị Kim Thu	21/08/1989	Tây Đằng	Ba Vì	100	
730	***BV*** 514	Lê Thị Thảo	11/02/1976	Tây Đằng	Ba Vì	100	
731	***BV*** 515	Nguyễn Thị Thúy Hằng	02/07/1988	Tây Đằng	Ba Vì	100	
732	***BV*** 516	Chu Thị Thúy	10/07/1992	Tây Đằng	Ba Vì	100	
733	***BV*** 517	Phùng Thị Anh	30/05/1987	Tây Đằng	Ba Vì	100	
734	***BV*** 518	Nguyễn Thị Oanh	04/12/1970	Tây Đằng	Ba Vì	100	
735	***BV*** 519	Kiều Thị Nga	08/08/1991	Tây Đằng	Ba Vì	100	
736	***BV*** 520	Hoàng Thị Hải	20/05/1992	Tây Đằng	Ba Vì	100	
737	***BV*** 521	Phùng Thị Kim Oanh	21/02/1992	Tây Đằng	Ba Vì	100	
738	***BV*** 522	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	25/10/1992	Tây Đằng	Ba Vì	100	
739	***BV*** 523	Trần Thị Kim Hoa	01/10/1977	Tây Đằng	Ba Vì	100	
740	***BV*** 524	Nguyễn Thị Hằng	28/12/1987	Tây Đằng	Ba Vì	100	
741	***BV*** 525	Phan Thị Mai	13/11/1988	Tây Đằng	Ba Vì	100	
742	***BV*** 526	Nguyễn Thị Lan Hương	14/01/1984	Tây Đằng	Ba Vì	100	
743	***BV*** 527	Phùng Thị Phúc	09/12/01986	Tây Đằng	Ba Vì	100	
744	***BV*** 528	Phùng Thị Kim Luân	08/07/1991	Tây Đằng	Ba Vì	100	
745	***BV*** 529	Nguyễn Thị Trang	16/06/1992	Tây Đằng	Ba Vì	100	
746	***BV*** 530	Nguyễn Thị Oanh	12/04/1989	Tây Đằng	Ba Vì	100	
747	***BV*** 531	Trần Thị Thu Hường	10/12/1993	Tây Đằng	Ba Vì	100	
748	***BV*** 532	Phùng Thị Thuý	15/02/1991	Tây Đằng	Ba Vì	100	
749	***BV*** 533	Mai Thị Thắm	16/06/1992	Tây Đằng	Ba Vì	100	
750	***BV*** 534	Phùng Thị Thúy Điểm	11/10/1986	Thái Hòa	Ba Vì	100	
751	***BV*** 535	Phùng Thị Chung	12/10/1989	Thái Hòa	Ba Vì	100	
752	***BV*** 536	Phùng Thị Minh	20/8/1972	Thái Hòa	Ba Vì	100	
753	***BV*** 537	Chu Thị Duyên	02/11/1991	Thái Hòa	Ba Vì	100	
754	***BV*** 538	Vũ Thị Khuyến	22/4/1983	Thái Hòa	Ba Vì	100	
755	***BV*** 539	Bùi Thị Thu Hoài	26/01/1985	Thái Hòa	Ba Vì	100	
756	***BV*** 540	Nguyễn Thị Thúy Hằng	11/8/1977	Thái Hòa	Ba Vì	100	
757	***BV*** 541	Chu Thị Quyên	24/12/1971	Thái Hòa	Ba Vì	100	
758	***BV*** 542	Phùng Thị Lý	08/10/1990	Thái Hòa	Ba Vì	100	
759	***BV*** 543	Trần Thùy Linh	08/8/1991	Thái Hòa	Ba Vì	100	
760	***BV*** 544	Hà Thị Thanh Thiện	19/10/1990	Thái Hòa	Ba Vì	100	
761	***BV*** 545	Thiều Thị Thúy Vân	22/7/1994	Thái Hòa	Ba Vì	100	
762	***BV*** 546	Phùng Thị Thu Thủy	05/5/1992	Thái Hòa	Ba Vì	100	
763	***BV*** 547	Phùng Thị Kim Luyện	21/8/1978	Thái Hòa	Ba Vì	100	
764	***BV*** 548	Phùng Thị Khánh Ly	14/8/1989	Thái Hòa	Ba Vì	100	
765	***BV*** 549	Bùi Thị Thanh	24/10/1994	Thái Hòa	Ba Vì	100	
766	***BV*** 550	Phùng Thị Vấn	07/10/1990	Thái Hòa	Ba Vì	100	
767	***BV*** 551	Nguyễn Thị Mỹ Lan	02/02/1977	Thái Hòa	Ba Vì	100	
768	***BV*** 552	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/10/1976	Thái Hòa	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
769	***BV*** 553	Phạm Thị Huy	14/06/1975	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
770	***BV*** 554	Lương Thị Hòa	10/10/1973	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
771	***BV*** 555	Nguyễn Thị Tuyết	18/10/1988	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
772	***BV*** 556	Nguyễn Thị Hồng	03/05/1974	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
773	***BV*** 557	Phạm Thị Hồng Thắm	22/04/1992	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
774	***BV*** 558	Phạm Thị Duyên	02/05/1993	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
775	***BV*** 559	Vũ Thị Đào	12/12/1989	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
776	***BV*** 560	Vũ Thị Kim Oanh	06/07/1991	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
777	***BV*** 561	Nguyễn Thị Hiền	24/12/1994	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
778	***BV*** 562	Phùng Thị Lan Phương	20/11/1992	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
779	***BV*** 563	Phạm Thị Hạnh	23/07/1994	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
780	***BV*** 564	Lương Thị Vân	16/10/1990	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
781	***BV*** 565	Nguyễn Thị Yến	19/12/1983	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
782	***BV*** 566	Hoàng Thị Hường	11/03/1991	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
783	***BV*** 567	Nguyễn Thị Phượng	02/07/1984	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
784	***BV*** 568	Nguyễn Thị Quý	05/11/1983	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
785	***BV*** 569	Trần Thị Ánh Hồng	08/06/1994	Thuần Mỹ	Ba Vì	100	
786	***BV*** 570	Nguyễn Thị Hải Yến	27/3/1969	Thụy An	Ba Vì	100	
787	***BV*** 571	Đoàn Thị Hiền	30/11/1981	Thụy An	Ba Vì	100	
788	***BV*** 572	Nguyễn T.Minh Nguyệt	15/7/1983	Thụy An	Ba Vì	100	
789	***BV*** 573	Lê Thị Hà	20/11/1981	Thụy An	Ba Vì	100	
790	***BV*** 574	Đỗ Thị Điệp	17/7/1991	Thụy An	Ba Vì	100	
791	***BV*** 575	Đỗ Thị Phan Giang	23/4/1991	Thụy An	Ba Vì	100	
792	***BV*** 576	Phan Thị Hằng	4/2/1975	Thụy An	Ba Vì	100	
793	***BV*** 577	Đỗ Thị Thanh Thủy	27/8/1982	Thụy An	Ba Vì	100	
794	***BV*** 578	Nguyễn Thị Lương	30/11/1984	Thụy An	Ba Vì	100	
795	***BV*** 579	Lương Thị Hương	10/7/1983	Thụy An	Ba Vì	100	
796	***BV*** 580	Đặng Thị Được	18/2/1983	Thụy An	Ba Vì	100	
797	***BV*** 581	Nguyễn Thị Liên	2/10/1987	Thụy An	Ba Vì	100	
798	***BV*** 582	Nguyễn Thị Mười	29/8/1985	Thụy An	Ba Vì	100	
799	***BV*** 583	Chu Thị Hảo	28/3/1986	Thụy An	Ba Vì	100	
800	***BV*** 584	Ngô Thị Hiếu	16/6/1982	Thụy An	Ba Vì	100	
801	***BV*** 585	Nguyễn Thị Dung A	18/3/1986	Thụy An	Ba Vì	100	
802	***BV*** 586	Đỗ Thị Phượng	6/11/1994	Thụy An	Ba Vì	100	
803	***BV*** 587	Nguyễn Thị Hương	2/8/1987	Thụy An	Ba Vì	100	
804	***BV*** 588	Nguyễn Thị Kim Liên	6/8/1990	Thụy An	Ba Vì	100	
805	***BV*** 589	Hà Thị Phương	10/7/1986	Thụy An	Ba Vì	100	
806	***BV*** 590	Lã Thị Phương Thảo	14/4/1987	Thụy An	Ba Vì	100	
807	***BV*** 591	Phạm Thị Phương Anh	14/04/1969	Tiên Phong	Ba Vì	100	
808	***BV*** 592	Trần Thị Tư	27/12/1971	Tiên Phong	Ba Vì	100	
809	***BV*** 593	Đỗ Thị Nhàn	18/9/1972	Tiên Phong	Ba Vì	100	
810	***BV*** 594	Đỗ Thị Sinh	26/09/1977	Tiên Phong	Ba Vì	100	
811	***BV*** 595	Trần Thị Thu Hà	11/07/1988	Tiên Phong	Ba Vì	100	
812	***BV*** 596	Lương Thị Lệ Thủy	15/08/1987	Tiên Phong	Ba Vì	100	
813	***BV*** 597	Trần Thị Minh Lý	28/06/1991	Tiên Phong	Ba Vì	100	
814	***BV*** 598	Phạm Thị Nguyệt	29/09/1974	Tiên Phong	Ba Vì	100	
815	***BV*** 599	Trần Thị Lý	3/02/1982	Tiên Phong	Ba Vì	100	
816	***BV*** 600	Phùng Thị Thanh	19/07/1985	Tiên Phong	Ba Vì	100	
817	***BV*** 601	Lê Thị Xuân Quỳnh	4/06/1984	Tiên Phong	Ba Vì	100	
818	***BV*** 602	Phương Phương Thảo	28/10/1994	Tiên Phong	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
819	***BV*** 603	Nghĩa Thị Vân Anh	14/07/1986	Tiên Phong	Ba Vì	100	
820	***BV*** 604	Phùng Thị Hoàn	1/10/1989	Tiên Phong	Ba Vì	100	
821	***BV*** 605	Nguyễn Thị Thanh	27/09/1993	Tiên Phong	Ba Vì	100	
822	***BV*** 606	Nguyễn Thị Hồng Tươi	24/09/1988	Tiên Phong	Ba Vì	100	
823	***BV*** 607	Nghiêm Thị Hằng	26/09/1994	Tiên Phong	Ba Vì	100	
824	***BV*** 608	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/10/1992	Tiên Phong	Ba Vì	100	
825	***BV*** 609	Trần Thị Thu	09/10/1979	Tiên Phong	Ba Vì	100	
826	***BV*** 610	Nguyễn Thị Hồng Mai	18/11/1986	Tiên Phong	Ba Vì	100	
827	***BV*** 611	Chu Thị Chiến	2/6/1976	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
828	***BV*** 612	Lê Thị Tâm	29/1/1973	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
829	***BV*** 613	Phùng Thị Thúy	15/11/1979	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
830	***BV*** 614	Chu Thị Duyên	4/7/1980	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
831	***BV*** 615	Lương Thị Tuyến	31/5/1983	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
832	***BV*** 616	Khương Thị Tuyết	7/7/1991	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
833	***BV*** 617	Phan Thị Luyến	10/9/1988	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
834	***BV*** 618	Đào Thị Nhung	1/1/1986	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
835	***BV*** 619	Nguyễn Thị Ngát	3/9/1980	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
836	***BV*** 620	Dương Thị Phúc	2/12/1989	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
837	***BV*** 621	Phan Thị Vịnh	30/6/1994	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
838	***BV*** 622	Phùng Thị Hạnh	1/3/1987	Tòng Bạt	Ba Vì	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm vào GVMN Hạng III (mã số V07.02.26)
839	***BV*** 623	Trần Thanh Mai	19/8/1989	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
840	***BV*** 624	Dương Thị Xuân	25/6/1976	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
841	***BV*** 625	Dương Thị Lan	26/6/1980	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
842	***BV*** 626	Phương Thị Kim Thoa	1/2/1994	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
843	***BV*** 627	Nguyễn Thị Như Hằng	6/7/1991	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
844	***BV*** 628	Nguyễn Thị Thảo	6/11/1988	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
845	***BV*** 629	Phạm Thị Hường	9/6/1985	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
846	***BV*** 630	Nguyễn Thị Hòa	11/9/1989	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
847	***BV*** 631	Phạm Thị Thu Thủy	31/5/1988	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
848	***BV*** 632	Nguyễn Thị Loan	16/11/1987	Tòng Bạt	Ba Vì	100	
849	***BV*** 633	Hoàng Nhật Lệ	17/10/1968	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
850	***BV*** 634	Bùi Thị Thu Hằng	15/10/1979	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
851	***BV*** 635	Nguyễn Thị Thu Phương	2/7/1984	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
852	***BV*** 636	Đặng Thị Thanh Huyền	11/18/1992	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
853	***BV*** 637	Đinh Thị Oanh	8/7/1986	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
854	***BV*** 638	Phạm Thị Thúy Vân	20/02/1985	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
855	***BV*** 639	Nguyễn Thi Mai Oanh	19/6/1982	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
856	***BV*** 640	Phạm Thị Loan	15/6/1985	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
857	***BV*** 641	Phùng Thị Hương	27/12/1982	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
858	***BV*** 642	Kiều Thị Thu Giang	26/06/1981	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
859	***BV*** 643	Hoàng Thị Huyền Anh	08/02/1988	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
860	***BV*** 644	Phan Thu Đông	13/08/1985	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
861	***BV*** 645	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/12/1990	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
862	***BV*** 646	Ngô Thị Điệp	07/11/1989	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
863	***BV*** 647	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/04/1992	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
864	***BV*** 648	Hoàng Thị Minh Hằng	05/03/1968	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
865	***BV*** 649	Phan Mỹ Lệ	20/11/1979	TTNC Bò& Đ.cỏ	Ba Vì	100	
866	***BV*** 650	Nguyễn Thị Hồng	4/12/1971	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
867	***BV*** 651	Ngô Thị Tuyên	1/9/1980	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
868	***BV*** 652	Hà Thị Minh Phúc	22/03/1980	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
869	***BV*** 653	Nguyễn Thị Chinh	1/7/1991	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
870	***BV*** 654	Hà Thị Thu Hằng	28/08/1982	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
871	***BV*** 655	Nguyễn Thị Huệ	12/12/1989	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
872	***BV*** 656	Bùi Quỳnh Giao	7/10/1988	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
873	***BV*** 657	Đinh Thị Yến	10/8/1983	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
874	***BV*** 658	Nguyễn Thị Quỳnh	30/08/1992	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
875	***BV*** 659	Nguyễn Thị Thu	15/04/1985	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
876	***BV*** 660	Bùi Thị Huyền	8/7/1989	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
877	***BV*** 661	Nguyễn Thị Lợi	12/5/1988	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
878	***BV*** 662	Nguyễn Thị Hòa	10/4/1990	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
879	***BV*** 663	Bùi Thị Lan Anh	10/6/1991	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
880	***BV*** 664	Nguyễn Thị Tình	1/5/1981	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
881	***BV*** 665	Bùi Thị Hồng Trang	16/08/1987	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
882	***BV*** 666	Nguyễn Thị Cúc	26/06/1993	Vân Hòa A	Ba Vì	100	
883	***BV*** 667	Lê Thị Hồng Kết	18/3/1976	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
884	***BV*** 668	Khuất Thị Thịnh	14/10/1968	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
885	***BV*** 669	Phương Hồng	30/3/1981	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
886	***BV*** 670	Nguyễn Thị Nga	11/4/1990	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
887	***BV*** 671	Nguyễn T. Thanh Hường	05/11/1989	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
888	***BV*** 672	Hoàng Thị Thu Hương	12/5/1988	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
889	***BV*** 673	Nguyễn Thị Hiến	25/11/1980	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
890	***BV*** 674	Vũ Thị Thanh	23/8/1992	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
891	***BV*** 675	Nguyễn Thị Vân Trang	04/7/1987	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
892	***BV*** 676	Đinh Thị Ninh	05/11/1991	Vân Hòa B	Ba Vì	100	
893	***BV*** 677	Trần Thị Nga	13/4/1968	Vạn Thắng	Ba Vì	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm vào GVMN Hạng III (mã số V07.02.26)
894	***BV*** 678	Phương Thị Sáu	13/12/1971	Vạn Thắng	Ba Vì	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm vào GVMN Hạng III (mã số V07.02.26)
895	***BV*** 679	Phùng Thị Thanh Hải	1/11/1969	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
896	***BV*** 680	Lê Thị Bích Hồng	24/10/1974	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
897	***BV*** 681	Hoàng Thị Bích Thảo	14/6/1990	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
898	***BV*** 682	Nguyễn Thị Hồng Tươi	18/3/1985	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
899	***BV*** 683	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	27/08/1988	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
900	***BV*** 684	Hoàng Thị Thủy	20/10/1986	Vạn Thắng	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
901	***BV*** 685	Trần Thị Nhung	21/01/1991	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
902	***BV*** 686	Nguyễn Thị Yến	26/10/1991	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
903	***BV*** 687	Hoàng Thị Khanh	12/3/1982	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
904	***BV*** 688	Hoàng Thị Ngọc Trâm	22/7/1994	Vạn Thắng	Ba Vì	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
905	***BV*** 689	Chu Thị Hương Giang	7/1/1975	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
906	***BV*** 690	Nguyễn Thị Huyền Trang	4/6/1992	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
907	***BV*** 691	Lê Thị Ngọc Bích	10/4/1987	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
908	***BV*** 692	Trần Thị Thanh Tâm	17/2/1992	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
909	***BV*** 693	Đỗ Thị Thanh	10/4/1986	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
910	***BV*** 694	Nguyễn Thị Cúc	1/1/1989	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
911	***BV*** 695	Đỗ Thị Diễn	14/8/1991	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
912	***BV*** 696	Lê Thị Hải Vân	27/10/1981	Vạn Thắng	Ba Vì	85	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
913	***BV*** 697	Chu Thị Vân	11/12/1981	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
914	***BV*** 698	Phùng Thị Minh Phương	22/1/1992	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
915	***BV*** 699	Phan Thị Kim Oanh	5/12/1973	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
916	***BV*** 700	Lê Thị Hiến	3/12/1975	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
917	***BV*** 701	Đỗ Thị Xứng	12/8/1978	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
918	***BV*** 702	Nguyễn Thị Huệ	23/7/1982	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
919	***BV*** 703	Nguyễn Thị Kim Dung	1/3/1988	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
920	***BV*** 704	Nguyễn Thị Lam	27/11/1989	Vạn Thắng	Ba Vì	100	
921	***BV*** 705	Đặng Minh Huệ	28/02/1976	Vật Lại	Ba Vì	100	
922	***BV*** 706	Chu Thị Hạnh	11/09/1977	Vật Lại	Ba Vì	100	
923	***BV*** 707	Nguyễn Thị Thơm	16/12/1969	Vật Lại	Ba Vì	100	
924	***BV*** 708	Trần Thị Anh	07/06/1976	Vật Lại	Ba Vì	100	
925	***BV*** 709	Đặng Thị Thanh	09/08/1987	Vật Lại	Ba Vì	100	
926	***BV*** 710	Đỗ Thị Thơm	19/11/1989	Vật Lại	Ba Vì	100	
927	***BV*** 711	Lý Thị Niềm	24/09/1983	Vật Lại	Ba Vì	100	
928	***BV*** 712	Chu Thị Phương	01/07/1983	Vật Lại	Ba Vì	100	
929	***BV*** 713	Phùng Thị Hải	18/10/1985	Vật Lại	Ba Vì	100	
930	***BV*** 714	Đặng Thị Hiền	06/02/1993	Vật Lại	Ba Vì	100	
931	***BV*** 715	Phùng Thị Nhung	03/12/1992	Vật Lại	Ba Vì	100	
932	***BV*** 716	Lê Thị Thanh Hà	15/06/1987	Vật Lại	Ba Vì	100	
933	***BV*** 717	Nguyễn Thị Hồng Loan	24/11/1989	Vật Lại	Ba Vì	100	
934	***BV*** 718	Phùng Thị Lý	06/12/1988	Vật Lại	Ba Vì	100	
935	***BV*** 719	Phùng Thị Hằng	21/08/1985	Vật Lại	Ba Vì	100	
936	***BV*** 720	Phùng Thị Ngọc Anh	04/10/1985	Vật Lại	Ba Vì	100	
937	***BV*** 721	Nguyễn Thị Hồng Thinh	04/11/1989	Vật Lại	Ba Vì	100	
938	***BV*** 722	Phùng Thị Mai	17/04/1970	Vật Lại	Ba Vì	100	
939	***BV*** 723	Đặng Thị Thanh Hải	09/01/1992	Vật Lại	Ba Vì	100	
940	***BV*** 724	Chu Thị Lan	06/04/1988	Vật Lại	Ba Vì	100	
941	***BV*** 725	Nguyễn Thị Tâm	05/07/1989	Vật Lại	Ba Vì	100	
942	***BV*** 726	Phùng Thị Nga	13/11/1978	Vật Lại	Ba Vì	100	
943	***BV*** 727	Chu Thị Hợp	10/11/1986	Vật Lại	Ba Vì	100	
944	***BV*** 728	Phùng Thị Viên	05/10/1993	Vật Lại	Ba Vì	100	
945	***BV*** 729	Phùng Thị Hồng	29/10/1991	Vật Lại	Ba Vì	100	
946	***BV*** 730	Phùng Thị Lê	11/05/1970	Vật Lại	Ba Vì	100	
947	***BV*** 731	Phùng Thị Thoa	02/10/1972	Vật Lại	Ba Vì	100	
948	***BV*** 732	Chu Thị Xuyến	03/09/1977	Vật Lại	Ba Vì	100	
949	***BV*** 733	Phùng Thị Tâm	10/10/1980	Vật Lại	Ba Vì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
950	***BV*** 734	Nguyễn Thị Phương Lan	02/07/1982	Vật Lại	Ba Vì	100	
951	***BV*** 735	Nguyễn Thị Thanh Thủy	23/01/1983	Vật Lại	Ba Vì	100	
952	***BV*** 736	Chu Thị Hồng	25/09/1983	Vật Lại	Ba Vì	100	
953	***BV*** 737	Hoàng Thị Ánh	10/06/1984	Vật Lại	Ba Vì	100	
954	***BV*** 738	Hoàng Thị Yên	01/11/1985	Vật Lại	Ba Vì	100	
955	***BV*** 739	Nguyễn Thị Nhàn	12/8/1978	Yên Bài A	Ba Vì	100	
956	***BV*** 740	Man Thị Đoàn	12/2/1972	Yên Bài A	Ba Vì	100	
957	***BV*** 741	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	30/05/1979	Yên Bài A	Ba Vì	100	
958	***BV*** 742	Nguyễn Thị Hạnh	18/02/1979	Yên Bài A	Ba Vì	100	
959	***BV*** 743	Đinh Thị Thu Hoài	1/3/1983	Yên Bài A	Ba Vì	100	
960	***BV*** 744	Đỗ Thị Kim Cúc	3/4/1986	Yên Bài A	Ba Vì	100	
961	***BV*** 745	Nguyễn Thị Hà	22/07/1991	Yên Bài A	Ba Vì	100	
962	***BV*** 746	Lê Thị Hợp	14/09/1983	Yên Bài A	Ba Vì	100	
963	***BV*** 747	Nguyễn Thị Thư	10/12/1992	Yên Bài A	Ba Vì	100	
964	***BV*** 748	Lê Thị Hải	26/03/1989	Yên Bài A	Ba Vì	100	
965	***BV*** 749	Nguyễn Thị Nhàn	12/9/1986	Yên Bài A	Ba Vì	100	
966	***BV*** 750	Nguyễn Thị Huyền	12/9/1984	Yên Bài A	Ba Vì	100	
967	***BV*** 751	Hoàng Thị Tứ	1/9/1991	Yên Bài A	Ba Vì	100	
968	***BV*** 752	Đặng Thị Hạnh	13/09/1982	Yên Bài A	Ba Vì	100	
969	***BV*** 753	Kiều Thị Hồng Ngọc	22/02/1989	Yên Bài A	Ba Vì	100	
970	***BV*** 754	Nguyễn Thị Khuyên	15/01/1992	Yên Bài A	Ba Vì	100	
971	***BV*** 755	Nguyễn Thị Thịnh	22/05/1976	Yên Bài A	Ba Vì	100	
972	***BV*** 756	Nguyễn Thị Nụ	30/12/1990	Yên Bài A	Ba Vì	100	
973	***BV*** 757	Phan Thị Ơn	09/01/1971	Yên Bài B	Ba Vì	100	
974	***BV*** 758	Phan Thị Hiền Thục	23/04/1981	Yên Bài B	Ba Vì	100	
975	***BV*** 759	Đào Thu Hương	21/05/1983	Yên Bài B	Ba Vì	100	
976	***BV*** 760	Phạm Thị Phương Hảo	15/07/1991	Yên Bài B	Ba Vì	100	
977	***BV*** 761	Mạc Thị Thảo	28/06/1984	Yên Bài B	Ba Vì	100	
978	***BV*** 762	Ngô Thị Vân	18/02/1991	Yên Bài B	Ba Vì	100	
979	***BV*** 763	Nguyễn Thị Hiếu	26/09/1993	Yên Bài B	Ba Vì	100	
980	***BV*** 764	Phùng Thị Phương Lan	02/01/1987	Yên Bài B	Ba Vì	100	
981	***BV*** 765	Hoàng Thị Nhung	05/04/1992	Yên Bài B	Ba Vì	100	
982	***BV*** 766	Nguyễn Thu Thùy	27/06/1988	Yên Bài B	Ba Vì	100	
983	***BV*** 767	Nguyễn Thị Loan	01/08/1984	Yên Bài B	Ba Vì	100	
984	***BV*** 768	Nguyễn Thị Thu Thường	16/09/1973	Yên Bài B	Ba Vì	100	
985	**BL**001	Nguyễn Thị Mai	8/5/1971	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
986	**BL**002	Đỗ Thị Yến	11/8/1981	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
987	**BL**003	Nguyễn Thị Bích Nhuận	4/10/1976	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
988	**BL**004	Nguyễn Thị Tuyết	8/5/1971	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
989	**BL**005	Đinh Thị Mến	10/4/1987	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
990	**BL**006	Nguyễn Thị Hoa	9/25/1988	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
991	**BL**007	Nguyễn Thị Minh Phương	5/12/1983	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
992	**BL**008	Nguyễn Thu Trang	27/11/1993	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
993	**BL**009	Nguyễn Thị Thanh Thùy	7/14/1986	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
994	**BL**010	Nguyễn Thị Vân Anh	7/8/1979	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
995	**BL**011	Thân Thùy Linh	9/22/1992	Xuân Tảo B	Bắc T.Liêm	100	
996	**BL**012	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/12/1976	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
997	**BL**013	Nguyễn Ngọc Ánh	12/7/1980	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
998	**BL**014	Nguyễn Thị Thu Huyền	11/8/1982	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
999	**BL**015	Vũ Thị Lan	18/1/1979	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
1000	**BL**016	Ngô Thị Nga	08/02/1989	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
1001	**BL**017	Ma Thị Thả	26/9/1979	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
1002	**BL**018	Đào Thị Hằng	09/06/1981	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
1003	**BL**019	Nguyễn Thị Bích Huệ	4/7/1978	Xuân Đỉnh B	Bắc T.Liêm	100	
1004	**BL**020	Vũ Thị Gấm	2/22/1972	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1005	**BL**021	Hà Thị Hoa	10/11/1986	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1006	**BL**022	Lê Phương Thủy	21/10/1978	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1007	**BL**023	Nguyễn Thị Thủy	7/27/1976	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1008	**BL**024	Chu Thị Bích Chầm	9/1/1977	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1009	**BL**025	Nguyễn Thị Thu Hiền	3/7/1993	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1010	**BL**026	Nguyễn Thị Minh Hồng	4/4/1981	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1011	**BL**027	Nguyễn Thu Hường	12/7/1991	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1012	**BL**028	Phạm Thị Hường	1/7/1979	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1013	**BL**029	Vũ Thị Hằng	3/9/1979	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1014	**BL**030	Nguyễn Thị Hiếu	6/20/1979	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1015	**BL**031	Lê Thị Lệ Thủy	8/31/1977	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1016	**BL**032	Hoàng Thị Kim Dung	8/4/1975	Đông Ngạc A	Bắc T.Liêm	100	
1017	**BL**033	Phan Vũ Lan Anh	31/10/1976	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1018	**BL**034	Phương Thị Ngà	10/4/1980	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1019	**BL**035	Đoàn Thị Minh Tâm	31/12/1974	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1020	**BL**036	Nguyễn Thị Tâm	1/26/1979	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1021	**BL**037	Nguyễn Thị Vân Anh	5/6/1980	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1022	**BL**038	Nguyễn Thị Thanh Hòa	2/16/1980	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1023	**BL**039	Nguyễn Thanh Tuyền	12/8/1991	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1024	**BL**040	Nguyễn Thị Kim Xuân	3/26/1988	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1025	**BL**041	Hoàng Ngọc Ánh	11/6/1987	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1026	**BL**042	Nguyễn Thị Thanh Thùy	6/5/1992	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1027	**BL**043	Bùi Thị Giang	12/3/1984	Liên Mạc	Bắc T.Liêm	100	
1028	**BL**044	Lê Thị Hợi	4/27/1981	Cổ Nhuế 1	Bắc T.Liêm	100	
1029	**BL**045	Bùi Thị Bằng	2/23/1978	Cổ Nhuế 1	Bắc T.Liêm	100	
1030	**BL**046	Nguyễn Thị Xuân	10/3/1987	Cổ Nhuế 1	Bắc T.Liêm	100	
1031	**BL**047	Nguyễn Thị Lý	13/10/1978	Cổ Nhuế 1	Bắc T.Liêm	100	
1032	**BL**048	Nguyễn Thị Lý	6/23/1981	Cổ Nhuế 1	Bắc T.Liêm	100	
1033	**BL**049	Phan Thị Phương Lan	09/5/1976	Cổ Nhuế 1	Bắc T.Liêm	100	
1034	**BL**050	Nguyễn Thị Hiền	19/12/1979	Cổ Nhuế 1	Bắc T.Liêm	100	
1035	**BL**051	Nguyễn Thị Hà	30/6/1977	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1036	**BL**052	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/5/1976	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1037	**BL**053	Phạm Thị Mây	19/01/1987	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1038	**BL**054	Nguyễn Thị Huyền	30/8/1988	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1039	**BL**055	Nguyễn Thị Nguyệt	02/9/1987	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1040	**BL**056	Nguyễn Thị Ngọc Dung	10/10/1985	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1041	**BL**057	Đặng Thị Thanh Thủy	11/7/1987	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1042	**BL**058	Vương Thị Trinh Tuyết	12/9/1990	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1043	**BL**059	Vương Thùy Linh	14/3/1988	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1044	**BL**060	Nguyễn Thị Cúc	04/01/1993	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1045	**BL**061	Nguyễn Thị Hồng Hoàn	16/4/1991	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1046	**BL**062	Đinh Thị Tuyết Mai	29/12/1986	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1047	**BL**063	Nguyễn Thị Dung	12/12/1989	Phúc Lý	Bắc T.Liêm	100	
1048	**BL**064	Trần Thị Kim Thu	8/6/1974	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1049	**BL**065	Hoàng Thị Hợp	1/12/1979	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1050	**BL**066	Đỗ Thị Huyền Thúy	3/22/1977	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1051	**BL**067	Phạm Thị Hà	2/15/1981	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1052	**BL**068	Lại Thị Mai Phong	4/24/1987	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1053	**BL**069	Nguyễn Thị Phương	2/19/1989	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1054	**BL**070	Lê Phương Thúy	2/2/1992	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1055	**BL**071	Nguyễn Hồng Thúy	7/22/1993	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1056	**BL**072	Nguyễn Thị Thu Xuân	9/30/1990	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1057	**BL**073	Nguyễn Thị Thùy	10/11/1986	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1058	**BL**074	Lại Thị Thúy Quỳnh	12/7/1982	Đông Ngạc B	Bắc T.Liêm	100	
1059	**BL**075	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/12/1973	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1060	**BL**076	Phan Thị Xuân Hương	5/21/1969	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1061	**BL**077	Đỗ Thị Kim Ngân	21/10/1985	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1062	**BL**078	Nông Thanh Thủy	5/14/1992	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1063	**BL**079	Phạm Thị Tươi	9/12/1988	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1064	**BL**080	Nguyễn Phương Lan	30/12/1990	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1065	**BL**081	Nguyễn Thị Vân	9/12/1991	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1066	**BL**082	Vũ Thị Huệ	6/21/1981	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1067	**BL**083	Đỗ Thị Mậu	6/26/1988	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1068	**BL**084	Bùi Thị Minh Xuân	5/15/1981	Xuân Tảo	Bắc T.Liêm	100	
1069	**BL**085	Trần Thị Kim Yến	18/5/1969	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1070	**BL**086	Nguyễn Thị Thúy Hương	9/4/1979	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1071	**BL**087	Đỗ Thị Bích Ngọc	20/11/1981	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1072	**BL**088	Nguyễn Thị Thu Hà	17/4/1985	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1073	**BL**089	Đàm Thị Kim	28/6/1981	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1074	**BL**090	Nguyễn Thanh Hương	11/12/1981	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1075	**BL**091	Vũ Thị Như Hoa	26/4/1981	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1076	**BL**092	Nguyễn Thị Minh Thực	25/10/1973	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1077	**BL**093	Đái Thị Yến Trang	15/5/1987	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1078	**BL**094	Lê Thị Hồng Liên	13/8/1991	Tây Tựu	Bắc T.Liêm	100	
1079	**BL**095	Đỗ Thị Thu Hằng	10/5/1970	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1080	**BL**096	Bùi Bích Thảo	4/20/1980	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1081	**BL**097	Nghiêm Thị Toàn	10/4/1978	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1082	**BL**098	Đoàn Thị Thanh	8/26/1977	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1083	**BL**099	Lê Thị Thu Huyền	1/2/1983	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1084	**BL**100	Chu Thị Minh Thủy	9/27/1986	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1085	**BL**101	Vương Thị Bích	1/2/1994	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1086	**BL**102	Nguyễn Thị Huệ	20/12/1981	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1087	**BL**103	Nguyễn Thúy Hằng	4/6/1981	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1088	**BL**104	Lường Thị Nga	2/20/1990	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1089	**BL**105	Vũ Thị Nhung	24/10/1989	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1090	**BL**106	Nguyễn Thị Ánh Thu	8/13/1973	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1091	**BL**107	Ngô Thị Anh	5/18/1984	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1092	**BL**108	Đặng Thị Thúy Hạnh	2/4/1978	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1093	**BL**109	Lưu Thị Thiên Lý	7/8/1971	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1094	**BL**110	Đặng Thị Thu Hà	13/051972	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1095	**BL**111	Vũ Thị Bằng	2/4/1979	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	
1096	**BL**112	Đặng Thị Huệ	6/21/1980	Cổ Nhuế 2	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1097	**BL**113	Nguyễn Việt Nga	6/7/1976	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1098	**BL**114	Nguyễn Thị Lý	2/9/1984	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1099	**BL**115	Nguyễn Thị Hoa	4/8/1981	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1100	**BL**116	Phí Thị Thanh	1/19/1977	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1101	**BL**117	Tạ Thị Thanh	23/11/1990	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1102	**BL**118	Nguyễn Thị Ngọc Anh	6/7/1984	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1103	**BL**119	Vương Thị Mỹ Dung	10/11/1989	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1104	**BL**120	Nguyễn Thị Hà	9/15/1981	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1105	**BL**121	Nguyễn Thị Lan Hương	8/16/1990	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1106	**BL**122	Đỗ Thị Ngọc Ánh	4/8/1992	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1107	**BL**123	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	23/11/1990	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1108	**BL**124	Nguyễn Thanh Thủy	3/2/1981	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1109	**BL**125	Lê Thị Phương Lan	3/17/1993	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1110	**BL**126	Trần Thị Kim Oanh	24/12/1984	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1111	**BL**127	Nguyễn Thị Hường	7/11/1994	Kiều Mai	Bắc T.Liêm	100	
1112	**BL**128	Nguyễn Kim Quy	4/12/1980	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1113	**BL**129	Lê Thị Luận	6/3/1984	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1114	**BL**130	Đinh Thu Thảo	16/9/1992	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1115	**BL**131	Trần Thị Thu Trang	20/5/1986	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1116	**BL**132	Hoàng Thị Trang	27/12/1986	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1117	**BL**133	Nguyễn Thị Chanh	5/10/1989	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1118	**BL**134	Hoàng Thị Hiền	3/5/1992	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1119	**BL**135	Nguyễn Thị Hằng	5/10/1991	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1120	**BL**136	Văn Thị Liên	15/10/1989	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1121	**BL**137	Mai Thu Trang	2/9/1985	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	
1122	**BL**138	Hoàng Thị Vỹ	26/2/1992	Phú Diễn A	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1123	**BL**139	Nguyễn Thị Kim Dung	25/12/1968	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1124	**BL**140	Nguyễn Thị Bích Hà	5/27/1981	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1125	**BL**141	Nguyễn Thị Tố Uyên	1/14/1976	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1126	**BL**142	Dương Thùy Dung	8/24/1991	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1127	**BL**143	Nguyễn Ngọc Tuyến	3/15/1979	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1128	**BL**144	Nguyễn Minh Giang	5/31/1992	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1129	**BL**145	Nguyễn Thị Thanh Hương	11/4/1986	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1130	**BL**146	Nguyễn Thị Hiền	14/12/1989	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1131	**BL**147	Tạ Thị Tư	7/13/1993	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1132	**BL**148	Trần Thu Phương	22/10/1992	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1133	**BL**149	Lê Thị Hằng	6/24/1984	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1134	**BL**150	Lê Thị Hường	6/15/1983	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1135	**BL**151	Trần Thị Thu Hằng	2/2/1984	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1136	**BL**152	Nguyễn Thủy Tiên	1/25/1990	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1137	**BL**153	Phan Thanh Thủy	1/30/1974	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1138	**BL**154	Lê Thị Vân	1/1/1985	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1139	**BL**155	Ngô Thị Mai	11/2/1983	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1140	**BL**156	Nguyễn Thu Hà	9/14/1981	Xuân Đỉnh A	Bắc T.Liêm	100	
1141	**BL**157	Vũ Thị Mậu	11/8/1974	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1142	**BL**158	Nguyễn Thị Minh Đức	24/3/1982	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1143	**BL**159	Nguyễn Thị Minh Hạnh	24/12/1976	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1144	**BL**160	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2/5/1982	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1145	**BL**161	Trần Thị Tuyền	26/10/1973	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1146	**BL**162	Lê Thu Hương	31/10/1982	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1147	**BL**163	Phạm Thị Ánh Tuyết	12/2/1980	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1148	**BL**164	Nguyễn Thị Hiền	6/8/1985	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1149	**BL**165	Nguyễn Thị Thìn	18/7/1988	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1150	**BL**166	Nguyễn Thị Hà	14/4/1991	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1151	**BL**167	Đặng Huyền Trang	12/12/1987	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1152	**BL**168	Nguyễn Thị Vân Anh	9/11/1990	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1153	**BL**169	Vũ Thị Cúc	10/8/1991	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1154	**BL**170	Nguyễn Thị Thủy	8/3/1991	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1155	**BL**171	Trần Thị Thùy Dương	23/7/1979	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1156	**BL**172	Nguyễn Thị Phương	1/1/1990	Hồ Tùng Mậu	Bắc T.Liêm	100	
1157	**BL**173	Nguyễn Thị Minh Tâm	10/9/1979	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1158	**BL**174	Nguyễn Thu Huyền	21/9/1990	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1159	**BL**175	Chu Thị Lan	10/7/1988	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1160	**BL**176	Vương Thị Minh Thảo	30/1/1979	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1161	**BL**177	Nguyễn Thị Thu Hương	2/28/1980	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1162	**BL**178	Nguyễn Thị Hạnh	18/8/1980	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1163	**BL**179	Nguyễn Thị Phương	20/3/1984	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1164	**BL**180	Nguyễn Thị Phương Lan	10/3/1985	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1165	**BL**181	Nguyễn Thị Minh Hải	1/16/1990	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1166	**BL**182	Nguyễn Kim Dung	19/11/1989	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1167	**BL**183	Phạm Thị Hảo	4/3/1990	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1168	**BL**184	Hà Thị Thu Thúy	1/10/1987	Phú Minh	Bắc T.Liêm	100	
1169	**BL**185	Văn Thị Anh Đào	12/1/1979	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1170	**BL**186	Lê Thị Huế	11/7/1977	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1171	**BL**187	Nguyễn Thị Minh Phương	20/12/1991	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1172	**BL**188	Chu Thị Thúy Hằng	11/12/1983	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1173	**BL**189	Đặng Thị Nguyệt	15/11/1985	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1174	**BL**190	Hoàng Thị Nhuận	1/16/1981	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1175	**BL**191	Nguyễn Thu Thủy	30/10/1982	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1176	**BL**192	Nguyễn Thùy Dung	6/28/1983	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1177	**BL**193	Nguyễn Thị Hòa	23/10/1990	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1178	**BL**194	Chu Thị Minh Chung	27.9.1986	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1179	**BL**195	Cao Thị Kim Oanh	27.2.1977	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1180	**BL**196	Vũ Thị Toan	9.12.1976	Phú Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1181	**BL**197	Đặng Thị Hồng Minh	10.4.1977	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1182	**BL**198	Vương Thị Anh	07.11.1984	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1183	**BL**199	Nguyễn Thị Lan Phương	25.7.1985	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1184	**BL**200	Nguyễn Thanh Hà	03/7.1978	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1185	**BL**201	Công Thị Huệ	23.12.1988	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1186	**BL**202	Nguyễn Thị Liên	18.12.1994	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1187	**BL**203	Nguyễn Thị Nga Mi	30.10.1993	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1188	**BL**204	Nguyễn Thị Kim Oanh	25.01.1992	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1189	**BL**205	Nguyễn Thị Kiên	25.09.1985	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1190	**BL**206	Trịnh Thị Thu Thảo	19.11.1985	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1191	**BL**207	Nguyễn Phương Mỹ	25.08.1992	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1192	**BL**208	Trần Thị Nhàn	14.06.1984	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1193	**BL**209	Đỗ Thị Thanh Dung	05.10.1985	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1194	**BL**210	Nguyễn Thị Thu	13.10.1990	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1195	**BL**211	Nguyễn Thị Mùi Nhật	06.07.1982	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1196	**BL**212	Tự Thị Cúc	29.11.1991	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1197	**BL**213	Vũ Thúy Hằng	01.03.1980	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1198	**BL**214	Nguyễn Thị Phượng	26.02.1971	Minh Khai	Bắc T.Liêm	100	
1199	**BL**215	Nguyễn Thị Thu Hương	2/1/1981	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1200	**BL**216	Chu Thị Minh Thúy	5/22/1978	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1201	**BL**217	Trần Thị Hương Giang	21/11/1992	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1202	**BL**218	Vũ Thị Bích Ngọc	21/12/1987	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1203	**BL**219	Tô Thị Minh Thu	13/10/1977	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1204	**BL**220	Nguyễn Thị Thu Huyên	21/12/1976	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1205	**BL**221	Đoàn Thị Chung	26/12/1986	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1206	**BL**222	Lê Thu Cúc	3/20/1992	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1207	**BL**223	Nguyễn Thị Doan	27/11/1992	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1208	**BL**224	Trần Thị Thu Hương	8/14/1988	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1209	**BL**225	Nguyễn Thị Thúy An	1/13/1991	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1210	**BL**226	Phí Thị Hường	7/16/1984	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1211	**BL**227	Nguyễn Thị Thúy	11/28/1981	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1212	**BL**228	Nguyễn Thị Thủy	3/1/1983	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1213	**BL**229	Nguyễn Thị Hằng Nga	11/7/1984	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1214	**BL**230	Hoàng Thị Phương Thuý	1/8/1991	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1215	**BL**231	Lê Thị Bạch Tuyết	8/30/1983	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1216	**BL**232	Đặng Thị Xuân	11/18/1975	Phúc Diễn	Bắc T.Liêm	100	
1217	**BL**233	Bùi Thị Kiều Anh	1/19/1979	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1218	**BL**234	Nguyễn Thị Thu Huyền	4/6/1979	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1219	**BL**235	Mai Thị Tân Tuyến	31/1/1983	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1220	**BL**236	Vũ Thị Vân Anh	5/29/1980	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1221	**BL**237	Tạ Thị Bích Hảo	15/12/1981	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1222	**BL**238	Đinh Thị Thanh Dung	26/11/1985	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1223	**BL**239	Nguyễn Thị Hiền	23/2/1972	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1224	**BL**240	Nguyễn Thị Hồng Vân	8/16/1977	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1225	**BL**241	Nguyễn Thị Hoàng Yến	5/3/1986	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1226	**BL**242	Đỗ Thị My	11/11/1981	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1227	**BL**243	Nguyễn Thị Huyền Lương	28/12/1988	Thụy Phương	Bắc T.Liêm	100	
1228	**BL**244	Nguyễn Thị Kim Chi	21/12/1979	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1229	**BL**245	Bùi Thị Thu Huyền	8/9/1976	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1230	**BL**246	Nguyễn Thị Ngà	1/31/1978	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1231	**BL**247	Hoàng Thị Quý	13/11/1985	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1232	**BL**248	Lê Thị Kim Oanh	28/10/1991	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1233	**BL**249	Trần Thị Hoa	28/11/1983	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1234	**BL**250	Đinh Thị Thanh Hòa	26/11/1985	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1235	**BL**251	Nguyễn Thị Loan	26/9/1989	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1236	**BL**252	Nguyễn Thị Yến	11/11/1984	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1237	**BL**253	Hoàng Thị Minh	2/9/1983	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1238	**BL**254	Thế Thị Hiền Lương	4/9/1985	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1239	**BL**255	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	4/22/1983	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1240	**BL**256	Trần Thị Hằng	3/1/1987	Thượng Cát	Bắc T.Liêm	100	
1241	***CG*** 001	Nguyễn Thị Hường	28/1/1982	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1242	***CG*** 002	Đào Thị Nhung	14/4/1991	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1243	***CG*** 003	Nguyễn Thanh Hà	14/4/1982	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1244	***CG*** 004	Nguyễn Thu Hiền	20/2/1983	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1245	***CG*** 005	Hà Thị Hiền	26/03/1988	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1246	***CG*** 006	Dương Thị Thu Hà	11/1/1976	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1247	***CG*** 007	Phùng Thị Quyên	12/3/1977	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1248	***CG*** 008	Nguyễn Thị Kim Lương	20/03/1977	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1249	***CG*** 009	Nguyễn Ngọc Quỳnh	11/25/1985	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1250	***CG*** 010	Nguyễn Thị Hạnh	26/1/1987	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1251	***CG*** 011	Phạm Như Trang	3/15/1979	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1252	***CG*** 012	Phạm Thị Hồng Hảo	5/12/1991	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1253	***CG*** 013	Nguyễn Thị Minh Huệ	7/6/1977	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1254	***CG*** 014	Vũ Thị Nguyệt	12/22/1990	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1255	***CG*** 015	Nguyễn Thúy Nga	21/05/1970	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1256	***CG*** 016	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/11/1982	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1257	***CG*** 017	Từ Thị Tuyết	9/13/1991	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1258	***CG*** 018	Nguyễn Thị Kim Chung	7/29/1986	Ánh Sao	Cầu Giấy	100	
1259	***CG*** 019	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/02/1972	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1260	***CG*** 020	Phạm Thị Minh Quý	08/02/1972	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1261	***CG*** 021	Nguyễn Thị Hồng Hà	14/8/1972	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1262	***CG*** 022	Phan Thị Thu Hương	18/10/1976	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1263	***CG*** 023	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/10/1978	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1264	***CG*** 024	Phạm Thị Thu Hằng	27/9/1977	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1265	***CG*** 025	Tạ Thúy Vân	15/8/1983	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1266	***CG*** 026	Nguyễn Thị Minh Thu	28/10/1983	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1267	***CG*** 027	Lê Thu Hường	28/11/1991	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1268	***CG*** 028	Phạm Thị Hương Trà	14/9/1979	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1269	***CG*** 029	Nguyễn Thị Hương Loan	24/8/1986	Dịch Vọng	Cầu Giấy	100	
1270	***CG*** 030	Ngô Thị Thu Phương	2/12/1982	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1271	***CG*** 031	Nguyễn Thị Thu Huyền	11/6/1988	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1272	***CG*** 032	Phạm Thị Quyên	7/30/1986	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1273	***CG*** 033	Nguyễn Thị Bích Thủy	2/24/1976	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1274	***CG*** 034	Trịnh Thị Dung	8/7/1985	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1275	***CG*** 035	Hà Thị Minh Huệ	8/22/1976	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1276	***CG*** 036	Nguyễn Thị Hồng Ánh	7/20/1983	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1277	***CG*** 037	Trần Thị Nguyệt	10/20/1988	Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	100	
1278	***CG*** 038	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/04/1981	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1279	***CG*** 039	Nguyễn Thị Thu Chung	12/10/1975	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1280	***CG*** 040	Phương Thị Quỳnh	11/01/1984	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1281	***CG*** 041	Phạm Thị Thắm	20/3/1985	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1282	***CG*** 042	Nguyễn Thị Như Hoa	10/3/1983	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1283	***CG*** 043	Nguyễn Thị Tâm	01/12/1984	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1284	***CG*** 044	Nguyễn Thị Dung	25/6/1980	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1285	***CG*** 045	Bùi Thị Thúy	09/12/1979	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1286	***CG*** 046	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/4/1979	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1287	***CG*** 047	Đỗ Thị Trang	06/8/1985	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1288	***CG*** 048	Đỗ Thị Phượng	11/7/1989	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1289	***CG*** 049	Nguyễn Thị Thanh Châm	28/12/1982	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1290	***CG*** 050	Trần Thị Yến	18/02/1987	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1291	***CG*** 051	Nguyễn Thị Minh Chính	17/12/1974	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1292	***CG*** 052	Nguyễn Thị Hường	26/4/1977	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1293	***CG*** 053	Đinh Thị Trịnh	15/02/1985	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1294	***CG*** 054	Đỗ Thị Hồng	29/9/1984	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1295	***CG*** 055	Vũ Thị Lan Anh	04/02/1991	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1296	***CG*** 056	Nguyễn Thị Hương	04/4/1974	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1297	***CG*** 057	Bạch Thị Hồng Hạnh	09/11/1986	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1298	***CG*** 058	Nguyễn Thị Thủy	01/3/1994	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1299	***CG*** 059	Trần Thị Thế	27/12/1988	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1300	***CG*** 060	Nguyễn Hồng Trang	16/10/1989	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1301	***CG*** 061	Bùi Sao Chi	23/9/1990	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1302	***CG*** 062	Nguyễn Thị Thanh Mai	18/05/1976	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1303	***CG*** 063	Phạm Thị Hảo	10/9/1981	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1304	***CG*** 064	Nguyễn Thị Hiền	10/10/1988	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1305	***CG*** 065	Nguyễn Thị Ngọc	13/12/1990	Hoa Hồng	Cầu Giấy	100	
1306	***CG*** 066	Trương Thị Ngọc Loan	09/7/1981	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1307	***CG*** 067	Trương Thị Nguyệt Anh	28/8/1978	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1308	***CG*** 068	Đinh Thị Minh Hường	7/11/1979	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1309	***CG*** 069	Nguyễn Thị Thùy Dương	06/2/1981	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1310	***CG*** 070	Phạm Thị Lý	02/01/1976	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1311	***CG*** 071	Phạm Thị Thanh Huyền	28/08/1979	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1312	***CG*** 072	Lê Thị Thúy Vân	01/01/1977	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1313	***CG*** 073	Đinh Thị Xuân Thúy	10/07/1991	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1314	***CG*** 074	Nguyễn Thị Hải Yên	28/01/1988	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1315	***CG*** 075	Nguyễn Thu Huyền Trang	11/01/1992	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1316	***CG*** 076	Nguyễn Thị Dung	03/01/1985	Hoa H.Dương	Cầu Giấy	100	
1317	***CG*** 077	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/11/1977	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1318	***CG*** 078	Nguyễn Thị Bích Vân	28/03/1980	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1319	***CG*** 079	Nguyễn Thị Phương	15/05/1979	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1320	***CG*** 080	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	27/10/1990	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1321	***CG*** 081	Nguyễn Thị Hằng	13/12/1973	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1322	***CG*** 082	Nguyễn Thị Hoa	07/03/1981	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1323	***CG*** 083	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/08/1981	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1324	***CG*** 084	Lê Thị Hồng Nhung	20/07/1987	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1325	***CG*** 085	Bùi Trần Phương Ninh	22/01/1980	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1326	***CG*** 086	Phạm Thị Thu Trang	12/12/1977	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1327	***CG*** 087	Bùi Thị Thanh Hoa	25/01/1982	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1328	***CG*** 088	Nguyễn Thị Hải Yến	05/10/1990	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1329	***CG*** 089	Nguyễn Thanh Nhu	12/01/1971	Hoa Mai	Cầu Giấy	100	
1330	***CG*** 090	An Thị Thanh Huyền	13/07/1978	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1331	***CG*** 091	Nguyễn Thị Thu Hà	23/05/1977	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1332	***CG*** 092	Đào Thị Thu Hòa	09/04/1981	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1333	***CG*** 093	Nguyễn Thị Phú	03/03/1981	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1334	***CG*** 094	Vũ Thị Nguyệt	23/07/1989	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1335	***CG*** 095	Trần Thị Thúy Oanh	17/11/1986	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1336	***CG*** 096	Dương Thị Thanh Hương	23/02/1984	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1337	***CG*** 097	Hoàng Đặng Tuyết Mây	04/11/1986	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1338	***CG*** 098	Nguyễn Thị Thu Huyền	17/10/1988	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1339	***CG*** 099	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	27/07/1990	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1340	***CG*** 100	Nguyễn Thị Huyền Ngoan	04/02/1994	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1341	***CG*** 101	Phạm Thị Khánh Chi	04/09/1987	Họa Mi	Cầu Giấy	100	
1342	***CG*** 102	Lê Thị Hồng Nhung	19/11/1980	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1343	***CG*** 103	Nguyễn Thị Vân Anh	20/09/1979	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1344	***CG*** 104	Nguyễn Thị Hảo	16/11/1990	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1345	***CG*** 105	Hoàng Thị Hồng Thắm	09/11/1980	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1346	***CG*** 106	Hoàng Thị Hương Giang	14/08/1981	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1347	***CG*** 107	Đầu Thị Huyền	22/12/1986	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1348	***CG*** 108	Lương Thị Thủy	21/04/1988	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1349	***CG*** 109	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/12/1990	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1350	***CG*** 110	Trần Thị Lan Anh	02/10/1986	Hoa Sen	Cầu Giấy	100	
1351	***CG*** 111	Nguyễn Thị Lệ Anh	01/12/1980	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1352	***CG*** 112	Lưu Thị Hương Ly	10/01/1980	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1353	***CG*** 113	Trịnh Thị Bích Mỵ	18/03/1983	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1354	***CG*** 114	Đinh Thị Thu Hương	08/10/1975	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1355	***CG*** 115	Lê Bích Liên	10/10/1984	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1356	***CG*** 116	Bùi Thị Ngọc Anh	01/09/1986	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1357	***CG*** 117	Lê Thị Kim Dung	18/02/1982	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1358	***CG*** 118	Phạm Minh Ngọc	18/11/1983	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1359	***CG*** 119	Nguyễn Thị Nga	13/08/1985	Mai Dịch	Cầu Giấy	100	
1360	***CG*** 120	Trần Thị Hường	23/10/1976	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1361	***CG*** 121	Văn Thị Thanh Phương	25/12/1980	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1362	***CG*** 122	Nguyễn Thị Xinh	16/6/1981	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1363	***CG*** 123	Phạm Thị Thủy	17/09/1977	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1364	***CG*** 124	Vũ Hồng Hạnh	26/08/1986	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1365	***CG*** 125	Bùi Thị Thu Thạo	09/11/1990	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1366	***CG*** 126	Đầu Thị Dung	13/01/1990	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1367	***CG*** 127	Phạm Thị Hà	29/5/1990	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1368	***CG*** 128	Nguyễn Thị Duyên	12/04/1984	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1369	***CG*** 129	Đỗ Thị Phương	26/07/1984	Nam Trung Yên	Cầu Giấy	100	
1370	***CG*** 130	Chu Thị Lan Anh	31/05/1981	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1371	***CG*** 131	Nguyễn Thị Vân Khánh	27/06/1985	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1372	***CG*** 132	Phạm Thị Kết	19/05/1986	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1373	***CG*** 133	Trần Thị Út	08/03/1974	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1374	***CG*** 134	Nguyễn Thị Bích Ngọc	03/10/1989	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1375	***CG*** 135	Nguyễn Thị Hạo	05/12/1975	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1376	***CG*** 136	Nguyễn Thị Hoa	17/06/1988	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1377	***CG*** 137	Vũ Thị Trang	29/03/1986	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1378	***CG*** 138	Đồng Thị Luân	12/10/1987	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1379	***CG*** 139	Nguyễn Thị Luyến	05/10/1990	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	100	
1380	***CG*** 140	Vũ Thị Kiều Nga	18/08/1979	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1381	***CG*** 141	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1/16/1975	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1382	***CG*** 142	Nguyễn Thùy Linh	07/02/1979	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1383	***CG*** 143	Vũ Kim Thúy	11/11/1980	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1384	***CG*** 144	Nguyễn Thị Huế	24/12/1981	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1385	***CG*** 145	Vương Thanh Hảo	01/07/1981	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1386	***CG*** 146	Nguyễn Thị Kim Xuyến	29/08/1979	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1387	***CG*** 147	Nguyễn Thị Hải Yến	29/10/1986	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1388	***CG*** 148	Đỗ Thị Xuân	08/11/1989	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1389	***CG*** 149	Nguyễn Ánh Hồng	17/01/1970	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1390	***CG*** 150	Hoàng Thúy Hạnh	09/10/1973	Quan Hoa	Cầu Giấy	100	
1391	***CG*** 151	Nguyễn Thúy Thuận	18/6/1969	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1392	***CG*** 152	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/02/1983	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1393	***CG*** 153	Vũ Thị Bích Hiên	24/08/1982	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1394	***CG*** 154	Đoàn Thị Hoàng Yến	01/04/1982	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1395	***CG*** 155	Nguyễn Thị Thu Hà	21/09/1975	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1396	***CG*** 156	Đỗ Thị Hương Giang	13/09/1982	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1397	***CG*** 157	Đặng Thị Thanh Thúy	30/03/1969	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1398	***CG*** 158	Đỗ Thị Thu Hà	04/08/1972	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1399	***CG*** 159	Đinh Thị Thu Hằng	29/12/1984	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1400	***CG*** 160	Nguyễn Thị Minh Tân	29/12/1981	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1401	***CG*** 161	Đỗ Thị Kim Dung	28/12/1984	Sao Mai	Cầu Giấy	100	
1402	***CG*** 162	Đặng Thị Thủy	27/11/1969	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1403	***CG*** 163	Lưu Thị Minh Hoa	27/9/1971	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1404	***CG*** 164	Nguyễn Thị Nga	1/6/1983	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1405	***CG*** 165	Nguyễn Thị Nga	18/07/1990	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1406	***CG*** 166	Lê Thu Hiền	5/4/1991	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1407	***CG*** 167	Nguyễn Thị Yến	23/06/1986	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1408	***CG*** 168	Đào Thị Tuyết Nhung	27/9/1971	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1409	***CG*** 169	Đinh Thị Diệu Hương	27/11/1980	Sơn Ca	Cầu Giấy	100	
1410	***CG*** 170	Nguyễn Thị Thanh Vân	03/10/1977	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1411	***CG*** 171	Lê Phương Hằng	28/07/1984	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1412	***CG*** 172	Phan Thị Vân Anh	14/11/1983	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1413	***CG*** 173	Tạ Thị Duyên	21/10/1981	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1414	***CG*** 174	Lê Thị Chiến	20/10/1981	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1415	***CG*** 175	Lã Khánh Phương	24/12/1982	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1416	***CG*** 176	Nguyễn Thị Lệ Thu	23/05/1978	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1417	***CG*** 177	Nguyễn Thị Minh Châu	08/07/1985	Trung Hòa	Cầu Giấy	100	
1418	***CG*** 178	Khổng Thị Ngọc Liên	12/1/1982	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1419	***CG*** 179	Trần Thị Lệ Thủy	9/23/1983	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1420	***CG*** 180	Nguyễn Khánh Điệp	8/23/1979	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1421	***CG*** 181	Phạm Hương Thảo	8/11/1982	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1422	***CG*** 182	Nguyễn Thị Nhung	1/26/1984	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1423	***CG*** 183	Đào Thị Phương Lan	1/31/1977	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1424	***CG*** 184	Chu Thị Thanh Hiền	7/27/1980	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1425	***CG*** 185	Lê Thị Thu Hương	2/7/1978	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1426	***CG*** 186	Nông Thị Kiều Anh	04/4/1976	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1427	***CG*** 187	Đặng Thị Huyền	11/5/1977	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1428	***CG*** 188	Đỗ Thị Nguyên	13/01/1991	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1429	***CG*** 189	Nguyễn Phương Ngân	27/12/1992	Tuổi Hoa	Cầu Giấy	100	
1430	***CG*** 190	Cao Thị Kim Thanh	1/13/1975	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1431	***CG*** 191	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	07/08/1981	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1432	***CG*** 192	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	31/10/1986	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1433	***CG*** 193	Nguyễn Thu Hiền	13/10/1986	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1434	***CG*** 194	Phạm Thị Thu Hà	19/08/1986	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1435	***CG*** 195	Lương Ngọc Hương	19/01/1985	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1436	***CG*** 196	Vũ Thị Kim Thoa	22/07/1983	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1437	***CG*** 197	Trần Thị Ngọc Dung	11/10/1980	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1438	***CG*** 198	Đỗ Thị Thanh Loan	07/07/1990	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1439	***CG*** 199	Vũ Thị Thu Huế	16/02/1990	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1440	***CG*** 200	Nguyễn Thị Thu Hương	28/02/1983	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1441	***CG*** 201	Nguyễn Thanh Hương	13/11/1988	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1442	***CG*** 202	Vũ Thị Thúy	08/01/1990	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1443	***CG*** 203	Hoàng Thị Tuyền	22/06/1986	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1444	***CG*** 204	Nguyễn Thị Hải Yến	01/11/1980	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1445	***CG*** 205	Nguyễn Diệu Hương	09/11/1988	Tuổi Thơ	Cầu Giấy	100	
1446	***CG*** 206	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	3/27/1978	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1447	***CG*** 207	Đỗ Thị Thúy Hằng	11/9/1982	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1448	***CG*** 208	Phan Thị Thanh Tú	8/23/1979	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1449	***CG*** 209	Phan Hải Yến	6/3/1983	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1450	***CG*** 210	Đỗ Thị Nguyệt	8/24/1985	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1451	***CG*** 211	Trần Thúy Quỳnh	7/2/1988	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1452	***CG*** 212	Nguyễn Thị Thu Giang	2/5/1990	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1453	***CG*** 213	Phí Thị Xuân	10/7/1979	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1454	***CG*** 214	Nguyễn Thị Minh Thu	3/20/1971	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1455	***CG*** 215	Nguyễn Thị Cúc	1/16/1978	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1456	***CG*** 216	Nguyễn Thị Hạnh	2/21/1979	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1457	***CG*** 217	Nguyễn Thị Thơ	3/28/1992	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1458	***CG*** 218	Lê Thu Hiền	9/14/1980	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1459	***CG*** 219	Nguyễn Thị Lan Phương	6/11/1972	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1460	***CG*** 220	Trương Thị Phúc	8/16/1988	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1461	***CG*** 221	Tạ Thị Hồng Hạnh	9/11/1993	Yên Hòa	Cầu Giấy	100	
1462	**CM**001	Nguyễn Thị Thanh Tú	14/03/1973	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1463	**CM**002	Đặng Thị Kiều Oanh	05/05/1991	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1464	**CM**003	Nguyễn Thị An	12/01/1991	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1465	**CM**004	Nguyễn Thị Mến	26/01/1973	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1466	**CM**005	Nguyễn Thị Hằng	22/08/1978	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1467	**CM**006	Nguyễn Thị Thương	18/10/1988	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1468	**CM**007	Bùi Thị Thảo	02/08/1974	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1469	**CM**008	Đặng Thị Bích	14/05/1986	Đại Yên	Chương Mỹ	100	
1470	**CM**009	Dư Thị Thơm	07/09/1970	Đồng Lạc	Chương Mỹ	100	
1471	**CM**010	Trương Thị Trang	26/06/1986	Đồng Lạc	Chương Mỹ	100	
1472	**CM**011	Khắc Thị Hồng	29/12/1971	Đồng Lạc	Chương Mỹ	100	
1473	**CM**012	Nguyễn Thị Tấn	14/09/1985	Đồng Lạc	Chương Mỹ	100	
1474	**CM**013	Đỗ Thị Luyên	20/01/1985	Đồng Lạc	Chương Mỹ	100	
1475	**CM**014	Nguyễn Thị Thu	07/08/1990	Đồng Lạc	Chương Mỹ	100	
1476	**CM**015	Bùi Thị Thùy Linh	10/02/1985	Đồng Lạc	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1477	**CM**016	Phùng Thị Thắm	16/06/1973	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1478	**CM**017	Phạm Thị Thanh Xuân	05/03/1981	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1479	**CM**018	Nguyễn Thị Vân Khánh	06/12/1984	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1480	**CM**019	Nguyễn Thị Tươi	07/09/1977	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1481	**CM**020	Nguyễn Thị Hải Yến	29/08/1982	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1482	**CM**021	Lại Thị Diến	15/07/1983	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1483	**CM**022	Lê Thị Nhung	20/08/1984	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1484	**CM**023	Lê Thị Thơ	05/02/1992	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1485	**CM**024	Vũ Thị Liên	10/02/1982	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1486	**CM**025	Ngô Thị Thu Phương	11/05/1982	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1487	**CM**026	Nguyễn Thị Hạnh	06/11/1968	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1488	**CM**027	Phạm Thị Miền	08/03/1993	Đồng Phú	Chương Mỹ	100	
1489	**CM**028	Nguyễn Thị Phi Nga	26/01/1981	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1490	**CM**029	Nguyễn Thị Thu Hường	04/04/1984	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1491	**CM**030	Nguyễn Thị Thạo	14/01/1980	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1492	**CM**031	Nguyễn Thị Hạnh	16/07/1985	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1493	**CM**032	Nguyễn Thị Hoa	04/07/1985	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1494	**CM**033	Đỗ Thị Hoài	19/03/1991	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1495	**CM**034	Đỗ Thị Hồng	19/02/1982	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1496	**CM**035	Nguyễn Thị Minh Tâm	15/11/1977	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1497	**CM**036	Nguyễn Thị Hương Lan	31/05/1976	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1498	**CM**037	Trần Thị Hoa	26/08/1982	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1499	**CM**038	Đỗ Thị Duyên	10/08/1973	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1500	**CM**039	Đỗ Thị Hà	01/04/1995	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1501	**CM**040	Lê Thị Thơm	08/10/1980	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	100	
1502	**CM**041	Bùi Thị Ngọc Diệp	11/03/1983	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1503	**CM**042	Trần Thị Hà	12/07/1972	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1504	**CM**043	Nguyễn Thị Thưởng	10/07/1984	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1505	**CM**044	Trịnh Thị Lụa	24/04/1980	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1506	**CM**045	Nguyễn Thị Lan	01/01/1989	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1507	**CM**046	Lương Thị Hạnh	12/07/1993	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1508	**CM**047	Đỗ Thị Thơm	12/06/1989	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1509	**CM**048	Nguyễn Thị Thu	20/12/1994	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1510	**CM**049	Đỗ Thị Thanh	05/10/1980	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1511	**CM**050	Lê Thị Phương	14/12/1993	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1512	**CM**051	Nguyễn Thị Lung	05/12/1993	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1513	**CM**052	Cấn Thị Năm	04/10/1983	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1514	**CM**053	Nguyễn Thị Ngân	04/08/1988	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1515	**CM**054	Vương Thị Lan	24/11/1994	Đông Sơn	Chương Mỹ	100	
1516	**CM**055	Đặng Thị Thắm	21/04/1983	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1517	**CM**056	Hồ Thanh Thủy	28/09/1974	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1518	**CM**057	Vũ Thị Hiền	14/02/1981	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1519	**CM**058	Vũ Thị Thanh	28/02/1980	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1520	**CM**059	Đinh Thị Yến	26/02/1984	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1521	**CM**060	Lê Thị Tuyết	10/04/1981	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1522	**CM**061	Nguyễn Thị Hồng Gấm	25/05/1985	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1523	**CM**062	Đàm Thị Nguyệt	2/11/1989	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1524	**CM**063	Nguyễn Thị Tuyên	27/09/1992	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1525	**CM**064	Trần Thị Hiền	15/09/1994	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1526	**CM**065	Bùi Thị Bích Liên	10/10/1993	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1527	**CM**066	Nguyễn Thị Phượng	07/04/1995	Hòa Chính	Chương Mỹ	100	
1528	**CM**067	Đào Thị Nhung	26/01/1980	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1529	**CM**068	Phạm Thị Bích Quỳnh	19/01/1985	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1530	**CM**069	Bùi Thị Tám	10/06/1981	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1531	**CM**070	Nguyễn Thị Hay	20/07/1978	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1532	**CM**071	Hoàng Thị Ngoan	09/07/1979	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1533	**CM**072	Nguyễn Thị Kim Tuyến	30/07/1980	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1534	**CM**073	Nguyễn Thị Lan	23/02/1982	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1535	**CM**074	Đặng Thị Thu	01/08/1981	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1536	**CM**075	Tạ Thị Hằng	01/10/1989	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1537	**CM**076	Nguyễn Thị Thái Hằng	13/07/1989	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1538	**CM**077	Nguyễn Thị Yến	10/11/1989	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1539	**CM**078	Nguyễn Thị Hiền	02/10/1989	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1540	**CM**079	Đào Thị Lừng	20/02/1984	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1541	**CM**080	Đào Thị Thảo	01/04/1983	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1542	**CM**081	Nguyễn Thị Mỹ	28/12/1987	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1543	**CM**082	Trịnh Tuyết Anh	12/09/1988	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	100	
1544	**CM**083	Bạch Thị Tâm	20/01/1979	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1545	**CM**084	Phùng Thị Thắm	02/03/1977	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1546	**CM**085	Bạch Thị Luyện	22/12/1983	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1547	**CM**086	Nguyễn Thị Chắt	30/08/1979	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1548	**CM**087	Nguyễn Thanh Tuyền	30/01/1983	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1549	**CM**088	Nguyễn Thị Mạn	13/10/1988	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1550	**CM**089	Lê Thị Vui	20/01/1991	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1551	**CM**090	Nguyễn Thị Tuyến	19/09/1988	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1552	**CM**091	Đinh Thị Nhung	10/08/1987	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1553	**CM**092	Lê Thị Thảo	19/11/1992	Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ	100	
1554	**CM**093	Nguyễn Thị Dương	19/9/1974	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1555	**CM**094	Lê Thị Hồng Nhung	29/10/1990	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1556	**CM**095	Nguyễn Thị Hằng	18/10/1972	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1557	**CM**096	Phạm Thị Hảo	06/05/1990	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1558	**CM**097	Vũ Thị Thúy Đài	13/02/1980	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1559	**CM**098	Vũ Thị Loan	08/12/1983	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1560	**CM**099	Bùi Thị Phương	15/09/1982	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1561	**CM**100	Nguyễn Thị Loan	24/07/1992	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1562	**CM**101	Đinh Thị Trang	08/03/1994	Hồng Phong	Chương Mỹ	100	
1563	**CM**102	Tô Thị Phương	01/10/1972	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1564	**CM**103	Dương Thị Tú	23/10/1984	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1565	**CM**104	Nguyễn Thị Bích Thuận	01/09/1988	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1566	**CM**105	Trịnh Thị Loan	11/21/1984	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1567	**CM**106	Lê Thị Thanh	07/09/1981	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1568	**CM**107	Đặng Thị Chúc	27/07/1980	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1569	**CM**108	Đặng Thị Thu Thủy	28/02/1994	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1570	**CM**109	Nguyễn Thị Hà	13/08/1995	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1571	**CM**110	Nguyễn Thị Uyên	02/12/1995	Hợp Đồng	Chương Mỹ	100	
1572	**CM**111	Vũ Thị Gấm	11/01/1974	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1573	**CM**112	Nguyễn Thi Nguyệt	20/11/1971	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1574	**CM**113	Nguyễn Thi Ca	10/05/1981	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1575	**CM**114	Nguyễn Thị Hội	26/10/1971	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1576	**CM**115	Ngô Thị Soi	25/03/1982	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1577	**CM**116	Nguyễn Thị Nữ	03/07/1987	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1578	**CM**117	Trần Thị Hương	26/12/1981	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1579	**CM**118	Phùng Thị Phương Thanh	04/12/1993	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	
1580	**CM**119	Đặng Thị Lừng	27/02/1984	Hữu Văn	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1581	**CM**120	Lê Thị Ngân	27/03/1975	Huyện	Chương Mỹ	100	
1582	**CM**121	Vũ Thị Hà	10/05/1983	Huyện	Chương Mỹ	100	
1583	**CM**122	Nguyễn Thị Hoài Thu	08/09/1982	Huyện	Chương Mỹ	100	
1584	**CM**123	Nguyễn Cẩm Thuý	20/12/1983	Huyện	Chương Mỹ	100	
1585	**CM**124	Nguyễn Thị Quỳnh	28/06/1983	Huyện	Chương Mỹ	100	
1586	**CM**125	Nguyễn Thị Nga	25/08/1987	Huyện	Chương Mỹ	100	
1587	**CM**126	Nguyễn Thị San	12/08/1991	Huyện	Chương Mỹ	100	
1588	**CM**127	Tô Thị Anh	23/10/1968	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1589	**CM**128	Nguyễn Thị Linh	23/02/1987	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1590	**CM**129	Hoàng Thị Sinh	25/01/1975	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1591	**CM**130	Bùi Thị Thủy	13/06/1973	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1592	**CM**131	Nguyễn Thị Mây	27/10/1980	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1593	**CM**132	Nguyễn Thị Thắng	17/10/1991	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1594	**CM**133	Vũ Thị Phượng	16/01/1985	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1595	**CM**134	Ma Thị Nôm	14/09/1990	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1596	**CM**135	Nguyễn Thị Ninh	02/09/1988	Lam Điền	Chương Mỹ	100	
1597	**CM**136	Nguyễn Thị Khanh	01/07/1968	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1598	**CM**137	Lê Thị Mỹ	20/10/1983	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1599	**CM**138	Đinh Thị Thắm	06/03/1986	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1600	**CM**139	Mai Thị Nga	04/12/1977	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1601	**CM**140	Mai Thị Nguyện	20/07/1979	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1602	**CM**141	Cao Thị Hà	15/08/1981	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1603	**CM**142	Mai Thị Ước	15/08/2082	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1604	**CM**143	Dương Thị Huệ	02/09/1979	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1605	**CM**144	Phùng Thị Xuân	25/10/1979	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1606	**CM**145	Nguyễn Thị Thuỷ	23/04/1982	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1607	**CM**146	Nguyễn Thị Luyến	02/08/1989	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1608	**CM**147	Nguyễn Thị Hoà	26/02/1990	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1609	**CM**148	Phan Thị Kim Thoa	26/10/1984	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1610	**CM**149	Bùi Thị Tuyển	04/10/1989	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1611	**CM**150	Mai Thị Thuỷ	03/10/1991	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1612	**CM**151	Nguyễn Thị Hảo	20/06/1992	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1613	**CM**152	Đặng Thị Hiền	16/08/1989	Mỹ Lương	Chương Mỹ	100	
1614	**CM**153	Đỗ Thị Thanh Tâm	12/05/1979	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1615	**CM**154	Nguyễn Thị Ngọc	02/10/1985	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1616	**CM**155	Nguyễn Thị Mỹ Phước	18/10/1985	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1617	**CM**156	Nguyễn Thị Xuyên	18/10/1974	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1618	**CM**157	Phùng Thị Luân	16/02/1971	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1619	**CM**158	Đỗ Thị Nga	23/08/1982	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1620	**CM**159	Phùng Thị Lường	02/08/1990	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1621	**CM**160	Chu Thị Mai	12/12/1971	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	100	
1622	**CM**161	Lê Thị Lụa	25/09/1978	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1623	**CM**162	Lê Thị Thúy Vân	22/07/1978	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1624	**CM**163	Phạm Thị Trang	09/01/1988	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1625	**CM**164	Nguyễn Thị Phượng	04/10/1980	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1626	**CM**165	Lê Thị Thắng	20/05/1983	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1627	**CM**166	Nguyễn Lan Phương	22/01/1985	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1628	**CM**167	Lê Thị Ánh	07/11/1992	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1629	**CM**168	Nguyễn Thị Trang	03/11/1993	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1630	**CM**169	Nguyễn Thị Hoa	05/12/1989	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1631	**CM**170	Tống Thị Thuận	25/08/1981	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	
1632	**CM**171	Đỗ Thị Phương Thảo	17/07/1988	Ngọc Hòa	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1633	**CM**172	Vũ Thị Thu Phương	02/11/1980	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1634	**CM**173	Lê Thị Vân Khánh	19/05/1971	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1635	**CM**174	Nguyễn Thị Nhuần	01/11/1974	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1636	**CM**175	Đàm Thị Hạnh	30/09/1979	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1637	**CM**176	Lê Thị Hường	23/10/1969	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1638	**CM**177	Nguyễn Thị Hướng	16/12/1985	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1639	**CM**178	Lê Thị Uyên	20/11/1989	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1640	**CM**179	Đỗ Thị Uyên	19/09/1990	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1641	**CM**180	Lê Thị Toán	02/12/1986	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1642	**CM**181	Lê Thị Liên	28/03/1992	Phú Nam An	Chương Mỹ	100	
1643	**CM**182	Vương Ánh Nguyệt	23/10/1973	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1644	**CM**183	Đỗ Thị Thu	28/04/1982	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1645	**CM**184	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/01/1992	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1646	**CM**185	Nguyễn Thị Bình	22/01/1978	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1647	**CM**186	Trịnh Thị Hoa	12/01/1987	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1648	**CM**187	Nguyễn Thị Hà	18/03/1992	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1649	**CM**188	Nguyễn Thị Loan	14/01/1972	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1650	**CM**189	Trần Thị Liên	20/10/1991	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1651	**CM**190	Nguyễn Thị Thuyên	08/09/1991	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1652	**CM**191	Lê Thị Thúy Dung	20/12/1985	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1653	**CM**192	Lê Thị Hợp	07/03/1984	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1654	**CM**193	Hoàng Thị Hậu	02/12/1980	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1655	**CM**194	Nguyễn Thị Sợi	26/06/1969	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1656	**CM**195	Nguyễn Thị Huyền	18/02/1977	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1657	**CM**196	Nguyên Thị Loan	09/10/1982	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1658	**CM**197	Nguyễn Thị Thủy	22/06/1982	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1659	**CM**198	Nguyễn Thị Phương	21/04/1989	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1660	**CM**199	Nguyễn Thị Thu	18/09/1988	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1661	**CM**200	Vũ Thị Nga	18/10/1989	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1662	**CM**201	Nguyễn Thị Cẩm Tú	09/11/1991	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1663	**CM**202	Nguyễn Lệ Thùy	05/08/1990	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1664	**CM**203	Nguyễn Thị Huyền	26/07/1993	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1665	**CM**204	Nguyễn Thị Hoa	01/05/1987	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1666	**CM**205	Nguyễn Thị Diễm My	31/10/1994	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1667	**CM**206	Vũ Thị Ngân	25/05/1987	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1668	**CM**207	Lê Thị Kim Huyền	28/04/1985	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1669	**CM**208	Nguyễn Thị Hà	14/07/1987	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1670	**CM**209	Phạm Thị Thanh Bình	29/03/1986	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1671	**CM**210	Nguyễn Thị Thu Hồng	08/04/1987	Phụng Châu	Chương Mỹ	100	
1672	**CM**211	Dương Thị Luyến	12/02/1969	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1673	**CM**212	Trịnh Thị Xuân	02/01/1977	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1674	**CM**213	Nguyễn Thị Hạnh	11/10/1972	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1675	**CM**214	Tạ Thị Thảo	29/07/1982	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1676	**CM**215	Vũ Thị Hiền	09/10/1981	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1677	**CM**216	Nguyễn Thị Oanh	02/09/1983	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1678	**CM**217	Quản Thị Thắm	07/10/1989	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1679	**CM**218	Nguyễn Thị Xuân	09/04/1991	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1680	**CM**219	Đặng Thị Oanh	11/03/1990	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1681	**CM**220	Nguyễn Thị Thuỳ	17/01/1986	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1682	**CM**221	Dương Thị Thu Hương	23/09/1991	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1683	**CM**222	Tô Thị Thúy An	21/10/1992	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	
1684	**CM**223	Đỗ Thị Trang	01/10/1989	Quảng Bị	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1685	**CM**224	Nguyễn Thị Duyên	03/09/1971	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1686	**CM**225	Cao Thị Ngân	05/01/1972	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1687	**CM**226	Phùng Thị Hồng	16/09/1984	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1688	**CM**227	Nguyễn Thị Dịu	06/03/1989	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1689	**CM**228	Nguyễn Thị Hương	09/11/1987	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1690	**CM**229	Nguyễn Thị Lưu	05/12/1986	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1691	**CM**230	Đinh Thị Nga	08/06/1990	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1692	**CM**231	Nguyễn Thị Thạo	28/02/1987	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1693	**CM**232	Hoàng Thanh Lan	25/09/1992	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1694	**CM**233	Trịnh Thị Trang	26/02/1991	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1695	**CM**234	Nguyễn Thu Hà	10/04/1989	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1696	**CM**235	Nguyễn Thị Phượng	14/04/1993	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1697	**CM**236	Vũ Thị Tâm	01/11/1984	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1698	**CM**237	Nguyễn Thị Thủy	24/05/1990	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1699	**CM**238	Nguyễn Thị Yến	16/10/1990	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1700	**CM**239	Đào Thị Hương	20/01/1972	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1701	**CM**240	Nguyễn Thị Yên	24/05/1983	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1702	**CM**241	Nguyễn Thị Xuân	30/12/1991	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1703	**CM**242	Nguyễn Thị Hồng	22/12/1990	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1704	**CM**243	Nguyễn Thị Phượng	16/10/1970	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1705	**CM**244	Nguyễn Thị Yên	13/09/1970	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1706	**CM**245	Nguyễn Thị Vui	12/12/1972	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1707	**CM**246	Nguyễn Thị Đức	02/06/1970	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1708	**CM**247	Nguyễn Thị Thuận	06/07/1970	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1709	**CM**248	Nguyễn Thị Nhẫn	11/03/1968	Tân Tiến	Chương Mỹ	100	
1710	**CM**249	Hoàng Thị Tuyết Thanh	09/12/1972	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1711	**CM**250	Nguyễn Thị Tình	06/10/1973	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1712	**CM**251	Nguyễn Thị Thúy	21/08/1985	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1713	**CM**252	Lê Thị Niềm	12/02/1984	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1714	**CM**253	Đặng Thị Yến Oanh	28/12/1981	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1715	**CM**254	Đào Thị Ba	09/09/1979	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1716	**CM**255	Trần Thị Tươi	29/01/1982	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1717	**CM**256	Nguyễn Thị Phương Thanh	13/07/1983	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1718	**CM**257	Nguyễn Thị Hằng	22/07/1987	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1719	**CM**258	Lê Thị Thuyên	22/12/1988	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1720	**CM**259	Đào Thị Nguyệt	06/09/1990	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1721	**CM**260	Nguyễn Thị Liêm	14/10/1972	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1722	**CM**261	Lưu Thị Hiền	11/11/1971	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1723	**CM**262	Lưu Thị Đông	30/04/1973	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1724	**CM**263	Nguyễn Thị Linh	14/02/1991	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1725	**CM**264	Trần Thị Ngọc	28/07/1989	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1726	**CM**265	Nguyễn Thị Nhung	31/08/1991	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1727	**CM**266	Nguyễn Thị Mai Hương	25/06/1989	Thanh Bình	Chương Mỹ	100	
1728	**CM**267	Phạm Thị Thúy	05/03/1980	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1729	**CM**268	Nguyễn Thị Gấm	14/02/1982	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1730	**CM**269	Nguyễn Thị Vinh	03/09/1978	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1731	**CM**270	Cao Thị Giang	24/11/1980	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1732	**CM**271	Cao Thị Chuyên	01/03/1982	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1733	**CM**272	Cao Thị Xuân	15/08/1989	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1734	**CM**273	Nguyễn Thị Thu Hà	24/10/1991	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1735	**CM**274	Mai Thị Nga	20/06/1990	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1736	**CM**275	Trần Thị Tâm	04/11/1994	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1737	**CM**276	Đặng Thị Hạnh	11/09/1995	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1738	**CM**277	Mai Thị Kim Ngân	12/08/1989	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1739	**CM**278	Nguyễn Thị Hồng	23/09/1990	Thượng Vực	Chương Mỹ	100	
1740	**CM**279	Nguyễn Thị Phương Hạnh	16/03/1970	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1741	**CM**280	Tào Thị Vân	25/09/1984	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1742	**CM**281	Nguyễn Thị Bảy	12/9/1977	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1743	**CM**282	Nguyễn Thị Minh Thu	01/10/1981	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1744	**CM**283	Nguyễn Thị Dung	27/09/1983	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1745	**CM**284	Nguyễn Thị Thu Hoài	13/05/1985	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1746	**CM**285	Ngô Thị Nhài	06/07/1982	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1747	**CM**286	Ngô Thị Thu	22/06/1980	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1748	**CM**287	Nguyễn Thị Ngân	28/10/1992	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1749	**CM**288	Đặng Thị Nhẫn	12/08/1985	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1750	**CM**289	Lương Thị Toán	22/02/1988	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1751	**CM**290	Đặng Thị Kim Oanh	03/12/1986	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1752	**CM**291	Nguyễn Thị Thu Trang	06/09/1986	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1753	**CM**292	Tạ Thị Huyền	07/10/1995	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1754	**CM**293	Nguyễn Thị Huyền	29/07/1995	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1755	**CM**294	Nguyễn Thị Hiền	23/08/1991	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1756	**CM**295	Trịnh Thị Yến	29/04/1992	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1757	**CM**296	Nguyễn Thị Phúc	16/03/1992	Thụy Hương	Chương Mỹ	100	
1758	**CM**297	Nguyễn Thị Chinh	08/11/1984	Thủy Xuân Tiên	Chương Mỹ	100	
1759	**CM**298	Nguyễn Thị Vấn	20/07/1980	Thủy Xuân Tiên	Chương Mỹ	100	
1760	**CM**299	Đỗ Thị Thu Hà	14/07/1984	Thủy Xuân Tiên	Chương Mỹ	100	
1761	**CM**300	Hà Thị Hiếu	22/08/1981	Thủy Xuân Tiên	Chương Mỹ	100	
1762	**CM**301	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	09/12/1989	Thủy Xuân Tiên	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1763	**CM**302	Nguyễn Thị Xuân	15/10/1985	Thủy Xuân Tiên	Chương Mỹ	100	
1764	**CM**303	Tống Thị Hương Giang	05/09/1983	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1765	**CM**304	Nguyễn Thị Sâm	18/02/1977	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1766	**CM**305	Lê Thị Thủy	21/05/1978	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1767	**CM**306	Đỗ Thị Hà	15/10/1973	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1768	**CM**307	Nguyễn Thị Hường	25/06/1972	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1769	**CM**308	Tống Thị Thu	12/10/1970	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1770	**CM**309	Tống Thị Mai Lân	19/07/1983	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1771	**CM**310	Nguyễn Thị Duyện	08/02/1983	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1772	**CM**311	Tống Thị Oanh	15/09/1990	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1773	**CM**312	Nguyễn Thị Tình	23/10/1991	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1774	**CM**313	Nguyễn Thị Châm	02/05/1978	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1775	**CM**314	Tống Thị Thu Hương	03/02/1990	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1776	**CM**315	Nguyễn Thị Hồi	16/05/1983	Tiên Phương	Chương Mỹ	100	
1777	**CM**316	Bùi Thị Sang	18/12/1977	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1778	**CM**317	Đặng Thị Thanh Huyền	03/12/1983	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1779	**CM**318	Phạm Thị Bình	12/09/1987	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1780	**CM**319	Ngô Thị Nguyệt	14/08/1984	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1781	**CM**320	Đỗ Thị Lành	16/09/1981	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1782	**CM**321	Hà Thị Thảo	29/06/1983	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1783	**CM**322	Vũ Thị My	09/10/1989	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1784	**CM**323	Nguyễn Thị Chiến	13/03/1990	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1785	**CM**324	Lê Thị Bảo Ngọc	24/06/1990	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1786	**CM**325	Phan Thị Hiên	19/3/1995	Tốt Động	Chương Mỹ	100	
1787	**CM**326	Bùi Thị Thuyên	06/06/1971	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1788	**CM**327	Lê Thị Chung	04/12/1981	Trần Phú	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1789	**CM**328	Lê Thị Thanh	07/02/1985	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1790	**CM**329	HoàngThị Tuyết	10/07/1986	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1791	**CM**330	Trần Thị Tuyết Dung	01/05/1981	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1792	**CM**331	Trần Thị Thu	10/01/1979	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1793	**CM**332	Phạm Thị Yến	01/01/1976	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1794	**CM**333	Nguyễn Thị Tâm	11/09/1994	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1795	**CM**334	Nguyễn Thị Nguyên	22/12/1993	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1796	**CM**335	Nguyễn Thị Minh Châm	05/05/1992	Trần Phú	Chương Mỹ	100	
1797	**CM**336	Nguyễn Thị Quyên	18/04/1980	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1798	**CM**337	Lê Thị Phụng	15/11/1978	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1799	**CM**338	Vũ Thị Hường	14/10/1979	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1800	**CM**339	Lê Thị Quế	02/04/1981	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1801	**CM**340	Trần Thị Hiền	01/03/1979	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1802	**CM**341	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/05/1984	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1803	**CM**342	Nguyễn Thị Hiền	20/09/1983	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1804	**CM**343	Vũ Thị Quỳnh	22/07/1992	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1805	**CM**344	Phạm Thị Tâm	08/10/1984	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1806	**CM**345	Nguyễn Thị Nhài	09/02/1994	Trung Hòa	Chương Mỹ	100	
1807	**CM**346	Trần Thị Phượng	15/08/1982	Trường Yên	Chương Mỹ	100	
1808	**CM**347	Nguyễn Thị Nguyệt	27/06/1985	Trường Yên	Chương Mỹ	100	
1809	**CM**348	Đặng Thị Lý	02/01/1974	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1810	**CM**349	Bạch Thị Vui	06/06/1979	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1811	**CM**350	Hà Thị Hường	10/08/1980	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1812	**CM**351	Nguyễn Thị Hoa	22/01/1991	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1813	**CM**352	Nguyễn Thị Son	21/09/1975	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1814	**CM**353	Nguyễn Thị Huyền	19/09/1986	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1815	**CM**354	Đỗ Thị Ngà	23/08/1990	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1816	**CM**355	Vũ Thị Dung	23/01/1979	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1817	**CM**356	Vũ Thị Làn	10/08/1978	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1818	**CM**357	Cao Thị Hiền	23/07/1991	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1819	**CM**358	Phạm Thu Ánh	01/10/1982	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1820	**CM**359	Nguyễn Thị Tuyền	19/02/1993	Văn Mỹ	Chương Mỹ	100	
1821	**CM**360	Phạm Thị Thúy	07/10/1974	Văn Võ	Chương Mỹ	100	
1822	**CM**361	Phan Thị Thúy	24/10/1978	Văn Võ	Chương Mỹ	100	
1823	**CM**362	Nguyễn Thị Nhung	27/10/1977	Văn Võ	Chương Mỹ	100	
1824	**CM**363	Phạm Thị Hoa	15/09/1992	Văn Võ	Chương Mỹ	100	
1825	**CM**364	Đặng Thị Tý	24/12/1973	Chúc Sơn A	Chương Mỹ	100	
1826	**CM**365	Bùi Thị Thùy Linh	16/7/1992	Chúc Sơn A	Chương Mỹ	100	
1827	**CM**366	Dương Thị Điệp Quyên	6/9/1984	Chúc Sơn A	Chương Mỹ	100	
1828	**CM**367	Lê Thị Mai	5/9/1986	Chúc Sơn A	Chương Mỹ	100	
1829	**CM**368	Trịnh Thị Oanh	19/12/1988	Chúc Sơn A	Chương Mỹ	100	
1830	**CM**369	Trần Thị Thu Thủy	15/12/1987	Chúc Sơn A	Chương Mỹ	100	
1831	**CM**370	Vương Thị Phương	3/1/1994	Chúc Sơn A	Chương Mỹ	100	
1832	**CM**371	Nguyễn Thị Thu	21/8/1977	Chúc Sơn B	Chương Mỹ	100	
1833	**CM**372	Vũ Thị Hiền	02/01/1974	Chúc Sơn B	Chương Mỹ	100	
1834	**CM**373	Bùi Thị Trang	08/3/1989	Chúc Sơn B	Chương Mỹ	100	
1835	**CM**374	Hoàng Thị Hương	01/02/1988	Chúc Sơn B	Chương Mỹ	100	
1836	**CM**375	Đặng Thị Hà	25/8/1989	Chúc Sơn B	Chương Mỹ	100	
1837	**CM**376	Dương Thị Hiệp	08/4/1988	Chúc Sơn B	Chương Mỹ	100	
1838	**CM**377	Nguyễn Thị Bích Ngà	02/12/1982	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1839	**CM**378	Đỗ Thị Thu Hoài	29/09/1981	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1840	**CM**379	Nguyễn Thị Xánh	02/02/1981	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1841	**CM**380	Lê Thị Kim Huệ	04/03/1991	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1842	**CM**381	Bùi Thị Hồng Thắm	12/10/1983	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1843	**CM**382	Bùi Thị Huyền Thương	09/10/1990	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1844	**CM**383	Hà Thị Quy	29/12/1981	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1845	**CM**384	Phùng Thị Thu Hằng	16/12/1987	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1846	**CM**385	Nguyễn Thị Hương	18/01/1987	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1847	**CM**386	Nguyễn Thị Lệ Hằng	04/09/1983	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1848	**CM**387	Nguyễn Thị Toàn	04/02/1992	Xuân Mai	Chương Mỹ	100	
1849	**CM**388	Nguyễn Thị Mơ	28/02/1982	KCN Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1850	**CM**389	Nguyễn Thị Thuyết	01/01/1983	KCN Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1851	**CM**390	Hoàng Thị Sinh	26/7/1975	KCN Phú Nghĩa	Chương Mỹ	100	
1852	***ĐP***001	Bùi Minh Hồng	15/01/1973	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1853	***ĐP***002	Uông Thị Phấn	15/2/1982	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1854	***ĐP***003	Nguyễn Thị Định	25/03/1984	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1855	***ĐP***004	Nguyễn Thị Lương	28/06/1988	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1856	***ĐP***005	Bùi Thu Thu Quỳnh	18/08/1986	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1857	***ĐP***006	Bùi Thị Phương	02/10/1986	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1858	***ĐP***007	Bùi Thị Hồng Thuý	30/10/1974	Mầm non Huyện	Đan Phượng	95	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN cấp 29/12/2022 (thiếu bổ sung chuyên đề 7, 8)
1859	***ĐP***008	Nguyễn Thị Minh Quyên	14/11/1984	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1860	***ĐP***009	Nguyễn Thị Dung	24/11/1986	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1861	***ĐP***010	Ngô Thị Hiển	05/8/1981	Mầm non Huyện	Đan Phượng	100	
1862	***ĐP***011	Nguyễn Thị Phan Anh	03/08/1983	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1863	***ĐP***012	Bùi Thị Tình	15/09/1972	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1864	***ĐP***013	Võ Thị Lan Hương	17/02/1983	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1865	***ĐP***014	Đoàn Thị Thanh Hiếu	15/04/1979	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1866	***ĐP***015	Đào Thị Thu Trang	07/08/1983	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1867	***ĐP*** 016	Bùi Thị Bích Ngọc	18/02/1988	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1868	***ĐP*** 017	Lê Thị Kim Phượng	05/03/1987	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1869	***ĐP*** 018	Nguyễn Thị Xuyến	07/05/1977	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1870	***ĐP*** 019	Bùi Thị Bích Liên	30/08/1971	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1871	***ĐP*** 020	Bùi Thị Hiền	08/01/1981	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1872	***ĐP*** 021	Nguyễn Thị Thủy	16/12/1988	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1873	***ĐP*** 022	Nguyễn Thị Huyền	26/01/1986	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1874	***ĐP*** 023	Ngô Thị Vượng	30/01/1992	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1875	***ĐP*** 024	Vũ Thị Nhung	20/06/1992	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1876	***ĐP*** 025	Trần Thị Hương	27/08/1989	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1877	***ĐP*** 026	Nguyễn Thị Nga	27/05/1985	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1878	***ĐP*** 027	Đỗ Thị Phan Anh	08/12/1992	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1879	***ĐP*** 028	Tạ Thị Vân	20/11/1987	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1880	***ĐP*** 029	Trần Thị Hồng Trang	20/10/1985	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1881	***ĐP*** 030	Trần Thị Thúy Thoa	28/12/1986	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1882	***ĐP*** 031	Nguyễn Thị Dung	31/05/1991	Thị trấn Phùng	Đan Phượng	100	
1883	***ĐP*** 032	Phạm Thị Thảo	25/07/1982	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1884	***ĐP*** 033	Bùi Thị Thu Hường	22/04/1974	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1885	***ĐP*** 034	Nguyễn Thị Thúy	22/02/1983	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1886	***ĐP*** 035	Bùi Thị Mỹ	04/04/1985	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1887	***ĐP*** 036	Nguyễn Thị Lộc	17/06/1990	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1888	***ĐP*** 037	Nguyễn Thị Lan	20/03/1980	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1889	***ĐP*** 038	Trần Thị Bích Hạnh	27/11/1984	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1890	***ĐP*** 039	Mầu Thị Hiền	26/07/1984	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1891	***ĐP*** 040	Nguyễn Thị Hằng	03/09/1989	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1892	***ĐP*** 041	Nguyễn Thanh Hoa	20/02/1991	Đan Phượng	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1893	***ĐP*** 042	Nguyễn Hương Ly	30/04/1992	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1894	***ĐP*** 043	Nguyễn Thị Loan	13/07/1978	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1895	***ĐP*** 044	Nguyễn Thị Hằng	22/08/1991	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1896	***ĐP*** 045	Nguyễn Thị Nhàn	17/12/1982	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1897	***ĐP*** 046	Nguyễn. Thị Nguyệt Ánh	18/08/1982	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1898	***ĐP*** 047	Tạ Thị Kim Dung	10/11/1984	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1899	***ĐP*** 048	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/5/1989	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1900	***ĐP*** 049	Nguyễn Thị Thanh	12/05/1976	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1901	***ĐP*** 050	Lê Thị Vượng	02/03/1977	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1902	***ĐP*** 051	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/11/1979	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1903	***ĐP*** 052	Tạ Thị Hồng	03/6/1986	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1904	***ĐP*** 053	Doãn Thị Hải Hà	03/7/1982	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1905	***ĐP*** 054	Trần Thị Thu	28/9/1991	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1906	***ĐP*** 055	Nguyễn Thị Hiền	01/10/1985	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1907	***ĐP*** 056	Nguyễn Thị Thanh Mai	22/08/1989	Đan Phượng	Đan Phượng	100	
1908	***ĐP*** 057	Nguyễn Thị Nga	17/9/1982	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1909	***ĐP*** 058	Mai Thị Hà	05/3/1986	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1910	***ĐP*** 059	Bùi Minh Cúc	11/10/1987	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1911	***ĐP*** 060	Bùi Thị Huệ	10/12/1989	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1912	***ĐP*** 061	Nguyễn Thị Kim	10/10/1990	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1913	***ĐP*** 062	Nguyễn Thị Tâm	05/11/1987	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1914	***ĐP*** 063	Nguyễn Thị Huyền Sâm	18/8/1990	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1915	***ĐP*** 064	Nguyễn Thị Minh Hiền	05/7/1970	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1916	***ĐP*** 065	Tạ Thị Thu Hiền	25/12/1981	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1917	***ĐP*** 066	Lê Thị Hạnh	22/5/1993	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1918	***ĐP*** 067	Nguyễn Thị Thu Hương	23/7/1990	Song Phượng	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1919	***ĐP*** 068	Tạ Thị Bình	02/11/1979	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1920	***ĐP*** 069	Phan Thị Nam	01/5/1989	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1921	***ĐP*** 070	Tạ Thị Thanh Thủy	14/4/1973	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1922	***ĐP*** 071	Đào Thị Lan	10/9/1992	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1923	***ĐP*** 072	Phạm Hồng Nhung	18/5/1991	Song Phượng	Đan Phượng	100	
1924	***ĐP*** 073	Lê Thị Dự	18/01/1977	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1925	***ĐP*** 074	Lê Thị Hồng Quế	19/05/1989	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1926	***ĐP*** 075	Trần Thị Thúy Mây	17/08/1990	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1927	***ĐP*** 076	Nguyễn Thị Hà	13/01/1981	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1928	***ĐP*** 077	Nguyễn Thị Lan Anh	10/11/1984	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1929	***ĐP*** 078	Đàm Thị Lượng	02/09/1984	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1930	***ĐP*** 079	Nguyễn Thị Bích Hòa	09/10/1991	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1931	***ĐP*** 080	Lê Thị Quỳnh Anh	17/12/1993	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1932	***ĐP*** 081	Nguyễn Thị Hoài Thu	08/11/1996	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1933	***ĐP*** 082	Lê Thị Toan	17/4/1977	Đồng Tháp	Đan Phượng	100	
1934	***ĐP*** 083	Nguyễn Thị Yến	7/5/1971	Phương Đình	Đan Phượng	100	
1935	***ĐP*** 084	Lê Thị Thắm	1/7/1979	Phương Đình	Đan Phượng	100	
1936	***ĐP*** 085	Lê Hương Trà	18/5/1976	Phương Đình	Đan Phượng	100	
1937	***ĐP*** 086	Đinh Thị Hòa	25/03/1981	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1938	***ĐP*** 087	Nguyễn Thị Định	29/12/1979	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1939	***ĐP*** 088	Cao Thị Thu Hằng	13/7/1982	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1940	***ĐP*** 089	Đỗ Thị Hiền	10/10/1983	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1941	***ĐP*** 090	Chu Thị Ninh	15/12/1991	Phương Đình	Đan Phượng	100	
1942	***ĐP*** 091	Nguyễn Thị Hồng	8/11/1992	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1943	***ĐP*** 092	Trần Thị Thúy Hà	16/10/1983	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1944	***ĐP*** 093	Nguyễn Thị Vân	28/5/1983	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1945	***ĐP*** 094	Đào Thị Quỳnh	7/5/1984	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1946	***ĐP*** 095	Nguyễn Thị Phượng	10/10/1980	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1947	***ĐP*** 096	Nguyễn Thị Hòa	1/5/1990	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1948	***ĐP*** 097	Chu Thị Minh	27/11/1991	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1949	***ĐP*** 098	Lê Thị Dung	4/5/1984	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1950	***ĐP*** 099	Nguyễn Thị Năm	16/10/1992	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1951	***ĐP*** 100	Nguyễn Thị Thanh	8/21/1995	Phương Đình	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
1952	***ĐP*** 101	Hoàng Thị Dung	7/15/1979	Phương Đình	Đan Phượng	95	Năm học 2021 - 2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
1953	***ĐP*** 102	Trần Thị Huyền	21/11/1986	Phương Đình	Đan Phượng	95	Năm học 2021 - 2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
1954	***ĐP*** 103	Bá Thị Vân	12/10/1991	Phương Đình	Đan Phượng	100	
1955	***ĐP*** 104	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	13/10/1986	Phương Đình	Đan Phượng	100	
1956	***ĐP*** 105	Phạm Thị Dung	28/4/1974	Phương Đình	Đan Phượng	100	
1957	***ĐP*** 106	Trần Thị Hương	09/07/1972	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1958	***ĐP*** 107	Đặng Thị Huệ	05/01/1980	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1959	***ĐP*** 108	Lê Thị Thường	17/10/1979	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1960	***ĐP*** 109	Trần Thị Vụ	05/05/1988	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1961	***ĐP*** 110	Hoàng Thị Luân	29/8/1979	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1962	***ĐP*** 111	Trần Thị Hoa Lan	27/10/1988	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1963	***ĐP*** 112	Nguyễn Thị Xuyến	09/09/1990	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1964	***ĐP*** 113	Trần Thị Hà	03/5/1985	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1965	***ĐP*** 114	Lê Thị Phương Lan	19/03/1987	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1966	***ĐP*** 115	Trần Thị Hồng	06/06/1988	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1967	***ĐP*** 116	Nguyễn Thị Lệ Quyên	15/08/1988	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1968	***ĐP*** 117	Đào Thị Trang	17/05/1991	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1969	***ĐP*** 118	Trần Thị Thu Hằng	14/12/1989	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1970	***ĐP*** 119	Lê Thị Lam	13/04/1979	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1971	***ĐP*** 120	Trần Thị Hà	23/02/1970	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1972	***ĐP*** 121	Hoàng Thị Kim Bích	17/07/1985	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1973	***ĐP*** 122	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	01/05/1982	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1974	***ĐP*** 123	Hoàng Thị Linh	09/02/1994	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1975	***ĐP*** 124	Lê Thị Hương	08/11/1991	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1976	***ĐP*** 125	Đoàn Thị Thanh Huyền	15/01/1983	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1977	***ĐP*** 126	Trần Thị Luyến	13/03/1981	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1978	***ĐP*** 127	Lê Thị Mỹ Hạnh	27/10/1976	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1979	***ĐP*** 128	Lê Kim Huế	26/11/1983	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1980	***ĐP*** 129	Trần Thị Chúc	27/09/1990	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1981	***ĐP*** 130	Đặng Thị Dự	07/02/1987	Thọ Xuân	Đan Phượng	100	
1982	***ĐP*** 131	Trần Thị Cảnh	01/01/1979	Thọ An	Đan Phượng	95	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN cấp 11/2022 (thiếu bổ sung chuyên đề 7, 8)
1983	***ĐP*** 132	Đặng Thị Thu Hương	27/6/1981	Thọ An	Đan Phượng	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
1984	***ĐP*** 133	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	30/4/1981	Thọ An	Đan Phượng	100	
1985	***ĐP*** 134	Nguyễn Thị Thu Trang	03/11/1982	Thọ An	Đan Phượng	100	
1986	***ĐP*** 135	Lê Thị Hiên	28/2/1986	Thọ An	Đan Phượng	100	
1987	***ĐP*** 136	Nguyễn Thị Thu Huyền	11/3/1988	Thọ An	Đan Phượng	100	
1988	***ĐP*** 137	Lê Thị Thanh Huyền	09/3/1991	Thọ An	Đan Phượng	100	
1989	***ĐP*** 138	Phạm Thị Phương Thảo	01/9/1984	Thọ An	Đan Phượng	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm vào GVMN Hạng III (mã số V07.02.26)
1990	***ĐP*** 139	Trần Thị Thắm	31/10/1992	Thọ An	Đan Phượng	100	
1991	***ĐP*** 140	Trần Thị Điệp	26/6/1989	Thọ An	Đan Phượng	100	
1992	***ĐP*** 141	Trần Thị Hiền	05/3/1982	Thọ An	Đan Phượng	100	
1993	***ĐP*** 142	Nguyễn Thị Khương	16/6/1984	Thọ An	Đan Phượng	100	
1994	***ĐP*** 143	Trần Thị Thúy	10/06/1988	Thọ An	Đan Phượng	100	
1995	***ĐP*** 144	Nguyễn Thị Thuý Hằng	31/8/1982	Thọ An	Đan Phượng	100	
1996	***ĐP*** 145	Nguyễn Thị Thương	12/11/1993	Thọ An	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
1997	***ĐP*** 146	Trần Thị Nhàn	20/10/1984	Thọ An	Đan Phượng	100	
1998	***ĐP*** 147	Lê Thị Hương	02/3/1979	Thọ An	Đan Phượng	100	
1999	***ĐP*** 148	Nguyễn Thị Nhung	13/5/1976	Thọ An	Đan Phượng	100	
2000	***ĐP*** 149	Trần Thị Thanh Nhàn	19/2/1985	Thọ An	Đan Phượng	100	
2001	***ĐP*** 150	Trần Thị Thanh Huyền	26/7/1979	Thọ An	Đan Phượng	100	
2002	***ĐP*** 151	Nguyễn Thị Hương Giang	04/8/1975	Thọ An	Đan Phượng	100	
2003	***ĐP*** 152	Đào Thị Dịu	23/3/1982	Thọ An	Đan Phượng	100	
2004	***ĐP*** 153	Nguyễn Thị Hoa	05/7/1984	Thọ An	Đan Phượng	100	
2005	***ĐP*** 154	Nguyễn Thị Dương	15/9/1987	Thọ An	Đan Phượng	100	
2006	***ĐP*** 155	Trần Thị Ánh Dương	02/08/1970	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2007	***ĐP*** 156	Đào Thị Thúy	21/03/1978	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2008	***ĐP*** 157	Phạm Thị Lân	23/06/1971	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2009	***ĐP*** 158	Đặng Thị Nhung	01/10/1982	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2010	***ĐP*** 159	Nguyễn Thị Huyền	16/09/1983	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2011	***ĐP*** 160	Đặng Thị Thanh	04/02/1985	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2012	***ĐP*** 161	Trần Thị Liên	08/07/1988	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2013	***ĐP*** 162	Trần Thị Hiền	23/11/1968	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2014	***ĐP*** 163	Thiều Thị Nga	28/09/1991	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2015	***ĐP*** 164	Đoàn Thị Huyền	10/07/1986	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2016	***ĐP*** 165	Trần Thị Ngọc Chuyên	31/10/1980	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2017	***ĐP*** 166	Đoàn Thị Kim Nhung	22/10/1988	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2018	***ĐP*** 167	Đoàn Thị Huyền	01/01/1987	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2019	***ĐP*** 168	Đặng Thị Huyền	22/06/1989	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2020	***ĐP*** 169	Lê Thị Yến	20/12/1979	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2021	***ĐP*** 170	Nguyễn Thị Vĩnh	01/02/1978	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2022	***ĐP*** 171	Trần Thị Quyên	01/09/1982	Trung Châu	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2023	***ĐP*** 172	Đặng Thị Hoa	11/08/1988	Trung Châu	Đan Phượng	100	
2024	***ĐP*** 173	Nguyễn Thị Hồng Gấm	04/01/1974	Hồng Hà	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
2025	***ĐP*** 174	Châu Thị Phượng	15/05/1979	Hồng Hà	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
2026	***ĐP*** 175	Nguyễn Thị Kim Loan	12/7/1988	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2027	***ĐP*** 176	Nguyễn Thị Minh Hiếu	10/1/1982	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2028	***ĐP*** 177	Doãn Thị Nguyệt Ánh	11/15/1984	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2029	***ĐP*** 178	Phạm Thị Mai	11/4/1982	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2030	***ĐP*** 179	Nguyễn Thị Huyền	7/10/1989	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2031	***ĐP*** 180	Phạm Thị Hạnh	18/08/1985	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2032	***ĐP*** 181	Nguyễn Thị Thanh Huế	16/01/1989	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2033	***ĐP*** 182	Nguyễn Thị Thu Hà	29/08/1986	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2034	***ĐP*** 183	Lương Thị Hoài Thương	6/6/1986	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2035	***ĐP*** 184	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	2/27/1990	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2036	***ĐP*** 185	Phạm Thị Anh	05/09/1990	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2037	***ĐP*** 186	Phạm Thị Duyên	7/12/1982	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2038	***ĐP*** 187	Nguyễn Thị Yến	11/08/1982	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2039	***ĐP*** 188	Phạm Thị Hồng Nhung	8/2/1976	Hồng Hà	Đan Phượng	100	
2040	***ĐP*** 189	Nguyễn Thị Thủy	7/12/1981	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2041	***ĐP*** 190	Nguyễn Thị Quyên	1/10/1987	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2042	***ĐP*** 191	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/9/1972	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2043	***ĐP*** 192	Phạm Thị Thành	3/2/1986	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2044	***ĐP*** 193	Nguyễn Thị Ngọc Liên	11/12/1988	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2045	***ĐP*** 194	Nguyễn Thị Thà	08/8/1985	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2046	***ĐP*** 195	Nguyễn Thị Hợi	24/9/1983	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2047	***ĐP*** 196	Nguyễn Thị Minh Hiền	1/7/1974	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2048	***ĐP*** 197	Lưu Thị Hương	09/04/1989	Liên Hồng	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2049	***ĐP*** 198	Trần Thị Phương	29/09/1984	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2050	***ĐP*** 199	Nguyễn Thị Kim Thư	11/03/1988	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2051	***ĐP*** 200	Nguyễn Thị Văn	01/11/1974	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2052	***ĐP*** 201	Trần Thị Việt Hà	25/01/1971	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2053	***ĐP*** 202	Bùi Thị Nga	04/12/1978	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2054	***ĐP*** 203	Nguyễn Thị Hồng Đăng	16/08/1974	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2055	***ĐP*** 204	Nguyễn Thị Hạnh	11/01/1983	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2056	***ĐP*** 205	Vũ Thị Tuyết	12/04/1990	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2057	***ĐP*** 206	Nguyễn Thị Sáng	25/10/1973	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2058	***ĐP*** 207	Nguyễn Thị Thu Hằng	19/09/1972	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2059	***ĐP*** 208	Trần Thị Thủy	13/08/1976	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2060	***ĐP*** 209	Nguyễn Thị Tuyết	24/02/1985	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2061	***ĐP*** 210	Trịnh Thị Lệ	01/05/1989	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2062	***ĐP*** 211	Hoàng Thị Quyên	06/11/1988	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2063	***ĐP*** 212	Nguyễn Thị Ngọc	04/03/1989	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2064	***ĐP*** 213	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	08/03/1982	Liên Hồng	Đan Phượng	100	
2065	***ĐP*** 214	Trần Thị Tâm	17/7/1976	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2066	***ĐP*** 215	Nguyễn Thị Ngọc Chung	06/6/1982	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2067	***ĐP*** 216	Nguyễn Thị Xuân	17/5/1985	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2068	***ĐP*** 217	Lê Thị Yến	27/02/1980	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2069	***ĐP*** 218	Nguyễn Thị Hà	02/8/1988	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2070	***ĐP*** 219	Nguyễn Thị Ngọc Bích	24/6/1987	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2071	***ĐP*** 220	Nguyễn Thị Phượng	18/8/1991	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2072	***ĐP*** 221	Nguyễn Thị Lan Hương	30/10/1989	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2073	***ĐP*** 222	Uông Thị Vân	25/4/1992	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2074	***ĐP*** 223	Lê Như Ngọc	06/8/1979	Liên Hà	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2075	***ĐP*** 224	Nguyễn Thị Yến	19/01/1982	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2076	***ĐP*** 225	Nguyễn Thị Hương	31/12/1991	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2077	***ĐP*** 226	Lê Thị Hoa	10/8/1982	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2078	***ĐP*** 227	Lê Thị Hoàng Anh	25/5/1980	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2079	***ĐP*** 228	Phạm Thị Khuyên	02/10/1984	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2080	***ĐP*** 229	Lưu Thị Huệ	06/4/1986	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2081	***ĐP*** 230	Nguyễn Thị Hạnh	20/01/1988	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2082	***ĐP*** 231	Nguyễn Thị Hằng	28/12/1987	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2083	***ĐP*** 232	Vũ Thị Hương	22/5/1983	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2084	***ĐP*** 233	Vũ Thị Kim Xuyến	13/02/1992	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2085	***ĐP*** 234	Nguyễn Thị Hường	03/3/1988	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2086	***ĐP*** 235	Phạm Thị Ngọc	20/10/1990	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2087	***ĐP*** 236	Cao Thị Hậu	05/12/1982	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2088	***ĐP*** 237	Nguyễn Thị Hạnh	24/02/1985	Liên Hà	Đan Phượng	100	
2089	***ĐP*** 238	Nguyễn Thị Thanh Hương	9/28/1980	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2090	***ĐP*** 239	Nguyễn Thị Kim Lan	26/07/1969	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2091	***ĐP*** 240	Nguyễn Thị Thu Yến	12/04/1981	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2092	***ĐP*** 241	Nguyễn Thị Đào	04/12/1982	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2093	***ĐP*** 242	Hoàng Thị Thuý	25/11/1981	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2094	***ĐP*** 243	Lê Thị Tuyển	05/10/1973	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2095	***ĐP*** 244	Vũ Thị Điệp	20/07/1989	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2096	***ĐP*** 245	Nguyễn Thị Thanh	21/12/1986	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2097	***ĐP*** 246	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/09/1984	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2098	***ĐP*** 247	Nguyễn Thị Bích Ngọc	08/03/1974	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2099	***ĐP*** 248	Nguyễn Thị Minh Thuý	23/12/1991	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2100	***ĐP*** 249	Hoàng Thị Vinh	13/12/1987	Liên Trung	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2101	***ĐP*** 250	Hoàng Thị Hạnh	02/03/1983	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2102	***ĐP*** 251	Nguyễn Thị Lộc	16/10/1991	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2103	***ĐP*** 252	Nguyễn Thị Bích Hạnh	15/11/1981	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2104	***ĐP*** 253	Nguyễn Thị Lan Hương	2/11/1996	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2105	***ĐP*** 254	Nguyễn Thị Thu Thương	19/11/1990	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2106	***ĐP*** 255	Nguyễn Thị Hà	17/10/1976	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2107	***ĐP*** 256	Cao Thị Loan	17/2/1982	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2108	***ĐP*** 257	Nguyễn Thị Thanh Vân	15/12/1992	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2109	***ĐP*** 258	Nguyễn Thị Mai Hương	17/6/1990	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2110	***ĐP*** 259	Hoàng Thị Thu Hương	26/12/1980	Liên Trung	Đan Phượng	100	
2111	***ĐP*** 260	Hoàng Thị Thanh	05/06/1975	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2112	***ĐP*** 261	Nguyễn Thị Thu Hà	14/06/1983	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2113	***ĐP*** 262	Nguyễn Thị Kim Loan	13/09/1983	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2114	***ĐP*** 263	Nguyễn Thị Khuyên	04/12/1972	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2115	***ĐP*** 264	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/12/1970	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2116	***ĐP*** 265	Nguyễn Thị Hoa	10/02/1987	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2117	***ĐP*** 266	Hoàng Thị Bích Phương	05/08/1992	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2118	***ĐP*** 267	Nguyễn Thị Thu Hà	01/01/1982	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2119	***ĐP*** 268	Nguyễn Thị Thu	11/10/1984	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2120	***ĐP*** 269	Đào Vân Anh	28/12/1990	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2121	***ĐP*** 270	Trần Thị Mai	27/05/1990	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2122	***ĐP*** 271	Nguyễn Thị Sáng	05/11/1991	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2123	***ĐP*** 272	Nguyễn Thị Minh	16/04/1988	Thượng Mỗ	Đan Phượng	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
2124	***ĐP*** 273	Nguyễn Thị Gấm	19/09/1988	Thượng Mỗ	Đan Phượng	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
2125	***ĐP*** 274	Đặng Thị Thúy	09/10/1983	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2126	***ĐP*** 275	Đàm Thị Đường Mai	14/09/1987	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2127	***ĐP*** 276	Trần Thị Thìn	02/10/1974	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2128	***ĐP*** 277	Nguyễn Thị Dung	15/09/1991	Thượng Mỗ	Đan Phượng	100	
2129	***ĐP*** 278	Cao Thị Minh	15/8/1968	Hạ Mỗ	Đan Phượng	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
2130	***ĐP*** 279	Đào Thị Tuyết Trinh	06/10/1972	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2131	***ĐP*** 280	Nguyễn Thị Vân	07/01/1978	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2132	***ĐP*** 281	Nguyễn Thị Vân	30/12/1989	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2133	***ĐP*** 282	Nguyễn Thị Dung	19/02/1981	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2134	***ĐP*** 283	Bùi Thị Hải	15/02/1988	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2135	***ĐP*** 284	Nguyễn Thị Nga	12/6/1991	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2136	***ĐP*** 285	Nguyễn Thị Hương	16/6/1977	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2137	***ĐP*** 286	Uông Thị Hải Yến	02/01/1979	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2138	***ĐP*** 287	Phạm Thị Tuyết	14/02/1991	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2139	***ĐP*** 288	Đào Bích Nguyệt	15/8/1990	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2140	***ĐP*** 289	Nguyễn Thị Hoa	26/01/1991	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2141	***ĐP*** 290	Nguyễn Thị Mỵ	21/02/1980	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2142	***ĐP*** 291	Bùi Thị Hoài	28/12/1983	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2143	***ĐP*** 292	Nguyễn Thị Hương	15/5/1981	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2144	***ĐP*** 293	Bùi Thị Lý	30/11/1984	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2145	***ĐP*** 294	Nguyễn Thị Thắm	20/10/1976	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2146	***ĐP*** 295	Bùi Thị Hoài	13/8/1977	Hạ Mỗ	Đan Phượng	100	
2147	***ĐP*** 296	Ngô Thị Nhã	02/04/1982	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2148	***ĐP*** 297	Trần Thị Đông	01/04/1969	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2149	***ĐP*** 298	Vũ Thị Hương	10/7/1980	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2150	***ĐP*** 299	Nguyễn Thị Hiền	04/02/1980	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2151	***ĐP*** 300	Đỗ Thị Hạnh	18/01/1982	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2152	***ĐP*** 301	Nguyễn Thị Quyết	18/8/1985	Tân Hội A	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2153	***ĐP*** 302	Nguyễn Thị Bích Phương	21/11/1990	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2154	***ĐP*** 303	Nguyễn Thị Thư	22/08/1991	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2155	***ĐP*** 304	Đào Thị Thanh Vân	05/08/1992	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2156	***ĐP*** 305	Ngô Thị Hoà	22/03/1982	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2157	***ĐP*** 306	Đông Thị Huyền	28/7/1986	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2158	***ĐP*** 307	Nguyễn Thu Trang	05/02/1992	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2159	***ĐP*** 308	Nguyễn Thị Trà Giang	04/04/1993	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2160	***ĐP*** 309	Nguyễn Thị Thuý Ngân	18/11/1996	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2161	***ĐP*** 310	Nguyễn Thị Mai	17/08/1978	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2162	***ĐP*** 311	Phùng Thị Bích Phượng	21/02/1983	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2163	***ĐP*** 312	Tạ Thị Tình	05/12/1991	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2164	***ĐP*** 313	Nguyễn Thị Phương	10/08/1995	Tân Hội A	Đan Phượng	100	
2165	***ĐP*** 314	Quách Thị Thu Hà	18/07/1974	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2166	***ĐP*** 315	Nguyễn Thị Mai Trang	11/03/1990	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2167	***ĐP*** 316	Nguyễn Thị Minh Hạnh	09/9/1983	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2168	***ĐP*** 317	Nguyễn Thị Quyên	27/07/1978	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2169	***ĐP*** 318	Quách Thị Hạnh	22/02/1972	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2170	***ĐP*** 319	Nguyễn Thị Thủy	02/01/1991	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2171	***ĐP*** 320	Kim Thị Vân Anh	14/05/1991	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2172	***ĐP*** 321	Nguyễn Thị Xuân	23/12/1990	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2173	***ĐP*** 322	Nguyễn Thị Hồng	07/08/1991	Tân Hội B	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
2174	***ĐP*** 323	Đông Thị Trang	09/08/1992	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2175	***ĐP*** 324	Nguyễn Thị Hương	28/10/1991	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2176	***ĐP*** 325	Hà Thị Hường	18/10/1988	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2177	***ĐP*** 326	Nguyễn Thị Nghi	28/11/1982	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2178	***ĐP*** 327	Đỗ Thị Huyền	11/11/1986	Tân Hội B	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2179	***ĐP*** 328	Thế Thị Hải Yến	03/03/1985	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2180	***ĐP*** 329	Nguyễn Thị Hảo	30/10/1978	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2181	***ĐP*** 330	Đông Thị Thanh Trang	03/07/1981	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2182	***ĐP*** 331	Nguyễn Thị Hạnh	10/10/1985	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2183	***ĐP*** 332	Trọng Thị Kim Oanh	26/11/1994	Tân Hội B	Đan Phượng	100	
2184	***ĐP*** 333	Nguyễn Thị Thu Hiền	1/1/1980	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2185	***ĐP*** 334	Lê Thị Minh Tuyết	9/4/1980	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2186	***ĐP*** 335	Đinh Thị Thanh Hải	5/30/1982	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2187	***ĐP*** 336	Nguyễn Thị Vân	8/9/1990	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2188	***ĐP*** 337	Nguyễn Thị Nga	3/31/1981	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2189	***ĐP*** 338	Bá Thị Tình	6/3/1986	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2190	***ĐP*** 339	Nguyễn Thị Thảo	5/10/1985	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2191	***ĐP*** 340	Nguyễn Thị Ngọc Lan	18/10/1989	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2192	***ĐP*** 341	Nguyễn Thị Lệ Quyên	26/07/1991	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2193	***ĐP*** 342	Nguyễn Thúy Hạnh	11/7/1983	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2194	***ĐP*** 343	Nguyễn Thị Kim Cúc	4/10/1989	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2195	***ĐP*** 344	Nguyễn Thi Hồng Nhung	9/4/1992	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2196	***ĐP*** 345	Nguyễn Thị Huệ	1/3/1992	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2197	***ĐP*** 346	Nguyễn Thị Vinh	8/14/1991	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2198	***ĐP*** 347	Nguyễn Thị Tiến	8/9/1987	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2199	***ĐP*** 348	Nguyễn Thị Thúy	7/23/1981	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2200	***ĐP*** 349	Nguyễn Thị Thu Thảo	27//07/1985	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2201	***ĐP*** 350	Nguyễn Thị Nhị	1/1/1985	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2202	***ĐP*** 351	Bùi Thị Hương	13/05/1991	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2203	***ĐP*** 352	Đỗ Thị Truyền	21/12/1986	Tân Lập	Đan Phượng	100	
2204	***ĐP*** 353	Nguyễn Thị Hương	03/01/1980	Tân Lập B	Đan Phượng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2205	***ĐP*** 354	Ngọc Thị Thanh Lý	04/01/1980	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2206	***ĐP*** 355	Lê Thanh Vân	29/12/1978	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2207	***ĐP*** 356	Nguyễn Thị Vân Hoa	18/10/1986	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2208	***ĐP*** 357	Nguyễn Thị Thanh Nhung	17/9/1984	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2209	***ĐP*** 358	Nguyễn Thị Mai	16/8/1980	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2210	***ĐP*** 359	Nguyễn Thị Hương	22/12/1991	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2211	***ĐP*** 360	Nguyễn Thị Chuyên	29/11/1981	Tân Lập B	Đan Phượng	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
2212	***ĐP*** 361	Nguyễn Thị Liễu	08/10/1991	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2213	***ĐP*** 362	Nguyễn Thu Hường	19/6/1990	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2214	***ĐP*** 363	Nguyễn Thị Xuân	02/02/1981	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2215	***ĐP*** 364	Thế Thị Thư	14/12/1988	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2216	***ĐP*** 365	Trần Thị Kim Ngân	23/02/1985	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2217	***ĐP*** 366	Nguyễn Thị Minh Thúy	02/8/1981	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2218	***ĐP*** 367	Lê Thị Thu Hà	03/3/1995	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2219	***ĐP*** 368	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	03/9/1992	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2220	***ĐP*** 369	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/8/1992	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2221	***ĐP*** 370	Công Thị Thành	07/10/1982	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2222	***ĐP*** 371	Lê Thị Huyền	07/9/1989	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2223	***ĐP*** 372	Nguyễn Ngọc Diệp	25/01/1980	Tân Lập B	Đan Phượng	100	
2224	**ĐA**001	Nguyễn Kim Thoa	10/3/1982	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2225	**ĐA**002	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/9/1976	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2226	**ĐA**003	Lê Thị Thu	9/18/1983	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2227	**ĐA**004	Lê Thị Thúy Hiền	6/9/1976	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2228	**ĐA**005	Hoàng Thị Hồng Hạnh	11/8/1982	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2229	**ĐA**006	Đặng Thị Hương Liễu	17/1/1988	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2230	**ĐA**007	Phạm Thị Bích Mai	9/16/1990	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2231	**ĐA**008	Hà Thị Ánh Tuyết	5/23/1983	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2232	**ĐA**009	Vương Thị Kim Phương	1/11/1989	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2233	**ĐA**010	Vương Thị Thùy Linh	5/22/1989	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2234	**ĐA**011	Lưu Thanh Thủy	4/24/1984	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2235	**ĐA**012	Phạm Thị Thủy	12/11/1980	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2236	**ĐA**013	Vương Thị Thanh Hà	28/10/1991	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2237	**ĐA**014	Nguyễn Thị Hường	5/11/1992	Đại Mạch	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2238	**ĐA**015	Nguyễn Thị Giang	17/11/1989	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2239	**ĐA**016	Nguyễn Thị Thì	25/8/1974	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2240	**ĐA**017	Lưu Thị Hiên	15/12/1983	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2241	**ĐA**018	Phạm Thị Huệ	18/11/1989	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2242	**ĐA**019	Phạm Bích Phương	17/2/1993	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2243	**ĐA**020	Lưu Thị Thúy Nhàn	14/10/1978	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2244	**ĐA**021	Trần Thị Loan	18/6/1976	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2245	**ĐA**022	Đàm Thị Từ	20/7/1983	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2246	**ĐA**023	Vương Thanh Hường	8/9/1981	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2247	**ĐA**024	Vũ Thị Thùy	2/17/1989	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2248	**ĐA**025	Lê Thị Bình	15/8/1987	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2249	**ĐA**026	Nguyễn Thị Hường	7/1/1990	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2250	**ĐA**027	Hà Thị Quý	6/15/1979	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2251	**ĐA**028	Trần Thị Hoa	23/4/1985	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2252	**ĐA**029	Nguyễn Thị Hồng	26/5/1994	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2253	**ĐA**030	Bùi Thị Loan	9/1/1984	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2254	**ĐA**031	Nguyễn Thị Khá	7/6/1977	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2255	**ĐA**032	Nguyễn Thị Thảo	5/21/1989	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2256	**ĐA**033	Vương Thị Tuyết	2/14/1973	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2257	**ĐA**034	Vương Thị Phương	6/5/1971	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2258	**ĐA**035	Vương Thị Hoa	10/12/1972	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2259	**ĐA**036	Vương Thị Ngà	17/7/1984	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2260	**ĐA**037	Trần Huệ Nhung	15/11/1988	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2261	**ĐA**038	Phạm Thị Quyên	7/9/1979	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2262	**ĐA**039	Nguyễn Thị Thêm	24/10/1984	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2263	**ĐA**040	Vương Thị Kim Yến	25/10/1991	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2264	**ĐA**041	Nguyễn Kim Thu	6/23/1992	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2265	**ĐA**042	Nguyễn Mỹ Thanh	20/1/1991	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2266	**ĐA**043	Vương Thị Định	2/20/1991	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2267	**ĐA**044	Vương Thị Đào Liễu	22/1/1976	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2268	**ĐA**045	Nguyễn Thị Vinh	1/12/1992	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2269	**ĐA**046	Vương Thị Thủy	6/10/1981	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2270	**ĐA**047	Vy Thị Yến	18/3/1988	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2271	**ĐA**048	Nguyễn Thị Minh Thúy	29/6/1988	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2272	**ĐA**049	Đàm Thị Hồng	9/11/1989	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2273	**ĐA**050	Trần Thị Lý	7/11/1987	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2274	**ĐA**051	Vương Thị Mai	25/5/1988	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2275	**ĐA**052	Nguyễn Thị Thùy	11/11/1984	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2276	**ĐA**053	Nguyễn Thị Sim	6/3/1991	Đại Mạch	Đông Anh	100	
2277	**ĐA**054	Nguyễn Thị Thắng	21/11/1974	Võng La	Đông Anh	100	
2278	**ĐA**055	Nguyễn Thị Yến	07/03/1976	Võng La	Đông Anh	100	
2279	**ĐA**056	Nguyễn Thị Duân	21/10/1973	Võng La	Đông Anh	100	
2280	**ĐA**057	Nguyễn Thị Kiều Hoa	5/10/1976	Võng La	Đông Anh	100	
2281	**ĐA**058	Lê Thị Kim Nhung	02/08/1981	Võng La	Đông Anh	100	
2282	**ĐA**059	Hà Thị Sinh	05/04/1981	Võng La	Đông Anh	100	
2283	**ĐA**060	Nguyễn Ánh Tuyết	06/06/1985	Võng La	Đông Anh	100	
2284	**ĐA**061	Nguyễn Thị Hải Hà	7/10/1983	Võng La	Đông Anh	100	
2285	**ĐA**062	Nguyễn Thị Mai Hương	11/11/1980	Võng La	Đông Anh	100	
2286	**ĐA**063	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19/1/1981	Võng La	Đông Anh	100	
2287	**ĐA**064	Nguyễn Thị Kim Hằng	01/02/1978	Võng La	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2288	**ĐA**065	Nguyễn Thị Nhung	30/10/1975	Võng La	Đông Anh	100	
2289	**ĐA**066	Hoàng Thị Định	5/26/1986	Võng La	Đông Anh	100	
2290	**ĐA**067	Nguyễn Thị Thu Giang	1/20/1981	Võng La	Đông Anh	100	
2291	**ĐA**068	Phan Thị Kim Anh	8/14/1970	Võng La	Đông Anh	100	
2292	**ĐA**069	Nguyễn Thị Giang	25/12/1984	Võng La	Đông Anh	100	
2293	**ĐA**070	Trần Thị Thúy	6/26/1983	Võng La	Đông Anh	100	
2294	**ĐA**071	Nguyễn Thị Thuý Hằng	10/8/1983	Võng La	Đông Anh	100	
2295	**ĐA**072	Phùng Thị Lý	18/12/1988	Võng La	Đông Anh	100	
2296	**ĐA**073	Hoàng Thị Hải	8/1/1991	Võng La	Đông Anh	100	
2297	**ĐA**074	Nguyễn Thị Thuận	30/11/1986	Võng La	Đông Anh	100	
2298	**ĐA**075	Nguyễn Thị Thanh Mai	2/21/1974	Võng La	Đông Anh	100	
2299	**ĐA**076	Lê Thị Tám	04/10/1971	Võng La	Đông Anh	100	
2300	**ĐA**077	Phan Bích Huệ	15/10/1973	Võng La	Đông Anh	100	
2301	**ĐA**078	Hà Thị Hòa	05/08/1993	Võng La	Đông Anh	100	
2302	**ĐA**079	Nguyễn Thị Thoan	9/9/1973	Võng La	Đông Anh	100	
2303	**ĐA**080	Đàm Thị Hà	3/1/1995	Võng La	Đông Anh	100	
2304	**ĐA**081	Nguyễn Như Quỳnh	11/7/1993	Võng La	Đông Anh	100	
2305	**ĐA**082	Phan Huyền Anh	21/05/1988	Võng La	Đông Anh	100	
2306	**ĐA**083	Nguyễn Thị Nhập	5/9/1968	Võng La	Đông Anh	100	
2307	**ĐA**084	Phan Thị Mai	27/10/1969	Võng La	Đông Anh	100	
2308	**ĐA**085	Nguyễn Thi Xanh	4/10/1968	Võng La	Đông Anh	100	
2309	**ĐA**086	Lưu Thị Tuyến	10/12/1968	Võng La	Đông Anh	100	
2310	**ĐA**087	Nguyễn Thị Thảo	07/ 02/ 1977	Võng La	Đông Anh	100	
2311	**ĐA**088	Nguyễn Thị Mai	16/04/1977	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2312	**ĐA**089	Nguyễn Thị Thu Phương	09/04/1989	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2313	**ĐA**090	Tô Thị Anh	7/10/1987	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2314	**ĐA**091	Nguyễn Thị Hồng Vân	2/5/1984	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2315	**ĐA**092	Nguyễn Thị Kim Sinh	14/3/1985	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2316	**ĐA**093	Nguyễn Thị Hương Giang	21/9/1985	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2317	**ĐA**094	Ngô Thị Chi	22/12/1983	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2318	**ĐA**095	Lê Thị Thuý	12/2/1984	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2319	**ĐA**096	Đinh Thị Ngọc Bích	10/9/1987	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2320	**ĐA**097	Hà Thị Thu Thuỷ	10/11/1981	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2321	**ĐA**098	Hà Thị Hải	6/7/1975	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2322	**ĐA**099	Nguyễn Thị Hoa	10/1/1983	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2323	**ĐA**100	Nguyễn Thị Luyến	16/2//1980	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2324	**ĐA**101	Ngô Thị Kim Ngân	15/8/1983	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2325	**ĐA**102	Nguyễn Thị Lan	20/9/1981	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2326	**ĐA**103	Tô Thuý Hằng	30/1/1987	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2327	**ĐA**104	Tô Thị Thuý	10/10/1977	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2328	**ĐA**105	Nguyễn Thị Anh	10/12/1979	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2329	**ĐA**106	Trần Thị Nụ	17/10/1991	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2330	**ĐA**107	Nguyễn Thị Nguyệt Thanh	2/6/1982	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2331	**ĐA**108	Hoàng Thị Bích Ngần	21/11/1988	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2332	**ĐA**109	Hà Thị Thảo	8/7/1991	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2333	**ĐA**110	Hoàng Thị Quỳnh Nga	19/7/1982	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2334	**ĐA**111	Nguyễn Thị Hiệp	7/23/1987	Nguyên Khê	Đông Anh	95	Năm 2021-2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
2335	**ĐA**112	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4/23/1994	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2336	**ĐA**113	Nguyễn Thị Lan	4/22/1988	Nguyên Khê	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2337	**ĐA**114	Nguyễn Thị Hà	24/7/1991	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2338	**ĐA**115	Nguyễn Thị Hà	4/17/1985	Nguyên Khê	Đông Anh	100	
2339	**ĐA**116	Nguyễn Thị Liên	3/15/1981	Kim Chung	Đông Anh	100	
2340	**ĐA**117	Lê Thị Tấm	1/22/1976	Kim Chung	Đông Anh	100	
2341	**ĐA**118	Đỗ Thị Bích Nguyệt	11/3/1980	Kim Chung	Đông Anh	100	
2342	**ĐA**119	Hoàng Thi Mây	7/13/1977	Kim Chung	Đông Anh	100	
2343	**ĐA**120	Phan Thị Bích Dung	11/23/1984	Kim Chung	Đông Anh	100	
2344	**ĐA**121	Trần Thị Hà	7/14/1977	Kim Chung	Đông Anh	100	
2345	**ĐA**122	Phạm Thị Ngát	12/25/1973	Kim Chung	Đông Anh	100	
2346	**ĐA**123	Nguyễn Thị Quyên	11/8/1981	Kim Chung	Đông Anh	100	
2347	**ĐA**124	Nguyễn Thị Ngần	12/1/1978	Kim Chung	Đông Anh	100	
2348	**ĐA**125	Lê Thị Hà	8/2/1988	Kim Chung	Đông Anh	100	
2349	**ĐA**126	Nguyễn Thị Thu Huyền	3/14/1993	Kim Chung	Đông Anh	100	
2350	**ĐA**127	Hoàng Thị Thắm	1/13/1991	Kim Chung	Đông Anh	100	
2351	**ĐA**128	Phạm Thị Đức	11/6/1983	Kim Chung	Đông Anh	100	
2352	**ĐA**129	Đỗ Thị Thơ	2/29/1980	Kim Chung	Đông Anh	100	
2353	**ĐA**130	Lê Thị Hợi	1/28/1983	Kim Chung	Đông Anh	100	
2354	**ĐA**131	Nguyễn Thị Kim Dung	10/24/1979	Kim Chung	Đông Anh	100	
2355	**ĐA**132	Lê Thị Thu Thuỷ	2/6/1983	Kim Chung	Đông Anh	100	
2356	**ĐA**133	Lê Phương Thuý	1/1/1984	Kim Chung	Đông Anh	100	
2357	**ĐA**134	Phạm Thị Hường	6/20/1981	Kim Chung	Đông Anh	100	
2358	**ĐA**135	Nguyễn Thị Trịnh	7/25/1977	Kim Chung	Đông Anh	100	
2359	**ĐA**136	Nguyễn Thị Kim Dung	1/23/1991	Kim Chung	Đông Anh	100	
2360	**ĐA**137	Nguyễn Thị Hường	04/08/1987	Kim Chung	Đông Anh	100	
2361	**ĐA**138	Lê Thị Nhã	12/12/1978	Kim Chung	Đông Anh	100	
2362	**ĐA**139	Phan Thị Miền	4/28/1977	Kim Chung	Đông Anh	100	
2363	**ĐA**140	Nguyễn Thị Thúy	8/16/1985	Kim Chung	Đông Anh	100	
2364	**ĐA**141	Nguyễn Thị Phương	15/11/1985	Kim Chung	Đông Anh	100	
2365	**ĐA**142	Lê Thị Tươi	10/25/1992	Kim Chung	Đông Anh	100	
2366	**ĐA**143	Trần Thị Thủy	10/22/1989	Kim Chung	Đông Anh	100	
2367	**ĐA**144	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	5/24/1987	Kim Chung	Đông Anh	100	
2368	**ĐA**145	Lê Thị Hường	10/4/1992	Kim Chung	Đông Anh	100	
2369	**ĐA**146	Nguyễn Thị Thu Thanh	8/22/1991	Kim Chung	Đông Anh	100	
2370	**ĐA**147	Nguyễn Thị Ngọc	8/15/1989	Kim Chung	Đông Anh	100	
2371	**ĐA**148	Trần Phương Loan	7/17/1988	Kim Chung	Đông Anh	100	
2372	**ĐA**149	Lê Thị Đáng	11/17/1969	Kim Chung	Đông Anh	100	
2373	**ĐA**150	Nguyễn Thị Hằng	7/12/1969	Kim Chung	Đông Anh	100	
2374	**ĐA**151	Hoàng Thị Thơi	16/01/1974	Hoạ My	Đông Anh	100	
2375	**ĐA**152	Nguyễn Thị Huế	22/10/1975	Hoạ My	Đông Anh	100	
2376	**ĐA**153	Nguyễn Thị Thúy	21/02/1974	Hoạ My	Đông Anh	100	
2377	**ĐA**154	Trần Thị Tuyết	10/10/1968	Hoạ My	Đông Anh	100	
2378	**ĐA**155	Nguyễn Thị Thoa	20/02/1974	Hoạ My	Đông Anh	100	
2379	**ĐA**156	Bùi Thị Thức	02/03/1973	Hoạ My	Đông Anh	100	
2380	**ĐA**157	Nguyễn Thị Nam	09/8/1976	Hoạ My	Đông Anh	100	
2381	**ĐA**158	Hoàng Thị Lan	22/07/1978	Hoạ My	Đông Anh	100	
2382	**ĐA**159	Đặng Thị Mận	20/12/1978	Hoạ My	Đông Anh	100	
2383	**ĐA**160	Văn Thị Bích Hạnh	10/12/1982	Hoạ My	Đông Anh	100	
2384	**ĐA**161	Nguyễn Thị Ánh	2/3/1990	Hoạ My	Đông Anh	100	
2385	**ĐA**162	Vương Thị Hà	21/05/1987	Hoạ My	Đông Anh	100	
2386	**ĐA**163	Nguyễn Thị Ái	18/08/1979	Hoạ My	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2387	**ĐA**164	Cao Thị Vân	20/07/1985	Hoạ My	Đông Anh	100	
2388	**ĐA**165	Nguyễn Thị Toàn	03/10/1982	Hoạ My	Đông Anh	100	
2389	**ĐA**166	Nguyễn Thị Thoa	30/05/1992	Hoạ My	Đông Anh	100	
2390	**ĐA**167	Nguyễn Ánh Tuyết	13/04/1987	Hoạ My	Đông Anh	100	
2391	**ĐA**168	Nguyễn Thị Hương	05/01/1975	Hoạ My	Đông Anh	100	
2392	**ĐA**169	Nguyễn Thị Thu Hương	10/9/1970	Hoạ My	Đông Anh	100	
2393	**ĐA**170	Trần Thị Lan	06/11/1981	Hoạ My	Đông Anh	100	
2394	**ĐA**171	Lê Thị Nguyệt	27/05/1982	Hoạ My	Đông Anh	100	
2395	**ĐA**172	Hoàng Thị Lương	10/02/1993	Hoạ My	Đông Anh	100	
2396	**ĐA**173	Nguyễn Thị Ngọc	19/09/1993	Hoạ My	Đông Anh	100	
2397	**ĐA**174	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/09/1993	Hoạ My	Đông Anh	100	
2398	**ĐA**175	Hoàng Thị Kim Dung	12/10/1991	Hoạ My	Đông Anh	100	
2399	**ĐA**176	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/6/1990	Hoạ My	Đông Anh	100	
2400	**ĐA**177	Nguyễn Thị Thơm	01/3/1993	Hoạ My	Đông Anh	100	
2401	**ĐA**178	Hoàng Thị Hà	02/12/1991	Hoạ My	Đông Anh	100	
2402	**ĐA**179	Nguyễn Thị Hoài	22/7/1989	Hoạ My	Đông Anh	100	
2403	**ĐA**180	Hoàng Thị Yến	25/04/1987	Hoạ My	Đông Anh	100	
2404	**ĐA**181	Nguyễn Thị Thanh Hằng	28/9/1993	Hoạ My	Đông Anh	100	
2405	**ĐA**182	Nguyễn Thị Tuyết Mai	25/2/1993	Hoạ My	Đông Anh	100	
2406	**ĐA**183	Lê Huyền Thu	16/01/1987	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2407	**ĐA**184	Phạm Thị Hiền	20/05/1984	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2408	**ĐA**185	Lê Thị Bính	01/8/1974	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2409	**ĐA**186	Nguyễn Thị Huệ	16/7/1987	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2410	**ĐA**187	Hà Lệ Tri	12/6/1985	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2411	**ĐA**188	Lê Thị Kim Dung	05/9/1980	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2412	**ĐA**189	Dương Thị Sâm	13/2/1982	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2413	**ĐA**190	Phạm Thanh Hương	25/5/1974	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2414	**ĐA**191	Lê Thị Hồng Ánh	30/12/1980	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2415	**ĐA**192	Phạm Thị Hồng Ninh	08/09/1977	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2416	**ĐA**193	Trần Thị Thu Ngân	21/5/1985	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2417	**ĐA**194	Phan Ánh Tuyết	16/11/1980	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2418	**ĐA**195	Vương Thị Ngọc Mai	25/5/1990	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2419	**ĐA**196	Trần Thị Thanh Thúy	18/7/1983	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2420	**ĐA**197	Lê Thị Thanh Lập	25/02/1985	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2421	**ĐA**198	Lê Thị Thuyết	20/08/1975	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2422	**ĐA**199	Trần Thị Kiều Oanh	05/03/1973	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2423	**ĐA**200	Trần Thị Hồng Huế	10/11/1986	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2424	**ĐA**201	Đỗ Thị Thu	19/09/1990	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2425	**ĐA**202	Lưu Thị Thanh Dư	13/07/1990	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2426	**ĐA**203	Nguyễn Thị Vân	07/09/1981	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2427	**ĐA**204	Lưu Thị Lệ	20/02/1992	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2428	**ĐA**205	Trần Thị Thu Huyền	05/04/1984	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2429	**ĐA**206	Uông Thị Hồng Lê	13/01/1981	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2430	**ĐA**207	Lê Thị Loan	12/10/1981	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2431	**ĐA**208	Trương Thị Ngà	19/05/1980	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2432	**ĐA**209	Trần Thị Minh Phúc	15/07/1987	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2433	**ĐA**210	Nguyễn Thị Huệ	08/03/1982	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2434	**ĐA**211	Nguyễn Thị Quyên	05/07/1987	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2435	**ĐA**212	Lê Thị Ánh	07/11/1987	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2436	**ĐA**213	Phan Thị Bích Hậu	20/9/1990	Kim Chung A	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2437	**ĐA**214	Lê Thị Tuyết Lan	26/3/1990	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2438	**ĐA**215	Nguyễn Thị An Giang	20/5/1992	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2439	**ĐA**216	Trần Thị Mến	26/03/1981	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2440	**ĐA**217	Nguyễn Hồng Linh	12/06/1991	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2441	**ĐA**218	Vương Thị Linh	30/10/1989	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2442	**ĐA**219	Lê Thị Thơm	30/12/1981	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2443	**ĐA**220	Lê Thảo Trang	28/09/1996	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2444	**ĐA**221	Nguyễn Thương Thương	22/10/1994	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2445	**ĐA**222	Nguyễn Diệu Ly	04/03/1994	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2446	**ĐA**223	Nguyễn Thị Huyền	14/01/1991	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2447	**ĐA**224	Nguyễn Thị Tuyết Mai	27/09/1990	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2448	**ĐA**225	Hoàng Thị Thu	07/08/1990	Kim Chung A	Đông Anh	100	
2449	**ĐA**226	Đinh Thị Việt Nga	04/05/1983	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2450	**ĐA**227	Ngô Thị Thanh Quỳnh	21/07/1978	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2451	**ĐA**228	Nguyễn Thuỳ Chinh	10/10/1990	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2452	**ĐA**229	Nguyễn Thị Thực	01/01/1984	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2453	**ĐA**230	Nguyễn Thị Phương	01/06/1991	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2454	**ĐA**231	Nguyễn Thị Thu Trang	20/07/1984	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2455	**ĐA**232	Ngô Thị Ly	14/04/1993	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2456	**ĐA**233	Nguyễn Thị Thu Hường	17/11/1990	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2457	**ĐA**234	Hoàng Thị Vân	28/10/1992	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2458	**ĐA**235	Lê Dung Hoà	01/08/1981	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2459	**ĐA**236	Ngô Thi Hằng	28/02/1991	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2460	**ĐA**237	Trương Thị Mai Hương	16/06/1993	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2461	**ĐA**238	Nguyễn Thị Linh	16/12/1992	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2462	**ĐA**239	Nguyễn Thu Hà	04/05/1984	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2463	**ĐA**240	Nguyễn Thị Bình	26/07/1981	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2464	**ĐA**241	Từ Thị Thoa	04/06/1968	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2465	**ĐA**242	Dương Thuỳ Liên	06/12/1988	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2466	**ĐA**243	Đỗ Thị Thủy	01/03/1987	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2467	**ĐA**244	Nguyễn Thị Thanh Thuý	15/10/1990	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2468	**ĐA**245	Đinh Thị Thu Hiền	02/08/1994	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2469	**ĐA**246	Nguyễn Thị Hằng	02/08/1995	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2470	**ĐA**247	Trần Thị Minh	26/10/1985	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2471	**ĐA**248	Nguyễn Thị Thao	30/08/1991	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2472	**ĐA**249	Nguyễn Thị Hồng Vân	21/05/1973	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2473	**ĐA**250	Dương Thị Hiệp	04/07/1990	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2474	**ĐA**251	Nguyễn Thị Phượng	08/01/1990	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2475	**ĐA**252	Nguyễn Thị Hồng Minh	17/06/1981	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2476	**ĐA**253	Tô Thị Luyện	30/12/1977	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2477	**ĐA**254	Nguyễn Thị Hương	04/06/1977	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2478	**ĐA**255	Nguyễn Thị Huyền Trang	30/11/1992	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2479	**ĐA**256	Nguyễn Thị Thanh Huyền	08/04/1990	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2480	**ĐA**257	Nguyễn Thị Lý	15/09/1990	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2481	**ĐA**258	Nguyễn Thị Thu Hường	03/10/1974	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2482	**ĐA**259	Nguyễn Thị Lan Anh	20/12/1981	Xuân Nộn	Đông Anh	100	
2483	**ĐA**260	Nguyễn Thị Vân Anh	01/01/1983	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2484	**ĐA**261	Nguyễn Thị Thanh Hương	12/1/1979	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2485	**ĐA**262	Phan Thị Thanh Sim	6/13/1981	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2486	**ĐA**263	Nguyễn Thị Liên	10/27/1981	Hoa Lâm	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2487	**ĐA**264	Nguyễn Thị Hồng	2/3/1992	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2488	**ĐA**265	Ngô Thị Duyên	02/12/1992	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2489	**ĐA**266	Đỗ Thị Kim Yến	12/23/1985	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2490	**ĐA**267	Bùi Thị Thu Trang	10/1/1991	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2491	**ĐA**268	Mai Thị Thu Thảo	10/15/1981	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2492	**ĐA**269	Đào Thị Hải	11/14/1988	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2493	**ĐA**270	Nguyễn Thị Phương Thu	7/3/1985	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2494	**ĐA**271	Mai Thị Thu Khuyên	12/18/1988	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2495	**ĐA**272	Đào Thu Hà	1/24/1979	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2496	**ĐA**273	Đào Thị Huệ	6/1/1986	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2497	**ĐA**274	Hà Thị Minh	4/17/1989	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2498	**ĐA**275	Hoàng Thị Lụa	7/13/1971	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2499	**ĐA**276	Đỗ Thị Giang	10/7/1971	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2500	**ĐA**277	Trần Thị Hải	11/18/1994	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2501	**ĐA**278	Tạ Thị Tuyết Chinh	2/25/1986	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2502	**ĐA**279	Nguyễn Thị Kim Phụng	1/14/1993	Hoa Lâm	Đông Anh	100	
2503	**ĐA**280	Đào Thị Thúy	31/01/1982	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2504	**ĐA**281	Nguyễn Thị Thu	31/12/1983	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2505	**ĐA**282	Hoàng Thị Nga	08/01/1992	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2506	**ĐA**283	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/11/1992	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2507	**ĐA**284	Trịnh Thị Lê	03/05/1988	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2508	**ĐA**285	Ngô Thị Hằng	20/02/1990	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2509	**ĐA**286	Ngô Thị Thảo	07/10/1987	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2510	**ĐA**287	Ngô Thị Thư	01/10/1983	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2511	**ĐA**288	Lê Hồng Vân	14/09/1989	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2512	**ĐA**289	Nguyễn Thị Thưởng	15/06/1989	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2513	**ĐA**290	Phạm Thị Thu Hương	27/12/1980	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2514	**ĐA**291	Đoàn Thị Kim Lan	20/03/1972	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2515	**ĐA**292	Nguyễn Thị Lĩnh	16/10/1990	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2516	**ĐA**293	Nguyễn Thu Phương	13/03/1988	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2517	**ĐA**294	Hoàng Thị Thơm	03/12/1992	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2518	**ĐA**295	Trần Thị Hiền	27/01/1981	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2519	**ĐA**296	Lê Thị Hồng Liên	05/03/1992	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2520	**ĐA**297	Nguyễn Thị Hoàn	28/05/1987	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2521	**ĐA**298	Nguyễn Thị Duyên	28/02/1985	Thụy Lâm	Đông Anh	100	
2522	**ĐA**299	Nguyễn Thị Nhàn	26/01/1983	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2523	**ĐA**300	Nguyễn Thị Thu Hà	17/11/1980	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2524	**ĐA**301	Đào Thị Kim Yến	08/12/1987	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2525	**ĐA**302	Hoàng Thị Hà	26/10/1973	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2526	**ĐA**303	Đỗ Thị Thu Phương	22/08/1981	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2527	**ĐA**304	Nguyễn Thị Hồng Vân	26/12/1979	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2528	**ĐA**305	Nguyễn Thị Lệ Hằng	25/02/1981	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2529	**ĐA**306	Lê Thị Giang	28/12/1979	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2530	**ĐA**307	Lại Thị Doan	18/3/1982	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2531	**ĐA**308	Lê Thị Huệ	15/08/1983	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2532	**ĐA**309	Đỗ Thị Quỳnh Giao	05/10/1985	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2533	**ĐA**310	Hoàng Thị Liễu	14/11/1986	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2534	**ĐA**311	Lê Hồng Hạnh	06/12/1984	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2535	**ĐA**312	Đào Thị Ngọc	02/08/1991	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2536	**ĐA**313	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	08/02/1990	Cổ Loa	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2537	**ĐA**314	Nguyễn Thị Bích	19/07/1991	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2538	**ĐA**315	Phạm Thị Thái	12/07/1990	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2539	**ĐA**316	Nguyễn Hồng Liên	08/06/1992	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2540	**ĐA**317	Nguyễn Thanh Loan	25/03/1981	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2541	**ĐA**318	Nguyễn Thị Phương	29/11/1987	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2542	**ĐA**319	Hoàng Thị Kim Dung	21/08/1992	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2543	**ĐA**320	Tạ Thị Tuyết Lan	14/09/1992	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2544	**ĐA**321	Trương Thị Hoa	24/11/1992	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2545	**ĐA**322	Đặng Thị Trinh	19/09/1987	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2546	**ĐA**323	Lê Thị Hường	29/07/1986	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2547	**ĐA**324	Nguyễn Thị Phương	14/01/1982	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2548	**ĐA**325	Nguyễn Thị Hoa	04/05/1979	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2549	**ĐA**326	Nguyễn Thị Dung	23/10/1990	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2550	**ĐA**327	Chu Thị Thùy Nhung	08/08/1985	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2551	**ĐA**328	Hoàng Thị Mai	1/1/1990	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2552	**ĐA**329	Nguyễn Thị Kim Thiết	06/06/1979	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2553	**ĐA**330	Hoàng Thị Phương Thảo	21/11/1994	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2554	**ĐA**331	Nguyễn Thị Thu Huyền	08/05/1986	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2555	**ĐA**332	Nguyễn Thị Thanh	18/11/1988	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2556	**ĐA**333	Đặng Thị Thu Ngân	11/09/1993	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2557	**ĐA**334	Trương Thị Thuỷ	10/9/1988	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2558	**ĐA**335	Nguyễn Thị Nhàn	09/01/1991	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2559	**ĐA**336	Nguyễn Thị Lượng	19/09/1984	Cổ Loa	Đông Anh	100	
2560	**ĐA**337	Trần Thị Yên Giang	19/01/1980	Sao Mai	Đông Anh	100	
2561	**ĐA**338	Nguyễn Thị Hồng Nhâm	27/01/1983	Sao Mai	Đông Anh	100	
2562	**ĐA**339	Hoàng Thị Thủy	30/08/1979	Sao Mai	Đông Anh	100	
2563	**ĐA**340	Đồng Xuân Lý	19/3/1981	Sao Mai	Đông Anh	100	
2564	**ĐA**341	Lê Thị Thuý Hà	30/05/1988	Sao Mai	Đông Anh	100	
2565	**ĐA**342	Cao Thị Lý	04/10/1980	Sao Mai	Đông Anh	100	
2566	**ĐA**343	Nguyễn Thị Thương Huyền	03/11/1972	Sao Mai	Đông Anh	100	
2567	**ĐA**344	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/11/1989	Sao Mai	Đông Anh	100	
2568	**ĐA**345	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	09/11/1988	Sao Mai	Đông Anh	100	
2569	**ĐA**346	Phan Thị Thơm	18/01/1984	Sao Mai	Đông Anh	100	
2570	**ĐA**347	Nguyễn Thị Dung	28/02/1986	Sao Mai	Đông Anh	100	
2571	**ĐA**348	Phạm Thị Sánh	07/04/1974	Sao Mai	Đông Anh	100	
2572	**ĐA**349	Ngô Thị Lan Anh	17/12/1991	Sao Mai	Đông Anh	100	
2573	**ĐA**350	Nguyễn Thị Phương Nhung	03/08/1983	Sao Mai	Đông Anh	100	
2574	**ĐA**351	Trần Thị Mến	22/08/1987	Sao Mai	Đông Anh	100	
2575	**ĐA**352	Nguyễn Thị Kiều Oanh	02/05/1975	Sao Mai	Đông Anh	100	
2576	**ĐA**353	Trần Thị Việt Phương	01/11/1990	Sao Mai	Đông Anh	100	
2577	**ĐA**354	Phạm Thị Lan Phương	09/02/1983	Sao Mai	Đông Anh	100	
2578	**ĐA**355	Hoàng Thị Lê	12/05/1982	Sao Mai	Đông Anh	100	
2579	**ĐA**356	Hoàng Thị Bích Hồng	24/12/1986	Sao Mai	Đông Anh	100	
2580	**ĐA**357	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	03/02/1979	Sao Mai	Đông Anh	100	
2581	**ĐA**358	Tạ Thị Thanh	23/09/1993	Sao Mai	Đông Anh	100	
2582	**ĐA**359	Phạm Thị Thơm	10/04/1992	Sao Mai	Đông Anh	100	
2583	**ĐA**360	Đào Xuân Lan	12/10/1984	Sao Mai	Đông Anh	100	
2584	**ĐA**361	Phan Thị Trang	15/5/1988	Sao Mai	Đông Anh	100	
2585	**ĐA**362	Trần Thị Oanh	05/05/1992	Sao Mai	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2586	**ĐA**363	Nguyễn Thị Hồng Phượng	20/11/1976	Sao Mai	Đông Anh	100	
2587	**ĐA**364	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	29/9/1991	Sao Mai	Đông Anh	100	
2588	**ĐA**365	Trần Thị Nguyệt	04/03/1977	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2589	**ĐA**366	Trần Thị Bích	04/09/1980	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2590	**ĐA**367	Đoàn Thị Thu Hương	26/12/1978	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2591	**ĐA**368	Lưu Thị Ngọc	25/08/1991	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2592	**ĐA**369	Nguyễn Tuyết Mai	13/10/1987	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2593	**ĐA**370	Đặng Thị Nguyệt	06/12/1989	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2594	**ĐA**371	Trần Thị Thu Huyền	05/02/1981	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2595	**ĐA**372	Nguyễn Thị Linh	19/10/1993	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2596	**ĐA**373	Ngô Thị Thu Hồng	26/09/1991	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2597	**ĐA**374	Đinh Thị Huệ	04/02/1978	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2598	**ĐA**375	Lại Thị Nga	25/08/1991	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2599	**ĐA**376	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/08/1981	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2600	**ĐA**377	Phạm Thị Phương	10/10/1975	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2601	**ĐA**378	Trần Thị Dương	03/10/1991	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2602	**ĐA**379	Nguyễn Tú Ạnh	24/11/1993	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2603	**ĐA**380	Vũ Lệ Hằng	30/10/1977	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2604	**ĐA**381	Nguyễn Thị Chinh	22/06/1992	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2605	**ĐA**382	Nguyễn Thị Thu Trang	15/07/1992	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2606	**ĐA**383	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	20/12/1975	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2607	**ĐA**384	Ngô Thị Hồng Hảo	11/05/1990	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2608	**ĐA**385	Nguyễn Thị Phương	20/12/1986	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2609	**ĐA**386	Nguyễn Thị Lan	03/01/1989	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2610	**ĐA**387	Nguyễn Thị Hồng Dung	24/08/1991	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2611	**ĐA**388	Ngô Thị Hường	06/12/1974	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2612	**ĐA**389	Lê Hoài Phương	20/10/1981	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2613	**ĐA**390	Tô Thị Nhung	11/07/1990	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2614	**ĐA**391	Nguyễn Thị Vân	26/09/1989	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2615	**ĐA**392	Nguyễn Thị Thanh Hà	27/11/1977	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2616	**ĐA**393	Nguyễn Thùy Dương	07/04/1992	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2617	**ĐA**394	Nguyễn Thị Minh Trang	7/17/1981	Nắng Hồng	Đông Anh	100	
2618	**ĐA**395	Vương Thị Huyền	12/2/1982	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2619	**ĐA**396	Hoàng Thị Kim Oanh	02/10/1977	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2620	**ĐA**397	Đào Thị Hải	27/12/1972	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2621	**ĐA**398	Nguyễn Thị Lý	4/1/1978	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2622	**ĐA**399	Đỗ Thị Thu Thủy	03/5/1987	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2623	**ĐA**400	Vũ Thị Hiến	20/2/1971	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2624	**ĐA**401	Hoàng Thị Liên	10/10/1989	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2625	**ĐA**402	Hoàng Thị Nhung	11/7/1989	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2626	**ĐA**403	Trương Thị Chuyền	1/24/1986	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2627	**ĐA**404	Lê Thị Hoài	23/12/1991	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2628	**ĐA**405	Lê Thị Phương	23/12/1987	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2629	**ĐA**406	Nguyễn Thị Phương	6/2/1988	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2630	**ĐA**407	Doãn Diệu Linh	28/1/1983	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2631	**ĐA**408	Bùi Thị Diệu Thuý	28/6/1991	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2632	**ĐA**409	Nguyễn Thu Hương	1/5/1986	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2633	**ĐA**410	Trí Thị Ánh	28/8/1986	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2634	**ĐA**411	Lê Thị Kim Anh	10/8/1982	Xuân Canh	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2635	**ĐA**412	Trương Thị Hảo	14/1/1991	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2636	**ĐA**413	Trần Thị Hòa	12/3/1985	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2637	**ĐA**414	Lê Thị Hảo	30/12/1985	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2638	**ĐA**415	Trần Thị Hạnh	31/8/1992	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2639	**ĐA**416	Hoàng Thị Bảo Ngọc	22/7/1992	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2640	**ĐA**417	Lương Khánh Hà	11/1/1986	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2641	**ĐA**418	Nguyễn Hải Triều	29/7/1993	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2642	**ĐA**419	Đào Thu Vân	18/10/1984	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2643	**ĐA**420	Nguyễn Thị Vui	27/6/1992	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2644	**ĐA**421	Đỗ Thị Ngọc Anh	15/5/1987	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2645	**ĐA**422	Nguyễn Thị Lan Hương	20/11/1991	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2646	**ĐA**423	Nguyễn Thị Hồng Hoa	7/4/1990	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2647	**ĐA**424	Hoàng Thu Ninh	10/10/1990	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2648	**ĐA**425	Nguyễn Phương Hồng Hoa	13/11/1991	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2649	**ĐA**426	Đào Thị Thanh Hương	12/3/1981	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2650	**ĐA**427	Tạ Thị Huệ	13/11/1991	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2651	**ĐA**428	Nguyễn Thị Nhung	26/8/1993	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2652	**ĐA**429	Trương Thị Thêm	20/5/1985	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2653	**ĐA**430	Bùi Thị Quyên	17/11/1983	Xuân Canh	Đông Anh	100	
2654	**ĐA**431	Lê Thị Kim	28/10/1974	Vân Nội	Đông Anh	100	
2655	**ĐA**432	Nguyễn Thị Hương	21/07/1982	Vân Nội	Đông Anh	100	
2656	**ĐA**433	Hoàng Thị Thúy	08/01/1984	Vân Nội	Đông Anh	100	
2657	**ĐA**434	Trần Thị Bền	01/10/1983	Vân Nội	Đông Anh	100	
2658	**ĐA**435	Nông Tuyết Chinh	28/12/1985	Vân Nội	Đông Anh	100	
2659	**ĐA**436	Trần Thị Kim Chung	20/10/1984	Vân Nội	Đông Anh	100	
2660	**ĐA**437	Trần Thị Thu Cúc	03/08/1981	Vân Nội	Đông Anh	100	
2661	**ĐA**438	Nguyễn Thị Kim Cương	22/04/1988	Vân Nội	Đông Anh	100	
2662	**ĐA**439	Trương Thị Thu Hà	18/07/1986	Vân Nội	Đông Anh	100	
2663	**ĐA**440	Nguyễn Thị Thu Hiên	21/04/1988	Vân Nội	Đông Anh	100	
2664	**ĐA**441	Nguyễn Thị Hòa	25/04/1983	Vân Nội	Đông Anh	100	
2665	**ĐA**442	Trần Thị Hồng	30/03/1972	Vân Nội	Đông Anh	100	
2666	**ĐA**443	Nguyễn Thị Mai Hương	27/01/1993	Vân Nội	Đông Anh	100	
2667	**ĐA**444	Nguyễn Thị Huyền	19/12/1989	Vân Nội	Đông Anh	100	
2668	**ĐA**445	Lại Thanh Huyền	16/06/1986	Vân Nội	Đông Anh	100	
2669	**ĐA**446	Phạm Thùy Linh	22/01/1987	Vân Nội	Đông Anh	100	
2670	**ĐA**447	Lê Thị Mão	22/01/1976	Vân Nội	Đông Anh	100	
2671	**ĐA**448	Đinh Thị Nhiên	02/11/1986	Vân Nội	Đông Anh	100	
2672	**ĐA**449	Bùi Tuyết Nhung	19/03/1993	Vân Nội	Đông Anh	100	
2673	**ĐA**450	Lại Thị Hồng Nhung	01/05/1983	Vân Nội	Đông Anh	100	
2674	**ĐA**451	Nguyễn Thị Nhung	04/10/1984	Vân Nội	Đông Anh	100	
2675	**ĐA**452	Nguyễn Thị Nhung	22/12/1990	Vân Nội	Đông Anh	100	
2676	**ĐA**453	Lại Thị Nhượng	22/04/1984	Vân Nội	Đông Anh	100	
2677	**ĐA**454	Trần Thị Phương	19/08/1990	Vân Nội	Đông Anh	100	
2678	**ĐA**455	Trần Thị Quỳnh	18/06/1990	Vân Nội	Đông Anh	100	
2679	**ĐA**456	Lại Thị Hồng Thắm	24/04/1981	Vân Nội	Đông Anh	100	
2680	**ĐA**457	Nguyễn Thị Thanh	12/08/1972	Vân Nội	Đông Anh	100	
2681	**ĐA**458	Nguyễn Thị Thoa	22/05/1994	Vân Nội	Đông Anh	100	
2682	**ĐA**459	Cao Thị Thủy	17/02/1989	Vân Nội	Đông Anh	100	
2683	**ĐA**460	Trần Thị Thu Trang	17/10/1989	Vân Nội	Đông Anh	100	
2684	**ĐA**461	Trần Thị Tuyết	08/09/1972	Vân Nội	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2685	**ĐA**462	Hoàng Thị Kiều Mai	05/05/1980	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2686	**ĐA**463	Hoàng Thị Kim Nhung	27/10/1984	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2687	**ĐA**464	Đỗ Thị Chuyên	19/02/1980	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2688	**ĐA**465	Hoàng Thị Thu Hương	08/09/1989	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2689	**ĐA**466	Lê Thị Hường	06/06/1986	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2690	**ĐA**467	Lê Thị Thúy	12/08/1973	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2691	**ĐA**468	Lê Thị Kim Liên	21/05/1973	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2692	**ĐA**469	Lê Thị Mỹ	08/11/1989	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2693	**ĐA**470	Hoàng Thị Như Quỳnh	05/09/1989	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2694	**ĐA**471	Lê Thị ThanhD	08/03/1985	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2695	**ĐA**472	Nguyễn Thị Hiền	10/10/1991	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2696	**ĐA**473	Phùng Thị Thoa	01/09/1981	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2697	**ĐA**474	Hoàng Thị Liên	09/12/1971	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2698	**ĐA**475	Lê Thị Phương	07/07/1993	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2699	**ĐA**476	Lê Thị Tuyết	21/07/1987	Tàm Xá	Đông Anh	100	
2700	**ĐA**477	Nguyễn Thị Minh Toan	20/09/1978	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2701	**ĐA**478	Phạm Thị Duyên	15/11/1991	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2702	**ĐA**479	Ngô Thị Thanh Huyền	01/01/1984	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2703	**ĐA**480	Nguyễn Trúc Quỳnh	29/06/1990	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2704	**ĐA**481	Ngô Thị Kim Dung	19/11/1984	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2705	**ĐA**482	Nguyễn Phương Dung	13/07/1990	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2706	**ĐA**483	Nguyễn Thị Lan Phương	19/04/1988	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2707	**ĐA**484	Chu Thị Trang	26/11/1991	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2708	**ĐA**485	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/06/1986	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2709	**ĐA**486	Nguyễn Thị Hiếu	18/12/1978	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2710	**ĐA**487	Nguyễn Thị Chiên	23/11/1993	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2711	**ĐA**488	Phùng Thị Thúy Loan	27/11/1990	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2712	**ĐA**489	Vũ Thu Huyền	08/03/1986	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2713	**ĐA**490	Nguyễn Thị Trang	14/12/1990	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2714	**ĐA**491	Đình Thị Oanh	06/04/1988	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2715	**ĐA**492	Phạm Thị Nga	24/10/1974	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2716	**ĐA**493	Nguyễn Thị Giang	23/08/1991	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2717	**ĐA**494	Nguyễn Thúy Tình	20/03/1986	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2718	**ĐA**495	Dương Thị Ngoan	27/02/1993	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2719	**ĐA**496	Nguyễn Thị Nhung	06/12/1989	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2720	**ĐA**497	Phùng Huyền Trang	09/03/1991	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2721	**ĐA**498	Nguyễn Thị Xuyến	21/07/1991	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2722	**ĐA**499	Nguyễn Thị Kim Huế	13/09/1991	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2723	**ĐA**500	Trần Thị Tuyết Nhung	08/01/1988	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2724	**ĐA**501	Lê Thị Lan	13/10/1989	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2725	**ĐA**502	Ngô Thị Bưởi	27/03/1974	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2726	**ĐA**503	Nguyễn Thị Thu	24/12/1975	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2727	**ĐA**504	Ngô Thị Trang	16/09/1986	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2728	**ĐA**505	Nguyễn Thị Thúy Nhung	01/08/1990	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2729	**ĐA**506	Nguyễn Thị Phương	28/11/1989	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2730	**ĐA**507	Lê Thị Bích Ngọc	4/11/1993	Tuổi Thơ	Đông Anh	100	
2731	**ĐA**508	Nguyễn Thị Định	25/01/1981	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2732	**ĐA**509	Lê Thị Minh	02/08/1982	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2733	**ĐA**510	Nguyễn Minh Tâm	09/11/1985	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2734	**ĐA**511	Bùi Thuỳ Giang	11/04/1978	Kim Nỗ	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2735	**ĐA**512	Nguyễn Thị Yến	10/08/1990	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2736	**ĐA**513	Nguyễn Thị Nhã	29/03/1979	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2737	**ĐA**514	Tạ Thị Thu Hiền	16/03/1988	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2738	**ĐA**515	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/07/1974	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2739	**ĐA**516	Nguyễn Thị Hiền	25/11/1978	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2740	**ĐA**517	Lê Thuý Hạnh	15/02/1986	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2741	**ĐA**518	Ngô Thị Quỳnh Vi	07/08/1993	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2742	**ĐA**519	Nguyễn Thị Dung	10/03/1993	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2743	**ĐA**520	Hoàng Linh	04/11/1989	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2744	**ĐA**521	Nguyễn Thị Hồng	16/6/1989	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2745	**ĐA**522	Tô Thị Hải	01/01/1983	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2746	**ĐA**523	Phạm Thị Huyền	08/08/1990	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2747	**ĐA**524	Nguyễn Thị Vi	13/09/1971	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2748	**ĐA**525	Đặng Thị Châu	06/11/1990	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2749	**ĐA**526	Nguyễn Thị Huế	09/06/1989	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2750	**ĐA**527	Lê Thị Bắc	10/02/1971	Kim Nỗ	Đông Anh	100	
2751	**ĐA**528	Phạm Thị Ánh	15/11/1975	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2752	**ĐA**529	Nguyễn Thị Quỳnh Diên	15/11/1978	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2753	**ĐA**530	Đặng Thị Quyên	09/10/1981	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2754	**ĐA**531	Trần Thị Hải Điệp	02/09/1990	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2755	**ĐA**532	Nguyễn Thị Thủy	31/08/1990	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2756	**ĐA**533	Lê Thị Hồng Vân	13/08/1988	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2757	**ĐA**534	Nguyễn Thị Tám	03/01/1971	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2758	**ĐA**535	Tô Thị Biển	15/10/1990	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2759	**ĐA**536	Hoàng Thị Biên	13/07/1977	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2760	**ĐA**537	Nguyễn Thị Bích Dịu	24/10/1987	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2761	**ĐA**538	Ngô Thị Hiên	08/08/1989	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2762	**ĐA**539	Lê Thị Hằng	26/05/1992	Ánh Dương	Đông Anh	100	
2763	**ĐA**540	Nguyễn Thị Thanh Hải	10/8/1982	Hải Bối	Đông Anh	100	
2764	**ĐA**541	Lộc Thị Thanh	29/07/1987	Hải Bối	Đông Anh	100	
2765	**ĐA**542	Lê Thị Nga	22/9/1985	Hải Bối	Đông Anh	100	
2766	**ĐA**543	Nguyễn Thị Hương	24/04/1989	Hải Bối	Đông Anh	100	
2767	**ĐA**544	Lê Thị Hương	12/03/1989	Hải Bối	Đông Anh	100	
2768	**ĐA**545	Đỗ Thị Lan	01/11/1976	Hải Bối	Đông Anh	100	
2769	**ĐA**546	Nguyễn Thị Thanh	29/10/1988	Hải Bối	Đông Anh	100	
2770	**ĐA**547	Tô Thị Tuyết	12/11/1986	Hải Bối	Đông Anh	100	
2771	**ĐA**548	Nguyễn Thị Thuý	21/07/1990	Hải Bối	Đông Anh	100	
2772	**ĐA**549	Lê Thị Sinh	22/12/1984	Hải Bối	Đông Anh	100	
2773	**ĐA**550	Trần Thị Ngọc Lan	16/08/1987	Hải Bối	Đông Anh	100	
2774	**ĐA**551	Nguyễn Thị Kiều Oanh	28/10/1976	Hải Bối	Đông Anh	100	
2775	**ĐA**552	Trần Thị Thu Hoà	05/10/1985	Hải Bối	Đông Anh	100	
2776	**ĐA**553	Nguyễn Thị Lương	05/03/1981	Hải Bối	Đông Anh	100	
2777	**ĐA**554	Nguyễn Thị Nga	20/11/1979	Hải Bối	Đông Anh	100	
2778	**ĐA**555	Lưu Thị Hương	15/10/1979	Hải Bối	Đông Anh	100	
2779	**ĐA**556	Lê Thị Hồng Thủy	25/9/1982	Hải Bối	Đông Anh	100	
2780	**ĐA**557	Lê Thị Hương	29/3/1987	Hải Bối	Đông Anh	100	
2781	**ĐA**558	Đặng Thị Hồng	11/10/1984	Hải Bối	Đông Anh	100	
2782	**ĐA**559	Nguyễn Thị Hoa	02/11/1981	Hải Bối	Đông Anh	100	
2783	**ĐA**560	Nguyễn Thị Vân	16/02/1982	Hải Bối	Đông Anh	100	
2784	**ĐA**561	Đàm Thị Huyền	20/09/1987	Hải Bối	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2785	**ĐA**562	Bùi Thị Tố Hương	13/07/1972	Hải Bối	Đông Anh	100	
2786	**ĐA**563	Lê Thanh Hằng	15/03/1982	Hải Bối	Đông Anh	100	
2787	**ĐA**564	Phạm Thị Lan	02/05/1976	Hải Bối	Đông Anh	100	
2788	**ĐA**565	Trần Thị Thùy	29/04/1979	Hải Bối	Đông Anh	100	
2789	**ĐA**566	Hà Thị Huệ	29/10/1976	Hải Bối	Đông Anh	100	
2790	**ĐA**567	Kiều Thị Thủy	10/01/1993	Hải Bối	Đông Anh	100	
2791	**ĐA**568	Nguyễn Thị Ngọ	28/03/1979	Hải Bối	Đông Anh	100	
2792	**ĐA**569	Vũ Thi Tươi	08/08/1990	Hải Bối	Đông Anh	100	
2793	**ĐA**570	Nguyễn Thị Bào	25/02/1983	Hải Bối	Đông Anh	100	
2794	**ĐA**571	Vũ Thị Túy	30/10/1974	Hải Bối	Đông Anh	100	
2795	**ĐA**572	Nguyễn Thị Hương	19/08/1979	Hải Bối	Đông Anh	100	
2796	**ĐA**573	Ngô Hồng Vân	27/02/1991	Hải Bối	Đông Anh	100	
2797	**ĐA**574	Nguyễn Thị Phương	25/12/1989	Hải Bối	Đông Anh	100	
2798	**ĐA**575	Nguyễn Thị Hường	20/07/1985	Hải Bối	Đông Anh	100	
2799	**ĐA**576	Đỗ Thị Nhật	02/10/1991	Hải Bối	Đông Anh	100	
2800	**ĐA**577	Hà Thị Bích Liên	10/02/1993	Hải Bối	Đông Anh	100	
2801	**ĐA**578	Đàm Thị Hoàn	20/05/1989	Hải Bối	Đông Anh	100	
2802	**ĐA**579	Nguyễn Thị Ngoan	04/10/1992	Hải Bối	Đông Anh	100	
2803	**ĐA**580	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/1991	Hải Bối	Đông Anh	100	
2804	**ĐA**581	Nguyễn Thị Quý	08/11/1985	Hải Bối	Đông Anh	100	
2805	**ĐA**582	Đinh Thi Thu Huyền	07/05/1990	Hải Bối	Đông Anh	100	
2806	**ĐA**583	Hoàng Thị Thuận	30/7/1978	Ban Mai	Đông Anh	100	
2807	**ĐA**584	Lại Thị Hoàng Yến	20/02/1988	Ban Mai	Đông Anh	100	
2808	**ĐA**585	Lưu Thị Hồng Ngọc	1/11/1989	Ban Mai	Đông Anh	100	
2809	**ĐA**586	Lê Thị Duyên	15/9/1988	Ban Mai	Đông Anh	100	
2810	**ĐA**587	Nguyễn Thị Diễm	10/9/1989	Ban Mai	Đông Anh	100	
2811	**ĐA**588	Lê Thanh Thu	30/8/1973	Ban Mai	Đông Anh	100	
2812	**ĐA**589	Nguyễn Thị Phượng	22/2/1976	Ban Mai	Đông Anh	100	
2813	**ĐA**590	Nguyễn Thị Linh	15/09/1983	Ban Mai	Đông Anh	100	
2814	**ĐA**591	Kiều Thị Dự	6/10/1984	Ban Mai	Đông Anh	100	
2815	**ĐA**592	Nguyễn Thị Nhung	4/2/1988	Ban Mai	Đông Anh	100	
2816	**ĐA**593	Nguyễn Thị Hằng	21/10/1990	Ban Mai	Đông Anh	100	
2817	**ĐA**594	Đàm Thị Ánh Nguyệt	10/3/1988	Ban Mai	Đông Anh	100	
2818	**ĐA**595	Hà Thị Thuỳ Linh	14/3/1987	Ban Mai	Đông Anh	100	
2819	**ĐA**596	Nguyễn Thị Huệ	3/9/1990	Ban Mai	Đông Anh	100	
2820	**ĐA**597	Sầm Thị Nhật Hoa	4/2/1971	Ban Mai	Đông Anh	100	
2821	**ĐA**598	Trịnh Thị Hằng	9/1/1977	Ban Mai	Đông Anh	100	
2822	**ĐA**599	Nguyễn Thị Thiệp	8/6/1968	Ban Mai	Đông Anh	100	
2823	**ĐA**600	Nguyễn Thị Vui	1/5/1986	Ban Mai	Đông Anh	100	
2824	**ĐA**601	Đào Thị Thu Hằng	17/12/1986	Ban Mai	Đông Anh	100	
2825	**ĐA**602	Nguyễn Việt Nga	2/4/1981	Ban Mai	Đông Anh	100	
2826	**ĐA**603	Nguyễn Thị Oánh	20/05/1991	Ban Mai	Đông Anh	100	
2827	**ĐA**604	Lê Ngọc Mai	7/3/1992	Ban Mai	Đông Anh	100	
2828	**ĐA**605	Nguyễn Thị Tỉnh	21/02/1985	Ban Mai	Đông Anh	100	
2829	**ĐA**606	Phạm Thị Lan	14/04/1982	Ban Mai	Đông Anh	100	
2830	**ĐA**607	Nguyễn Thị Huệ	21/06/1991	Ban Mai	Đông Anh	100	
2831	**ĐA**608	Kiều Thị Lệ	27/02/1990	Ban Mai	Đông Anh	100	
2832	**ĐA**609	Trương Thị Nga	30/06/1979	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2833	**ĐA**610	Nguyễn Thị Cúc	30/04/1976	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2834	**ĐA**611	Đỗ Thị Kim Huệ	25/12/1983	Việt Hùng	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2835	**ĐA**612	Phùng Thị Ngọc Ánh	31/10/1991	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2836	**ĐA**613	Trần Thị Thu Thủy	09/06/1987	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2837	**ĐA**614	Đặng Thị Thỏa	25/04/1988	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2838	**ĐA**615	Nguyễn Thị Thanh Trang	26/02/1992	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2839	**ĐA**616	Lê Thị Chung	27/05/1979	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2840	**ĐA**617	Dương Thị Bích	01/05/1983	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2841	**ĐA**618	Nguyễn Thị Thu Hồng	14/09/1996	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2842	**ĐA**619	Trần Thị Bích Liên	29/11/1980	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2843	**ĐA**620	Văn Thị Phương Thảo	01/11/1980	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2844	**ĐA**621	Hoàng Thị Mai	09/10/1985	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2845	**ĐA**622	Ngô Thị Thơm	22/11/1986	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2846	**ĐA**623	Đặng Thị Huyền	12/04/1986	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2847	**ĐA**624	Nguyễn Thị Hoài Thanh	29/10/1991	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2848	**ĐA**625	Đỗ Thị Thanh Loan	20/10/1980	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2849	**ĐA**626	Nguyễn Thị Thúy Nam	18/11/1989	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2850	**ĐA**627	Nguyễn Thị Kim Tuyến	10/11/1988	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2851	**ĐA**628	Đình Thị Hồi	22/11/1980	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2852	**ĐA**629	Hoàng Thị Mai	30/04/1992	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2853	**ĐA**630	Ngô Thị Hương	13/5/1992	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2854	**ĐA**631	Đặng Thị Chiến	1/11/1990	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2855	**ĐA**632	Nguyễn Lệ Xuân	06/10/1994	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2856	**ĐA**633	Nguyễn Thị Oanh	14/03/1992	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2857	**ĐA**634	Ngô Thu Hiền	18/10/1991	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2858	**ĐA**635	Trần Thị Bích Vân	6/9/1969	Việt Hùng	Đông Anh	100	
2859	**ĐA**636	Phạm Thị Phượng	25/03/1986	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2860	**ĐA**637	Ngô Kim Ngân	26/10/1987	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2861	**ĐA**638	Phạm Ngọc Bích	25/03/1990	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2862	**ĐA**639	Phạm Thị Thu Hồng	03/04/1974	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2863	**ĐA**640	Nguyễn Công Thị Hằng	12/09/1984	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2864	**ĐA**641	Phạm Thị Hằng	28/10/1974	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2865	**ĐA**642	Dương Thúy Ngọc	20/10/1983	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2866	**ĐA**643	Nguyễn Thị Tình	23/06/1982	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2867	**ĐA**644	Đỗ Thị Trang Nhung	22/05/1982	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2868	**ĐA**645	Phạm Thị Thu Hoài	03/07/1987	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2869	**ĐA**646	Phạm Thị Toan	25/12/1980	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2870	**ĐA**647	Dương Thị Hoàn	25/10/1990	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2871	**ĐA**648	Ngô Thị Nam	09/10/1985	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2872	**ĐA**649	Nguyễn Thị Lâm	05/08/1987	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2873	**ĐA**650	Nguyễn Thu Trang	30/08/1985	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2874	**ĐA**651	Hoàng Thị Hiên	04/12/1987	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2875	**ĐA**652	Đỗ Thị Huyền Trang	10/07/1990	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2876	**ĐA**653	Nguyễn Thị Đào	27/10/1983	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2877	**ĐA**654	Đỗ Thị Thuý Ly	20/05/1990	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2878	**ĐA**655	Phạm Lan Anh	06/06/1992	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2879	**ĐA**656	Dương Thị Hồng Phượng	22/09/1990	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2880	**ĐA**657	Hoàng Thanh Hường	25/09/1985	Hoa Mai	Đông Anh	100	
2881	**ĐA**658	Phạm Thị Miên	15/07/1973	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2882	**ĐA**659	Lê Thị Uyên	13/07/1985	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2883	**ĐA**660	Nguyễn Thị Lan	29/09/1992	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2884	**ĐA**661	Đỗ Thị Bích Vân	04/06/1977	Hoa Sữa	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2885	**ĐA**662	Phạm Thị Phương Mai	15/11/1994	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2886	**ĐA**663	Phạm Thị Loan	12/10/1986	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2887	**ĐA**664	Nguyễn Hoài Phương	06/01/1989	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2888	**ĐA**665	Dương Thị Hương	31/05/1990	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2889	**ĐA**666	Chu Thị Hường	30/01/1984	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2890	**ĐA**667	Nguyễn Thị Hải Yến	27/01/1982	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2891	**ĐA**668	Đỗ Thị Chinh	05/03/1989	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2892	**ĐA**669	Đào Thị Duyên	03/11/1980	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2893	**ĐA**670	Trần Thị Duy Đào	13/10/1988	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2894	**ĐA**671	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/01/1979	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2895	**ĐA**672	Lê Thị Hường	10/08/1981	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2896	**ĐA**673	Đỗ Thị Kiều Oanh	09/07/1987	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2897	**ĐA**674	Nguyễn Thị Thuý Hiền	10/10/1989	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2898	**ĐA**675	Lê Thị Thuý Hằng	16/02/1982	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2899	**ĐA**676	Đỗ Thị Ánh Tuyết	02/12/1989	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2900	**ĐA**677	Nguyễn Anh Tình	26/01/1991	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2901	**ĐA**678	Lê Thị Sản	13/11/1989	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2902	**ĐA**679	Nguyễn Thị Tuyết	29/11/1972	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2903	**ĐA**680	Vũ Thị Hoa	08/03/1989	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2904	**ĐA**681	Nguyễn Phương Thuý	17/09/1990	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2905	**ĐA**682	Nguyễn Thị Ngoan	01/10/1993	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2906	**ĐA**683	Chu Thị Cương	11/7/1983	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2907	**ĐA**684	Nguyễn Thị Sinh	26/09/1977	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2908	**ĐA**685	Nguyễn Thị Yến	18/02/1985	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2909	**ĐA**686	Nguyễn Thị Lan	16/11/1986	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2910	**ĐA**687	Nguyễn Thị Huế	14/12/1977	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2911	**ĐA**688	Nguyễn Thị Xuân	10/02/1990	Hoa Sữa	Đông Anh	100	
2912	**ĐA**689	Nguyễn Thị Kim Thoa	30/04/1968	Thành Loa	Đông Anh	100	
2913	**ĐA**690	Bùi Thanh Hòa	20/09/1980	Thành Loa	Đông Anh	100	
2914	**ĐA**691	Phạm Thị Thanh Hà	03/09/1982	Thành Loa	Đông Anh	100	
2915	**ĐA**692	Nguyễn Thị Thúy Hiền	14/05/1990	Thành Loa	Đông Anh	100	
2916	**ĐA**693	Nguyễn Thị Nhàn	08/11/1984	Thành Loa	Đông Anh	100	
2917	**ĐA**694	Bùi Thị Hồng Yên	23/11/1990	Thành Loa	Đông Anh	100	
2918	**ĐA**695	Hoàng Thị Chinh	02/10/1975	Thành Loa	Đông Anh	100	
2919	**ĐA**696	Nguyễn Thị Kim Huệ	18/02/1990	Thành Loa	Đông Anh	100	
2920	**ĐA**697	Nguyễn Thị Bích Hạnh	03/02/1982	Thành Loa	Đông Anh	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
2921	**ĐA**698	Nguyễn Thị Hồng Thúy	20/11/1988	Thành Loa	Đông Anh	100	
2922	**ĐA**699	Ngô Hồng Trang	25/07/1983	Thành Loa	Đông Anh	100	
2923	**ĐA**700	Nguyễn Thùy Anh	21/08/1982	Thành Loa	Đông Anh	100	
2924	**ĐA**701	Kim Thị Cúc	03/10/1973	Thành Loa	Đông Anh	100	
2925	**ĐA**702	Nguyễn Thị Thanh Sơn	15/11/1979	Thành Loa	Đông Anh	100	
2926	**ĐA**703	Nguyễn Thị Lan	13/06/1982	Thành Loa	Đông Anh	100	
2927	**ĐA**704	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/11/1984	Thành Loa	Đông Anh	100	
2928	**ĐA**705	Nguyễn Thị Rơn	27/08/1985	Thành Loa	Đông Anh	100	
2929	**ĐA**706	Nguyễn Thị Lan Hương	13/12/1989	Thành Loa	Đông Anh	100	
2930	**ĐA**707	Nguyễn Thị Nhung	22/09/1986	Thành Loa	Đông Anh	100	
2931	**ĐA**708	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/12/1980	Thành Loa	Đông Anh	100	
2932	**ĐA**709	Đăng Thị Mai Hoa	20/09/1989	Thành Loa	Đông Anh	100	
2933	**ĐA**710	Phạm Thị Hằng	14/06/1990	Thành Loa	Đông Anh	100	
2934	**ĐA**711	Đỗ Thị Bích Vân	09/09/1983	Thành Loa	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2935	**ĐA**712	Nguyễn Thị Hà	24/02/1989	Thành Loa	Đông Anh	100	
2936	**ĐA**713	Đinh Thị Lý	09/01/1990	Thành Loa	Đông Anh	100	
2937	**ĐA**714	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/03/1991	Thành Loa	Đông Anh	100	
2938	**ĐA**715	Chử Thu Hằng	24/12/1994	Thành Loa	Đông Anh	100	
2939	**ĐA**716	Nguyễn Thị Kim Thu	05/08/1988	Thành Loa	Đông Anh	100	
2940	**ĐA**717	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22/09/1992	Thành Loa	Đông Anh	100	
2941	**ĐA**718	Nguyễn Thị Nga	22/02/1984	Thành Loa	Đông Anh	100	
2942	**ĐA**719	Nguyễn Thị Vân	04/08/1986	Thành Loa	Đông Anh	100	
2943	**ĐA**720	Nguyễn Thị Điền	15/01/1989	Thành Loa	Đông Anh	100	
2944	**ĐA**721	Phạm Thị Thơm	29/05/1984	Thành Loa	Đông Anh	100	
2945	**ĐA**722	Phạm Thị Hằng	26/12/1992	Thành Loa	Đông Anh	100	
2946	**ĐA**723	Trần Thị Nhung	12/10/1982	Thành Loa	Đông Anh	100	
2947	**ĐA**724	Vũ Hoài Thương	12/11/1993	Thành Loa	Đông Anh	100	
2948	**ĐA**725	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/08/1981	Thành Loa	Đông Anh	100	
2949	**ĐA**726	Lê Thị Quỳnh Dao	21/09/1988	Thành Loa	Đông Anh	100	
2950	**ĐA**727	Lê Thị Thanh	11/01/1987	Thành Loa	Đông Anh	100	
2951	**ĐA**728	Nguyễn Thanh Huyền	'22/09/1989	Thành Loa	Đông Anh	100	
2952	**ĐA**729	Hoàng Thị Quỳnh Hoa	17/03/1977	Dục Tú	Đông Anh	100	
2953	**ĐA**730	Phạm Thị Chất	09/07/1969	Dục Tú	Đông Anh	100	
2954	**ĐA**731	Chu Thị Thủy	03/08/1983	Dục Tú	Đông Anh	100	
2955	**ĐA**732	Đỗ Thị Trang	03/02/1981	Dục Tú	Đông Anh	100	
2956	**ĐA**733	Nguyễn Thị Thảo	09/06/1987	Dục Tú	Đông Anh	100	
2957	**ĐA**734	Phạm Thị Ngát	08/08/1974	Dục Tú	Đông Anh	100	
2958	**ĐA**735	Chu Thị Kim Nhung	23/07/1983	Dục Tú	Đông Anh	100	
2959	**ĐA**736	Nguyễn Thị Tươi	02/10/1977	Dục Tú	Đông Anh	100	
2960	**ĐA**737	Chu Thị Vân Anh	17/10/1980	Dục Tú	Đông Anh	100	
2961	**ĐA**738	Đinh Thị Nga	31/07/1987	Dục Tú	Đông Anh	100	
2962	**ĐA**739	Nguyễn Thị Thơm	25/06/1982	Dục Tú	Đông Anh	100	
2963	**ĐA**740	Nguyễn Thị Luận	19/10/1978	Dục Tú	Đông Anh	100	
2964	**ĐA**741	Nguyễn Thị Kim Nga	18/11/1978	Dục Tú	Đông Anh	100	
2965	**ĐA**742	Đỗ Thị Hoa	10/12/1980	Dục Tú	Đông Anh	100	
2966	**ĐA**743	Trần Thị Bắc	02/06/1991	Dục Tú	Đông Anh	100	
2967	**ĐA**744	Phạm Thu Hằng	24/07/1990	Dục Tú	Đông Anh	100	
2968	**ĐA**745	Nguyễn Thị Huyền	17/02/1991	Dục Tú	Đông Anh	100	
2969	**ĐA**746	Phạm Thị Hậu	25/11/1980	Dục Tú	Đông Anh	100	
2970	**ĐA**747	Đào Thị Liên	21/04/1983	Dục Tú	Đông Anh	100	
2971	**ĐA**748	Đào Thị Lan	24/02/1984	Dục Tú	Đông Anh	100	
2972	**ĐA**749	Nguyễn Thị Liên	07/12/1988	Dục Tú	Đông Anh	100	
2973	**ĐA**750	Phạm Thị Thanh	20/03/1987	Dục Tú	Đông Anh	100	
2974	**ĐA**751	Chu Thị Lụa	25/05/1984	Dục Tú	Đông Anh	100	
2975	**ĐA**752	Lê Thị Quế	26/03/1983	Dục Tú	Đông Anh	100	
2976	**ĐA**753	Ngô Thị Dịu	21/03/1991	Dục Tú	Đông Anh	100	
2977	**ĐA**754	Nguyễn Thị Thúy	20/08/1990	Dục Tú	Đông Anh	100	
2978	**ĐA**755	Phạm Thị Minh	26/01/1972	Dục Tú	Đông Anh	100	
2979	**ĐA**756	Nguyễn Thị Tuyền	21/08/1976	Dục Tú	Đông Anh	100	
2980	**ĐA**757	Nguyễn Thị Thuận	02/04/1974	Dục Tú	Đông Anh	100	
2981	**ĐA**758	Phạm Thị Nhâm	07/10/1982	Dục Tú	Đông Anh	100	
2982	**ĐA**759	Phạm Thị Đoàn Thủy	22/05/1969	Dục Tú	Đông Anh	100	
2983	**ĐA**760	Đỗ Thị Anh	24/12/1988	Dục Tú	Đông Anh	100	
2984	**ĐA**761	Nguyễn Thị Vân	17/11/1980	Dục Tú	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
2985	**ĐA**762	Nguyễn Thị Hậu	30/09/1980	Dục Tú	Đông Anh	100	
2986	**ĐA**763	Đỗ Thị Cảnh	22/04/1980	Dục Tú	Đông Anh	100	
2987	**ĐA**764	Chu Thị Tươi	27/04/1968	Dục Tú	Đông Anh	100	
2988	**ĐA**765	Phạm Tuyết Chinh	10/12/1982	Dục Tú	Đông Anh	100	
2989	**ĐA**766	Phạm Thị Thuỳ Linh	28/05/1992	Dục Tú	Đông Anh	100	
2990	**ĐA**767	Phạm Thị Nội Hà	17/11/1983	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2991	**ĐA**768	Nguyễn Thị Thu Trang	21/5/1983	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2992	**ĐA**769	Nguyễn Thị Hà	8/10/1987	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2993	**ĐA**770	Nguyễn Thị Liên	7/12/1987	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2994	**ĐA**771	Nguyễn Thị Thu Phương	23/8/1980	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2995	**ĐA**772	Nguyễn Thị Thanh Tâm	31/8/1990	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2996	**ĐA**773	Nguyễn Thị Thu Hương	20/10/1980	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2997	**ĐA**774	Đặng Hồng Xuyến	15/2/1988	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2998	**ĐA**775	Nguyễn Thị Mừng	27/9/1990	Mai Lâm	Đông Anh	100	
2999	**ĐA**776	Đỗ Thị Thúy Hằng	25/7/1981	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3000	**ĐA**777	Tạ Thị Tuyến	9/1/1980	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3001	**ĐA**778	Tạ Thị Giới	25/3/1978	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3002	**ĐA**779	Ngô Thị Lan	29/6/1991	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3003	**ĐA**780	Đỗ Thị Hương	24/12/1983	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3004	**ĐA**781	Hoàng Thị Viện	13/7/1971	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3005	**ĐA**782	Nguyễn Thanh Phương	17/9/1989	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3006	**ĐA**783	Tạ Thị Minh Đức	25/2/1981	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3007	**ĐA**784	Nguyễn Thị Thanh Hường	26/11/1975	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3008	**ĐA**785	Trần Thị Hà	24/9/1988	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3009	**ĐA**786	Trần Thị Phương Trinh	4/10/1995	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3010	**ĐA**787	Nguyễn Thu Hiền	16/6/1990	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3011	**ĐA**788	Nguyễn Thị Thanh Thảo	25/10/1993	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3012	**ĐA**789	Nguyễn Thị Hằng	14/3/1990	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3013	**ĐA**790	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	23/10/1983	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3014	**ĐA**791	Hoàng Thị Nhung	12/12/1989	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3015	**ĐA**792	Chu Ngọc Diệp	26/9/1987	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3016	**ĐA**793	Chử Thị Tố Nga	12/11/1980	Mai Lâm	Đông Anh	100	
3017	**ĐA**794	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1/10/1978	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3018	**ĐA**795	Nguyễn Thị Hà	23/10/1980	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3019	**ĐA**796	Nguyễn Thị Hạnh	20/03/1982	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3020	**ĐA**797	Đinh Hồng Phương	04/04/1978	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3021	**ĐA**798	Đặng Thị Hiền	26/07/1973	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3022	**ĐA**799	Hoàng Thị Hằng	12/11/1984	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3023	**ĐA**800	Nguyễn Thị Định	16/11/1973	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3024	**ĐA**801	Đinh Thị Ngân	30/12/1987	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3025	**ĐA**802	Đinh Thị Thủy	03/11/1985	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3026	**ĐA**803	Nguyễn Tuyết Nhung	9/12/1972	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3027	**ĐA**804	Nguyễn Thị Phượng	06/1978	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3028	**ĐA**805	Nguyễn Thị Thanh	19/11/1973	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3029	**ĐA**806	Phan Thị Loan	04/07/1985	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3030	**ĐA**807	Đinh Thị Minh Thơm	21/07/1989	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3031	**ĐA**808	Nguyễn Thị Kim Cúc	16/11/1973	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3032	**ĐA**809	Nguyễn Phương Anh	06/08/1992	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3033	**ĐA**810	Phùng Thị Thu	22/10/1988	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3034	**ĐA**811	Lê Thanh Huệ	02/12/1990	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3035	**ĐA**812	Nguyễn Thị Hải Yến	10/10/1985	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3036	**ĐA**813	Lê Thị Thúy	08/08/1984	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3037	**ĐA**814	Hoàng Thị Ngọc	16/12/1990	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3038	**ĐA**815	Nguyễn Hoàng An	31/03/1992	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3039	**ĐA**816	Hoàng Mai Anh	09/06/1991	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3040	**ĐA**817	Hoàng Thị Hường	12/05/1975	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3041	**ĐA**818	Nguyễn Thị Thanh Thủy	19/03/1982	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3042	**ĐA**819	Nguyễn Thị Kiều Oanh	18/10/1991	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3043	**ĐA**820	Nguyễn Thị Thu Nga	17/09/1983	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3044	**ĐA**821	Đặng Thị Quế Hồng	03/08/1987	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3045	**ĐA**822	Mai Thị Thanh Phú	03/02/1980	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3046	**ĐA**823	Hoàng Thị Hải	07/09/1990	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3047	**ĐA**824	Nguyễn Thị Thành	24/06/1991	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3048	**ĐA**825	Hoàng Thị Châm	15/05/1987	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3049	**ĐA**826	Lê Thị Thu Hà	04/11/1992	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3050	**ĐA**827	Lê Thị Hương	29/12/1980	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3051	**ĐA**828	Trần Thị Thanh Phương	19/05/1989	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3052	**ĐA**829	Hoàng Thị Huế	01/03/1983	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3053	**ĐA**830	Nguyễn Thị Hằng	05/01/1989	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3054	**ĐA**831	Trần Thị Lộc	01/10/1974	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3055	**ĐA**832	Lê Thị Dung	12/11/1990	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3056	**ĐA**833	Hoàng Thị Minh Phương	12/12/1984	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3057	**ĐA**834	Lê Thị Sáu	30/04/1975	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3058	**ĐA**835	Nguyễn Thị Châm	11/9/1992	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	100	
3059	**ĐA**836	Nguyễn Thanh Hoa	4/20/1974	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3060	**ĐA**837	Đặng Thu Hường	3/24/1980	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3061	**ĐA**838	Nguyễn Thị Thu Phương	3/11/1982	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3062	**ĐA**839	Phan Thị Chiên	21/11/1990	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3063	**ĐA**840	Vũ Thị Mai	09/09/1990	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3064	**ĐA**841	Lê Thị Thuỳ Trang	06/04/1992	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3065	**ĐA**842	Nguyễn Bích Hạnh	01/04/1970	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3066	**ĐA**843	Trần Thị Mai Thu	12/09/1994	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3067	**ĐA**844	Nguyễn Thị Ngà	17/04/1982	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3068	**ĐA**845	Nguyễn Thuỳ Trang	02/05/1991	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3069	**ĐA**846	Nguyễn Thị Thu	11/08/1978	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3070	**ĐA**847	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/09/1989	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3071	**ĐA**848	Nguyễn Thị Thu Hương	23/04/1990	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3072	**ĐA**849	Nguyễn Thị Vân	20/08/1985	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3073	**ĐA**850	Trương Thị Thu	21/12/1993	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3074	**ĐA**851	Nguyễn Thị Thảo	26/01/1991	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3075	**ĐA**852	Nguyễn Thị Xuân	13/04/1976	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3076	**ĐA**853	Nguyễn Thị Ngọc	11/09/1980	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3077	**ĐA**854	Vương Thị Hà	11/09/1983	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3078	**ĐA**855	Nguyễn Thị Dung	16/07/1987	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3079	**ĐA**856	Nguyễn Thị Thúy	13/08/1983	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3080	**ĐA**857	Đào Thị Hằng	01/05/1971	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3081	**ĐA**858	Phan Thị Thuyên	22/08/1982	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3082	**ĐA**859	Dương Thị Nga	28/09/1988	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3083	**ĐA**860	Nguyễn Thị Hải Yến	20/11/1985	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3084	**ĐA**861	Nguyễn Thị Hiên	04/04/1976	Bắc Hồng	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3085	**ĐA**862	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/10/1982	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3086	**ĐA**863	Nguyễn Tú Hoạt	8/3/1988	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3087	**ĐA**864	Đoàn Thị Lan	01/02/1990	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3088	**ĐA**865	Nguyễn Thị Cúc	7/05/1981	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3089	**ĐA**866	Ngô Thị Thanh (Thủy)	1/3/1974	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3090	**ĐA**867	Nguyễn Thị Thu	20/04/1991	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3091	**ĐA**868	Chử Thị Huyền	24/01/1989	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3092	**ĐA**869	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/01/1991	Bắc Hồng	Đông Anh	100	
3093	**ĐA**870	Hoàng Thị Thư	28/6/1977	Vân Hà	Đông Anh	100	
3094	**ĐA**871	Nguyễn Thị Thu	04/8/1983	Vân Hà	Đông Anh	100	
3095	**ĐA**872	Nguyễn Thị Dương	26/02/1986	Vân Hà	Đông Anh	100	
3096	**ĐA**873	Ngô Thị Hiên	30/12/1974	Vân Hà	Đông Anh	100	
3097	**ĐA**874	Đỗ Thị Nguyệt Soi	12/11/1979	Vân Hà	Đông Anh	100	
3098	**ĐA**875	Nguyễn Thị Đạt	06/6/1988	Vân Hà	Đông Anh	100	
3099	**ĐA**876	Nguyễn Thị Phương Doan	07/4/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3100	**ĐA**877	Hữu Thị Chiểu	02/8/1982	Vân Hà	Đông Anh	100	
3101	**ĐA**878	Phạm Thị Thanh Tâm	13/3/1984	Vân Hà	Đông Anh	100	
3102	**ĐA**879	Đào Thị Hồng Nhung	01/11/1991	Vân Hà	Đông Anh	100	
3103	**ĐA**880	Ngô Thị Khuyên	02/02/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3104	**ĐA**881	Phạm Thị Lan Anh	15/08/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3105	**ĐA**882	Đỗ Thị Thu Thảo	10/10/1991	Vân Hà	Đông Anh	100	
3106	**ĐA**883	Trương Thị Thảm	19/02/1981	Vân Hà	Đông Anh	100	
3107	**ĐA**884	Nguyễn Thị Quyên	08/11/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3108	**ĐA**885	Bùi Thị Hồng Oanh	06/04/1972	Vân Hà	Đông Anh	100	
3109	**ĐA**886	Nguyễn Thị Yến	07/8/1982	Vân Hà	Đông Anh	100	
3110	**ĐA**887	Phạm Thị Thu Lan	01/03/1987	Vân Hà	Đông Anh	100	
3111	**ĐA**888	Nguyễn Thị Thu Thủy	12/12/1974	Vân Hà	Đông Anh	100	
3112	**ĐA**889	Phạm Thị Thu Hiền	12/11/1991	Vân Hà	Đông Anh	100	
3113	**ĐA**890	Nguyễn Thị Thu Hường	10/11/1975	Vân Hà	Đông Anh	100	
3114	**ĐA**891	Đào Thị Kim Thoa	12/10/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3115	**ĐA**892	Nguyễn Thị Soan	18/7/1993	Vân Hà	Đông Anh	100	
3116	**ĐA**893	Nguyễn Thị Phương	29/10/1987	Vân Hà	Đông Anh	100	
3117	**ĐA**894	Nguyễn Thị Thầm	15/9/1986	Vân Hà	Đông Anh	100	
3118	**ĐA**895	Trần Thị Hoa	27/8/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3119	**ĐA**896	Ngô Thị Hiền	16/02/1989	Vân Hà	Đông Anh	100	
3120	**ĐA**897	Nguyễn Thị Thảo	08/5/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3121	**ĐA**898	Đỗ Thị Thủy	01/11/1993	Vân Hà	Đông Anh	100	
3122	**ĐA**899	Nguyễn Thị Lý	19/11/1992	Vân Hà	Đông Anh	100	
3123	**ĐA**900	Nguyễn Thị Thanh Tân	13/07/1971	Vân Hà	Đông Anh	100	
3124	**ĐA**901	Phạm Thị Thu Hoài	16/6/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3125	**ĐA**902	Phạm Hồng Anh	07/11/1988	Vân Hà	Đông Anh	100	
3126	**ĐA**903	Đồng Thị Thu Hoài	28/4/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3127	**ĐA**904	Tô Thị Kiều Oanh	04/7/1992	Vân Hà	Đông Anh	100	
3128	**ĐA**905	Lê Thị Xuân Hoa	15/02/1990	Vân Hà	Đông Anh	100	
3129	**ĐA**906	Nguyễn Thị Thanh Vân	21/01/1993	Vân Hà	Đông Anh	100	
3130	**ĐA**907	Nguyễn Thị Kim Châm	27/01/1969	Vân Hà	Đông Anh	100	
3131	**ĐA**908	Nguyễn Thị Kim Anh	02/08/1968	Vân Hà	Đông Anh	100	
3132	**ĐA**909	Phạm Thị Chỉnh	20/10/1973	Liên Hà	Đông Anh	100	
3133	**ĐA**910	Nguyễn Thị Minh	31/3/1969	Liên Hà	Đông Anh	100	
3134	**ĐA**911	Nguyễn Thị Hương	14/1/1990	Liên Hà	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3135	**ĐA**912	Hoàng Thị Minh Nguyệt	1/9/1986	Liên Hà	Đông Anh	100	
3136	**ĐA**913	Dương Thị Lý	1/4/1982	Liên Hà	Đông Anh	100	
3137	**ĐA**914	Hoàng Hồng Huê	29/4/1978	Liên Hà	Đông Anh	100	
3138	**ĐA**915	Phạm Thị Mận	15/6/1972	Liên Hà	Đông Anh	100	
3139	**ĐA**916	Hoàng Thị Đào	18/11/1989	Liên Hà	Đông Anh	100	
3140	**ĐA**917	Hoàng Thị Hải Yến	13/7/1984	Liên Hà	Đông Anh	100	
3141	**ĐA**918	Ngô Thị Hồng Loan	6/2/1988	Liên Hà	Đông Anh	100	
3142	**ĐA**919	Phạm Thị Thu Hương	3/8/1977	Liên Hà	Đông Anh	100	
3143	**ĐA**920	Ngô Như Ngọc	22/2/1990	Liên Hà	Đông Anh	100	
3144	**ĐA**921	Đỗ Thị Thanh Tú	13/9/1992	Liên Hà	Đông Anh	100	
3145	**ĐA**922	Hoàng Thị Thùy Chinh	27/3/1987	Liên Hà	Đông Anh	100	
3146	**ĐA**923	Nguyễn Thị Hà	10/10/1984	Liên Hà	Đông Anh	90	Thiếu bằng CĐ GD MN; có bằng ĐH cấp 24/3/2021 chưa đủ thời gian 3 năm
3147	**ĐA**924	Nguyễn Thị Lan	26/3/1985	Liên Hà	Đông Anh	100	
3148	**ĐA**925	Nguyễn Thị Lý	9/1/1982	Liên Hà	Đông Anh	100	
3149	**ĐA**926	Hoàng Thị Sen	13/11/1977	Liên Hà	Đông Anh	100	
3150	**ĐA**927	Nguyễn Thị Thắng	28/9/1969	Liên Hà	Đông Anh	100	
3151	**ĐA**928	Phạm Thị Thắng	9/6/1971	Liên Hà	Đông Anh	100	
3152	**ĐA**929	Hoàng Thị Hiền	6/6/1989	Liên Hà	Đông Anh	100	
3153	**ĐA**930	Phạm Thị Thùy	17/9/1989	Liên Hà	Đông Anh	100	
3154	**ĐA**931	Trịnh Thị Lan Phương	10/8/1992	Liên Hà	Đông Anh	100	
3155	**ĐA**932	Nguyễn Thị Tuyến	1/2/1990	Liên Hà	Đông Anh	100	
3156	**ĐA**933	Nguyễn Thị Ngọc Ái	14/2/1985	Liên Hà	Đông Anh	100	
3157	**ĐA**934	Lê Thị Thanh Thủy	16/12/1991	Liên Hà	Đông Anh	100	
3158	**ĐA**935	Đặng Thị Thu Trang	10/7/1994	Liên Hà	Đông Anh	100	
3159	**ĐA**936	Lê Minh Hồng	24/4/1994	Liên Hà	Đông Anh	100	
3160	**ĐA**937	Đỗ Thị Thu Hằng	16/6/1993	Liên Hà	Đông Anh	100	
3161	**ĐA**938	Dương Thị Hằng	16/2/1991	Liên Hà	Đông Anh	100	
3162	**ĐA**939	Lê Hồng Nga	26/4/1989	Liên Hà	Đông Anh	100	
3163	**ĐA**940	Phạm Thị Tuyến	1/7/1990	Liên Hà	Đông Anh	100	
3164	**ĐA**941	Dương Thanh Huyền	26/10/1992	Liên Hà	Đông Anh	100	
3165	**ĐA**942	Nguyễn Thị Kim Dung	24/6/1983	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3166	**ĐA**943	Ngô Thị Bích Thúy	21/02/1977	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3167	**ĐA**944	Lê Thị Phượng	10/10/1988	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3168	**ĐA**945	Trần Thị Sóng	12/09/1981	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3169	**ĐA**946	Ngô Thị Kim Quý	07/05/1973	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3170	**ĐA**947	Phạm Thị Thuý An	12/12/1992	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3171	**ĐA**948	Nguyễn Thị Oanh	11/05/1990	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3172	**ĐA**949	Ngô Thị Thanh Huyền	01/03/1987	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3173	**ĐA**950	Ngô Thị Hiền	15/04/1991	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3174	**ĐA**951	Nguyễn Thị Luận	18/02/1983	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3175	**ĐA**952	Nguyễn Thị Diễn	17/02/1978	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3176	**ĐA**953	Phạm Thị Thanh Huyền	15/12/1992	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3177	**ĐA**954	Lê Ngọc Anh	09/03/1990	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3178	**ĐA**955	Nguyễn Thanh Huyền	10/09/1989	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3179	**ĐA**956	Nguyễn Thị Thuỷ	02/9/1985	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3180	**ĐA**957	Lê Thị Vân	27/5/1992	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3181	**ĐA**958	Nguyễn Thị Thán	23/03/1975	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3182	**ĐA**959	Tạ Thị Thu Thương	04/12/1993	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3183	**ĐA**960	Vương Thị Huyền	21/08/1991	Nam Hồng	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3184	**ĐA**961	Nguyễn Thị Thoa	19/04/1985	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3185	**ĐA**962	Lê Thúy Hằng	02/02/1985	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3186	**ĐA**963	Hà Thị Thu Hiền	20/07/1986	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3187	**ĐA**964	Nguyễn Thị Đua	10/08/1971	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3188	**ĐA**965	Tô Thị Thanh Huyền	27/03/1985	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3189	**ĐA**966	Nguyễn Thị Kim Anh	21/03/1978	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3190	**ĐA**967	Nguyễn Thị Sơn	12/12/1972	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3191	**ĐA**968	Phạm Thị Quyết	24/12/1983	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3192	**ĐA**969	Trần Thị Hoan	22/04/1977	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3193	**ĐA**970	Nguyễn Thị Thủy	22/8/1988	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3194	**ĐA**971	Ngô Thị Hồng Lan	26/9/1980	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3195	**ĐA**972	Nguyễn Thị Trinh	25/6/1995	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3196	**ĐA**973	Trần Thị Hường	22/11/1991	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3197	**ĐA**974	Nguyễn Thị Nguyên	21/04/1970	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3198	**ĐA**975	Lê Thị Thu Hiền	22/09/1991	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3199	**ĐA**976	Trần Thị Anh Thư	26/05/1996	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3200	**ĐA**977	Phan Thị Phương	04/01/1989	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3201	**ĐA**978	Nguyễn Thị Hải	14/10/1988	Nam Hồng	Đông Anh	100	
3202	**ĐA**979	Nguyễn Đình Thị Hiền	26/01/1986	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3203	**ĐA**980	Bùi Thị Xuân Hương	30/3/1983	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3204	**ĐA**981	Khang Thị Thu Huyền	11/12/1993	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3205	**ĐA**982	Phạm Thị Giang	14/10/1983	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3206	**ĐA**983	Hoàng Thị Thái Vân	11/03/1988	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3207	**ĐA**984	Phạm Thị Thơm	22/08/1983	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3208	**ĐA**985	Nguyễn Thị Ánh	12/07/1975	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3209	**ĐA**986	Đặng Quỳnh Thu	26/12/1989	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3210	**ĐA**987	Nguyễn Thị Thanh Xuân	14/08/1983	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3211	**ĐA**988	Ngô Thị Phương	24/01/1988	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3212	**ĐA**989	Ngô Thị Hiển	27/10/1973	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3213	**ĐA**990	Bùi Thị Thu Hiền	29/02/1984	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3214	**ĐA**991	Đỗ Thị Tâm	09/06/1983	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3215	**ĐA**992	Trí Thị Thảo	19/11/1986	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3216	**ĐA**993	Ngô Thị Bách	21/07/1986	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3217	**ĐA**994	Nguyễn Thị An	02/02/1992	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3218	**ĐA**995	Bá Thị Hảo	08/11/1991	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3219	**ĐA**996	Nguyễn Kim Tuyến	03/10/1987	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3220	**ĐA**997	Nguyễn Thị Bích Diệp	13/10/1990	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3221	**ĐA**998	Trần Thị Ngân	04/01/1986	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3222	**ĐA**999	Cù Thị Hoàn	03/02/1981	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3223	**ĐA**1000	Ngô Thị Hường	11/10/1988	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3224	**ĐA**1001	Thịnh Thị Thanh	22/03/1987	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3225	**ĐA**1002	Đăng Thị Dung	16/06/1987	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3226	**ĐA**1003	Nguyễn Thị Tuyết	08/12/1992	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3227	**ĐA**1004	Ngô Thị An	06/09/1990	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3228	**ĐA**1005	Vũ Thị Ngọc Tú	21/08/1986	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3229	**ĐA**1006	Phạm Thị Thanh Giang	12/03/1991	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3230	**ĐA**1007	Nguyễn Thị Thảo	31/08/1990	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3231	**ĐA**1008	Nguyễn Thị Hồng Mai	08/11/1991	Hoa Sen	Đông Anh	100	
3232	**ĐA**1009	Đỗ Thị Hậu	24/12/1981	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3233	**ĐA**1010	Nguyễn Thị Kim Quế	15/11/1981	Phúc Lộc	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3234	**ĐA**1011	Hà Thị Thu Huyền	08/11/1981	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3235	**ĐA**1012	Chu Thị Tân	23/11/1993	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3236	**ĐA**1013	Đỗ Thanh Thảo	12/5/1988	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3237	**ĐA**1014	Hoàng Thị Vân Anh	4/16/1990	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3238	**ĐA**1015	Nguyễn Thị Thúy	11/10/1989	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3239	**ĐA**1016	Phùng Thị Ánh Ngọc	13/10/1994	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3240	**ĐA**1017	Hữu Thị Thanh Hoa	3/9/1991	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3241	**ĐA**1018	Trần Thị Duy	1/6/1991	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3242	**ĐA**1019	Nguyễn Thị Phương	1/21/1991	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3243	**ĐA**1020	Nguyễn Thị Phượng	9/3/1993	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3244	**ĐA**1021	Nguyễn Thị Thu Thủy	7/19/1989	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3245	**ĐA**1022	Ngô Thị Bích Ngọc	9/25/1993	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3246	**ĐA**1023	Phạm Thị Giang	1/22/1982	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3247	**ĐA**1024	Đinh Thị Lan	7/7/1987	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3248	**ĐA**1025	Lý Ngọc Quỳnh	20/12/1987	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3249	**ĐA**1026	Nguyễn Thị Nguyệt	11/9/1987	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3250	**ĐA**1027	Nguyễn Thị Diệu Ngần	27/10/1979	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3251	**ĐA**1028	Nguyễn Thị Yến	26/10/1980	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3252	**ĐA**1029	Nguyễn Thị Oanh	3/15/1990	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3253	**ĐA**1030	Nguyễn Thị Hà	1/7/1992	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3254	**ĐA**1031	Trần Thị Hoàng Hiệp	9/24/1993	Phúc Lộc	Đông Anh	100	
3255	**ĐA**1032	Nguyễn Thị Tuyết Hường	20/7/1970	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3256	**ĐA**1033	Nguyễn Thị Miền	18/4/1976	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3257	**ĐA**1034	Nguyễn Thị Biên	11/02/1982	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3258	**ĐA**1035	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/9/1978	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3259	**ĐA**1036	Nguyễn Thị Diệp Thư	13/3/1991	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3260	**ĐA**1037	Đỗ Thị Thanh	12/7/1988	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3261	**ĐA**1038	Phạm Thị Yến	05/04/1989	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3262	**ĐA**1039	Phạm Thanh Hương	03/02/1994	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3263	**ĐA**1040	Đinh Thị Luận	23/02/1978	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3264	**ĐA**1041	Ngô Thị La	14/10/1983	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3265	**ĐA**1042	Đỗ Thị Hiền	25/08/1971	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3266	**ĐA**1043	Nguyễn Thị Oanh	28/08/1991	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3267	**ĐA**1044	Nguyễn Thị Nga	14/01/1971	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3268	**ĐA**1045	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11/08/1993	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3269	**ĐA**1046	Trần Thị Mai	07/02/1991	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3270	**ĐA**1047	Trần Thị Huyền Trang	26/10/1987	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3271	**ĐA**1048	Trần Thị Thủy	21/05/1992	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3272	**ĐA**1049	Nguyễn Thị Thanh Xinh	19/01/1991	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3273	**ĐA**1050	Trần Thị Bích Lợi	28/11/1970	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3274	**ĐA**1051	Trần Thị Phương	01/10/1980	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3275	**ĐA**1052	Nguyễn Thị Luận	05/10/1990	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3276	**ĐA**1053	Nguyễn Cao Thị Huệ	12/07/1983	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3277	**ĐA**1054	Đào Thị Vân	29/12/1993	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3278	**ĐA**1055	Đồng Thị Minh Giang	8/12/1992	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3279	**ĐA**1056	Trần Thị Huyên	07/06/1970	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3280	**ĐA**1057	Trần Thị Toan	19/07/1973	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3281	**ĐA**1058	Trần Thị Tuyền	30/10/1977	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3282	**ĐA**1059	Trần Thị Thủy	15/01/1990	Tiên Dương	Đông Anh	100	
3283	**ĐA**1060	Phạm Bích Liên	13/02/1979	Thư Lâm	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3284	**ĐA**1061	Ngô Thị Lan	15/10/1980	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3285	**ĐA**1062	Ngô Thị Kim Oanh	25/9/1985	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3286	**ĐA**1063	Nguyễn Thị Chúc	01/07/1993	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3287	**ĐA**1064	Dương Thị Thu Hằng	30/03/1982	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3288	**ĐA**1065	Hoàng Liên Hương	21/5/1977	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3289	**ĐA**1066	Đỗ Thị Chi	31/03/1991	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3290	**ĐA**1067	Lê Thị Hay	20/12/1990	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3291	**ĐA**1068	Nguyễn Thị Thanh Bình	05/01/1984	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3292	**ĐA**1069	Dương Thị Huyền	27/5/1988	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3293	**ĐA**1070	Dương Thị Tâm	15/03/1975	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3294	**ĐA**1071	Dương Thị Thanh Huyền	28/09/1976	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3295	**ĐA**1072	Đinh Thị Tuyến	28/02/1984	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3296	**ĐA**1073	Nguyễn Thị Hường	14/07/1991	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3297	**ĐA**1074	Đinh Thị Hòa	02/10/1989	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3298	**ĐA**1075	Nghiêm Thi Thanh	28/11/1992	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3299	**ĐA**1076	Nguyễn Thị Đắc	22/02/1993	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3300	**ĐA**1077	Đỗ Kim Ngân	20/08/1996	Thư Lâm	Đông Anh	100	
3301	**ĐA**1078	Lương Thị Hương	03/09/1980	Đông Hội	Đông Anh	100	
3302	**ĐA**1079	Quản Thị Thu Hòa	07/10/1987	Đông Hội	Đông Anh	100	
3303	**ĐA**1080	Bùi Thị Thu Hằng	21/12/1978	Đông Hội	Đông Anh	100	
3304	**ĐA**1081	Trương Thị Bích Hồng	03/09/1982	Đông Hội	Đông Anh	100	
3305	**ĐA**1082	Đỗ Hồng Trang	02/01/1986	Đông Hội	Đông Anh	100	
3306	**ĐA**1083	Nguyễn Thị Hồng Thắm	25/03/1987	Đông Hội	Đông Anh	100	
3307	**ĐA**1084	Nguyễn Thị Hài	21/11/1979	Đông Hội	Đông Anh	100	
3308	**ĐA**1085	Tạ Thị Hà	20/07/1972	Đông Hội	Đông Anh	100	
3309	**ĐA**1086	Đặng Thị Dư	15/06/1970	Đông Hội	Đông Anh	100	
3310	**ĐA**1087	Trần Thị Thanh Huyền	28/05/1985	Đông Hội	Đông Anh	100	
3311	**ĐA**1088	Đặng Thị Mỹ Hằng	23/06/1989	Đông Hội	Đông Anh	100	
3312	**ĐA**1089	Đào Thị Hạnh	27/2/1971	Đông Hội	Đông Anh	100	
3313	**ĐA**1090	Đỗ Thị Bích Ngọc	07/6/1989	Đông Hội	Đông Anh	100	
3314	**ĐA**1091	Hoàng Thị Phương	09/12/1988	Đông Hội	Đông Anh	100	
3315	**ĐA**1092	Ngô Bích Ngọc	28/12/1991	Đông Hội	Đông Anh	100	
3316	**ĐA**1093	Phan Thị Nhật Lệ	25/02/1976	Đông Hội	Đông Anh	100	
3317	**ĐA**1094	Trần Thanh Hoa	31/05/1977	Đông Hội	Đông Anh	100	
3318	**ĐA**1095	Nguyễn Thị Tâm	05/11/1971	Đông Hội	Đông Anh	100	
3319	**ĐA**1096	Vương Thị Huế	12/06/1976	Đông Hội	Đông Anh	100	
3320	**ĐA**1097	Vương Thị Ngọc Khánh	15/10/1980	Đông Hội	Đông Anh	100	
3321	**ĐA**1098	Ngô Thị Thanh Vân	30/08/1980	Đông Hội	Đông Anh	100	
3322	**ĐA**1099	Đặng Thị May	09/3/1990	Đông Hội	Đông Anh	100	
3323	**ĐA**1100	Nguyễn Thị Thoan	7/11/1975	Đông Hội	Đông Anh	100	
3324	**ĐA**1101	Nguyễn Thị Thư	29/10/1983	Đông Hội	Đông Anh	100	
3325	**ĐA**1102	Hoàng Thi Như Ngọc	04/12/1987	Đông Hội	Đông Anh	100	
3326	**ĐA**1103	Vũ Thị Hằng	21/11/1990	Đông Hội	Đông Anh	100	
3327	**ĐA**1104	Đào Thị Gấm	18/3/1974	Đông Hội	Đông Anh	100	
3328	**ĐA**1105	Nguyễn Thị Tâm	22/01/1985	Đông Hội	Đông Anh	100	
3329	**ĐA**1106	Nguyễn Thị Thanh Mai	09/01/1992	Đông Hội	Đông Anh	100	
3330	**ĐA**1107	Nguyễn Hải Việt	16/03/1990	Đông Hội	Đông Anh	100	
3331	**ĐA**1108	Phạm Hồng Nhung	17/11/1991	Đông Hội	Đông Anh	100	
3332	**ĐA**1109	Lê Thị Thanh Nga	17/04/1985	Đông Hội	Đông Anh	100	
3333	**ĐA**1110	Nguyễn Thị Thùy Dung	08/01/1988	Đông Hội	Đông Anh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3334	**ĐA**1111	Đặng Thị Thắm	03/10/1990	Đông Hội	Đông Anh	100	
3335	**ĐA**1112	Nguyễn Thị Mai	13/01/1987	Đông Hội	Đông Anh	100	
3336	**ĐA**1113	Nguyễn Thị Mai Lan	28/09/1984	Đông Hội	Đông Anh	100	
3337	**ĐA**1114	Lê Thu Huyền	13/03/1992	Đông Hội	Đông Anh	100	
3338	**ĐA**1115	Quản Thị Huyền	12/10/1993	Đông Hội	Đông Anh	100	
3339	**ĐA**1116	Nguyễn Thị Huyền	19/01/1975	Đông Hội	Đông Anh	100	
3340	**ĐA**1117	Hoàng Thị Thủy	17/8/1991	Đông Hội	Đông Anh	100	
3341	**ĐA**1118	Hoàng Thị Châu	04/10/1986	Đông Hội	Đông Anh	100	
3342	**ĐA**1119	Hoàng Thị Thu Hiền	29/12/1990	Đông Hội	Đông Anh	100	
3343	**ĐA**1120	Hoàng Thị Hải Yến	04/11/1986	Đông Hội	Đông Anh	100	
3344	**ĐA**1121	Nguyễn Thị Khánh Huyền	14/02/1994	Đông Hội	Đông Anh	100	
3345	**ĐA**1122	Nguyễn Thị Thu Phương	08/08/1980	Đông Hội	Đông Anh	100	
3346	**ĐA**1123	Đặng Minh Thắm	17/10/1990	Đông Hội	Đông Anh	100	
3347	**ĐA**1124	Ngô Thị Thu Hiền	18/08/1985	Đông Hội	Đông Anh	100	
3348	**ĐA**1125	Nguyễn Thị Thanh Hoa	05/8/1991	Đông Hội	Đông Anh	100	
3349	**ĐA**1126	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/12/1990	Đông Hội	Đông Anh	100	
3350	**ĐA**1127	Trần Thị Bích Hằng	13/02/1983	Đông Hội	Đông Anh	100	
3351	**ĐA**1128	Ngô Thị Hạnh	24/7/1973	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3352	**ĐA**1129	Nguyễn Thị Hiền	23/9/1973	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3353	**ĐA**1130	Nguyễn Thị Hồng Thắm	22/11/1979	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3354	**ĐA**1131	Nguyễn Thị Hoài	06/12/1993	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3355	**ĐA**1132	Nguyễn Thị Mai Vượng	19/3/1988	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3356	**ĐA**1133	Hoàng Thị Nguyệt Minh	02/01/1974	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3357	**ĐA**1134	Trương Thị Phương Thảo	20/8/1991	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3358	**ĐA**1135	Phạm Thị Thúy Canh	30/10/1982	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3359	**ĐA**1136	Nguyễn Thu Giang	09/09/1979	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3360	**ĐA**1137	Nguyễn Thị Kim Thoa	25/05/`1984	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3361	**ĐA**1138	Vương Thị Hiệp	26/07/1973	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3362	**ĐA**1139	Nguyễn Thị Hoa	09/01/1981	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3363	**ĐA**1140	Nguyễn Thị Oanh	04/05/1991	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3364	**ĐA**1141	Hoàng Thị Thuỳ Dung	10/11/1989	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3365	**ĐA**1142	Nguyễn Thị Huyền Thương	08/01/1991	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3366	**ĐA**1143	Nguyễn Thị Tươi	27/10/1988	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3367	**ĐA**1144	Đỗ Thị Thảo	12/10/1991	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3368	**ĐA**1145	Đặng Thị Nhung	28/09/1979	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3369	**ĐA**1146	Nguyễn Thị Bình	12/11/1983	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3370	**ĐA**1147	Hoàng Thị Thu Hằng	25/06/1990	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3371	**ĐA**1148	Nguyễn Phương Thủy	25/09/1990	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3372	**ĐA**1149	Trịnh Thùy Nhung	29/01/1981	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3373	**ĐA**1150	Nguyễn Thị Huyền	27/7/1987	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3374	**ĐA**1151	Nguyễn Thị Phương Dung	22/8/1989	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3375	**ĐA**1152	Nghiêm Thị Huệ	27/12/1992	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3376	**ĐA**1153	Chu Thị Hoa	15/7/1982	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3377	**ĐA**1154	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	06/8/1983	Uy Nỗ	Đông Anh	100	
3378	**ĐĐ**001	Trịnh Thị Xuân Hương	06/8/1974	Bình Minh	Đống Đa	100	
3379	**ĐĐ**002	Nguyễn Thu Huyền	17/12/1981	Bình Minh	Đống Đa	100	
3380	**ĐĐ**003	Nguyễn Thị Thu Hương	29/4/1973	Bình Minh	Đống Đa	100	
3381	**ĐĐ**004	Nguyễn Thị Thu Hương	26/3/1973	Bình Minh	Đống Đa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3382	**ĐĐ**005	Triệu Thị Hằng	20/10/1977	Cát Linh	Đống Đa	100	
3383	**ĐĐ**006	Hoàng Mai Hương	19/07/1973	Cát Linh	Đống Đa	100	
3384	**ĐĐ**007	Đỗ Thị Kim Thịnh	21/04/1973	Cát Linh	Đống Đa	100	
3385	**ĐĐ**008	Tạ Phương Anh	08/08/1973	Đống Đa	Đống Đa	100	
3386	**ĐĐ**009	Nguyễn Thị Thu Lan	15/08/1971	Đống Đa	Đống Đa	100	
3387	**ĐĐ**010	Nguyễn Thùy Trang	04/02/1987	Đống Đa	Đống Đa	100	
3388	**ĐĐ**011	Nguyễn Thị Hường	28/8/1971	Mầm Xanh	Đống Đa	100	
3389	**ĐĐ**012	Phạm Thị Thoa	07/11/1977	Mầm Xanh	Đống Đa	100	
3390	**ĐĐ**013	Lê Thị Tuyết Lan	18/10/1978	Mầm Xanh	Đống Đa	100	
3391	**ĐĐ**014	Trần Thị Thúy An	10/12/1985	Mầm Xanh	Đống Đa	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN GVMN Hạng III (V07.02.26)
3392	**ĐĐ**015	Nguyễn Thị Hương Lan	21/6/1968	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3393	**ĐĐ**016	Phạm Thị Bích Phượng	29/11/1978	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3394	**ĐĐ**017	Vũ Thị Hồng Nhung	24/6/1980	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3395	**ĐĐ**018	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/4/1992	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3396	**ĐĐ**019	Đinh Thị Xuyên	10/6/1986	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3397	**ĐĐ**020	Trần Thị Hồng Hạnh	02/11/1994	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3398	**ĐĐ**021	Nguyễn Thị Hà Trang	24/10/1993	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3399	**ĐĐ**022	Nguyễn Thị Hiền	8/02/1990	Hoa Mai	Đống Đa	100	
3400	**ĐĐ**023	Phùng Thanh Bình	1/28/1973	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3401	**ĐĐ**024	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	12/6/1975	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3402	**ĐĐ**025	Hoàng Thị Đức Thủy	9/8/1980	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3403	**ĐĐ**026	Phan Thị Mai	7/1/1990	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3404	**ĐĐ**027	Vũ Thị Hằng	9/24/1981	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3405	**ĐĐ**028	Đinh Thị Huệ	3/8/1983	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3406	**ĐĐ**029	Nguyễn Thị Hạnh	1/16/1988	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3407	**ĐĐ**030	Nguyễn Thị Huế	15/5/1991	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3408	**ĐĐ**031	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/2/1992	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3409	**ĐĐ**032	Vũ Thanh Xuân	4/3/1992	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3410	**ĐĐ**033	Hoàng Mỹ Linh	1/5/1981	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3411	**ĐĐ**034	Nguyễn Diệu Linh	25/10/1988	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3412	**ĐĐ**035	Nguyễn Thu Hà	6/28/1991	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3413	**ĐĐ**036	Phạm Thị Vui	5/10/1986	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3414	**ĐĐ**037	Lê Thị Vịnh	10/10/1984	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3415	**ĐĐ**038	Trần Thị Trà My	22/12/1985	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3416	**ĐĐ**039	Phạm Thị Thu Hiền	9/8/1988	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3417	**ĐĐ**040	Hoàng Thanh Thủy	23/6/1992	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3418	**ĐĐ**041	Nguyễn Thị Hoài	6/1/1987	Hoa Hồng	Đống Đa	100	
3419	**ĐĐ**042	Đỗ Thị Thu Huyền	4/1/1972	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3420	**ĐĐ**043	Vũ Thị Thanh Hương	2/9/1974	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3421	**ĐĐ**044	Vũ Tuyết Mai	9/3/1972	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3422	**ĐĐ**045	Luyện Thị Huế	29/3/1986	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3423	**ĐĐ**046	Hoàng Bảo Ngọc	13/5/1987	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3424	**ĐĐ**047	Nguyễn Thị Phương Tâm	28/6/1984	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3425	**ĐĐ**048	Nguyễn Thị Hoài Thương	18/9/1980	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3426	**ĐĐ**049	Trần Thị Thúy	5/1/1986	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3427	**ĐĐ**050	Nguyễn Hồng Trang	17/7/1989	Kim Đồng	Đống Đa	100	
3428	**ĐĐ**051	Mai Thanh Hằng	04/12/1978	Láng Thượng	Đống Đa	100	
3429	**ĐĐ**052	Nguyễn Song Quế	12/08/1976	Láng Thượng	Đống Đa	100	
3430	**ĐĐ**053	Nguyễn Thu Hương	08/12/1977	Láng Thượng	Đống Đa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3431	**ĐĐ**054	Bùi Thị Đông Bích Thảo	23/11/1978	Láng Thượng	Đống Đa	100	
3432	**ĐĐ**055	Trần Thị Tứ	08/01/1984	Láng Thượng	Đống Đa	100	
3433	**ĐĐ**056	Nguyễn Thúy Loan	18/06/1981	Láng Thượng	Đống Đa	100	
3434	**ĐĐ**057	Trần Thị Lan	08/06/1972	Láng Thượng	Đống Đa	100	
3435	**ĐĐ**058	Phan Thu Hương	24/05/1974	Láng Thượng	Đống Đa	100	
3436	**ĐĐ**059	Phạm Thu An	15/12/1973	Kim Liên	Đống Đa	100	
3437	**ĐĐ**060	Trần Thanh Tú	13/10/1979	Kim Liên	Đống Đa	100	
3438	**ĐĐ**061	Nguyễn Thị Mai	01/03/1982	Kim Liên	Đống Đa	100	
3439	**ĐĐ**062	Vũ Thị Loan	11/06/1990	Kim Liên	Đống Đa	100	
3440	**ĐĐ**063	Trần Thị Dung	01/06/1991	Kim Liên	Đống Đa	100	
3441	**ĐĐ**064	Trần Thị Diệp	19/08/1991	Kim Liên	Đống Đa	100	
3442	**ĐĐ**065	Đoàn Minh Hương	15/09/1990	Kim Liên	Đống Đa	100	
3443	**ĐĐ**066	Nguyễn Lê Thùy Dương	01/04/1986	Kim Liên	Đống Đa	100	
3444	**ĐĐ**067	Nguyễn Thị Trang Nhung	29/10/1981	Kim Liên	Đống Đa	100	
3445	**ĐĐ**068	Hoàng Thị Thanh Huyền	15/10/1990	Kim Liên	Đống Đa	100	
3446	**ĐĐ**069	Nguyễn Thị Thu Trang	30/07/1991	Kim Liên	Đống Đa	100	
3447	**ĐĐ**070	Hà Phương Anh	03/12/1987	Kim Liên	Đống Đa	100	
3448	**ĐĐ**071	Nguyễn Thị Yến	25/10/1981	Kim Liên	Đống Đa	100	
3449	**ĐĐ**072	Vũ Thị Thanh Tú	25/04/1984	Kim Liên	Đống Đa	100	
3450	**ĐĐ**073	Nguyễn Thị Thanh Tâm	14/08/1984	Kim Liên	Đống Đa	100	
3451	**ĐĐ**074	Lê Thị Tiên Dung	06/08/1985	Kim Liên	Đống Đa	100	
3452	**ĐĐ**075	Lê Ngọc Anh	06/03/1990	Kim Liên	Đống Đa	100	
3453	**ĐĐ**076	Đặng Thị Hương	01/07/1983	Kim Liên	Đống Đa	100	
3454	**ĐĐ**077	Trần Thị Huyền Trang	23/05/1989	Kim Liên	Đống Đa	100	
3455	**ĐĐ**078	Vũ Thị Minh Hoài	05/02/1986	Kim Liên	Đống Đa	100	
3456	**ĐĐ**079	Vũ Thị Kim Duyên	19/01/1988	Kim Liên	Đống Đa	100	
3457	**ĐĐ**080	Lê Thị Hạnh	01/06/1982	Kim Liên	Đống Đa	100	
3458	**ĐĐ**081	Vương Thị Thu Hường	20/01/1991	Kim Liên	Đống Đa	100	
3459	**ĐĐ**082	Hoàng Thị Tuyết	18/04/1983	Kim Liên	Đống Đa	100	
3460	**ĐĐ**083	Nguyễn Thị Phương	06/05/1991	Kim Liên	Đống Đa	100	
3461	**ĐĐ**084	Lê Thị Lương	23/06/1989	Kim Liên	Đống Đa	100	
3462	**ĐĐ**085	Phạm Thị Hồng	19/12/1987	Kim Liên	Đống Đa	100	
3463	**ĐĐ**086	Phạm Thị Vân	01/03/1979	Kim Liên	Đống Đa	100	
3464	**ĐĐ**087	Nguyễn Thúy Ngọc	25/08/1991	Kim Liên	Đống Đa	100	
3465	**ĐĐ**088	Ngô Thị Minh Thùy	28/09/1979	Kim Liên	Đống Đa	100	
3466	**ĐĐ**089	Đỗ Thị Bích Ngọc	20/06/1985	Kim Liên	Đống Đa	100	
3467	**ĐĐ**090	Trịnh Thị Thúy Nga	16/06/1976	Kim Liên	Đống Đa	100	
3468	**ĐĐ**091	Đặng Hoài Anh	12/10/1994	Kim Liên	Đống Đa	100	
3469	**ĐĐ**092	Trần Thị Ngọc	29/11/1980	Kim Liên	Đống Đa	100	
3470	**ĐĐ**093	Lê Phương Mai	29/04/1977	Hoa Sen	Đống Đa	100	
3471	**ĐĐ**094	Tạ Thu Hà	27/7/1975	Hoa Sen	Đống Đa	100	
3472	**ĐĐ**095	Trương Phú Hiệp	29/9/1969	Hoa Sen	Đống Đa	100	
3473	**ĐĐ**096	Nguyễn Thu Huyền	15/7/1986	Hoa Sen	Đống Đa	100	
3474	**ĐĐ**097	Nguyễn Hà Quỳnh	24/01/1977	Hoa Sữa	Đống Đa	100	
3475	**ĐĐ**098	Phạm Hoàng Hà	29/07/1985	Hoa Sữa	Đống Đa	100	
3476	**ĐĐ**099	Hoàng Yến Phương	11/11/1976	Hoa Sữa	Đống Đa	100	
3477	**ĐĐ**100	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	29/01/1971	Hoa Sữa	Đống Đa	100	
3478	**ĐĐ**101	Đặng Xuân Giang	30/12/1974	Hoa Sữa	Đống Đa	100	
3479	**ĐĐ**102	Lê Thị Thúy Hằng	10/04/1974	Hoa Sữa	Đống Đa	100	
3480	**ĐĐ**103	Phùng Đức Hạnh	12/12/1991	Hoa Sữa	Đống Đa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3481	**ĐĐ**104	Nguyễn Thị Thu Hà	16/1/1977	Họa My	Đống Đa	100	
3482	**ĐĐ**105	Trịnh Thị Tuyết Hạnh	20/9/1978	Họa My	Đống Đa	100	
3483	**ĐĐ**106	Nguyễn Thị Phương Liên	12/8/1985	Họa My	Đống Đa	100	
3484	**ĐĐ**107	Hoàng Hương Giang	14/2/1984	Họa My	Đống Đa	100	
3485	**ĐĐ**108	Nguyễn Hồng Yến	22/11/1988	Họa My	Đống Đa	100	
3486	**ĐĐ**109	Vũ Thị Diệu Linh	14/3/1984	Họa My	Đống Đa	100	
3487	**ĐĐ**110	Lại Thị Bích Diệp	5/10/1978	Họa My	Đống Đa	100	
3488	**ĐĐ**111	Nguyễn Thị Hồng	24/6/1993	Họa My	Đống Đa	100	
3489	**ĐĐ**112	Nguyễn Quỳnh Trang	03/12/1979	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3490	**ĐĐ**113	Nguyễn Thị Dịu	15/03/1978	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3491	**ĐĐ**114	Lều Thị Hiên	06/10/1981	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3492	**ĐĐ**115	Đỗ Thị Quỳnh Hương	12/01/1977	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3493	**ĐĐ**116	Nguyễn Thị Thúy	11/09/1976	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3494	**ĐĐ**117	Hà Thu Thủy	15/10/1989	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3495	**ĐĐ**118	Lý Thị Ngọc Trang	02/06/1991	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3496	**ĐĐ**119	Nguyễn Thị Tình	05/06/1982	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3497	**ĐĐ**120	Đoàn Thị Thu Trang	30/08/1983	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3498	**ĐĐ**121	Trần Thị Thanh Huyền	8/4/1988	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3499	**ĐĐ**122	Nguyễn Thị Thùy Dung	9/11/1990	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3500	**ĐĐ**123	Nguyễn Thị Bích Huệ	3/26/1979	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3501	**ĐĐ**124	Nguyễn Thu Huyền	26/12/1992	Nắng Hồng	Đống Đa	100	
3502	**ĐĐ**125	Trần Thị Hạnh	1/27/1972	Ngã Tư Sở	Đống Đa	100	
3503	**ĐĐ**126	Nguyễn Huyền Mi	7/28/1979	Ngã Tư Sở	Đống Đa	70	Bằng Đại học Là Nguyễn Huyền My; hồ sơ và các QĐ, giấy tờ khác là Nguyễn Huyền Mi; Danh hiệu chiến sĩ TĐ cơ sở là bản photo không chứng thực
3504	**ĐĐ**127	Nguyễn Mai Hương	3/3/1982	Ngã Tư Sở	Đống Đa	100	
3505	**ĐĐ**128	Lương Thị Hải Vân	22/10/1971	Ngã Tư Sở	Đống Đa	100	
3506	**ĐĐ**129	Cao Vân Chi	8/29/1983	Ngã Tư Sở	Đống Đa	100	
3507	**ĐĐ**130	Nguyễn Thị Hải Thu	11/07/1977	Phương Liên	Đống Đa	100	
3508	**ĐĐ**131	Nguyễn Thị Hoàn	18/02/1982	Phương Liên	Đống Đa	100	
3509	**ĐĐ**132	Đỗ Thị Hồng Hạnh	23/08/1978	Phương Liên	Đống Đa	100	
3510	**ĐĐ**133	Trần Thị Tuyết	24/02/1980	Phương Liên	Đống Đa	100	
3511	**ĐĐ**134	Nguyễn Thu Bình	9/21/1975	Phương Mai	Đống Đa	100	
3512	**ĐĐ**135	Đỗ Thu Hồng	11/3/1976	Phương Mai	Đống Đa	100	
3513	**ĐĐ**136	Phạm Thị Bích Nga	8/23/1981	Phương Mai	Đống Đa	100	
3514	**ĐĐ**137	Cao Thị Thu Hiền	16/11/1977	Phương Mai	Đống Đa	100	
3515	**ĐĐ**138	Ngô Bích Diệp	1/20/1981	Phương Mai	Đống Đa	100	
3516	**ĐĐ**139	Phan Thị Hòa	5/20/1968	Phương Mai	Đống Đa	100	
3517	**ĐĐ**140	Tạ Thị Lý	4/5/1973	Phương Mai	Đống Đa	100	
3518	**ĐĐ**141	Trần Kim Thu	8/18/1984	Phương Mai	Đống Đa	100	
3519	**ĐĐ**142	Nguyễn Thu Huyền	7/18/1976	Quang Trung	Đống Đa	100	
3520	**ĐĐ**143	Vũ Thúy Sinh	3/15/1978	Quang Trung	Đống Đa	100	
3521	**ĐĐ**144	Nguyễn Thúy Ngân	9/8/1980	Quang Trung	Đống Đa	100	
3522	**ĐĐ**145	Đỗ Thị Thảo	8/14/1990	Quang Trung	Đống Đa	100	
3523	**ĐĐ**146	Vũ Nguyễn Thị Lương	15/10/1989	Quang Trung	Đống Đa	100	
3524	**ĐĐ**147	Phạm Thị Khánh Ly	8/11/1980	Quang Trung	Đống Đa	100	
3525	**ĐĐ**148	Lại Thị Hiền	8/28/1986	Quang Trung	Đống Đa	100	
3526	**ĐĐ**149	Trần Thị Hồng	6/26/1990	Quang Trung	Đống Đa	100	
3527	**ĐĐ**150	Đoàn Thị Lành	1/2/1991	Quang Trung	Đống Đa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3528	**ĐĐ**151	Nguyễn Thị Huế	19/04/1978	Sao Mai	Đống Đa	100	
3529	**ĐĐ**152	Nguyễn Lan Phương	9/30/1979	Sao Mai	Đống Đa	100	
3530	**ĐĐ**153	Nguyễn Thị Thu Hương	21/11/1969	Sao Mai	Đống Đa	100	
3531	**ĐĐ**154	Bùi Thị Thúy Hằng	5/18/1989	Sao Mai	Đống Đa	100	
3532	**ĐĐ**155	Phan Thị Mai	1/6/1990	Sao Mai	Đống Đa	100	
3533	**ĐĐ**156	Ngô Phương Thủy	2/21/1990	Sao Mai	Đống Đa	100	
3534	**ĐĐ**157	Nguyễn Thúy An	28/12/1994	Sao Mai	Đống Đa	100	
3535	**ĐĐ**158	Lê Thu Thủy	18/11/1994	Sao Mai	Đống Đa	100	
3536	**ĐĐ**159	Trần Thị Thanh Nhàn	20/11/1987	Sao Mai	Đống Đa	100	
3537	**ĐĐ**160	Đỗ Thị Nghìn	6/18/1981	Sao Mai	Đống Đa	100	
3538	**ĐĐ**161	Nguyễn Thu Hoa	6/26/1983	Sao Mai	Đống Đa	100	
3539	**ĐĐ**162	Lê Minh Phương	6/4/1990	Sao Mai	Đống Đa	100	
3540	**ĐĐ**163	Nguyễn Kiều Ly	20/12/1975	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3541	**ĐĐ**164	Nguyễn Thị Dung	7/14/1973	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3542	**ĐĐ**165	Đỗ Thu Trang	18/11/1986	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3543	**ĐĐ**166	Nguyễn Vân Huyền	11/11/1976	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3544	**ĐĐ**167	Lê Thị Thu Ánh	5/7/1990	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3545	**ĐĐ**168	Lê Hải Yến	10/10/1988	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3546	**ĐĐ**169	Đỗ Kiều My	22/11/1988	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3547	**ĐĐ**170	Đàm Thị Thái Ngọc	18/10/1975	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3548	**ĐĐ**171	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/11/1988	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3549	**ĐĐ**172	Trần Thị Thanh Xuân	27/05/1971	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3550	**ĐĐ**173	Trần Phương Thảo	31/05/1985	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3551	**ĐĐ**174	Nguyễn Phương Dung	20/12/1978	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3552	**ĐĐ**175	Trịnh Lê Trung Hậu	02/09/1984	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3553	**ĐĐ**176	Nguyễn Ngọc Thu	25/05/1980	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3554	**ĐĐ**177	Nguyễn Vân Anh	11/04/1991	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3555	**ĐĐ**178	Hoàng Thu Hằng	06/11/1980	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3556	**ĐĐ**179	Nguyễn Minh Thu	15/11/1987	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3557	**ĐĐ**180	Đàm Thị Hải Quý	19/08/1977	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3558	**ĐĐ**181	Nguyễn Thị Vượng	06/08/1988	Tây Sơn	Đống Đa	100	
3559	**ĐĐ**182	Trần Thị Nghĩa	15/8/1969	Trung Tự	Đống Đa	100	
3560	**ĐĐ**183	Phạm Thị Hồng Ngọc	1/26/1978	Trung Tự	Đống Đa	100	
3561	**ĐĐ**184	Bùi Thị Ngọc Anh	5/27/1983	Trung Tự	Đống Đa	100	
3562	**ĐĐ**185	Trịnh Thu Hà	2/22/1985	Trung Tự	Đống Đa	100	
3563	**ĐĐ**186	Phạm Thị Phương Tháo	3/30/1990	Trung Tự	Đống Đa	100	
3564	**ĐĐ**187	Nguyễn Thị Thuỳ	5/28/1988	Trung Tự	Đống Đa	100	
3565	**ĐĐ**188	Phùng Thị Thu Hiền	1/27/1991	Trung Tự	Đống Đa	100	
3566	**ĐĐ**189	Nguyễn Thị Huệ	11/6/1989	Trung Tự	Đống Đa	100	
3567	**ĐĐ**190	Vũ Thị Thu Hồng	22/12/1988	Trung Tự	Đống Đa	100	
3568	**ĐĐ**191	Nguyễn Thị Phương Thuý	5/1/1984	Trung Tự	Đống Đa	100	
3569	**ĐĐ**192	Vũ Thuỳ Liên	15/10/1988	Trung Tự	Đống Đa	100	
3570	**ĐĐ**193	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	10/11/1978	Trung Tự	Đống Đa	100	
3571	**ĐĐ**194	Nguyễn Thị Hiền	9/3/1986	Trung Tự	Đống Đa	100	
3572	**ĐĐ**195	Ngyễn Thu Hường	9/14/1991	Trung Tự	Đống Đa	100	
3573	**ĐĐ**196	Tô Thị Lữ	30/10/1989	Trung Tự	Đống Đa	100	
3574	**ĐĐ**197	Nguyễn Thanh Hương	23/11/1989	Trung Tự	Đống Đa	100	
3575	**ĐĐ**198	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12/6/1988	Trung Tự	Đống Đa	100	
3576	**ĐĐ**199	Ngô Thị Lan	12/11/1983	Trung Tự	Đống Đa	100	
3577	**ĐĐ**200	Nguyễn Thu Hiền	5/31/1984	Trung Tự	Đống Đa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3578	**ĐĐ**201	Giang Thị Thơm	5/5/1991	Trung Tự	Đống Đa	100	
3579	**ĐĐ**202	Đào Hồng Nhung	23/11/1991	Trung Tự	Đống Đa	100	
3580	**ĐĐ**203	Phùng Thị Hoà	7/21/1990	Trung Tự	Đống Đa	100	
3581	**ĐĐ**204	Đỗ Thị Huyền Trang	11/5/1982	Trung Tự	Đống Đa	100	
3582	**ĐĐ**205	Tưởng Thị Thu	5/21/1989	Trung Tự	Đống Đa	100	
3583	**ĐĐ**206	Đỗ Minh Hằng	4/16/1969	Trung Tự	Đống Đa	100	
3584	**ĐĐ**207	Đỗ Thu Hằng	1/9/1988	Trung Tự	Đống Đa	100	
3585	**ĐĐ**208	Giang Thị Thuỷ	31/10/1989	Trung Tự	Đống Đa	100	
3586	**ĐĐ**209	Hoàng Ngọc An Như	4/4/1994	Trung Tự	Đống Đa	100	
3587	**ĐĐ**210	Nguyễn Việt Anh	27/12/1988	Trung Tự	Đống Đa	100	
3588	**ĐĐ**211	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	9/26/1991	Trung Tự	Đống Đa	100	
3589	**ĐĐ**212	Phạm Bích Thư	8/22/1989	Trung Tự	Đống Đa	100	
3590	**ĐĐ**213	Hoàng Thanh Thủy	5/6/1980	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3591	**ĐĐ**214	Phạm Thị Diễm	4/1/1982	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3592	**ĐĐ**215	Nguyễn Hải Thanh	2/26/1986	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3593	**ĐĐ**216	Trần Bích Hằng	7/2/1980	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3594	**ĐĐ**217	Lưu Thị Tố Uyên	27/9/1982	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3595	**ĐĐ**218	Đặng Thị Thanh Hiền	24/11/1978	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3596	**ĐĐ**219	Nguyễn Thu Huyền	21/10/1991	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3597	**ĐĐ**220	Nguyễn Thị Minh Hồng	11/10/1988	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3598	**ĐĐ**221	Đinh Thị Vân Anh	30/5/1991	Trung Phụng	Đống Đa	100	
3599	**ĐĐ**222	Vũ Linh Chi	01/01/1972	Tuổi Hoa	Đống Đa	100	
3600	**ĐĐ**223	Nguyễn Hương Giang	14/04/1976	Tuổi Hoa	Đống Đa	100	
3601	**ĐĐ**224	Nguyễn Thu Phương	25/11/1988	Tuổi Hoa	Đống Đa	100	
3602	**ĐĐ**225	Nguyễn Thuỳ Linh	12/09/1987	Tuổi Hoa	Đống Đa	100	
3603	**ĐĐ**226	Trần Thị Mão	07/05/1987	Tuổi Hoa	Đống Đa	100	
3604	**ĐĐ**227	Trần Mai Thương	28/02/1986	Tuổi Hoa	Đống Đa	100	
3605	**ĐĐ**228	Nguyễn Vân Anh	17/8/1990	Tuổi Hoa	Đống Đa	100	
3606	**ĐĐ**229	Nghiêm Thị Phương Hồng	10/06/1979	Văn Chương	Đống Đa	100	
3607	**ĐĐ**230	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/09/1978	Văn Chương	Đống Đa	100	
3608	**ĐĐ**231	Nguyễn Thị Nhật	10/05/1988	Văn Chương	Đống Đa	100	
3609	**ĐĐ**232	Đỗ Thị Huệ	06/02/1985	Văn Chương	Đống Đa	100	
3610	**ĐĐ**233	Tạ Thị Bích Hạnh	26/06/1991	Văn Chương	Đống Đa	100	
3611	**ĐĐ**234	Nghiêm Thị Phương Thảo	21/7/1977	Văn Hương	Đống Đa	100	
3612	**ĐĐ**235	Kiều Thị Ngọc Anh	15/9/1988	Văn Hương	Đống Đa	100	
3613	**ĐĐ**236	Lê Thị Nga	02/02/1987	Văn Hương	Đống Đa	100	
3614	**ĐĐ**237	Bùi Hồng Thủy	14/10/1987	Văn Hương	Đống Đa	100	
3615	**ĐĐ**238	Nguyễn Thị Nụ	09/03/1991	Văn Hương	Đống Đa	100	
3616	**ĐĐ**239	Nguyễn Ánh Tuyết	8/20/1993	Văn Hương	Đống Đa	100	
3617	**ĐĐ**240	Nguyễn Quỳnh Nga	6/7/1991	Văn Hương	Đống Đa	100	
3618	**ĐĐ**241	Triệu Thùy Linh	5/29/1986	Văn Hương	Đống Đa	100	
3619	**ĐĐ**242	Đặng Thị Dung	1/26/1986	Văn Hương	Đống Đa	100	
3620	**ĐĐ**243	Phạm Thị Hà Lữ	11/6/1973	Văn Miếu	Đống Đa	100	
3621	**ĐĐ**244	Lý Diệu Chát	8/11/1981	Văn Miếu	Đống Đa	100	
3622	**ĐĐ**245	Nguyễn Thị Hạnh	26/06/1990	Văn Miếu	Đống Đa	100	
3623	**ĐĐ**246	Phạm Thị Hải Quỳnh	1/1/1976	Sơn Ca	Đống Đa	100	
3624	**ĐĐ**247	Trần Thị Hải Yến	23/11/1981	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	
3625	**ĐĐ**248	Lê Anh Thư	15/11/1981	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	
3626	**ĐĐ**249	Nguyễn Thị Hoa	12/03/1982	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3627	**ĐĐ**250	Lê Thị Hồng Quyên	06/05/1986	Vĩnh Hồ	Đống Đa	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
3628	**ĐĐ**251	Nguyễn Ngọc Châu	18/09/1975	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	
3629	**ĐĐ**252	Cao Diệu Linh	13/12/1991	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	
3630	**ĐĐ**253	Đào Thị Phương Lan	2/11/1978	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	
3631	**ĐĐ**254	Trương Thị Bích Liên	10/2/1977	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	
3632	**ĐĐ**255	Trần Thị Minh Phương	22/07/1973	Vĩnh Hồ	Đống Đa	100	
3633	**GL**001	Nguyễn Thị Huệ	09/6/1982	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3634	**GL**002	Nguyễn Thị Vinh Hiển	04/10/1985	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3635	**GL**003	Nguyễn Thu Hà	02/10/1978	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3636	**GL**004	Nguyễn Thị Hồng Diệp	25/05/1992	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3637	**GL**005	Nguyễn Thị Tuyết	25/4/1981	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3638	**GL**006	Nguyễn Thị Hương Lan	23/3/1987	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3639	**GL**007	Trần Thị Thanh Dung	08/4/1984	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3640	**GL**008	Bùi Thanh Hà	30/4/1988	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3641	**GL**009	Nguyễn Thị Thúy Hằng	07/12/1983	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3642	**GL**010	Nguyễn Thị Lan	12/6/1992	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3643	**GL**011	Thân Thị Quyên	10/12/1990	Ánh Dương	Gia Lâm	100	
3644	**GL**012	Lê Thị Hồng Điệp	11/1/1979	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3645	**GL**013	Đoàn Thị Diệu Ánh	08/7/1976	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3646	**GL**014	Nguyễn Thị Thuỳ Hương	04/12/1983	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3647	**GL**015	Vũ Thị Lan Anh	24/8/1987	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3648	**GL**016	Đỗ Thị Lệ Quyến	03/9/1983	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3649	**GL**017	Lưu Hồng Thu	17/7/1983	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3650	**GL**018	Nguyễn Thị Hoa Mai	15/11/1983	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3651	**GL**019	Nguyễn Thị Thu Chang	23/02/1990	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3652	**GL**020	Nguyễn Ly Hoài	07/8/1972	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3653	**GL**021	Lê Thị Thanh Hoá	19/11/1981	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3654	**GL**022	Lê Thị Điệp	30/11/1982	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3655	**GL**023	Vũ Thị Trà	31/7/1987	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3656	**GL**024	Cao Thị Thuỷ	19/8/1979	Ánh Sao	Gia Lâm	100	
3657	**GL**025	Nguyễn Thị Xuân Thanh	09/1/1973	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3658	**GL**026	Nguyễn Thị Mai Hoa	21/6/1989	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3659	**GL**027	Đỗ Thị Tuyết	25/4/1986	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3660	**GL**028	Lê Thị Như Tâm	02/10/1984	Bát Tràng	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3661	**GL**029	Nguyễn Thị Thắm	03/11/1985	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3662	**GL**030	Văn Thị Mai Hoa	10/11/1992	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3663	**GL**031	Hoàng Thị Phương Thúy	07/12/1986	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3664	**GL**032	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/7/1990	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3665	**GL**033	Nguyễn Thị Thúy	18/11/1992	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3666	**GL**034	Nguyễn Thị Thu Hà	09/5/1984	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3667	**GL**035	Ngô Thị Phương Thảo	11/4/1987	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3668	**GL**036	Nguyễn Thị Hạnh	17/6/1988	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3669	**GL**037	Vũ Hồng Điệp	17/8/1990	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3670	**GL**038	Lã Thị Hoài Phương	05/7/1984	Bát Tràng	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3671	**GL**039	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	02/5/1979	Bát Tràng	Gia Lâm	100	
3672	**GL**040	Nguyễn Thị Vui	12/10/1983	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3673	**GL**041	Nguyễn Thị Hà	21/02/1979	Bình Minh	Gia Lâm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3674	**GL**042	Thạch Thị Huyền	16/7/1984	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3675	**GL**043	Nguyễn Kim Anh	18/10/1988	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3676	**GL**044	Doãn Thị Thanh Minh	11/01/1980	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3677	**GL**045	Nguyễn Thị Điều	20/5/1984	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3678	**GL**046	Phạm Thị Minh Thủy	01/8/1982	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3679	**GL**047	Nguyễn Thị Thanh Huyền	26/6/1991	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3680	**GL**048	Lê Thị Thu Huyền	16/5/1985	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3681	**GL**049	Nguyễn Thị Huyền	20/11/1988	Bình Minh	Gia Lâm	100	
3682	**GL**050	Đinh Thị Hồng	02/02/1970	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3683	**GL**051	Hoàng Thị Thu Hà	25/7/1983	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3684	**GL**052	Nguyễn Thị Kim Oanh	31/10/1985	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3685	**GL**053	Đinh Ánh Phượng	16/7/1991	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3686	**GL**054	Nguyễn Thị Mai Lan	11/10/1984	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3687	**GL**055	Đinh Thị Huệ	08/08/1984	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3688	**GL**056	Lê Thị Thanh Nghìn	12/8/1985	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3689	**GL**057	Trần Bích Phượng	24/10/1990	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3690	**GL**058	Lê Thị Hướng	19/11/1983	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3691	**GL**059	Bùi Thị Điều	17/12/1988	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3692	**GL**060	Nguyễn Thị Thu	05/01/1986	Cổ Bi	Gia Lâm	100	
3693	**GL**061	Nguyễn Thị Oanh	25/9/1970	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3694	**GL**062	Nguyễn Thị Tuyến	05/11/1981	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3695	**GL**063	Trần Thị Vân Anh	7/9/1982	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3696	**GL**064	Trần Thị Hà	11/9/1981	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3697	**GL**065	Nguyễn Thị Nết	01/01/1982	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3698	**GL**066	Trần Thị Thu Huyền	25/10/1988	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3699	**GL**067	Đinh Thị Thản	20/5/1976	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3700	**GL**068	Trần Thị Thu Hiền	24/3/1983	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3701	**GL**069	Trần Thị Giang	19/3/1984	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3702	**GL**070	Chu Thị Hạnh	18/02/1985	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3703	**GL**071	Dương Thị Thu	25/06/1988	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3704	**GL**072	Lê Thị Thương Huyền	06/07/1991	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3705	**GL**073	Nguyễn Thị Nguyệt	21/04/1972	Đa Tốn	Gia Lâm	100	
3706	**GL**074	Nguyễn Thị Huệ	04/5/1970	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3707	**GL**075	Nguyễn Thị Hồng Thúy	17/10/1981	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3708	**GL**076	Nguyễn Thị Quỳnh Châm	18/12/1982	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3709	**GL**077	Nguyễn Thị Thu Hà	17/3/1980	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3710	**GL**078	Nguyễn Thị Hiền	19/8/1981	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3711	**GL**079	Bùi Thị Thu Hường	09/11/1987	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3712	**GL**080	Vũ Thị Thuỷ	23/01/1988	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3713	**GL**081	Vũ Thị Thuỷ	04/08/1981	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3714	**GL**082	Lê Thu Trang	20/05/1987	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3715	**GL**083	Nguyễn Thị Thúy Vân	30/09/1982	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3716	**GL**084	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/9/1984	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3717	**GL**085	Nguyễn Thị Hiền	02/11/1980	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3718	**GL**086	Nguyễn Thị Thanh Bình	13/3/1982	Đặng Xá	Gia Lâm	100	
3719	**GL**087	Nguyễn Thúy Phượng	11/07/1969	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3720	**GL**088	Nguyễn Thị Xuân	26/10/1982	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3721	**GL**089	Nguyễn Thị Nguyệt	07/12/1983	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3722	**GL**090	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	09/05/1985	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3723	**GL**091	Đinh Thị Yến	02/08/1983	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3724	**GL**092	Thạch Thị Hương	06/11/1986	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3725	**GL**093	Nguyễn Thị Dân Huyền	01/01/1982	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3726	**GL**094	Thạch Thị Mai	22/8/1981	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3727	**GL**095	Thạch Thị Nhung	24/05/1984	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3728	**GL**096	Vũ Thị Sự	20/9/1990	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3729	**GL**097	Nguyễn Thị Hằng	13/03/1983	Đình Xuyên	Gia Lâm	100	
3730	**GL**098	Nguyễn Thị Phương Anh	20/02/1985	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3731	**GL**099	Vũ Thanh Xuân	25/03/1986	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3732	**GL**100	Đào Thái Hậu	10/09/1981	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3733	**GL**101	Hoàng Thị Lan Hương	19/08/1987	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3734	**GL**102	Lê Thị Liên	08/10/1984	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3735	**GL**103	Hoàng Thị Giang	28/10/1981	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3736	**GL**104	Ngô Ngọc San	04/10/1983	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3737	**GL**105	Nguyễn Thanh Loan	07/09/1988	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3738	**GL**106	Nguyễn Thu Hoài	12/10/1990	Đông Dư	Gia Lâm	100	
3739	**GL**107	Nguyễn Thị Ngát	10/01/1982	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3740	**GL**108	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14/5/1986	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3741	**GL**109	Nguyễn Thị Thoa	24/3/1980	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3742	**GL**110	Nguyễn Thị Thanh Ngân	08/11/1980	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3743	**GL**111	Vũ Thi Loan	03/11/1982	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3744	**GL**112	Nguyễn Thị Mai Phương	26/6/1982	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3745	**GL**113	Nguyễn Thị Phương Liên	28/11/1982	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3746	**GL**114	Nguyễn Thị Lan	20/4/1983	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3747	**GL**115	Nguyễn Thị Oanh	20/4/1986	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3748	**GL**116	Lê Thị Anh Thu	09/10/1981	Dương Hà	Gia Lâm	100	
3749	**GL**117	Đoàn Thị Thoan	11/03/1980	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3750	**GL**118	Nguyễn Thị Mai Hương	15/10/1974	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3751	**GL**119	Nguyễn Thị Hoa	08/5/1975	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3752	**GL**120	Lưu Thị Mỹ Hạnh	09/9/1984	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3753	**GL**121	Nguyễn Thị Yến	03/10/1982	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3754	**GL**122	Đinh Thị Bích Thuỷ	19/11/1985	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3755	**GL**123	Nguyễn Thị Minh Hoa	19/10/1968	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3756	**GL**124	Lưu Thị Huê	07/5/1977	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3757	**GL**125	Nguyễn Thị The	06/09/1977	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3758	**GL**126	Vũ Thị Trà My	27/9/1987	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3759	**GL**127	Phùng Thị Dung	01/03/1977	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3760	**GL**128	Nguyễn Thị Ngân	12/03/1985	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3761	**GL**129	Đào Thị Thu Hường	16/12/1987	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3762	**GL**130	Lê Ngọc Quỳnh	28/02/1983	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3763	**GL**131	Vũ Thị Bình	21/04/1991	Dương Quang	Gia Lâm	100	
3764	**GL**132	Nguyễn Thị Hà	02/02/1979	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3765	**GL**133	Nguyễn Thị Hồng	18/09/1985	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3766	**GL**134	Trần Ánh Hồng	11/11/1984	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3767	**GL**135	Dương Thị Thu Thuỷ	29/04/1985	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3768	**GL**136	Nguyễn Thị Thuý	5/02/1986	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3769	**GL**137	Đoàn Thị Thanh Huyền	9/08/1984	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3770	**GL**138	Nguyễn Thị Xuyên	2/09/1981	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3771	**GL**139	Nguyễn Thị Hạnh	28/08/1988	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3772	**GL**140	Trần Thị Phương	7/10/1989	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3773	**GL**141	Phùng Thị Thu	18/7/1984	Dương Xá	Gia Lâm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3774	**GL**142	Chu Thị Thanh Huyền	22/11/1994	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3775	**GL**143	Dương Thị Bích Tần	06/12/1968	Dương Xá	Gia Lâm	100	
3776	**GL**144	Lê Thị Minh Loan	06/3/1978	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3777	**GL**145	Nguyễn Thị Phượng	23/04/1971	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3778	**GL**146	Nguyễn Thị Huyền	16/07/1984	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3779	**GL**147	Nguyễn Thị Hương	25/04/1981	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3780	**GL**148	Nguyễn Thị Kim Oanh	03/11/1987	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3781	**GL**149	Nguyễn Thị Thuý Hằng	13/11/1990	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3782	**GL**150	Bùi Thị Thuý Thơ	13/11/1987	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3783	**GL**151	Vũ Thị Thắng	17/09/1986	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3784	**GL**152	Vũ Thị Thu	12/3/1993	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3785	**GL**153	Nguyễn Thị Viễn	25/11/1970	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3786	**GL**154	Nguyễn Thị Thanh	21/01/1990	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3787	**GL**155	Trần Thị Hồng	02/03/1980	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3788	**GL**156	Tân Thị Lương	29/10/1990	Hoa Hồng	Gia Lâm	100	
3789	**GL**157	Đặng Thị Hồng Dương	21/4/1976	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3790	**GL**158	Nguyễn Hồng Hạnh	19/10/1981	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3791	**GL**159	Bùi Thị Làn	14/9/1983	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3792	**GL**160	Dương Thị Ngát	20/6/1973	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3793	**GL**161	Nguyễn Thị Thanh Trà	16/9/1977	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3794	**GL**162	Nguyễn Thị Tâm	23/10/1989	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3795	**GL**163	Nguyễn Thị Hà	30/4/1986	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3796	**GL**164	Đào Thị Thanh Huyền	2/10/1983	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3797	**GL**165	Đặng Thị Huyền Dịu	3/3/1986	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3798	**GL**166	Nguyễn Trà My	10/11/1991	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3799	**GL**167	Nguyễn Quỳnh Linh	22/8/1989	Hoa Phượng	Gia Lâm	100	
3800	**GL**168	Trịnh Thị Chính	11/10/1970	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3801	**GL**169	Đoàn Thu Thủy	25/07/1985	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3802	**GL**170	Đỗ Thị Phương	14/01/1985	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3803	**GL**171	Trần Thị Hậu	20/11/1981	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3804	**GL**172	Đặng Thị Phương Dung	16/10/1990	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3805	**GL**173	Nguyễn Thị Hải Yến	19/11/1986	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3806	**GL**174	Phạm Thị Sử	04/10/1988	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3807	**GL**175	Đỗ Thị Phượng	04/12/1969	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3808	**GL**176	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/10/1973	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3809	**GL**177	Ngô Thị Thanh	19/01/1969	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3810	**GL**178	Nguyễn Như Quỳnh	12/10/1993	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3811	**GL**179	Nguyễn Thị Hạnh	10/11/1991	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3812	**GL**180	Lê Thị Thu Hà	24/10/1984	Hoa Sữa	Gia Lâm	100	
3813	**GL**181	Đinh Thị Tố Doan	18/10/1978	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3814	**GL**182	Nguyễn Thị Mạn	26/4/1979	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3815	**GL**183	Ng Thị Thuỳ Liên	13/11/1985	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3816	**GL**184	Đỗ Thị Thơm	26/12/1984	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3817	**GL**185	Đinh Thị Trang	11/11/1990	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3818	**GL**186	Đới Thị Luân	12/7/1986	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3819	**GL**187	Nguyễn Thị Nhàn	05/7/1978	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3820	**GL**188	Nguyễn Thị Ngọc	23/9/1981	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3821	**GL**189	Nguyễn Hồng Nhung	08/7/1991	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	100	
3822	**GL**190	Nguyễn Thị Kim Dung	11/25/1972	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3823	**GL**191	Nguyễn Thị Hoài Giang	9/15/1984	Kim Lan	Gia Lâm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3824	**GL**192	Lê Thị Thu Hương	6/27/1994	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3825	**GL**193	Đinh Thị Hướng	06/7/1968	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3826	**GL**194	Khúc Thị Thúy Huyền	10/7/1984	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3827	**GL**195	Nguyễn Thị Lam	12/1/1981	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3828	**GL**196	Khúc Thị Ngọc Thoa	2/7/1986	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3829	**GL**197	Lê Thị Minh Trang	11/18/1987	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3830	**GL**198	Phạm Thị Thu Trang	12/10/1989	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3831	**GL**199	Nguyễn Thị Vui	1/28/1978	Kim Lan	Gia Lâm	100	
3832	**GL**200	Trần Thị Minh Hậu	14/03/1980	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3833	**GL**201	Lưu Thị Phương Loan	20/9/1981	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3834	**GL**202	Nguyễn Thị Thu Hằng	7/3/1980	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3835	**GL**203	Nguyễn Thị Nhàn	2/7/1979	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3836	**GL**204	Nguyễn Thị Miền	11/3/1984	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3837	**GL**205	Dương Thị Lĩnh	29/08/1980	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3838	**GL**206	Trần Thị Mơ	8/5/1986	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3839	**GL**207	Đặng Thị Mão	06/01/1988	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3840	**GL**208	Bùi Thị Anh Thơ	12/8/1985	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3841	**GL**209	Trịnh Thị Tính	1/8/1983	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3842	**GL**210	Nguyễn Thị Lệ	26/02/1991	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3843	**GL**211	Dương Thị My	9/9/1993	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3844	**GL**212	Nguyễn Thị Hưng	5/1/1982	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3845	**GL**213	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1992	Kim Sơn	Gia Lâm	100	
3846	**GL**214	Nguyễn Thị Hồng	05/3/1970	Lệ Chi	Gia Lâm	100	
3847	**GL**215	Nguyễn Thị Hằng	22/8/1981	Lệ Chi	Gia Lâm	100	
3848	**GL**216	Nguyễn Thị Minh Tú	29/11/1982	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3849	**GL**217	Phạm Thị Thuận	08/9/1983	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3850	**GL**218	Phạm Thị Ngân	03/11/1986	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3851	**GL**219	Dương Thị Hồng Yến	16/8/1985	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3852	**GL**220	Chu Thị Mai Anh	19/10/1973	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3853	**GL**221	Phạm Thị Dung	10/01/1985	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3854	**GL**222	Nguyễn Thị Quyên	16/7/1990	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3855	**GL**223	Nguyễn Thị Lành	18/12/1987	Lệ Chi	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3856	**GL**224	Lê Thị Thanh Minh	04/01/1968	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3857	**GL**225	Nguyễn Thị Khanh	01/10/1980	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3858	**GL**226	Nguyễn Thị Thư	05/10/1982	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3859	**GL**227	Nguyễn Thị Phượng	26/6/1986	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3860	**GL**228	Nguyễn Thị Thùy	06/03/1986	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3861	**GL**229	Đỗ Thị Thu Trang	15/11/1993	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3862	**GL**230	Nguyễn Thị Tỉnh	29/07/1983	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3863	**GL**231	Nguyễn Thị Phúc	01/05/1987	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3864	**GL**232	Nguyễn Thị Mai	19/10/1981	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3865	**GL**233	Nguyễn Thị Mai Anh	03/11/1983	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3866	**GL**234	Hoàng Thị Ngọc Mai	11/11/1986	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3867	**GL**235	Đoàn Thị Hà	13/5/1993	Ninh Hiệp	Gia Lâm	100	
3868	**GL**236	Hoàng Thị Ánh Tuyết	21/10/1975	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3869	**GL**237	Nguyễn Thị Tâm	24/10/1981	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3870	**GL**238	Nguyễn Thị Thu Hà	14/4/1985	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3871	**GL**239	Nguyễn Sao Chi	09/6/1985	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3872	**GL**240	Hoàng Thị Chính	06/01/1989	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3873	**GL**241	Hoàng Thị Thúy	08/01/1982	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3874	**GL**242	Bùi Thị Phượng	10/11/1986	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3875	**GL**243	Nguyễn Thị Huynh	09/6/1980	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3876	**GL**244	Nguyễn Thị Bích Phượng	11/16/1990	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3877	**GL**245	Bùi Thị Nga	14/09/1983	Phù Đổng	Gia Lâm	100	
3878	**GL**246	Nguyễn Thị Tuyết Lan	24/8/1978	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3879	**GL**247	Trần Thị Phước	08/10/1968	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3880	**GL**248	Nguyễn Thu Hiền	05/10/1977	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3881	**GL**249	Nguyễn Thị Đoàn	11/10/1983	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3882	**GL**250	Nguyễn Thị Giang	17/2/1987	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3883	**GL**251	Nguyễn Thị Phượng	6/2/1991	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3884	**GL**252	Vũ Thị Nha	31/8/1970	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3885	**GL**253	Nguyễn Thị Tố Uyên	19/11/1979	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3886	**GL**254	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	15/6/1983	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3887	**GL**255	Nguyễn Thị Thủy	19/1/1989	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3888	**GL**256	Nguyễn Thị Hà	14/1/1990	Phú Thị	Gia Lâm	100	
3889	**GL**257	Chu Thị Lương Duyên	19/11/1982	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3890	**GL**258	Hoàng Thị Hương Thơm	25/7/1985	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3891	**GL**259	Dương Thị Lan	16/2/1986	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3892	**GL**260	Lưu Thị Thơ	21/2/1982	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3893	**GL**261	Nguyễn Thị Bích Ngọc	3/12/1991	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3894	**GL**262	Nguyễn Thị Xuân	04/3/1969	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3895	**GL**263	Lê Thị Thu Thủy	28/4/1980	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3896	**GL**264	Nguyễn Thị Thu Hiền	22/4/1991	Quang Trung	Gia Lâm	100	
3897	**GL**265	Phạm Thị Thùy Dung	14/09/1983	Trung Mầu	Gia Lâm	100	
3898	**GL**266	Dương Thị Minh	13/5/1973	Trung Mầu	Gia Lâm	100	
3899	**GL**267	Vũ Thị Thu Thúy	07/7/1986	Trung Mầu	Gia Lâm	100	
3900	**GL**268	Tạ Thị Tĩnh	22/11/1979	Trung Mầu	Gia Lâm	100	
3901	**GL**269	Tạ Thị Hồng Huế	26/11/1987	Trung Mầu	Gia Lâm	100	
3902	**GL**270	Tạ Thị Đức	15/11/1988	Trung Mầu	Gia Lâm	100	
3903	**GL**271	Nguyễn Thị Kim Nga	05/6/1980	Trung Mầu	Gia Lâm	100	
3904	**GL**272	Nguyễn Thị Thủy	01/8/1986	Trung Mầu	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3905	**GL**273	Nguyễn Thị Trà Mi	06/11/1989	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3906	**GL**274	Vũ Thanh Nga	03/02/1984	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3907	**GL**275	Lê Thanh Nhàn	08/8/1987	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3908	**GL**276	Nguyễn Thị Linh	07/5/1989	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3909	**GL**277	Lê Thị Ngọc Hân	01/07/1983	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3910	**GL**278	Hoàng Thị Dịu Hường	03/06/1987	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3911	**GL**279	Nguyễn Thị Nhung	04/09/1988	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3912	**GL**280	Nguyễn Thi Trà My	22/12/1989	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3913	**GL**281	Nguyễn Thanh Tú	17/06/1991	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3914	**GL**282	Nguyễn Thị Lệ	27/09/1984	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3915	**GL**283	Trần Thị Thắm	13/8/1981	TTr Trâu Qùy	Gia Lâm	100	
3916	**GL**284	Trương Thị Hải Yến	04/04/1976	TTr Yên Viên	Gia Lâm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3917	**GL**285	Nguyễn Thị Hương	15/9/1976	TTr Yên Viên	Gia Lâm	100	
3918	**GL**286	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/9/1978	TTr Yên Viên	Gia Lâm	100	
3919	**GL**287	Lê Thị Thanh	24/09/1986	TTr Yên Viên	Gia Lâm	100	
3920	**GL**288	Đỗ Thị Thu Thủy	04/06/1986	TTr Yên Viên	Gia Lâm	100	
3921	**GL**289	Phạm Thị Thu Huyền	31/10/1989	TTr Yên Viên	Gia Lâm	100	
3922	**GL**290	Đỗ Thị Ngọc Liên	04/01/1990	TTr Yên Viên	Gia Lâm	100	
3923	**GL**291	Nguyễn Thị Thắm	01/03/1974	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3924	**GL**292	Phùng Thị Thúy	29/11/1979	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3925	**GL**293	Đào Phương Lan	14/04/1985	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3926	**GL**294	Chử Thị Hiệp	21/12/1983	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3927	**GL**295	Đặng Thanh Thủy	15/07/1977	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3928	**GL**296	Nguyễn Thu Hường	17/07/1981	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3929	**GL**297	Đặng Thị Chúc	27/12/1984	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3930	**GL**298	Lý Thị Sen	24/12/1984	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3931	**GL**299	Trần Bích Nga	20/09/1982	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3932	**GL**300	Trần Thị Thanh Thủy	23/03/1986	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3933	**GL**301	Chử Thị Sự	19/02/1980	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3934	**GL**302	Chử Thị Uyên	01/04/1984	Văn Đức	Gia Lâm	100	
3935	**GL**303	Hà Thị Lý	22/7/1969	Yên Thường	Gia Lâm	100	
3936	**GL**304	Nguyễn Thị Hà	03/8/1987	Yên Thường	Gia Lâm	100	
3937	**GL**305	Nguyễn Thanh Phượng	08/08/1987	Yên Thường	Gia Lâm	100	
3938	**GL**306	Nguyễn Thị Nhàn	10/08/1991	Yên Thường	Gia Lâm	100	
3939	**GL**307	Nguyễn Bích Thảo	16/02/1979	Yên Thường	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3940	**GL**308	Nguyễn Thị Thanh	29/04/1982	Yên Thường	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3941	**GL**309	Vũ Thị Nga	08/04/1988	Yên Thường	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3942	**GL**310	Nguyễn Thị Hạnh	27/02/1989	Yên Thường	Gia Lâm	100	
3943	**GL**311	Nguyễn Thị Duyên	24/05/1987	Yên Thường	Gia Lâm	100	
3944	**GL**312	Nguyễn Thị Vân Anh	14/04/1984	Yên Thường	Gia Lâm	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
3945	**HG**001	Dương Thị Thanh Hương	17/01/1981	MN 03-2	Hà Đông	100	
3946	**HG**002	Nguyễn Thị Thu Giang	15/07/1974	MN 03-2	Hà Đông	100	
3947	**HG**003	Đỗ Thị Lệ	29/08/1990	MN 03-2	Hà Đông	100	
3948	**HG**004	Nguyễn Thị Thanh Hường	08/11/1990	MN 03-2	Hà Đông	100	
3949	**HG**005	Hoàng Thị Lụa	24/09/1979	MN 03-2	Hà Đông	100	
3950	**HG**006	Dương Thị Tuyết	03/08/1985	MN 03-2	Hà Đông	100	
3951	**HG**007	Nguyễn Thị Đua	13/12/1987	MN 03-2	Hà Đông	100	
3952	**HG**008	Nguyễn Thị Thảo	28/10/1984	MN 03-2	Hà Đông	100	
3953	**HG**009	Dương Kiều Chi	22/06/1978	MN 03-2	Hà Đông	100	
3954	**HG**010	Hoàng Thị Vân	21/01/1989	MN 03-2	Hà Đông	100	
3955	**HG**011	Nguyễn Thị Huyên	22/04/1991	MN 03-2	Hà Đông	100	
3956	**HG**012	Trịnh Thị Mai Hương	01/11/1988	MN 03-2	Hà Đông	100	
3957	**HG**013	Nguyễn Thuý Hằng	09/05/1980	MN 03-2	Hà Đông	100	
3958	**HG**014	Hoàng Kim Hương	08/12/1990	MN 03-2	Hà Đông	100	
3959	**HG**015	Trần Thị Thanh Nhàn	9/2/1975	Ánh Dương	Hà Đông	100	
3960	**HG**016	Ngô Thị Lan	8/23/1980	Ánh Dương	Hà Đông	100	
3961	**HG**017	Nguyễn Thị Mai Hương	3/1/1986	Ánh Dương	Hà Đông	100	
3962	**HG**018	Đỗ Thị Thu Hương	7/1/1985	Ánh Dương	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
3963	**HG**019	Đào Thị Thu Hằng	2/25/1985	Ánh Dương	Hà Đông	100	
3964	**HG**020	Đặng Thị Oanh	3/23/1989	Ánh Dương	Hà Đông	100	
3965	**HG**021	Nguyễn Thị Thanh Hoà	8/25/1978	Ánh Dương	Hà Đông	100	
3966	**HG**022	Nguyễn Thị Hoàn	9/16/1990	Ánh Dương	Hà Đông	100	
3967	**HG**023	Phạm Thị Tâm	2/6/1975	Biên Giang	Hà Đông	100	
3968	**HG**024	Lê Thị Tuyết	9/19/1971	Biên Giang	Hà Đông	100	
3969	**HG**025	Nguyễn Thị Đìa	4/11/1980	Biên Giang	Hà Đông	100	
3970	**HG**026	Nguyễn Thị Ảnh	4/11/1985	Biên Giang	Hà Đông	100	
3971	**HG**027	Nguyễn Thị Tuyết	5/14/1984	Biên Giang	Hà Đông	100	
3972	**HG**028	Nguyễn Thị Nhung	11/20/1993	Biên Giang	Hà Đông	100	
3973	**HG**029	Đoàn Thị Huyền	5/16/1991	Biên Giang	Hà Đông	100	
3974	**HG**030	Nguyễn Thị Nga	10/10/1991	Biên Giang	Hà Đông	100	
3975	**HG**031	Đặng Thị Phương Liên	6/21/1986	Biên Giang	Hà Đông	100	
3976	**HG**032	Nguyễn Thị Phúc	03/01/1973	Bình Minh	Hà Đông	100	
3977	**HG**033	Nguyễn Thị Hạnh	02/01/1985	Bình Minh	Hà Đông	100	
3978	**HG**034	Vũ Thị Hạnh	02/3/1986	Bình Minh	Hà Đông	100	
3979	**HG**035	Nguyễn Thị Linh	05/11/1983	Bình Minh	Hà Đông	100	
3980	**HG**036	Nguyễn Ngọc Thu Thảo	05/02/1995	Bình Minh	Hà Đông	100	
3981	**HG**037	Trịnh Thị Tâm	10/8/1987	Bình Minh	Hà Đông	100	
3982	**HG**038	Bùi Thị Kim Anh	03/7/1987	Bình Minh	Hà Đông	100	
3983	**HG**039	Nhữ Thị Thương	08/11/1986	Bình Minh	Hà Đông	100	
3984	**HG**040	Lê Thị Huệ	05/12/1983	Bình Minh	Hà Đông	100	
3985	**HG**041	Nguyễn Thị Thu Trang	15/12/1986	Bình Minh	Hà Đông	100	
3986	**HG**042	Phạm Thị Giang	02/02/1991	Bình Minh	Hà Đông	100	
3987	**HG**043	Nguyễn Thị Lý	26/05/1981	Búp Sen Hồng	Hà Đông	100	
3988	**HG**044	Vũ Thị Thu Hà	22/10/1976	Búp Sen Hồng	Hà Đông	100	
3989	**HG**045	Trịnh Thị Thúy	17/01/1986	Búp Sen Hồng	Hà Đông	100	
3990	**HG**046	Phùng Thị Hiền	13/10/1983	Búp Sen Hồng	Hà Đông	100	
3991	**HG**047	Thái Thị Thanh Hà	17/02/1982	Búp Sen Hồng	Hà Đông	100	
3992	**HG**048	Hà Thị Quyên	12/6/1987	Búp Sen Hồng	Hà Đông	100	
3993	**HG**049	Trịnh Thùy Linh	1/20/1983	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
3994	**HG**050	Nguyễn Ngọc Liên	7/26/1986	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
3995	**HG**051	Nguyễn Thị Minh Thư	4/6/1984	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
3996	**HG**052	Đoàn Thị Hương	12/10/1993	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
3997	**HG**053	Đặng Thị Bích Huệ	7/20/1983	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
3998	**HG**054	Đinh Thị Hương	4/11/1985	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
3999	**HG**055	Lê Thị Hiền	5/13/1989	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
4000	**HG**056	Hoàng Thị Thuỳ Dương	8/9/1993	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
4001	**HG**057	Nguyễn Thị Thúy	10/30/1990	Đa Sỹ	Hà Đông	100	
4002	**HG**058	Đặng Thị Lan	7/6/1977	Đồng Dương	Hà Đông	100	
4003	**HG**059	Đặng Thị Lan Hường	10/01/1982	Đồng Dương	Hà Đông	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
4004	**HG**060	Đào Thị Nguyệt	12/05/1984	Đồng Dương	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4005	**HG**061	Nguyễn Thị Minh Phượng	11/07/1989	Đồng Dương	Hà Đông	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
4006	**HG**062	Nguyễn Thị Mơ	24/03/1989	Đồng Dương	Hà Đông	100	
4007	**HG**063	Nguyễn Thị Bích Hồng	05/01/1986	Đồng Dương	Hà Đông	100	
4008	**HG**064	Phạm Thị Hậu	9/5/1984	Đồng Mai	Hà Đông	85	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
4009	**HG**065	Đoàn Thị Oanh	1/30/1979	Đồng Mai	Hà Đông	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
4010	**HG**066	Ngô Thị Thúy Nga	7/17/1976	Đồng Mai	Hà Đông	100	
4011	**HG**067	Vương Thị Tuyết	10/17/1969	Đồng Mai	Hà Đông	100	
4012	**HG**068	Nguyễn Thị Uyên	12/23/1984	Đồng Mai	Hà Đông	100	
4013	**HG**069	Nguyễn Thị Giàn	10/31/1989	Đồng Mai	Hà Đông	100	
4014	**HG**070	Phan Thị Hiên	11/30/1983	Đồng Mai	Hà Đông	100	
4015	**HG**071	Nguyễn Thị Đoan Trang	3/23/1980	Đồng Mai	Hà Đông	100	
4016	**HG**072	Trịnh Thị Hoan	29/6/1982	Dương Nội	Hà Đông	100	
4017	**HG**073	Nguyễn Thị Vân	01/8/1981	Dương Nội	Hà Đông	100	
4018	**HG**074	Dương Thị Thắng	23/01/1982	Dương Nội	Hà Đông	100	
4019	**HG**075	Nguyễn Thị Hải Yến	06/03/1985	Dương Nội	Hà Đông	100	
4020	**HG**076	Nguyễn Thị Năm	03/9/1991	Dương Nội	Hà Đông	100	
4021	**HG**077	Dương Thị Hương Trà	16/7/1978	Dương Nội	Hà Đông	100	
4022	**HG**078	Nguyễn Thị Phượng	21/02/1990	Dương Nội	Hà Đông	100	
4023	**HG**079	Nguyễn Thị Thắm	24/02/1984	Dương Nội	Hà Đông	100	
4024	**HG**080	Đỗ Thị Huệ	04/5/1982	Dương Nội	Hà Đông	100	
4025	**HG**081	Đỗ Thanh Tâm	14/01/1981	Dương Nội	Hà Đông	100	
4026	**HG**082	Dương Thị Thanh Nga	20/01/1985	Dương Nội	Hà Đông	100	
4027	**HG**083	Nguyễn Thị Chinh	06/10/1981	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4028	**HG**084	Lê Thị Bích Hằng	03/10/1986	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4029	**HG**085	Nguyễn Thị Hằng	23/01/1991	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4030	**HG**086	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/17/1991	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4031	**HG**087	Nguyễn Thị Mai Hương	6/14/1994	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4032	**HG**088	Nguyễn Thị Hạnh	3/10/1983	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4033	**HG**089	Bùi Thị Bích Ngọc	7/14/1990	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4034	**HG**090	Bùi Thị Thúy	3/7/1983	Hà Cầu	Hà Đông	100	
4035	**HG**091	Phạm Thị Kim Huế	13/12/1973	Hà Trì	Hà Đông	100	
4036	**HG**092	Trần Thị Thanh Huyền	22/09/1977	Hà Trì	Hà Đông	100	
4037	**HG**093	Nguyễn Thị Mai Vân	13/11/1986	Hà Trì	Hà Đông	100	
4038	**HG**094	Nguyễn Thị Dung	16/02/1988	Hà Trì	Hà Đông	100	
4039	**HG**095	Nguyễn Thị Hoa	18/09/1983	Hà Trì	Hà Đông	100	
4040	**HG**096	Nguyễn Thị Ngọc	27/09/1992	Hà Trì	Hà Đông	100	
4041	**HG**097	Nguyễn Thị Hoài Thu	13/03/1983	Hà Trì	Hà Đông	100	
4042	**HG**098	Trương Thị Vân	02/05/1985	Hà Trì	Hà Đông	100	
4043	**HG**099	Đỗ Thị Thu Hằng	09/01/1986	Hà Trì	Hà Đông	100	
4044	**HG**100	Đặng Thị Hoài	12/11/1988	Hà Trì	Hà Đông	100	
4045	**HG**101	Vũ Hồng Mai	02/08/1991	Hà Trì	Hà Đông	100	
4046	**HG**102	Nguyễn Thị Hồng Xuyến	01/05/1975	Hà Trì	Hà Đông	100	
4047	**HG**103	Nguyễn Thị Hạnh	4/29/1977	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4048	**HG**104	Vũ Thị Phượng	9/7/1978	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4049	**HG**105	Bùi Thị Bé	1/13/1983	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4050	**HG**106	Lê Minh Ngọc	19/9/1980	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4051	**HG**107	Lê Thị Minh Trâm	9/8/1980	Hàng Đào	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4052	**HG**108	Đặng Thị Nhuệ Giang	6/24/1978	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4053	**HG**109	Trần Thị Lượng	1/11/1985	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4054	**HG**110	Nguyễn Thị Kim Nhung	16/9/1970	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4055	**HG**111	Nguyễn Thị Nhiên	11/2/1989	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4056	**HG**112	Nguyễn Thị Đào	8/17/1983	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4057	**HG**113	Lê Thị Phương	4/14/1986	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4058	**HG**114	Hoàng Minh Ngọc	9/2/1991	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4059	**HG**115	Nguyễn Thị Hoạt	3/10/1986	Hàng Đào	Hà Đông	100	
4060	**HG**116	Nguyễn Thị Luyến	01/07/1975	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4061	**HG**117	Đặng Thị Vân Vi	26/09/1972	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4062	**HG**118	Phùng Thị Huyền Hạnh	08/11/1990	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4063	**HG**119	Nguyễn Thị Ngát	01/11/1990	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4064	**HG**120	Hoàng Thu Trinh	16/11/1991	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4065	**HG**121	Nguyễn Thị Thủy	20/08/1982	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4066	**HG**122	Dương Thị Thủy	26/09/1987	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4067	**HG**123	Tống Thị Phương	09/01/1993	Hòa Bình	Hà Đông	100	
4068	**HG**124	Vũ Vương Kiều Hoa	27/09/1986	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4069	**HG**125	Nguyễn Kim Huyền	08/09/1975	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4070	**HG**126	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	23/05/1981	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4071	**HG**127	Nguyễn Thị Minh Thuận	28/09/1982	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4072	**HG**128	Nguyễn Thị Hằng	25/07/1990	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4073	**HG**129	Lê Thị Thúy Hường	25/08/1980	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4074	**HG**130	Nguyễn Thị Kim Lan	30/01/1976	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4075	**HG**131	Nguyễn Thị Kim Tuyến	08/05/1981	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4076	**HG**132	Đinh Hương Quỳnh	25/04/1983	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4077	**HG**133	Trịnh Thị Tuyến	02/05/1971	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4078	**HG**134	Lê Thị Hợi	12/04/1974	Hoa Hồng	Hà Đông	100	
4079	**HG**135	Vũ Thị Hồng Loan	11/08/1979	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4080	**HG**136	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/11/1976	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4081	**HG**137	Triệu Hà Thanh	29/10/1988	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4082	**HG**138	Bùi Thị Phương	22/10/1980	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4083	**HG**139	Nguyễn Thị Bích Hạnh	02/11/1977	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4084	**HG**140	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	14/11/1984	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4085	**HG**141	Phan Thị Định	08/08/1987	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4086	**HG**142	Nguyễn Thị Trà Giang	01/07/1991	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4087	**HG**143	Lý Thị Bích Ngọc	04/02/1986	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4088	**HG**144	Đặng Thị Vân	21/01/1986	Hoa Mai	Hà Đông	100	
4089	**HG**145	Đào Thị Mây	19/7/1973	Họa My	Hà Đông	100	
4090	**HG**146	Chu Thị Thùy	20/7/1985	Họa My	Hà Đông	100	
4091	**HG**147	Nguyễn Thị Liên	13/12/1974	Họa My	Hà Đông	100	
4092	**HG**148	Trịnh Thị Hải Hà	26/8/1978	Họa My	Hà Đông	100	
4093	**HG**149	Lương Thị Hồng Linh	09/10/1981	Họa My	Hà Đông	100	
4094	**HG**150	Lê Thị Huyền Chung	06/01/1980	Họa My	Hà Đông	100	
4095	**HG**151	Hồ Thị Sinh	21/04/1988	Họa My	Hà Đông	100	
4096	**HG**152	Đào Thị Lan	07/11/1984	Họa My	Hà Đông	100	
4097	**HG**153	Bùi Thị Giang	03/07/1982	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4098	**HG**154	Nguyển Thị Thu	17/02/1970	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4099	**HG**155	Lê Thị Minh Thảo	01/12/1981	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4100	**HG**156	Vũ Thị Hồng Ngọc	29/9/1978	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4101	**HG**157	Vi Thị Thùy Dương	18/10/1982	Hoa Sen	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4102	**HG**158	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	09/08/1985	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4103	**HG**159	Đỗ Thị Loan	03/11/1982	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4104	**HG**160	Hà Thị Thế	06/08/1991	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4105	**HG**161	Vũ Thị Lý	16/06/1978	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4106	**HG**162	Nguyễn Thị Hoài Thu	19/09/1976	Hoa Sen	Hà Đông	100	
4107	**HG**163	Lê Thị Hoà	3/3/1979	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4108	**HG**164	Nguyễn Thị Ngát	10/16/1972	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4109	**HG**165	Lê Khánh Huyền	9/30/1991	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4110	**HG**166	Nguyễn Thị Linh	8/16/1983	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4111	**HG**167	Nguyễn Thị Anh	11/23/1982	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4112	**HG**168	Phạm Tú Anh	11/7/1978	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4113	**HG**169	Bùi Thị Mới	2/20/1986	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4114	**HG**170	Nguyễn Thị Hồng Trang	12/2/1994	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4115	**HG**171	Nguyễn Thị Kim Ngân	6/7/1993	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4116	**HG**172	Nguyễn Thị Thuỷ	11/8/1987	Hoàng Hanh	Hà Đông	100	
4117	**HG**173	Trần Thị Thanh Nhàn	09/12/1979	Hương Sen	Hà Đông	100	
4118	**HG**174	Phạm Thị Nhung	12/04/1984	Hương Sen	Hà Đông	100	
4119	**HG**175	Nguyễn Thị Loan	08/12/1991	Hương Sen	Hà Đông	100	
4120	**HG**176	Lưu Thị Ái Vân	15/07/1971	Hương Sen	Hà Đông	100	
4121	**HG**177	Đỗ Thị Thu Hương	25/12/1982	Hương Sen	Hà Đông	100	
4122	**HG**178	Trần Thị Hồng Gấm	20/08/1983	Hương Sen	Hà Đông	100	
4123	**HG**179	Đặng Thị Tiếp	08/11/1986	Hương Sen	Hà Đông	100	
4124	**HG**180	Đỗ Thị Thùy	10/09/1989	Hương Sen	Hà Đông	100	
4125	**HG**181	Lê Thị Hương	17/04/1993	Hương Sen	Hà Đông	100	
4126	**HG**182	Nguyễn Thị Hương	11/15/1979	Huyền Kỳ	Hà Đông	100	
4127	**HG**183	Ngô Thị Thanh Hòa	10/1/1982	Huyền Kỳ	Hà Đông	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
4128	**HG**184	Đặng Thị Quyến	7/18/1984	Huyền Kỳ	Hà Đông	100	
4129	**HG**185	Trần Thị Trang	7/1/1993	Huyền Kỳ	Hà Đông	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
4130	**HG**186	Vũ Thị Tám	6/16/1972	Huyền Kỳ	Hà Đông	100	
4131	**HG**187	Đỗ Thanh Huyền	1/27/1979	Kiến Hưng	Hà Đông	100	
4132	**HG**188	Trịnh Kim Hiên	04/7/1979	Kiến Hưng	Hà Đông	100	
4133	**HG**189	Đặng Thị Thảo	10/15/1989	Kiến Hưng	Hà Đông	100	
4134	**HG**190	Hoàng Thị Thu Thanh	04/6/1983	Kiến Hưng	Hà Đông	100	
4135	**HG**191	Phạm Huyền My	05/11/1988	Kiến Hưng	Hà Đông	100	
4136	**HG**192	Hoàng Thị Tâm Thư	11/16/1987	Kiến Hưng	Hà Đông	100	
4137	**HG**193	Đinh Thị Thanh	8/10/1971	Kim Đồng	Hà Đông	100	
4138	**HG**194	Nguyễn Thị Ngân	8/17/1988	Kim Đồng	Hà Đông	100	
4139	**HG**195	Vũ Thị Hoa	2/15/1990	Kim Đồng	Hà Đông	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
4140	**HG**196	Nguyễn Thị Bích Lệ	8/19/1976	Kim Đồng	Hà Đông	100	
4141	**HG**197	Lê Thị Thảo	11/6/1994	Kim Đồng	Hà Đông	100	
4142	**HG**198	Phùng Thị Mỹ Linh	4/20/1982	La Dương	Hà Đông	100	
4143	**HG**199	Phạm Thị Dung	5/29/1986	La Dương	Hà Đông	100	
4144	**HG**200	Bùi Thị Thoa	1/25/1977	La Dương	Hà Đông	100	
4145	**HG**201	Đỗ Minh Nhuận	10/1/1987	La Dương	Hà Đông	100	
4146	**HG**202	Trịnh Thị Nguyệt	05/02/1974	La Khê	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4147	**HG**203	Trần Thị Hồng Thúy	29/06/1981	La Khê	Hà Đông	100	
4148	**HG**204	Phạm Thị Hoa	02/12/1977	La Khê	Hà Đông	100	
4149	**HG**205	Vũ Ngọc Tấn	25/07/1991	La Khê	Hà Đông	100	
4150	**HG**206	Đinh Thị Nhung	25/09/1986	La Khê	Hà Đông	100	
4151	**HG**207	Đỗ Thị Thùy Dương	03/04/1973	La Khê	Hà Đông	100	
4152	**HG**208	Nguyễn Thị Thu Hà	18/07/1989	La Khê	Hà Đông	100	
4153	**HG**209	Lê Thị Thu Hằng	15/03/1972	La Khê	Hà Đông	100	
4154	**HG**210	Hoàng Bích Hậu	23/10/1991	La Khê	Hà Đông	100	
4155	**HG**211	Vũ Thị Thường	20/10/1987	La Khê	Hà Đông	100	
4156	**HG**212	Phạm Thị Hiền	14/08/1993	La Khê	Hà Đông	100	
4157	**HG**213	Trần Thị Hồng Nhung	07/05/1994	La Khê	Hà Đông	100	
4158	**HG**214	Tạ Thị Nhâm	03/12/1992	La Khê	Hà Đông	100	
4159	**HG**215	Nguyễn Thị Tuyển	8/3/1988	La Khê	Hà Đông	100	
4160	**HG**216	Đỗ Thị Kim Thu	24/08/1980	Lê Quý Đôn	Hà Đông	100	
4161	**HG**217	Chu Thị Hiên	19/5/1981	Lê Quý Đôn	Hà Đông	100	
4162	**HG**218	Đào Thị Sen	31/8/1983	Lê Quý Đôn	Hà Đông	100	
4163	**HG**219	Nguyễn Thị Nhàn	05/6/1980	Lê Quý Đôn	Hà Đông	100	
4164	**HG**220	Nguyễn Thị Hạnh	01/01/1982	Lê Quý Đôn	Hà Đông	100	
4165	**HG**221	Nguyễn Thị Thúy Vân	22/12/1990	Lê Quý Đôn	Hà Đông	100	
4166	**HG**222	Trần Thị Liễu	23/4/1992	Lê Quý Đôn	Hà Đông	100	
4167	**HG**223	Trần Thị Hoa	23/10/1971	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4168	**HG**224	Trần Thị Thu Miền	30/12/1985	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4169	**HG**225	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	15/09/1982	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4170	**HG**226	Bùi Thị Phượng	26/02/1986	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4171	**HG**227	Văn Thị Thu Quỳnh	23/10/1989	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4172	**HG**228	Phạm Thị Nga	22/07/1991	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4173	**HG**229	Nguyễn Thị Nguyệt Quỳnh	13/03/1991	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4174	**HG**230	Lê Thị Hải	16/01/1991	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4175	**HG**231	Nguyễn Thị Như	20/07/1990	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4176	**HG**232	Đỗ Thị Phương Hạnh	13/05/1988	Lê Trọng Tấn	Hà Đông	100	
4177	**HG**233	Lê Thị Hoàn	18/1/1975	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4178	**HG**234	Phạm Thị Thanh Vân	30/9/1981	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4179	**HG**235	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10/9/1978	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4180	**HG**236	Lại Thị Thúy Ban	22/10/1984	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4181	**HG**237	Nguyễn Thị Hương	03/12/1990	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4182	**HG**238	Nguyễn Thị Hiền	28/10/1985	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4183	**HG**239	Nguyễn Thị Mùi	17/6/1991	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4184	**HG**240	Nguyễn Thị Huyền	14/6/1977	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4185	**HG**241	Nguyễn Thị Linh	26/7/1991	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4186	**HG**242	Nguyễn Thị Khánh My	26/2/1993	Mậu Lương	Hà Đông	100	
4187	**HG**243	Nguyễn Thị Ngà	26/05/1972	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4188	**HG**244	Lê Bích Nga	13/10/1974	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4189	**HG**245	Nguyễn Thị Minh Quý	23/07/1975	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4190	**HG**246	Nguyễn Thị Nam	19/08/1982	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4191	**HG**247	Ngô Thị Hồng Nhung	13/08/1987	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4192	**HG**248	Lê Thị Tâm	04/02/1986	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4193	**HG**249	Nguyễn Thu Huyền	07/09/1983	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4194	**HG**250	Vũ Thị Thúy	16/10/1982	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4195	**HG**251	Chu Thanh Thúy	03/12/1989	Mỗ Lao	Hà Đông	100	
4196	**HG**252	Nguyễn Thị Thu Huệ	02/03/1981	Mỗ Lao	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4197	**HG**253	Lê Thị Thanh Huyền	20/08/1979	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4198	**HG**254	Hoàng Thu Cúc	03/02/1988	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4199	**HG**255	Đỗ Thị Dự	17/08/1985	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4200	**HG**256	Nguyễn Thị Thanh Hương	03/05/1985	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4201	**HG**257	Vũ Thị Hà	02/06/1986	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4202	**HG**258	Nguyễn Thị Hương	05/04/1983	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4203	**HG**259	Đỗ Thị Huyền Trang	07/12/1992	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4204	**HG**260	Nguyễn Thị Lan Hương	16/10/1983	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4205	**HG**261	Bùi Thị Phương Thảo	20/10/1986	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4206	**HG**262	Hoàng Kim Hoa	20/01/1988	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4207	**HG**263	Hoàng Thị Thanh Mai	05/11/1981	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4208	**HG**264	Trần Thị Thảo	14/12/1978	Ngô Thì Nhậm	Hà Đông	100	
4209	**HG**265	Nguyễn Thị Hiền	03/10/1983	Nguyễn Trãi	Hà Đông	100	
4210	**HG**266	Nguyễn Thị Bích Nga	04/6/1985	Nguyễn Trãi	Hà Đông	100	
4211	**HG**267	Lê Thu Hà	11/04/1973	Phú La	Hà Đông	100	
4212	**HG**268	Nguyễn Thị Quý	22/02/1984	Phú La	Hà Đông	100	
4213	**HG**269	Đặng Thị Thanh Thủy	03/06/1991	Phú La	Hà Đông	100	
4214	**HG**270	Nguyễn Thị Lan	08/01/1981	Phú La	Hà Đông	100	
4215	**HG**271	Hồ Thị Phương	23/01/1992	Phú La	Hà Đông	100	
4216	**HG**272	Hoàng Thị Mai Hiên	01/09/1987	Phú La	Hà Đông	100	
4217	**HG**273	Bùi Thị Thủy Chung	05/11/1979	Phú La	Hà Đông	100	
4218	**HG**274	Vương Thu Huyền	28/07/1988	Phú La	Hà Đông	100	
4219	**HG**275	Trần Thị Yến	21/12/1986	Phú La	Hà Đông	100	
4220	**HG**276	Nguyễn Thị Lan	18/12/1989	Phú La	Hà Đông	100	
4221	**HG**277	Nguyễn Thị Cúc	7/21/1983	Phú Lương	Hà Đông	100	
4222	**HG**278	Hoàng Thị Tươi	7/6/1977	Phú Lương	Hà Đông	100	
4223	**HG**279	Đặng Thị Thu Hằng	9/7/1988	Phú Lương	Hà Đông	100	
4224	**HG**280	Dương Thị Thảo	3/11/1984	Phú Lương	Hà Đông	100	
4225	**HG**281	Dương Thị Thưởng	5/7/1984	Phú Lương	Hà Đông	100	
4226	**HG**282	Nguyễn Thị Thủy	7/20/1984	Phú Lương	Hà Đông	100	
4227	**HG**283	Nguyễn Thị Nguyệt	8/30/1985	Phú Lương	Hà Đông	100	
4228	**HG**284	Đỗ Thị Thơm	7/18/1987	Phú Lương	Hà Đông	100	
4229	**HG**285	Nguyễn Thị Quỳnh	10/25/1990	Phú Lương	Hà Đông	100	
4230	**HG**286	Lê Thị Loan	5/19/1986	Phú Lương	Hà Đông	100	
4231	**HG**287	Lê Thị Chinh	5/7/1992	Phú Lương	Hà Đông	100	
4232	**HG**288	Phạm Thị Thu Hương	9/1/1988	Phú Lương I	Hà Đông	100	
4233	**HG**289	Phan Thu Hương	20/11/1989	Phú Lương I	Hà Đông	100	
4234	**HG**290	Đào Thị Thủy	2/9/1986	Phú Lương I	Hà Đông	100	
4235	**HG**291	Nguyễn Thị Huệ	30/04/1984	Phú Lương I	Hà Đông	100	
4236	**HG**292	Tưởng Thị Ánh	19/5/1987	Phú Lương I	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4237	**HG**293	Đặng Thị Bích Hạnh	10/2/1983	Phú Lương I	Hà Đông	100	
4238	**HG**294	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	22/06/1983	Phú Lương I	Hà Đông	100	
4239	**HG**295	Nguyễn Thị Bông	07/02/1989	Phú Lương I	Hà Đông	100	
4240	**HG**296	Nguyễn Thị Hải Lý	11/24/1973	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4241	**HG**297	Nguyễn Thị Yến	8/11/1984	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4242	**HG**298	Nguyễn Thị Bích Ngọc	9/13/1991	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4243	**HG**299	Phạm Bích Ngọc	2/28/1992	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4244	**HG**300	Phạm Thị Thanh Nhàn	10/7/1984	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4245	**HG**301	Đỗ Thị Hồng Hằng	9/1/1991	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4246	**HG**302	Nguyễn Thanh Thuỷ	6/10/1995	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4247	**HG**303	Hà Thị Oanh	12/18/1993	Phú Lương II	Hà Đông	100	
4248	**HG**304	Phạm Thị Quế	14/12/1973	Phú Lãm	Hà Đông	100	
4249	**HG**305	Hoàng Thị Ngọc Xuyến	13/12/1981	Phú Lãm	Hà Đông	100	
4250	**HG**306	Nguyễn Thị Sinh	14/12/1971	Phú Lãm	Hà Đông	100	
4251	**HG**307	Nguyễn Thị Thêu	29/09/1982	Phú Lãm	Hà Đông	100	
4252	**HG**308	Nguyễn Thị Phương Hiền	28/09/1982	Phú Lãm	Hà Đông	100	
4253	**HG**309	Bùi Thị Hợp	20/07/1982	Phú Lãm	Hà Đông	100	
4254	**HG**310	Nguyễn Thị Dân	19/11/1973	Phú Lãm	Hà Đông	100	
4255	**HG**311	Đặng Thị Thảo	6/30/1977	Quang Trung	Hà Đông	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp (Bản photo)
4256	**HG**312	Nguyễn Thị Xuyến	3/15/1991	Quang Trung	Hà Đông	100	
4257	**HG**313	Bùi Thị Lan	8/31/1969	Quang Trung	Hà Đông	100	
4258	**HG**314	Nguyễn Thị Thước	4/18/1972	Quang Trung	Hà Đông	100	
4259	**HG**315	Phạm Minh Phương	11/24/1986	Quang Trung	Hà Đông	100	
4260	**HG**316	Nguyễn Thị Thuý	9/19/1979	Quang Trung	Hà Đông	100	
4261	**HG**317	Ngô Thị Tần	10/19/1970	Quang Trung	Hà Đông	100	
4262	**HG**318	Nguyễn Thị Soan	11/6/1976	Quang Trung	Hà Đông	100	
4263	**HG**319	Bùi Thị Thu Hà	6/6/1978	Quang Trung	Hà Đông	100	
4264	**HG**320	Nguyễn Thị Lan Anh	11/17/1991	Quang Trung	Hà Đông	100	
4265	**HG**321	Nguyễn Thị Thêu	9/22/1992	Quang Trung	Hà Đông	100	
4266	**HG**322	Nguyễn Thị Lý	6/28/1984	Quang Trung	Hà Đông	100	
4267	**HG**323	Nguyễn Thị Thuỷ	9/9/1979	Quang Trung	Hà Đông	100	
4268	**HG**324	Vũ Thị Hoài	01/11/1981	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4269	**HG**325	Nguyễn Thị Nhung	28/07/1983	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4270	**HG**326	Nguyễn Thị Thanh	07/12/1985	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4271	**HG**327	Nguyễn Thị Hạnh	14/03/1991	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4272	**HG**328	Nguyễn Thị Thu Hương	20/08/1993	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4273	**HG**329	Nguyễn Thị Hạnh	02/03/1994	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4274	**HG**330	Phạm Thị Mai	25/10/1988	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4275	**HG**331	Nguyễn Thị Huyền	13/04/1987	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4276	**HG**332	Đỗ Thị Hồi	10/11/1981	Sen Hồng	Hà Đông	100	
4277	**HG**333	Đỗ Thị Thanh Hà	27/7/1974	Sơn Ca	Hà Đông	100	
4278	**HG**334	Đỗ Bích Hạnh	03/11/1981	Sơn Ca	Hà Đông	100	
4279	**HG**335	Nguyễn Mai Khuyên	19/9/1980	Sơn Ca	Hà Đông	100	
4280	**HG**336	Ngô Thị Hoàng Ngân	03/01/1987	Sơn Ca	Hà Đông	100	
4281	**HG**337	Bùi Thị Thu Phương	10/02/1983	Sơn Ca	Hà Đông	100	
4282	**HG**338	Bạch Thị Huyên	27/10/1976	Sơn Ca	Hà Đông	100	
4283	**HG**339	Đặng Thị Hương	9/30/1972	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4284	**HG**340	Nguyễn Thị Hoa	11/30/1978	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4285	**HG**341	Nguyễn Thị Phương Linh	12/21/1986	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4286	**HG**342	Nguyễn Thị Tình	11/8/1982	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4287	**HG**343	Nguyễn Thị Phượng	9/20/1990	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4288	**HG**344	Đặng Thị Nga	11/28/1988	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4289	**HG**345	Nguyễn Thị Hương Ly	1/21/1994	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4290	**HG**346	Kiều Thị Liên	10/13/1990	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4291	**HG**347	Nguyễn Thị Lan	9/26/1989	Trần Quốc Toản	Hà Đông	100	
4292	**HG**348	Tạ Thị Vân Trang	07/4/1979	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4293	**HG**349	Phạm Thị Ánh Hà	16/10/1984	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4294	**HG**350	Lương Thị Tuyến	16/9/1984	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4295	**HG**351	Trần Thị Bắc	25/9/1987	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4296	**HG**352	Lê Thị Hằng	19/9/1991	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4297	**HG**353	Đỗ Thị Hà	09/11/1993	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4298	**HG**354	Vũ Thu Ngân	21/9/1992	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4299	**HG**355	Đỗ Thị Ngọc Mai	24/12/1987	Vạn Bảo	Hà Đông	100	
4300	**HG**356	Nguyễn Thị Mơ	02/10/1974	Văn Khê	Hà Đông	100	
4301	**HG**357	Nguyễn Thị Thu Huyền	14/11/1982	Văn Khê	Hà Đông	100	
4302	**HG**358	Phạm Thị Hoài Thu	20/03/1972	Văn Khê	Hà Đông	100	
4303	**HG**359	Nguyễn Thị Kim Oanh	05/12/1982	Văn Khê	Hà Đông	100	
4304	**HG**360	Đinh Thị Quyên	10/10/1982	Văn Khê	Hà Đông	100	
4305	**HG**361	Trần Thị Tuyết	25/08/1980	Văn Khê	Hà Đông	100	
4306	**HG**362	Nguyễn Thị Ngân	18/07/1990	Văn Khê	Hà Đông	100	
4307	**HG**363	Lê Thị Thanh Dung	14/11/1984	Văn Khê	Hà Đông	100	
4308	**HG**364	Trần Thị Hạnh	02/02/1979	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4309	**HG**365	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/09/1984	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4310	**HG**366	Trần Thị Lan Anh	01/12/1988	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4311	**HG**367	Nguyễn Thị Hương	06/01/1987	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4312	**HG**368	Nguyễn Thị Hằng	12/02/1982	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4313	**HG**369	Đỗ Thanh Trà	27/07/1980	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4314	**HG**370	Đỗ Thị Minh Yến	07/08/1971	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4315	**HG**371	Triệu Thị Hằng	23/04/1977	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4316	**HG**372	Đào Thị Thu Thảo	06/03/1984	Vạn Phúc	Hà Đông	100	
4317	**HG**373	Đặng Thị Hiền	23/07/1983	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4318	**HG**374	Nguyễn Thị Thập	5/12/1975	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4319	**HG**375	Trịnh Thị Doan	11/15/1981	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4320	**HG**376	Trần Thị Thanh	1/12/1987	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4321	**HG**377	Trần Thị Yến Hoa	6/18/1990	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4322	**HG**378	Bùi Thị Như Hoa	10/21/1986	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4323	**HG**379	Nguyễn Thị Quyên	12/23/1978	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4324	**HG**380	Nguyễn Thị Phương Thuý	9/25/1987	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4325	**HG**381	Nguyễn Thị Anh	6/26/1990	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4326	**HG**382	Lê Thị Thuý	3/20/1988	Yên Hòa	Hà Đông	100	
4327	**HG**383	Vũ Hồng Hạnh	30/11/1983	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4328	**HG**384	Phạm Thị Hiền	02/03/1968	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4329	**HG**385	Nguyễn Thị Huyền Thương	01/05/1978	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4330	**HG**386	Nguyễn Thị Hường	15/01/1982	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4331	**HG**387	Nguyễn Thu Trang	26/10/1987	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4332	**HG**388	Đỗ Thị Chung	10/09/1988	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4333	**HG**389	Nguyễn Thị Hoa	27/02/1991	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4334	**HG**390	Lê Thị Thu	02/12/1980	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4335	**HG**391	Phạm Thị Thoa	23/10/1990	Yên Nghĩa	Hà Đông	100	
4336	**HG**392	Nguyễn Thị Hồng Ánh	29/9/1975	Yên Nghĩa I	Hà Đông	100	
4337	**HG**393	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	19/11/1981	Yên Nghĩa I	Hà Đông	100	
4338	**HG**394	Nguyễn Thị Sơn	27/5/1990	Yên Nghĩa I	Hà Đông	100	
4339	**HG**395	Dương Cẩm Nai	20/12/1990	Yên Nghĩa I	Hà Đông	100	
4340	**HG**396	Nguyễn Thị Thu Hà	30/5/1990	Yên Nghĩa I	Hà Đông	100	
4341	**HG**397	Nguyễn Thị Thanh Tươi	3/11/1978	Yên Nghĩa I	Hà Đông	100	
4342	**HG**398	Đỗ Minh Nguyệt	20/07/1982	Yết Kiêu	Hà Đông	100	
4343	**HG**399	Hoàng Thị Thu Hà	03/08/1980	Yết Kiêu	Hà Đông	100	
4344	**HG**400	Vũ Thị Thu Hường	06/09/1974	Yết Kiêu	Hà Đông	100	
4345	**HG**401	Đinh Hồng Nhung	14/06/1981	Yết Kiêu	Hà Đông	100	
4346	**HG**402	Đỗ Thị Hạnh	21/10/1983	Yết Kiêu	Hà Đông	100	
4347	**HG**403	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/08/1977	Yết Kiêu	Hà Đông	100	
4348	**HB**001	Nguyễn Thu Hà	30/6/1977	Nguyễn Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4349	**HB**002	Nguyễn Thanh Tú	17/3/1993	Nguyễn Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4350	**HB**003	Phạm Kim Ngọc	29/11/1988	Nguyễn Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4351	**HB**004	Bùi Cẩm Tú	19/8/1988	Nguyễn Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4352	**HB**005	Nguyễn Thị Thanh	10/7/1984	Nguyễn Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4353	**HB**006	Hứa Hồng Hoa	18/05/1975	MG Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4354	**HB**007	Vương Kim Ngân	10/09/1979	MG Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4355	**HB**008	Nguyễn Tuyết Châu	31/07/1984	MG Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4356	**HB**009	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	07/05/1980	MG Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4357	**HB**010	Nguyễn Kim Thanh	21/08/1979	MG Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4358	**HB**011	Cao Thị Phượng	29/03/1989	MG Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4359	**HB**012	Đào Thu Trang	20/11/1976	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	
4360	**HB**013	Nguyễn Thị Thúy Hà	10/02/1977	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	
4361	**HB**014	Lưu Thị Thúy Hà	23/01/1975	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	
4362	**HB**015	Nguyễn Thi Phương Thảo	17/06/1986	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	
4363	**HB**016	Nguyễn Thị Hiên	07/08/1989	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4364	**HB**017	Nguyễn Thị Đàn	11/08/1987	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	
4365	**HB**018	Ngô Thanh Huyền	20/07/1993	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	
4366	**HB**019	Bùi Thị Duyên	19/03/1987	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	100	
4367	**HB**020	Bùi Thu Hiền	24-09-1979	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4368	**HB**021	Đỗ Thị Tiệp	05-06-1983	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4369	**HB**022	Trương Thị Thu Hương	05/12/1987	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4370	**HB**023	Đậu Thị Vân Nguyệt	5/30/1982	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4371	**HB**024	Nguyễn Thị Doanh	11/3/1984	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4372	**HB**025	Nguyễn Thị Trang Nghiêm	27/04/1979	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4373	**HB**026	Đặng Thị Tú Anh	28/06/1975	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4374	**HB**027	Vũ Minh Hương	3/17/1980	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4375	**HB**028	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/25/1989	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4376	**HB**029	Chử Thị Hồng Minh	11/3/1982	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4377	**HB**030	Nguyễn Thị Ngọc Hà	12/7/1981	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4378	**HB**031	Phạm Thu Hương	3/28/1987	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4379	**HB**032	Hồ Thị Kim Soa	7/24/1986	Việt - Bun	Hai Bà Trưng	100	
4380	**HB**033	Lê Thị Bích Nga	24/1/1977	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4381	**HB**034	Nguyễn Thị Hòa	15/10/1978	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4382	**HB**035	Đỗ Trang Anh	19/6/1993	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4383	**HB**036	Trần Thị Phương Lan	8/1/1977	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4384	**HB**037	Hoàng Thị Thanh Hải	31/5/1974	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4385	**HB**038	Nguyễn Thị Bắc	10/12/1979	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4386	**HB**039	Trần Thị Ngọc Ngà	6/11/1977	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4387	**HB**040	Lê Bích Ngọc	16/1/1980	MG Bạch Mai	Hai Bà Trưng	100	
4388	**HB**041	Lê Thị Thu Hương	10/12/1969	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4389	**HB**042	Nguyễn Thị Xuyên	10/15/1975	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4390	**HB**043	Đỗ Thu Hà	6/15/1976	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4391	**HB**044	Đỗ Thùy Dương	11/10/1990	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4392	**HB**045	Đặng Công Thanh Thủy	3/21/1977	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4393	**HB**046	Nguyễn Thị Thu Hằng	3/24/1983	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4394	**HB**047	Dương Thị Phương Trâm	11/18/1982	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4395	**HB**048	Lê Hà My	9/22/1992	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4396	**HB**049	Trịnh Phương Linh	12/16/1994	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4397	**HB**050	Nguyễn Thị Phương	1/24/1985	Bạch Đằng	Hai Bà Trưng	100	
4398	**HB**051	Phan Thị Hương Loan	21/03/1979	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4399	**HB**052	Bùi Thu Trang	31/12/1984	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4400	**HB**053	Quách Thị Phương Linh	27/07/1987	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4401	**HB**054	Vũ Thị Ngát	11/01/1989	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4402	**HB**055	Vũ Thị Thủy	28/04/1989	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4403	**HB**056	Nguyễn Thị Luyến	04/10/1984	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4404	**HB**057	Nguyễn Thị Thu Trang	08/11/1983	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4405	**HB**058	Đậu Thị Cẩm Lệ	28/08/1983	Lạc Trung	Hai Bà Trưng	100	
4406	**HB**059	Trần Thị Minh Nguyệt	11/7/1977	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4407	**HB**060	Trần Thị Kiều Anh	23/05/1978	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4408	**HB**061	Lê Thị Thùy Dương	15/02/1977	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4409	**HB**062	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	25/12/1976	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4410	**HB**063	Hoàng Thị Linh	16/9/1975	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4411	**HB**064	Trần Thị Bích Hằng	24/08/1971	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4412	**HB**065	Lương Thu Phương	6/9/1993	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4413	**HB**066	Đặng Thị Mai Hương	2/5/1988	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4414	**HB**067	Ngô Thị Mến	17/12/1988	Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng	100	
4415	**HB**068	Trần Thị Huê	04/04/1976	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4416	**HB**069	Phạm Thị Thu Hà	27/08/1981	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	
4417	**HB**070	Nguyễn Thanh Lan	17/07/1978	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	
4418	**HB**071	Nguyễn Thị Phượng	15/10/1983	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	
4419	**HB**072	Lưu Thị Thanh Thuỷ	15/03/1983	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	
4420	**HB**073	Đỗ Minh Nguyệt	24/02/1979	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	
4421	**HB**074	Đỗ Diệp Hà	21/02/1982	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	
4422	**HB**075	Bùi Thanh Thủy	11/06/1993	Ánh Sao	Hai Bà Trưng	100	
4423	**HB**076	Nguyễn Thị Thanh Loan	24/08/1978	MG Chim Non	Hai Bà Trưng	100	
4424	**HB**077	Đỗ Thùy Dương	04/07/1977	MG Chim Non	Hai Bà Trưng	100	
4425	**HB**078	Đỗ Thị Thanh Huyền	06/09/1977	MG Chim Non	Hai Bà Trưng	100	
4426	**HB**079	Đinh Thùy Dung	12/05/1986	MG Chim Non	Hai Bà Trưng	100	
4427	**HB**080	Nguyễn Thị Thúy Hà	08/03/1978	MG Chim Non	Hai Bà Trưng	100	
4428	**HB**081	Bùi Thị Hồng Phượng	24/06/1983	MG Chim Non	Hai Bà Trưng	100	
4429	**HB**082	Nguyễn Ngọc Liên	9/15/1990	MG Chim Non	Hai Bà Trưng	100	
4430	**HB**083	Vũ Ngọc Anh	27/11/1980	MG Ng Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4431	**HB**084	Đỗ Thanh Vân	20/04/1976	MG Ng Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4432	**HB**085	Lê Đức Hạnh	03/09/1976	MG Ng Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4433	**HB**086	Phạm Thị Hà	16/06/1982	MG Ng Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4434	**HB**087	Tạ Thu Hà	11/04/1982	MG Ng Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4435	**HB**088	Nguyễn Thu Hiền	19/09/1990	MG Ng Công Trứ	Hai Bà Trưng	100	
4436	**HB**089	Dương Thanh Hiền	05/10/1980	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4437	**HB**090	Vũ Thị Thùy Dung	30/03/1981	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4438	**HB**091	Dương Thanh Nga	26/11/1981	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4439	**HB**092	Đỗ Thị Kim Anh	07/4/1985	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4440	**HB**093	Trương Xuân Tình	09/12/1988	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4441	**HB**094	Nguyễn Phương Anh	01/10/1986	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4442	**HB**095	Trần Thị Minh Huệ	05/8/1979	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4443	**HB**096	Mai Thị Liên	18/10/1987	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4444	**HB**097	Trần Huyền Trang	25/9/1990	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4445	**HB**098	Lê Chúc Quỳnh	02/10/1981	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4446	**HB**099	Phạm Thị Thanh Huệ	03/10/1976	Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng	100	
4447	**HB**100	Trần Thị Thanh Hương	9/12/1977	Thanh Nhàn	Hai Bà Trưng	100	
4448	**HB**101	Nguyễn Thị Hải Yến	10/24/1983	Thanh Nhàn	Hai Bà Trưng	100	
4449	**HB**102	Đặng Thị Luyến	1/7/1986	Thanh Nhàn	Hai Bà Trưng	100	
4450	**HB**103	Hoàng Thị Trang	04/01/1992	Thanh Nhàn	Hai Bà Trưng	100	
4451	**HB**104	Phạm Thị Thoa	6/7/1987	Thanh Nhàn	Hai Bà Trưng	100	
4452	**HB**105	Nguyễn Bích Ngọc	26/10/1971	Hoa Phượng	Hai Bà Trưng	100	
4453	**HB**106	Nguyễn Thị Phương Mai	13/09/1970	Hoa Phượng	Hai Bà Trưng	100	
4454	**HB**107	Nguyễn Hằng Nga	20/06/1987	Hoa Phượng	Hai Bà Trưng	100	
4455	**HB**108	Lê Thị Bích Lân	16/12/1981	Hoa Phượng	Hai Bà Trưng	100	
4456	**HB**109	Nguyễn Thị Hoa	17/09/1981	Ngô Thì Nhậm	Hai Bà Trưng	100	
4457	**HB**110	Phan Thị Minh Xuân	10/3/1988	Ngô Thì Nhậm	Hai Bà Trưng	100	
4458	**HB**111	Dương Thị Hường	25/08/1984	Ngô Thì Nhậm	Hai Bà Trưng	100	
4459	**HB**112	Nguyễn Thu Hường	3/3/1994	Ngô Thì Nhậm	Hai Bà Trưng	100	
4460	**HB**113	Hán Thị Hồng Thao	21/08/1990	Ngô Thì Nhậm	Hai Bà Trưng	100	
4461	**HB**114	Ngô Quỳnh Anh	12/2/1991	Ngô Thì Nhậm	Hai Bà Trưng	100	
4462	**HB**115	Nguyễn Thị Thanh Hải	11/04/1976	Tuổi Hoa	Hai Bà Trưng	100	
4463	**HB**116	Nguyễn Thị Thu Trang	13/08/1984	Tuổi Hoa	Hai Bà Trưng	100	
4464	**HB**117	Nguyễn Thị Xuân	01/04/1992	Tuổi Hoa	Hai Bà Trưng	100	
4465	**HB**118	Trần Thị Kiều Giang	8/19/1990	Tuổi Hoa	Hai Bà Trưng	100	
4466	**HB**119	Đoàn Ngọc Diệp	1/18/1977	Tuổi Hoa	Hai Bà Trưng	100	
4467	**HB**120	Lê Thu Hiền	07/09/1986	Tuổi Hoa	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4468	**HB**121	Phạm Thị Bích Đào	24/10/1973	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4469	**HB**122	Tô Thị Lan Anh	02/8/1976	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4470	**HB**123	Đặng Thị Thu Huyền	04/02/1979	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4471	**HB**124	Nguyễn Thị Bích Hạnh	28/6/1985	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4472	**HB**125	Nguyễn Thị Mai Lan	24/10/1991	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4473	**HB**126	Nguyễn Thúy Hằng	07/01/1978	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4474	**HB**127	Trần Phương Anh	24/11/1992	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4475	**HB**128	Khúc Thị Ngọc Mai	14/7/1993	MG Đống Mác	Hai Bà Trưng	100	
4476	**HB**129	Nguyễn Thị Hải Yến	14/6/1981	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4477	**HB**130	Nguyễn Thùy Dương	13/11/1980	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4478	**HB**131	Nguyễn Thị Phương Hoa	27/4/1983	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4479	**HB**132	Vũ Thị Hải Ngọc	22/8/1974	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4480	**HB**133	Nguyễn Thị Thanh Thủy	21/6/1970	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4481	**HB**134	Đào Ngọc Lan	10/5/1975	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4482	**HB**135	Nguyễn T. Phương Anh	25/02/1974	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4483	**HB**136	Bùi Tuyết Nhung	14/01/1987	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4484	**HB**137	Trịnh Thị Bích Liên	20/02/1975	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	100	
4485	**HB**138	Trần Thị Xuân Hoa	03/12/1989	Sao Sáng	Hai Bà Trưng	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
4486	**HB**139	Nguyễn Thị Phương Hoa	03/01/1975	Đồng Tâm	Hai Bà Trưng	100	
4487	**HB**140	Nguyễn Thị Kim Oanh	4/19/1971	Đồng Tâm	Hai Bà Trưng	100	
4488	**HB**141	Phạm Hương Trang	8/18/1978	Đồng Tâm	Hai Bà Trưng	100	
4489	**HB**142	Nguyễn Thị Minh Phương	9/24/1977	Đồng Tâm	Hai Bà Trưng	100	
4490	**HB**143	Nguyễn Thị Ngọc Anh	8/11/1976	Đồng Tâm	Hai Bà Trưng	100	
4491	**HB**144	Cam Thị Hằng	3/1/1985	Đồng Tâm	Hai Bà Trưng	100	
4492	**HB**145	Nguyễn Thu Thủy	13/05/1980	Minh Khai	Hai Bà Trưng	100	
4493	**HB**146	Nguyễn Thị Hồng Hoa	14/03/1983	Minh Khai	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4494	**HB**147	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	28/08/1987	Minh Khai	Hai Bà Trưng	100	
4495	**HB**148	Nguyễn Thị Thu Trang	16/06/1993	Minh Khai	Hai Bà Trưng	100	
4496	**HB**149	Lê Thị Kim Huệ	29/10/1995	Minh Khai	Hai Bà Trưng	100	
4497	**HB**150	Phạm Ngọc Quỳnh	03/04/1983	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4498	**HB**151	Bùi Thúy Quỳnh	27/04/1987	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4499	**HB**152	Nguyễn Thị Thành	04/03/1979	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4500	**HB**153	Nguyễn Bích Phương	20/02/1991	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4501	**HB**154	Lê Hồng Nhung	03/03/1972	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4502	**HB**155	Bùi Thị Bích Phương	19/08/1989	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4503	**HB**156	Nguyễn Thùy Trang	03/08/1990	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4504	**HB**157	Triệu Quỳnh Hoa	10/03/1990	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4505	**HB**158	Nông Ngọc Bích	04/07/1985	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4506	**HB**159	Nguyễn Thị Lan Phượng	06/07/1979	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4507	**HB**160	Trịnh Thị Mai Hương	13/05/1989	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4508	**HB**161	Nguyễn Thị Hòa	01/08/1990	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4509	**HB**162	Đỗ Chi Phương	11/06/1991	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4510	**HB**163	Lý Thị Thu Hoan	22/10/1982	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4511	**HB**164	Lê Thị Thùy Linh	22/04/1993	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4512	**HB**165	Bùi Ngọc Dung	05/03/1992	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4513	**HB**166	Đỗ Lan Nhiên	28/12/1984	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4514	**HB**167	Nguyễn Thanh Nga	24/07/1985	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4515	**HB**168	Nguyễn Thị Bích Ngọc	15/08/1992	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4516	**HB**169	Vũ Ánh Giang	06/03/1991	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4517	**HB**170	Hoàng Thị Huyền Trang	23/10/1993	MN 08-3	Hai Bà Trưng	100	
4518	**HB**171	Phạm Thuý Khanh	20/08/1969	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4519	**HB**172	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/05/1975	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4520	**HB**173	Nguyễn Thị Phượng	29/5/1987	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4521	**HB**174	Lê Tuyết Nhung	12/9/1973	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4522	**HB**175	Nguyễn Bích Hồng	3/9/1994	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4523	**HB**176	Trần Thị Thương	7/23/1974	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4524	**HB**177	Phạm Thị Thanh Dung	13/10/1979	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4525	**HB**178	Tô Hoàng Ly	10/11/1988	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4526	**HB**179	Ngô Thị Thuý	11/3/1979	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4527	**HB**180	Trương Phương Hoa	25/11/1993	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4528	**HB**181	Nguyễn Phong Lan	4/5/1969	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4529	**HB**182	Đặng Hương Sơn	06/05/1973	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4530	**HB**183	Hoàng Thị Lan	20/10/1974	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4531	**HB**184	Nguyễn Phương Thảo	27/10/1988	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4532	**HB**185	Nguyễn Thị Kim Liên	23/11/1986	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4533	**HB**186	Phùng Thị Hương	14/3/1989	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4534	**HB**187	Trương Ngọc Bích	22/11/1988	Trương Định	Hai Bà Trưng	100	
4535	**HB**188	Cung Thị Minh Thu	20/09/1989	Lê Quý Đôn	Hai Bà Trưng	100	
4536	**HB**189	Nguyễn Thị Thanh Thủy	04/04/1989	Lê Quý Đôn	Hai Bà Trưng	100	
4537	**HB**190	Đinh Thị Châm	02/12/1990	Lê Quý Đôn	Hai Bà Trưng	100	
4538	**HB**191	Nguyễn Thị Bắc	3/7/1977	Hoa Hồng	Hai Bà Trưng	100	
4539	**HB**192	Đào Lan Hương	6/14/1979	Hoa Hồng	Hai Bà Trưng	100	
4540	**HB**193	Nguyễn Thị Thảo	10/13/1991	Hoa Hồng	Hai Bà Trưng	100	
4541	**HB**194	Nguyễn Thị Hiền Lương	2/18/1983	Hoa Hồng	Hai Bà Trưng	100	
4542	**HB**195	Đặng Thanh Nhung	3/16/1995	Hoa Hồng	Hai Bà Trưng	100	
4543	**HB**196	Nguyễn Thị Trang	12/28/1994	Hoa Hồng	Hai Bà Trưng	100	
4544	**HB**197	Nguyễn Hải Yến	11/8/1988	Hoa Hồng	Hai Bà Trưng	100	
4545	**HB**198	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	31/07/1969	Thanh Lương	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4546	**HB**199	Đinh Thị Thu Hương	24/07/1977	Thanh Lương	Hai Bà Trưng	100	
4547	**HB**200	Nguyễn Thanh Thủy	5/5/1983	Thanh Lương	Hai Bà Trưng	100	
4548	**HB**201	Đỗ Thị Mai Hương	15/8/1982	Thanh Lương	Hai Bà Trưng	100	
4549	**HB**202	Trần Thị Hồng Giang	12/02/1975	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4550	**HB**203	Bùi Thanh Thủy	03/02/1988	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4551	**HB**204	Nguyễn Thị Huyền	06/01/1990	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4552	**HB**205	Nguyễn Thuỳ Linh	06/01/1991	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4553	**HB**206	Nguyễn Thị Hiệu	13/04/1988	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4554	**HB**207	Nguyễn Thị Thu Hương	03/10/1977	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4555	**HB**208	Trịnh Thị Loan	19/08/1985	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4556	**HB**209	Nguyễn Thị Bình Minh	30/04/1988	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4557	**HB**210	Nguyễn Ngọc Nhung	13/10/1990	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4558	**HB**211	Phùng Huyền Trang	22/07/1991	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4559	**HB**212	Trương Thị Thúy Nga	21/10/1989	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4560	**HB**213	Phạm Thu Huyền	16/05/1979	Bách Khoa	Hai Bà Trưng	100	
4561	**HB**214	Trương Thị Hương Giang	6/25/1977	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4562	**HB**215	Phạm Thị Nguyệt	3/25/1992	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4563	**HB**216	Nguyễn Thị Tuyết Mai	10/5/1995	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4564	**HB**217	Đình Thị Dung	7/29/1979	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4565	**HB**218	Nguyễn Kim Khanh	1/5/1970	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4566	**HB**219	Nguyễn Ngọc Diệp	10/8/1990	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4567	**HB**220	Đặng Minh Huyền	6/7/1979	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4568	**HB**221	Đào Thị Hồng	10/5/1982	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4569	**HB**222	Trần Thị Linh An	3/8/1976	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4570	**HB**223	Nguyễn Thị Tố Uyên	7/1/1972	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4571	**HB**224	Nguyễn Thị Lan Nhung	19/09/1977	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4572	**HB**225	Trần Thị Lan Hương	23/03/1984	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4573	**HB**226	Lê Thị Thu Trang	12/11/1988	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4574	**HB**227	Nguyễn Thị Thảo	12/02/1980	Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng	100	
4575	***HC*** 001	Thu Thuỷ	25/12/1975	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4576	***HC*** 002	Lê Thị Lệ Hằng	27/04/1975	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4577	***HC*** 003	Khánh Thị Hương	05/01/1977	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4578	***HC*** 004	Nguyễn Thị Cẩm Thuý	24/10/1970	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4579	***HC*** 005	Nguyễn Thị Mai	03/5/1978	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4580	***HC*** 006	Cao Thị Ngọc	30/11/1976	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4581	***HC*** 007	Nguyễn Thị Duyên	05/05/1990	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4582	***HC*** 008	Hà Thị Thanh Huyền	22/08/1990	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4583	***HC*** 009	Hoàng Thị Hòa	08/10/1984	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4584	***HC*** 010	Lê Thị Ngọc Ánh	10/8/1988	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4585	***HC*** 011	Nguyễn Thị Tuyến	02/12/1987	MN 10-10	Hoài Đức	100	
4586	***HC*** 012	Nguyễn Thị Thu Nhàn	08/6/1968	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4587	***HC*** 013	Nguyễn Thị Dần	25/9/1974	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4588	***HC*** 014	Hoàng Thị Hải	26/5/1982	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4589	***HC*** 015	Đàm Thị Thủy	01/11/1974	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4590	***HC*** 016	Nguyễn Thị Xuyên	27/5/1969	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4591	***HC*** 017	Trương Thị Ngọc Ánh	23/01/1985	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4592	***HC*** 018	Chu Thị Tân	30/12/1991	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4593	***HC*** 019	Hoàng Thị Vân	15/10/1990	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4594	***HC*** 020	Nguyễn Thị Vân	17/11/1990	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4595	***HC*** 021	Nguyễn Thị Hà	24/8/1990	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4596	***HC*** 022	Cấn Thị Hải	01/11/1990	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4597	***HC*** 023	Nguyễn Thị Thu	03/12/1992	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4598	***HC*** 024	Hoàng Thị Thúy	11/11/1990	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4599	***HC*** 025	Nguyễn Thị Liễu	22/9/1990	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4600	***HC*** 026	Phạm Thị Hòa	15/4/1993	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4601	***HC*** 027	Đỗ Thị Kim Hân	06/11/1981	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4602	***HC*** 028	Nguyễn Thị Nhàn	04/4/1987	An Khánh A	Hoài Đức	100	
4603	***HC*** 029	Bùi Thị Vân	11/07/1970	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4604	***HC*** 030	Nguyễn Thị Bích Hằng	05/07/1983	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4605	***HC*** 031	Trương Thị Tuyền	26/09/1984	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4606	***HC*** 032	Bùi Thị Thu Hà	28/07/1986	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4607	***HC*** 033	Chu Thị Thơm	03/01/1983	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4608	***HC*** 034	Lê Thị Hương	04/02/1992	An Khánh B	Hoài Đức	90	Chưa đủ thời gian giữ CDNN hạng III
4609	***HC*** 035	Lê Thị Chinh	26/04/1994	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4610	***HC*** 036	Hoàng Thị Giang	21/05/1982	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4611	***HC*** 037	Đỗ Thị Nguyệt	22/04/1990	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4612	***HC*** 038	Hà Thị Bích Thúy	26/05/1981	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4613	***HC*** 039	Nguyễn Thị Luyện	11/01/1969	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4614	***HC*** 040	Trương Thị Nhung	21/05/1985	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4615	***HC*** 041	Nguyễn Thị Thu Hiền	07/10/1976	An Khánh B	Hoài Đức	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
4616	***HC*** 042	Nguyễn Thị Thanh	08/04/1988	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4617	***HC*** 043	Nguyễn Thị Hoa	21/05/1991	An Khánh B	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4618	***HC*** 044	Nguyễn Thị Thu Trang	09/01/1987	An Khánh B	Hoài Đức	100	
4619	***HC*** 045	Nguyễn Thị Hương	08/02/1974	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4620	***HC*** 046	Nguyễn Thị Nhài	14/11/1973	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4621	***HC*** 047	Nguyễn Thị Hằng	15/07/1987	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4622	***HC*** 048	Trần Thị Hằng	13/11/1974	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4623	***HC*** 049	Nguyễn Thị Tâm	27/02/1984	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4624	***HC*** 050	Vũ Thị Hương	29/09/1980	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4625	***HC*** 051	Phạm Thị Ngọ	07/06/1978	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4626	***HC*** 052	Nguyễn Kim Phượng	25/11/1988	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4627	***HC*** 053	Nguyễn Thị Minh Hiên	17/05/1984	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4628	***HC*** 054	Nguyễn Khánh Linh	09/03/1989	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4629	***HC*** 055	Lộ Thị Trang	06/07/1990	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4630	***HC*** 056	Cao Thị Tâm	08/11/1990	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4631	***HC*** 057	Nguyễn Thị Vân	02/11/1986	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4632	***HC*** 058	Nguyễn Thị Trường	31/10/1990	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4633	***HC*** 059	Nguyễn Thị Dung	02/06/1990	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4634	***HC*** 060	Lê Thị Nhung	12/11/1990	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4635	***HC*** 061	Trần Thị Nhàn	29/07/1990	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4636	***HC*** 062	Nguyễn Thị Hoa	03/11/1992	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4637	***HC*** 063	Nguyễn Thị An	10/12/1993	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4638	***HC*** 064	Nguyễn Thị Yến	21/12/1984	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4639	***HC*** 065	Nguyễn Thị Bé	23/12/1993	An Khánh C	Hoài Đức	100	
4640	***HC*** 066	Trần Thị Ngọc Lan	09/7/1976	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4641	***HC*** 067	Nguyễn Thị Lan	20/12/1973	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4642	***HC*** 068	Nguyễn Thị Hiên	10/05/1982	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4643	***HC*** 069	Mầu Thị Tân	14/10/1982	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4644	***HC*** 070	Trần Thị Liên	20/12/1982	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4645	***HC*** 071	Nguyễn Thị Hoài Hòa	19/04/1978	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4646	***HC*** 072	Đào Thị Miền	05/01/1988	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4647	***HC*** 073	Nguyễn Thị Luyên	14/05/1983	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4648	***HC*** 074	Chu Thị Khánh Vân	20/09/1983	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4649	***HC*** 075	Cấn Thị Thu	19/08/1985	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4650	***HC*** 076	Nguyễn Thị Mai	01/10/1986	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4651	***HC*** 077	Nguyễn Thị Hạnh	01/12/1991	An Thượng A	Hoài Đức	100	
4652	***HC*** 078	Nguyễn Thị Thanh	04/02/1975	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4653	***HC*** 079	Trần Thùy Phương	17/01/1982	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4654	***HC*** 080	Hoàng Thị Thắm	09/10/1979	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4655	***HC*** 081	Tạ Thị Hồng Thư	04/12/1983	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4656	***HC*** 082	Đào Thị Miên	29/12/1983	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4657	***HC*** 083	Nguyễn Thị Uyên	06/12/1983	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4658	***HC*** 084	Bùi Thị Liên	28/05/1988	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4659	***HC*** 085	Nguyễn Thị Thủy	26/10/1990	An Thượng B	Hoài Đức	100	
4660	***HC*** 086	Như Kiều Ly	11/02/1980	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4661	***HC*** 087	Nguyễn Thị Hường	06/12/1981	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4662	***HC*** 088	Nguyễn Thị Hằng	12/10/1984	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4663	***HC*** 089	Nguyễn Thị Tuyết	01/10/1990	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4664	***HC*** 090	Nguyễn Thị Huyền	28/3/1990	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4665	***HC*** 091	Nguyễn Thị Hoa	29/7/1982	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4666	***HC*** 092	Nguyễn Thị Tuyền	21/7/1990	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4667	***HC*** 093	Nguyễn Thục Diễm	23/12/1992	Cát Quế A	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4668	***HC*** 094	Nguyễn Thị Giang	06/01/1990	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4669	***HC*** 095	Nguyễn Thị Thủy	25/9/1989	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4670	***HC*** 096	Lê Thị Cúc	04/10/1993	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4671	***HC*** 097	Phú Thị Lan	23/7/1974	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4672	***HC*** 098	Nguyễn Thị Thanh Phương	02/8/1978	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4673	***HC*** 099	Nguyễn Thị Loan	18/01/1982	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4674	***HC*** 100	Nguyễn Thị Dậy	29/3/1975	Cát Quế A	Hoài Đức	100	
4675	***HC*** 101	Mầu Thị Thỏa	26/11/1971	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4676	***HC*** 102	Nguyễn Thị Hiền Hải	24/11/1979	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4677	***HC*** 103	Nguyễn Thị La	09/6/1981	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4678	***HC*** 104	Nguyễn Thị Hân	01/4/1984	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4679	***HC*** 105	Nguyễn Thị Giang	02/6/1991	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4680	***HC*** 106	Nguyễn Thị Phương	26/12/1991	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4681	***HC*** 107	Nguyễn Thị Hiền	20/7/1986	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4682	***HC*** 108	Nguyễn Thị Hà	4/12/1993	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4683	***HC*** 109	Nguyễn Thị Mai Hương	28/10/1990	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4684	***HC*** 110	Đỗ Thị Thúy	26/2/1971	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4685	***HC*** 111	Phan Thị Thu Hồng	08/11/1991	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4686	***HC*** 112	Nguyễn Thị Thanh Huyền	27/9/1991	Cát Quế B	Hoài Đức	100	
4687	***HC*** 113	Phạm Thị Hiền	07/09/1968	Đắc Sở	Hoài Đức	100	
4688	***HC*** 114	Nguyễn Thị Kỷ	17/01/1970	Đắc Sở	Hoài Đức	100	
4689	***HC*** 115	Nguyễn Thị Thành	14/02/1971	Đắc Sở	Hoài Đức	100	
4690	***HC*** 116	Nguyễn Thị Hiền	23/12/1980	Đắc Sở	Hoài Đức	100	
4691	***HC*** 117	Nguyễn Thị Thương	05/09/1985	Đắc Sở	Hoài Đức	100	
4692	***HC*** 118	Nguyễn Thị Hoa	18/08/1988	Đắc Sở	Hoài Đức	100	
4693	***HC*** 119	Nguyễn Thị Hạnh	22/10/1985	Đắc Sở	Hoài Đức	100	
4694	***HC*** 120	Nguyễn Thị Phương	15/09/1973	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4695	***HC*** 121	Nguyễn Thị Ngọc Huế	10/12/1983	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4696	***HC*** 122	Nguyễn Thị Kim Thúy	30/03/1986	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4697	***HC*** 123	Nguyễn Thị Hạnh	11/11/1988	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4698	***HC*** 124	Trần Huyền Trang	29/07/1987	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4699	***HC*** 125	Nguyễn Ngọc Oanh	05/11/1989	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4700	***HC*** 126	Vũ Thanh Huệ	16/11/1982	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4701	***HC*** 127	Nguyễn Thị Hoa	01/04/1979	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4702	***HC*** 128	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/05/1981	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4703	***HC*** 129	Nguyễn Hồng Hạnh	13/7/1983	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4704	***HC*** 130	Lương Thị Thúy Mây	28/04/1992	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4705	***HC*** 131	Đỗ Thị Thúy Nga	04/07/1993	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4706	***HC*** 132	Nguyễn Thị Hường	20/10/1990	Di Trạch	Hoài Đức	100	
4707	***HC*** 133	Nguyễn Thị Nhung	22/03/1978	Đông La A	Hoài Đức	100	
4708	***HC*** 134	Đỗ Thị Thu Minh	11/11/1985	Đông La A	Hoài Đức	100	
4709	***HC*** 135	Lê Thị Hường	12/01//1979	Đông La A	Hoài Đức	100	
4710	***HC*** 136	Nguyễn Thị Thủy	18/09/1988	Đông La A	Hoài Đức	100	
4711	***HC*** 137	Phan Thị Thu	04/06/1983	Đông La A	Hoài Đức	100	
4712	***HC*** 138	Nguyễn Thị Lý	24/07/1991	Đông La A	Hoài Đức	100	
4713	***HC*** 139	Vũ Thị Mỹ Hạnh	14/05/1983	Đông La A	Hoài Đức	100	
4714	***HC*** 140	Nguyễn Thị Liên	14//04/1989	Đông La A	Hoài Đức	100	
4715	***HC*** 141	Lê Thị Liễu	11/08/1991	Đông La A	Hoài Đức	100	
4716	***HC*** 142	Nguyễn Thị Hải Vân	11/01/1993	Đông La A	Hoài Đức	100	
4717	***HC*** 143	Nguyễn Thị Minh Huyền	04/08/1977	Đông La B	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4718	***HC*** 144	Bùi Thị Thùy Ninh	26/01/1990	Đông La B	Hoài Đức	100	
4719	***HC*** 145	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	05/10/1988	Đông La B	Hoài Đức	100	
4720	***HC*** 146	Nguyễn Thị Hà	19/09/1979	Đông La B	Hoài Đức	100	
4721	***HC*** 147	Trần Thị Thu Nhuyên	02/05/1978	Đông La B	Hoài Đức	100	
4722	***HC*** 148	Văn Thị Luyện	08/06/1984	Đông La B	Hoài Đức	100	
4723	***HC*** 149	Nguyễn Thị Tâm	31/07/1990	Đông La B	Hoài Đức	100	
4724	***HC*** 150	Nguyễn Thanh Huyền	17/06/1981	Đông La B	Hoài Đức	100	
4725	***HC*** 151	Nguyễn Thị Thanh Huyền	06/03/1982	Đông La B	Hoài Đức	100	
4726	***HC*** 152	Đặng Thị Tuyết	05/11/1973	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4727	***HC*** 153	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	14/09/1973	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4728	***HC*** 154	Đỗ Thị Hường	15/11/1982	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4729	***HC*** 155	Nguyễn Thị Phương	23/01/1975	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4730	***HC*** 156	Trần Thị Nga	23/05/1972	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4731	***HC*** 157	Nguyễn Thị Trang	27/02/1987	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4732	***HC*** 158	Hoàng Thị Hạnh	03/09/1986	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4733	***HC*** 159	Đặng Thị Lương	25/03/1973	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4734	***HC*** 160	Nguyễn Công Anh	21/04/1989	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4735	***HC*** 161	Bá Thị Hà Trang	05/11/1993	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4736	***HC*** 162	Đỗ Thị Huyền	12/03/1993	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4737	***HC*** 163	Khắc Thị Yến	23/01/1994	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4738	***HC*** 164	Đỗ Thị Huệ	22/08/1990	Đức Giang A	Hoài Đức	100	
4739	***HC*** 165	Trọng Thị Thiết	01/11/1968	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4740	***HC*** 166	Lý Thị Mến	24/04/1978	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4741	***HC*** 167	Lê Thị Mai Hoa	31/05/1982	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4742	***HC*** 168	Lê Thị Hoa Như	21/03/1985	Đức Giang B	Hoài Đức	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
4743	***HC*** 169	Nguyễn Thị Thúy Nga	16/07/1990	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4744	***HC*** 170	Phạm Thị Vui	07/03/1989	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4745	***HC*** 171	Nguyễn Thị Lưu	20/06/1986	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4746	***HC*** 172	Đặng Thị Hiền	23/9/1992	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4747	***HC*** 173	Chí Thị Thu	29/10/1992	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4748	***HC*** 174	Nguyễn Thị Thu Hương	19/11/1972	Đức Giang B	Hoài Đức	100	
4749	***HC*** 175	Lê Thu Hoài	10/10/1972	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4750	***HC*** 176	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	17/05/1981	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4751	***HC*** 177	Ngô Thị Thúy Ngọc	15/07/1974	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4752	***HC*** 178	Lý Thị Thu Hà	29/07/1986	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4753	***HC*** 179	Nguyễn Thị Ngọc Liên	05/03/1984	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4754	***HC*** 180	Hoàng Thị Hoan	02/06/1983	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4755	***HC*** 181	Nguyễn Thị Vân	26/09/1988	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4756	***HC*** 182	Trần Thị Phương	28/06/1983	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4757	***HC*** 183	Nguyễn Thị Hải	06/09/1983	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4758	***HC*** 184	Trịnh Thị Thương	10/05/1989	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4759	***HC*** 185	Nguyễn Thị Hồng	10/01/1991	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4760	***HC*** 186	Nguyễn Thị Thanh Hà	02/05/1979	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4761	***HC*** 187	Phí Thị Vui	28/05/1992	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4762	***HC*** 188	Ngô Thị Bảo	17/01/1989	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4763	***HC*** 189	Cao Thị Thưởng	03/11/1972	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4764	***HC*** 190	Trịnh Thu Hiền	23/07/1988	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4765	***HC*** 191	Nguyễn Thị Nhiên	28/06/1992	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4766	***HC*** 192	Phan Thị Thu Hằng	21/02/1971	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4767	***HC*** 193	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	11/07/1992	Đức Thượng	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4768	***HC*** 194	Kiều Thị Thủy	09/10/1983	Đức Thượng	Hoài Đức	100	
4769	***HC*** 195	Trần Thị Lợi	13/07/1981	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4770	***HC*** 196	Tiến Thị Nhung	15/02/1983	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4771	***HC*** 197	Vũ Thị Diễm Hương	16/12/1980	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4772	***HC*** 198	Lệnh Thị Lê	31/10/1981	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4773	***HC*** 199	Nguyễn Thị Hằng	10/03/1984	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4774	***HC*** 200	Ngô Thị Thủy	15/07/1976	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4775	***HC*** 201	Đào Thị Tuyết	16/08/1984	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4776	***HC*** 202	Nguyễn Thị Hương	01/10/1985	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4777	***HC*** 203	Nguyễn Thị Luyến	06/12/1985	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4778	***HC*** 204	Đỗ Thị Phương	18/11/1992	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4779	***HC*** 205	Nguyễn Thị Đức	06/03/1988	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4780	***HC*** 206	Nguyễn Thị Dung	06/07/1990	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4781	***HC*** 207	Tiến Thị Thủy	01/07/1991	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4782	***HC*** 208	Danh Thị Mai	26/09/1994	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4783	***HC*** 209	Viết Thị Định	20/10/1971	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4784	***HC*** 210	Đỗ Thị Hà	13/11/1981	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4785	***HC*** 211	Nguyễn Thị Quyên	21/12/1983	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4786	***HC*** 212	Đỗ Thị Kim Thảo	13/10/1990	Dương Liễu	Hoài Đức	100	
4787	***HC*** 213	Trần Thị Nga	05/8/1972	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4788	***HC*** 214	Nguyễn Thị Luyến	02/11/1971	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4789	***HC*** 215	Nguyễn Thị Bích Lộc	16/4/1982	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4790	***HC*** 216	Nguyễn Thị Hồng Thúy	10/02/1981	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4791	***HC*** 217	Nguyễn Thị Mai Anh	12/9/1987	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4792	***HC*** 218	Tuấn Thị Thu Hương	23/9/1988	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4793	***HC*** 219	Hồ Thị Minh Lợi	20/12/1974	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4794	***HC*** 220	Nguyễn Thị Quyên	01/10/1975	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4795	***HC*** 221	Bùi Thị Yến	30/12/1976	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4796	***HC*** 222	Nguyễn Thị Phượng Hoa	29/12/1992	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4797	***HC*** 223	Lê Thị Lan Anh	21/11/1983	Hoa Sen	Hoài Đức	100	
4798	***HC*** 224	Lê Thị Thu Hằng	20/9/1982	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4799	***HC*** 225	Võ Thị Huyền	27/6/1974	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4800	***HC*** 226	Tuấn Thị Hiền	24/8/1985	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4801	***HC*** 227	Nguyễn Thị Bình	2/7/1979	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4802	***HC*** 228	Phạm Thị Hường	11/2/1990	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4803	***HC*** 229	Lê Thị Phương	20/4/1985	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4804	***HC*** 230	Nguyễn Thị Hiền	15/10/1987	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4805	***HC*** 231	Nguyễn Thị Tuyến	30/8/1979	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4806	***HC*** 232	Trần Thị Mùi	11/12/1991	Kim Chung A	Hoài Đức	100	
4807	***HC*** 233	Bùi Thị Lĩnh	10/03/1976	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4808	***HC*** 234	Nguyễn Thị Phương	16/03/1989	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4809	***HC*** 235	Nguyễn Thị Lan Hương	15/10/1979	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4810	***HC*** 236	Đinh Thị Minh Châu	11/08/1969	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4811	***HC*** 237	Đinh Thị Minh Loan	07/08/1973	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4812	***HC*** 238	Lê Thị Minh Huệ	19/07/1984	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4813	***HC*** 239	Nguyễn Thu Hường	01/09/1975	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4814	***HC*** 240	Lương Thị Kim Anh	14/02/1973	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4815	***HC*** 241	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	23/11/1992	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4816	***HC*** 242	Đặng Thanh Thủy	29/10/1991	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4817	***HC*** 243	Bùi Thị Thu Hiền	01/04/1985	Kim Chung B	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4818	***HC*** 244	Đỗ Thị Hường	22/4/1985	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4819	***HC*** 245	Lê Thị Minh Hải	09/06/1977	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4820	***HC*** 246	Nguyễn Thị Chung	22/12/1983	Kim Chung B	Hoài Đức	100	
4821	***HC*** 247	Lê Thị Mai Hương	04/8/1975	La Phù	Hoài Đức	100	
4822	***HC*** 248	Nguyễn Thị Thùy	09/03/1985	La Phù	Hoài Đức	100	
4823	***HC*** 249	Nguyễn Thị Anh	18/01/1986	La Phù	Hoài Đức	100	
4824	***HC*** 250	Nguyễn Thị Ninh	14/05/1981	La Phù	Hoài Đức	100	
4825	***HC*** 251	Nguyễn Thị Loan	20/11/1981	La Phù	Hoài Đức	100	
4826	***HC*** 252	Nguyễn Thị Văn	09/12/1979	La Phù	Hoài Đức	100	
4827	***HC*** 253	Bùi Thị Tuyết	4/8/1976	La Phù	Hoài Đức	100	
4828	***HC*** 254	Trịnh Thị Thơ	13/06/1972	La Phù	Hoài Đức	100	
4829	***HC*** 255	Dương Thu Hà	01/03/1982	La Phù	Hoài Đức	100	
4830	***HC*** 256	Nguyễn Thị Bích Ngọc	24/08/1975	La Phù	Hoài Đức	100	
4831	***HC*** 257	Nguyễn Thị Kiều Duyên	28/08/1986	La Phù	Hoài Đức	100	
4832	***HC*** 258	Trần Thị Dung	24/09/1993	La Phù	Hoài Đức	100	
4833	***HC*** 259	Nguyễn Thị Bích Lộc	22/12/1971	La Phù	Hoài Đức	100	
4834	***HC*** 260	Nguyễn Thị Nương	09/10/1970	La Phù	Hoài Đức	100	
4835	***HC*** 261	Ngô Thị Huyền	12/9/1981	La Phù	Hoài Đức	100	
4836	***HC*** 262	Nguyễn Thị Nga	27/4/1971	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4837	***HC*** 263	Phạm Thị Thanh Huyền	21/02/1979	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4838	***HC*** 264	Vũ Thị Lan Hương	20/11/1973	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4839	***HC*** 265	Nguyễn Thị Hồng	06/9/1979	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4840	***HC*** 266	Nguyễn Thị Hiền	04/11/1979	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4841	***HC*** 267	Nguyễn Thị Niêm	26/6/1983	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4842	***HC*** 268	Phạm Thị Hường	09/11/1975	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4843	***HC*** 269	Phan Thị Huệ	27/01/1986	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4844	***HC*** 270	Phạm Thanh Thủy	10/12/1979	Lại Yên	Hoài Đức	100	
4845	***HC*** 271	Trần Thị Tâm	12/09/1973	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4846	***HC*** 272	Đỗ Thị Hằng	25/08/1976	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4847	***HC*** 273	Đỗ Thị Thắm	10/11/1980	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4848	***HC*** 274	Đỗ Thị Bích	23/06/1972	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4849	***HC*** 275	Đỗ Thị Tuyết Nhung	30/11/1969	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4850	***HC*** 276	Đỗ Thị Hoa	30/10/1983	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4851	***HC*** 277	Đỗ Thị Toàn	05/09/1983	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4852	***HC*** 278	Hoàng Thị La	24/07/1976	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4853	***HC*** 279	Phí Thị Linh	31/10/1982	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4854	***HC*** 280	Nguyễn Thị Kim Nhung	21/11/1985	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4855	***HC*** 281	Nguyễn Thị Chuyên	04/01/1987	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4856	***HC*** 282	Đỗ Thị Mai Phương	01/06/1992	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4857	***HC*** 283	Phùng Thị Vân	11/08/1992	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4858	***HC*** 284	Lê Thị Thảo	10/08/1990	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4859	***HC*** 285	Đỗ Thị Phương Nhung	14/02/1989	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4860	***HC*** 286	Bùi Thị Huyền	30/8/1990	Minh Khai	Hoài Đức	100	
4861	***HC*** 287	Trần Thị Đức	10/02/1975	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4862	***HC*** 288	Đăng Thị Cúc	16/11/1981	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4863	***HC*** 289	Hữu Thị Thuỷ	02/4/1981	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4864	***HC*** 290	Trung Thị Thuỷ	11/11/1973	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4865	***HC*** 291	Duy Thị Thoa	15/01/1980	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4866	***HC*** 292	Nguyễn Bá Thị Chắt	26/06/1980	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4867	***HC*** 293	Đức Thị Hiếu	28/10/1975	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4868	***HC*** 294	Viết Thị Phương Nam	29/12/1981	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4869	***HC*** 295	Đăng Thị Thuý	13/5/1985	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4870	***HC*** 296	Trương Minh Thuý	24/12/1990	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4871	***HC*** 297	Đăng Thị Hạnh	27/6/1978	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4872	***HC*** 298	Nguyễn Thị Thu Hằng	06/12/1982	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4873	***HC*** 299	Chí Thị Cúc	25/5/1978	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4874	***HC*** 300	Quý Thị Vinh	19/10/1985	Sơn Đồng	Hoài Đức	100	
4875	***HC*** 301	Nguyễn Thị Định	20/12/1976	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4876	***HC*** 302	Bùi Thị Nhân	01/09/1972	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4877	***HC*** 303	Vương Thùy Dương	08/04/1986	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4878	***HC*** 304	Vương Mai Hương	14/07/1988	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4879	***HC*** 305	Nguyễn Thị Thuận	01/12/1991	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4880	***HC*** 306	Đỗ Thị Thu Hà	02/01/1986	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4881	***HC*** 307	Nguyễn Thị Phương Mai	11/04/1991	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4882	***HC*** 308	Nguyễn Hằng Yến	05/10/1989	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4883	***HC*** 309	Nguyễn Thị Yến	10/05/1989	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4884	***HC*** 310	Nguyễn Bích Ngọc	23/12/1989	Song Phương A	Hoài Đức	100	
4885	***HC*** 311	Trần Thị Nga	12/08/1970	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4886	***HC*** 312	Phạm Thị Hải Yến	16/08/1974	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4887	***HC*** 313	Nguyễn Thị Hải	05/10/1980	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4888	***HC*** 314	Nguyễn Thị Mai	27/10/1991	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4889	***HC*** 315	Đàm Hồng Nhung	27/05/1990	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4890	***HC*** 316	Lê Thị Ngần	28/11/1978	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4891	***HC*** 317	Kiều Thị Dung	31/10/1988	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4892	***HC*** 318	Nguyễn Thị Hiền	20/09/1994	Song Phương B	Hoài Đức	100	
4893	***HC*** 319	Tạ Thị Thanh Tâm	11/10/1985	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	
4894	***HC*** 320	Nguyễn Thị Hải	15/8/1988	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	
4895	***HC*** 321	Nguyễn Thị Hồng	25/5/1972	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	
4896	***HC*** 322	Đinh Thị Xuân	23/12/1985	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	
4897	***HC*** 323	Nguyễn Thị Dương	29/4/1992	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	
4898	***HC*** 324	Nguyễn Thị Hà	15/01/1990	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	
4899	***HC*** 325	Tạ Thu Hường	28/8/1981	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	
4900	***HC*** 326	Nguyễn Thị Yến	21/4/1990	Tiền Yên A	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4901	***HC*** 327	Nguyễn Thu Hằng	06/01/1981	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4902	***HC*** 328	Nguyễn Thị Hải	22/11/1981	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4903	***HC*** 329	Nguyễn Thị Hiền	10/08/1982	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4904	***HC*** 330	Nguyễn Thị Mai	01/12/1982	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4905	***HC*** 331	Nguyễn Thị Vân	10/03/1983	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4906	***HC*** 332	Nguyễn Thị Dung	22/09/1984	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4907	***HC*** 333	Nguyễn Thị Huệ	21/06/1987	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4908	***HC*** 334	Kiều Trang	07/12/1993	MNTiền Yên B	Hoài Đức	100	
4909	***HC*** 335	Nguyễn Phương Hoa	11/01/1973	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4910	***HC*** 336	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	24/08/1971	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4911	***HC*** 337	Nguyễn Ngọc Mai	15/01/1983	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4912	***HC*** 338	Đàm Thị Minh	19/05/1978	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4913	***HC*** 339	Nguyễn Thị Thanh	20/08/1978	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4914	***HC*** 340	Hoàng Thị Hải	23/10/1989	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4915	***HC*** 341	Phạm Thị Bích Liên	04/10/1981	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4916	***HC*** 342	Nguyễn Thị Ngân	26/05/1988	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4917	***HC*** 343	Lê Thị Hường	29/10/1979	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4918	***HC*** 344	Nguyễn Thị Lan Hương	27/08/1989	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4919	***HC*** 345	Nguyễn Thị Mậu	19/9/1988	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4920	***HC*** 346	Lê Thị Kỳ	23/11/1985	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4921	***HC*** 347	Nguyễn Thị Nguyên	12/12/1979	Vân Canh	Hoài Đức	100	
4922	***HC*** 348	Trịnh Thị Huyền	03/11/1983	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4923	***HC*** 349	Nguyễn Thị Nga	16/08/1981	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4924	***HC*** 350	Nguyễn Thị Thủy	08/09/1984	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4925	***HC*** 351	Đỗ Thị Thu	10/06/1991	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4926	***HC*** 352	Nguyễn Thị Thu	23/11/1982	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4927	***HC*** 353	Lê Thị Hoan	08/02/1991	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4928	***HC*** 354	Nguyễn Thị Thu Hương	18/04/1988	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4929	***HC*** 355	Nguyễn Thị Hiền	03/07/1986	Vân Côn A	Hoài Đức	100	
4930	***HC*** 356	Bùi Thị Sinh	10/06/1982	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4931	***HC*** 357	Trần Thị Dung	01/01/1982	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4932	***HC*** 358	Nguyễn Thị Tú Anh	21/09/1986	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4933	***HC*** 359	Đỗ Thị Vân	20/05/1982	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4934	***HC*** 360	Vương Thị Hằng	02/09/1982	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4935	***HC*** 361	Chu Thị Nga	27/08/1983	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4936	***HC*** 362	Dương Thị Hiền	24/06/1984	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4937	***HC*** 363	Trương Thị Hương	15/06/1989	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4938	***HC*** 364	Vũ Thị Năm	19/12/1990	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4939	***HC*** 365	Chu Thị Thêm	02/07/1983	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4940	***HC*** 366	Hoàng Thị Hồng	13/05/1990	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4941	***HC*** 367	Đỗ Thị Tính	23/02/1982	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4942	***HC*** 368	Quản Thị Thanh	26/08/1982	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4943	***HC*** 369	Nguyễn Thị Thao	26/08/1987	Vân Côn B	Hoài Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4944	***HC*** 370	Tống Thị Thuý	22/10/1990	Vân Côn B	Hoài Đức	100	
4945	***HC*** 371	Nguyễn Thị Chuyên	27/10/1978	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4946	***HC*** 372	Lê Thị Thúy Chung	29/01/1982	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4947	***HC*** 373	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	08/9/1981	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4948	***HC*** 374	Nguyễn Thị Hà	23/01/1991	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4949	***HC*** 375	Phùng Thị Bích	27/08/1990	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4950	***HC*** 376	Nguyễn Thị Linh	10/01/1991	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4951	***HC*** 377	Phùng Thị Vân	11/01/1981	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4952	***HC*** 378	Đỗ Thị Lan	13/12/1988	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4953	***HC*** 379	Trần Thị Hằng	01/08/1986	Vân Côn C	Hoài Đức	100	
4954	***HC*** 380	Trần Thị Hằng	12/01/1972	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4955	***HC*** 381	Nguyễn Thị Thu Hà	02/02/1984	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4956	***HC*** 382	Nguyễn Thị Hà	25/01/1973	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4957	***HC*** 383	Nguyễn Thị Dung	11/10/1976	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4958	***HC*** 384	Nguyễn Hồng Hạnh	08/04/1978	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4959	***HC*** 385	Nguyễn Thị Hường	18/03/1975	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4960	***HC*** 386	Mai Xuân Quyên	26/11/1987	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4961	***HC*** 387	Nguyễn Thị Thùy	29/09/1986	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4962	***HC*** 388	Nguyễn Thị Thu Hường	07/11/1981	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4963	***HC*** 389	Nguyễn Thị Hương	26/07/1973	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4964	***HC*** 390	Nguyễn Ngọc Oanh	17/10/1974	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4965	***HC*** 391	Nguyễn Thị Lan Anh	17/01/1987	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4966	***HC*** 392	Nguyễn Mai Loan	23/08/1991	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4967	***HC*** 393	Nguyễn Thị Kim Thoa	30/06/1987	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4968	***HC*** 394	Nguyễn Thị Hằng	13/12/1991	Yên Sở	Hoài Đức	100	
4969	**HK**001	Nguyễn Thị Kim Thu	11/11/1974	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4970	**HK**002	Trần Thị Thanh Huyền	24/5/1982	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4971	**HK**003	Lê Phương Liên	29/9/1979	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4972	**HK**004	Vũ Anh Thư	10/02/1992	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4973	**HK**005	Vũ Thu Hương	21/7/1992	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4974	**HK**006	Nguyễn Thị Thanh Hương	14/5/1972	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4975	**HK**007	Vương Thùy Linh	09/4/1983	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4976	**HK**008	Lưu Thu Huyền	07/01/1969	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4977	**HK**009	Hoàng Thị Lan Hương	14/3/1993	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4978	**HK**010	Đào Thị Mai	16/9/1985	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4979	**HK**011	Nguyễn Thị Thu Hà	25/6/1968	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4980	**HK**012	Nguyễn Thị Phương Liên	01/12/1991	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4981	**HK**013	Nguyễn Bích Ngọc	28/8/1992	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
4982	**HK**014	Nguyễn Thị Bích	26/06/1990	Đinh Tiên Hoàng	Hoàn Kiếm	100	
4983	**HK**015	Nguyễn Thu Hà	30/07/1973	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4984	**HK**016	Lê Minh Thu	20/12/1974	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4985	**HK**017	Đặng Thị Thuý	15/05/1977	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4986	**HK**018	Nguyễn Phương Thuý	06/03/1982	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4987	**HK**019	Nguyễn Phương Thảo	31/05/1982	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4988	**HK**020	Trần Kim Ngọc	19/04/1974	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4989	**HK**021	Hoàng Phương Lê	25/11/1970	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4990	**HK**022	Đặng Hương Giang	12/07/1986	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4991	**HK**023	Dương Khánh Ly	06/09/1988	Tháng Tám	Hoàn Kiếm	100	
4992	**HK**024	Quách Hồng Lân	07/3/1985	MG A	Hoàn Kiếm	100	
4993	**HK**025	Nguyễn Thanh Nga	18/9/1968	MG A	Hoàn Kiếm	100	
4994	**HK**026	Nguyễn Thị Thanh Trà	06/9/1973	MG A	Hoàn Kiếm	100	
4995	**HK**027	Nguyễn Thị Lâm Thương	27/12/1971	MG A	Hoàn Kiếm	100	
4996	**HK**028	Lê Thị Quỳnh Anh	27/9/1997	MG A	Hoàn Kiếm	100	
4997	**HK**029	Nguyễn Thị Phương Dung	03/3/1968	MG A	Hoàn Kiếm	100	
4998	**HK**030	Trần Kim Huệ	14/2/1968	MG A	Hoàn Kiếm	100	
4999	**HK**031	Ngô Uyên Ngọc	24/12/1972	MG A	Hoàn Kiếm	100	
5000	**HK**032	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/12/1974	Hoa Hồng	Hoàn Kiếm	100	
5001	**HK**033	Ngô Thị Hạnh	30/5/1975	Hoa Hồng	Hoàn Kiếm	100	
5002	**HK**034	Tạ Ngọc Yến	21/9/1975	Hoa Hồng	Hoàn Kiếm	100	
5003	**HK**035	Nguyễn Thị Lan Hương	10/10/1981	Hoa Hồng	Hoàn Kiếm	100	
5004	**HK**036	Đặng Bích Ngọc	25/11/1979	Hoa Hồng	Hoàn Kiếm	100	
5005	**HK**037	Đặng Thị Thế Mậu	04/11/1978	Hoa Hồng	Hoàn Kiếm	100	
5006	**HK**038	Hoàng Thị Hương Giang	05/01/1981	Hoa Hồng	Hoàn Kiếm	100	
5007	**HK**039	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/3/1975	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5008	**HK**040	Vũ Thanh Phương	20/7/1981	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5009	**HK**041	Nguyễn Diệu Thúy	13/10/1973	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5010	**HK**042	Dương Diệu Linh	29/4/1983	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5011	**HK**043	Phạm Thị Thơm	23/02/1975	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5012	**HK**044	Nguyễn Thị Hồng Trang	18/10/1983	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5013	**HK**045	Nguyễn Thị Thoa	25/4/1984	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5014	**HK**046	Vương Thị Ánh Tuyết	15/7/1981	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5015	**HK**047	Vũ Thị Thanh Loan	23/10/1979	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5016	**HK**048	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	29/5/1972	Bà Triệu	Hoàn Kiếm	100	
5017	**HK**049	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/7/1974	BìnhMinh	Hoàn Kiếm	100	
5018	**HK**050	Vũ Thanh Huyền	24/01/1983	BìnhMinh	Hoàn Kiếm	100	
5019	**HK**051	Trương Thị Khuyên	01/7/1985	BìnhMinh	Hoàn Kiếm	100	
5020	**HK**052	Trần Thúy Hồng	14/9/1974	BìnhMinh	Hoàn Kiếm	100	
5021	**HK**053	Trần Thị Minh Phương	04/12/1987	BìnhMinh	Hoàn Kiếm	100	
5022	**HK**054	Lê Thị Thúy Hà	30/7/1975	BìnhMinh	Hoàn Kiếm	100	
5023	**HK**055	Nguyễn Thị Ngà	09/11/1974	Hoa Sen	Hoàn Kiếm	100	
5024	**HK**056	Nguyễn Thị Hoàng Lan	19/7/1983	Hoa Sen	Hoàn Kiếm	100	
5025	**HK**057	Đỗ Thúy Nga	23/9/1971	Hoa Sen	Hoàn Kiếm	100	
5026	**HK**058	Nguyễn Thị Thanh Hảo	21/4/1984	Hoa Sen	Hoàn Kiếm	100	
5027	**HK**059	Bùi Thị Phương Thúy	18/10/1988	Hoa Sen	Hoàn Kiếm	100	
5028	**HK**060	Đào Thị Hải Anh	27/6/1972	Hoa Sen	Hoàn Kiếm	100	
5029	**HK**061	Phạm Thuý Lan Phương	23/9/1976	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5030	**HK**062	Nguyễn Thị Minh Châu	07/02/1978	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5031	**HK**063	Vũ Thị Lan Phương	18/4/1980	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5032	**HK**064	Nguyễn Thị Hoài Nam	12/10/1990	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5033	**HK**065	Giang Thị Hoài Hương	15/10/1973	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5034	**HK**066	Đào Thị Huyền	11/11/1988	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5035	**HK**067	Nguyễn Thị Lan Anh	20/6/1990	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5036	**HK**068	Nguyễn Thị Phượng	30/10/1989	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5037	**HK**069	Nguyễn Mỹ Hằng	30/6/1973	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5038	**HK**070	Nguyễn Thu Hà	19/01/1972	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5039	**HK**071	Vũ Thị Bích Phương	29/12/1978	Chim Non	Hoàn Kiếm	100	
5040	**HK**072	Vũ Thị Kim Thanh	21/11/1971	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5041	**HK**073	Hà Kim Chi	30/8/1969	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5042	**HK**074	Trần Thị Ngọc Anh	21/3/1970	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5043	**HK**075	Tống Kim Chung	25/8/1983	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5044	**HK**076	Vũ Kim Thu	21/10/1981	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5045	**HK**077	Nguyễn Thu Thủy	29/10/1981	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5046	**HK**078	Nguyễn Thị Sen	20/11/1985	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5047	**HK**079	Hà Thanh Thảo	17/5/1988	MN 20-10	Hoàn Kiếm	100	
5048	**HK**080	Nguyễn Thị Phương Lan	15/11/1978	MN 01-6	Hoàn Kiếm	100	
5049	**HK**081	Nguyễn Linh Hương	15/5/1971	MN 01-6	Hoàn Kiếm	100	
5050	**HK**082	Tô Thị Thu Hà	24/4/1990	MN 01-6	Hoàn Kiếm	100	
5051	**HK**083	Tống Thị Duyên	02/4/1990	MN 01-6	Hoàn Kiếm	100	
5052	**HK**084	Vũ Thị Thu Hồng	27/8/1988	MN 01-6	Hoàn Kiếm	100	
5053	**HK**085	Đỗ Thị Minh Tân	14/12/1975	MN 01-6	Hoàn Kiếm	100	
5054	**HK**086	Trần Ngọc Anh	24/05/1992	MN 01-6	Hoàn Kiếm	100	
5055	**HK**087	Lưu Thị Phương Nam	22/11/1977	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5056	**HK**088	Nguyễn Minh Hường	29/12/1979	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5057	**HK**089	Nguyễn Thị Nguyên	01/01/1983	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5058	**HK**090	Phạm Hồng Ngân	01/01/1990	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5059	**HK**091	Đàm Thị Kiều Nương	16/8/1988	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5060	**HK**092	Hà Thị Bích Phượng	19/9/1978	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5061	**HK**093	Nguyễn Thu Hương	14/8/1980	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5062	**HK**094	Đỗ Huyền Trang	21/12/1989	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5063	**HK**095	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/8/1978	Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	100	
5064	**HK**096	Lê Hương Chi	16/11/1971	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5065	**HK**097	Tạ Thị Kiều Hương	31/7/1975	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5066	**HK**098	Nguyễn Thanh Thủy	05/10/1988	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5067	**HK**099	Nguyễn Bích Vân	17/6/1985	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5068	**HK**100	Nguyễn Thị Thoa	28/4/1985	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5069	**HK**101	Phạm Kim Phượng	14/5/1987	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5070	**HK**102	Trương Thị Minh	17/11/1981	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5071	**HK**103	Vũ Thị Thương	18/4/1979	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5072	**HK**104	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/5/1995	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5073	**HK**105	Đỗ Thị Thúy Quỳnh	22/9/1978	Tuổi Hoa	Hoàn Kiếm	100	
5074	**HK**106	Khúc Thị Mai	26/02/1969	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5075	**HK**107	Nguyễn Vũ Thùy Linh	21/04/1978	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5076	**HK**108	Trần Thị Ngọc Mai	11/10/1969	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5077	**HK**109	Lê Trà My	30/11/1991	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5078	**HK**110	Đỗ Thu Trang	23/10/1993	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5079	**HK**111	Tô Thị Thanh Huyền	24/9/1969	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5080	**HK**112	Phạm Thu Hồng	05/3/1976	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5081	**HK**113	Nguyễn Thị Minh Khánh	05/9/1976	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5082	**HK**114	Nguyễn Hồng Hạnh	29/9/1970	Họa Mi	Hoàn Kiếm	100	
5083	**HK**115	Nguyễn Thùy Linh	01/9/ 1981	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5084	**HK**116	Nguyễn Thị Thanh Thủy	03/12/1968	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5085	**HK**117	Hoàng Thanh Hương	21/12/1980	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5086	**HK**118	Nguyễn Thị Thanh Tú	31/01/1981	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5087	**HK**119	Bùi Khánh Linh	18/3/1995	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5088	**HK**120	Nguyễn Thị Thịnh	30/01/1979	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5089	**HK**121	Đỗ Mỹ Linh	08/6/1995	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5090	**HK**122	Đào Thị Hà	29/5/1989	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5091	**HK**123	Nguyễn Thị Phúc	25/8/1990	Nắng Mai	Hoàn Kiếm	100	
5092	**HK**124	Phạm Quỳnh Hoa	20/5/1973	Sao Sáng	Hoàn Kiếm	100	
5093	**HK**125	Đỗ Thị Phương Lê	27/7/1975	Sao Sáng	Hoàn Kiếm	100	
5094	**HK**126	Ngô Kim Phượng	12/7/1992	Sao Sáng	Hoàn Kiếm	100	
5095	**HK**127	Dương Thị Mai Phương	20/8/1981	Sao Sáng	Hoàn Kiếm	100	
5096	**HK**128	Đặng Thị Kim Thu	11/02/1977	Sao Sáng	Hoàn Kiếm	100	
5097	**HK**129	Trần Thị Hoàng Yến	30/8/1973	MG Măng Non	Hoàn Kiếm	100	
5098	**HK**130	Vũ Thu Hằng	11/10/1975	MG Măng Non	Hoàn Kiếm	100	
5099	**HK**131	Nguyễn Thị Dịu	16/8/1993	MG Măng Non	Hoàn Kiếm	100	
5100	**HK**132	Nguyễn Thương Huyền	19/6/1971	MG Măng Non	Hoàn Kiếm	100	
5101	**HK**133	Dương Thị Việt Hoa	12/4/1968	MG Măng Non	Hoàn Kiếm	100	
5102	**HK**134	Phạm Thu Thủy	08/9/1975	MG Tuổi Thơ	Hoàn Kiếm	100	
5103	**HK**135	Nguyễn Thu Hà	06/10/1983	MG Tuổi Thơ	Hoàn Kiếm	100	
5104	**HK**136	Nguyễn Thanh Thủy	27/12/1987	MG Tuổi Thơ	Hoàn Kiếm	100	
5105	**HK**137	Đỗ Thị Bích Phương	08/01/1976	MG Tuổi Thơ	Hoàn Kiếm	100	
5106	**HK**138	Nguyễn Diệu Hằng	12/07/1975	MG Tuổi Thơ	Hoàn Kiếm	100	
5107	**HK**139	Nguyễn Thanh Hồng	27/08/1968	MG Tuổi Thơ	Hoàn Kiếm	100	
5108	**HK**140	Trần Thị Trang	13/07/1990	MG Tuổi Thơ	Hoàn Kiếm	100	
5109	**HK**141	Nguyễn Phương Linh	26/01/1976	Quang Trung	Hoàn Kiếm	100	
5110	**HK**142	Nguyễn Thị Kim Yến	30/9/1972	Quang Trung	Hoàn Kiếm	100	
5111	**HK**143	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	14/4/1970	Quang Trung	Hoàn Kiếm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5112	**HK**144	Phạm Thị Tuyết Hoa	11/5/1982	Quang Trung	Hoàn Kiếm	100	
5113	**HK**145	Nguyễn Thị Bình Minh	21/4/1977	Quang Trung	Hoàn Kiếm	100	
5114	**HM**001	Trần Thị Ngân	2/25/1968	Bình Minh	Hoàng Mai	100	
5115	**HM**002	Nguyễn Thị Lan Phương	08/07/1981	Bình Minh	Hoàng Mai	100	
5116	**HM**003	Phạm Hoàng Anh	29/6/1981	Bình Minh	Hoàng Mai	80	Không có minh chứng về đào tạo bồi dưỡng
5117	**HM**004	Nguyễn Thị Bích	5/17/1989	Bình Minh	Hoàng Mai	100	
5118	**HM**005	Trịnh Thị Thu Hương	10/19/1974	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5119	**HM**006	Phùng Thị Lan	3/13/1972	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5120	**HM**007	Trần Thị Minh Nguyệt	12/20/1973	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5121	**HM**008	Nguyễn Thị Thùy	5/5/1983	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5122	**HM**009	Nguyễn Thu Vân	8/20/1994	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5123	**HM**010	Lưu Thị Hương Giang	5/14/1986	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5124	**HM**011	Phùng Thị Hồng Loan	9/5/1981	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5125	**HM**012	Phạm Thanh Huyền	2/5/1988	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5126	**HM**013	Nguyễn Thị Thu Hiền	2/13/1988	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	100	
5127	**HM**014	Vũ Thị Thu Hương	18/9/1977	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Mai	100	
5128	**HM**015	Nguyễn Thị Hạnh	4/10/1980	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Mai	100	
5129	**HM**016	Nguyễn Thị Hương	4/6/1985	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Mai	100	
5130	**HM**017	Nguyễn Huyền Trang	7/12/1986	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Mai	100	
5131	**HM**018	Đinh Thị Ngọc Lan	21/02/1969	Định Công	Hoàng Mai	100	
5132	**HM**019	Nguyễn Thị Thu Hạnh	19/08/1969	Định Công	Hoàng Mai	100	
5133	**HM**020	Lê Thị Kiều Dung	06/07/1981	Định Công	Hoàng Mai	100	
5134	**HM**021	Nguyễn Thị Thu Hương	21/8/1979	Định Công	Hoàng Mai	100	
5135	**HM**022	Hoàng Thùy Giang	11/01/1984	Định Công	Hoàng Mai	100	
5136	**HM**023	Nguyễn Ngọc Bích	21/09/1982	Định Công	Hoàng Mai	100	
5137	**HM**024	Nguyễn Thị Hiền Hòa	04/01/1980	Định Công	Hoàng Mai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5138	**HM**025	Phạm Thị Thanh Thủy	26/02/1981	Định Công	Hoàng Mai	100	
5139	**HM**026	Đặng Diệp Hương Trang	08/07/1977	Định Công	Hoàng Mai	100	
5140	**HM**027	Phạm Thị Thu Giang	26/12/1975	Định Công	Hoàng Mai	100	
5141	**HM**028	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/11/1979	Định Công	Hoàng Mai	100	
5142	**HM**029	Nguyễn Thị Hà	03/01/1984	Định Công	Hoàng Mai	100	
5143	**HM**030	Bùi Thị Lan Phương	9/27/1977	Hoa Hồng	Hoàng Mai	100	
5144	**HM**031	Đặng Thị Hải	10/9/1976	Hoa Hồng	Hoàng Mai	100	
5145	**HM**032	Bùi Thị Hạnh	6/12/1978	Hoa Hồng	Hoàng Mai	100	
5146	**HM**033	Nguyễn Thị Cẩm Linh	23/04/1979	Giáp Bát	Hoàng Mai	100	
5147	**HM**034	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/09/1979	Giáp Bát	Hoàng Mai	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
5148	**HM**035	Phạm Thị Thùy Lương	30/06/1981	Giáp Bát	Hoàng Mai	100	
5149	**HM**036	Nguyễn Minh Phương	16/08/1986	Giáp Bát	Hoàng Mai	100	
5150	**HM**037	Trần Minh Hằng	10/20/1980	Linh Đàm	Hoàng Mai	100	
5151	**HM**038	Nguyễn Thị Kim Huyền	11/28/1974	Linh Đàm	Hoàng Mai	100	
5152	**HM**039	Hà Thị Mỹ Bình	7/17/1977	Linh Đàm	Hoàng Mai	100	
5153	**HM**040	Lương Thị Xuân	8/12/1972	Hoa Sữa	Hoàng Mai	100	
5154	**HM**041	Bùi Thị Minh Hoàn	09/01/1974	Hoa Sữa	Hoàng Mai	100	
5155	**HM**042	Nguyễn Thị Hằng	25/06/1977	Hoa Sữa	Hoàng Mai	100	
5156	**HM**043	Nghiêm Thu Hương	02/08/1980	Hoa Sữa	Hoàng Mai	100	
5157	**HM**044	Bùi Thuý Hằng	10/05/1983	Hoa Sữa	Hoàng Mai	100	
5158	**HM**045	Nguyễn Thị Lan Anh	02/11/1980	Hoa Sữa	Hoàng Mai	100	
5159	**HM**046	Hoàng Thị Hà	17/11/1977	Tuổi Thơ	Hoàng Mai	100	
5160	**HM**047	Nguyễn Thu Trang	5/5/1983	Tuổi Thơ	Hoàng Mai	100	
5161	**HM**048	Lê Thị Thanh Châm	30/10/1977	Thịnh Liệt	Hoàng Mai	100	
5162	**HM**049	Trần Thanh Xuân	9/3/1985	Thịnh Liệt	Hoàng Mai	100	
5163	**HM**050	Lê Thị Hiền	2/15/1983	Thịnh Liệt	Hoàng Mai	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5164	**HM**051	Nguyễn Quỳnh Anh	6/18/1989	Thịnh Liệt	Hoàng Mai	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5165	**HM**052	Lê Thị Thu Hằng	10/22/1975	Thịnh Liệt	Hoàng Mai	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5166	**HM**053	Trần Thị Chiên	7/12/1985	Thịnh Liệt	Hoàng Mai	100	
5167	**HM**054	Tống Thị Hằng	4/7/1970	Vĩnh Hưng	Hoàng Mai	100	
5168	**HM**055	Phan Thị Liên Phương	12/27/1974	Vĩnh Hưng	Hoàng Mai	100	
5169	**HM**056	Nguyễn Thị Hậu	11/2/1984	Vĩnh Hưng	Hoàng Mai	100	
5170	**HM**057	Nguyễn Thị Tố Uyên	8/27/1991	Vĩnh Hưng	Hoàng Mai	100	
5171	**HM**058	Nguyễn Thị Minh Phượng	2/15/1980	Vĩnh Hưng	Hoàng Mai	100	
5172	**HM**059	Nguyễn Thị Thu Thủy	9/23/1990	Vĩnh Hưng	Hoàng Mai	100	
5173	**HM**060	Nguyễn Thị Thanh Hồng	15/3/1973	Sơn Ca	Hoàng Mai	100	
5174	**HM**061	Phan Minh Thúy	17/07/1982	Sơn Ca	Hoàng Mai	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
5175	**HM**062	Nguyễn Thu Hà	6/6/1979	Sơn Ca	Hoàng Mai	100	
5176	**HM**063	Nguyễn Thu Vân	12/1/1984	Sơn Ca	Hoàng Mai	100	
5177	**HM**064	Nguyễn Thị Kiều Diễm	7/7/1982	Sơn Ca	Hoàng Mai	100	
5178	**HM**065	Phan Thị Tú Mai	11/7/1978	Hoa Mai	Hoàng Mai	100	
5179	**HM**066	Nguyễn Thuỳ Phương	12/12/1975	Hoa Mai	Hoàng Mai	100	
5180	**HM**067	Đỗ Thị Hân	6/8/1982	Hoa Mai	Hoàng Mai	100	
5181	**HM**068	Bùi Lê Thu Thuỷ	3/17/1981	Hoa Mai	Hoàng Mai	100	
5182	**HM**069	Nguyễn Thị Phương Trang	6/23/1983	Hoa Mai	Hoàng Mai	100	
5183	**HM**070	Nguyễn Thị Hồng Sâm	5/9/1974	Hoa Mai	Hoàng Mai	100	
5184	**HM**071	Nguyễn Thị Trang	4/18/1977	Tân Mai	Hoàng Mai	100	
5185	**HM**072	Nguyễn Thị Trang	8/15/1986	Tân Mai	Hoàng Mai	100	
5186	**HM**073	Ngô Thúy Trinh	4/4/1972	Tân Mai	Hoàng Mai	100	
5187	**HM**074	Nguyễn Thị Thu Hương	8/20/1989	Tân Mai	Hoàng Mai	100	
5188	**HM**075	Chử Thị Thu Uyên	11/10/1995	Tân Mai	Hoàng Mai	100	
5189	**HM**076	Nguyễn Kim Thúy	16/6/1968	Trần Phú	Hoàng Mai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5190	**HM**077	Tô Thị Hà	02/5/1977	Trần Phú	Hoàng Mai	100	
5191	**HM**078	Giang Thị Thanh Nhàn	11/12/1980	Thanh Trì	Hoàng Mai	100	
5192	**HM**079	Phạm Thị Hồng	8/2/1975	Thanh Trì	Hoàng Mai	100	
5193	**HM**080	Nguyễn Thị Ngọc Dư	16/6/1986	Thanh Trì	Hoàng Mai	100	
5194	**HM**081	Trình Thị Hồng Nhung	30/5/1981	Thanh Trì	Hoàng Mai	100	
5195	**HM**082	Võ Phương Anh	17/01/1993	Thanh Trì	Hoàng Mai	100	
5196	**HM**083	Nguyễn Thị Minh Phương	25/10/1978	Mai Động	Hoàng Mai	100	
5197	**HM**084	Ngô Thị Thu Hằng	5/29/1978	Mai Động	Hoàng Mai	100	
5198	**HM**085	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/2/1980	Mai Động	Hoàng Mai	100	
5199	**HM**086	Đinh Thị Bích Thảo	2/26/1983	Mai Động	Hoàng Mai	100	
5200	**HM**087	Lê Thúy Nga	10/23/1986	Mai Động	Hoàng Mai	100	
5201	**HM**088	Hoàng Thu Hằng	4/11/1985	Mai Động	Hoàng Mai	100	
5202	**HM**089	Phạm Thị Minh Chi	21/03/1979	Mai Động	Hoàng Mai	100	
5203	**HM**090	Trương Thị Ngọc Bích	24/3/1975	Trường 10-10	Hoàng Mai	100	
5204	**HM**091	Đoàn Kim Loan	29/01/1976	Trường 10-10	Hoàng Mai	100	
5205	**HM**092	Lý Thị Ngân	28/4/1973	Trường 10-10	Hoàng Mai	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5206	**HM**093	Vũ Thị Hoài Thanh	4/2/1973	Trường 10-10	Hoàng Mai	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5207	**HM**094	Trịnh Thị Kim Anh	4/1/1984	Trường 10-10	Hoàng Mai	100	
5208	**HM**095	Nguyễn Thúy Hạnh	30/12/1974	Yên Sở	Hoàng Mai	100	
5209	**HM**096	Đỗ Thị Toan	15/5/1976	Yên Sở	Hoàng Mai	100	
5210	**HM**097	Nguyễn Thị Huyền Diệu	8/11/1977	Yên Sở	Hoàng Mai	100	
5211	**HM**098	Nguyễn Thị Mai Lan	28/04/1984	Yên Sở	Hoàng Mai	100	
5212	**HM**099	Nguyễn Thị Thanh Hương	29/07/1981	Yên Sở	Hoàng Mai	100	
5213	**HM**100	Nguyễn Thu Hà	23/01/1987	Yên Sở	Hoàng Mai	100	
5214	**HM**101	Cao Thị Bich Trâm	13/8/1975	Yên Sở	Hoàng Mai	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
5215	**HM**102	Nguyễn Hà Hoa	2/3/1989	Yên Sở	Hoàng Mai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5216	**HM**103	Phạm Thị Lê Hoàn	4/6/1981	Lĩnh Nam	Hoàng Mai	100	
5217	**HM**104	Nguyễn Thị Thanh	28/6/1977	Lĩnh Nam	Hoàng Mai	100	
5218	**HM**105	Hoàng Thị Thanh Bình	27/7/1968	Lĩnh Nam	Hoàng Mai	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
5219	**HM**106	Trương Ngọc Điệp	23/11/1988	Lĩnh Nam	Hoàng Mai	100	
5220	**HM**107	Lương Kim Hằng	02/01/1987	Lĩnh Nam	Hoàng Mai	100	
5221	**HM**108	Chu Như Thủy	10/8/1980	Đại Kim	Hoàng Mai	100	
5222	**HM**109	Trịnh Hoàng Hương	17/8/1982	Đại Kim	Hoàng Mai	100	
5223	**HM**110	Hoàng Hoa Mai	31/5/1984	Đại Kim	Hoàng Mai	100	
5224	**HM**111	Lưu Thị Quỳnh	12/8/1982	Đại Kim	Hoàng Mai	100	
5225	**HM**112	Đinh Thị Phượng	29/8/1986	Đại Kim	Hoàng Mai	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
5226	**HM**113	Cao Thu Hằng	3/4/1977	Tương Mai	Hoàng Mai	100	
5227	**HM**114	Bùi Hồng Hạnh	3/23/1977	Tương Mai	Hoàng Mai	100	
5228	**HM**115	Lê Thị Tố Uyên	5/21/1973	Tương Mai	Hoàng Mai	100	
5229	**HM**116	Phạm Hương Giang	9/3/1987	Tương Mai	Hoàng Mai	100	
5230	**HM**117	Nguyễn Thanh Thảo	12/14/1988	Tương Mai	Hoàng Mai	100	
5231	**HM**118	Nguyễn Hồng Trang	7/28/1987	Tương Mai	Hoàng Mai	100	
5232	**HM**119	Vũ Trà Mi	11/9/1990	Tương Mai	Hoàng Mai	100	
5233	***LB*** 001	Lương Thị Thúy Hằng	5/21/1981	Hoa H.Dương	Long Biên	100	
5234	***LB*** 002	Tạ Thị Hà	5/15/1984	Hoa H.Dương	Long Biên	100	
5235	***LB*** 003	Nguyễn Khánh Hòa	4/11/1991	Hoa H.Dương	Long Biên	100	
5236	***LB*** 004	Đặng Thị Thu Thủy	06/12/1990	Hoa H.Dương	Long Biên	100	
5237	***LB*** 005	Trương Thị Thanh Tâm	30/07/1981	Hoa H.Dương	Long Biên	100	
5238	***LB*** 006	Nguyễn Thị Hậu	21/6/1981	Hoa H.Dương	Long Biên	100	
5239	***LB*** 007	Nguyễn Thị Mai Hương	26/10/1980	Hoa H.Dương	Long Biên	100	
5240	***LB*** 008	Nguyễn Thị Vinh	13/03/1977	Đức Giang	Long Biên	100	
5241	***LB*** 009	Hà Thị Thùy	15/03/1980	Đức Giang	Long Biên	100	
5242	***LB*** 010	Lê Thị Hà Châu	14/09/1977	Đức Giang	Long Biên	100	
5243	***LB*** 011	Lương Thị Thu Hiền	10/02/1977	Đức Giang	Long Biên	100	
5244	***LB*** 012	Lê Thúy Quỳnh	31/10/1991	Đức Giang	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5245	***LB*** 013	Đỗ Thị Tâm	14/11/1977	Đức Giang	Long Biên	100	
5246	***LB*** 014	Bành Thị Tâm	16/01/1982	Đức Giang	Long Biên	100	
5247	***LB*** 015	Nguyễn Kiều Anh	20/3/1984	Đức Giang	Long Biên	100	
5248	***LB*** 016	Lê Thị Hồng Hạnh	12/08/1982	Đức Giang	Long Biên	100	
5249	***LB*** 017	Mai Thị Thu	25/06/1982	Đức Giang	Long Biên	100	
5250	***LB*** 018	Nguyễn Thị Thu Huyền	29/01/1976	Đức Giang	Long Biên	100	
5251	***LB*** 019	Đào Thị Hằng	06/11/1974	Đức Giang	Long Biên	100	
5252	***LB*** 020	Nguyễn Huyền Nga	28/08/1993	Đức Giang	Long Biên	100	
5253	***LB*** 021	Đinh Thị Thu Trang	03/10/1983	Đức Giang	Long Biên	100	
5254	***LB*** 022	Lê Thị Toan	06/07/1985	Đức Giang	Long Biên	100	
5255	***LB*** 023	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28/5/1994	Đức Giang	Long Biên	100	
5256	***LB*** 024	Phạm Thị Châm	16/6/1984	Đức Giang	Long Biên	100	
5257	***LB*** 025	Trần Thị Hoàn	02/02/1972	Đức Giang	Long Biên	100	
5258	***LB*** 026	Bùi Thị Thúy Hòa	18/01/1976	Đức Giang	Long Biên	100	
5259	***LB*** 027	Đặng Thị Thu Hà	4/3/1971	Bắc Biên	Long Biên	100	
5260	***LB*** 028	Phạm Thị Duyên	3/11/1991	Bắc Biên	Long Biên	100	
5261	***LB*** 029	Lương Vân Anh	7/7/1983	Bắc Biên	Long Biên	100	
5262	***LB*** 030	Nguyễn Thu Hà	11/9/1987	Bắc Biên	Long Biên	100	
5263	***LB*** 031	Nguyễn Thị Thu Hà	10/8/1994	Bắc Biên	Long Biên	100	
5264	***LB*** 032	Nguyễn Thị Hồng	10/21/1982	Bắc Biên	Long Biên	100	
5265	***LB*** 033	Nguyễn Thị Huệ	8/1/1984	Bắc Biên	Long Biên	100	
5266	***LB*** 034	Thạch Thị Lan	7/19/1983	Bắc Biên	Long Biên	100	
5267	***LB*** 035	Nguyễn Thị Mão	2/5/1988	Bắc Biên	Long Biên	100	
5268	***LB*** 036	Nguyễn Thị Năm	5/30/1985	Bắc Biên	Long Biên	100	
5269	***LB*** 037	Nguyễn Thị Ngọc	9/9/1988	Bắc Biên	Long Biên	100	
5270	***LB*** 038	Trần Thị Thu Phương	12/5/1988	Bắc Biên	Long Biên	100	
5271	***LB*** 039	Phạm Thị Phương	10/20/1990	Bắc Biên	Long Biên	100	
5272	***LB*** 040	Đặng Thúy Quỳnh	10/20/1996	Bắc Biên	Long Biên	100	
5273	***LB*** 041	Tạ Thị Thanh	12/1/1989	Bắc Biên	Long Biên	100	
5274	***LB*** 042	Đinh Thị Thủy	8/6/1983	Bắc Biên	Long Biên	100	
5275	***LB*** 043	Nguyễn Thị Thu Trang	7/8/1995	Bắc Biên	Long Biên	100	
5276	***LB*** 044	Vũ Hương Trà	9/20/1982	Gia Thượng	Long Biên	100	
5277	***LB*** 045	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/5/1982	Gia Thượng	Long Biên	100	
5278	***LB*** 046	Nguyễn Thị Ngọc Luyến	8/9/1987	Gia Thượng	Long Biên	100	
5279	***LB*** 047	Trần Anh Đào	12/22/1979	Gia Thượng	Long Biên	100	
5280	***LB*** 048	Nguyễn Thị Thúy Vân	5/17/1984	Gia Thượng	Long Biên	100	
5281	***LB*** 049	Nguyễn Thị Hồng Hoa	3/5/1983	Gia Thượng	Long Biên	100	
5282	***LB*** 050	Đoàn Thị Huyền Trang	5/23/1988	Gia Thượng	Long Biên	100	
5283	***LB*** 051	Nguyễn Thị Kim Thanh	8/1/1991	Gia Thượng	Long Biên	100	
5284	***LB*** 052	Phạm Thị Đoan Trang	7/14/1992	Gia Thượng	Long Biên	100	
5285	***LB*** 053	Trần Thị Tuyết Nhung	11/8/1977	Hồng Tiến	Long Biên	100	
5286	***LB*** 054	Vũ Thị Quyên	8/29/1976	Hồng Tiến	Long Biên	100	
5287	***LB*** 055	Đinh Thị Thu Thủy	8/2/1987	Hồng Tiến	Long Biên	100	
5288	***LB*** 056	Hà Thị Thư	5/23/1990	Hồng Tiến	Long Biên	100	
5289	***LB*** 057	Đinh Thị Nguyệt Minh	10/31/1981	Hồng Tiến	Long Biên	100	
5290	***LB*** 058	Nguyễn Thị Lan Anh	9/16/1985	Hồng Tiến	Long Biên	100	
5291	***LB*** 059	Nguyễn Thị Lan Anh	10/14/1982	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5292	***LB*** 060	Trần Minh Phương	4/10/1987	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5293	***LB*** 061	Phạm Lệ Hà	4/16/1986	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5294	***LB*** 062	Đỗ Thị Thanh Tuyền	10/17/1989	Ngọc Thụy	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5295	***LB*** 063	Nguyễn Thị Hoa	9/2/1993	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5296	***LB*** 064	Phạm Thị Hương Lan	2/1/1975	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5297	***LB*** 065	Nguyễn Thị Thu Hương	12/4/1976	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5298	***LB*** 066	Nguyễn Thị Bích Hoa	6/15/1992	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5299	***LB*** 067	Nguyễn T Ngọc Bích	9/18/1990	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5300	***LB*** 068	Trương Thị My	9/17/1983	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5301	***LB*** 069	Hồ Minh Hương	12/19/1991	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5302	***LB*** 070	Trần Thị Thanh	9/28/1989	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5303	***LB*** 071	Bùi Thị Thúy	4/20/1982	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5304	***LB*** 072	Triệu Diệu Thúy	3/20/1990	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5305	***LB*** 073	Nguyễn Thị Lan	4/14/1987	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5306	***LB*** 074	Đàm Thị Thu Hương	11/5/1981	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5307	***LB*** 075	Trần Thị Hồng Phương	10/29/1991	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5308	***LB*** 076	Nguyễn Hồng Nhung	9/10/1991	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5309	***LB*** 077	Phạm Thị Thoa	12/8/1987	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5310	***LB*** 078	Doãn Thị Hồng Phước	2/6/1983	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5311	***LB*** 079	Bùi Thị Hằng	11/2/1986	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5312	***LB*** 080	Nguyễn Thu Hường	10/8/1988	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5313	***LB*** 081	Vũ Thị Thanh Huyền	7/21/1975	Ngọc Thụy	Long Biên	100	
5314	***LB*** 082	Đỗ Thị Huyền	12/10/1983	Ban Mai Xanh	Long Biên	100	
5315	***LB*** 083	Nguyễn Thị Hà Lương	26/10/1987	Ban Mai Xanh	Long Biên	100	
5316	***LB*** 084	Lê Thị Hiền	07/8/1982	Ban Mai Xanh	Long Biên	100	
5317	***LB*** 085	Nguyễn Hồng Thu	10/2/1979	Cự Khối	Long Biên	100	
5318	***LB*** 086	Lưu Thị Thuỷ Phương	9/8/1980	Cự Khối	Long Biên	100	
5319	***LB*** 087	Đào Phương Mai	3/1/1987	Cự Khối	Long Biên	100	
5320	***LB*** 088	Nguyễn Nữ Hải Yến	7/22/1984	Cự Khối	Long Biên	100	
5321	***LB*** 089	Đào Thị Lệ	1/23/1986	Cự Khối	Long Biên	100	
5322	***LB*** 090	Nguyễn Thị Lan	12/17/1985	Cự Khối	Long Biên	100	
5323	***LB*** 091	Trần Thị Vân Anh	7/29/1992	Cự Khối	Long Biên	100	
5324	***LB*** 092	Nguyễn Thị Hường	3/15/1985	Cự Khối	Long Biên	100	
5325	***LB*** 093	Phạm Thị Thu Hà	8/23/1973	Cự Khối	Long Biên	100	
5326	***LB*** 094	Thẩm Thị Mai Phương	1/16/1982	Cự Khối	Long Biên	100	
5327	***LB*** 095	Nguyễn Thị Thảo	5/2/1996	Cự Khối	Long Biên	100	
5328	***LB*** 096	Phạm Thị Hằng	8/12/1974	Cự Khối	Long Biên	100	
5329	***LB*** 097	Đào Thị Hà Chi	5/9/1992	Cự Khối	Long Biên	100	
5330	***LB*** 098	Hoàng Thị Thu Hương	10/24/1983	Cự Khối	Long Biên	100	
5331	***LB*** 099	Đào Thị Kim Vui	11/25/1990	Cự Khối	Long Biên	100	
5332	***LB*** 100	Nguyễn Diệu Linh	7/3/1990	Cự Khối	Long Biên	100	
5333	***LB*** 101	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	10/31/1974	Cự Khối	Long Biên	100	
5334	***LB*** 102	Nguyễn Thị Mai	11/3/1983	Cự Khối	Long Biên	100	
5335	***LB*** 103	Nguyễn Thị Ngọc Hân	3/16/1982	Hoa Sen	Long Biên	100	
5336	***LB*** 104	Đào Thị Đức	2/12/1988	Hoa Sen	Long Biên	100	
5337	***LB*** 105	Nguyễn Thị Thanh Tâm	3/3/1984	Hoa Sen	Long Biên	100	
5338	***LB*** 106	Phạm Thị Liên	12/22/1988	Hoa Sen	Long Biên	100	
5339	***LB*** 107	Nguyễn Thị Kim Dung	2/16/1983	Hoa Sen	Long Biên	100	
5340	***LB*** 108	Nguyễn Thị Liễu	29/10/1992	Hoa Sen	Long Biên	100	
5341	***LB*** 109	Đoàn Thị Thơm	1/16/1985	Hoa Sen	Long Biên	100	
5342	***LB*** 110	Phạm Thị Minh Phương	4/17/1979	Hoa Sen	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5343	***LB*** 111	Nguyễn Thị Kim Anh	11/21/1993	Hoa Sen	Long Biên	100	
5344	***LB*** 112	Vũ Thị Chiên Hà	11/07/1987	Hoa Sen	Long Biên	100	
5345	***LB*** 113	Vũ Thị Lệ Quyên	5/17/1986	Hoa Sen	Long Biên	100	
5346	***LB*** 114	Nguyễn Thị Linh	1/25/1985	Hoa Sen	Long Biên	100	
5347	***LB*** 115	Nguyễn Thị Vương Nhung	3/9/1976	Hoa Sen	Long Biên	100	
5348	***LB*** 116	Trương Thu Hòa	7/27/1976	Hoa Sen	Long Biên	100	
5349	***LB*** 117	Trần Thị Ngọc Thúy	9/4/1993	Hoa Sen	Long Biên	100	
5350	***LB*** 118	Nguyễn Thị Thu Hương	11/3/1988	Hoa Sen	Long Biên	100	
5351	***LB*** 119	Nguyễn Thị Quỳnh	11/22/1990	Hoa Sen	Long Biên	100	
5352	***LB*** 120	Nguyễn Thị Thanh Hòa	4/16/1976	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5353	***LB*** 121	Vũ Ngọc Bích	10/8/1989	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5354	***LB*** 122	Nguyễn Thị Thùy Linh	8/20/1992	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5355	***LB*** 123	Lê Thị Ngọc	10/3/1992	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5356	***LB*** 124	Chu Thị Thanh Hoa	10/22/1992	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5357	***LB*** 125	Đinh Thị Ngọc Dung	2/4/1984	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5358	***LB*** 126	Nguyễn Thị Lý	11/30/1992	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5359	***LB*** 127	Phạm Thị Khoa	10/20/1984	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5360	***LB*** 128	Đỗ Thị Hương	10/5/1987	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5361	***LB*** 129	Bùi Hồng Ngân	8/24/1985	Thượng Thanh	Long Biên	100	
5362	***LB*** 130	Hoàng Thị Phương	22/06/1982	Giang Biên	Long Biên	100	
5363	***LB*** 131	Nguyễn Thị Ngân	11/01/1980	Giang Biên	Long Biên	100	
5364	***LB*** 132	Nguyễn Thị Hằng	10/11/1981	Giang Biên	Long Biên	100	
5365	***LB*** 133	Trần Thị Trà My	25/11/1991	Giang Biên	Long Biên	100	
5366	***LB*** 134	Nguyễn Thị Oanh	20/10/1990	Giang Biên	Long Biên	100	
5367	***LB*** 135	Vũ Thị Thủy	08/11/1979	Giang Biên	Long Biên	100	
5368	***LB*** 136	Vũ Thị Huyền	14/04/1981	Giang Biên	Long Biên	100	
5369	***LB*** 137	Nguyễn Thị Hòa	08/05/1985	Giang Biên	Long Biên	100	
5370	***LB*** 138	Tạ Thị Quỳnh Anh	22/10/1986	Giang Biên	Long Biên	100	
5371	***LB*** 139	Nguyễn Thị Thường	09/09/1976	Giang Biên	Long Biên	100	
5372	***LB*** 140	Nguyễn Hải Yến	26/03/1987	Giang Biên	Long Biên	100	
5373	***LB*** 141	Lê Thị Hương Giang	11/2/1983	Nắng Mai	Long Biên	100	
5374	***LB*** 142	Vũ Thị Kiều Oanh	7/30/1980	Nắng Mai	Long Biên	100	
5375	***LB*** 143	Nguyễn Thị Thái	7/6/1981	Nắng Mai	Long Biên	100	
5376	***LB*** 144	Lê Thị Hương	10/2/1980	Nắng Mai	Long Biên	100	
5377	***LB*** 145	Lý Thị Kê	10/15/1984	Nắng Mai	Long Biên	100	
5378	***LB*** 146	Đinh Thị Hường	4/18/1985	Nắng Mai	Long Biên	100	
5379	***LB*** 147	Nguyễn Hồng Hiếu	2/5/1988	Nắng Mai	Long Biên	100	
5380	***LB*** 148	Nguyễn Thị Thanh Vân	12/14/1989	Nắng Mai	Long Biên	100	
5381	***LB*** 149	Hoàng Thị Diệu Linh	10/27/1993	Nắng Mai	Long Biên	100	
5382	***LB*** 150	Trần Thị Thu Hằng	20/11/1981	Long Biên A	Long Biên	100	
5383	***LB*** 151	Lương Thị Lan Anh	05/08/1990	Long Biên A	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5384	***LB*** 152	Lưu Thị Nga	15/01/1987	Long Biên A	Long Biên	100	
5385	***LB*** 153	Hoàng Thị Thu Hằng	06/03/1988	Long Biên A	Long Biên	100	
5386	***LB*** 154	Đỗ Thị Thúy Hằng	23/10/1987	Long Biên A	Long Biên	100	
5387	***LB*** 155	Ngô Thị Huyền	10/02/1989	Long Biên A	Long Biên	100	
5388	***LB*** 156	Nguyễn Thị Kim Liên	19/08/1986	Long Biên A	Long Biên	100	
5389	***LB*** 157	Bùi Thị Hương Liên	9/12/1989	Long Biên A	Long Biên	100	
5390	***LB*** 158	Nguyễn Thị Thu Hường	20/02/1983	Sơn Ca	Long Biên	100	
5391	***LB*** 159	Âu Thị Lệ Trang	06/10/1982	Sơn Ca	Long Biên	100	
5392	***LB*** 160	Nguyễn Thị Chúc	31/08/1979	Sơn Ca	Long Biên	100	
5393	***LB*** 161	Đoàn Hương Lan	20/10/1981	Sơn Ca	Long Biên	100	
5394	***LB*** 162	Thẩm Xuân Trà	12/03/1982	Sơn Ca	Long Biên	100	
5395	***LB*** 163	Lê Thị Mỹ Hạnh	29/01/1981	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5396	***LB*** 164	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/04/1983	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5397	***LB*** 165	Đinh Thị Luận	01/10/1982	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5398	***LB*** 166	Phạm Thị Minh Thúy	13/06/1988	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5399	***LB*** 167	Lê Thị Hương Lý	03/12/1984	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5400	***LB*** 168	Kiều Thị Dân	13/09/1977	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5401	***LB*** 169	Lê Thị Huyền Mai	10/09/1982	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5402	***LB*** 170	Nguyễn Thị Thu	16/07/1991	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5403	***LB*** 171	Lê Thị Tĩnh	27/03/1986	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5404	***LB*** 172	Nguyễn Thị Thủy	08/07/1992	Phúc Lợi	Long Biên	100	
5405	***LB*** 173	Tạ Thị Thanh Vân	25/12/1990	Đô thị Việt Hưng	Long Biên	100	
5406	***LB*** 174	Đặng Thị Lệ Chi	15/11/1980	Đô thị Việt Hưng	Long Biên	100	
5407	***LB*** 175	Nguyễn Thị Hương Trang	19/05/1992	Đô thị Việt Hưng	Long Biên	100	
5408	***LB*** 176	Vương Ánh Tuyết	28/11/1989	Đô thị Việt Hưng	Long Biên	100	
5409	***LB*** 177	Nguyễn Thị Phượng	06/07/1987	Hoa Tr.Nguyên	Long Biên	100	
5410	***LB*** 178	Nguyễn Thị Hồng Dương	12/04/1991	Hoa Tr.Nguyên	Long Biên	100	
5411	***LB*** 179	Nguyễn Thị Tuyết	26/12/1987	Hoa Tr.Nguyên	Long Biên	100	
5412	***LB*** 180	Trần Thị Thúy	05/12/1981	Hoa Tr.Nguyên	Long Biên	100	
5413	***LB*** 181	Dương Thị Thu Trang	19/9/1994	Hoa Tr.Nguyên	Long Biên	100	
5414	***LB*** 182	Đặng Thị Thanh Xuân	05/07/1980	Việt Hưng	Long Biên	100	
5415	***LB*** 183	Nguyễn Thị Lan	06/05/1986	Việt Hưng	Long Biên	100	
5416	***LB*** 184	Nguyễn Thị Hường	12/06/1981	Việt Hưng	Long Biên	100	
5417	***LB*** 185	Nguyễn Thục Anh	01/09/1980	Việt Hưng	Long Biên	100	
5418	***LB*** 186	Đinh Thị Thúy Hòa	27/03/1978	Việt Hưng	Long Biên	100	
5419	***LB*** 187	Dương Thị Điệp	16/02/1983	Việt Hưng	Long Biên	100	
5420	***LB*** 188	Nguyễn Thị Thoa	23/09/1990	Việt Hưng	Long Biên	100	
5421	***LB*** 189	Nguyễn Thị Thu Nga	09/12/1976	Việt Hưng	Long Biên	100	
5422	***LB*** 190	Nguyễn Thị Mùi	06/07/1983	Việt Hưng	Long Biên	100	
5423	***LB*** 191	Nguyễn Thị Hồng	23/11/1987	Việt Hưng	Long Biên	100	
5424	***LB*** 192	Nguyễn Thị Loan Trang	20/03/1980	Việt Hưng	Long Biên	100	
5425	***LB*** 193	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/21/1991	Hoa Sữa	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5426	***LB*** 194	Nguyễn Thị Hòa	8/2/1984	Hoa Sữa	Long Biên	100	
5427	***LB*** 195	Bùi Thị Hoa	11/30/1986	Hoa Sữa	Long Biên	100	
5428	***LB*** 196	Nguyễn Thị Thu Hương	9/23/1982	Hoa Sữa	Long Biên	100	
5429	***LB*** 197	Nguyễn Thị Huyền	3/12/1991	Hoa Sữa	Long Biên	100	
5430	***LB*** 198	Lê Thị Phương	10/2/1990	Hoa Sữa	Long Biên	100	
5431	***LB*** 199	Nguyễn Lê Hảo	10/9/1982	Hoa Sữa	Long Biên	100	
5432	***LB*** 200	Hồ Thị Tuyến	4/3/1984	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5433	***LB*** 201	Trần Thị Linh Phương	7/10/1981	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5434	***LB*** 202	Nguyễn Thu Hương	1/15/1986	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5435	***LB*** 203	Nguyễn Thị Hà	12/26/1976	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5436	***LB*** 204	Nguyễn Thị Minh Thu	9/13/1986	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5437	***LB*** 205	Nguyễn Thị Phương Ly	5/29/1989	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5438	***LB*** 206	Lê Hải Yến	3/16/1991	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5439	***LB*** 207	Lê Quỳnh Hoa	9/11/1991	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5440	***LB*** 208	Hoàng Thanh Hằng	9/7/1992	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5441	***LB*** 209	Phạm Thị Hoa Mai	03/10/1991	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5442	***LB*** 210	Nguyễn Lan Hương	9/4/1992	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5443	***LB*** 211	Nguyễn Thị Thủy	05/12/1981	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5444	***LB*** 212	Nguyễn Thị Khánh Chi	23/04/1986	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5445	***LB*** 213	Nguyễn Hải Yến	7/5/1985	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5446	***LB*** 214	Nguyễn Thị Minh Thu	25/12/1991	Nguyệt Quế	Long Biên	100	
5447	***LB*** 215	Lưu Thị Nhận	9/3/1968	Phúc Đồng	Long Biên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
5448	***LB*** 216	Hồ Thị Thu	5/3/1987	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5449	***LB*** 217	Đỗ Hồng Anh	8/19/1987	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5450	***LB*** 218	Phạm Thị Bích	4/6/1978	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5451	***LB*** 219	Phạm Thị Hiền	7/8/1988	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5452	***LB*** 220	Phạm Thị Huyền	8/7/1985	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5453	***LB*** 221	Nguyễn Thị Lý	2/12/1971	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5454	***LB*** 222	Tạ Thị Minh	6/27/1979	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5455	***LB*** 223	Đặng Thị Nhung	9/14/1987	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5456	***LB*** 224	Nguyễn Thị Phượng	10/24/1976	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5457	***LB*** 225	Vũ Thị Quyên	1/17/1988	Phúc Đồng	Long Biên	100	
5458	***LB*** 226	Ngô Thị Hoài Phương	5/14/1985	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5459	***LB*** 227	Trần Thị Tuyết Phượng	11/16/1983	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5460	***LB*** 228	Vũ Thị Nga	9/4/1981	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5461	***LB*** 229	Nguyễn Thị Thúy	8/15/1983	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5462	***LB*** 230	Phạm Thị Thu Hằng	8/11/1974	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5463	***LB*** 231	Hà Thị Tố Vân	9/20/1970	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5464	***LB*** 232	Từ Thị Quỳnh Trang	6/8/1980	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5465	***LB*** 233	Nguyễn Thị Ninh	2/10/1985	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5466	***LB*** 234	Nguyễn Thị Quỳnh	12/7/1991	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5467	***LB*** 235	Đỗ Thị Luyện	5/13/1985	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5468	***LB*** 236	Nguyễn Thị Thùy Trang	4/15/1991	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5469	***LB*** 237	Nguyễn Thị Linh	6/7/1993	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5470	***LB*** 238	Nguyễn Phương Thảo	9/6/1993	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5471	***LB*** 239	Trần Thị Đắc Thắng	2/25/1992	Bắc Cầu	Long Biên	100	
5472	***LB*** 240	Nguyễn Thị Thanh Xuân	22/12/1978	Gia Thụy	Long Biên	100	
5473	***LB*** 241	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	06/11/1981	Gia Thụy	Long Biên	100	
5474	***LB*** 242	Hoàng Giáng Ngọc	25/11/1991	Gia Thụy	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5475	***LB*** 243	Phạm Thị Thanh	16/03/1983	Gia Thụy	Long Biên	100	
5476	***LB*** 244	Phạm Thị Thu Hiền	22/06/1984	Gia Thụy	Long Biên	100	
5477	***LB*** 245	Ngô Minh Thu	12/12/1986	Gia Thụy	Long Biên	100	
5478	***LB*** 246	Đặng Thị Thu Hương	22/01/1980	Gia Thụy	Long Biên	100	
5479	***LB*** 247	Nguyễn Thị Thanh Hoa	27/03/1991	Gia Thụy	Long Biên	100	
5480	***LB*** 248	Nguyễn Thị Hương	26/09/1993	Gia Thụy	Long Biên	100	
5481	***LB*** 249	Lê Kim Chi	10/10/1984	Gia Thụy	Long Biên	100	
5482	***LB*** 250	Nguyễn Thị Nghi Hương	12/1/1969	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5483	***LB*** 251	Vũ Bích Hạnh	11/27/1982	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5484	***LB*** 252	Lê Việt Nga	9/18/1981	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5485	***LB*** 253	Lương Thị Kim Cúc	3/6/1986	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5486	***LB*** 254	Nguyễn Thị Dung	8/22/1984	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5487	***LB*** 255	Nguyễn Thị Thu Hà	7/19/1993	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5488	***LB*** 256	Lê Thị Mai Hương	5/9/1990	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5489	***LB*** 257	Đặng Thị Thu Hường	7/22/1992	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5490	***LB*** 258	Vũ Thị Bích Hảo	6/15/1991	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5491	***LB*** 259	Phạm Thị Hương	7/20/1990	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5492	***LB*** 260	Phạm Thị Hường	1/14/1990	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5493	***LB*** 261	Lê Thùy Linh	11/5/1991	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5494	***LB*** 262	Nguyễn Thị Mến	12/5/1985	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5495	***LB*** 263	Hoàng Thị Thu Phương	11/14/1990	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5496	***LB*** 264	Trần Thị Kim Oanh	4/10/1984	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5497	***LB*** 265	Hoàng Thị Thắm	5/20/1987	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5498	***LB*** 266	Bùi Thị Kim Thúy	6/7/1989	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5499	***LB*** 267	Đào Thị Thương	6/1/1989	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5500	***LB*** 268	Ngô Thị Tuyên	1/7/1983	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5501	***LB*** 269	Nguyễn Thị Thanh Thủy	8/4/1976	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5502	***LB*** 270	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	4/20/1981	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5503	***LB*** 271	Phùng Thị Phương Thảo	12/17/1995	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5504	***LB*** 272	Nguyễn Thị Thu Trang	7/30/1992	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5505	***LB*** 273	Nguyễn Thị Thìn	11/25/1988	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5506	***LB*** 274	Lê Thị Thu Trang	12/12/1995	Hoa Anh Đào	Long Biên	100	
5507	***LB*** 275	Trần Thị Nghĩa Quỳnh	10/20/1981	Hoa Mai	Long Biên	100	
5508	***LB*** 276	Trần Thị Xuân Nhạn	3/10/1982	Hoa Mai	Long Biên	100	
5509	***LB*** 277	Đào Thị Hải Yến	1/4/1990	Hoa Mai	Long Biên	100	
5510	***LB*** 278	Nguyễn Thị Huệ	11/27/1980	Hoa Mai	Long Biên	100	
5511	***LB*** 279	Nguyễn Thị Quỳnh	12/1/1989	Hoa Mai	Long Biên	100	
5512	***LB*** 280	Chu Thị Huế	5/1/1970	Hoa Mai	Long Biên	100	
5513	***LB*** 281	Đỗ Thị Thu Huyền	6/5/1983	Hoa Mai	Long Biên	100	
5514	***LB*** 282	Nguyễn Bích Ngọc	14/2/1983	Tân Mai	Long Biên	100	
5515	***LB*** 283	Trương Thị Hoa	09/08/1978	Tân Mai	Long Biên	100	
5516	***LB*** 284	Nguyễn Thị Thu Hà	17/01/1987	Tân Mai	Long Biên	100	
5517	***LB*** 285	Kiều Thị Hoa Lệ	26/8/1988	Tân Mai	Long Biên	100	
5518	***LB*** 286	Trần Thị Mai Loan	28/11/1990	Tân Mai	Long Biên	100	
5519	***LB*** 287	Nguyễn Thị Tâm	15/12/1991	Tân Mai	Long Biên	100	
5520	***LB*** 288	Lưu Bích Thủy	03/09/1989	Tân Mai	Long Biên	100	
5521	***LB*** 289	Nguyễn Thị Thu Hồng	27/08/1991	Tân Mai	Long Biên	100	
5522	***LB*** 290	Bùi Thị Thơm	22/08/1991	Tân Mai	Long Biên	100	
5523	***LB*** 291	Vũ Thanh Hiếu	08/10/1988	Thạch Cầu	Long Biên	100	
5524	***LB*** 292	Nguyễn Thị Lan Anh	10/09/1983	Thạch Cầu	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5525	***LB*** 293	Nguyễn Thị Giang	28/01/1989	Thạch Cầu	Long Biên	100	
5526	***LB*** 294	Nguyễn Thị Túc	12/9/1974	Thạch Cầu	Long Biên	100	
5527	***LB*** 295	Nguyễn Thị Kim Chi	01/11/1972	Thạch Cầu	Long Biên	100	
5528	***LB*** 296	Trần Thị Thu Châm	14/12/1982	Thạch Cầu	Long Biên	100	
5529	***LB*** 297	Hoàng Thị Phương Loan	01/11/1981	Thạch Cầu	Long Biên	100	
5530	***LB*** 298	Lương Thị Tuấn Anh	5/10/1980	Bồ Đề	Long Biên	100	
5531	***LB*** 299	Lương Thị Thu Thùy	5/26/1980	Bồ Đề	Long Biên	100	
5532	***LB*** 300	Nguyễn Thị Hiếu	9/12/1981	Bồ Đề	Long Biên	100	
5533	***LB*** 301	Lưu Thuỳ Dương	20/09/1978	Bồ Đề	Long Biên	100	
5534	***LB*** 302	Nguyễn Thị Tiếp	8/6/1974	Bồ Đề	Long Biên	100	
5535	***LB*** 303	Nguyễn Thị Thanh Bình	7/2/1976	Bồ Đề	Long Biên	100	
5536	***LB*** 304	Hoàng Thị Quỳnh Anh	9/12/1979	Bồ Đề	Long Biên	100	
5537	***LB*** 305	Nguyễn Thị Hoàn	7/25/1981	Bồ Đề	Long Biên	100	
5538	***LB*** 306	Nguyễn Thị Hải Anh	9/20/1978	Bồ Đề	Long Biên	100	
5539	***LB*** 307	Lê Thị Ngân	10/3/1977	Bồ Đề	Long Biên	100	
5540	***LB*** 308	Nguyễn Thị Thu Nga	8/6/1989	Bồ Đề	Long Biên	100	
5541	***LB*** 309	Lê Thị Tân	10/9/1986	Bồ Đề	Long Biên	100	
5542	***LB*** 310	Nguyễn Thị Phương Thúy	8/18/1982	Bồ Đề	Long Biên	100	
5543	***LB*** 311	Nguyễn Hoài Thu	7/2/1981	Bồ Đề	Long Biên	100	
5544	***LB*** 312	Phạm Thị Nhung	2/20/1988	Bồ Đề	Long Biên	100	
5545	***LB*** 313	Nguyễn Thị Bích Vân	7/31/1982	Bồ Đề	Long Biên	100	
5546	***LB*** 314	Đinh Lan Phương	10/13/1984	Bồ Đề	Long Biên	100	
5547	***LB*** 315	Tạ Thị Ngọc	10/24/1984	Bồ Đề	Long Biên	100	
5548	***LB*** 316	Đỗ Thị Thanh Nhâm	04/11/1983	Long Biên	Long Biên	100	
5549	***LB*** 317	Trần Thị Thư Trang	29/02/1984	Long Biên	Long Biên	100	
5550	***LB*** 318	Nguyễn Phương Hạnh	13/02/1988	Long Biên	Long Biên	100	
5551	***LB*** 319	Dương Thuý Hằng	30/6/1983	Long Biên	Long Biên	100	
5552	***LB*** 320	Trần Thu Thuỷ	28/3/1978	Long Biên	Long Biên	100	
5553	***LB*** 321	Nguyễn Thị Thu Trang	03/10/1993	Long Biên	Long Biên	100	
5554	***LB*** 322	Đặng Hà Chi	19/12/1996	Long Biên	Long Biên	100	
5555	***LB*** 323	Nguyễn Thị Lan Hương	17/8/1992	Long Biên	Long Biên	100	
5556	***LB*** 324	Lê Thị Hoà	05/9/1990	Long Biên	Long Biên	100	
5557	***LB*** 325	Đào Hằng Thuỷ	28/10/1989	Long Biên	Long Biên	100	
5558	***LB*** 326	Lương Thị Hảo	26/05/1984	Đô Thị Sài Đồng	Long Biên	100	
5559	***LB*** 327	Trần Thị Thanh Thảo	16/02/1993	Đô Thị Sài Đồng	Long Biên	100	
5560	***LB*** 328	Trần Thị Hằng	06/01/1983	Đô Thị Sài Đồng	Long Biên	100	
5561	***LB*** 329	Nguyễn Thị Thu Hương	27/10/1978	Đô Thị Sài Đồng	Long Biên	100	
5562	***LB*** 330	Đỗ Thị Lan Anh	13/07/1978	Đô Thị Sài Đồng	Long Biên	100	
5563	***LB*** 331	Nguyễn Thị Loan	23/03/1971	Đô Thị Sài Đồng	Long Biên	100	
5564	***LB*** 332	Lê Thị Yến	1/20/1988	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5565	***LB*** 333	Lê Thị Phương Ngân	1/15/1985	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5566	***LB*** 334	Nguyễn Thị Kim Ngân	4/7/1987	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5567	***LB*** 335	Ngô Kim Trúc	9/18/1988	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5568	***LB*** 336	Đặng Bích Ngoan	10/14/1978	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5569	***LB*** 337	Hoàng Thị Hoàn	9/18/1986	Hoa Phượng	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5570	***LB*** 338	Lê Thị Lan	10/7/1993	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5571	***LB*** 339	Nguyễn Thị Yến	1/10/1989	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5572	***LB*** 340	Phạm Thị Giang	12/22/1984	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5573	***LB*** 341	Trần Thị Thúy Nga	12/10/1982	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5574	***LB*** 342	Dương Thị Thoan	10/7/1988	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5575	***LB*** 343	Đào Thị Thu Hà	12/20/1986	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5576	***LB*** 344	Dương Thị Lan	3/21/1986	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5577	***LB*** 345	Nguyễn Thị Nhinh	12/21/1984	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5578	***LB*** 346	Đặng Thu Thủy	7/26/1991	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5579	***LB*** 347	Lê Thị Huyền	4/24/1985	Hoa Phượng	Long Biên	100	
5580	***LB*** 348	Vũ Thị Phương	7/7/1972	Chim Én	Long Biên	100	
5581	***LB*** 349	Phạm Tuyết Phượng	7/2/1978	Chim Én	Long Biên	100	
5582	***LB*** 350	Lữ Thu Hiền	2/7/1983	Chim Én	Long Biên	100	
5583	***LB*** 351	Mạch Thị Hà	22/02/1978	Chim Én	Long Biên	100	
5584	***LB*** 352	Phạm Thị Hà	24/03/1979	Chim Én	Long Biên	100	
5585	***LB*** 353	Trần Thị Hà Giang	18/07/1983	Chim Én	Long Biên	100	
5586	***LB*** 354	Lê Thị Thùy Trang	15/11/1983	Chim Én	Long Biên	100	
5587	***LB*** 355	Mai Thị Phương Diệp	24/07/1978	Chim Én	Long Biên	100	
5588	***LB*** 356	Trần Thị Hiền	8/6/1979	Chim Én	Long Biên	100	
5589	***LB*** 357	Trần Thị Hồng Hạnh	23/08/1982	Chim Én	Long Biên	100	
5590	***LB*** 358	Đặng Thị Như Quỳnh	10/6/1988	Chim Én	Long Biên	100	
5591	***LB*** 359	Nguyễn Thu Phương	4/3/1989	Chim Én	Long Biên	100	
5592	***LB*** 360	Nguyễn Thị Lan Hương	16/09/1990	Chim Én	Long Biên	100	
5593	***LB*** 361	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/10/1990	Chim Én	Long Biên	100	
5594	***LB*** 362	Vũ Huyền Trang	7/2/1990	Chim Én	Long Biên	100	
5595	***LB*** 363	Trần Thị Điệp	29/05/1989	Chim Én	Long Biên	100	
5596	***LB*** 364	Nguyễn Thị Lệ Hằng	19/04/1994	Chim Én	Long Biên	100	
5597	***LB*** 365	Vũ Hà Trang	28/01/1994	Chim Én	Long Biên	100	
5598	***LB*** 366	Lê Thị Hạnh	10/02/1975	Chim Én	Long Biên	100	
5599	***LB*** 367	Nguyễn Ngọc Diễm	31/07/1997	Chim Én	Long Biên	100	
5600	***LB*** 368	Nguyễn Thu Giang	11/08/1997	Chim Én	Long Biên	100	
5601	***LB*** 369	Lê Thu Hiền	09/09/1992	Chim Én	Long Biên	100	
5602	***LB*** 370	Lý Xư Xư	27/03/1996	Chim Én	Long Biên	100	
5603	***LB*** 371	Kiều Khánh Linh	01/12/1993	Chim Én	Long Biên	100	
5604	***LB*** 372	Nông Thị Thanh Huyền	18/09/1986	Chim Én	Long Biên	100	
5605	***LB*** 373	Nguyễn Thị Phương Anh	15/03/1991	Chim Én	Long Biên	100	
5606	***LB*** 374	Lưu Thị Toan	08/03/1990	Chim Én	Long Biên	100	
5607	***LB*** 375	Nguyễn Thị Tình	5/20/1983	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5608	***LB*** 376	Nguyễn Thị Phương Hoa	10/18/1982	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5609	***LB*** 377	Nguyễn Thúy Hồng	9/18/1983	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5610	***LB*** 378	Khuất Thị Oanh	11/22/1985	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5611	***LB*** 379	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/01/1981	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5612	***LB*** 380	Nguyễn Thị Chuyên	26/03/1981	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5613	***LB*** 381	Hoàng Thị Hoa	10/3/1986	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5614	***LB*** 382	Lê Thị Kim Phượng	3/13/1993	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5615	***LB*** 383	Trịnh Thanh Hiền	26/10/1989	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5616	***LB*** 384	Đào Thị Bằng	9/5/1977	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5617	***LB*** 385	Nguyễn Thị Vân	1/3/1991	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5618	***LB*** 386	Đới Thị Hà Tiên	07/02/1988	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5619	***LB*** 387	Nguyễn Thị Loan	1/16/1987	Tuổi Hoa	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5620	***LB*** 388	Nguyễn Thị Nhài	11/30/1991	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5621	***LB*** 389	Nguyễn Thị Nga	10/10/1985	Tuổi Hoa	Long Biên	100	
5622	***LB*** 390	Hoàng Thị Nghĩa	13/06/1984	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5623	***LB*** 391	Lê Thị Bích Huyền	21/06/1971	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5624	***LB*** 392	Nguyễn Thúy Hạnh	14/11/1987	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5625	***LB*** 393	Nguyễn Thị Hải Yến	17/11/1984	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5626	***LB*** 394	Lê Thị Thanh Huyền	10/09/1987	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5627	***LB*** 395	Nguyễn Thị Thu Hương	16/11/1987	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5628	***LB*** 396	Phan Thanh Huyền	07/04/1982	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5629	***LB*** 397	Trần Thị Thu Hiền	15/02/1991	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5630	***LB*** 398	Đoàn Thị Hải Yến	10/09/1981	Thạch Bàn	Long Biên	100	
5631	***LB*** 399	Nguyễn Thị Quyên	11/18/1980	Ánh Sao	Long Biên	100	
5632	***LB*** 400	Trần Thị Thanh Thủy	3/11/1972	Ánh Sao	Long Biên	100	
5633	***LB*** 401	Trần Thị Đình An	4/18/1987	Ánh Sao	Long Biên	100	
5634	***LB*** 402	Đỗ Thị Huế	1/13/1978	Ánh Sao	Long Biên	100	
5635	***LB*** 403	Nguyễn Thị Bích Liên	1/21/1988	Ánh Sao	Long Biên	100	
5636	***LB*** 404	Trương Thị Như Quỳnh	5/18/1981	Ánh Sao	Long Biên	100	
5637	***LB*** 405	Kiều Thị Lan Anh	3/14/1977	Ánh Sao	Long Biên	100	
5638	***LB*** 406	Đinh Thị Tâm	06/12/1970	Ánh Sao	Long Biên	100	
5639	***LB*** 407	Nguyễn Thị Hồng Khương	2/13/1986	Ánh Sao	Long Biên	100	
5640	***LB*** 408	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/21/1991	Ánh Sao	Long Biên	100	
5641	***LB*** 409	Nguyễn Thị Bắc	12/21/1982	Ánh Sao	Long Biên	100	
5642	***LB*** 410	Nguyễn Thị Hòa	10/25/1984	Ánh Sao	Long Biên	100	
5643	***LB*** 411	Trương Thị Quỳnh Nga	7/13/1983	Ánh Sao	Long Biên	100	
5644	***LB*** 412	Nguyễn Thị Thanh Huế	1/27/1984	Ánh Sao	Long Biên	100	
5645	***LB*** 413	Trần Thị Thanh Thủy	12/07/1975	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5646	***LB*** 414	Lưu Thị Dung	08/01/1988	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5647	***LB*** 415	Nguyễn Thị Hồng Dung	17/08/1973	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5648	***LB*** 416	Nguyễn Thị Hà	18/04/1985	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5649	***LB*** 417	Lê Thị Hà	13/06/1985	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5650	***LB*** 418	Nguyễn Thị Hồng Nhung	31/07/1983	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5651	***LB*** 419	Đỗ Thanh Hương	28/03/1989	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5652	***LB*** 420	Đỗ Thị Kim Ngân	20/08/1992	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5653	***LB*** 421	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/02/1992	Hoa Mộc Lan	Long Biên	100	
5654	***LB*** 422	Nguyễn Thị Hương	11/29/1978	Tràng An	Long Biên	100	
5655	***LB*** 423	Trương Thị Bích Ngọc	12/7/1981	Tràng An	Long Biên	100	
5656	***LB*** 424	Nguyễn Thị Cẩm Chuyên	5/16/1992	Tràng An	Long Biên	100	
5657	***LB*** 425	Hoàng Thị Thùy Dung	11/9/1984	Tràng An	Long Biên	100	
5658	***LB*** 426	Nguyễn Thị Thu Hằng	2/10/1990	Tràng An	Long Biên	100	
5659	***LB*** 427	Lương Thị Thu Hiền	12/29/1980	Tràng An	Long Biên	100	
5660	***LB*** 428	Nguyễn Thu Hương	11/13/1991	Tràng An	Long Biên	100	
5661	***LB*** 429	Lê Thị Hiền	9/18/1992	Tràng An	Long Biên	100	
5662	***LB*** 430	Nguyễn Thị Hồng	8/25/1984	Tràng An	Long Biên	100	
5663	***LB*** 431	Vũ Thị Hà	8/24/1987	Tràng An	Long Biên	100	
5664	***LB*** 432	Nguyễn Thị Hạnh	7/31/1981	Tràng An	Long Biên	100	
5665	***LB*** 433	Phạm Thanh Huyền	12/7/1989	Tràng An	Long Biên	100	
5666	***LB*** 434	Vũ Hải Ly	11/11/1990	Tràng An	Long Biên	100	
5667	***LB*** 435	Nguyễn Thị Lan	1/29/1970	Tràng An	Long Biên	100	
5668	***LB*** 436	Nguyễn Thị Nhất	12/7/1978	Tràng An	Long Biên	100	
5669	***LB*** 437	Vũ Hoài Thu	7/8/1990	Tràng An	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5670	***LB*** 438	Nguyễn Thị Lệ Thanh	2/6/1983	Tràng An	Long Biên	100	
5671	***LB*** 439	Nguyễn Thị Thanh	5/10/1992	Tràng An	Long Biên	100	
5672	***LB*** 440	Nguyễn Thị Tâm	12/14/1984	Tràng An	Long Biên	100	
5673	***LB*** 441	Nguyễn Thị Thủy	8/24/1991	Tràng An	Long Biên	100	
5674	***LB*** 442	Kiều Thu Thuỷ	10/7/1996	Tràng An	Long Biên	100	
5675	***LB*** 443	Nguyễn Ngọc Anh	28/11/1982	Gia Quất	Long Biên	100	
5676	***LB*** 444	Dương Thị Minh Ngọc	28/3/1983	Gia Quất	Long Biên	100	
5677	***LB*** 445	Nguyễn Thuỳ Linh	06/11/1992	Gia Quất	Long Biên	100	
5678	***LB*** 446	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/6/1988	Gia Quất	Long Biên	100	
5679	***LB*** 447	Phạm Thanh Huệ	23/11/1988	Gia Quất	Long Biên	100	
5680	***LB*** 448	Lưu Thị Hoa Chinh	13/01/1985	Gia Quất	Long Biên	100	
5681	***LB*** 449	Trịnh Thị Hồng Nhung	16/8/1986	Gia Quất	Long Biên	100	
5682	***LB*** 450	Trương Thị Thanh Hường	22/7/1988	Gia Quất	Long Biên	100	
5683	***LB*** 451	Nguyễn Khánh Nhung	15/02/1991	Gia Quất	Long Biên	100	
5684	***LB*** 452	Ngô Thị Vân	13/02/1990	Gia Quất	Long Biên	100	
5685	***LB*** 453	Phùng Thị Kim Oanh	17/10/1991	Gia Quất	Long Biên	100	
5686	***LB*** 454	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/9/1987	Gia Quất	Long Biên	100	
5687	***LB*** 455	Lê Thị Mai Lan	04/04/1984	Gia Quất	Long Biên	100	
5688	***LB*** 456	Đặng Thúy An	29/5/1995	Gia Quất	Long Biên	100	
5689	***LB*** 457	Phạm Thanh Mai	02/12/1996	Gia Quất	Long Biên	100	
5690	***LB*** 458	Nguyễn Thị Thu Trang	4/30/1980	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5691	***LB*** 459	Đào Thị Thu Thuỷ	12/27/1983	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5692	***LB*** 460	Chu Thị Bích Ngọc	12/15/1986	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5693	***LB*** 461	Phạm Thị Hồng	7/14/1980	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5694	***LB*** 462	Nguyễn Thị Thuý Hằng	5/1/1990	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5695	***LB*** 463	Đinh Thuý Hoa	5/4/1990	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5696	***LB*** 464	Nguyễn Hải Yến	2/6/1988	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5697	***LB*** 465	Trương Thị Huệ	8/29/1981	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5698	***LB*** 466	Lương Thị Thanh Minh	3/5/1984	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5699	***LB*** 467	Lương Thu Hà	6/23/1984	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5700	***LB*** 468	Phạm Thị Tuyết	6/6/1988	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5701	***LB*** 469	Đỗ Thu Hằng	2/6/1982	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5702	***LB*** 470	Lê Thị Thanh	3/8/1984	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5703	***LB*** 471	Trương Thuỳ Dung	10/26/1994	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5704	***LB*** 472	Hồ Thị Hương	2/28/1988	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5705	***LB*** 473	Trương Thị Thanh Thuỷ	10/19/1993	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5706	***LB*** 474	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	6/10/1993	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5707	***LB*** 475	Nguyễn Thị Thuý	10/17/1994	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5708	***LB*** 476	Phạm Thị Mai Trang	3/19/1983	Hoa Thuỷ Tiên	Long Biên	100	
5709	**ML**001	Nguyễn Thị Tuyết	09/10/1980	Chi Đông	Mê Linh	100	
5710	**ML**002	Hạ Thị Dung	20/10/1973	Chi Đông	Mê Linh	100	
5711	**ML**003	Nguyễn Thị Lý	27/08/1990	Chi Đông	Mê Linh	100	
5712	**ML**004	Nguyễn Thị Mai	25/07/1990	Chi Đông	Mê Linh	100	
5713	**ML**005	Nguyễn Thị Ánh Sao	19/06/1988	Chi Đông	Mê Linh	100	
5714	**ML**006	Nguyễn Thị Thanh Hà	08/02/1989	Chi Đông	Mê Linh	100	
5715	**ML**007	Hoàng Thị Minh	16/06/1985	Chi Đông	Mê Linh	100	
5716	**ML**008	Nguyễn Thị Dung	26/05/1991	Chi Đông	Mê Linh	100	
5717	**ML**009	Nguyễn Thị Xuân	22/12/1982	Chi Đông	Mê Linh	100	
5718	**ML**010	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/06/1986	Chi Đông	Mê Linh	100	
5719	**ML**011	Nguyễn Thị Oanh	10/04/1973	Chi Đông	Mê Linh	100	
5720	**ML**012	Nguyễn Thị Bình	04/11/1978	Chi Đông	Mê Linh	100	
5721	**ML**013	Nguyễn Thị Thu Trang	23/01/1990	Chi Đông	Mê Linh	100	
5722	**ML**014	Nguyễn Thị Phương	25/12/1990	Chi Đông	Mê Linh	100	
5723	**ML**015	Nguyễn Thị Bảy	12/07/1986	Chi Đông	Mê Linh	100	
5724	**ML**016	Nguyễn Thị Thùy	06/11/1988	Chi Đông	Mê Linh	100	
5725	**ML**017	Nguyễn Thị Quất	16/11/1975	Chi Đông	Mê Linh	100	
5726	**ML**018	Lưu Thị Loan	24/01/1978	Chi Đông	Mê Linh	100	
5727	**ML**019	Trịnh Thị Hà	03/01/1987	Chi Đông	Mê Linh	100	
5728	**ML**020	Phùng Thị Hương	13/10/1990	Chi Đông	Mê Linh	100	
5729	**ML**021	Nguyễn Thị Thúy Lan	05/06/1985	Chi Đông	Mê Linh	100	
5730	**ML**022	Nguyễn Thị Mai	14/03/1973	Chi Đông	Mê Linh	100	
5731	**ML**023	Ngô Thị Khuyên	22/10/1986	Chi Đông	Mê Linh	100	
5732	**ML**024	Nguyễn Thị Thu Hương	12/04/1993	Chi Đông	Mê Linh	100	
5733	**ML**025	Nguyễn Thị Loan	27/03/1985	Chi Đông	Mê Linh	100	
5734	**ML**026	Ngô Thị Hồng Hoa	24/03/1986	Chi Đông	Mê Linh	100	
5735	**ML**027	Nguyễn Hằng Nga	20/01/1985	Chi Đông	Mê Linh	100	
5736	**ML**028	Lê Thị Ngọc Hiền	26/11/1986	Chi Đông	Mê Linh	100	
5737	**ML**029	Lê Thị Lan	01/04/1969	Chu Phan	Mê Linh	100	
5738	**ML**030	Nguyễn Thị Thu Dần	17/02/1986	Chu Phan	Mê Linh	100	
5739	**ML**031	Lê Thị Chiến	04/03/1985	Chu Phan	Mê Linh	100	
5740	**ML**032	Nguyễn Thị Hoa	03/12/1986	Chu Phan	Mê Linh	100	
5741	**ML**033	Nguyễn Thị San	04/07/1975	Chu Phan	Mê Linh	100	
5742	**ML**034	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20/04/1981	Chu Phan	Mê Linh	100	
5743	**ML**035	Hoàng Thị Tuyền	24/11/1981	Chu Phan	Mê Linh	100	
5744	**ML**036	Nguyễn Thị Hằng	23/07/1991	Chu Phan	Mê Linh	100	
5745	**ML**037	Nguyễn Thị Xuyến	09/02/1992	Chu Phan	Mê Linh	100	
5746	**ML**038	Lê Thị Hường	10/10/1980	Chu Phan	Mê Linh	100	
5747	**ML**039	Lê Thị Hương	01/03/1994	Chu Phan	Mê Linh	100	
5748	**ML**040	Nguyễn Thị Xuyến	20/09/1986	Chu Phan	Mê Linh	100	
5749	**ML**041	Nguyễn Thị Thanh Hiển	16/01/1982	Chu Phan	Mê Linh	100	
5750	**ML**042	Nguyễn Thị Lệ	17/04/1983	Chu Phan	Mê Linh	100	
5751	**ML**043	Nguyễn Thị Kim Nhung	28/09/1989	Chu Phan	Mê Linh	100	
5752	**ML**044	Bùi Thị Thu Hằng	01/07/1993	Chu Phan	Mê Linh	100	
5753	**ML**045	Nguyễn Thị Thanh Nga	10/01/1982	Chu Phan	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5754	**ML**046	Nguyễn Thị Thu Hà	23/12/1982	Chu Phan	Mê Linh	100	
5755	**ML**047	Hứa Thị Lan Anh	08/05/1983	Chu Phan	Mê Linh	100	
5756	**ML**048	Hà Thị Thu Hồng	11/05/1983	Chu Phan	Mê Linh	100	
5757	**ML**049	Đỗ Thị Hoa	16/09/1984	Chu Phan	Mê Linh	100	
5758	**ML**050	Lương Thị Ba	13/01/1981	Chu Phan	Mê Linh	100	
5759	**ML**051	Lê Thị Thủy	08/03/1987	Chu Phan	Mê Linh	100	
5760	**ML**052	Lý Thu Hiền	05/05/1987	Chu Phan	Mê Linh	100	
5761	**ML**053	Vũ Thị Tâm	19/10/1987	Chu Phan	Mê Linh	100	
5762	**ML**054	Nguyễn Thị Hà	06/11/1987	Chu Phan	Mê Linh	100	
5763	**ML**055	Nguyễn Thị Sự	12/01/1988	Chu Phan	Mê Linh	100	
5764	**ML**056	Lê Thị Thắm	06/04/1988	Chu Phan	Mê Linh	100	
5765	**ML**057	Nguyễn Thị Lụa	28/09/1988	Chu Phan	Mê Linh	100	
5766	**ML**058	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22/08/1989	Chu Phan	Mê Linh	100	
5767	**ML**059	Kiều Thị Hương	04/11/1989	Chu Phan	Mê Linh	100	
5768	**ML**060	Nguyễn Thị Liên	19/04/1989	Chu Phan	Mê Linh	100	
5769	**ML**061	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	25/10/1990	Chu Phan	Mê Linh	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
5770	**ML**062	Lê Thị Hằng	01/05/1990	Chu Phan	Mê Linh	100	
5771	**ML**063	Nguyễn Thị Thanh Huyền	29/07/1991	Chu Phan	Mê Linh	100	
5772	**ML**064	Lê Thị Nụ	21/05/1991	Chu Phan	Mê Linh	100	
5773	**ML**065	Nguyễn Thị Thúy Hồng	30/09/1991	Chu Phan	Mê Linh	100	
5774	**ML**066	Nguyễn Thị Thanh Dung	09/03/1993	Chu Phan	Mê Linh	100	
5775	**ML**067	Nguyễn Thị Nga	21/06/1993	Chu Phan	Mê Linh	100	
5776	**ML**068	Hồ Thị Hà	10/7/1985	Chu Phan	Mê Linh	85	Không đạt tiêu chí về thời gian giữ hạng CDNN
5777	**ML**069	Nguyễn Thị Linh	29/12/1993	Chu Phan	Mê Linh	85	Không đạt tiêu chí về thời gian giữ hạng CDNN
5778	**ML**070	Đỗ Thị Thu Hà	16/05/1984	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5779	**ML**071	Nguyễn Thị Hương Bưởi	24/08/1984	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5780	**ML**072	Vũ Thị Thơm	07/03/1982	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5781	**ML**073	Nguyễn Thị Nhung	10/2/1982	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5782	**ML**074	Nguyễn Thị Thuý Đạt	23/02/1987	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5783	**ML**075	Đào Thị Bích Phượng	24/07/1990	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5784	**ML**076	Nguyễn Thanh Mai	7/7/1991	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5785	**ML**077	Phan Thị Hồng	24/6/1988	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5786	**ML**078	Nguyễn Thị Thơm	19/5/1988	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5787	**ML**079	Lê Hồng Vân	15/08/1986	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5788	**ML**080	Nguyễn Thị Hương	7/8/1993	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5789	**ML**081	Vương Thị Phương Châm	02/6/1982	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5790	**ML**082	Đỗ Thị Hiên	15/12/1994	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5791	**ML**083	Phạm Thị Hoa	16/10/1990	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5792	**ML**084	Phan Thanh Sang	01/6/1987	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5793	**ML**085	Nguyễn Thị Hương	20/11/1984	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5794	**ML**086	Nguyễn Thị Thuỷ	07/12/1989	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5795	**ML**087	Nguyễn Thị Xuân	12/02/1976	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5796	**ML**088	Nguyễn Thị Thủy	03/6/1992	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5797	**ML**089	Ngô Thị Kim Ngân	28/5/1992	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5798	**ML**090	Lê Thị Thu	02/3/1993	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5799	**ML**091	Đặng Thu Liên	04/9/1991	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5800	**ML**092	Đặng Thị Ngọc Ánh	15/2/1994	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5801	**ML**093	Nguyễn Thị Thu Hạnh	10/8/1983	Đại Thịnh	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5802	**ML**094	Nguyễn Thị Thơm	07/12/1994	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5803	**ML**095	Lê Thị Thuận	21/09/1975	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5804	**ML**096	Nguyễn Thị Thắng	20/11/1981	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5805	**ML**097	Nguyễn Thị Luận	05/10/1993	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5806	**ML**098	Nguyễn Thị Điệp	25/08/1988	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5807	**ML**099	Nguyễn Thị Thủy	21/09/1986	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5808	**ML**100	Đỗ Bích Liên	28/9/1974	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5809	**ML**101	Phạm Thị Lan	2/12/1992	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5810	**ML**102	Phạm Thị Thu Hương	19/5/1988	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5811	**ML**103	Đỗ Thị Chi	10/2/1984	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5812	**ML**104	Nguyễn Thị Vui	14/11/1990	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5813	**ML**105	Ngô Thị Tĩnh	13/02/1982	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5814	**ML**106	Nguyễn Thị Nhàn	25/08/1984	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5815	**ML**107	Trương Thị Thảo	19/5/1994	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5816	**ML**108	Vương Kiều Oanh	30/11/1992	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5817	**ML**109	Đỗ Thị Hòa	21/4/1993	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5818	**ML**110	Nguyễn Thị Loan	11/6/1991	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5819	**ML**111	Phan Thị Tuyện	20/6/1977	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5820	**ML**112	Nguyễn Ngọc Lan	11/10/1994	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5821	**ML**113	Nguyễn Thị Huệ	28/11/1988	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5822	**ML**114	Nguyễn Thị Hà Trang	14/10/1997	Đại Thịnh	Mê Linh	100	
5823	**ML**115	Nguyễn Hồng Ngâm	01/03/1979	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5824	**ML**116	Nguyễn Thị Bình Nhàn	28/08/1987	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5825	**ML**117	Lưu Thị Tuyết	20/01/1987	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5826	**ML**118	Bùi Thị Hà	15/10/1991	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5827	**ML**119	Lưu Thị Thủy	12/02/1979	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5828	**ML**120	Nguyễn Thị Hiền	03/04/1982	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5829	**ML**121	Trần Thị Quyên	08/06/1986	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5830	**ML**122	Nguyễn Thị Phượng	16/06/1985	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5831	**ML**123	Nguyễn Thị Hương	20/11/1991	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5832	**ML**124	Nguyễn Thị Chung	13/10/1990	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5833	**ML**125	Nguyễn Thị Hương Huyền	16/02/1981	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5834	**ML**126	Lê Thị Thúy	28/07/1980	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5835	**ML**127	Nguyễn Thị Ngọc	6/20/1972	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5836	**ML**128	Nguyễn Thị Hoa	15/08/1986	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5837	**ML**129	Lã Thị Hiền	15/10/1991	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5838	**ML**130	Nguyễn Thị Ngọc	15/10/1993	Hoàng Kim	Mê Linh	100	
5839	**ML**131	Nguyễn Thị Vịnh	02/11/1986	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5840	**ML**132	Đỗ Thị Thanh Dung	26/08/1986	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5841	**ML**133	Nguyễn Thị Thu Hường	05/07/1986	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5842	**ML**134	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	06/10/1984	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5843	**ML**135	Hoàng Thị Thu Hương	21/06/1988	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5844	**ML**136	Nguyễn Thị Bích Hường	21/06/1984	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5845	**ML**137	Hoàng Thị Thanh Cảnh	21/10/1992	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5846	**ML**138	Ngô Thị Thuỷ	04/08/1985	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5847	**ML**139	Nguyễn Thị Vân	12/10/1990	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5848	**ML**140	Lưu Thị Thanh Mai	05/09/1988	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5849	**ML**141	Nguyễn Thị Hoa Mai	02/12/1982	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5850	**ML**142	Nguyễn Thị Huyền Minh	06/04/1985	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5851	**ML**143	Nguyễn Thị Thường	07/08/1971	Kim Hoa	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5852	**ML**144	Nguyễn Thị Bắc	27/07/1969	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5853	**ML**145	Nguyễn Thị Thúy Hiên	15/10/1986	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5854	**ML**146	Trịnh Thị Phúc	13/08/1989	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5855	**ML**147	Nguyễn Thị Thúy Hằng	24/11/1990	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5856	**ML**148	Nguyễn Thị Thanh Liên	26/10/1992	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5857	**ML**149	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	13/10/1981	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5858	**ML**150	Nguyễn Thị Lăng	25/08/1991	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5859	**ML**151	Đinh Thị Lý	29/08/1982	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5860	**ML**152	Nguyễn Thị Nương	18/04/1991	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5861	**ML**153	Ngô Thị Thanh	30/11/1990	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5862	**ML**154	Nguyễn Thị Hậu	15/08/1990	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5863	**ML**155	Hà Thị Thanh Hương	01/12/1975	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5864	**ML**156	Nguyễn Thị Thúy	20/01/1974	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5865	**ML**157	Nguyễn Thị Thanh	03/06/1985	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5866	**ML**158	Nguyễn Thị Thanh Toàn	31/05/1985	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5867	**ML**159	Trịnh Thị Nga	16/01/1980	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5868	**ML**160	Kim Thị Thủy	19/11/1985	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5869	**ML**161	Nguyễn Thị Thu Hà	02/11/1982	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5870	**ML**162	Lưu Thị Hương	23/12/1991	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5871	**ML**163	Lê Thị Hương Lan	04/11/1992	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5872	**ML**164	Nguyễn Nguyệt Phương	01/05/1993	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5873	**ML**165	Nguyễn Thị Yến	12/05/1990	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5874	**ML**166	Hạ Thị Hậu	24/12/1984	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5875	**ML**167	Nguyễn Thị Mai	03/04/1994	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5876	**ML**168	Phan Thị Phượng	10/08/1989	Kim Hoa	Mê Linh	100	
5877	**ML**169	Nguyễn Thị Nhung	16/7/1984	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5878	**ML**170	Nguyễn Thị Thoa	06/9/1974	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5879	**ML**171	Nguyễn Thị Hương	05/10/1986	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5880	**ML**172	Nguyễn Thị Ánh	22/01/1993	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5881	**ML**173	Lê Thị Thúy	12/8/1986	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5882	**ML**174	Trần Thị Hằng	14/11/1988	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5883	**ML**175	Nguyễn Thị Bích Hoài	20/12/1985	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5884	**ML**176	Lý Thị Hiệp	08/10/1992	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5885	**ML**177	Lê Thị Hải	28/3/1986	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5886	**ML**178	Nguyễn Thị Huyền	08/5/1982	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5887	**ML**179	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28/5/1993	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5888	**ML**180	Đỗ Thị Thủy	12/10/1992	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5889	**ML**181	Nguyễn Thị Huyền	27/10/1985	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5890	**ML**182	Nguyễn Thị Thúy	17/01/1990	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5891	**ML**183	Lê Thị Thu Trang	12/6/1992	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5892	**ML**184	Đỗ Thị Thùy Xuyên	29/4/1990	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5893	**ML**185	Bùi Thị Tình	26/10/1983	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5894	**ML**186	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	05/10/1984	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5895	**ML**187	Nguyễn Thị Thân	18/7/1972	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5896	**ML**188	Bùi Thị Vân	24/4/1982	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5897	**ML**189	Nguyễn Thị Ninh	02/02/1992	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5898	**ML**190	Đỗ Thị Quế	23/10/1989	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5899	**ML**191	Nguyễn Thị Thùy Viên	10/6/1983	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5900	**ML**192	Phạm Thị Đức Hạnh	02/01/1974	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5901	**ML**193	Phan Thị Toán	19/6/1981	Liên Mạc	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5902	**ML**194	Nguyễn Thị Hạnh	01/01/1984	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5903	**ML**195	Nguyễn Thị Hay	17/01/1984	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5904	**ML**196	Đàm Thị Dựu	23/9/1984	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5905	**ML**197	Trần Thị Thơm	15/3/1989	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5906	**ML**198	Phạm Thị Liên	07/8/1975	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5907	**ML**199	Nguyễn Thị Hoa	12/10/1986	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5908	**ML**200	Nguyễn Thị Thủy	23/7/1992	Liên Mạc	Mê Linh	100	
5909	**ML**201	Trịnh Thị Duyên	10/24/1981	Mê Linh	Mê Linh	100	
5910	**ML**202	Phan Thị Phương	8/25/1974	Mê Linh	Mê Linh	100	
5911	**ML**203	Hà Thị Lan Anh	4/23/1989	Mê Linh	Mê Linh	100	
5912	**ML**204	Nguyễn Thị Nga	9/10/1989	Mê Linh	Mê Linh	100	
5913	**ML**205	Nguyễn Thị Thùy	9/19/1985	Mê Linh	Mê Linh	100	
5914	**ML**206	Trần Thị Huyền	2/10/1986	Mê Linh	Mê Linh	100	
5915	**ML**207	Nguyễn Thị Hải	12/8/1989	Mê Linh	Mê Linh	100	
5916	**ML**208	Nguyễn Thị Châu	3/5/1984	Mê Linh	Mê Linh	100	
5917	**ML**209	Trần Thị Lan	10/8/1983	Mê Linh	Mê Linh	100	
5918	**ML**210	Võ Thị Hồng	26/07/1992	Mê Linh	Mê Linh	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5919	**ML**211	Nguyễn Thị Chung	21/01/1977	Mê Linh	Mê Linh	100	
5920	**ML**212	Trần Thị Hạnh	30/12/1992	Mê Linh	Mê Linh	100	
5921	**ML**213	Nguyễn Thị Đức	30/07/1993	Mê Linh	Mê Linh	100	
5922	**ML**214	Nguyễn Thị Hải	29/05/1993	Mê Linh	Mê Linh	100	
5923	**ML**215	Lê Thị Bích Hưởng	29/06/1983	Mê Linh	Mê Linh	100	
5924	**ML**216	Đặng Thị Hoa	17/07/1990	Mê Linh	Mê Linh	100	
5925	**ML**217	Phạm Thị Thu Hà	23/07/1993	Mê Linh	Mê Linh	80	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở là bản photo (không chứng thực)
5926	**ML**218	Nguyễn Thị Thùy	05/11/1983	Mê Linh	Mê Linh	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5927	**ML**219	Lê Thị Hạnh	18/10/1980	Mê Linh	Mê Linh	80	Bằng ĐH, CC CDNN là bản photo (không chứng thực)
5928	**ML**220	Nguyễn Thị Vân	20/12/1992	Mê Linh	Mê Linh	100	
5929	**ML**221	Nguyễn Thị Thúy	20/12/1992	Mê Linh	Mê Linh	100	
5930	**ML**222	Nguyễn Thị Hằng	04/09/1987	Mê Linh	Mê Linh	100	
5931	**ML**223	Nguyễn Thị Thủy	30/10/1989	Mê Linh	Mê Linh	100	
5932	**ML**224	Nguyễn Thị Thanh Hoa	05/07/1981	Mê Linh	Mê Linh	100	
5933	**ML**225	Nguyễn Thị Lan	26/11/1993	Mê Linh	Mê Linh	100	
5934	**ML**226	Nguyễn Thị Hoàn	20/09/1994	Mê Linh	Mê Linh	100	
5935	**ML**227	Đặng Thị Hương	26/11/1993	Mê Linh	Mê Linh	100	
5936	**ML**228	Tạ Thị Thảo	26/08/1986	Mê Linh	Mê Linh	100	
5937	**ML**229	Nguyễn Thị Bằng	28/10/1989	Mê Linh	Mê Linh	100	
5938	**ML**230	Nguyễn Thị Phượng	05/07/1981	Mê Linh	Mê Linh	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5939	**ML**231	Nguyễn Thị Hương Nga	23/08/1986	Mê Linh	Mê Linh	100	
5940	**ML**232	Vũ Thị Thanh Giang	15/02/1988	Mê Linh	Mê Linh	100	
5941	**ML**233	Nguyễn Thị Kim Phượng	15/01/1982	Mê Linh	Mê Linh	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5942	**ML**234	Nguyễn Thị Hương	20/11/1982	Mê Linh	Mê Linh	100	
5943	**ML**235	Ngô Thị Cúc Tuyết	22/07/1986	Mê Linh	Mê Linh	100	
5944	**ML**236	Đặng Thị Hằng	16/01/1994	Mê Linh	Mê Linh	100	
5945	**ML**237	Nguyễn Thị Thúy	15/10/1978	Mê Linh	Mê Linh	100	
5946	**ML**238	Nguyễn Thị Phương	27/09/1981	Mê Linh	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5947	**ML**239	Nguyễn Thị Ngọc	18/11/1994	Mê Linh	Mê Linh	100	
5948	**ML**240	Tạ Thị Thanh Lam	12/10/1984	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5949	**ML**241	Trần Thị Yến Ly	19/03/1982	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5950	**ML**242	Nguyễn Thị Toan	06/06/1969	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5951	**ML**243	Nguyễn Thị Ký	16/06/1971	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5952	**ML**244	Trần Thị Bích Liên	25/03/1979	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5953	**ML**245	Ngô Thị Minh Phượng	19/01/1989	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5954	**ML**246	Nguyễn Thị Hợi	10/12/1983	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5955	**ML**247	Lưu Thị Hằng	19/08/1989	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5956	**ML**248	Hạ Thị Thủy	03/10/1985	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5957	**ML**249	Ngô Thị Mến	14/04/1991	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5958	**ML**250	Đỗ Thị Phương	12/07/1988	Quang Minh A	Mê Linh	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
5959	**ML**251	Bùi Thị Ngân	28/08/1990	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5960	**ML**252	Nguyễn Thị Lắm	06/04/1976	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5961	**ML**253	Nguyễn Thị Thanh Thủy	28/11/1977	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5962	**ML**254	Nguyễn Thị Hồng Thao	05/07/1981	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5963	**ML**255	Nguyễn Thị Yến	06/12/1990	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5964	**ML**256	Thịnh Thị Thủy	14/06/1985	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5965	**ML**257	Nguyễn Thị Hồng Lân	20/03/1972	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5966	**ML**258	Nguyễn Thị Thà	03/08/1979	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5967	**ML**259	Trần Thị Nhung	08/12/1987	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5968	**ML**260	Hoàng Thị Yên	16/06/1989	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5969	**ML**261	Đường Thu Trang	14/08/1980	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5970	**ML**262	Lê Thị Nguyệt	07/12/1987	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5971	**ML**263	Nguyễn Thị Hà	05/08/1987	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5972	**ML**264	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/11/1991	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5973	**ML**265	Ngô Thị Hường	07/05/1994	Quang Minh A	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
5974	**ML**266	Nguyễn Thị Lý	07/07/1990	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5975	**ML**267	Đỗ Thị Bích Chuyên	20/08/1991	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5976	**ML**268	Ngô Thị Phương	15/08/1995	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5977	**ML**269	Ngô Thị Phương Thanh	09/10/1990	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5978	**ML**270	Phạm Thị Hường	13/06/1993	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5979	**ML**271	Nguyễn Thị Hương	20/08/1994	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5980	**ML**272	Bùi Thị Thu Huế	28/10/1986	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5981	**ML**273	Nguyễn Thị Nguyệt	20/03/1985	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5982	**ML**274	Nguyễn Thị Ngọc Dung	28/11/1989	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5983	**ML**275	Nguyễn Thị Hạnh	01/05/1983	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5984	**ML**276	Phù Thị Vân	02/09/1991	Quang Minh A	Mê Linh	100	
5985	**ML**277	Nguyễn Thị Phương Hoa	24/8/1983	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5986	**ML**278	Hán Thị Bích	10/4/1978	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5987	**ML**279	Nguyễn Thị Xoa	1/5/1989	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5988	**ML**280	Nguyễn Thị Thu Hường	13/10/1984	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5989	**ML**281	Lê Thị Hạnh	24/05/1987	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5990	**ML**282	Nguyễn Thị Thủy	10/4/1985	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5991	**ML**283	Nguyễn Thị Loan	04/7/1987	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5992	**ML**284	Nguyễn Thị Viết	13/5/1985	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5993	**ML**285	Nguyễn Thị Hải Yến	29/06/1985	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5994	**ML**286	Trần Thị Hoàn	15/07/1988	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5995	**ML**287	Nguyễn Thị Hương	17/11/1989	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5996	**ML**288	Nguyễn Thi Như	7/11/1984	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5997	**ML**289	Trần Thu Trang	7/6/1984	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5998	**ML**290	Phạm Thị Sen	28/8/1986	Quang Minh B	Mê Linh	100	
5999	**ML**291	Lê Thị Hạnh	19/09/1987	Quang Minh B	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6000	**ML**292	Nguyễn Thị Kim Thanh	15/7/1992	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6001	**ML**293	Hà Thị Thủy	04/10/1991	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6002	**ML**294	Đàm Thị Ánh	10/5/1977	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6003	**ML**295	Đỗ Thị Tùy	28/9/1989	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6004	**ML**296	Nguyễn Thị Trang	14/12/1990	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6005	**ML**297	Nguyễn Thị Hiền	29/4/1988	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6006	**ML**298	Đỗ Thị Lan Anh	01/5/1992	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6007	**ML**299	Đỗ Thị Toàn	18/01/1987	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6008	**ML**300	Nguyễn Thị Hoàn	05/6/1992	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6009	**ML**301	Trần Thị Thùy	25/9/1982	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6010	**ML**302	Hạ Thị Lan Hương	24/01/1989	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6011	**ML**303	Nguyễn Thị Ưa	29/07/1983	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6012	**ML**304	Nguyễn Thị Phương	08/3/1985	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6013	**ML**305	Nguyễn Thị Khen	20/4/1971	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6014	**ML**306	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	28/9/1991	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6015	**ML**307	Nguyễn Thị Bích Chuyên	13/11/1993	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6016	**ML**308	Lê Thị Thư	27/05/1991	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6017	**ML**309	Ngô Thị Thanh Hoa	22/10/1991	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6018	**ML**310	Trương Thị Thúy	25/10/1990	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6019	**ML**311	Nguyễn Thị Kim Sinh	4/4/1987	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6020	**ML**312	Đàm Thị Kim Lý	06/9/1991	Quang Minh B	Mê Linh	100	
6021	**ML**313	Nguyễn Thị Mão	12/10/1975	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6022	**ML**314	Trịnh Thị Nguyệt	26/'03/1977	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6023	**ML**315	Nguyễn Thị Hiền	04/10/1986	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6024	**ML**316	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	11/11/1990	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6025	**ML**317	Nguyễn Thị Hải	14/01/1983	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6026	**ML**318	Nguyễn Thị Hiền	09/04/1986	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6027	**ML**319	Nguyễn Thị Thủy	28/'07/1986	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6028	**ML**320	Nguyễn Thị Minh	08/09/1991	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6029	**ML**321	Bùi Thị Hà	02/10/1980	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6030	**ML**322	Nguyễn Thị Hải	27/11/1991	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6031	**ML**323	Nguyễn Thị Tuyết	04/12/1992	Tam Đồng	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6032	**ML**324	Nguyễn Thị Dung	25/9/1991	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6033	**ML**325	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	27/07/1990	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6034	**ML**326	Nguyễn Thị Bảy	02/'09/1983	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6035	**ML**327	Bùi Thị Minh Thúy	15/02/1983	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6036	**ML**328	Phạm Thị Mai Hương	10/10/1986	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6037	**ML**329	Nguyễn Thị Linh	14/04/1986	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6038	**ML**330	Nguyễn Thị Dung	10/08/1985	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6039	**ML**331	Nguyễn Thị Bằng	20/10/1994	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6040	**ML**332	Nguyễn Thùy Hương	17/06/1986	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6041	**ML**333	Ngô Thị Thu Hiền	15/10/1991	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6042	**ML**334	Nguyễn Thị Nga	20/10/1992	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6043	**ML**335	Nguyễn Thị Huyền	06/10/1990	Tam Đồng	Mê Linh	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6044	**ML**336	Trần Thị Hoa	25/12/1975	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6045	**ML**337	Đỗ Thị Lan	07/11/1989	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6046	**ML**338	Nguyễn Thị Hải Yến	09/01/1992	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6047	**ML**339	Bùi Thị Dịu	28/05/1984	Tam Đồng	Mê Linh	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
6048	**ML**340	Kiều Thị Tuyết	27/10/1991	Tam Đồng	Mê Linh	100	
6049	**ML**341	Nguyễn Thị Diên	15/2/1968	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6050	**ML**342	Nguyễn Thị Quý	1/1/1973	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6051	**ML**343	Nguyễn Thị Hà	4/10/1979	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6052	**ML**344	Lê Thị Dung	18/8/1988	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6053	**ML**345	Trần Thùy Linh	20/9/1986	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6054	**ML**346	Ngô Thị Thanh Thúy	21/11/1992	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6055	**ML**347	Đàm Thị Thanh Mai	19/12/1993	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6056	**ML**348	Nguyễn Thị Thực	30/7/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6057	**ML**349	Tạ Thị Giang	3/7/1987	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6058	**ML**350	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2/9/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6059	**ML**351	Lê Thị Kim Thoa	27/4/1980	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6060	**ML**352	Nguyễn Thị Thùy Tiên	12/5/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6061	**ML**353	Trần Thị Hiền	27/11/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6062	**ML**354	Hoàng Thị Thu Thủy	20/7/1993	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6063	**ML**355	Ngô Thị Quang Minh	22/12/1982	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6064	**ML**356	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/1/1983	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6065	**ML**357	Vương Thị Thu Hương	21/4/1985	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6066	**ML**358	Hồ Thị Song	1/11/1980	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6067	**ML**359	Nguyễn Thị Khánh Hòa	12/07/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6068	**ML**360	Vũ Thị Thu Hà	9/2/1992	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6069	**ML**361	Ngô Thị Thanh Mai	18/7/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6070	**ML**362	Nguyễn Thị Cúc	19/11/1985	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6071	**ML**363	Nguyễn Thị Huê	19/04/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6072	**ML**364	Lê Thị Thu Huyền	2/2/1993	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6073	**ML**365	Nguyễn Thị Hồng	7/7/1990	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6074	**ML**366	Đặng Thị Việt Chinh	6/10/1994	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6075	**ML**367	Hoàng Thị Mai Lâm	16/7/1985	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6076	**ML**368	Trần Thu Huyền	3/10/1982	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6077	**ML**369	Nguyễn Thị Ngọc Liên	23/5/1994	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6078	**ML**370	Lê Thị Mai	8/2/1989	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6079	**ML**371	Đặng Thị Trang	04/10/1991	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6080	**ML**372	Lê Thị Thúy	17/12/1993	Tiền Phong A	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6081	**ML**373	Hoàng Thị Hoài	14/3/1989	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6082	**ML**374	Nguyễn Thị Nga	26/6/1992	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6083	**ML**375	Nguyễn Thị Thanh Thược	7/12/1982	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6084	**ML**376	Nguyễn Thị Hài	15/3/1982	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6085	**ML**377	Vương Thị Duyên	20/10/1994	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6086	**ML**378	Phạm Thị Vân	21/10/1989	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6087	**ML**379	Phạm Thị Tính	09/06/1989	Tiền Phong A	Mê Linh	100	
6088	**ML**380	Phạm Thị Thúy Hường	23/12/1984	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6089	**ML**381	Nguyễn Thị Hòa	30/11/1985	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6090	**ML**382	Nguyễn Thị Nhung	13/06/1969	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6091	**ML**383	Phùng Thị Hoa	7/10/1991	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6092	**ML**384	Nguyễn Thị Thanh Thái	10/8/1989	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6093	**ML**385	Nguyễn Thị Chung	25/03/1992	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6094	**ML**386	Nguyễn Thị Bốn	2/5/1976	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6095	**ML**387	Kiều Thị Thu Hiền	25/01/1988	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6096	**ML**388	Lê Thị Kim Phượng	19/04/ 1986	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6097	**ML**389	Hoàng Thị Thu Hoài	7/18/1990	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6098	**ML**390	Vương Thị Hạnh	26/03/1990	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6099	**ML**391	Đồng Thị Hằng	28/02/1984	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6100	**ML**392	Nguyễn Thị Nhâm	7/1/1990	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6101	**ML**393	Nguyễn Thị Thu Hường	26/06/1991	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6102	**ML**394	Nguyễn Thị Loan	30/11/1983	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6103	**ML**395	Phạm Thị Hồng Hà	18/04/1993	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6104	**ML**396	Đặng Thi Dung	2/10/1986	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6105	**ML**397	Nguyễn Thị Nhâm	29/12/1992	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6106	**ML**398	Ngô Thị Minh Phương	10/10/1987	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6107	**ML**399	Nguyễn Thị Xuân	27/04/1981	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6108	**ML**400	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/11/1990	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6109	**ML**401	Hoàng Thị Ánh Hồng	13/08/1994	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6110	**ML**402	Nguyễn Thị Thủy	15/12/1993	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6111	**ML**403	Nguyễn Thị Tuyết	1/28/1987	Tiền Phong B	Mê Linh	100	
6112	**ML**404	Nguyễn Tâm Huyền	03/05/1983	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6113	**ML**405	Hoàng Thị Bắc	30/05/1986	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6114	**ML**406	Đỗ Thị Phượng	13/03/1985	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6115	**ML**407	Nguyễn Thị Hải	16/01/1981	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6116	**ML**408	Nguyễn Thị Thu Thủy	29/08/1992	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6117	**ML**409	Đỗ Thị Hằng	13/09/1988	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6118	**ML**410	Nguyễn Thị Nguyệt	02/03/1990	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6119	**ML**411	Nguyễn Bích Đường	02/10/1984	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6120	**ML**412	Nguyễn Thị Len	20/02/1970	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6121	**ML**413	Nguyễn Tiến Dũng	28/10/1975	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6122	**ML**414	Nguyễn Thị Chi	05/10/1981	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6123	**ML**415	Đỗ Thị Thể	07/11/1989	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6124	**ML**416	Đỗ Thị Thúy	24/07/1981	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6125	**ML**417	Trần Thị Tuyết	25/01/1989	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6126	**ML**418	Nguyễn Thị Thu	18/09/1990	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6127	**ML**419	Đỗ Thị Thúy	29/06/1986	Tiến Thắng	Mê Linh	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6128	**ML**420	Nguyễn Thị Hà	11/03/1989	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6129	**ML**421	Nguyễn Thị Hằng	17/03/1988	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6130	**ML**422	Trương Thị Phương	25/02/1987	Tiến Thắng	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6131	**ML**423	Nguyễn Thị Hương	10/01/1981	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6132	**ML**424	Đỗ Thị Hương	14/12/1986	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6133	**ML**425	Đỗ Thị Nga	06/08/1989	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6134	**ML**426	Lê Thị Phượng	24/12/1993	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6135	**ML**427	Nguyễn Thị Hương	06/01/1989	Tiến Thắng	Mê Linh	100	
6136	**ML**428	Lê Thị Phương Loan	24/12/1979	Tiến Thắng	Mê Linh	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
6137	**ML**429	Đàm Thị Ánh Trinh	2/1/1992	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6138	**ML**430	Nguyễn Thị Ngân	6/12/1980	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6139	**ML**431	Nguyễn Thị Nhung	10/9/1990	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6140	**ML**432	Nguyễn Thị Huyền	14/09/1982	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6141	**ML**433	Trần Thị Vân	5/9/1977	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6142	**ML**434	Trần Thị Mai	8/7/1987	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6143	**ML**435	Vũ Thị Hương	9/11/1992	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6144	**ML**436	Nguyễn Thị Hồng Châm	3/2/1989	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6145	**ML**437	Vũ Thị Hiệp	3/10/1992	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6146	**ML**438	Nguyễn Thị Lan	18/08/1989	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6147	**ML**439	Đoàn Thị Thuý	24/08/1992	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6148	**ML**440	Đặng Thị Hoa	14/11/1993	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6149	**ML**441	Đỗ Huyền Trang	2/8/1994	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6150	**ML**442	Vũ Thị Nhung	10/10/1989	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6151	**ML**443	Đoàn Thị Nguyệt	21/07/1993	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6152	**ML**444	Nguyễn Thị Hằng	21/01/1991	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6153	**ML**445	Nguyễn Thị Hằng	2/3/1986	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6154	**ML**446	Hồ Thị Thu	20/04/1991	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6155	**ML**447	Dương Thị Mơ	20/07/1993	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6156	**ML**448	Hoàng Thị Hoa	20/01/1991	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6157	**ML**449	Nguyễn Thị Thu Hương	3/10/1994	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6158	**ML**450	Đỗ Thị Thắm	14/11/1975	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6159	**ML**451	Trần Thị Vui	10/7/1973	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6160	**ML**452	Đào Thị Minh Nguyệt	20/03/1990	Tiến Thịnh	Mê Linh	100	
6161	**ML**453	Nguyễn Thị Hiền	25/06/1986	Tự Lập	Mê Linh	100	
6162	**ML**454	Nguyễn Thị Duyên	31/08/1973	Tự Lập	Mê Linh	100	
6163	**ML**455	Dương Thị Nhung	23/07/1990	Tự Lập	Mê Linh	100	
6164	**ML**456	Vũ Thị Phương	6/1/1980	Tự Lập	Mê Linh	100	
6165	**ML**457	Nguyễn Thị Công	22/09/1976	Tự Lập	Mê Linh	100	
6166	**ML**458	Nguyễn Thị Mùa	19/01/1990	Tự Lập	Mê Linh	100	
6167	**ML**459	Nguyễn Thị Lãng	14/08/1986	Tự Lập	Mê Linh	100	
6168	**ML**460	Lỗ Thị Thanh	20/10/1988	Tự Lập	Mê Linh	100	
6169	**ML**461	Phạm Thị Hòa	5/7/1984	Tự Lập	Mê Linh	100	
6170	**ML**462	Nguyễn Thị Ngung	14/04/1981	Tự Lập	Mê Linh	100	
6171	**ML**463	Phan Thị Mai	23/01/1989	Tự Lập	Mê Linh	100	
6172	**ML**464	Nguyễn Thị Bình	20/05/1987	Tự Lập	Mê Linh	100	
6173	**ML**465	Trần Thị Thu	20/01/1987	Tự Lập	Mê Linh	100	
6174	**ML**466	Dương Thị Hậu	16/06/1984	Tự Lập	Mê Linh	100	
6175	**ML**467	Lỗ Thị Thúy Ngần	12/9/1979	Tự Lập	Mê Linh	100	
6176	**ML**468	Phạm Thị Khánh Thương	6/8/1984	Tự Lập	Mê Linh	100	
6177	**ML**469	Phan Thị Như	21/02/1988	Tự Lập	Mê Linh	100	
6178	**ML**470	Nguyễn Thị Huyền	1/3/1990	Tự Lập	Mê Linh	100	
6179	**ML**471	Vũ Thị Huệ	20/09/1987	Tự Lập	Mê Linh	100	
6180	**ML**472	Ngô Thị Mai Loan	20/04/1983	Tự Lập	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6181	**ML**473	Phan Thị Hằng	10/11/1985	Tự Lập	Mê Linh	100	
6182	**ML**474	Phan Thị Huệ	18/06/1983	Tự Lập	Mê Linh	100	
6183	**ML**475	Vũ Thị Mùa	12/10/1988	Tự Lập	Mê Linh	100	
6184	**ML**476	Nguyễn Thị Hà Giang	24/01/1987	Tự Lập	Mê Linh	100	
6185	**ML**477	Lỗ Thị Hiền	5/7/1982	Tự Lập	Mê Linh	100	
6186	**ML**478	Trần Thị Hậu	1/7/1994	Tự Lập	Mê Linh	100	
6187	**ML**479	Trần Thị Thanh Liêm	18/09/1987	Tự Lập	Mê Linh	100	
6188	**ML**480	Nguyễn Thị Huyền	12/3/1983	Tự Lập	Mê Linh	100	
6189	**ML**481	Lê Thị Lý	7/7/1991	Tự Lập	Mê Linh	100	
6190	**ML**482	Trần Thị Vân	23/04/1975	Tự Lập	Mê Linh	100	
6191	**ML**483	Nguyễn Thùy Linh	2/5/1984	Tự Lập	Mê Linh	100	
6192	**ML**484	Đỗ Thị Ngọc	11/6/1984	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6193	**ML**485	Nguyễn Thị Hạnh	05/8/1981	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6194	**ML**486	Lê Thị Thanh	01/11/1986	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6195	**ML**487	Lê Thị Huyền	30/11/1991	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6196	**ML**488	Phùng Thị Lan	03/03/1985	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6197	**ML**489	Phạm Thị Hường	22/5/1986	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6198	**ML**490	Nguyễn Thị Phương	29/4/1988	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6199	**ML**491	Nguyễn Thị Thu Thủy	20/8/1987	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6200	**ML**492	Nguyễn Thị Hồng Vân	28/11/1986	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6201	**ML**493	Lưu Thanh Thúy	02/11/1991	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6202	**ML**494	Nguyễn Thị Hà	19/9/1991	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6203	**ML**495	Hoàng Thị Kim Chung	09/8/1985	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6204	**ML**496	Ngô Thị Hằng	24/3/1990	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6205	**ML**497	Nguyễn Thị Luyến	05/8/1989	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6206	**ML**498	Đỗ Thị Phượng	10/10/1988	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6207	**ML**499	Nguyễn Thị Hồng	03/01/1993	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6208	**ML**500	Nguyễn Thị Duệ Anh	03/10/1982	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6209	**ML**501	Hoàng Thị Nguyệt	05/10/1984	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6210	**ML**502	Vũ Thị Kiều Oanh	27/12/1983	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6211	**ML**503	Nguyễn Thị Nga	02/02/1993	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6212	**ML**504	Phùng Thị Hà	22/12/1982	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6213	**ML**505	Đỗ Thị Dung	24/9/1991	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6214	**ML**506	Trần Thị Thu Hà	10/12/1990	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6215	**ML**507	Nguyễn Thị Hằng	16/8/1986	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6216	**ML**508	Trần Thị Kỷ	10/8/1979	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6217	**ML**509	Đặng Thị Hồng	05/3/1985	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6218	**ML**510	Kiều Thị Thảo	14/10/1990	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6219	**ML**511	Trịnh Thị Toàn	20/11/1989	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6220	**ML**512	Nguyễn Thị Linh	8/11/1994	Thạch Đà A	Mê Linh	100	
6221	**ML**513	Đoàn Thị Hằng	11/26/1972	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6222	**ML**514	Nguyễn Thị Tuyết	10/8/1973	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6223	**ML**515	Nguyễn Thị Thanh	9/15/1979	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6224	**ML**516	Nguyễn Thị Xuân	6/28/1987	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6225	**ML**517	Phùng Thị Yên	10/1/1986	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6226	**ML**518	Bùi Thị Hồng Phúc	1/30/1987	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6227	**ML**519	Lưu Thị Liên	11/4/1986	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6228	**ML**520	Nguyễn Thị Luyến	2/12/1990	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6229	**ML**521	Nguyễn Thị Thu	8/20/1981	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6230	**ML**522	Phùng Thị Chí	3/21/1990	Thạch Đà B	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6231	**ML**523	Nguyễn Thị Huyền Trang	5/10/1992	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6232	**ML**524	Nguyễn Thị Hiền	10/25/1990	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6233	**ML**525	Nguyễn Lan Anh	5/19/1991	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6234	**ML**526	Nguyễn Thị Phượng	7/5/1992	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6235	**ML**527	Nguyễn Thị Bích	5/13/1996	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6236	**ML**528	Lê Thị Minh Phương	3/8/1995	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6237	**ML**529	Nguyễn Thị Tuyên	8/1/1991	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6238	**ML**530	Phạm Thị Phượng	6/10/1989	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6239	**ML**531	Nguyễn Thị Vân	5/25/1990	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6240	**ML**532	Nguyễn Thị Thu	11/10/1994	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6241	**ML**533	Kiều Thị Thúy	11/22/1979	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6242	**ML**534	Phí Thị Tuyết	10/25/1984	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6243	**ML**535	Tạ Thị Cảnh	12/21/1989	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6244	**ML**536	Phùng Thị Oanh	8/19/1993	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6245	**ML**537	Phùng Thị Hương	10/9/1975	Thạch Đà B	Mê Linh	100	
6246	**ML**538	Phạm Thị Nha Trrang	03/9/1984	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6247	**ML**539	Lương Thị Phượng	10/03/1982	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6248	**ML**540	Nguyễn Thị Hương	27/07/1982	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6249	**ML**541	Lê Thị Hiên	06/05/1988	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6250	**ML**542	Nguyễn Thị Hạt	31/07/1978	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6251	**ML**543	Nguyễn Thị Xuân Hòa	24/05/1984	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6252	**ML**544	Phạm Thị Thu Hằng	02/07/1984	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6253	**ML**545	Đỗ Thị Hường	25/07/1990	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6254	**ML**546	Ngô Thị Phương	02/09/1984	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6255	**ML**547	Nguyễn Thị Thu Ngân	18/08/1993	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6256	**ML**548	Nguyễn Thùy Anh	15/04/1986	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6257	**ML**549	Lê Thị Thương Giang	03/01/1986	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6258	**ML**550	Tạ Thị Vinh	10/11/1983	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6259	**ML**551	Lê Thị Thu Huyền	16/09/1987	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6260	**ML**552	Nguyễn Thị Hà	26/09/1983	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6261	**ML**553	Nguyễn Thị Thúy	20/01/1989	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6262	**ML**554	Nguyễn Thị Việt Hằng	20/10/1985	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6263	**ML**555	Đỗ Thị Thu	20/02/1994	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6264	**ML**556	Phạm Thị Cần	08/04/1983	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6265	**ML**557	Nguyễn Thị Thảo	07/03/1987	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6266	**ML**558	Lê Thị Hải Yến	20/10/1992	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6267	**ML**559	Nguyễn Thúy Loan	06/01/1985	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6268	**ML**560	Nguyễn Thị Mai	24/10/1981	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6269	**ML**561	Nguyễn Thị Huyền	14/06/1990	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6270	**ML**562	Nguyễn Thị Tuyên	05/11/1984	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6271	**ML**563	Phạm Thị Ánh	02/01/1982	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6272	**ML**564	Lưu Thị Ngọc Lan	09/10/1984	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6273	**ML**565	Mùi Thị Thân	21/07/1987	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6274	**ML**566	Đỗ Thị Thu	27/03/1993	Thanh Lâm A	Mê Linh	100	
6275	**ML**567	Nguyễn Thị Lan	6/12/1973	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6276	**ML**568	Nguyễn Thị Toan	8/21/1980	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6277	**ML**569	Nguyễn Thị Lan	2/4/1983	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6278	**ML**570	Lương Thị Tuyết	2/16/1978	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6279	**ML**571	Đàm Thị Thanh Hà	10/10/1978	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6280	**ML**572	Trương Thị Oanh	3/31/1983	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6281	**ML**573	Tạ Thị Phương Lan	5/28/1974	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6282	**ML**574	Tạ Thị Minh Hoàn	11/9/1994	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6283	**ML**575	Nguyễn Thị Hằng	4/16/1984	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6284	**ML**576	Phó Thanh Mai	9/1/1992	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6285	**ML**577	Hoàng Thị Hương	6/6/1990	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6286	**ML**578	Lê Thị Huyền	8/7/1990	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6287	**ML**579	Đỗ Thị Ngân	2/20/1986	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6288	**ML**580	Lỗ Thị Mến	7/22/1974	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6289	**ML**581	Phó Thị Thu Hường	11/16/1994	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6290	**ML**582	Phạm Thị Thu Hường	11/5/1984	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6291	**ML**583	Hoàng Thị Thuý	10/20/1992	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6292	**ML**584	Hà Thị Sáu	5/5/1970	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6293	**ML**585	Hoàng Thị Ánh	9/12/1984	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6294	**ML**586	Dương Kim Dung	5/25/1988	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6295	**ML**587	Đỗ Thị Dộng	2/20/1986	Thanh Lâm B	Mê Linh	100	
6296	**ML**588	Lê Thị Hoa	02/08/1981	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6297	**ML**589	Lê Thị Hồng	14/5/1971	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6298	**ML**590	Nguyễn Thị Thúy Nga	21/02/1975	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6299	**ML**591	Nguyễn Thị Lan Anh	17/03/1986	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6300	**ML**592	Đinh Thị Thu Hiền	22/10/1982	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6301	**ML**593	Nguyễn Thị Thảo	14/11/1989	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6302	**ML**594	Nguyễn Thị Huyền	7/30/1991	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6303	**ML**595	Nguyễn Thị Phương Huế	03/7/1992	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6304	**ML**596	Đặng Thị Phấn	30/9/1975	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6305	**ML**597	Lê Thi Thu Huyền	4/9/1980	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6306	**ML**598	Nguyễn Thị Thúy	29/3/1993	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6307	**ML**599	Trần Thị Nguyệt	27/7/1985	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6308	**ML**600	Phạm Thị Anh	17/02/1983	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6309	**ML**601	Vương Thị Hồng Hoàn	18/02/1988	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6310	**ML**602	Trần Thị Thu Hiền	03/09/1985	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6311	**ML**603	Trịnh Thị Vân	08/11/1992	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6312	**ML**604	Vũ Thị Minh Phượng	25/8/1974	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6313	**ML**605	Nguyễn Thị Hải	25/01/1990	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6314	**ML**606	Trần Thị Liên	20/9/1992	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6315	**ML**607	Lê Đặng Nguyệt Ánh	31/12/1994	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6316	**ML**608	Vương Thị Duyên	09/09/1975	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6317	**ML**609	Nguyễn Thị Chiêm	14/5/1982	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6318	**ML**610	Ngô Thị Kim Dung	09/9/1986	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6319	**ML**611	Lê Thị Tuyết	20/8/1970	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6320	**ML**612	Nguyễn Thị Thúy	1/8/1984	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6321	**ML**613	Ngô Thị Thu Hồng	11/22/1969	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6322	**ML**614	Lê Thị Hiên	20/5/1985	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6323	**ML**615	Phan Thị Hạ	10/9/1985	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6324	**ML**616	Nguyễn Thị Thu Thủy	7/28/1995	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6325	**ML**617	Trần Thị Huyền	1/30/1994	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6326	**ML**618	Vương Thị Nga	2/7/1994	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6327	**ML**619	Lương Thị Phương	1/1/1983	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6328	**ML**620	Bùi Thị Hà	6/25/1986	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6329	**ML**621	Lê Thị Thanh Hường	9/2/1988	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6330	**ML**622	Đặng Thị Thanh Hoa	24/09/1988	Tráng Việt	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6331	**ML**623	Lê Thị Thanh Hồng	2/8/1985	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6332	**ML**624	Nguyễn Thị Cam	10/1/1987	Tráng Việt	Mê Linh	100	
6333	**ML**625	Nguyễn Thị Thắm	13/12/1976	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6334	**ML**626	Nguyễn Thị Kim Oanh	07/04/1980	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6335	**ML**627	Nguyễn Thị Loan	25/12/1984	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6336	**ML**628	Nguyễn Thị Thuỷ	28/7/1985	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6337	**ML**629	Đặng Hải Yến	20/7/1983	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6338	**ML**630	Đặng Thị Hường	03/12/1989	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6339	**ML**631	Nguyễn Thị Thuần	15/6/1991	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6340	**ML**632	Nguyễn Thị Ngọc Bích	28/12/1993	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6341	**ML**633	Hà Thị Thu	25/8/1993	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6342	**ML**634	Cấn Thị Mến	26/6/1991	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6343	**ML**635	Nguyễn Thị Anh Vân	01/05/1989	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6344	**ML**636	Nguyễn Thị Chinh	02/11/1987	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6345	**ML**637	Trần Thị Đào	07/04/1990	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6346	**ML**638	Đỗ Thị Thiết	04/10/1992	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6347	**ML**639	Hồ Thị Liên	02/03/1982	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6348	**ML**640	Lê Thị Mạnh	20/6/1989	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6349	**ML**641	Đoàn Thị Thu	13/11/1988	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6350	**ML**642	Nguyễn Thuý Hà	01/02/1986	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6351	**ML**643	Trần Thị Hương	13/11/1980	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6352	**ML**644	Trần Thị Huyền	08/06/1987	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6353	**ML**645	Nguyễn Thị Viên	08/07/1990	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6354	**ML**646	Nguyễn Thị Tuất	05/01/1991	Vạn Yên	Mê Linh	100	
6355	**ML**647	Hoàng Thị Hưng	8/7/1981	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6356	**ML**648	Đinh Thị Vui	15/10/1975	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6357	**ML**649	Lê Thị Nhung	14/3/1988	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6358	**ML**650	Đinh Thị Thông	08/05/1988	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6359	**ML**651	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	02/10/1983	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6360	**ML**652	Nguyễn Thanh Huyền	8/8/1987	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6361	**ML**653	Đinh Thị Hạnh	29/06/1989	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6362	**ML**654	Nguyễn Thị Bình	18/11/1988	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6363	**ML**655	Nguyễn Thị Tiến	26/10/1985	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6364	**ML**656	Nguyễn Thị Thanh Hải	15/01/1988	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6365	**ML**657	Trương Thị Hà	3/3/1976	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6366	**ML**658	Đinh Thị Thu Hằng	08/04/1985	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6367	**ML**659	Nguyễn Thị Phương	27/08/1991	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6368	**ML**660	Nguyễn Thị Hiệp	07/10/1987	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6369	**ML**661	Lê Thị Thuận	24/03/1994	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6370	**ML**662	Nguyễn Thị Giang	25/05/1980	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6371	**ML**663	Ngô Thị Lan	24/5/1992	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6372	**ML**664	Lê Thị Yến	11/5/1986	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6373	**ML**665	Phạm Thị Tuyến	08/05/1985	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6374	**ML**666	Nguyễn Thị Phương	06/07/1986	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6375	**ML**667	Lê Thị Lan Phương	28/02/1988	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6376	**ML**668	Khúc Thị Thu Huyền	23/02/1990	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6377	**ML**669	Lê Thị Thúy	26/08/1987	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6378	**ML**670	Lê Thị Hiền	02/10/1988	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6379	**ML**671	Hoàng Thị Lan	25/05/1989	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6380	**ML**672	Lê Thị Diễm Hằng	14/12/1996	Văn Khê A	Mê Linh	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6381	**ML**673	Trần Thị Ngọc	16/09/1990	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6382	**ML**674	Trần Thị Quân	17/7/1990	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6383	**ML**675	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/3/1996	Văn Khê A	Mê Linh	100	
6384	**ML**676	Nguyễn Thị Vân	02/11/1970	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6385	**ML**677	Vũ Thị Vân Yến	13/02/1976	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6386	**ML**678	Đặng Thị Dung	03/06/1988	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6387	**ML**679	Lê Thị Hiền	09/07/1991	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6388	**ML**680	Lê Thị Hảo	08/12/1986	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6389	**ML**681	Nguyễn Thị Hảo	10/03/1986	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6390	**ML**682	Lê Thị Mến	12/04/1988	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6391	**ML**683	Lê Thị Thanh Hải	12/09/1989	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6392	**ML**684	Nguyễn Thị Vân	27/10/1988	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6393	**ML**685	Đinh Thị Uyên	21/04/1990	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6394	**ML**686	Nguyễn Thị Thảo	22/02/1994	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6395	**ML**687	Nguyễn Thị Hải Yến	02/05/1994	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6396	**ML**688	Trịnh Thị Hào	09/04/1992	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6397	**ML**689	Nguyễn Thị Hậu	02/06/1989	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6398	**ML**690	Lê Thị Hải	08/08/1980	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6399	**ML**691	Nguyễn Thị Thanh Hiền	28/08/1979	Văn Khê B	Mê Linh	100	
6400	***MĐ*** 001	Trần Thị Hiếu	2/19/1976	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6401	***MĐ*** 002	Lê Thị Thu	1/2/1974	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6402	***MĐ*** 003	Nguyễn Thị Nương	3/26/1987	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6403	***MĐ*** 004	Trịnh Bích Phượng	11/11/1991	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6404	***MĐ*** 005	Trần Thị Lan Anh	11/15/1984	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6405	***MĐ*** 006	Nguyễn Thị Tiên	8/6/1975	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6406	***MĐ*** 007	Nguyễn Thị Thu	5/25/1976	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6407	***MĐ*** 008	Cao Thị Mỹ Duyên	2/17/1992	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6408	***MĐ*** 009	Trịnh Ngọc Bích	5/30/1988	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6409	***MĐ*** 010	Trần Thị Huệ	6/3/1992	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6410	***MĐ*** 011	Lê Thị Nga	4/13/1992	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6411	***MĐ*** 012	Nguyễn Thị Minh	7/19/1992	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6412	***MĐ*** 013	Phạm Thị Hồng Chung	5/15/1991	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6413	***MĐ*** 014	Phạm Thị Hiền	5/5/1990	Đồng Tâm	Mỹ Đức	100	
6414	***MĐ*** 015	Nguyễn Thị Chuyển	10/8/1970	Phúc Lâm	Mỹ Đức	100	
6415	***MĐ*** 016	Nguyễn Thị Hồng	01/2/1972	Phúc Lâm	Mỹ Đức	100	
6416	***MĐ*** 017	Khuất Thị Nguyên	15/10/1989	Phúc Lâm	Mỹ Đức	100	
6417	***MĐ*** 018	Nguyễn Thị Thiệp	01/5/1986	Phúc Lâm	Mỹ Đức	100	
6418	***MĐ*** 019	Nguyễn Thị Chi	20/2/1994	Phúc Lâm	Mỹ Đức	100	
6419	***MĐ*** 020	Nguyễn Thị Nụ	27/9/1991	Phúc Lâm	Mỹ Đức	100	
6420	***MĐ*** 021	Khuất Thị Thu Trang	16/11/1984	Phúc Lâm	Mỹ Đức	100	
6421	***MĐ*** 022	Nguyễn Thị Của	07/10/1971	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6422	***MĐ*** 023	Nguyễn Thị Gán	10/10/1970	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6423	***MĐ*** 024	Vũ Thị Hồng Minh	23/5/1977	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6424	***MĐ*** 025	Nguyễn Thị Thu Hường	02/01/1985	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6425	***MĐ*** 026	Nguyễn Thị Tuyết	17/10/1979	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6426	***MĐ*** 027	Nguyễn Thị Hồng	20/5/1981	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6427	***MĐ*** 028	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/6/1990	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6428	***MĐ*** 029	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/10/1980	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6429	***MĐ*** 030	Nguyễn Thị Hạnh	29/10/1993	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6430	***MĐ*** 031	Nguyễn Thị Lâm	01/9/1969	An Mỹ	Mỹ Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6431	***MĐ*** 032	Lê Thị Ngọc Nga	10/7/1984	An Mỹ	Mỹ Đức	100	
6432	***MĐ*** 033	Nguyễn Thị Hương	17/9/1978	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6433	***MĐ*** 034	Bùi Thị Nhật Công	01/9/1983	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6434	***MĐ*** 035	Trịnh Thị Phương	09/6/1985	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6435	***MĐ*** 036	Nguyễn Phương Thảo	23/8/1984	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6436	***MĐ*** 037	Trịnh Thị Tươi	07/5/1989	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6437	***MĐ*** 038	Nguyễn Thị Trang	22/10/1989	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6438	***MĐ*** 039	Nguyễn Thị Duyên	20/4/1987	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6439	***MĐ*** 040	Hồ Như Quỳnh	28/2/1990	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6440	***MĐ*** 041	Nguyễn Trang Thu	29/9/1993	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6441	***MĐ*** 042	Nguyễn Thị Hằng	01/7/1987	Thượng Lâm	Mỹ Đức	100	
6442	***MĐ*** 043	Kim Thị Biền	7/17/1972	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6443	***MĐ*** 044	Lê Thị Mừng	1/2/1972	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6444	***MĐ*** 045	Nguyễn Thị Bộ	7/18/1971	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6445	***MĐ*** 046	Nguyễn Thị Sinh	12/28/1980	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6446	***MĐ*** 047	Trịnh Thị Hà	5/21/1984	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6447	***MĐ*** 048	Phạm Thị Hằng	8/14/1991	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6448	***MĐ*** 049	Nguyễn Thị Lam	8/15/1989	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6449	***MĐ*** 050	Bùi Thị Tuyết Mai	7/10/1979	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6450	***MĐ*** 051	Lê Thị Hạnh	2/10/1992	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6451	***MĐ*** 052	Kim Thị Thủy	9/26/1983	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6452	***MĐ*** 053	Lê Thị Lan	12/20/1984	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6453	***MĐ*** 054	Kim Thị Hồng Vân	7/18/1983	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6454	***MĐ*** 055	Trần Thị Xuyến	5/25/1990	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6455	***MĐ*** 056	Lê Thị Thảo	12/27/1990	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6456	***MĐ*** 057	Nguyễn Thị Thu Thủy	12/10/1972	Bột Xuyên	Mỹ Đức	100	
6457	***MĐ*** 058	Nguyễn Thị Hoa	11/1/1971	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6458	***MĐ*** 059	Nguyễn Thị Hoàn	1/23/1973	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6459	***MĐ*** 060	Nguyễn Thị Luyên	4/10/1978	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6460	***MĐ*** 061	Kim Thị Mị Nương	10/15/1984	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6461	***MĐ*** 062	Đinh Thị Mến	8/10/1981	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6462	***MĐ*** 063	Nguyễn Thị Thương	2/10/1981	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6463	***MĐ*** 064	Kim Thị Hiền	12/31/1987	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6464	***MĐ*** 065	Đinh Thị Yến	8/8/1987	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6465	***MĐ*** 066	Nguyễn Thị Lan	1/1/1974	Mỹ Thành	Mỹ Đức	100	
6466	***MĐ*** 067	Lê Thị Nang	6/24/1971	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6467	***MĐ*** 068	Bùi Thị Duyên	2/1/1979	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6468	***MĐ*** 069	Phùng Thị Huệ	3/20/1988	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6469	***MĐ*** 070	Phùng Thị Ly	8/11/1989	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6470	***MĐ*** 071	Hoàng Thị Vượng	8/3/1987	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6471	***MĐ*** 072	Đinh Thị Hồng	12/10/1992	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6472	***MĐ*** 073	Đinh Thị Xuyên	10/14/1993	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6473	***MĐ*** 074	Đinh Thị Tư	2/10/1994	Tuy Lai A	Mỹ Đức	100	
6474	***MĐ*** 075	Tạ Thị Biên	7/20/1978	Tuy Lai B	Mỹ Đức	100	
6475	***MĐ*** 076	Bùi Thị Hiền	5/25/1982	Tuy Lai B	Mỹ Đức	100	
6476	***MĐ*** 077	Đinh Thị Thành	8/10/1981	Tuy Lai B	Mỹ Đức	100	
6477	***MĐ*** 078	Nguyễn Thị Vui	5/14/1989	Tuy Lai B	Mỹ Đức	100	
6478	***MĐ*** 079	Phạm Thị Nhung	2/24/1990	Tuy Lai B	Mỹ Đức	100	
6479	***MĐ*** 080	Đinh Thị Huyền	12/26/1974	Tuy Lai B	Mỹ Đức	100	
6480	***MĐ*** 081	Nguyễn Thị Mừng	1/12/1987	Tuy Lai B	Mỹ Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6481	***MĐ*** 082	Trần Thị Thúy Tình	28/'2/1971	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6482	***MĐ*** 083	Vũ Thị Sáu	08/3/1976	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6483	***MĐ*** 084	Trần Thị Ánh Tuyết	11/11/1986	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6484	***MĐ*** 085	Nguyễn Thị Thu Phương	26/6/1983	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6485	***MĐ*** 086	Nguyễn Thị Sánh	22/7/1988	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6486	***MĐ*** 087	Nguyễn Thúy Ước	16/9/1991	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6487	***MĐ*** 088	Vũ Thị Kim Cúc	11/9/1991	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6488	***MĐ*** 089	Lê Thị Hải Yến	10/6/1992	Hồng Sơn	Mỹ Đức	100	
6489	***MĐ*** 090	Nguyễn Thị Kim Anh	10/4/1975	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6490	***MĐ*** 091	Phạm Thị Phiến	10/29/1976	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6491	***MĐ*** 092	Hoàng Thị Luân	10/10/1974	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6492	***MĐ*** 093	Phạm Thị Vân	1/1/1986	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6493	***MĐ*** 094	Phạm Thị Loan	7/10/1986	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6494	***MĐ*** 095	Nguyễn Thị Huyền	10/15/1989	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6495	***MĐ*** 096	Phạm Thị Hòa	6/15/1992	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6496	***MĐ*** 097	Phạm Thị Linh	12/22/1993	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6497	***MĐ*** 098	Nguyễn Thị Thiên Lý	7/16/1980	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6498	***MĐ*** 099	Nguyễn Thị Yến	11/20/1992	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6499	***MĐ*** 100	Hoàng Thị Hiền	10/18/1974	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6500	***MĐ*** 101	Nguyễn Việt Hồng	6/2/1974	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6501	***MĐ*** 102	Nguyễn Thị Mười	2/27/1981	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6502	***MĐ*** 103	Nguyễn Thị Lan	11/28/1989	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6503	***MĐ*** 104	Đỗ Thị Tuyến	3/20/1992	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6504	***MĐ*** 105	Hoàng Thị Thu Hằng	5/12/1975	Lê Thanh A	Mỹ Đức	100	
6505	***MĐ*** 106	Nguyễn Thị Thuận	01/9/1972	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6506	***MĐ*** 107	Nguyễn Thị Lê Na	15/2/1984	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6507	***MĐ*** 108	Nguyễn Thị Nga	1/6/1981	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6508	***MĐ*** 109	Nguyễn Thị Ngọc	03/5/1986	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6509	***MĐ*** 110	Nguyễn Thị Hà	11/8/1987	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6510	***MĐ*** 111	Nguyễn Thị Bằng	02/10/1979	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6511	***MĐ*** 112	Hoàng Thị Trang	31/10/1987	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6512	***MĐ*** 113	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/8/1980	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6513	***MĐ*** 114	Dương Thị Ngọc Lan	03/11/1980	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6514	***MĐ*** 115	Nguyễn Thị Thu	15/10/1989	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6515	***MĐ*** 116	Nguyễn Thị Vàng	07/8/1982	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6516	***MĐ*** 117	Đặng Thịnh Thịnh	3/11/1991	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6517	***MĐ*** 118	Dương Thị Diên	12/23/1986	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6518	***MĐ*** 119	Nguyễn Thị Thanh	9/25/1973	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6519	***MĐ*** 120	Lê Thị Hằng	10/20/1972	Lê Thanh B	Mỹ Đức	100	
6520	***MĐ*** 121	Phạm Thị Thắm	7/5/1972	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6521	***MĐ*** 122	Nguyễn Thị Hương	8/4/1981	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6522	***MĐ*** 123	Nguyễn Thị Kim Thủy	6/21/1992	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6523	***MĐ*** 124	Nguyễn Thị Lan Anh	10/16/1991	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6524	***MĐ*** 125	Nguyễn Thị Nga	8/15/1991	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6525	***MĐ*** 126	Nguyễn Thị Thắm	9/25/1993	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6526	***MĐ*** 127	Nguyễn Thị Kim Nhung	4/15/1990	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6527	***MĐ*** 128	Cao Thị Phiên	4/5/1985	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6528	***MĐ*** 129	Tạ Thị Huyền	8/7/1989	Phù Lưu Tế	Mỹ Đức	100	
6529	***MĐ*** 130	Hoàng Thị Tính	13/01/1980	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	
6530	***MĐ*** 131	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	17/12/1977	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6531	***MĐ*** 132	Nguyễn Thị Oanh	20/3/1984	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	
6532	***MĐ*** 133	Nguyễn Thị Thúy	29/10/1991	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	
6533	***MĐ*** 134	Dương Thị Hiền	10/11/1983	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	
6534	***MĐ*** 135	Nguyễn Thị Hà	14/8/1984	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	
6535	***MĐ*** 136	Trần Thị Hằng	14/11/1977	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	
6536	***MĐ*** 137	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/6/1986	Xuy Xá	Mỹ Đức	100	
6537	***MĐ*** 138	Nguyễn Thị Hương Nhài	04/5/1986	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6538	***MĐ*** 139	Hoàng Thị Hiền	06/9/1975	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6539	***MĐ*** 140	Nguyễn Việt Anh	15/7/1984	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6540	***MĐ*** 141	Dương Thị Liên	01/10/1986	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6541	***MĐ*** 142	Lê Thị Vinh	20/7/1990	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6542	***MĐ*** 143	Nguyễn Thị Thảo	03/11/1991	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6543	***MĐ*** 144	Đỗ Thị Thúy	20/1/1993	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6544	***MĐ*** 145	Hoàng Thị Thơm	12/2/1989	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6545	***MĐ*** 146	Hoàng Thị Thương	03/6/1988	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6546	***MĐ*** 147	Hoàng Thị Hòa	14/9/1987	Phùng Xá	Mỹ Đức	100	
6547	***MĐ*** 148	Đặng Thị Tâm	9/9/1968	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6548	***MĐ*** 149	Lê Thị Như Hoa	10/4/1974	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6549	***MĐ*** 150	Phạm Thị Hồng Lựu	5/3/1982	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6550	***MĐ*** 151	Liêu Thị Nhung	10/18/1985	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6551	***MĐ*** 152	Nguyễn Thị Vân Anh	8/10/1983	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6552	***MĐ*** 153	Nguyễn Thị Phương	10/7/1990	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6553	***MĐ*** 154	Lê Thị Trang	4/30/1993	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6554	***MĐ*** 155	Dương Thị Yên	8/12/1984	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6555	***MĐ*** 156	Nguyễn Thị Việt Hà	12/6/1977	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6556	***MĐ*** 157	Nguyễn Thị Phương Ái	5/6/1982	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6557	***MĐ*** 158	Nguyễn Thị Thu Hà	6/7/1989	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6558	***MĐ*** 159	Lê Lưu Ly	4/18/1994	Tế Tiêu	Mỹ Đức	100	
6559	***MĐ*** 160	Nguyễn Thu Hà	24/11/1983	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6560	***MĐ*** 161	Đào Thị Thu Hiên	12/02/1979	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6561	***MĐ*** 162	Phạm Thị Khuyên	05/9/1980	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6562	***MĐ*** 163	Nguyễn Thị Việt Trang	06/02/1981	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6563	***MĐ*** 164	Trần Thị Vui	05/10/1991	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6564	***MĐ*** 165	Nguyễn Thị Huyền	24/6/1989	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6565	***MĐ*** 166	Nguyễn Thị Tính	05/02/1985	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6566	***MĐ*** 167	Lê Thị Thanh Huyền	20/10/1994	Đại Hưng	Mỹ Đức	100	
6567	***MĐ*** 168	Hoàng Thị Biển	14/8/1988	Đại Nghĩa	Mỹ Đức	100	
6568	***MĐ*** 169	Nguyễn Thị Tươi	18/4/1972	Đại Nghĩa	Mỹ Đức	100	
6569	***MĐ*** 170	Nguyễn Thuỳ Linh	14/01/1991	Đại Nghĩa	Mỹ Đức	100	
6570	***MĐ*** 171	Trần Thị Thêu	30/8/1990	Đại Nghĩa	Mỹ Đức	100	
6571	***MĐ*** 172	Đỗ Thị Thoa	26/9/1982	Đại Nghĩa	Mỹ Đức	100	
6572	***MĐ*** 173	Nguyễn Thị Tuyến	10/24/1975	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6573	***MĐ*** 174	Nguyễn Thị Anh	7/18/1990	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6574	***MĐ*** 175	Vũ Thị Nhung	12/31/1992	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6575	***MĐ*** 176	Nguyễn Thị Dung	2/14/1990	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6576	***MĐ*** 177	Trịnh Thị Minh Thúy	2/15/1984	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6577	***MĐ*** 178	Lương Thị Phương	2/17/1985	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6578	***MĐ*** 179	Nguyễn Thị Huyền	5/17/1992	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6579	***MĐ*** 180	Vũ Thị Thảo	3/18/1990	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	
6580	***MĐ*** 181	Hoàng Thị Thu Hoài	7/10/1989	Đốc Tín	Mỹ Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6581	***MĐ*** 182	Nguyễn Thị Lê	2/28/1985	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6582	***MĐ*** 183	Lê Thị Bích Hồng	1/20/1982	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6583	***MĐ*** 184	Đinh Thị Hảo	10/13/1991	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6584	***MĐ*** 185	Lê Thị Lương Quyên	5/4/1980	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6585	***MĐ*** 186	Vũ Thoại Mỹ	6/28/1993	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6586	***MĐ*** 187	Đinh Hương Lan	5/1/1993	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6587	***MĐ*** 188	Đỗ Thị Mai Hương	10/20/1990	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6588	***MĐ*** 189	Nguyễn Thị Hoài Thu	1/1/1991	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6589	***MĐ*** 190	Nguyễn Thị Liên	9/26/1991	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6590	***MĐ*** 191	Trương Thị Huyền	2/6/1990	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6591	***MĐ*** 192	Đỗ Thị Thân	6/12/1992	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6592	***MĐ*** 193	Nguyễn Thị Nhung	1/20/1973	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6593	***MĐ*** 194	Nguyễn Thị Lanh	2/18/1986	Vạn Kim	Mỹ Đức	100	
6594	***MĐ*** 195	Nguyễn Thị Hợi	17/08/1970	An Tiến	Mỹ Đức	100	
6595	***MĐ*** 196	Trần Thị Minh Hường	15/08/1989	An Tiến	Mỹ Đức	100	
6596	***MĐ*** 197	Nguyễn Thị Thúy Nhàn	11/03/1985	An Tiến	Mỹ Đức	100	
6597	***MĐ*** 198	Chu Thúy Ngà	30/11/1983	An Tiến	Mỹ Đức	100	
6598	***MĐ*** 199	Trần Phương Thảo	11/27/1991	An Tiến	Mỹ Đức	100	
6599	***MĐ*** 200	Bạch Thị Xuân	23/04/1989	An Tiến	Mỹ Đức	100	
6600	***MĐ*** 201	Nguyễn Thị Hường	04/04/1989	An Tiến	Mỹ Đức	100	
6601	***MĐ*** 202	Nguyễn Thị Thám	10/06/1973	Hùng Tiến	Mỹ Đức	100	
6602	***MĐ*** 203	Nguyễn Thị Xen	12/6/1977	Hùng Tiến	Mỹ Đức	100	
6603	***MĐ*** 204	Nguyễn Thị Lan	25/8/1984	Hùng Tiến	Mỹ Đức	100	
6604	***MĐ*** 205	Đào Thị Tuyết Dung	01/3/1983	Hùng Tiến	Mỹ Đức	100	
6605	***MĐ*** 206	Nguyễn Thị Huyền	23/09/1985	Hùng Tiến	Mỹ Đức	100	
6606	***MĐ*** 207	Nguyễn Thị Hằng	02/12/1989	Hùng Tiến	Mỹ Đức	100	
6607	***MĐ*** 208	Bùi Thị Thanh Phương	08/8/1986	Hợp Tiến A	Mỹ Đức	100	
6608	***MĐ*** 209	Đặng Thị Điểm	05/4/1978	Hợp Tiến A	Mỹ Đức	100	
6609	***MĐ*** 210	Phạm Thị Hải	11/8/1988	Hợp Tiến A	Mỹ Đức	100	
6610	***MĐ*** 211	Trần Thị Loan	10/2/1990	Hợp Tiến A	Mỹ Đức	100	
6611	***MĐ*** 212	Nguyễn Thị Phương	01/10/1994	Hợp Tiến A	Mỹ Đức	100	
6612	***MĐ*** 213	Nguyễn Thị Hường	20/10/1983	Hợp Tiến A	Mỹ Đức	100	
6613	***MĐ*** 214	Trần Thị Trinh	12/16/1974	Hợp Tiến B	Mỹ Đức	100	
6614	***MĐ*** 215	Bùi Thị Toàn	3/23/1990	Hợp Tiến B	Mỹ Đức	100	
6615	***MĐ*** 216	Đinh Thị Ngọc	10/28/1990	Hợp Tiến B	Mỹ Đức	100	
6616	***MĐ*** 217	Trần Thị Hơn	9/13/1991	Hợp Tiến B	Mỹ Đức	100	
6617	***MĐ*** 218	Nguyễn Thị Dịu	12/20/1989	Hợp Tiến B	Mỹ Đức	100	
6618	***MĐ*** 219	Nguyễn Thị Trang Ngoan	2/13/1983	Hợp Thanh	Mỹ Đức	100	
6619	***MĐ*** 220	Nguyễn Thị Hiền	8/23/1974	Hợp Thanh	Mỹ Đức	100	
6620	***MĐ*** 221	Đoàn Thị Quý	5/29/1973	Hợp Thanh	Mỹ Đức	100	
6621	***MĐ*** 222	Nguyễn Thị Khánh Hòa	2/2/1984	Hợp Thanh	Mỹ Đức	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
6622	***MĐ*** 223	Vũ Minh Hồng	5/1/1982	Hợp Thanh	Mỹ Đức	100	
6623	***MĐ*** 224	Vũ Thị Trang	8/29/1987	Hợp Thanh	Mỹ Đức	100	
6624	***MĐ*** 225	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	8/25/1988	Hợp Thanh	Mỹ Đức	100	
6625	***MĐ*** 226	Nguyễn Như Quỳnh	15/07/1984	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6626	***MĐ*** 227	Nguyễn Thị Kim Oanh	28/12/1978	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6627	***MĐ*** 228	Vương Thị Trang	18/04/1992	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6628	***MĐ*** 229	Đồng Thị Thảo	21/09/1990	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6629	***MĐ*** 230	Vương Thị Hiên	01/01/1972	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6630	***MĐ*** 231	Nguyễn Thị Minh Phương	25/07/1992	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6631	***MĐ*** 232	Vũ Thúy Quỳnh	28/01/1989	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6632	***MĐ*** 233	Vương Thị Huyền Trang	19/03/1993	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6633	***MĐ*** 234	Nguyễn Thị Hiên	19/11/1994	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6634	***MĐ*** 235	Nguyễn Thị Lan	11/03/1993	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6635	***MĐ*** 236	Nguyễn Thị Nhung	09/01/1990	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6636	***MĐ*** 237	Nguyễn Thị Hà	12/6/1988	Hương Sơn A	Mỹ Đức	100	
6637	***MĐ*** 238	Phạm Xuân Hòa	25/6/1991	Hương Sơn B	Mỹ Đức	85	Thiếu quyết định bổ nhiệm CDNN GVMN hạng III mã số V07.02.26
6638	***MĐ*** 239	Đồng Thị Nhài	16/6/1985	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6639	***MĐ*** 240	Trần Thị Phương	18/9/1986	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6640	***MĐ*** 241	Lê Thị Trang	10/11/1992	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6641	***MĐ*** 242	Đinh Thị Huyền	06/01/1985	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6642	***MĐ*** 243	Vương Thị Bích Nhung	24/10/1983	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6643	***MĐ*** 244	Lê Thị Mỹ Linh	19/5/1994	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6644	***MĐ*** 245	Đồng Thị Thanh	09/01/1990	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6645	***MĐ*** 246	Trịnh Thị Vân	27/3/1992	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6646	***MĐ*** 247	Trịnh Thị Huệ	13/12/1989	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6647	***MĐ*** 248	Đồng Thị Thúy	02/11/1977	Hương Sơn B	Mỹ Đức	100	
6648	***MĐ*** 249	Hoàng Thị Kim Ngân	03/10/1976	An Phú A	Mỹ Đức	100	
6649	***MĐ*** 250	Trần Thị Uyên	02/07/1983	An Phú A	Mỹ Đức	100	
6650	***MĐ*** 251	Quách Thị Chuyền	17/5/1990	An Phú A	Mỹ Đức	100	
6651	***MĐ*** 252	Bùi Thị Hạnh	08/01/1992	An Phú A	Mỹ Đức	100	
6652	***MĐ*** 253	Trần Thị Kim	09/9/1993	An Phú A	Mỹ Đức	100	
6653	***MĐ*** 254	Trần Thị Huyền Trang	19/8/1993	An Phú A	Mỹ Đức	100	
6654	***MĐ*** 255	Nguyễn Thị Bền	20/07/1989	An Phú A	Mỹ Đức	100	
6655	***MĐ*** 256	Nguyễn Thị Hoàn	02/08/1982	An Phú B	Mỹ Đức	100	
6656	***MĐ*** 257	Trần Thị Thùy	12/06/1988	An Phú B	Mỹ Đức	100	
6657	***MĐ*** 258	Nguyễn Thị Huế	21/07/1991	An Phú B	Mỹ Đức	100	
6658	***MĐ*** 259	Nguyễn Thị Trang	12/11/1991	An Phú B	Mỹ Đức	100	
6659	***MĐ*** 260	Phạm Thị Hoan	27/02/1989	An Phú B	Mỹ Đức	100	
6660	**NL**001	Trần Thanh Thiết	16/11/1980	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6661	**NL**002	Nguyễn Thị Hải Yến	10/11/1983	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6662	**NL**003	Nguyễn Thị Luyến	07/10/1983	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6663	**NL**004	Dương Bích Hạnh	10/31/1986	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6664	**NL**005	Trần Thị Hòa	25/07/1981	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6665	**NL**006	Bùi Thị Hải Anh	09/11/1985	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6666	**NL**007	Ngô Thị Thu Hương	01/07/1993	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6667	**NL**008	Phạm Thị Huê	4/16/1983	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6668	**NL**009	Nguyễn Thị Kim Thúy	04/04/1981	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6669	**NL**010	Thân Thị Thủy	10/26/1991	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6670	**NL**011	Nguyễn Thị Huyền	03/11/1990	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6671	**NL**012	Nguyễn Thu Trang	10/22/1993	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6672	**NL**013	Nguyễn Minh Hảo	2/12/1986	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6673	**NL**014	Tạ Thị Huyền	10/6/1991	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6674	**NL**015	Nguyễn Thị Thu	12/10/1989	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6675	**NL**016	Trần Thị Duyên	2/11/1992	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6676	**NL**017	Ngô Thị Hoa	3/2/1994	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6677	**NL**018	Tạ Thị Thu Huyền	1/20/1986	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6678	**NL**019	Nguyễn Thị Hân	8/20/1983	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6679	**NL**020	Vũ Thị Cam	5/16/1983	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6680	**NL**021	Nguyễn Thị Hảo	8/21/1989	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6681	**NL**022	Bùi Thị Vi Lê	12/10/1982	Cầu Diễn	Nam T.Liêm	100	
6682	**NL**023	Nguyễn Thị Thanh Mùi	25/11/1979	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6683	**NL**024	Lưu Thị Hoàng Anh	02/03/1980	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6684	**NL**025	Nguyễn Thị Phương Thuý	16/11/1983	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6685	**NL**026	Đỗ Thị Thu Thuỷ	13/02/1980	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6686	**NL**027	Nguyễn Thị Thuỷ	12/09/1979	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6687	**NL**028	Nguyễn Khánh Hoà	02/01/1987	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6688	**NL**029	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	15/07/1981	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6689	**NL**030	Nguyễn Thị Hiên	14/07/1991	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6690	**NL**031	Nguyễn Thị Hồng Phương	20/11/1983	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6691	**NL**032	Nghiêm Thị Thu Dung	08/10/1982	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6692	**NL**033	Nguyễn Thị Thư	30/04/1987	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6693	**NL**034	Nguyễn Thị Mai Hoa	24/03/1974	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6694	**NL**035	Nguyễn Thị Mai	04/11/1982	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6695	**NL**036	Đặng Thị Thu Hằng	06/08/1988	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6696	**NL**037	Nguyễn Thị Phương	27/08/1985	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6697	**NL**038	Nghiêm Thị Nguyệt	01/05/1980	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6698	**NL**039	Nguyễn Phương Thảo	05/10/1990	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6699	**NL**040	Đỗ Hồng Nhung	07/09/1992	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6700	**NL**041	Bùi Thị Quý	23/11/1992	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6701	**NL**042	Nguyễn Hoài Thanh	05/05/1981	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6702	**NL**043	Lê Bích Liên	23/02/1978	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6703	**NL**044	Đinh Thị Thanh Tú	12/03/1993	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6704	**NL**045	Nguyễn Thị Thanh Hải	02/01/1994	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6705	**NL**046	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	01/12/1988	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6706	**NL**047	Trần Thị Thắm	23/02/1998	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6707	**NL**048	Lê Thị Thanh Thuỷ	12/10/1984	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6708	**NL**049	Nguyễn Minh Thuỷ	26/11/1983	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6709	**NL**050	Nguyễn Thuý Phương	21/09/1985	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6710	**NL**051	Nguyễn Thị Hoa	13/05/1983	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6711	**NL**052	Đỗ Thị Ngọc Hoa	11/07/1980	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6712	**NL**053	Nguyễn Thị Thu Hoài	12/09/1986	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6713	**NL**054	Quách Thu Thảo	17/07/1993	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6714	**NL**055	Nguyễn Thị Huệ	18/10/1989	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6715	**NL**056	Bạch Thị Dung	03/06/1994	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6716	**NL**057	Đặng Thị Trà Giang	13/01/1994	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6717	**NL**058	Đỗ Hồng Nhung	10/08/1980	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6718	**NL**059	Nguyễn Thị Yên	16/10/1984	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6719	**NL**060	Nguyễn Thị Thu Hà	21/01/1980	Đại Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6720	**NL**061	Nguyễn Thị Thuyết	2/11/1970	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6721	**NL**062	Nguyễn Thanh Huyền	11/17/1979	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6722	**NL**063	Đào Thanh Thủy	1/10/1980	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6723	**NL**064	Ngô Thị Trang	12/20/1991	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6724	**NL**065	Trần Thị Hương	11/25/1992	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6725	**NL**066	Bùi Thị Đào	5/8/1987	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6726	**NL**067	Phạm Thị Thảo	11/15/1991	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6727	**NL**068	Mai Thị Loan	9/17/1989	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6728	**NL**069	Nguyễn Thị Hà	10/22/1991	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6729	**NL**070	Đào Thị Thu	12/31/1994	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6730	**NL**071	Nguyễn Thị Thanh Loan	1/6/1989	Đại Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6731	**NL**072	Nguyễn Thị Chuyên	1/22/1975	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6732	**NL**073	Đỗ Thị Huyền	26/12/1977	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6733	**NL**074	Nguyễn Thị Vân	23/11/1984	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6734	**NL**075	Nguyễn Hồng Linh	5/12/1985	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6735	**NL**076	Võ Thị Quỳnh Hoa	13/11/1980	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6736	**NL**077	Nguyễn Minh Tuyển	2/25/1986	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6737	**NL**078	Nguyễn Thị Thắng	1/27/1984	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6738	**NL**079	Lưu Thị Thêu	1/25/1983	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6739	**NL**080	Nghiêm Thị Quyên	10/6/1976	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6740	**NL**081	Nguyễn Thị Bích Thủy	13/4/1972	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6741	**NL**082	Trương Thị Hải Yến	7/4/1987	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6742	**NL**083	Phạm Thị Giang	8/6/1988	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6743	**NL**084	Lưu Thị Tuyết Mai	22/8/1978	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6744	**NL**085	Bùi Thị Thanh	6/1/1973	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6745	**NL**086	Lê Thị Lụa	20/2/1988	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6746	**NL**087	Nguyễn Thị Phương Anh	27/4/1996	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6747	**NL**088	Nguyễn Thị Thùy Dung	31/10/1991	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6748	**NL**089	Tạ Thị Như Hoa	18/6/1985	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6749	**NL**090	Đỗ Thị Huế	18/8/1986	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6750	**NL**091	Nguyễn Thị Minh Thu	2/8/1988	Mỹ Đình 1	Nam T.Liêm	100	
6751	**NL**092	Vũ Thị Kim Anh	26/11/1978	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6752	**NL**093	Nguyễn Thị Quang Hòa	17/09/1979	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6753	**NL**094	Trần Thị Thúy	02/07/1971	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6754	**NL**095	Đỗ Thị Giang	19/01/1977	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6755	**NL**096	Nguyễn Thị Thu Hương	01/12/1987	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6756	**NL**097	Nguyễn Thị Xuyên	23/12/1977	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6757	**NL**098	Hà Thị Hạnh	01/09/1985	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6758	**NL**099	Đặng Hồng Tâm	07/01/1985	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6759	**NL**100	Trần Thị Lê	06/09/1985	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6760	**NL**101	Phạm Mỹ Lệ	24/10/1976	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6761	**NL**102	Thân Thị Thanh Nhàn	04/09/1992	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6762	**NL**103	Nguyễn Thị Nụ	09/11/1985	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6763	**NL**104	Tạ Thị Loan	24/08/1985	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6764	**NL**105	Nguyễn Kim Dung	14/08/1990	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6765	**NL**106	Hoàng Thị Xuyến	21/08/1986	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6766	**NL**107	Nguyễn Thị Ngọc Ân	03/08/1978	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6767	**NL**108	Ngô Thị Minh	10/06/1991	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6768	**NL**109	Nguyễn Thị Hiên	25/03/1976	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6769	**NL**110	Trần Thị Diễm	10/02/1987	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6770	**NL**111	Hoàng Thị Thu Hà	15/01/1989	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6771	**NL**112	Lê Thị Vân	24/04/1986	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6772	**NL**113	Nguyễn Thị Mai Nga	18/12/1984	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6773	**NL**114	Nguyễn Thùy Nga	21/07/1979	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6774	**NL**115	Nguyễn Thị Như Trang	23/03/1990	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6775	**NL**116	Ngô Thị Ngàn	19/10/1989	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6776	**NL**117	Hoàng Thị Sỹ	19/08/1989	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6777	**NL**118	Chu Thị Luyến	12/01/1985	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6778	**NL**119	Đặng Thị Hằng	15/08/1987	Mỹ Đình 2	Nam T.Liêm	100	
6779	**NL**120	Lưu Tuyết Hà	15/06/1977	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6780	**NL**121	Nguyễn Thị Vân	07/08/ 1983	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6781	**NL**122	Nghiêm Thị Ngọc Dung	01/01/1977	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6782	**NL**123	Nguyễn Thị Hằng	31/03/ 1979	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6783	**NL**124	Đặng Thị Tuyết	23/02/ 1978	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6784	**NL**125	Đỗ Thị Tuyết	20/02/ 1970	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6785	**NL**126	Nguyễn Thị Hồng Ngọ	02/06/ 1978	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6786	**NL**127	Ngô Thu Hằng	17/10/ 1972	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6787	**NL**128	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	18/06/ 1974	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6788	**NL**129	Phạm Thị Nghĩa	10/07 /1983	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6789	**NL**130	Nguyễn Thị Xuân Hường	27/09/ 1973	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6790	**NL**131	Nguyễn Thị Phương Nhung	13/11/1987	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6791	**NL**132	Nguyễn Thanh Hải	21/04/ 1988	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6792	**NL**133	Nguyễn Thị Mai	22/02/ 1987	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6793	**NL**134	Nguyễn Thị Duyên	23/05/ 1990	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6794	**NL**135	Nguyễn Thị Oanh	05/08/ 1991	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6795	**NL**136	Nguyễn Như Quỳnh	02/05/ 1991	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6796	**NL**137	Trần Thị Luyến	10/12/ 1987	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6797	**NL**138	Nguyễn Thị Hằng	04/04/ 1988	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6798	**NL**139	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/06/ 1983	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6799	**NL**140	Nguyễn Thị Bích Thủy	29/09/ 1971	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6800	**NL**141	Nguyễn Thị Yến	20/06/ 1973	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6801	**NL**142	Nghiêm Thị Oanh	10/01/ 1980	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6802	**NL**143	Nguyễn Hải Yến	26/10/ 1991	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6803	**NL**144	Sỹ Thị Huyền	11/08/ 1989	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6804	**NL**145	Nguyễn Thị Hoa	18/07/ 1989	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6805	**NL**146	Ngô Thị Thùy Dương	15/04/ 1985	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6806	**NL**147	Nguyễn Thị Chung	10/10/ 1986	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6807	**NL**148	Nguyễn Thị Thanh Hiền	27/12/ 1989	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6808	**NL**149	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/10/ 1981	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6809	**NL**150	Nguyễn Thị Thủy	23/03/1990	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6810	**NL**151	Nguyễn Thị Phương Anh	26/11/1993	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6811	**NL**152	Ngô Thị Ninh	04/10/1968	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6812	**NL**153	Ngô Thị Bích yến	15/02/1993	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6813	**NL**154	Ngô Hải yến	12/09/1990	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6814	**NL**155	Đỗ Kim Chi	29/09/1990	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6815	**NL**156	Bùi Thị Hoa	02/08/1987	Mễ Trì	Nam T.Liêm	100	
6816	**NL**157	Nguyễn Thị Mai Uyên	7/16/1981	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6817	**NL**158	Nguyễn Kim Nhung	17/12/1974	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6818	**NL**159	Đoàn Tiểu Phương	05/02/1970	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6819	**NL**160	Nguyễn Thị Thảo	11/8/1982	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6820	**NL**161	Phạm Thị Hồng Lệ	18/01/1980	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6821	**NL**162	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/02/1977	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6822	**NL**163	Vương Thị Đào	09/01/1990	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6823	**NL**164	Đỗ Thu Phương	21/11/1985	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6824	**NL**165	Vũ Thị Cúc	13/06/1989	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6825	**NL**166	Nguyễn Thị Vân	22/06/1990	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6826	**NL**167	Nguyễn Thị Ngọc	12/09/1986	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6827	**NL**168	Lê Thị Ngọc Linh	07/09/1989	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6828	**NL**169	Nguyễn Thị Tuyết	20/01/1978	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6829	**NL**170	Đỗ Thị Thu Hương	01/06/1981	Phương Canh	Nam T.Liêm	100	
6830	**NL**171	Vũ Thị Sáu	5/6/1978	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6831	**NL**172	Đào Thanh Thủy	5/11/1975	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6832	**NL**173	Nguyễn Thị Huyền	20/9/1984	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6833	**NL**174	Nguyễn Thị Hoàng Hiệp	20/11/1985	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6834	**NL**175	Nguyễn Thị Thu Phương	19/7/1981	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6835	**NL**176	Ngô Thị Hoa	22/9/1984	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6836	**NL**177	Hà Thị Tâm	11/3/1991	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6837	**NL**178	Đào Thị Khương	16/9/1987	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6838	**NL**179	Nguyễn Thị Lý	10/2/1984	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6839	**NL**180	Nguyễn Thị Hằng	14/01/1984	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6840	**NL**181	Nguyễn Thị Hồng	20/02/1987	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6841	**NL**182	Ngô Thị Thủy	6/4/1990	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6842	**NL**183	Trần Thị Thu Loan	6/8/1986	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6843	**NL**184	Nguyễn Thị Thu	11/9/1988	Phú Đô	Nam T.Liêm	100	
6844	**NL**185	Nguyễn Thị Hoa Phương	17/4/1978	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6845	**NL**186	Nguyễn Thị Xoan	03/01/1986	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6846	**NL**187	Nguyễn Thị Kiện	16/10/1981	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6847	**NL**188	Đào Thị Ngọc	04/10/1989	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6848	**NL**189	Tạ Thị Hằng	31/7/1981	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6849	**NL**190	Nguyễn Thị Thanh Hà	24/10/1987	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6850	**NL**191	Đỗ Thị Thuỷ	29/10/1993	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6851	**NL**192	Nguyễn Thị Nương	16/02/1993	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6852	**NL**193	Nguyễn Thị Lan	30/5/1993	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6853	**NL**194	Nguyễn Thị Minh Phương	26/07/1970	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6854	**NL**195	Phạm Thu Huyền	10/9/1980	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6855	**NL**196	Lưu Thị Hà	18/3/1992	Phùng Khoang	Nam T.Liêm	100	
6856	**NL**197	Trần Thị Hương	9/10/1971	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6857	**NL**198	Nguyễn Thị Thu Hường	7/28/1981	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6858	**NL**199	Đỗ Thị Thanh Huyền	1/27/1984	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6859	**NL**200	Nguyễn Bích Hồng	2/15/1989	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6860	**NL**201	Trần Thị Hồng Vân	9/15/1978	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6861	**NL**202	Nguyễn Thị Kim Oanh	2/8/1988	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6862	**NL**203	Nguyễn Thị Kim Dung	1/4/1981	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6863	**NL**204	Nguyễn Thị Thoa	9/28/1982	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6864	**NL**205	Hà Thị Hồng Nhung	7/4/1985	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6865	**NL**206	Lê Thị Lương	5/10/1987	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6866	**NL**207	Trần Thuý Phượng	9/11/1991	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6867	**NL**208	Phạm Thị Thanh Hoàn	5/22/1981	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6868	**NL**209	Vương Bích Nga	11/7/1985	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6869	**NL**210	Nguyễn Thị Mai Lan	1/23/1990	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6870	**NL**211	Nghiêm Thị Diệu Linh	4/28/1994	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6871	**NL**212	Nguyễn Thị Dịu	1/1/1982	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6872	**NL**213	Bùi Thị Hường	9/8/1987	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6873	**NL**214	Trần Thanh Tâm	1/7/1984	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6874	**NL**215	Đỗ Thị Thanh Hà	9/29/1992	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6875	**NL**216	Đặng Thu Huyền	12/2/1979	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6876	**NL**217	Nguyễn Thị Phượng	11/29/1985	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6877	**NL**218	Nguyễn Thị Liễu	5/19/1991	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6878	**NL**219	Nguyễn Thị Thuý	11/5/1986	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6879	**NL**220	Trịnh Thị Huệ	2/8/1994	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6880	**NL**221	Trần Thi Bích Loan	5/10/1993	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6881	**NL**222	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2/9/1987	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6882	**NL**223	Nguyễn Thị Dung	8/22/1990	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6883	**NL**224	Đào Thị Thoa	5/17/1993	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6884	**NL**225	Nguyễn Thu Hà	12/18/1993	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6885	**NL**226	Nguyễn Thị Bích	4/19/1991	Tây Mỗ A	Nam T.Liêm	100	
6886	**NL**227	Nguyễn Thị Thu Hương	26/10/1977	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6887	**NL**228	Trần Thị Mai Hoài	15/05/1975	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6888	**NL**229	Nguyễn Thị Chung	21/07/1979	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6889	**NL**230	Đỗ Thị Thanh Hòa	17/11/1983	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6890	**NL**231	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/7/1986	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6891	**NL**232	Trần Thị Kim Oanh	31/3/1970	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6892	**NL**233	Đỗ Thị Minh Nguyệt	07/8/1987	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6893	**NL**234	Nguyễn Thị Cúc	23/02/1991	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6894	**NL**235	Trần Thị Hoài Nhi	01/12/1989	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6895	**NL**236	Trần Thị Duyên	11/12/1990	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6896	**NL**237	Đỗ Thị Minh Hồng	09/07/1983	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6897	**NL**238	Nguyễn Thị Bích Liên	27/08/1974	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6898	**NL**239	Đỗ Thị Thương	23/12/1991	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6899	**NL**240	Nguyễn Thị Kiều Trang	02/09/1993	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6900	**NL**241	Lưu Thị Thúy	01/12/1982	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6901	**NL**242	Đồng Thị Thơm	01/01/1984	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6902	**NL**243	Vũ Thị Minh Nguyệt	25/11/1988	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6903	**NL**244	Tạ Thanh Tú	17/10/1992	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6904	**NL**245	Đỗ Thị Thu	02/01/1988	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6905	**NL**246	Đỗ Thị Duyên	23/06/1990	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6906	**NL**247	Hà Thị Vân	29/01/1990	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6907	**NL**248	Nguyễn Thị Hồng Ánh	11/11/1984	Tây Mỗ B	Nam T.Liêm	100	
6908	**NL**249	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/3/1971	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6909	**NL**250	Nguyễn Thị Biên	22/02/1987	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6910	**NL**251	Lê Thị Thúy Mai	01/8/1979	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6911	**NL**252	Nguyễn Thị Thu Hiền	22/3/1987	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6912	**NL**253	Bùi Thị Phương Lan	01/6/1984	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6913	**NL**254	Lê Thị Hoài Thu	23/6/1992	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6914	**NL**255	Nguyễn Thị Tuyết Hương	28/12/1980	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6915	**NL**256	Nguyễn Thị Thanh Thủy	17/5/1983	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6916	**NL**257	Nguyễn Thị Yến	28/7/1987	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6917	**NL**258	Nguyễn Diệu Linh	05/12/1992	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6918	**NL**259	Nguyễn Đình Hiệp	04/01/1987	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6919	**NL**260	Nguyễn Thị Thanh Xuân	2/25/1993	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6920	**NL**261	Trần Lệ Giang	04/11/1978	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6921	**NL**262	Nguyễn Thị Quý	1/20/1991	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6922	**NL**263	Phạm Thị Vân	4/26/1994	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6923	**NL**264	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/14/1990	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6924	**NL**265	Đinh Thị Luyến	9/4/1987	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6925	**NL**266	Lại Thị Thúy Vân	1/12/1987	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6926	**NL**267	Đỗ Thị Thùy Linh	1/4/1993	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6927	**NL**268	Đặng Thị Ánh Tuyết	27/9/1990	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6928	**NL**269	Đào Ngọc Vinh	6/19/1991	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6929	**NL**270	Bùi Thị Thanh Xuân	3/2/1993	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6930	**NL**271	Nguyễn Thị Hồng Hà	12/18/1993	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6931	**NL**272	Phan Thị Hào	6/14/1988	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6932	**NL**273	Trịnh Thị Trang	6/7/1992	Trung Văn	Nam T.Liêm	100	
6933	**NL**274	Nguyễn Thị Luyến	03/01/1973	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6934	**NL**275	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	30/3/1973	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6935	**NL**276	Nguyễn Thị Hạnh	19/01/1983	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6936	**NL**277	Khúc Thị Yến	3/10/1978	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6937	**NL**278	Nguyễn Thuý Hường	22/01/1986	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6938	**NL**279	Nguyễn Thu Trang	17/02/1987	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6939	**NL**280	Bùi Thị Hiền	28/09/1990	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6940	**NL**281	Nguyễn Thị Huyền	27/06/1990	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6941	**NL**282	Bùi Thị Thu Hằng	7/17/1983	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6942	**NL**283	Nguyễn Thị Minh Thảo	10/30/1981	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6943	**NL**284	Nguyễn Thị Thúy Hằng	8/22/1977	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6944	**NL**285	Lê Thị Ánh	11/6/1987	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6945	**NL**286	Lại Thị Hậu	10/9/1977	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6946	**NL**287	Lê Thị Hường	8/11/1983	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6947	**NL**288	Nguyễn Thị Như Hoa	12/26/1972	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6948	**NL**289	Đỗ Thị Nha Trang	10/16/1989	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6949	**NL**290	Dương Thị Thu Hường	4/26/1993	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6950	**NL**291	Nguyễn Thị Hạnh	8/26/1990	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6951	**NL**292	Nguyễn Thị Thanh Vân	7/16/1989	Xuân Phương	Nam T.Liêm	100	
6952	**PX**001	Trần Thị Dạ Thi	27/11/1980	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6953	**PX**002	Trần Minh Thanh	17/02/1986	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6954	**PX**003	Trần Thị Phúc	10/10/1978	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6955	**PX**004	Trần Thu Hương	24/04/1978	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6956	**PX**005	Tạ Thị Hưng Hậu	08/10/1982	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6957	**PX**006	Đỗ Thị Thanh Tâm	04/07/1983	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6958	**PX**007	Nguyễn Thị Huyền	09/11/1981	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6959	**PX**008	Phạm Thị Thùy Linh	07/05/1985	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6960	**PX**009	Trần Thị Minh Huệ	09/10/1989	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6961	**PX**010	Hà Thị Tiến	08/09/1974	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6962	**PX**011	Đỗ Thị Hải	04/11/1976	Sao Mai	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6963	**PX**012	Đặng Thị Thơm	18/09/1977	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6964	**PX**013	Phùng Thị Hải Lý	14/10/1977	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6965	**PX**014	Trịnh Thị Thông	07/07/1982	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6966	**PX**015	Nguyễn Thị Thanh	21/11/1981	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6967	**PX**016	Hoàng Thị Hường	21/06/1984	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6968	**PX**017	Bùi Phương Nhung	08/09/1990	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6969	**PX**018	Trần Thị Lâm	03/06/1984	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6970	**PX**019	Đặng Thị Trà My	04/04/1985	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6971	**PX**020	Nguyễn Thị Giang	24/09/1987	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6972	**PX**021	Nguyễn Thị Bình	29/08/1978	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6973	**PX**022	Phạm Thị Thu Hiền	08/05/1984	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6974	**PX**023	Vũ Thị Hương	08/08/1983	Sao Mai	Phú Xuyên	100	
6975	**PX**024	Lê Thị Loan	07/05/1971	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
6976	**PX**025	Nguyễn Thị Thu Hường	22/11/1975	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
6977	**PX**026	Tăng Thị Kim Sơn	21/9/1978	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6978	**PX**027	Lê Thị Diệu	25/10/1979	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
6979	**PX**028	Lê Thị Hân	25/9/1973	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6980	**PX**029	Phạm Thị Hương	17/11/1979	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
6981	**PX**030	Ngô Thị Hòa	28/4/1984	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6982	**PX**031	Nguyễn Thị Thủy	08/07/1973	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6983	**PX**032	Vũ Thị Hường	09/03/1979	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6984	**PX**033	Lê Thị Huyền	20/6/1973	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6985	**PX**034	Lê Thị Hài	02/10/1980	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6986	**PX**035	Nguyễn Thị Loan	16/5/1980	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6987	**PX**036	Trịnh Thị Thu Hiền	17/12/1987	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6988	**PX**037	Lê Thị Lan	01/04/1972	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
6989	**PX**038	Nguyễn Thị Hồng Thái	01/09/1971	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6990	**PX**039	Nguyễn Thị Hảo	09/02/1982	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6991	**PX**040	Trần Thị Hiệp	10/08/1976	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
6992	**PX**041	Nguyễn Thị Nhiều	27/9/1970	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6993	**PX**042	Vũ Thị Hồng Mỵ	26/12/1980	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6994	**PX**043	Nghiêm Thị Thùy Linh	13/8/1984	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
6995	**PX**044	Nguyễn Thị Thoa	22/11/1993	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6996	**PX**045	Trần Thị Mơ	05/11/1987	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6997	**PX**046	Doãn Thị Thảo	17/5/1978	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
6998	**PX**047	Ngô Thị Thùy	09/10/1988	Tri Trung	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
6999	**PX**048	Đỗ Thị Cúc	01/07/1993	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
7000	**PX**049	Lê Thị Hoa	17/9/1987	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7001	**PX**050	Vũ Thị Thúy Vĩnh	02/04/1982	Tri Trung	Phú Xuyên	100	
7002	**PX**051	Nguyễn Thị Ngọc	04/04/1980	Tri Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7003	**PX**052	Tạ Thị Hương	01/08/1979	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7004	**PX**053	Đào Thị Thanh Hảo	01/10/1977	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7005	**PX**054	Nguyễn Thị Hương Giang	29/08/1986	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7006	**PX**055	Đào Thị Doan	15/02/1982	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7007	**PX**056	Đào Thị Ánh	15/04/1983	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7008	**PX**057	Nguyễn Thị Anh	14/05/1986	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7009	**PX**058	Hoàng Thị Hương	08/06/1975	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7010	**PX**059	Đào Thị Kim Chung	12/05/1984	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7011	**PX**060	Nguyễn Thị Kim Thoa	08/09/1988	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7012	**PX**061	Đoàn Thị Hồng	11/05/1990	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7013	**PX**062	Lại Thị Hoài	27/02/1991	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7014	**PX**063	Đào Thị Chung	12/10/1994	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7015	**PX**064	Vũ Thị Bích Đào	20/10/1983	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7016	**PX**065	Nguyễn Thị Ánh	16/08/1982	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7017	**PX**066	Nguyễn Thị Thảo	26/08/1981	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7018	**PX**067	Vũ Thị Thanh	16/07/1982	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7019	**PX**068	Nguyễn Thu Hà	03/09/1981	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7020	**PX**069	Vũ Thị Nam	07/02/1987	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7021	**PX**070	Nguyễn Thị Thuỷ	25/7/1987	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7022	**PX**071	Nguyễn Thị Thuỷ	21/11/1985	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7023	**PX**072	Đàm Thị Oanh	07/04/1982	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7024	**PX**073	Hoàng Thị Hồng Thoa	07/01/1987	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7025	**PX**074	Nguyễn Thị Nhàn	24/2/1987	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7026	**PX**075	Đào Thị Duyên	08/09/1990	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7027	**PX**076	Đào Thị Hồng Gấm	07/01/1980	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7028	**PX**077	Đào Thị Thương	02/11/1981	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7029	**PX**078	Phạm Thị Hiền	18/05/1984	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7030	**PX**079	Nguyễn Thị Kiều Trang	03/10/1985	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7031	**PX**080	Vũ Hải Thuận	28/03/1978	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7032	**PX**081	Lê Thị Bích	05/09/1983	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7033	**PX**082	Bùi Thị Thu Hằng	26/01/1984	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7034	**PX**083	Đào Thị Hường	22/05/1989	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7035	**PX**084	Nguyễn Thị Hoa	20/03/1972	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7036	**PX**085	Nguyễn Thị Phương	16/02/1977	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7037	**PX**086	Đào Thị Thuần	14/05/1981	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7038	**PX**087	Nguyễn Thị Hà	02/09/1985	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7039	**PX**088	Trần Thị Huyền	11/09/1980	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7040	**PX**089	Nguyễn Thị Thanh	30/03/1988	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7041	**PX**090	Vũ Thị Lương	01/04/1990	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7042	**PX**091	Trần Thị Sự	09/11/1991	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7043	**PX**092	Phạm Thị Phượng	10/10/1981	Tri Thuỷ	Phú Xuyên	100	
7044	**PX**093	Nguyễn Thị Cúc	07/02/1970	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7045	**PX**094	Nguyễn Thị Thu Hương	01/8/1969	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7046	**PX**095	Đào Thị Chi	14/7/1988	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7047	**PX**096	Nguyễn Thị Thủy	08/12/1980	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7048	**PX**097	Lê Thị Thủy	15/7/1975	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7049	**PX**098	Lê Thị Bình	02/11/1992	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7050	**PX**099	Đỗ Thị Thanh Dung	11/4/1978	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7051	**PX**100	Lê Thị Mai	18/9/1988	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7052	**PX**101	Đặng Thị Vững	02/9/1983	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7053	**PX**102	Đỗ Thị Hiệp	02/9/1981	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7054	**PX**103	Khúc Thị Lương	09/8/1984	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7055	**PX**104	Đoàn Thị Thu	16/5/1991	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7056	**PX**105	Dương Thị Qúy	10/10/1969	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7057	**PX**106	Đỗ Thị Tín	02/10/1973	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7058	**PX**107	Dương Thị Dịu	20/02/1974	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7059	**PX**108	Đỗ Thị Hồng Vân	13/4/1980	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7060	**PX**109	Nguyễn Thị Hồng Thắm	01/10/1981	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7061	**PX**110	Phạm Vân Anh	13/5/1988	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7062	**PX**111	Lê Thị Liễu	19/6/1989	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7063	**PX**112	Đỗ Thị Thùy Dung	28/9/1991	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7064	**PX**113	Nguyễn Thị Trang	25/02/1994	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7065	**PX**114	Lê Thanh Hương	16/6/1971	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7066	**PX**115	Nguyễn Thị Thúy	15/9/1974	Văn Hoàng	Phú Xuyên	100	
7067	**PX**116	Nguyễn Thị Hạnh	20/8/1988	Văn Hoàng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7068	**PX**117	Nguyễn Thị Thu Hường	20/10/1984	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7069	**PX**118	Lương Thị Lan Hương	31/08/1973	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7070	**PX**119	Nguyễn Thị Hương Giang	01/08/1977	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7071	**PX**120	Tạ Thị Ngọc Liên	04/09/1983	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7072	**PX**121	Hoàng Thị Mỹ Lệ	05/09/1984	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7073	**PX**122	Nguyễn Hồng Ngự	13/3/1984	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7074	**PX**123	Lê Thị Thao	18/3/1989	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7075	**PX**124	Bùi Thị Binh	18/11/1985	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7076	**PX**125	Nguyễn Thị Tuyết	29/11/1992	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7077	**PX**126	Lê Thị Hiến	03/09/1975	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7078	**PX**127	Nguyễn Thị Lương	03/08/1987	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7079	**PX**128	Phạm Thị Thư	12/10/1991	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7080	**PX**129	Nguyễn Thị Thắm	20/6/1987	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7081	**PX**130	Nguyễn Thị Ngọc	11/04/1995	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7082	**PX**131	Dương Thị Duyến	14/11/1980	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7083	**PX**132	Nguyễn Thị Mơ	09/10/1972	Tân Dân	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7084	**PX**133	Hoàng Thị Hương	06/03/1974	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7085	**PX**134	Phạm Thị Thủy	19/2/1977	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7086	**PX**135	Ngô Thị Thiệu	02/08/1971	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7087	**PX**136	Hoàng Thị Hoài Linh	15/3/1982	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7088	**PX**137	Hoàng Thị Thanh Nhàn	06/11/1988	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7089	**PX**138	Trần Thị Tâm	20/1/1986	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7090	**PX**139	Lưu Thị Liên	18/11/1991	Tân Dân	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7091	**PX**140	Vũ Thị Mai	10/07/1992	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7092	**PX**141	Nguyễn Thị Nhung	09/04/1992	Tân Dân	Phú Xuyên	100	
7093	**PX**142	Nguyễn Thị Kim Oanh	11/6/1968	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7094	**PX**143	Lê Thị Lan Hương	19/7/1973	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7095	**PX**144	Nguyễn Thị Nhung	10/11/1983	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7096	**PX**145	Nguyễn Thị Hồng Ánh	10/10/1973	Nam Phong	Phú Xuyên	80	Giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua cấp cơ sở là bản phô tô không chứng thực
7097	**PX**146	Nguyễn Thị Hồng Minh	06/10/1978	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7098	**PX**147	Nguyễn Thị Tuấn	23/3/1975	Nam Phong	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7099	**PX**148	Nguyễn Thị Mai Hương	31/12/1980	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7100	**PX**149	Nguyễn Thị Thơ	20/3/1984	Nam Phong	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7101	**PX**150	Nguyễn Thị Xuân Mai	05/7/1980	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7102	**PX**151	Phùng Thị Thanh Thủy	17/10/1987	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7103	**PX**152	Nguyễn Lan Hương	16/10/1980	Nam Phong	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7104	**PX**153	Lê Ngọc Mai	27/01/1986	Nam Phong	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7105	**PX**154	Lê Thị Hồng Nhung	19/5/1986	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7106	**PX**155	Nguyên Thị Lý	24/4/1986	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7107	**PX**156	Dương Thị Giỏi	28/10/1989	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7108	**PX**157	Hoàng Thị Thảo	08/11/1993	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7109	**PX**158	Nguyễn Thị Hằng	28/08/1989	Nam Phong	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7110	**PX**159	Bùi Thị Huyền	13/3/1995	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7111	**PX**160	Hoàng Thị Yến	27/3/1991	Nam Phong	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7112	**PX**161	Nguyễn Thị Bích	26/7/1994	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7113	**PX**162	Vũ Ngọc Bích	06/02/1994	Nam Phong	Phú Xuyên	100	
7114	**PX**163	Nguyễn Thị Thúy Hằng	06/08/1973	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7115	**PX**164	Ngô Thị Bích Hằng	25/08/1979	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7116	**PX**165	Nguyễn Thị Bình	04/07/1986	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7117	**PX**166	Đinh Thị Quyên	02/06/1971	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7118	**PX**167	Nguyễn Thị Hải Yến	11/11/1983	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7119	**PX**168	Hoàng Thị Ngọc	16/05/1991	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7120	**PX**169	Nguyễn Thị Bích Thảo	10/05/1986	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7121	**PX**170	Trương Thị Hồng	13/8/1976	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7122	**PX**171	Dương Thị Chín	07/08/1972	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7123	**PX**172	Vũ Thị Thảo	08/12/1988	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7124	**PX**173	Lê Thị Chúc	02/04/1972	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7125	**PX**174	Nguyễn Thị Tuyền	04/11/1980	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7126	**PX**175	Hà Thị Yến	10/10/1988	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7127	**PX**176	Vũ Thị Hằng	02/12/1992	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7128	**PX**177	Lã Thị Quỳnh Trang	22/11/1995	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7129	**PX**178	Lê Thị Hương	12/09/1991	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7130	**PX**179	Trương Thị Nhật	14/01/1984	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7131	**PX**180	Nguyễn Thị Minh Phương	10/12/1982	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7132	**PX**181	Vũ Thị Kim Dung	25/07/1992	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7133	**PX**182	Nguyễn Thị Bình	03/11/1988	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7134	**PX**183	Nguyễn Thị Như	17/09/1994	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7135	**PX**184	Nguyễn Thanh Hiền	26/03/1969	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7136	**PX**185	Nguyễn Thị Hợp	04/11/1989	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7137	**PX**186	Nguyễn Thị Điển	20/10/1978	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7138	**PX**187	Nguyễn Thị Vi	19/08/1978	Đại Xuyên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7139	**PX**188	Lê Thị Lộc	5/09/1983	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7140	**PX**189	Nguyễn Kiều Thương	25/06/1990	Đại Xuyên	Phú Xuyên	100	
7141	**PX**190	Nguyễn Thị Thoan	30/06/1974	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7142	**PX**191	Đào Thị Hường	20/12/1979	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7143	**PX**192	Phạm Thị Út	19/12/1980	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7144	**PX**193	Vũ Thị Phượng	22/08/1986	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7145	**PX**194	Kiều Thị Nhàn	08/02/1980	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7146	**PX**195	Lê Thị Thu Hương	05/9/1970	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7147	**PX**196	Nguyễn Kim Nhung	14/11/1985	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7148	**PX**197	Lưu Thị Điệp Anh	05/11/1992	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7149	**PX**198	Nguyễn Thị Quyên	24/08/1976	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7150	**PX**199	Hoàng Thị Thảo	13/06/1980	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7151	**PX**200	Kiều Thị Bích Nhài	03/07/1971	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7152	**PX**201	Vũ Thị Uyên	28/07/1982	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7153	**PX**202	Dương Thị Ngát	20/09/1980	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7154	**PX**203	Vũ Thị Nguyệt	30/06/1970	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7155	**PX**204	Lưu Thị Ngà	02/07/1975	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7156	**PX**205	Đặng Hồng Duyên	10/'07/1987	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7157	**PX**206	Kiều Thị Thủy	18/07/1973	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7158	**PX**207	Vũ Thị Yên	01/01/1971	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7159	**PX**208	Đỗ Thị Thu	11/'06/1994	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7160	**PX**209	Vũ Thúy Nhài	14/02/1971	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7161	**PX**210	Lê Thị Ngoan	28/10/1972	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7162	**PX**211	Nguyễn Thị Sáu	10/'03/1976	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7163	**PX**212	Lê Thị Huệ	10/10/1973	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7164	**PX**213	Nguyễn Thị Nhung	18/10/1979	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7165	**PX**214	Đào Thị Ngân	05/12/1991	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7166	**PX**215	Nguyễn Thị Huyền Trang	04/01/1987	Phúc Tiến	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7167	**PX**216	Trần Thị Li La	09/11/1988	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7168	**PX**217	Nguyễn Thanh Tuyền	25/05/1992	Phúc Tiến	Phú Xuyên	100	
7169	**PX**218	Trần Thanh Thủy	04/06/1971	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7170	**PX**219	Nguyễn Thị Huyền	31/01/1979	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7171	**PX**220	Lã Thị Dung	29/12/1983	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7172	**PX**221	Phùng Thị Đào	22/10/1983	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7173	**PX**222	Lưu Thị Thúy	10/06/1981	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7174	**PX**223	Chu Thị Thanh Huyền	22/10/1985	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7175	**PX**224	Trần Thị Huyền	03/07/1983	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7176	**PX**225	Trần Thị Hồng Hoa	02/11/1983	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7177	**PX**226	Hoàng Thị Trang	20/11/1990	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7178	**PX**227	Đào Thị Phúc	22/11/1986	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7179	**PX**228	Trần Thị Diệu Linh	7/02/1995	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7180	**PX**229	Hoàng Thị Thảo	20/11/1991	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7181	**PX**230	Nguyễn Thị Vui	21/10/1987	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7182	**PX**231	Phạm Tuyết Nhung	14/10/1979	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7183	**PX**232	Bùi Thị Hồng Ánh	29/01/1991	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7184	**PX**233	Phạm Thị Thanh Vui	03/05/1981	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7185	**PX**234	Nguyễn Thị Thúy	05/04/1988	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7186	**PX**235	Nguyễn Thị Hoa	02/04/1984	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7187	**PX**236	Nguyễn Thị Huế	18/07/1994	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7188	**PX**237	Hoàng Thị Tuyết	24/12/1970	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7189	**PX**238	Bùi Thị Lan	09/04/1985	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7190	**PX**239	Trần Thị Thu Hiền	05/07/1980	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	100	
7191	**PX**240	Tăng Thị Thoan	29/12/1979	TTr Phú Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7192	**PX**241	Vũ Thị Định	13/04/1974	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7193	**PX**242	Lê Thị Tâm	03/07/1979	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7194	**PX**243	Đào Thị Hoàn	24/8/1980	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7195	**PX**244	Nguyễn Thị Quyên	04/8/1987	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7196	**PX**245	Lương Thị Thúy	19/6/1985	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7197	**PX**246	Nguyễn Thu Hường	02/7/1980	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7198	**PX**247	Nguyễn Thị Tươi	27/7/1970	Quang Lãng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7199	**PX**248	Nguyễn Thị Thắm	21/11/1983	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7200	**PX**249	Nguyễn Thị Phương	15/10/1994	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7201	**PX**250	Nguyễn Thị Lan Hương	04/5/1989	Quang Lãng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7202	**PX**251	Nguyễn Thị Tươi	11/6/1983	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7203	**PX**252	Phạm Thị Nơi	03/7/1983	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7204	**PX**253	Nguyễn Thị Hồng	11/4/1988	Quang Lãng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7205	**PX**254	Vũ Thị Huyền	01/2/1984	Quang Lãng	Phú Xuyên	100	
7206	**PX**255	Nguyễn Thị Thu	07/1/1983	Quang Lãng	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7207	**PX**256	Đỗ Thị Thu Hương	14/4/1979	Trung Tâm	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7208	**PX**257	Nguyễn Thị Tân	09/02/1985	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7209	**PX**258	Đào Thị Ngọc Mai	05/03/1979	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7210	**PX**259	Đinh Thị Hiếu	05/07/1983	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7211	**PX**260	Đỗ Thị Lĩnh	25/02/1973	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7212	**PX**261	Nguyễn Thị Yến	27/01/1983	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7213	**PX**262	Trần Thị Tường Vi	30/9/1979	Trung Tâm	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7214	**PX**263	Phùng Thị Tuyết Mai	04/6/1984	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7215	**PX**264	Phạm Thị Phương Thảo	15/02/1988	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7216	**PX**265	Nguyễn Thị Thảo	13/8/1988	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7217	**PX**266	Trần Thị Thu Trang	18/8/1990	Trung Tâm	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7218	**PX**267	Tạ Thị Thu Thuỷ	30/9/1982	Trung Tâm	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7219	**PX**268	Nguyễn Thị Hoa	09/12/1991	Trung Tâm	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7220	**PX**269	Nguyễn Minh Thuỳ	26/12/1987	Trung Tâm	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7221	**PX**270	Phạm Thị Minh	22/12/1981	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7222	**PX**271	Nguyễn Thị Minh Thư	15/09/1985	Trung Tâm	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7223	**PX**272	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	12/04/1993	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7224	**PX**273	Nguyễn Thị Hồng Thanh	17/2/1975	Trung Tâm	Phú Xuyên	100	
7225	**PX**274	Bùi Thị Hoa	21/6/1971	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7226	**PX**275	Vũ Thị Minh Viễn	04/03/1979	Châu Can A	Phú Xuyên	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
7227	**PX**276	Hoàng Thị Minh	22/12/1980	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7228	**PX**277	Vũ Thị Thanh Huệ	21/08/1971	Châu Can A	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7229	**PX**278	Nguyễn Thị Thanh	17/11/1991	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7230	**PX**279	Vũ Thị Nhung	16/10/1988	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7231	**PX**280	Nguyễn Thị Lan Anh	20/09/1991	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7232	**PX**281	Lê Thị Huyền	30/5/1988	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7233	**PX**282	Vũ Thị Huệ	01/09/1984	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7234	**PX**283	Hoàng Thị Bốn	30/11/1991	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7235	**PX**284	Cao Thị Đào	23/06/1974	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7236	**PX**285	Nguyễn Thị Trang	24/12/1991	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7237	**PX**286	Vũ Thuý Nguyên	17/07/1982	Châu Can A	Phú Xuyên	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
7238	**PX**287	Vũ Thị Sáng	05/02/1990	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7239	**PX**288	Vũ Thị Thanh Mai	12/08/1980	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7240	**PX**289	Lê Thị Loan	02/10/1969	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7241	**PX**290	Nguyễn Thị Hải Hà	10/04/1979	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7242	**PX**291	Phan Thị Thanh Hảo	17/11/1989	Châu Can A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7243	**PX**292	Nguyễn T. Bích Nhuận	03/06/1981	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7244	**PX**293	Vũ Thị Châm	25/11/1984	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7245	**PX**294	Nguyễn Thị Nga	22/04/1979	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7246	**PX**295	Nguyễn Thị Mến	20/11/1987	Châu Can A	Phú Xuyên	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
7247	**PX**296	Nguyễn Thị Diễn	10/11/1980	Châu Can A	Phú Xuyên	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm vào GVMN Hạng III (mã số V07.02.26)
7248	**PX**297	Nguyễn Thị Ánh	09/10/1974	Châu Can A	Phú Xuyên	95	Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
7249	**PX**298	Bùi Thị Hiền Yến	15/11/1991	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7250	**PX**299	Phạm Thị Ngọc	16/09/1983	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7251	**PX**300	Bùi Thị Lưu	21/12/1984	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7252	**PX**301	Đoàn Thị Thu Phương	12/9/1980	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7253	**PX**302	Nguyễn Thị Ánh Sao	13/03/1978	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7254	**PX**303	Ngô Thị Thúy Ngọc	05/07/1991	Châu Can A	Phú Xuyên	70	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7255	**PX**304	Bùi Thị Thu Lý	03/06/1991	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7256	**PX**305	Đoàn Thị Thanh Nhàn	20/03/1974	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7257	**PX**306	Đỗ Thị Kim Hoa	28/07/1969	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7258	**PX**307	Lê Thị Hương	25/08/1980	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7259	**PX**308	Đỗ Thị Thanh Hồng	24/9/1987	Châu Can A	Phú Xuyên	100	
7260	**PX**309	Lương Thị Hoa Phượng	04/08/1977	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7261	**PX**310	Nguyễn Thị Thúy	13/05/1984	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7262	**PX**311	Nguyễn Thị Năm	17/07/1986	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7263	**PX**312	Lương Thị Hồng Gấm	12/09/1974	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7264	**PX**313	Đinh Thị Thảo	15/11/1990	Quang Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7265	**PX**314	Lương Ngọc Ánh	18/12/1992	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7266	**PX**315	Nguyễn Thị Thu	30/12/1994	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7267	**PX**316	Phạm Hồng Thủy	01/09/1985	Quang Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7268	**PX**317	Phạm Thị Thanh Dung	27/01/1976	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7269	**PX**318	Lê Thị Thanh Vân	20/05/1974	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7270	**PX**319	Phạm Thị Ngọc Hà	05/11/1980	Quang Trung	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7271	**PX**320	Vũ Thị Thanh Nga	24/01/1993	Quang Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7272	**PX**321	Lê Thị Miến	21/06/1971	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7273	**PX**322	Lương Thị Bích Thảo	21/07/1971	Quang Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7274	**PX**323	Phạm Minh Sính	06/03/1981	Quang Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7275	**PX**324	Nguyễn Thị Ánh	04/12/1974	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7276	**PX**325	Lương Thị Ánh Tuyết	23/03/1978	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7277	**PX**326	Vũ Thị Thủy	28/03/1978	Quang Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7278	**PX**327	Vũ Thị Thu Hằng	08/06/1974	Quang Trung	Phú Xuyên	100	
7279	**PX**328	Nguyễn Thị Anh	08/10/1980	Quang Trung	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7280	**PX**329	Lê Thị Huệ	24/10/1975	Nam Triều	Phú Xuyên	75	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp; thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN
7281	**PX**330	Đỗ Thị Hậu	04/03/1972	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7282	**PX**331	Nguyễn Thị Hạnh	01/06/1984	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7283	**PX**332	Vũ Thị Hoàn	04/05/1973	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7284	**PX**333	Lê Thị Mai Hương	04/11/1978	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7285	**PX**334	Nguyễn Thị Nga	16/11/1979	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7286	**PX**335	Tạ Thị Phương Như	01/12/1983	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7287	**PX**336	Nguyễn Thị Uyển	04/09/1984	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7288	**PX**337	Quách Thị Bình	02/11/1978	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7289	**PX**338	Nguyễn Thị Hương	22/02/1980	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7290	**PX**339	Trần Thị Mai	04/08/1981	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7291	**PX**340	Vũ Thị Hoàn	10/09/1976	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7292	**PX**341	Nguyễn Thị Hoà	30/01/1988	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7293	**PX**342	Lê Thị Thuý	20/02/1993	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7294	**PX**343	Đàm Thị Thuỷ	06/10/1994	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7295	**PX**344	Nguyễn Thị Thảo	08/07/1968	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7296	**PX**345	Trương Thị Miến	20/05/1993	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7297	**PX**346	Nguyễn Thị Huệ	18/11/1982	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7298	**PX**347	Phạm Thị Hoài Thanh	22/10/1983	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7299	**PX**348	Tạ Thị Kim Quy	23/10/1981	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7300	**PX**349	Phan Thị Loan	29/12/1980	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7301	**PX**350	Nguyễn Thị Thanh Huyền	18/08/1972	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7302	**PX**351	Lâm Thị Thuý	25/09/1982	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7303	**PX**352	Nguyễn Thị Biên	17/12/1978	Nam Triều	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7304	**PX**353	Trần Thị Tuyết	21/07/1979	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7305	**PX**354	Đào Thị Thuyết Hường	30/12/1973	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7306	**PX**355	Đinh Thị Lan	16/10/1980	Nam Triều	Phú Xuyên	100	
7307	**PX**356	Nguyễn Thị Hường	04/09/1983	Nam Triều	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7308	**PX**357	Chu Thị Hương	29/10/1972	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7309	**PX**358	Nguyễn Thị Gém	18/08/1981	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7310	**PX**359	Phạm Thị Thu Hà	26/06/1981	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7311	**PX**360	Đỗ Thị Hồi	15/12/1980	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7312	**PX**361	Đinh Thị Nga	10/04/1988	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7313	**PX**362	Dương Thị Thương	03/11/1991	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7314	**PX**363	Bùi Thị Điệp	09/03/1990	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7315	**PX**364	Vũ Thị Bằng	29/10/1984	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7316	**PX**365	Đinh Thương Huyền	05/09/1985	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7317	**PX**366	Lâm Thị Thùy Dương	08/04/1994	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7318	**PX**367	Nguyễn Thị Thu Hà	31/03/1994	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7319	**PX**368	Nguyễn Thị Hạnh	06/01/191	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7320	**PX**369	Nguyễn Thị Thu Hà	22/09/1987	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7321	**PX**370	Dương Thị Tuyết	30/07/1983	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7322	**PX**371	Nguyễn Thị Dung	18/12/1984	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7323	**PX**372	Phạm Hồng Nhung	30/01/1989	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7324	**PX**373	Nguyễn Thị Giảng	20/08/1993	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7325	**PX**374	Đinh Thị Phương Thúy	22/09/1988	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7326	**PX**375	Lương Thị Chải	30/01/1979	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7327	**PX**376	Dương Thị Thương	07/03/1985	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7328	**PX**377	Nguyễn Thị Thu Thảo	18/11/1991	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7329	**PX**378	Hoàng Thị Kim Luyến	02/11/1983	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7330	**PX**379	Nguyễn Thị Măng	25/01/1977	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7331	**PX**380	Dương Thị My	25/05/1993	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7332	**PX**381	Đinh Thị Hiền	22/03/1992	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7333	**PX**382	Phạm Thị Huyền	12/08/1987	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7334	**PX**383	Lê Thị Khiêm	20/02/1982	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7335	**PX**384	Lâm Thị Hường	29/05/1992	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7336	**PX**385	Nguyễn Thị Quyên	05/11/1970	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7337	**PX**386	Đinh Thị Quyên	14/04/1969	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7338	**PX**387	Hoàng Thị Thu Hường	05/03/1974	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7339	**PX**388	Nguyễn Thị Mơ	19/09/1987	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7340	**PX**389	Trần Thị Kim Xoa	25/10/1981	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7341	**PX**390	Đàm Thị Ánh	30/08/1986	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7342	**PX**391	Nguyễn Thị Bính	15/07/1990	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7343	**PX**392	Nguyễn Thị Đào	26/05/1993	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7344	**PX**393	Nguyễn Thị Thắng	20/12/1975	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7345	**PX**394	Lê Thị Huệ	28/05/1984	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7346	**PX**395	Hoàng Thị Nguyên	04/06/1994	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	100	
7347	**PX**396	Nguyễn Thị Lệ Chinh	19/06/1974	Phú Yên	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7348	**PX**397	Nguyễn Thị Hương Lan	29/10/1982	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7349	**PX**398	Nguyễn Thị Liên	25/06/1982	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7350	**PX**399	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	09/07/1985	Phú Yên	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7351	**PX**400	Nguyễn Thị Ngân	15/11/1991	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7352	**PX**401	Nguyễn Thị Tuyền	15/05/1984	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7353	**PX**402	Nguyễn Thị Tuyến	03/08/1987	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7354	**PX**403	Đoàn Thị Quỳnh An	10/02/1987	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7355	**PX**404	Đỗ Thị Lương	09/02/1983	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7356	**PX**405	Vũ Thị Lục	25/03/1968	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7357	**PX**406	Nguyễn Thị Nguyên	04/01/1974	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7358	**PX**407	Nguyễn Thị Huyền	30/11/1982	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7359	**PX**408	Ứng Thị Thu	28/03/1994	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7360	**PX**409	Nguyễn Thị Hồng	30/7/1982	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7361	**PX**410	Hoàng Thị Hằng	26/11/1981	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7362	**PX**411	Nguyễn Thị Bích Liên	10/05/1982	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7363	**PX**412	Nguyễn Thị Hà	17/11/1989	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7364	**PX**413	Phạm Thị Thu	24/8/1987	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7365	**PX**414	Lại Thị Bích Ngọc	05/03/1979	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7366	**PX**415	Bùi Thị Thanh Nga	15/10/1982	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7367	**PX**416	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21/9/1980	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7368	**PX**417	Nguyễn Thị Phương Nhung	14/05/1985	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7369	**PX**418	Phạm Thị Thủy	26/4/1986	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7370	**PX**419	Nguyễn Thị Hoàn	02/05/1989	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7371	**PX**420	Phạm Thị Thơm	25/08/1988	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7372	**PX**421	Lại Thị Việt Chinh	16/12/1994	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7373	**PX**422	Vũ Thị Thúy	16/03/1994	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7374	**PX**423	Nguyễn Thị Mơ	19/09/1994	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7375	**PX**424	Hoàng Thúy Kiều	06/06/1993	Phú Yên	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7376	**PX**425	Nguyễn Thị Trầm	11/10/1970	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7377	**PX**426	Chu Thị Hoài Thương	09/04/1991	Phú Yên	Phú Xuyên	100	
7378	**PX**427	Trần Thị Thu Hà	04/12/1973	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7379	**PX**428	Ngô Thị Thanh Bằng	19/12/1974	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7380	**PX**429	Đàm Thị Huyền	20/03/1976	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7381	**PX**430	Đào Thị Bích Ngọc	09/09/1983	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7382	**PX**431	Chu Thị Ánh Tuyết	01/01/1983	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7383	**PX**432	Đỗ Thị Thủy	14/04/1987	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7384	**PX**433	Đỗ Thị Thủy	10/06/1982	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7385	**PX**434	Đào Thị Thu Hà	30/10/1983	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7386	**PX**435	Dư Thị Nhinh	29/12/1983	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7387	**PX**436	Phạm Thị La	20/10/1980	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7388	**PX**437	Phạm Thị Thúy Mùi	29/01/1979	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7389	**PX**438	Đào Thị Hồng	19/07/1990	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7390	**PX**439	Đỗ Thị Hoa	17/05/1985	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7391	**PX**440	Hoàng Thị Thư	16/10/1975	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7392	**PX**441	Nguyễn Thị Thuý Mai	22/02/1985	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7393	**PX**442	Đỗ Thị An	01/01/1985	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7394	**PX**443	Nguyễn Thị Sáu	25/08/1987	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7395	**PX**444	Lò Thị Thảo	26/12/1982	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7396	**PX**445	Đào Thị Thu Phương	15/11/1977	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7397	**PX**446	Đào Thị Toan	03/09/1982	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7398	**PX**447	Nguyễn Thị Hải	30/01/1982	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7399	**PX**448	Đào Thu Hương	01/07/1992	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7400	**PX**449	Vũ Thị Thanh Huyền	03/08/1993	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7401	**PX**450	Nguyễn Thị Thanh Phương	27/9/1973	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7402	**PX**451	Nguyễn Thị Doan	22/12/1979	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7403	**PX**452	Dương Thị Xuân	14/04/1984	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7404	**PX**453	Đặng Thị Quỳnh	25/7/1994	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7405	**PX**454	Nguyễn Thị Hằng	26/12/1972	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7406	**PX**455	Phạm Thị Lê	24/10/1985	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7407	**PX**456	Nguyễn Thị Tứ	23/12/1973	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7408	**PX**457	Trần Thị Bích Nguyệt	03/06/1985	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7409	**PX**458	Phạm Thị Trang Hiền	04/04/1980	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7410	**PX**459	Hoàng Thị Thực	12/06/1986	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7411	**PX**460	Nguyễn Thị Hạnh	02/09/1974	Hoàng Long	Phú Xuyên	100	
7412	**PX**461	Nguyễn Thị Hồng Mích	18/3/1973	Hoàng Long	Phú Xuyên	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm vào GVMN Hạng III (mã số V07.02.26)
7413	**PX**462	Nguyễn Thị An	02/09/1970	Phú Túc	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7414	**PX**463	Nguyễn Thị Sinh	09/10/1970	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7415	**PX**464	Bùi Thị Vân Anh	12/09/1982	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7416	**PX**465	Đặng Thị Kim Liên	11/04/1979	Phú Túc	Phú Xuyên	75	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp; Thiếu QĐ bổ nhiệm vào GVMN Hạng III (mã số V07.02.26)
7417	**PX**466	Nguyễn Thị Loan	16/11/1982	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7418	**PX**467	Trần Thị Hiền	01/01/1980	Phú Túc	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7419	**PX**468	Đỗ Thị Thanh	08/06/1993	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7420	**PX**469	Trần Thị Định	21/11/1981	Phú Túc	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7421	**PX**470	Lê Thị Loan	08/03/1990	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7422	**PX**471	Nguyễn Thị Ngọc	22/05/1992	Phú Túc	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7423	**PX**472	Nguyễn Thị Huyền	26/12/1994	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7424	**PX**473	Nguyễn Thị Tịnh	28/12/1972	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7425	**PX**474	Đặng Thị Phượng	16/08/1984	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7426	**PX**475	Đặng Thị Đông	28/09/1992	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7427	**PX**476	Nguyễn Thị Liên	16/02/1974	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7428	**PX**477	Phạm Thị Thu Lương	06/02/1981	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7429	**PX**478	Vũ Thị Thắm	16/03/1983	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7430	**PX**479	Đỗ Thị Hiền	06/09/1987	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7431	**PX**480	Lê Thị Hòa	26/01/1988	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7432	**PX**481	Đặng Thị Hiếu	15/04/1983	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7433	**PX**482	Nguyễn Thị Hiền	01/12/1972	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7434	**PX**483	Lê Thị Ánh	28/06/1984	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7435	**PX**484	Nguyễn Thị Thúy	26/06/1991	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7436	**PX**485	Nguyễn Thị Nhường	12/07/1980	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7437	**PX**486	Nguyễn Thị Thúy	19/09/1981	Phú Túc	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
7438	**PX**487	Nguyễn Thị Nga	18/01/1991	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7439	**PX**488	Nguyễn Thị Lan	13/04/1985	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7440	**PX**489	Trần Thị Vui	16/04/1985	Phú Túc	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7441	**PX**490	Lê Thị Thanh	02/09/1989	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7442	**PX**491	Nguyễn Thị Hồng Phượng	26/05/1983	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7443	**PX**492	Phan Thị Hà	28/08/1973	Phú Túc	Phú Xuyên	95	Bổ nhiệm CDNN mã V 07.02.26 đủ 12 tháng
7444	**PX**493	Nguyễn Thị Phượng	10/01/1980	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7445	**PX**494	Lê Thị Thu Thủy	19/11/1989	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7446	**PX**495	Vũ Thị Nhung	15/10/1993	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7447	**PX**496	Đặng Thị Huyền Trang	04/03/1990	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7448	**PX**497	Nguyễn Thị Lý	13/03/1992	Phú Túc	Phú Xuyên	100	
7449	**PX**498	Nguyễn Thị Thu Hà	07/02/1977	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7450	**PX**499	Vũ Thị Kim Oanh	18/5/1980	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7451	**PX**500	Nguyễn Thị Bích Ngọc	13/11/1988	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7452	**PX**501	Vũ Thị Thắng	10/04/1980	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7453	**PX**502	Nguyễn T.Thanh Hương	05/08/1970	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7454	**PX**503	Nguyễn Thị Thêm	18/2/1972	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7455	**PX**504	Bùi Thị Hà	09/01/1981	Nam Tiến A	Phú Xuyên	75	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng; Thiếu phiếu ĐG xếp loại VC năm học 2021-2022
7456	**PX**505	Nguyễn Thị Bình	20/9/1973	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7457	**PX**506	Vũ Thị Xuân	03/05/1978	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7458	**PX**507	Huỳnh Thanh Hảo	24/01/1985	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7459	**PX**508	Phùng Thị Quý	16/6/1990	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7460	**PX**509	Nguyễn Thị Tâm	29/8/1984	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7461	**PX**510	Nguyễn Thị Thành	04/03/1971	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7462	**PX**511	Vũ Thị Hiền	15/2/1980	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7463	**PX**512	Nguyễn Thị Thuỷ	15/12/1982	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7464	**PX**513	Hoàng Thị Hoa	22/3/1985	Nam Tiến A	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7465	**PX**514	Nguyễn Thị Nhung	25/10/1969	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7466	**PX**515	Nguyễn Thị Hường	20/12/1970	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7467	**PX**516	Vũ Thị Khéo	18/04/1973	Nam Tiến A	Phú Xuyên	100	
7468	**PX**517	Đoàn Ngọc Thúy	06/12/1969	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7469	**PX**518	Phạm Khánh Ly	01/04/1982	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7470	**PX**519	Vũ Thị Nho	27/09/1990	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7471	**PX**520	Phạm Thị Hoa	14/08/1970	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7472	**PX**521	Phạm Thị Nga	02/07/1979	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7473	**PX**522	Phạm Thị Thu Trang	05/02/1984	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7474	**PX**523	Nguyễn Thị Thanh Vân	09/04/1984	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7475	**PX**524	Đỗ Thị Vân	18/05/1988	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7476	**PX**525	Phạm Thị Miền	06/09/1992	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7477	**PX**526	Nguyễn Thị Huệ	02/06/1970	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7478	**PX**527	Nguyễn Như Ngọc	06/02/1990	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7479	**PX**528	Nguyễn Thị Phượng	21/08/1995	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7480	**PX**529	Phạm Thị Thuyết	20/01/1976	Sơn Hà	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7481	**PX**530	Phạm Thị Thúy	15/10/1981	Sơn Hà	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7482	**PX**531	Phạm Thị Nga	21/09/1982	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7483	**PX**532	Nguyễn Thị Vượng	11/06/1984	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7484	**PX**533	Nguyễn Thị Mơ	22/03/1979	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7485	**PX**534	Trương Thị Ánh	21/11/1985	Sơn Hà	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7486	**PX**535	Phạm Thị Hà	13/03/1987	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7487	**PX**536	Trần Thị Hương	04/11/1984	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7488	**PX**537	Vũ Thị Thủy	31/03/1987	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7489	**PX**538	Nguyễn Thị Hiền	02/07/1992	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7490	**PX**539	Trần Thị Phượng	07/12/1990	Sơn Hà	Phú Xuyên	100	
7491	**PX**540	Nguyễn Thị Hạnh	02/03/1974	Châu Can B	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7492	**PX**541	Trịnh Thị Lan Hương	19/02/1978	Châu Can B	Phú Xuyên	70	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng; Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7493	**PX**542	Nguyễn Thị Thuấn	25/09/1981	Châu Can B	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7494	**PX**543	Nguyễn Thị Điểm	01/10/1985	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7495	**PX**544	Nguyễn Thị Thạch	05/02/1980	Châu Can B	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7496	**PX**545	Nguyễn Thị Nhiều	13/01/1983	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7497	**PX**546	Bùi Thị Huyền Trang	17/11/1994	Châu Can B	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7498	**PX**547	Nguyễn T Hồng Thanh	06/11/1984	Châu Can B	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7499	**PX**548	Nguyễn Thị Lương	15/04/1990	Châu Can B	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7500	**PX**549	Nguyễn Thị Thu Thủy	26/04/1991	Châu Can B	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7501	**PX**550	Nguyễn Thị Liễu	20/8/1975	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7502	**PX**551	Nguyễn Thị Xoa	08/4/1981	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7503	**PX**552	Nguyễn T Tuyết Trang	27/04/1982	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7504	**PX**553	Nguyễn Thị Nhung	08/11/1987	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7505	**PX**554	Đào Thị Bích Loan	18/9/1987	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7506	**PX**555	Kiều Quỳnh Chi	16/02/1992	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7507	**PX**556	Phạm Thanh Bình	06/7/1993	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7508	**PX**557	Nguyễn Thị Minh Hạnh	25/6/1987	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7509	**PX**558	Vũ Thị Luận	12/8/1989	Châu Can B	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7510	**PX**559	Đỗ Thị Hạnh	19/10/1991	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7511	**PX**560	Nguyễn Thị Hồng	27/9/1992	Châu Can B	Phú Xuyên	100	
7512	**PX**561	Nguyễn Thị Bích	20/7/1981	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7513	**PX**562	Ngô Thị Cúc	20/1/1984	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7514	**PX**563	Lê Thị Thu Hà	20/4/1972	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7515	**PX**564	Nguyễn Thị Lụa	02/07/1979	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7516	**PX**565	Trần Thị Thu	14/9/1994	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7517	**PX**566	Trần Thị Hồng Vóc	19/12/1989	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7518	**PX**567	Đỗ Thi Hường	28/8/1975	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7519	**PX**568	Lã Thị Chăm	17/11/1978	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7520	**PX**569	Nguyễn Thị Dung	20/1/1986	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7521	**PX**570	Phạm Thị Nhung	02/8/1983	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7522	**PX**571	Nguyễn Thị Thuần	04/7/1980	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7523	**PX**572	Phạm Thị Hằng	24/3/1978	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7524	**PX**573	Nguyễn Thị Diệu Linh	18/11/1993	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7525	**PX**574	Phạm Thị Nhàn	21/8/1977	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7526	**PX**575	Lê Thị Mơ	21/01/1983	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7527	**PX**576	Phạm Thị Thu Hà	03/12/1980	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7528	**PX**577	Nguyễn Thị Thoan	24/4/1982	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7529	**PX**578	Đồng Thị Phượng	17/1/1990	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7530	**PX**579	Trần Thị Anh	07/3/1978	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7531	**PX**580	Đỗ Thị Thu Hồng	05/3/1983	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7532	**PX**581	Nguyễn Thị Xuyên	30/3/1988	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7533	**PX**582	Nguyễn Thị Ánh	20/11/1978	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7534	**PX**583	Vũ Thị Thu Hà	06/10/1975	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7535	**PX**584	Phạm Thị Nga	25/3/1976	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7536	**PX**585	Lã Thị Oanh	04/1/1991	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7537	**PX**586	Phạm Thị Hương Chầm	17/7/1989	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7538	**PX**587	Vũ Thị Làn	23/11/1985	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7539	**PX**588	Vũ Thị Phượng	04/7/1989	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7540	**PX**589	Lã Thị Tuyền	28/4/1990	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7541	**PX**590	Nguyễn Thị Nhung	27/4/1981	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7542	**PX**591	Nguyễn Thị Thu	16/12/1977	Đại Thắng	Phú Xuyên	100	
7543	**PX**592	Trần Thị Thúy Duyền	18/9/1990	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7544	**PX**593	Trần Thị Khuyên	01/4/1981	Đại Thắng	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7545	**PX**594	Nguyễn Thị Kim Tuyến	30/9/1974	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7546	**PX**595	Trần Thị Hà	15/10/1976	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7547	**PX**596	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/12/1979	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7548	**PX**597	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14/09/1981	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7549	**PX**598	Cao Thị Thơm	20/05/1983	Khai Thái	Phú Xuyên	95	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7550	**PX**599	Nguyễn Thị Phúc	06/06/1986	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7551	**PX**600	Nguyễn Thị Hà	12/08/1977	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7552	**PX**601	Phạm Thị Lượng	21/11/1968	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7553	**PX**602	Nguyễn Thị Liễu	07/09/1978	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7554	**PX**603	Nguyễn Thị Hoàng	29/08/1983	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7555	**PX**604	Nguyễn Thị Hạnh	10/05/1971	Khai Thái	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7556	**PX**605	Nguyễn Thị Xuyến	06/08/1980	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7557	**PX**606	Phạm Thị Mai	06/08/1982	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7558	**PX**607	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	19/09/1982	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7559	**PX**608	Trần Thị Oanh	15/03/1983	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7560	**PX**609	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/03/1986	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7561	**PX**610	Đào Thị Quỳnh	20/02/1984	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7562	**PX**611	Nguyễn Thị Diễm	13/03/1973	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7563	**PX**612	Vũ Thị Hiền	06/09/1979	Khai Thái	Phú Xuyên	95	Năm 2021-2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
7564	**PX**613	Lê Thị Thu Hiền	11/09/1980	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7565	**PX**614	Trần Thị Huyền	15/09/1980	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7566	**PX**615	Đào Thị Liên	24/07/1983	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7567	**PX**616	Nguyễn Thị Thanh Giang	15/03/1984	Khai Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7568	**PX**617	Nguyễn Thị Thanh Hương	01/07/1986	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7569	**PX**618	Hoàng Thị Khuyên	14/10/1986	Khai Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7570	**PX**619	Nguyễn Thị Ngân	10/04/1990	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7571	**PX**620	Cao Thị Thảo	17/05/1990	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7572	**PX**621	Đỗ Thị Huyên	01/05/1980	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7573	**PX**622	Lê Thị Linh	24/01/1985	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7574	**PX**623	Vũ Thị Hoa	10/02/1988	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7575	**PX**624	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/08/1990	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7576	**PX**625	Đặng Thị Thu Hà	20/09/1982	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7577	**PX**626	Lại Thị Minh	12/05/1984	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7578	**PX**627	Nguyễn Thị Thuận	06/05/1987	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7579	**PX**628	Hoàng Thị Diệu Hương	10/10/1993	Khai Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7580	**PX**629	Phạm Thị Vân	15/09/1994	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7581	**PX**630	Đoàn Thị Thuý	15/10/1993	Khai Thái	Phú Xuyên	100	
7582	**PX**631	Nguyễn Thị Minh Tuyết	21/03/1972	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7583	**PX**632	Nguyễn Thị Huyền	04/11/1981	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7584	**PX**633	Nguyễn Thị Hoa	25/02/1976	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7585	**PX**634	Nguyễn Thị Trang	20/02/1986	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7586	**PX**635	Dương Thị Liên	14/12/1985	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7587	**PX**636	Nguyễn Thị Tám	27/08/1986	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7588	**PX**637	Phạm Thị Thúy Mẫu	10/03/1991	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7589	**PX**638	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/12/1989	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7590	**PX**639	Dương Thị Xuyến	03/12/1991	Minh Tân	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7591	**PX**640	Nguyễn Thị Thu	19/1/1990	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7592	**PX**641	Tô Thị Thanh Hà	30/10/1976	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7593	**PX**642	Trịnh Thị Thanh	14/03/1983	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7594	**PX**643	Đỗ Thị Vắn	05/05/1990	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7595	**PX**644	Hoàng Ngọc Mai	14/06/1992	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7596	**PX**645	Trịnh Thị Mai Anh	30/01/1994	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7597	**PX**646	Nghiêm Thị Hồng	02/09/1974	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7598	**PX**647	Lê Thị Khuyên	01/06/1982	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7599	**PX**648	Nguyễn Thị Bẩy	11/03/1984	Minh Tân	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7600	**PX**649	Đỗ Thị Kim Liễu	05/10/1986	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7601	**PX**650	Nghiêm Thị Thúy Dung	05/03/1993	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7602	**PX**651	Phạm Thị Loan	25/06/1992	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7603	**PX**652	Vương Thị Thúy	21/08/1987	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7604	**PX**653	Nguyễn Thị Thu	11/10/1988	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7605	**PX**654	Đỗ Thị Bích Lập	13/06/1990	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7606	**PX**655	Trần Thị Hằng	18/11/1993	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7607	**PX**656	Nghiêm Thị Tuyết	12/09/1968	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7608	**PX**657	Mai Thị Thảo	04/04/1969	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7609	**PX**658	Phạm Thị Hính	20/12/1974	Minh Tân	Phú Xuyên	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V07.02.26
7610	**PX**659	Trần Thị Bích Liên	12/09/1976	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7611	**PX**660	Trịnh Thị Thi	17/06/1979	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7612	**PX**661	Lê Thị Thu Hòa	09/10/1983	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7613	**PX**662	Đồng Thị Tím	28/09/1985	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7614	**PX**663	Phạm Thị Thúy Hằng	20/03/1986	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7615	**PX**664	Nguyễn Thị Bình	02/07/1986	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7616	**PX**665	Nguyễn Thanh Tuyền	29/09/1992	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7617	**PX**666	Phạm Thị Hà	06/05/1990	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7618	**PX**667	Nguyễn Thị Hiền	30/05/1990	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7619	**PX**668	Cao Thị Ly	18/04/1992	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7620	**PX**669	Tô Thị Hà	24/07/1994	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7621	**PX**670	Vũ Thị Thùy Linh	29/10/1994	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7622	**PX**671	Chu Thị Hà Phương	13/05/1984	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7623	**PX**672	Nguyễn Thu Hà	31/07/1985	Minh Tân	Phú Xuyên	100	
7624	**PX**673	Bùi Hạnh Vân	18/04/1983	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp (Bản photo)
7625	**PX**674	Đào Thu Hường	06/09/1981	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7626	**PX**675	Doãn Thu Hoài	07/01/1982	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7627	**PX**676	Vũ Thị Chi	18/07/1985	Phượng Dực	Phú Xuyên	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V07.02.26
7628	**PX**677	Lê Thị Thoàn	17/10/1992	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7629	**PX**678	Nguyễn Thị Hằng	06/11/1984	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7630	**PX**679	Nguyễn Thị Xiêm	09/10/1988	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7631	**PX**680	Đinh Thị Thuỷ	10/12/1990	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7632	**PX**681	Đặng Thị Huyến	08/09/1979	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7633	**PX**682	Nguyễn Thị Thuý Kiều	14/02/1985	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7634	**PX**683	Nguyễn Thị Liên	27/05/1978	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7635	**PX**684	Đoàn Thị Hồng Thuý	21/11/1993	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7636	**PX**685	Nguyễn Thị Huệ	25/12/1985	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7637	**PX**686	Nguyễn Thị Duyên	30/01/1990	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7638	**PX**687	Hoàng Thị Dịu	09/10/1989	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7639	**PX**688	Đoàn Thị Huyền Trang	24/01/1989	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7640	**PX**689	Nguyễn Thị Thanh	25/10/1978	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7641	**PX**690	Nguyễn Thị Mến	12/02/1993	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7642	**PX**691	Nguyễn Thị Hệ	11/11/1991	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7643	**PX**692	Đặng Thị Chinh Lương	19/04/1992	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7644	**PX**693	Nguyễn Thanh Xuyên	29/05/1988	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7645	**PX**694	Đinh Thị Quyên	05/06/19788	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7646	**PX**695	Dương Thị Ngọc Hân	14/11/1991	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7647	**PX**696	Đinh Thị Thúy Hà	06/09/1985	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7648	**PX**697	Nguyễn Thị Thỏa	16/03/1987	Phượng Dực	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7649	**PX**698	Nguyễn Thị Trang	15/10/1990	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7650	**PX**699	Vũ Thị Huyền	31/05/1978	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7651	**PX**700	Đoàn Thị Thu Quỳnh	22/11/1982	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7652	**PX**701	Nguyễn Thị Sợi	16/11/1987	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7653	**PX**702	Dương Thị Huyền	01/14/1980	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7654	**PX**703	Nguyễn Thị Mơ	09/03/1976	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7655	**PX**704	Lê Thị Thảo	08/10/1993	Phượng Dực	Phú Xuyên	90	Thiếu bằng cử nhân giáo dục Mầm non
7656	**PX**705	Nguyễn Thị Chi	21/10/1993	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7657	**PX**706	Đinh Thị Thuý	26/01/1990	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7658	**PX**707	Nguyễn Thị Huệ	16/10/1991	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7659	**PX**708	Đặng Thị Châm	27/06/1991	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7660	**PX**709	Doãn Thị Kim Dung	24/06/1984	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7661	**PX**710	Đinh Thị Tươi	07/10/1974	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7662	**PX**711	Nguyễn Thị Minh Thu	27/05/1969	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7663	**PX**712	Đặng Thị Khá	01/11/1975	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7664	**PX**713	Doãn Thị Huyền	02/07/1986	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7665	**PX**714	Dương Thị Quyến	18/09/1985	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7666	**PX**715	Phùng Thị Anh	08/03/1987	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7667	**PX**716	Nghiêm Thị Luyến	26/08/1988	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7668	**PX**717	Lã Thị Diễm Kiều	26/04/1993	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7669	**PX**718	Đặng Thị Phú	20/07/1982	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7670	**PX**719	Nguyễn Thị Vị	10/02/1981	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7671	**PX**720	Đinh Thị Thanh Lương	20/08/1989	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7672	**PX**721	Đinh Thị Thúy	15/01/1984	Phượng Dực	Phú Xuyên	95	Năm 2021-2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
7673	**PX**722	Đoàn Thị Thúy	17/1/1985	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7674	**PX**723	Vũ Thị Năm	13/6/1994	Phượng Dực	Phú Xuyên	65	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng; Thời gian bổ nhiệm hạng III V07.02.26 chưa đủ 12 tháng
7675	**PX**724	Dương Thị Tươi	27/4/1990	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7676	**PX**725	Trương Thị Lựu	15/2/1982	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7677	**PX**726	Nguyễn Thị Chanh	27/12/1987	Phượng Dực	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp (Bản photo)
7678	**PX**727	Đào Thị Thu Phương	20/6/1985	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7679	**PX**728	Lê Thị Thanh	13/2/1994	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7680	**PX**729	Nguyễn Thị Như	06/3/1978	Phượng Dực	Phú Xuyên	100	
7681	**PX**730	Đỗ Thị Hiên	01/06/1972	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7682	**PX**731	Đặng Thị Hạnh	04/04/1977	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp (Bản photo)
7683	**PX**732	Nguyễn Thị Vui	22/02/1982	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7684	**PX**733	Lương Thị Huyền	02/09/1977	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7685	**PX**734	Nguyễn Thị Gấm	10/03/1983	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7686	**PX**735	Nguyễn Thị Hồng	10/08/1982	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7687	**PX**736	Nguyễn Thị Thuỳ Xoan	21/08/1991	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7688	**PX**737	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/07/1990	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7689	**PX**738	Nghiêm Thị Thùy Chi	10/04/1989	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7690	**PX**739	Đỗ Thị Ninh	09/12/1989	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7691	**PX**740	Nguyễn Thị Vang	15/01/1990	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7692	**PX**741	Nguyễn Thị Anh	15/02/1979	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7693	**PX**742	Nguyễn Thị Diệu	26/05/1978	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7694	**PX**743	Đỗ Thị Huệ	18/03/1984	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7695	**PX**744	Hoàng Thị Thinh	03/09/1979	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7696	**PX**745	Nguyễn Thị Huyền	11/02/1988	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7697	**PX**746	Nguyễn Thị Huế	23/11/1982	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7698	**PX**747	Phạm Thị Nõn	12/11/1991	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7699	**PX**748	Nguyễn Thị Doan	29/03/1990	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7700	**PX**749	Nguyễn Thị Hoà	18/07/1974	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7701	**PX**750	Nguyễn Thị Liên	18/02/1974	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7702	**PX**751	Nguyễn Thị Loan	07/05/1977	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7703	**PX**752	Đào Thị Hương	23/07/1981	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7704	**PX**753	Nguyễn Thị Kiệm	19/08/1981	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7705	**PX**754	Lê Thị Hiền	16/02/1983	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7706	**PX**755	Phạm Thị Minh Thu	06/08/1983	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7707	**PX**756	Lê Thị Hằng	18/03/1986	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7708	**PX**757	Nguyễn Thị Thắm	06/09/1989	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7709	**PX**758	Nguyễn Thị Minh Mẫn	19/02/1987	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7710	**PX**759	Nguyễn Thị Linh	13/11/1984	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7711	**PX**760	Lưu Thị Nhung	14/12/1993	Hồng Minh	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7712	**PX**761	Đào Thị Dung	28/02/1970	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7713	**PX**762	Nghiêm Thị Kim Liên	20/01/1973	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7714	**PX**763	Đỗ Huyền Trân	12/02/1982	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7715	**PX**764	Nguyễn Thị Thoa	26/01/1983	Hồng Minh	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7716	**PX**765	Nguyễn Thị Luyện	05/11/1983	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7717	**PX**766	Nguyễn Minh Nguyệt	30/11/1982	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7718	**PX**767	Hoàng Thị Diện	21/10/1983	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7719	**PX**768	Nguyễn Thị Dung	05/10/1977	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7720	**PX**769	Phan Thị Tươi	09/11/1990	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7721	**PX**770	Dương Thị Hạnh	25/04/1985	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7722	**PX**771	Bùi Thị Hằng	03/11/1989	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7723	**PX**772	Đào Thị Xuân Quỳnh	20/01/1991	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7724	**PX**773	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	30/01/1990	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7725	**PX**774	Đặng Thị Thanh Bình	08/10/1992	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7726	**PX**775	Nguyễn Thị Thanh	05/12/1993	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7727	**PX**776	Nguyễn Thị Châm	02/11/1992	Hồng Minh	Phú Xuyên	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
7728	**PX**777	Nguyễn Thị Hướng	13/11/1994	Hồng Minh	Phú Xuyên	100	
7729	**PX**778	Vũ Thị Lương	12/11/1973	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7730	**PX**779	Vương Thị Thúy Hường	20/06/1971	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7731	**PX**780	Trần Thị Hải Yến	25/01/1982	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7732	**PX**781	Phan Thị Định	24/03/1978	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7733	**PX**782	Trần Thị Loan	20/07/1993	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7734	**PX**783	Vũ Thị Ngọc Dung	17/11/1991	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7735	**PX**784	Đầm Thị Hường	27/12/1982	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7736	**PX**785	Lê Kiều Anh	14/10/1994	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7737	**PX**786	Kiều Thị Hiền	23/09/1982	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V07.02.26
7738	**PX**787	Lê Thu Thủy	23/12/1990	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7739	**PX**788	Kiều Thị Kim Ngân	12/07/1983	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7740	**PX**789	Nguyễn Thị Kim Cúc	14/11/1978	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7741	**PX**790	Lại Thị Thanh Hoa	11/07/1982	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	95	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V07.02.26
7742	**PX**791	Vũ Thị Yến	21/5/1987	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7743	**PX**792	Lại Thị Hòa	16/03/1982	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7744	**PX**793	Vũ Thị Thủy	10/01/1994	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7745	**PX**794	Tống Thị Ánh	17/10/1993	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7746	**PX**795	Hoàng Thị Kim Toan	18/04/1981	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7747	**PX**796	Nguyễn Thị Hạnh	23/09/1981	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7748	**PX**797	Hoàng Thị Vân Anh	23/02/1994	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7749	**PX**798	Dương Thị Hằng	04/11/1982	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7750	**PX**799	Lại Thị Thanh	20/09/1985	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7751	**PX**800	Vũ Thị Bích Thu	20/10/1985	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7752	**PX**801	Hoàng Thị Cúc	23/09/1990	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7753	**PX**802	Phùng Thị Hương	01/09/1991	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7754	**PX**803	Đào Thu Phượng	16/09/1988	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7755	**PX**804	Tô Thị Nhinh	30/09/1988	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7756	**PX**805	Vũ Thị Thu Phương	20/01/1993	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7757	**PX**806	Nguyễn Thị Thủy	15/12/1990	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7758	**PX**807	Phan Thị Đoàn	25/01/1979	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7759	**PX**808	Lâm Thị Hoàn	16/11/1984	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7760	**PX**809	Phạm Thị Ngọc Mai	03/09/1973	TTr Phú Xuyên	Phú Xuyên	100	
7761	**PX**810	Nguyễn Thị Kim Hoa	11/07/1968	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7762	**PX**811	Vũ Thị Út	05/08/1982	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7763	**PX**812	Nguyễn Thị Xuyến	22/03/1981	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7764	**PX**813	Nguyễn Thị Thu Thủy	19/01/1980	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7765	**PX**814	Nguyễn Thị Tân	14/05/1984	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7766	**PX**815	Nguyễn T Kim Tuyến	06/03/1985	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7767	**PX**816	Nguyễn Thị Tâm	24/08/1987	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7768	**PX**817	Vũ Thị Tâm	13/01/1987	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7769	**PX**818	Phạm Thị Thúy Vân	07/11/1977	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7770	**PX**819	Trần Thị Liên	03/05/1993	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7771	**PX**820	Phạm Thị Hương	19/10/1983	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7772	**PX**821	Hoàng Thị Sáu	23/08/1984	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7773	**PX**822	Đồng Thị Diễn	27/12/1984	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7774	**PX**823	Nguyễn Thị Hường	10/08/1974	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7775	**PX**824	Tạ Thị Thanh Tuyền	21/12/1988	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7776	**PX**825	Đồng Thị Lan Hương	19/04/1994	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7777	**PX**826	Đồng Thị Liệu	05/12/1986	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7778	**PX**827	Bùi Thị Uyên	02/03/1991	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7779	**PX**828	Đặng Thị Tuyến	07/07/1986	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7780	**PX**829	Nguyễn Thị Hà Linh	18/02/1994	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7781	**PX**830	Trần Thị Ánh	09/07/1986	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7782	**PX**831	Nguyễn Thị Thắm	07/08/1987	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7783	**PX**832	Đỗ Thị Hường	30/07/1974	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7784	**PX**833	Phạm Thị Phượng	16/02/1988	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7785	**PX**834	Nguyễn Thị Thêm	12/10/1980	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7786	**PX**835	Nguyễn Ngọc Diễn	15/07/1985	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7787	**PX**836	Ng T Thanh Tuyền	01/04/1984	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7788	**PX**837	Hoàng Thị Tiên	01/10/1992	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7789	**PX**838	Đỗ Thị Minh Khuê	11/11/1989	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7790	**PX**839	Đồng Anh Đào	08/06/1985	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7791	**PX**840	Phan Thị Yến	15/11/1968	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7792	**PX**841	Phùng Thị Ngà	08/08/1984	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7793	**PX**842	Đỗ Thị Huệ	08/03/1990	Hồng Thái	Phú Xuyên	100	
7794	**PX**843	Tạ Thị Thu	07/10/1987	Hồng Thái	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7795	**PX**844	Hoàng Tuyết Đông	11/10/1971	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7796	**PX**845	Nguyễn Thị Thu Hiền	07/05/1981	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7797	**PX**846	Trịnh Thị Ngần	05/10/1982	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7798	**PX**847	Nguyễn Thị My Hoa	29/12/2982	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7799	**PX**848	Chu Thị Phương Anh	13/10/1984	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7800	**PX**849	Đào Thị Thanh	08/10/1989	Vân Từ	Phú Xuyên	85	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7801	**PX**850	Dương Thị Thuỳ Dung	08/02/1994	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7802	**PX**851	Nguyễn Kim Thoa	04/05/1974	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7803	**PX**852	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28/07/1982	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7804	**PX**853	Vũ Thị Xoa	12/07/1983	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7805	**PX**854	Nguyễn Minh Yến	12/04/1991	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7806	**PX**855	Nguyễn Thị Huyền	22/07/1991	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7807	**PX**856	Dương Thu Huyền	19/06/1972	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7808	**PX**857	Nguyễn Thị Hoà	08/10/1979	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7809	**PX**858	Trần Thị Hải Sâm	28/08/1980	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7810	**PX**859	Nguyễn Thị Hợp	07/04/1986	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7811	**PX**860	Hoàng Thị Sam	25/08/1971	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7812	**PX**861	Nguyễn Thị Thoa	21/08/1972	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7813	**PX**862	Ngô Thị Tình	09/08/1980	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7814	**PX**863	Trần Thị Hồng Nhung	04/08/1982	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7815	**PX**864	Nguyễn Thị Đoan Trinh	03/12/2982	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7816	**PX**865	Nguyễn Thị Hồng Huệ	30/03/1983	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7817	**PX**866	Lê Thị Thu Phương	19/08/1983	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7818	**PX**867	Nguyễn Thị Hà	09/10/1983	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7819	**PX**868	Nguyễn Thị Huệ	17/11/1987	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7820	**PX**869	Nguyễn Thị Nhu	25/12/1969	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7821	**PX**870	Nguyễn Thị Dung	24/01/1978	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7822	**PX**871	Nguyễn Thị Hồng	24/07/1992	Vân Từ	Phú Xuyên	100	
7823	**PX**872	Phạm Thị Hiền	9/5/1971	Nam Tiến B	Phú Xuyên	100	
7824	**PX**873	Hoàng Thị Chính	08/08/1980	Nam Tiến B	Phú Xuyên	100	
7825	**PX**874	Nguyễn Thị Quyên	4/9/1983	Nam Tiến B	Phú Xuyên	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7826	**PX**875	Bùi Thanh Nga	29/8/1992	Nam Tiến B	Phú Xuyên	100	
7827	**PX**876	Đồng Thị Hiền	30/8/1986	Nam Tiến B	Phú Xuyên	100	
7828	**PX**877	Nguyễn Thị Vân Nga	3/8/1973	Nam Tiến B	Phú Xuyên	100	
7829	**PX**878	Nguyễn Thị Thanh Hân	16/10/1980	Nam Tiến B	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7830	**PX**879	Nguyễn Thị Đông	4/9/1971	Nam Tiến B	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7831	**PX**880	Hoàng Thị Hướng	2/3/1972	Nam Tiến B	Phú Xuyên	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
7832	**PX**881	Chử Thị Dung	10/10/1983	Nam Tiến B	Phú Xuyên	100	
7833	**PX**882	Nguyễn Thị Thanh Thắm	05/03/1973	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7834	**PX**883	Tạ Thị Lý	16/06/1979	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7835	**PX**884	Vũ Thị Xa	29/01/1970	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7836	**PX**885	Phạm Thu Oanh	09/09/1992	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7837	**PX**886	Nguyễn Thị Yến	19/10/1991	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7838	**PX**887	Nguyễn Thị Huyền	08/11/1994	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7839	**PX**888	Hoàng Thị Ngát	14/02/1985	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7840	**PX**889	Nguyễn Thị Huyền	02/02/1982	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7841	**PX**890	Bùi Thị Phương	25/01/1985	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7842	**PX**891	Trần Thị Chiên	19/05/1981	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7843	**PX**892	Đỗ Thị Trang	09/10/1992	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7844	**PX**893	Hoàng Thị Phượng	11/8/1974	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7845	**PX**894	Phạm Thị Khâm	01/01/1970	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7846	**PX**895	Hoàng Thúy Mơ	20/08/1991	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7847	**PX**896	Hoàng Thị Thu Phương	30/08/1985	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7848	**PX**897	Vũ Thị Hải Yến	19/10/1981	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7849	**PX**898	Hoàng Thị Lan	01/11/1975	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7850	**PX**899	Phạm Thị Ngân	18/07/1981	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7851	**PX**900	Nguyễn Thị Hiến	08/12/1992	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7852	**PX**901	Nguyễn Thị Cẩm Linh	25/03/1974	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7853	**PX**902	Nguyễn Thị Tuệ	24/08/1980	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7854	**PX**903	Nguyễn Thị Liên	30/06/1976	Bạch Hạ	Phú Xuyên	95	Thiếu minh chứng đánh giá về khả năng sử dụng ngoại ngữ
7855	**PX**904	Vũ Thị Phượng	25/04/1980	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7856	**PX**905	Phạm Thị Oanh	30/10/1993	Bạch Hạ	Phú Xuyên	95	Thiếu minh chứng đánh giá về khả năng sử dụng ngoại ngữ
7857	**PX**906	Phạm Thị Thương	23/02/1995	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7858	**PX**907	Phạm Ánh Ngọc	03/09/1984	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7859	**PX**908	Đỗ Thị Hòa	17/09/1992	Bạch Hạ	Phú Xuyên	95	Thiếu minh chứng đánh giá về khả năng sử dụng ngoại ngữ
7860	**PX**909	Nguyễn Thị Kim Dung	10/08/1985	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7861	**PX**910	Lê Thị Nhâm	06/06/1991	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7862	**PX**911	Đào Thị Hiền	25/09/1989	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7863	**PX**912	Đàm Thị Yến	25/10/1983	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7864	**PX**913	Đào Thị Nhàn	08/09/1990	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7865	**PX**914	Đỗ Thị Hoa	20/11/1994	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7866	**PX**915	Lưu Thị Lan Anh	22/12/1993	Bạch Hạ	Phú Xuyên	100	
7867	***PT***001	Dương Thị Kim Toàn	28/8/1982	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7868	***PT***002	Nguyễn Thị Huyền	12/12/1982	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7869	***PT***003	Doãn Thị Thu Hiền	31/3/1981	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7870	***PT***004	Ngô Thị Hương Giang	15/5/1980	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7871	***PT*** 005	Kiều Thị Lệ Hằng	22/5/1989	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7872	***PT*** 006	Đỗ Thị Ngọc	14/8/1983	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7873	***PT*** 007	Nguyễn Thị Đoàn	10/4/1977	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7874	***PT*** 008	Khuất Thị Hương	12/3/1976	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7875	***PT*** 009	Nguyễn Thị Trọng	23/6/1986	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7876	***PT*** 010	Kiều Thị Quý	10/12/1990	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7877	***PT*** 011	Khuất Thị Ngọc	21/11/1979	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7878	***PT*** 012	Kiều Thị Thanh Nhàn	17/3/1990	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7879	***PT*** 013	Nguyễn Thị Phương Dung	09/3/1980	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7880	***PT*** 014	Nguyễn Thị Thu Hương	14/6/1995	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7881	***PT*** 015	Trịnh Thị Thương	22/4/1980	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7882	***PT*** 016	Khuất Thị Thu Hương	14/8/1968	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7883	***PT*** 017	Trịnh Thị Thu Hương	22/10/1978	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7884	***PT*** 018	Nguyễn Thị My	22/10/1981	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7885	***PT*** 019	Vũ Thị Chang	20/07/1989	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7886	***PT*** 020	Nguyễn Thị Phương	06/01/1993	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7887	***PT*** 021	Đinh Thị Ngọc Hoa	25/10/1973	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7888	***PT*** 022	Lê Thanh Hoa	17/6/1977	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7889	***PT*** 023	Nguyễn Thị Sâm	11/12/1973	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7890	***PT*** 024	Kiều Thị Huyền	28/9/1982	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7891	***PT*** 025	Lê Thị Phương	24/10/1982	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7892	***PT*** 026	Khuất Thị Huyền	07/8/1991	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7893	***PT*** 027	Nguyễn Thị Lương	1/1/1989	TTr Phúc Thọ	Phúc Thọ	100	
7894	***PT*** 028	Lê Thị Phượng	6/11/1978	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7895	***PT*** 029	Nguyễn Thị Thanh Hiền	4/28/1977	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7896	***PT*** 030	Đỗ Thị Nga	7/29/1978	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7897	***PT*** 031	Nguyễn Thị Thúy	16/11/1983	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7898	***PT*** 032	Đỗ Thị Thu Hương	9/17/1982	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7899	***PT*** 033	Nguyễn Thị Oanh	5/8/1982	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7900	***PT*** 034	Nguyễn Thị Mến	13/10/1984	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7901	***PT*** 035	Giang Thị Nhẫn	2/1/1988	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7902	***PT*** 036	Nguyễn Thị Hiền	2/24/1981	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7903	***PT*** 037	Phan Thị Phượng	2/16/1983	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7904	***PT*** 038	Đỗ Thị Hợi	24/10/1983	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7905	***PT*** 039	Nguyễn Thị Thơ	5/11/1984	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7906	***PT*** 040	Đinh Thị Cúc	11/3/1991	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7907	***PT*** 041	Đinh Thị Bằng	8/6/1989	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7908	***PT*** 042	Đỗ Thị Ngọc	10/4/1991	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7909	***PT*** 043	Nguyễn Thị Phượng	6/16/1980	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7910	***PT*** 044	Nguyễn Thị Yến	2/13/1994	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7911	***PT*** 045	Nguyễn Thị Cúc	12/7/1990	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7912	***PT*** 046	Đoàn Thị Thịnh	7/2/1989	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7913	***PT*** 047	Nguyễn Thị Thao	28/10/1982	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7914	***PT*** 048	Lê Thị Phấn	16/12/1979	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7915	***PT*** 049	Nguyễn Thị Hậu	4/1/1989	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7916	***PT*** 050	Nguyễn Thị Hoạt	17/11/1983	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7917	***PT*** 051	Nguyễn Thị Trang	2/19/1987	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7918	***PT*** 052	Đỗ Thị Hằng	9/18/1992	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7919	***PT*** 053	Vũ Thị Thành	24/10/1989	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	
7920	***PT*** 054	Đỗ Thị Hường	4/19/1986	Liên Hiệp	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7921	***PT*** 055	Đỗ Thị Liên	20/5/1987	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7922	***PT*** 056	Nguyễn Thị Liên	15/9/1985	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7923	***PT*** 057	Đỗ Thị Khuyên	29/7/1993	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7924	***PT*** 058	Hoàng Thị Tấm	19/7/1984	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7925	***PT*** 059	Nguyễn Thị Thắm	21/11/1991	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7926	***PT*** 060	Hồ Thị Thái	11/22/1981	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7927	***PT*** 061	Tạ Thị Hoạt	11/9/1982	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7928	***PT*** 062	Giang Thị Hải	30/7/1985	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7929	***PT*** 063	Hoàng Thị Toán	10/23/1987	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7930	***PT*** 064	Nguyễn Thị Thắm	25/9/1990	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7931	***PT*** 065	Nguyễn Thị Cảnh	25/7/1975	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7932	***PT*** 066	Nguyễn Thị Hiên	25/3/1993	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7933	***PT*** 067	Vũ Thị Xuân	10/12/1990	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7934	***PT*** 068	Lê Thị Thảo	23/3/1991	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7935	***PT*** 069	Đỗ Thị Hằng	10/8/1983	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7936	***PT*** 070	Đỗ Thị Hồng Nhung	12/7/1981	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7937	***PT*** 071	Hoàng Thị Trang	13/9/1994	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7938	***PT*** 072	Nguyễn Thị Phương	19/2/1990	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7939	***PT*** 073	Nguyễn Thị Hà	10/9/1982	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7940	***PT*** 074	Nguyễn Thị Viết	2/12/1974	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7941	***PT*** 075	Nguyễn Thị Kim Liên	20/7/1971	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7942	***PT*** 076	Hoàng Thị Vân	23/3/1969	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7943	***PT*** 077	Lê Thị Thanh Tuyền	12/25/1985	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7944	***PT*** 078	Đỗ Thị Lợi	9/5/1991	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7945	***PT*** 079	Nguyễn Thị Lương	15/8/1987	Hiệp Thuận	Phúc Thọ	100	
7946	***PT*** 080	Phan Thị Ngọc Loan	08/6/1981	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7947	***PT*** 081	Trần Thị Hạnh	3/8/1981	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7948	***PT*** 082	Đỗ Thị Bích Thuỷ	10/4/1981	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7949	***PT*** 083	Trần Thị Hợp	11/27/1982	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7950	***PT*** 084	Nguyễn Thị Ngọc	2/10/1985	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7951	***PT*** 085	Nguyễn Hoài Phương	6/11/1986	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7952	***PT*** 086	Nguyễn Thị Thu Huyền	1/18/1991	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7953	***PT*** 087	Nguyễn Thị Thu Phương	09/02/1977	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7954	***PT*** 088	Đào Thị Lân	10/10/1979	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7955	***PT*** 089	Nguyễn Thị Mười	6/23/1970	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7956	***PT*** 090	Nguyễn Thị Minh Thuý	3/19/1988	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7957	***PT*** 091	Trịnh Thị Thanh Huyền	7/23/1993	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7958	***PT*** 092	Trần Thị Hồng	3/17/1981	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7959	***PT*** 093	Nguyễn Thị Đào	12/9/1985	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7960	***PT*** 094	Dương Thị Minh Luyến	27/7/1991	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7961	***PT*** 095	Nguyễn Thị Thơ	2/5/1987	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7962	***PT*** 096	Vũ Thị Tuyên	1/28/1993	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7963	***PT*** 097	Hà Thị Thu Hiền	11/15/1984	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7964	***PT*** 098	Lê Thị Thủy	3/12/1979	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7965	***PT*** 099	Vũ Thị Sâm	7/25/1991	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7966	***PT*** 100	Khuất Thị Thu Hiền	4/26/1992	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7967	***PT*** 101	Lâm Thị Hà	8/11/1980	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7968	***PT*** 102	Đỗ Thị Thành	10/30/1992	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7969	***PT*** 103	Trịnh Phương Thảo	03/10/1991	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7970	***PT*** 104	Nguyễn Ngọc Anh	1/15/1976	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
7971	***PT*** 105	Nguyễn Thị Xuân	8/16/1985	Tam Hiệp	Phúc Thọ	100	
7972	***PT*** 106	Đỗ Thuỳ Dương	6/27/1982	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7973	***PT*** 107	Đặng Thị Vinh	3/16/1984	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	0	Rút hồ sơ
7974	***PT*** 108	Hoàng Thị Duyên	8/2/1985	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7975	***PT*** 109	Vũ Thị Thu Chang	5/30/1986	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7976	***PT*** 110	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2/2/1982	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7977	***PT*** 111	Vũ Thị Hoa	2/2/1981	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7978	***PT*** 112	Trần Thị Hương	8/27/1981	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7979	***PT*** 113	Cấn Thị Hiền	22/12/1991	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7980	***PT*** 114	Dương Thị Thơm	14/11/1985	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7981	***PT*** 115	Đỗ Thị Hạnh	2/2/1982	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7982	***PT*** 116	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	6/2/1988	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7983	***PT*** 117	Đỗ Thị Hằng	5/30/1984	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7984	***PT*** 118	Nguyễn Thị Hương	6/18/1991	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7985	***PT*** 119	Dương Thị Huyền Trang	11/1/1991	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7986	***PT*** 120	Nguyễn Thị Thuỷ	20/10/1990	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7987	***PT*** 121	Phan Thị Dung	7/25/1990	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7988	***PT*** 122	Đỗ Thị Huyền	8/10/1992	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7989	***PT*** 123	Kim Thị Thuý	9/9/1994	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7990	***PT*** 124	Dương Thị Thuận	4/9/1987	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7991	***PT*** 125	Đỗ Thị Vui	3/17/1990	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7992	***PT*** 126	Vũ Thị Phương	11/2/1988	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7993	***PT*** 127	Vũ Thị Lan	8/11/1968	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7994	***PT*** 128	Phí Thị Cậy	2/28/1975	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7995	***PT*** 129	Nguyễn Thị Huyền	30/10/1988	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7996	***PT*** 130	Nguyễn Thị Oanh	20/8/1988	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7997	***PT*** 131	Đỗ Thị Bình Minh	26/10/1979	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7998	***PT*** 132	Trịnh Thị Nhung	4/4/1991	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
7999	***PT*** 133	Nguyễn Thị Ngân	25/12/1992	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
8000	***PT*** 134	Kim Thị Anh	3/7/1994	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
8001	***PT*** 135	Nguyễn Thị Nhị	10/10/1982	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
8002	***PT*** 136	Nguyễn Thị Mẫn	1/7/1971	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
8003	***PT*** 137	Phí Thị Hồng	4/17/1988	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
8004	***PT*** 138	Đỗ Thị Vân	5/22/1996	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
8005	***PT*** 139	Lê Thị Hoài Trang	3/29/1984	Ngọc Tảo	Phúc Thọ	100	
8006	***PT*** 140	Nguyễn Thu Huyền	9/11/1971	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8007	***PT*** 141	Nguyễn Thị Hoa	3/19/1980	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8008	***PT*** 142	Dương Thị Vân	6/25/1978	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8009	***PT*** 143	Dương Thị Ái Vân	1/1/1978	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8010	***PT*** 144	Nguyễn Thị Thủy	4/6/1985	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8011	***PT*** 145	Vũ Thị Hà	11/6/1986	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8012	***PT*** 146	Dương Thị Hợp	10/9/1991	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8013	***PT*** 147	Đỗ Thị Thủy	20/12/1992	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8014	***PT*** 148	Hoàng Thị Tỉnh	9/22/1985	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8015	***PT*** 149	Hoàng Thị Thanh Tình	12/6/1992	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8016	***PT*** 150	Nguyễn Thị Hương Giang	11/1/1991	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8017	***PT*** 151	Trần Thị Thúy Linh	28/11/1992	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8018	***PT*** 152	Nguyễn Thị Kim Dung	9/24/1988	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8019	***PT*** 153	Nguyễn Thị Hiền	1/22/1993	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8020	***PT*** 154	Kiều Thị Khuyên	2/6/1972	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8021	***PT*** 155	Khuất Thị Hiền	3/14/1991	Phụng Thượng	Phúc Thọ	100	
8022	***PT*** 156	Vũ Thị Ngọc	11/12/1978	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8023	***PT*** 157	Lê Thị Ngọc Linh	04/03/1991	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8024	***PT*** 158	Hoàng Thị Thúy	12/9/1982	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8025	***PT*** 159	Đỗ Thị Xuân Hòa	15/12/1982	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8026	***PT*** 160	Lê Thị Thu Huyền	8/28/1987	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8027	***PT*** 161	Nguyễn Thị Huyền	3/15/1991	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8028	***PT*** 162	Vũ Thị Kim Thương	10/5/1984	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8029	***PT*** 163	Đỗ Thị Thoa	4/7/1989	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8030	***PT*** 164	Trần Thị Thu Hương	13/7/1992	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8031	***PT*** 165	Dương Thị Duyên	11/5/1982	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8032	***PT*** 166	Đỗ Thị Phụ	18/10/1983	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8033	***PT*** 167	Vũ Thị Thục	3/27/1987	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8034	***PT*** 168	Hoàng Thị Minh Tuyết	2/13/1969	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8035	***PT*** 169	Cấn Thị Nhung	8/3/1992	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8036	***PT*** 170	Nguyễn Thị Kim Oanh	30/6/1993	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8037	***PT*** 171	Lê Thị Tuyết Nga	16/6/1993	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8038	***PT*** 172	Nguyễn Thị Tuyết	27/8/1988	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8039	***PT*** 173	Vũ Thị Thúy Vân	9/4/1992	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8040	***PT*** 174	Vũ Thị Lý	17/09/1992	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8041	***PT*** 175	Bùi Thị Minh Thư	13/8/1979	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8042	***PT*** 176	Dương Thị Minh Nguyệt	13/10/1982	Hoa Mai	Phúc Thọ	100	
8043	***PT*** 177	Đoàn Thị Hợi	02/02/1971	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8044	***PT*** 178	Nguyễn Thị Mai Trang	27/12/1988	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8045	***PT*** 179	Khuất Thị Hằng	01/12/1988	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8046	***PT*** 180	Đỗ Hải Yến	2/20/1987	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8047	***PT*** 181	Nguyễn Thị Vân	28/1/1987	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8048	***PT*** 182	Nguyễn Thị Xuân Luyến	7/5/1992	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8049	***PT*** 183	Trần Thị Hương	28/8/1984	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8050	***PT*** 184	Nguyễn Thị Quyên	03/11/1985	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8051	***PT*** 185	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/8/1978	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8052	***PT*** 186	Hà Thị Linh	24/1/1981	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8053	***PT*** 187	Nguyễn Thị Mến	17/3/1982	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8054	***PT*** 188	Nguyễn Thị Đào	14/7/1992	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8055	***PT*** 189	Trần Thị Lan	01/11/1991	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8056	***PT*** 190	Khuất Thị Nhị	25/1/1971	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8057	***PT*** 191	Khuất Thị Thương	4/10/1987	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8058	***PT*** 192	Hoàng Thị Kim Thoa	13/3/1991	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8059	***PT*** 193	Đỗ Thị Hồng Duyên	25/12/1984	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8060	***PT*** 194	Khuất Thị Thanh	10/8/1982	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8061	***PT*** 195	Hoàng Thị Hằng	28/6/1977	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8062	***PT*** 196	Khuất Thị Hồng Thoả	30/9/1983	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8063	***PT*** 197	Khuất Thị Thu Hằng	16/9/1986	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8064	***PT*** 198	Kiều Thị Thu Hằng	20/4/1982	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8065	***PT*** 199	Nguyễn Thị Đường	29/9/1983	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8066	***PT*** 200	Lê Thị Hương	17/9/1985	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8067	***PT*** 201	Nguyễn Thị Ngạn	20/1/1979	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8068	***PT*** 202	Khuất Thị Phượng	19/10/1987	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8069	***PT*** 203	Trần Thị Ngọc	15/5/1992	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8070	***PT*** 204	Nguyễn Thị Thu Lương	15/6/1991	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8071	***PT*** 205	Lê Thị Nhung	05/11/1987	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8072	***PT*** 206	Đoàn Thị Mỵ	16/11/1993	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8073	***PT*** 207	Bùi Thị Diên	16/6/1971	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8074	***PT*** 208	Nguyễn Thị Thu Giang	25/3/1980	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8075	***PT*** 209	Kiều Thu Trang	05/02/1994	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8076	***PT*** 210	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/4/1993	Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ	100	
8077	***PT*** 211	Nguyễn Thị Vân	8/24/1982	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8078	***PT*** 212	Nguyễn Thị Phượng	11/17/1984	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8079	***PT*** 213	Nguyễn Thị Hạnh	11/28/1977	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8080	***PT*** 214	Nguyễn Thị Lan Anh	5/7/1992	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8081	***PT*** 215	Nguyễn Thị Tuyết	12/27/1988	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8082	***PT*** 216	Nguyễn Thị Thủy	2/11/1989	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8083	***PT*** 217	Vũ Thị Thú	12/11/1989	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8084	***PT*** 218	Nguyễn Thị Kim Dung	5/8/1972	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8085	***PT*** 219	Khuất Thị Kim Oanh	8/28/1972	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8086	***PT*** 220	Nguyễn Thị Xuyến	1/8/1989	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8087	***PT*** 221	Lê Thị Lan	12/8/1982	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8088	***PT*** 222	Bùi Thị Phương	8/10/1990	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8089	***PT*** 223	Nguyễn Thị Ngọc	12/6/1992	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8090	***PT*** 224	Vũ Thị Linh	10/16/1989	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8091	***PT*** 225	Nguyễn Thị Thu	6/10/1985	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8092	***PT*** 226	Nguyễn Thị Huyền	12/23/1984	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8093	***PT*** 227	Nguyễn Thị Thủy	9/3/1990	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8094	***PT*** 228	Nguyễn Thị Minh Thảo	3/14/1970	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8095	***PT*** 229	Nguyễn Thị Tuyết	2/20/1988	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8096	***PT*** 230	Nguyễn Thị Hoàng Yến	4/29/1987	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8097	***PT*** 231	Nguyễn Thị Oanh	10/29/1992	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8098	***PT*** 232	Khuất Thị Kim Duyên	10/16/1972	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8099	***PT*** 233	Khuất Thị Hiền	6/5/1992	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8100	***PT*** 234	Tô Thị Ánh	1/16/1982	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8101	***PT*** 235	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	10/10/1981	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8102	***PT*** 236	Kiều Thị Xuân Ngát	8/12/1970	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8103	***PT*** 237	Nguyễn Thị Nhung	12/29/1988	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8104	***PT*** 238	Nguyễn Thị Kim Oanh	11/1/1989	Thọ Lộc	Phúc Thọ	100	
8105	***PT*** 239	Kiều Thị Thu Phương	7/15/1983	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8106	***PT*** 240	Kiều Thị Hồng Chuyên	8/25/1983	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8107	***PT*** 241	Hoàng Thị Hằng	12/3/1990	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8108	***PT*** 242	Nguyễn Thị Thu Huyền	3/5/1989	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8109	***PT*** 243	Nguyễn Thị Tuyết	12/19/1987	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8110	***PT*** 244	Nguyễn Thị Hồng	8/7/1993	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8111	***PT*** 245	Hà Thị Thông	2/20/1980	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8112	***PT*** 246	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	8/30/1991	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8113	***PT*** 247	Khuất Thị Thuận	5/5/1989	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8114	***PT*** 248	Khuất Thị Hương	1/18/1983	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8115	***PT*** 249	Nguyễn Thị Thêm	8/20/1973	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8116	***PT*** 250	Nguyễn Thị Thơ	12/10/1989	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8117	***PT*** 251	Nguyễn Thị Nhung	11/22/1988	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8118	***PT*** 252	Nguyễn Thị Sen	3/19/1984	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8119	***PT*** 253	Đỗ Thị Lê	3/30/1991	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8120	***PT*** 254	Nguyễn Thị Hiền	3/13/1990	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8121	***PT*** 255	Nguyễn Thị Phương	11/20/1991	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8122	***PT*** 256	Khuất Thị Hằng	8/19/1982	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8123	***PT*** 257	Khuất Thị Hạnh	2/10/1984	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8124	***PT*** 258	Nguyễn Thị Trang	11/4/1991	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8125	***PT*** 259	Ngô Thị Thu Phương	7/17/1974	Tích Giang	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8126	***PT*** 260	Nguyễn Thị Thanh Huyền	8/20/1981	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8127	***PT*** 261	Khuất Thị Thúy Hà	10/7/1976	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8128	***PT*** 262	Nguyễn Thị Tuyến	4/25/1973	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8129	***PT*** 263	Kiều Thị Hương	5/2/1970	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8130	***PT*** 264	Khuất Thị Huế	5/30/1986	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8131	***PT*** 265	Khuất Thị Liên	12/22/1967	Tích Giang	Phúc Thọ	100	
8132	***PT*** 266	Khuất Thị Thúy Tình	8/19/1969	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8133	***PT*** 267	Nguyễn Thị Thu Hà	7/30/1981	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8134	***PT*** 268	Đinh Thị Thu Hằng	10/26/1980	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8135	***PT*** 269	Lê Thúy Hạnh	3/16/1983	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8136	***PT*** 270	Nguyễn Thị Liên	1/5/1984	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8137	***PT*** 271	Hà Thị Thuỳ	5/23/1987	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8138	***PT*** 272	Kiều Thị Nụ	8/31/1987	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8139	***PT*** 273	Nguyễn Thị Tuất	12/17/1982	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8140	***PT*** 274	Kiều Thị Thảo	11/19/1986	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8141	***PT*** 275	Lê Thị Phương	4/8/1988	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8142	***PT*** 276	Nguyễn Thị Loan	11/1/1986	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8143	***PT*** 277	Dương Thị Vân Anh	5/24/1983	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8144	***PT*** 278	Kiều Thị Thúy	7/14/1988	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8145	***PT*** 279	Lê Thị Hường	5/5/1990	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8146	***PT*** 280	Đỗ Thị Tình	10/21/1991	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8147	***PT*** 281	Nguyễn Thị Thu Trang	9/20/1994	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8148	***PT*** 282	Nguyễn Thị Thơm	8/18/1989	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8149	***PT*** 283	Kiều Thị Phượng	6/18/1990	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8150	***PT*** 284	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	10/18/1992	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8151	***PT*** 285	Đoàn Thị Xuân	1/27/1993	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8152	***PT*** 286	Kiều Thị Nguyệt	10/27/1994	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8153	***PT*** 287	Đào Thị Thành	9/14/1975	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8154	***PT*** 288	Kiều Thị Vân	9/16/1981	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8155	***PT*** 289	Phan Thị Nhung	6/7/1979	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8156	***PT*** 290	Lê Thị Xuân Phương	7/2/1980	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8157	***PT*** 291	V ũ Thị Thúy	10/26/1980	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8158	***PT*** 292	Đỗ Thị Thu Hương	10/9/1981	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8159	***PT*** 293	Lê Thị Thúy Nga	9/28/1983	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8160	***PT*** 294	Lê Thị Thuý	3/17/1992	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8161	***PT*** 295	Kiều Thị Ngoan	8/24/1992	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8162	***PT*** 296	Phan Thị Thu	10/4/1978	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8163	***PT*** 297	Lê Thị Thu Hằng	11/2/1978	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8164	***PT*** 298	Phan Thị Xuân	11/6/1984	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8165	***PT*** 299	Lê Thị Thảo	10/24/1985	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8166	***PT*** 300	Đỗ Thị Thu Hằng	9/16/1992	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8167	***PT*** 301	Kiều Thị Hòa	11/8/1992	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8168	***PT*** 302	Phan Minh Thu	7/29/1994	Sen Chiểu	Phúc Thọ	100	
8169	***PT*** 303	Tô Thị Thư	10/4/1984	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8170	***PT*** 304	Lê Thị Thúy Chầm	5/29/1984	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8171	***PT*** 305	Khuất Thị Minh	8/24/1980	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8172	***PT*** 306	Nguyễn Thị Thanh Bình	12/17/1987	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8173	***PT*** 307	Khuất Thị Hạnh	11/14/1982	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	0	Rút hồ sơ
8174	***PT*** 308	Nguyễn Thị Thu Thủy	9/26/1984	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8175	***PT*** 309	Nguyễn Thị Hồng Ánh	3/18/1985	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8176	***PT*** 310	Nguyễn Thị Thu	7/29/1974	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8177	***PT*** 311	Lê Thị Thảo	9/4/1990	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8178	***PT*** 312	Lê Thị Ngân	1/2/1990	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8179	***PT*** 313	Cấn Thị Thu Hương	9/21/1984	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8180	***PT*** 314	Lê Thị Chanh	1/24/1981	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8181	***PT*** 315	Nguyễn Thị Oanh	8/28/1988	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8182	***PT*** 316	Nguyễn Thị Thu Hà	8/5/1993	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8183	***PT*** 317	Dương Thị Ngọc Oanh	6/11/1992	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8184	***PT*** 318	Tạ Thị Quỳnh	3/21/1993	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8185	***PT*** 319	Khuất Thị Chuyên	11/10/1990	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8186	***PT*** 320	Nguyễn Thị Giang	9/5/1989	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8187	***PT*** 321	Nguyễn Thị Thuý	2/27/1985	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8188	***PT*** 322	Khuất Thị Hà	8/2/1990	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8189	***PT*** 323	Lê Thị Yến	2/2/1976	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8190	***PT*** 324	Nguyễn Thị Quỳnh	10/12/1982	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8191	***PT*** 325	Lê Thị Huệ	1/19/1987	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8192	***PT*** 326	Lê Thị Quyên	11/8/1991	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8193	***PT*** 327	Bùi Thị Cúc	8/2/1987	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8194	***PT*** 328	Nguyễn Thị Thủy Tiên	8/23/1994	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8195	***PT*** 329	Nguyễn Thị Ngân	6/24/1990	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8196	***PT*** 330	Lê Thị Hồng	3/14/1984	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8197	***PT*** 331	Dương Thị Quyên	8/25/1993	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8198	***PT*** 332	Nguyễn Thị Huyền Chang	10/18/1990	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8199	***PT*** 333	Lê Thị Vân	6/9/1991	Võng Xuyên A	Phúc Thọ	100	
8200	***PT*** 334	Nguyễn Thị Thủy	11/14/1974	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8201	***PT*** 335	Nguyễn Thị Lan	8/23/1982	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8202	***PT*** 336	Đoàn Thị Thu	10/15/1985	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8203	***PT*** 337	Tạ Thị Hương	11/13/1985	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8204	***PT*** 338	Nguyễn Thị Hoa	10/30/1989	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8205	***PT*** 339	Nguyễn Thị Ánh Nguyện	9/1/1984	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8206	***PT*** 340	Nguyễn Thị Sáp	1/14/1986	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8207	***PT*** 341	Nguyễn Thị Hồng Loan	7/26/1993	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8208	***PT*** 342	Nguyễn Thị Thúy	6/20/1990	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8209	***PT*** 343	Trần Thị Dung	5/25/1993	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8210	***PT*** 344	Tạ Thị Thu Hương	10/16/1973	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8211	***PT*** 345	Nguyễn Thị Ngát	6/26/1974	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8212	***PT*** 346	Lê Thị Thủy	10/1/1984	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8213	***PT*** 347	Nguyễn Thị Hoài	1/9/1992	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8214	***PT*** 348	Khuất Thị Hợp	2/24/1989	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8215	***PT*** 349	Hoàng Thị Hương	9/16/1973	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8216	***PT*** 350	Nguyễn Thị Thư	3/11/1971	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8217	***PT*** 351	Ngô Thị Thúy Hằng	10/13/1973	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8218	***PT*** 352	Lê Thị Hải	11/23/1975	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8219	***PT*** 353	Ngô Thị Tuất	3/13/1973	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8220	***PT*** 354	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/6/1985	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8221	***PT*** 355	Nguyễn Thị Xuân	7/15/1986	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8222	***PT*** 356	Nguyễn Thị Tố Thơ	6/1/1982	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8223	***PT*** 357	Đoàn Thị Hải	1/14/1990	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8224	***PT*** 358	Đinh Thị Thu Vân	8/12/1988	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8225	***PT*** 359	Phạm Thu Phương	11/9/1993	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8226	***PT*** 360	Đoàn Thị Ngọc Ánh	9/11/1993	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8227	***PT*** 361	Khuất Thị Ngư	8/30/1992	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8228	***PT*** 362	Đỗ Thị Luật	1/28/1982	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8229	***PT*** 363	Vũ Thị Bông	4/3/1994	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8230	***PT*** 364	Nguyễn Thị Trang	14/10/1992	Võng Xuyên B	Phúc Thọ	100	
8231	***PT*** 365	Đặng Thị Bích Liên	4/15/1983	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8232	***PT*** 366	Hà Thị Thùy Trang	10/15/1987	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8233	***PT*** 367	Hà Thị Thu Hương	9/26/1982	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8234	***PT*** 368	Hoàng Thị Xuân	12/27/1982	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8235	***PT*** 369	Kiều Thị Hồng	10/16/1984	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8236	***PT*** 370	Dương Thị Thúy Vân	8/2/1980	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8237	***PT*** 371	Nguyễn Thị Nhất	3/14/1970	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8238	***PT*** 372	Hoàng Thị Hằng	7/27/1992	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8239	***PT*** 373	Hà Thị Thuý	7/24/1991	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8240	***PT*** 374	Trần Thị Ngọc	6/4/1988	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8241	***PT*** 375	Trịnh Thị Thu	10/17/1992	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8242	***PT*** 376	Kiều Thị Thảo	12/9/1991	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8243	***PT*** 377	Khuất Thị Huệ	9/10/1989	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8244	***PT*** 378	Hoàng Thị Chí	08/12/1969	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8245	***PT*** 379	Nguyễn Thị Huyền	10/24/1988	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8246	***PT*** 380	Nguyễn Thị Kim Ngân	9/2/1984	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8247	***PT*** 381	Phan Thị Hiền	8/27/1980	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8248	***PT*** 382	Phùng Thị Thanh Huyền	9/27/1980	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8249	***PT*** 383	Nguyễn Thị Thắm	9/2/1992	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8250	***PT*** 384	Đoàn Thị Khánh	10/25/1996	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8251	***PT*** 385	Nguyễn Thị Loan	5/4/1980	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8252	***PT*** 386	Hà Thị Hồng Loan	9/19/1975	Long Xuyên	Phúc Thọ	100	
8253	***PT*** 387	Đỗ Thị Chuyên	12/28/1982	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8254	***PT*** 388	Đặng Thị Lan Anh	2/9/1986	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8255	***PT*** 389	Trần Thị Thập	05/4/1992	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8256	***PT*** 390	Đỗ Thị Tuyết	9/11/1990	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8257	***PT*** 391	Nguyễn Thị Hà	5/1/1991	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8258	***PT*** 392	Nguyễn Thị Giang	10/1/1990	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8259	***PT*** 393	Nguyễn Thị Nhinh	8/2/1985	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8260	***PT*** 394	Đoàn Thị Bích Hường	5/20/1991	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8261	***PT*** 395	Đình Thị Hường	10/24/1989	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8262	***PT*** 396	Nguyễn Thị Hương Giang	10/25/1993	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8263	***PT*** 397	Nguyễn Thị Châm	10/20/1986	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8264	***PT*** 398	Tạ Thúy Hà	7/6/1989	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8265	***PT*** 399	Đoàn Thị Trang	1/11/1993	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8266	***PT*** 400	Kiều Thị Dung	7/31/1993	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8267	***PT*** 401	Đỗ Thị Huyền	11/20/1969	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8268	***PT*** 402	Nguyễn Thị Hằng	10/1/1983	Thượng Cốc	Phúc Thọ	100	
8269	***PT*** 403	Nguyễn Thị Tĩnh	10/5/1981	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8270	***PT*** 404	Đào Thị Thành	3/18/1974	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8271	***PT*** 405	Lương Thị Thu Trang	10/27/1985	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8272	***PT*** 406	Ngô Thị Thơm	5/8/1984	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8273	***PT*** 407	Hoàng Thị Quế	3/31/1979	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8274	***PT*** 408	Nguyễn Thị Thanh Vân	4/25/1990	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8275	***PT*** 409	Nguyễn Bảo Hai	1/6/1991	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8276	***PT*** 410	Nguyễn Thị Xuyến	10/21/1993	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8277	***PT*** 411	Nguyễn Thị Thanh Huyền	5/15/1984	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8278	***PT*** 412	Phùng Thị Thuân	11/25/1990	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8279	***PT*** 413	Dương Thị Tâm	3/19/1979	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8280	***PT*** 414	Nguyễn Thị Sinh Thủy	8/11/1972	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8281	***PT*** 415	Đặng Thị Hữu	11/8/1986	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8282	***PT*** 416	Đặng Thị Huệ	10/19/1991	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8283	***PT*** 417	Nguyễn Thị Lộc	4/2/1982	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8284	***PT*** 418	Võ Thị Tuyết Mai	11/7/1986	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8285	***PT*** 419	Đỗ Thị Thanh Xuân	3/12/1981	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8286	***PT*** 420	Đỗ Thị Hồng Thơm	12/23/1981	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8287	***PT*** 421	Trần Thị Hương	7/14/1990	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8288	***PT*** 422	Vũ Thị Huyền	3/28/1984	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8289	***PT*** 423	Hoàng Thị Chinh	1/1/1988	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8290	***PT*** 424	Nguyễn Thị Thu Hằng	2/28/1982	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8291	***PT*** 425	Nguyễn Thị Huế	1/27/1983	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8292	***PT*** 426	Đỗ Thị Hương	9/12/1988	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8293	***PT*** 427	Nguyễn Thị Hồi	10/8/1992	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8294	***PT*** 428	Hoàng Thị Thanh Hải	4/6/1991	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8295	***PT*** 429	Chu Thị Hằng	8/31/1990	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8296	***PT*** 430	Khuất Thu Huyền	8/11/1996	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8297	***PT*** 431	Hoàng Thị Hà	11/16/1992	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8298	***PT*** 432	Trịnh Thị Trang	5/12/1992	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8299	***PT*** 433	Đào Thị Thủy	11/14/1984	Xuân Phú	Phúc Thọ	100	
8300	***PT*** 434	Đặng Thị Huyền Dịu	25/12/1981	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8301	***PT*** 435	Bùi Thị Mai Hương	3/11/1984	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8302	***PT*** 436	Nguyễn Thị Hiệp	1/1/1990	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8303	***PT*** 437	Nguyễn Thanh Nga	12/2/1980	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8304	***PT*** 438	Nguyễn Thu Thuỷ	10/2/1986	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8305	***PT*** 439	Nguyễn Thị Tú Anh	7/27/1983	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8306	***PT*** 440	Trần Thị Bích	4/12/1988	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8307	***PT*** 441	Đặng Thị Thêm	10/3/1990	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8308	***PT*** 442	Nguyễn Thị Minh Lựu	2/3/1979	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8309	***PT*** 443	Bùi Thị Huế	5/30/1982	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8310	***PT*** 444	Phùng Thị Tám	4/30/1985	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8311	***PT*** 445	Trần Thị Nga	1/31/1985	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8312	***PT*** 446	Phùng Thị Lan	3/18/1988	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8313	***PT*** 447	Đào Thị Tính	19/10/1990	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8314	***PT*** 448	Phùng Thị Lan	6/30/1993	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8315	***PT*** 449	Đặng Thị Chinh	28/11/1988	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8316	***PT*** 450	Đinh Thị Nguyên	7/12/1985	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8317	***PT*** 451	Bùi Thị Thu	1/18/1990	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8318	***PT*** 452	Đặng Thị Kim Tuyến	2/19/1979	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8319	***PT*** 453	Đặng Thị Hương Sen	5/12/1979	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8320	***PT*** 454	Đặng Thị Hương	7/2/1985	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8321	***PT*** 455	Hà Thị Tuyết Nhung	4/25/1980	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8322	***PT*** 456	Bùi Thị Thu Hằng	1/4/1992	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8323	***PT*** 457	Doãn Thị Hoàng	15/11/1982	Vân Phúc	Phúc Thọ	100	
8324	***PT*** 458	Đào Thị Lợi	21/8/1968	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8325	***PT*** 459	Bùi Thị Nguyệt	19/8/1980	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8326	***PT*** 460	Kim Thị Năm	11/3/1982	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8327	***PT*** 461	Kim Thị Thủy	15/7/1983	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8328	***PT*** 462	Bùi Thị Kiều Oanh	10/8/1985'	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8329	***PT*** 463	Lê Thị Hồng Thuỷ	20/10/1987	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8330	***PT*** 464	Bùi Thị Phương	2/14/1991	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8331	***PT*** 465	Phùng Thị Lệ	27/02/1993	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8332	***PT*** 466	Thế Thị Thu Hằng	25/9/1980	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8333	***PT*** 467	Ngọc Thị Hạnh	01/8/1982	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8334	***PT*** 468	Doãn Thị Trang	30/9/1989	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8335	***PT*** 469	Trần Thanh Xuân Bắc	1/21/1993	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8336	***PT*** 470	Dương Thị Thơm	26/6/1983	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8337	***PT*** 471	Đặng Thị Thuỷ	01/7/1983	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8338	***PT*** 472	Nguyễn Thị Hoà	11/12/1983	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8339	***PT*** 473	Doãn Thị Phượng	11/20/1989	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8340	***PT*** 474	Đặng Thị Nụ	18/9/1992	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8341	***PT*** 475	Hoàng Thị Hoa	23/7/1969	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8342	***PT*** 476	Phùng Thị Yến	16/9/1990	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8343	***PT*** 477	Đặng Thị Huyền Hương	05/02/1991	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8344	***PT*** 478	Đặng Thị Yến	07/02/1984	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8345	***PT*** 479	Doãn Thị Hương	10/10/1985	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8346	***PT*** 480	Bùi Thị Hải Yến	06/6/1986	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8347	***PT*** 481	Đình Thị Hiếu	31/12/1989	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8348	***PT*** 482	Vũ Thị Vân Anh	26/10/1989'	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8349	***PT*** 483	Doãn Trâm Oanh	25/10/1991'	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8350	***PT*** 484	Vũ Thị Thuý Ngân	08/11/1992	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8351	***PT*** 485	Đặng Thị Thuỳ Linh	10/12/1993	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8352	***PT*** 486	Trần Thị Trang	20/8/1985	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8353	***PT*** 487	Phùng Thị Huyền Trang	18/5/1992	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8354	***PT*** 488	Phùng Thị Hậu	20/7/1983	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8355	***PT*** 489	Bùi Thị Nhung	19/12/1988'	Vân Nam	Phúc Thọ	100	
8356	***PT*** 490	Trần Thị Tuyết	12/12/1980	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8357	***PT*** 491	Đỗ Thị Vinh	8/24/1979	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8358	***PT*** 492	Kim Thị Hồng Vân	12/10/1981	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8359	***PT*** 493	Kim Thị Điểm	6/20/1986	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8360	***PT*** 494	Đăng Thị Lan	14/11/1983	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8361	***PT*** 495	Tạ Thị Điệp	9/11/1985	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8362	***PT*** 496	Kim Thị Điều	4/25/1991	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8363	***PT*** 497	Thế Thị Linh	3/26/1976	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8364	***PT*** 498	Kim Thị Hương	11/3/1979	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8365	***PT*** 499	Đoàn Thị Uyên	10/2/1974	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8366	***PT*** 500	Kim Thị Bích	15/12/1976	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8367	***PT*** 501	Công Thị Thảo	5/6/1976	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8368	***PT*** 502	Trần Thị Thùy Linh	7/18/1992	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8369	***PT*** 503	Nguyễn Hồng Thủy	12/4/1990	Hát Môn	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8370	***PT*** 504	Nguyễn Thị Hồng Linh	6/13/1992	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8371	***PT*** 505	Nguyễn Thị Hải Yến	6/3/1989	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8372	***PT*** 506	Kim Thị Quý	7/17/1993	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8373	***PT*** 507	Đăng Thị Thiện	10/12/1989	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8374	***PT*** 508	Thế Thị Huyền	8/18/1986	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8375	***PT*** 509	Kim Thị Dung	6/5/1989	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8376	***PT*** 510	Đỗ Thị Thu Hiền	2/12/1988	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8377	***PT*** 511	Kim Thị Hường	7/19/1989	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8378	***PT*** 512	Duy Thị Hương	1/16/1989	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8379	***PT*** 513	Đăng Thị Phúc	8/23/1989	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8380	***PT*** 514	Nho Thị Dung	9/5/1992	Hát Môn	Phúc Thọ	100	
8381	***PT*** 515	Kim Thị Hoa	9/23/1984	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8382	***PT*** 516	Nguyễn Thị Thu Loan	8/1/1977	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8383	***PT*** 517	Nguyễn Thị Vui	9/15/1986	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8384	***PT*** 518	Đăng Thị Dinh	9/1/1985	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8385	***PT*** 519	Nguyễn Thị Tuyết	4/29/1990	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8386	***PT*** 520	Hoàng Quỳnh Hoa	24/11/1990	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8387	***PT*** 521	Nguyễn Thị Hà	9/28/1990	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8388	***PT*** 522	Nguyễn Thị Minh	25/10/1987	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8389	***PT*** 523	Đặng Thị Quỳnh	5/19/1991	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8390	***PT*** 524	Trịnh Thị Hợp	7/27/1970	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8391	***PT*** 525	Đoàn Thị Hiền	8/8/1969	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8392	***PT*** 526	Nguyễn Thị Y Mai	8/17/1988	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8393	***PT*** 527	Trịnh Thị Hiền	6/25/1985	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8394	***PT*** 528	Lê Thị Tuyết	9/1/1987	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8395	***PT*** 529	Đỗ Thị Hoa	2/20/1985	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8396	***PT*** 530	Hoàng Thị Oanh	8/12/1986	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8397	***PT*** 531	Nguyễn Thị Hồng Huế	7/27/1983	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8398	***PT*** 532	Hoàng Thị Phượng	7/20/1983	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8399	***PT*** 533	Lưu Thị Ngân	4/1/1982	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8400	***PT*** 534	Nguyễn Thị Thanh Hà	11/2/1978	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8401	***PT*** 535	Phan Thị Thập	3/10/1979	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8402	***PT*** 536	Bùi Thị Luyện	7/2/1984	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8403	***PT*** 537	Đình Thị Lý	3/17/1989	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8404	***PT*** 538	Nguyễn Hoài Thơ	9/18/1991	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8405	***PT*** 539	Nguyễn Thị Thùy Vân	9/17/1994	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8406	***PT*** 540	Hoàng Thị Phương	10/2/1986	Thanh Đa	Phúc Thọ	100	
8407	***PT*** 541	Nguyễn Thị Thuý Hồng	12/12/1977	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8408	***PT*** 542	Vương Thị Thoan	11/3/1979	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8409	***PT*** 543	Đỗ Thị Tuệ	6/8/1977	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8410	***PT*** 544	Trịnh Thị Hường	8/1/1980	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8411	***PT*** 545	Trần Thị Hiền	9/10/1982	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8412	***PT*** 546	Trương Thị Như	1/5/1984	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8413	***PT*** 547	Kiều Thị Thu Hiền	10/16/1991	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8414	***PT*** 548	Nguyễn Thị Thu Trang	12/1/1992	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8415	***PT*** 549	Nguyễn Thị Hằng	25/5/1980	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8416	***PT*** 550	Nguyễn Thị Thùy Dương	8/20/1985	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8417	***PT*** 551	Lê Thị Vân	11/2/1988	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8418	***PT*** 552	Nguyễn Thị Lương	11/9/1981	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8419	***PT*** 553	Hoàng Thị Khánh Hiền	10/25/1982	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8420	***PT*** 554	Đăng Thị Đông	20/1/1983	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8421	***PT*** 555	Tạ Thị Luyến	4/30/1984	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8422	***PT*** 556	Trương Hải Yến	12/6/1986	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8423	***PT*** 557	Bùi Thị Phượng	4/26/1989	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8424	***PT*** 558	Nguyễn Thị Thủy	3/14/1977	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8425	***PT*** 559	Trương Thị Phượng	4/24/1989	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8426	***PT*** 560	Phạm Thị Hương	7/12/1990	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8427	***PT*** 561	Đỗ Thị Vui	10/1/1985	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8428	***PT*** 562	Nguyễn Thị Hằng	7/14/1987	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8429	***PT*** 563	Trương Thị Thu Hòa	8/15/1989	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8430	***PT*** 564	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/29/1989	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8431	***PT*** 565	Dương Thị Hường	27/2/1992	Tam Thuấn	Phúc Thọ	100	
8432	***PT*** 566	Dương Thị Hồng Hợp	4/10/1969	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8433	***PT*** 567	Nguyễn Thị Tình	13/12/1987	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8434	***PT*** 568	Nguyễn Thị Hiền	23/10/1986	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8435	***PT*** 569	Nguyễn Thị Bích Ngọc	5/31/1988	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8436	***PT*** 570	Kiều Thị Thành	11/10/1980	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8437	***PT*** 571	Tô Thị Minh Nguyệt	6/28/1990	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8438	***PT*** 572	Nguyễn Thị Hiền	9/20/1992	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8439	***PT*** 573	Kiều Thị Hồng Lam	10/18/1990	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8440	***PT*** 574	Nguyễn Thị Hoàn	8/10/1985	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8441	***PT*** 575	Vũ Thị Thủy	9/25/1990	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8442	***PT*** 576	Trần Thị Chắt	4/26/1976	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8443	***PT*** 577	Lê Thị Bảy	5/7/1981	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8444	***PT*** 578	Nguyễn Thị Huyền	10/8/1994	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8445	***PT*** 579	Nguyễn Thị Linh	5/26/1989	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8446	***PT*** 580	Khuất Thị Thanh Kim	12/5/1995	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8447	***PT*** 581	Cấn Thị Phượng	5/26/1993	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8448	***PT*** 582	Khuất Thị Huệ	28/6/1984	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8449	***PT*** 583	Khuất Thị Lụa	8/13/1986	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8450	***PT*** 584	Đàm Thị Dung	6/24/1972	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8451	***PT*** 585	Khuất Thị Tý	2/2/1972	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8452	***PT*** 586	Đoàn Thị Xuân	9/10/1994	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8453	***PT*** 587	Khuất Thị Thanh Tuân	5/5/1971	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8454	***PT*** 588	Kiều Thị Thanh	9/9/1984	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8455	***PT*** 589	Khuất Thị Như	12/6/1991	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8456	***PT*** 590	Trần Thị Lan	3/10/1987	Phúc Hoà	Phúc Thọ	100	
8457	***PT*** 591	Nguyễn Thị Kim Dung	10/11/1976	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8458	***PT*** 592	Nguyễn Thị Vân	17/7/1987	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8459	***PT*** 593	Nguyễn Thị Đào	10/4/1984	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8460	***PT*** 594	Dương Thị Ngọc Ánh	4/5/1981	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8461	***PT*** 595	Vũ Thị Thảo	14/5/1990	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8462	***PT*** 596	Lê Thị Bích Hường	2/10/1984	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8463	***PT*** 597	Bùi Thị Hồng Chính	15/8/1988	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8464	***PT*** 598	Nguyễn Thị Sinh	15/8/1983	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8465	***PT*** 599	Đào Thị Nga	11/9/1983	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8466	***PT*** 600	Phan Thị Lan Anh	23/10/1986	Cẩm Đình	Phúc Thọ	0	Rút hồ sơ
8467	***PT*** 601	Nguyên Thị Bình	26/6/1993	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8468	***PT*** 602	Vũ Thị Thanh Hương	18/12/1982	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8469	***PT*** 603	Lê Thị Thúy	13/8/1989	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8470	***PT*** 604	Nguyễn Thị Thanh Dung	26/11/1985	Cẩm Đình	Phúc Thọ	100	
8471	***PT*** 605	Bùi Thị Hoàng Yến	8/15/1980	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8472	***PT*** 606	Đặng Thị Thu Hiền	4/15/1988	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8473	***PT*** 607	Vũ Thị Thương	1/29/1984	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8474	***PT*** 608	Bùi Thị Loan	1/16/1993	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8475	***PT*** 609	Phùng Thị Hải Yến	8/19/1995	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8476	***PT*** 610	Hoàng Thị Thu Hương	10/1/1987	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8477	***PT*** 611	Hoàng Thị Như Quỳnh	6/26/1983	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8478	***PT*** 612	Nguyễn Thị Thúy	1/18/1996	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8479	***PT*** 613	Nguyễn Thị Phương Dung	2/28/1985	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8480	***PT*** 614	Danh Thị Thảo	1/20/1970	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8481	***PT*** 615	Phùng Thị Quyến	1/20/1970	Vân Hà	Phúc Thọ	100	
8482	***PT*** 616	Bùi Thị Hải Mơ	06/01/1981	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8483	***PT*** 617	Phí Thị Thúy Vui	05/01/1983	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8484	***PT*** 618	Đào Thị Thanh Lê	15/08/1972	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8485	***PT*** 619	Đoàn Thị Thủy	27/06/1989	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8486	***PT*** 620	Lê Thị Luyến	20/09/1993	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8487	***PT*** 621	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/09/1994	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8488	***PT*** 622	Lê Thị Thơm	31/07/1992	Phương Độ	Phúc Thọ	0	Rút hồ sơ
8489	***PT*** 623	Khuất Thị Xuân	15/03/1987	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8490	***PT*** 624	Nguyễn Thị Thanh Xuân	29/08/1984	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8491	***PT*** 625	Đinh Thị Diệu	22/11/1994	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8492	***PT*** 626	Đào Thị Tuyết	12/10/1974	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8493	***PT*** 627	Nguyễn Thị Bích Thìn	26/03/1978	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8494	***PT*** 628	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/04/1977	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8495	***PT*** 629	Nguyễn Thị Hoa	08/05/1978	Phương Độ	Phúc Thọ	100	
8496	**QA**001	Đỗ Thị Thơ	01/05/1979	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8497	**QA**002	Hoàng Thị Dịu	20/02/1984	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8498	**QA**003	Dương Thị Nhung	21/04/1981	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8499	**QA**004	Đặng Thu Thủy	25/02/1984	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8500	**QA**005	Bùi Thị Tuyết Nga	16/04/1986	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8501	**QA**006	Nguyễn Thị Minh	13/09/1991	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8502	**QA**007	Kiều Thị Thanh Huyền	27/04/1981	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8503	**QA**008	Nguyễn Thị Hạnh	09/10/1982	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8504	**QA**009	Trịnh Thị Thực	02/10/1984	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8505	**QA**010	Nguyễn Thị Trang Nhung	22/09/1986	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8506	**QA**011	Nguyễn Thị Hoa	18/12/1980	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8507	**QA**012	Nguyễn Thị Liễu	13/06/1983	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8508	**QA**013	Kiều Thị Phương	10/11/1988	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8509	**QA**014	Nguyễn Thị Hiền	06/09/1984	Cấn Hữu	Quốc Oai	100	
8510	**QA**015	Nguyễn Thị Hạnh	27/9/1972	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8511	**QA**016	Nguyễn Thị Loan	28/03/1985	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8512	**QA**017	Hoàng Thị Hương Thùy	22/01/1992	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8513	**QA**018	Nguyễn Thị Thắm	06/05/1984	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8514	**QA**019	Nguyễn Thị Nhung	13/12/1991	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8515	**QA**020	Đặng Thị Ngân	28/6/1987	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8516	**QA**021	Đỗ Thị Diễm	07/01/1982	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8517	**QA**022	Nguyễn Thị Huyền	08/9/1991	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8518	**QA**023	Vũ Thị Thu Hà	11/02/1991	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	
8519	**QA**024	Tạ Thị Thanh Thảo	12/01/1982	Hòa Thạch	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8520	**QA**025	Nguyễn Vân Anh	03/8/1985	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8521	**QA**026	Nguyễn Thị Hồng Kỳ	05/02/1975	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8522	**QA**027	Đỗ Thị Ngọc Dung	30/10/1985	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8523	**QA**028	Nguyễn Thị Nhung	19/7/1982	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8524	**QA**029	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	19/8/1976	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8525	**QA**030	Nguyễn Thị Xinh	29/2/1984	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8526	**QA**031	Lương Thị Như Liên	17/12/1984	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8527	**QA**032	Dương Thị Nga	10/11/1987	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8528	**QA**033	Nguyễn Thị Thơm	20/4/1988	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8529	**QA**034	Dương Thị Liên	10/6/1989	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8530	**QA**035	Nguyễn Thị Hằng	4/12/1990	Trường Huyện	Quốc Oai	100	
8531	**QA**036	Nguyễn Thị Thơm	8/7/1991	Trường Huyện	Quốc Oai	95	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
8532	**QA**037	Kiều Thị Lan	05/04/1973	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8533	**QA**038	Nguyễn Thị Thanh Hải	27/09/1988	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8534	**QA**039	Phạm Thị Quyết	15/10/1983	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8535	**QA**040	Trịnh Thị Lý	09/09/1973	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8536	**QA**041	Kiều Thị Thu Huệ	02/11/1981	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8537	**QA**042	Nguyễn Thị Thúy Hà	18/04/1983	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8538	**QA**043	Kiều Thị Ngọc	07/04/1990	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8539	**QA**044	Phùng Thị Viện	10/11/1980	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8540	**QA**045	Trần Thị Vang	06/12/1980	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8541	**QA**046	Nguyễn Thị Sơn Nhung	13/08/1988	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8542	**QA**047	Hoàng Thị Tuyết Mai	09/06/1970	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8543	**QA**048	Nguyễn Thị Lý	21/07/1992	Liệp Tuyết	Quốc Oai	100	
8544	**QA**049	Bùi Thị Trường	16/09/1971	Long Phú	Quốc Oai	100	
8545	**QA**050	Nguyễn Thị Thu	31/10/1986	Long Phú	Quốc Oai	100	
8546	**QA**051	Lê Thị Trang	03/11/1990	Long Phú	Quốc Oai	100	
8547	**QA**052	Doãn Thị Giang	06/9/1992	Long Phú	Quốc Oai	100	
8548	**QA**053	Nguyễn Thị Thu Uyên	07/4/1990	Long Phú	Quốc Oai	100	
8549	**QA**054	Đỗ Thị Thu Hằng	21/2/1992	Long Phú	Quốc Oai	100	
8550	**QA**055	Vương Thị Kiều Trang	03/11/1990	Long Phú	Quốc Oai	100	
8551	**QA**056	Đỗ Thị Thuận	04/9/1987	Long Phú	Quốc Oai	100	
8552	**QA**057	Bùi Thị Minh Luyện	20/6/1985	Long Phú	Quốc Oai	100	
8553	**QA**058	Nguyễn Thị Vui	25/6/1981	Long Phú	Quốc Oai	100	
8554	**QA**059	Nguyễn Như Quỳnh	30/7/1976	Long Phú	Quốc Oai	100	
8555	**QA**060	Phạm Thị Lượng	17/10/1991	Long Phú	Quốc Oai	100	
8556	**QA**061	Nguyễn Thị Hằng	11/9/1987	Long Phú	Quốc Oai	100	
8557	**QA**062	Nguyễn Thị Thanh Loan	20/2/1973	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	
8558	**QA**063	Nguyễn Bích Thuỷ	22/7/1984	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8559	**QA**064	Vương Thị Thuận	15/11/1982	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	
8560	**QA**065	Nguyễn Thị Loan	15/7/1980	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	
8561	**QA**066	Đắc Thị Phúc	15/7/1979	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	
8562	**QA**067	Hoàng Thị Minh Yến	4/4/1987	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	
8563	**QA**068	Sỹ Thị Dung	26/8/1984	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	
8564	**QA**069	Sỹ Thị Dung	19/7/1988	Cộng Hoà	Quốc Oai	100	
8565	**QA**070	Nguyễn Thị Phượng	29/10/1979	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8566	**QA**071	Nguyễn Thị Hoàn	7/10/1983	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8567	**QA**072	Vương Thị Thùy Dung	28/9/1987	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8568	**QA**073	Lương Thị Thảo	29/9/1987	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8569	**QA**074	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/10/1989	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8570	**QA**075	Đỗ Thị Thu Hiền	7/9/1991	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8571	**QA**076	Vương Thị Thân	17/01/1973	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8572	**QA**077	Đỗ Thị Thanh	18/9/1987	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8573	**QA**078	Nguyễn Thị Thanh	27/01/1982	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8574	**QA**079	Nguyễn Thị Lan Anh	18/9/1991	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8575	**QA**080	Vương Thị Phượng	15/10/1991	Nghĩa Hương	Quốc Oai	100	
8576	**QA**081	Nguyễn Thị Hoài Thu	15/01/1981	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8577	**QA**082	Nguyễn Thị Loan	05/7/1980	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8578	**QA**083	Nguyễn Thị Xuân	11/9/1989	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8579	**QA**084	Phan Thị Hợp	19/9/1989	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8580	**QA**085	Tạ Thị Tuyết	11/11/1990	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8581	**QA**086	Bùi Thị Hiền	20/5/1989	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8582	**QA**087	Đỗ Thị Hảo	22/8/1988	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8583	**QA**088	Nguyễn Thị Xuyến	23/9/1988	Ngọc Mỹ A	Quốc Oai	100	
8584	**QA**089	Trần Thị Thanh Tâm	12/4/1986	Ngọc Mỹ B	Quốc Oai	100	
8585	**QA**090	Nguyễn Thị Bình	3/19/1973	Ngọc Mỹ B	Quốc Oai	100	
8586	**QA**091	Nguyễn Thị Huệ	7/17/1991	Ngọc Mỹ B	Quốc Oai	100	
8587	**QA**092	Ngô Thị Liên	3/15/1984	Ngọc Mỹ B	Quốc Oai	100	
8588	**QA**093	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	5/5/1974	Ngọc Mỹ B	Quốc Oai	100	
8589	**QA**094	Phạm Thu Hiền	9/11/1984	Ngọc Mỹ B	Quốc Oai	100	
8590	**QA**095	Nguyễn Thị Thanh	5/21/1986	Ngọc Mỹ B	Quốc Oai	100	
8591	**QA**096	Bùi Thị Thu Thỏa	05/09/1980	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8592	**QA**097	Nguyễn Thị Hòa	15/06/1982	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8593	**QA**098	Chu Thị Ngoan	24/02/1985	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8594	**QA**099	Hoàng Bích Thuận	20/02/1985	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8595	**QA**100	Nguyễn Thị Kim Phượng	10/11/1984	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8596	**QA**101	Bùi Thị Phương Thúy	16/04/1988	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8597	**QA**102	Bùi Thị Nha	26/06/1984	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8598	**QA**103	Đào Thị Phượng	15/10/1993	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8599	**QA**104	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/09/1989	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8600	**QA**105	Vũ Thị Xuân	20/10/1984	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8601	**QA**106	Khuất Thị Thanh Hương	23/05/1988	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8602	**QA**107	Bùi Thị Hoài Thu	23/03/1982	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8603	**QA**108	Nguyễn Thị Xuyến	26/08/1970	Phú Mãn	Quốc Oai	100	
8604	**QA**109	Bùi Thị Sao Mai	01/06/1984	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8605	**QA**110	Phùng Thị Xuyên	30/10/1986	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8606	**QA**111	Nguyễn Bích Diệp	02/01/1992	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8607	**QA**112	Bùi Thị Thu Trang	18/11/1984	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8608	**QA**113	Nguyễn Thị Ánh	11/07/1986	Phú Cát	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8609	**QA**114	Đỗ Thị Lan	17/11/1988	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8610	**QA**115	Nguyễn Thị Hạnh	06/08/1983	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8611	**QA**116	Nguyễn Thị Hảo	03/11/1973	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8612	**QA**117	Nguyễn Thị Khoa	08/06/1986	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8613	**QA**118	Lê Thị Nga	29/04/1988	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8614	**QA**119	Hoàng Thị Huyên	21/09/1991	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8615	**QA**120	Kiều Thị Tuyết	06/01/1983	Phú Cát	Quốc Oai	100	
8616	**QA**121	Nguyễn Thị Quảng	24/11/1979	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8617	**QA**122	Lê Thị Mơ	28/07/1981	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8618	**QA**123	Đỗ Thị Phượng	02/12/1974	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8619	**QA**124	Cao Thị Nhung	07/11/1987	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8620	**QA**125	Hoàng Thị Mai	13/4/1985	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8621	**QA**126	Bùi Thị Huyền	12/1/1986	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8622	**QA**127	Nguyễn Thị Lộc	28/2/1982	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8623	**QA**128	Nguyễn Thị Xinh	20/10/1986	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8624	**QA**129	Kiều Thị Thương	29/1/1989	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8625	**QA**130	Đỗ Thị Quyên	13/3/1989	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8626	**QA**131	Nguyễn Thị Hường	12/6/1989	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8627	**QA**132	Đỗ Thị Phương Liên	08/4/1991	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8628	**QA**133	Đỗ Thị Thơ	11/09/1991	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8629	**QA**134	Nguyễn Thị Hằng	27/10/1989	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8630	**QA**135	Nguyễn Thị Ngân	11/2/1991	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8631	**QA**136	Đỗ Thị Mai Hương	12/07/1990	Đông Yên B	Quốc Oai	100	
8632	**QA**137	Kiều Thị Ninh	06/12/1969	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8633	**QA**138	Đỗ Thị Cẩn	1/30/1980	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8634	**QA**139	Nguyễn Thị Trang	11/21/1985	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8635	**QA**140	Phí Thị Liên	9/6/1989	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8636	**QA**141	Đỗ Thị Xuyến	12/10/1990	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8637	**QA**142	Nguyễn Thị Chí	4/10/1973	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8638	**QA**143	Đỗ Thị Kim Thuyết	06/01/1981	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8639	**QA**144	Nguyễn Thị Thuyết	12/10/1979	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8640	**QA**145	Nguyễn Thị Hương Giang	02/09/1985	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8641	**QA**146	Tạ Thị Hòa	3/15/1986	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8642	**QA**147	Kiều Thị Hường	05/09/1989	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8643	**QA**148	Đặng Thu Hiền	9/15/1989	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8644	**QA**149	Nguyễn Thị Hương	4/29/1983	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8645	**QA**150	Tạ Thị Huấn	1/16/1973	Ngọc Liệp	Quốc Oai	100	
8646	**QA**151	Đào Thị Loan	8/14/1973	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8647	**QA**152	Đào Thị Thoa	9/9/1973	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8648	**QA**153	Nguyễn Thị Nhẫn	12/10/1984	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8649	**QA**154	Trần Thị Nguyệt Ánh	9/21/1986	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8650	**QA**155	Đôn Thị Hạnh	6/10/1983	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8651	**QA**156	Nguyễn Thị Tuyết	8/15/1983	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8652	**QA**157	Nguyễn Thị Hoài Anh	10/20/1988	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8653	**QA**158	Phùng Thị Hạnh	9/3/1987	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8654	**QA**159	Hoàng Thị Luyến	2/28/1986	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8655	**QA**160	Nguyễn Thị Mai	11/10/1985	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8656	**QA**161	Đinh Thị Minh Nguyệt	7/9/1983	Phượng Cách	Quốc Oai	100	
8657	**QA**162	Nguyễn Thị Hiền	3/2/1982	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8658	**QA**163	Nguyễn Thị Thúy Mai	11/15/1977	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8659	**QA**164	Dương Thị Hường	2/24/1978	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8660	**QA**165	Phùng Thị Khánh	9/2/1976	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8661	**QA**166	Nguyễn Thị Quỳnh	13/10/1986	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8662	**QA**167	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	1/10/1981	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8663	**QA**168	Nguyễn Thị Hoa	7/3/1984	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8664	**QA**169	Đỗ Thị Mai	14/3/1991	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8665	**QA**170	Đỗ Thị Thu Hiền	9/6/1991	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8666	**QA**171	Bùi Thị Thanh Hoa	10/5/1985	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8667	**QA**172	Tạ Thị Phương	1/13/1985	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8668	**QA**173	Vũ Thị Thu	3/21/1993	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8669	**QA**174	Đào Thị Hiền	29/1/1990	Sài Sơn A	Quốc Oai	100	
8670	**QA**175	Bùi Thị Huệ	16/7/1990	Sài Sơn A	Quốc Oai	95	Không có bằng CĐ GD MN đủ 3 năm (có bằng ĐH GDMN không đủ 3 năm tính đến 31/8/2023)
8671	**QA**176	Nguyễn Thị Thanh Hương	02/09/1972	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8672	**QA**177	Nguyễn Thị Dung	14/04/1970	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8673	**QA**178	Nguyễn Thị Thuỷ	22/10/1986	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8674	**QA**179	Lê Thị Thuỷ	22/11/1982	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8675	**QA**180	Bùi Thị Huê	05/10/1989	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8676	**QA**181	Lê Thị Long	28/10/1986	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8677	**QA**182	Nguyễn Thị Trang	16/08/1986	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8678	**QA**183	Mùi Thị Nguyệt	29/12/1988	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8679	**QA**184	Trịnh Thị Hoa	21/10/1992	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8680	**QA**185	Nguyễn Thị Yêu	30/10/1989	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8681	**QA**186	Nguyễn Thị Hà	08/01/1986	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8682	**QA**187	Nguyễn Thị Tuyết	11/08/1985	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8683	**QA**188	Nguyễn Thị Phượng	20/04/1987	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8684	**QA**189	Nguyễn Thị Việt Huế	08/03/1990	Sài Sơn B	Quốc Oai	100	
8685	**QA**190	Đào Thị Thanh Thảo	09/7/1979	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8686	**QA**191	Bùi Thị Lệ Quyên	3/18/1985	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8687	**QA**192	Đỗ Thị Minh	5/7/1983	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8688	**QA**193	Đào Thị Tứ	12/10/1984	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8689	**QA**194	Tạ Thị Hồng	9/21/1990	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8690	**QA**195	Tạ Thị Lý	10/19/1987	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8691	**QA**196	Dương Thị Mến	10/21/1986	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8692	**QA**197	Nguyễn Thị Thu Hằng	6/16/1976	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8693	**QA**198	Tạ Thị Thanh Loan	8/1/1989	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8694	**QA**199	Cao Thị Huyền Trang	7/29/1987	Sài Sơn C	Quốc Oai	100	
8695	**QA**200	Lê Thị Xuyến	08/03/1968	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8696	**QA**201	Nguyễn Thị Ngân Hà	16/12/1979	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8697	**QA**202	Đinh Thị Hòa	25/7/1976	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8698	**QA**203	Khuất Thị Ngân	10/12/1984	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8699	**QA**204	Lê Thị Loan	20/11/1985	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8700	**QA**205	Vương Thị loan	10/6/1984	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8701	**QA**206	Nguyễn Thị Huyền	14/01/1981	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8702	**QA**207	Dương Thị Ly	04/8/1992	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8703	**QA**208	Lê Thị Nụ	01/07/1986	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8704	**QA**209	Nguyễn Thị Mười	21/7/1987	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8705	**QA**210	Nguyễn Thị Xuân	29/10/1981	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8706	**QA**211	Nguyễn Thị Ngọc Yến	27/01/1994	Tân Hòa	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8707	**QA**212	Vương Thị Hương	16/10/1984	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8708	**QA**213	Hữu Thị Thảo	01/7/1986	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8709	**QA**214	Nguyễn Thị Giang	11/05/1993	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8710	**QA**215	Vương Thị Hoa	29/11/1990	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8711	**QA**216	Nguyễn Thị Chính	9/11/1981	Tân Hòa	Quốc Oai	100	
8712	**QA**217	Lưu Thị Yên	22/12/1971	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8713	**QA**218	Nguyễn Thị Hạnh	20/9/1972	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8714	**QA**219	Nguyễn Thị Thu	01/9/1978	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8715	**QA**220	Lê Thị Lan	01/02/1986	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8716	**QA**221	Nguyễn Thị Trang	28/08/1991	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8717	**QA**222	Hoàng Thị Yến	25/09/1990	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8718	**QA**223	Nguyễn Thị Ngoan	30/09/1983	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8719	**QA**224	Nguyễn Thị Thủy	03/09/1984	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8720	**QA**225	Đào Thị Thu Hiền	30/08/1982	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8721	**QA**226	Hoàng Thị Xoa	05/10/1979	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8722	**QA**227	Nguyễn Thị Huyền Trang	28/3/1991	Tân Phú	Quốc Oai	100	
8723	**QA**228	Nguyễn Thị Khánh	1/14/1973	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8724	**QA**229	Nguyễn Thị Tuyết	11/4/1983	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8725	**QA**230	Nguyễn Thị Hồng Yến	6/30/1980	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8726	**QA**231	Bùi Thị Nga	12/22/1983	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8727	**QA**232	Phan Thị Thu Hiền	6/13/1984	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8728	**QA**233	Nguyễn Thị Thanh Hoa	11/7/1983	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8729	**QA**234	Phan Thị Phương	4/27/1985	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8730	**QA**235	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/19/1983	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8731	**QA**236	Nguyễn Thị Hà	7/30/1985	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8732	**QA**237	Vương Thị Thúy	1/30/1991	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8733	**QA**238	Trần Thị Hồng	5/16/1979	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8734	**QA**239	Lương Thị Mỹ Hạnh	9/4/1984	Thạch Thán	Quốc Oai	100	
8735	**QA**240	Phạm Thị Mười	1/27/1972	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8736	**QA**241	Trần Thị Hòa	8/19/1971	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8737	**QA**242	Đình Thị Khuyên	6/21/1982	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8738	**QA**243	Nguyễn Thị Huyền	6/27/1977	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8739	**QA**244	Nguyễn Thị Hằng	1/21/1984	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8740	**QA**245	Nguyễn Thị Lan	10/11/1983	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8741	**QA**246	Phùng Thị Thúy	11/11/1991	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8742	**QA**247	Dương Thị Thanh Xuyến	7/15/1984	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8743	**QA**248	Phạm Thị Huyền	4/10/1983	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8744	**QA**249	Trần Thị Bích Thủy	4/14/1984	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8745	**QA**250	Nguyễn Thị Thư	9/7/1991	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8746	**QA**251	Nguyễn Thị Thùy Dung	7/11/1991	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8747	**QA**252	Nguyễn Thị Hằng	11/26/1981	TTr Quốc Oai B	Quốc Oai	100	
8748	**QA**253	Lê Thị Hằng	24/01/1978	TTr Quốc Oai A	Quốc Oai	100	
8749	**QA**254	Nguyễn Thành Tuyên	27/5/1989	TTr Quốc Oai A	Quốc Oai	100	
8750	**QA**255	Nguyễn Thị Hạnh	17/6/1989	TTr Quốc Oai A	Quốc Oai	100	
8751	**QA**256	Phạm Thị Huệ	7/01/1987	TTr Quốc Oai A	Quốc Oai	100	
8752	**QA**257	Hà Thị Hạnh	01/7/1986	TTr Quốc Oai A	Quốc Oai	100	
8753	**QA**258	Phạm Thị Nam	16/4/1985	TTr Quốc Oai A	Quốc Oai	100	
8754	**QA**259	Ngô Thị Anh	4/8/1990	TTr Quốc Oai A	Quốc Oai	100	
8755	**QA**260	Phùng Thị Xuân Hoa	24/01/1971	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8756	**QA**261	Nguyễn Thị Lan Hương	16/06/1979	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8757	**QA**262	Nguyễn Thị Kim Anh	27/05/1991	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8758	**QA**263	Nguyễn Thị Hoa	14/11/1989	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8759	**QA**264	Phùng Thị Phương	19/06/1980	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8760	**QA**265	Nguyễn Thị Ngọc Mai	20/03/1991	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8761	**QA**266	Phạm Thị Hạnh	16/01/1980	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8762	**QA**267	Phạm Thị Minh Hiền	03/07/1988	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8763	**QA**268	Nguyễn Thị Hòa	26/05/1986	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8764	**QA**269	Phạm Thị Dung	30/10/1992	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8765	**QA**270	Nguyễn Thị Hoa	12/02/1979	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8766	**QA**271	Nguyễn Thị Hương	11/02/1989	Yên Sơn	Quốc Oai	100	
8767	**QA**272	Lê Thị Bốn	01/12/1968	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8768	**QA**273	Lê Thị Thiết	14/07/1972	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8769	**QA**274	Nguyễn Thị Thảo	04/11/1983	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8770	**QA**275	Nguyễn Thị Lan	22/12/1980	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8771	**QA**276	Nguyễn Thị Hạnh	06/06/1982	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8772	**QA**277	Hoàng Thị Thoa	17/12/1990	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8773	**QA**278	Bùi Thị Cương	14/01/1987	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8774	**QA**279	Nguyễn Thị Phương	09/10/1989	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8775	**QA**280	Tô Thị Thu Hằng	14/07/1992	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8776	**QA**281	Nguyễn Thị Dung	16/9/1990	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8777	**QA**282	Nguyễn Thị Oanh	11/11/1992	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8778	**QA**283	Bùi Thị Lạng	24/04/1992	Đông Yên A	Quốc Oai	100	
8779	**QA**284	Tạ Thị Mai	01/02/1973	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8780	**QA**285	Tạ Thị Huệ	15/06/1984	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8781	**QA**286	Nguyễn Thị Sinh	24/01/1980	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8782	**QA**287	Nguyễn Thị Hồng Mến	30/10/1986	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8783	**QA**288	Nguyễn Thị Nhạn	05/01/1987	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8784	**QA**289	Trần Thị Thu	28/10/1988	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8785	**QA**290	Nguyễn Thị Thuận	03/06/1984	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8786	**QA**291	Đinh Thị Thu Trang	05/01/1989	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8787	**QA**292	Nguyễn Thị Lan	26/02/1981	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8788	**QA**293	Nguyễn Thị Huệ	19/08/1991	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8789	**QA**294	Trần Thị Én	23/07/1983	Đại Thành	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8790	**QA**295	Nguyễn Thị Thủy	05/05/1987	Đại Thành	Quốc Oai	100	
8791	**QA**296	Nguyễn Thị Hồng	22/10/1984	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8792	**QA**297	Vũ Thị Linh	20/2/1987	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8793	**QA**298	Bùi Thị Ninh	01/4/1973	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8794	**QA**299	Nguyễn Thị Mai Hương	11/3/1985	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8795	**QA**300	Nguyễn Thị Vân	15/3/1985	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8796	**QA**301	Kiều Thị Hoài	14/1/1991	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8797	**QA**302	Nguyễn Thu Thủy	05/4/1991	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8798	**QA**303	Phạm Thị Vân	25/9/1988	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8799	**QA**304	Nguyễn Thị Thủy	28/6/1995	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8800	**QA**305	Nguyễn Thị Ly	18/12/1992	Đồng Quang A	Quốc Oai	100	
8801	**QA**306	Trần Thị Hiền	12/23/1973	Đồng Quang B	Quốc Oai	100	
8802	**QA**307	Lê Thị Tuyết Oanh	11/9/1979	Đồng Quang B	Quốc Oai	100	
8803	**QA**308	Nguyễn Thị Hải	9/10/1980	Đồng Quang B	Quốc Oai	100	
8804	**QA**309	Nguyễn Thị Tuyên	8/25/1986	Đồng Quang B	Quốc Oai	100	
8805	**QA**310	Vương Thị Thu Hương	07/02/1990	Đồng Quang B	Quốc Oai	100	
8806	**QA**311	Nguyễn Thị Huế	10/18/1989	Đồng Quang B	Quốc Oai	100	
8807	**QA**312	Vũ Thị Thuận	7/20/1986	Đồng Quang B	Quốc Oai	100	
8808	**QA**313	Kiều Thị Hiền	20/6/1977	Đông Xuân	Quốc Oai	100	
8809	**QA**314	Dương Thị Thảnh	24/12/1985	Đông Xuân	Quốc Oai	100	
8810	**QA**315	Đinh Thị Hằng	09/9/1987	Đông Xuân	Quốc Oai	100	
8811	**QA**316	Hoàng Thị Thanh	02/4/1984	Đông Xuân	Quốc Oai	100	
8812	**QA**317	Bùi Thị Cúc	08/2/1986	Đông Xuân	Quốc Oai	100	
8813	**QA**318	Nguyễn Thị Thanh Minh	26/9/1981	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8814	**QA**319	Nguyễn Thị Hành	07/8/1985	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8815	**QA**320	Đỗ Thị Loan	23/07/1986	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8816	**QA**321	Nguyễn Thị Anh	08/08/1987	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8817	**QA**322	Kiều Thị Hiến	20/09/1992	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8818	**QA**323	Nguyễn Thị Hằng	30/10/1991	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8819	**QA**324	Trần Thị Mến	09/01/1994	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8820	**QA**325	Đào Tân Nguyệt	20/3/1971	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8821	**QA**326	Tạ Thị Hải	08/03/1985	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8822	**QA**327	Nguyễn Trung Anh	19/10/1994	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8823	**QA**328	Nguyễn Thị Thuy	05/10/1990	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8824	**QA**329	Nguyễn Thị Lan Hương	03/11/1990	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8825	**QA**330	Ngô Thị Thúy	17/06/1993	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8826	**QA**331	Nguyễn Thị Hằng	05/05/1986	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	100	
8827	**SS**001	Trần Thị Thúy Hảo	27/9/1974	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8828	**SS**002	Nguyễn Thị Thắng	25/4/1976	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8829	**SS**003	Nguyễn Thị Thu Hà	01/08/1990	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8830	**SS**004	Nguyễn Thị Dung	01/05/1983	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8831	**SS**005	Hoàng Thị Qúy	13/12/1987	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8832	**SS**006	Phạm Nữ Trân Huyền	08/05/1981	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8833	**SS**007	Nguyễn Thị Đẳng	03/12/1987	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8834	**SS**008	Hoa Thị Thúy	24/01/1976	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8835	**SS**009	Bùi Thị Mai Dương	01/08/1986	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8836	**SS**010	Ngô Thị Thùy	12/8/1987	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8837	**SS**011	Nguyễn Thị Huyền	26/08/1990	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8838	**SS**012	Nguyễn Thị Thu Trang	23/10/1982	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8839	**SS**013	Nguyễn Thị Hồng Lộc	10/9/1973	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8840	**SS**014	Lê Thị Thu Thanh	11/7/1982	Thị Trấn	Sóc Sơn	100	
8841	**SS**015	Trần Thị Tuyến	27/08/1975	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8842	**SS**016	Dương Thị Hải	11/10/1977	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8843	**SS**017	Tạ Thị Minh Nga	06/09/1980	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8844	**SS**018	Nguyễn Thị Liên	18/03/1981	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8845	**SS**019	Nguyễn Thị Tâm	14/09/1979	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8846	**SS**020	Tạ Thị Hồng Nghĩa	11/07/1981	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8847	**SS**021	Nguyễn Thị Mai Phương	07/10/1980	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8848	**SS**022	Ngô Thị Lương	03/07/1987	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8849	**SS**023	Trần Thị Quỳnh	12/10/1990	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8850	**SS**024	Nguyễn Thị Yến	26/12/1986	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8851	**SS**025	Ngô Thị Loan	06/11/1989	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8852	**SS**026	Nguyễn Thị Thương	01/01/1989	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8853	**SS**027	Nguyễn Thị Toàn	02/09/1985	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8854	**SS**028	Nguyễn Thị Thu	20/01/1990	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8855	**SS**029	Dương Thị Xuân	18/10/1990	Bắc Sơn A	Sóc Sơn	100	
8856	**SS**030	Nguyễn Thị Hương	02/04/1984	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8857	**SS**031	Nguyễn Thúy Mận	22/6/1977	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8858	**SS**032	Nguyễn Thị Văn	11/7/1980	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8859	**SS**033	Nguyễn Thị Phượng	28/3/1989	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8860	**SS**034	Tạ Thị Hằng	26/10/1993	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8861	**SS**035	Đặng Thị Sinh	20/4/1986	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8862	**SS**036	Nguyễn Thị Lương	30/11/1991	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8863	**SS**037	Nguyễn Thị Phú An	13/02/1971	Bắc Sơn B	Sóc Sơn	100	
8864	**SS**038	Lương Thị Thu Hiền	02/02/1976	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8865	**SS**039	Nguyễn Thị Thức	22/01/1979	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8866	**SS**040	Nguyễn Thị Luyến	04/05/1988	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8867	**SS**041	Vũ Thị Thu Hà	04/05/1979	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8868	**SS**042	Phạm Thị Ánh Hồng	10/04/1983	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8869	**SS**043	Phạm Thị Tuyết Mai	22/06/1981	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8870	**SS**044	Trần Thị Nhung	20/10/1985	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8871	**SS**045	Nguyễn Thị Vân	09/09/1986	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8872	**SS**046	Trần Thị Thu	30/08/1982	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8873	**SS**047	Chu Thị Quyên	02/02/1989	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8874	**SS**048	Nguyễn Thị Mai Phương	24/03/1989	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8875	SS049	Chu Thị Kiểm	05/11/1988	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8876	SS050	Nguyễn Thị Nhung	09/08/1992	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8877	SS051	Hoàng Thị Oanh	20/11/1992	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8878	SS052	Nguyễn Thị Trang	25/11/1993	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8879	SS053	Nguyễn Thị Đường	28/02/1990	Nam Sơn	Sóc Sơn	100	
8880	SS054	Nguyễn Thị Hằng	26/09/1973	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8881	SS055	Lê Thị Thanh Loan	26/03/1982	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	85	Không có QĐ bổ nhiệm CDNN GVMN hạng III (V07.02.26)
8882	SS056	Trần Thị Minh Bằng	10/05/1982	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8883	SS057	Nguyễn Thị Phương Lan	23/09/1979	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8884	SS058	Trần Thị Thuý Hoan	19/10/1981	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8885	SS059	Vũ Thu Hà	20/04/1989	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8886	SS060	Nguyễn Thị Mến	27/05/1981	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8887	SS061	Đoàn Thị Hưng	20/03/1981	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8888	SS062	Dương Thị Thái	16/10/1989	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8889	SS063	Lê Thị Hường	20/05/1979	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8890	SS064	Nguyễn Thị Mến	21/01/1991	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8891	SS065	Nguyễn Thị Hằng	10/05/1977	Hồng Kỳ A	Sóc Sơn	100	
8892	SS066	Nguyễn Thị Thủy	06/11/1979	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8893	SS067	Lương Thị Kha	17/10/1975	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8894	SS068	Nghiêm Thị Sinh	10/4/1972	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8895	SS069	Nguyễn Thị Thu Trang	30/10/1986	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8896	SS070	Dương Thị Thúy Ngà	26/02/1990	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8897	SS071	Nguyễn Thị Dung	16/5/1990	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8898	SS072	Lưu Thị Hồng Thường	19/12/1985	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8899	SS073	Nguyễn Thị Nga	16/02/1986	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8900	SS074	Nguyễn Thị Thu Hà	20/9/1974	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8901	SS075	Trịnh Thị Lý	24/7/1991	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8902	SS076	Lê Thị Bình	19/10/1975	Hồng Kỳ B	Sóc Sơn	100	
8903	SS077	Nguyễn Thị Lê	12/06/1976	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8904	SS078	Đào Thị Hằng	10/04/1986	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8905	SS079	Đỗ Thị Minh Hiền	18/09/1985	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8906	SS080	Ngô Thị Minh Phương	27/03/1970	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8907	SS081	Phạm Thị Phương Bắc	07/11/1974	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8908	SS082	Phạm Thị Hoà	21/06/1974	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8909	SS083	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/01/1979	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8910	SS084	Trần Thị Hoài Anh	04/08/1974	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8911	SS085	Nguyễn Thu Trang	03/10/1988	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8912	SS086	Nghiêm Thị Thu Hà	15/12/1984	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8913	SS087	Nguyễn Thị Lương	09/01/1984	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8914	SS088	Đỗ Thị Lành	02/10/1988	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8915	SS089	Trịnh Thị Hạnh	13/08/1989	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8916	SS090	Nguyễn Thị Ngoan	27/8/1990	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8917	SS091	Nguyễn Thị Ngát	10/07/1980	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8918	SS092	Nguyễn Thị Thuận	05/05/1991	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8919	SS093	Nguyễn Thị Hiên	04/10/1991	Trung Giã	Sóc Sơn	100	
8920	SS094	Đinh Thị Kim Nhung	10/11/1979	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8921	SS095	Nguyễn Thị Phương Thùy	28/06/1981	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8922	SS096	Nguyễn Thị Vân	02/05/1979	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8923	SS097	Nguyễn Thị Nga	20/07/1979	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8924	SS098	Nguyễn Thị Nụ	20/10/1982	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8925	**SS**099	Lê Thị Quyên	29/10/1988	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8926	**SS**100	Nguyễn Thị Mai	03/07/1990	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8927	**SS**101	Nguyễn Thị Tâm	23/06/1973	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8928	**SS**102	Nguyễn Thị Tuyên	13/11/1982	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8929	**SS**103	Lê Thị Bình Định	21/01/1973	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8930	**SS**104	Nguyễn Thị Nguyệt	03/03/1975	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8931	**SS**105	Nguyễn Thị Vịnh	20/10/1973	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8932	**SS**106	Trần Thị Hương	28/12/1977	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8933	**SS**107	Nguyễn Thị Thu Phương	02/01/1988	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8934	**SS**108	Nguyễn Thị Hường	22/10/1990	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8935	**SS**109	Nguyễn Thùy Dung	18/05/1990	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8936	**SS**110	Đào Thị Long	24/06/1970	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8937	**SS**111	Nguyễn Thị Vui	02/08/1977	Tân Hưng	Sóc Sơn	100	
8938	**SS**112	Vũ Thị Kim Trọng	03/05/1979	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8939	**SS**113	Nguyễn Thị Hảo	12/11/1976	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8940	**SS**114	Nguyễn Thị Thúy	20/8/1982	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8941	**SS**115	Nguyễn Thị Mai Hương	26/04/1984	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8942	**SS**116	Nguyễn Thị Kim Hương	15/03/1974	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8943	**SS**117	Nguyễn Thị Lam	23/11/1988	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8944	**SS**118	Nguyễn Thị Giản Hải	04/10/1981	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8945	**SS**119	Trần Thị Thắm	22/07/1987	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8946	**SS**120	Nguyễn Thị Nhã	03/05/1988	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8947	**SS**121	Ngô Thị Hằng Nga	06/11/1983	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8948	**SS**122	Nguyễn Thị Anh	14/6/1982	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8949	**SS**123	Hoàng Thị Thảo	08/7/1989	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8950	**SS**124	Nguyễn Thị Linh	30/04/1986	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8951	**SS**125	Nghiêm Thị Vân	13/02/1989	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8952	**SS**126	Nguyễn Thị Trang	28/6/1992	Bắc Phú	Sóc Sơn	100	
8953	**SS**127	Đỗ Thị Thu Hương	05/07/1980	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8954	**SS**128	Đào Thu An	19/06/1975	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8955	**SS**129	Đinh Thị Thanh Tâm	03/12/1979	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8956	**SS**130	Đàm Thị Tuyết	15/10/1988	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8957	**SS**131	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/09/1982	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8958	**SS**132	Lương Thị Nhung	03/10/1989	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8959	**SS**133	Nguyễn Thị Quy	08/8/1974	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8960	**SS**134	Khổng Thị Thanh Hà	01/06/1988	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8961	**SS**135	Đỗ Thị Luyến	21/9/1973	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8962	**SS**136	Đỗ Thị Chiến	16/5/1980	Tân Minh A	Sóc Sơn	100	
8963	**SS**137	Nguyễn Thị Hạnh	10/08/1973	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8964	**SS**138	Ngô Thị Ngân Hoa	30/11/1973	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8965	**SS**139	Nguyễn Hằng Hà	16/12/1988	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8966	**SS**140	Nguyễn Thị Bình	01/08/1979	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8967	**SS**141	Nguyễn Thị Du	07/10/1990	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8968	**SS**142	Nguyễn Thị Hoa	06/09/1994	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8969	**SS**143	Đàm Thị Hiền Hòa	12/09/1983	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8970	**SS**144	Đàm Thị Mai Hường	06/02/1978	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8971	**SS**145	Nguyễn Thị Liên	15/05/1987	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8972	**SS**146	Hoàng Thị Mười	22/04/1974	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8973	**SS**147	Ngô Thị Phượng	20/07/1988	Tân Minh B	Sóc Sơn	100	
8974	**SS**148	Nguyễn Thị Nguyệt	15/01/1973	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
8975	**SS**149	Nguyễn Thị Kim Dung	22/02/1983	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	
8976	**SS**150	Nguyễn Thị Sinh	08/07/1986	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	
8977	**SS**151	Nguyễn Thị Hồng Thúy	20/08/1978	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	
8978	**SS**152	Nguyễn Thị Liên	20/07/1987	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	
8979	**SS**153	Phạm Thị Thu Vân	07/02/1987	Phù Linh A	Sóc Sơn	90	Chứng chỉ BD CDNN GVMN cấp 13/2/2023 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
8980	**SS**154	Vương Thị Linh Hương	02/05/1989	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	
8981	**SS**155	Nguyễn Thị Diệu Hương	14/09/1989	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	
8982	**SS**156	Nguyễn Thị Thực	10/01/1990	Phù Linh A	Sóc Sơn	100	
8983	**SS**157	Nguyễn Thị Việt Hà	08/11/1975	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8984	**SS**158	Nguyễn Thị Nhung	10/08/1981	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8985	**SS**159	Nguyễn Thị Uyên	15/01/1990	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8986	**SS**160	Trần Thị Thu Thủy	13/04/1985	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8987	**SS**161	Nguyễn Thị An	25/05/1990	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8988	**SS**162	Lê Thu Thủy	13/08/1982	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8989	**SS**163	Nguyễn Thị An	09/10/1991	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8990	**SS**164	Vũ Thị Kim Ngân	23/08/1984	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8991	**SS**165	Trần Thị Giang	25/12/1990	Phù Linh B	Sóc Sơn	100	
8992	**SS**166	Đỗ Thị Diệu Thùy	29/11/1982	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
8993	**SS**167	Nguyễn Thị Thanh Thùy	14/02/1976	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
8994	**SS**168	Nguyễn Thị Duyên	20/2/1984	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
8995	**SS**169	Tô Thị Phương Thanh	15/06/1992	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
8996	**SS**170	Vũ Thị Mẫn	10/02/1982	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
8997	**SS**171	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	23/05/1984	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
8998	**SS**172	Hoàng Triệu Liên	21/04/1978	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
8999	**SS**173	Nguyễn Thị Kim Cúc	06/11/1985	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
9000	**SS**174	Khương Thị Quỳnh	04/05/1980	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
9001	**SS**175	Dương Thị Quyên	07/09/1986	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
9002	**SS**176	Hoa Thị Hằng Nga	27/09/1981	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
9003	**SS**177	Vũ Thị Quyết Thắng	03/10/1978	Tiên Dươc A	Sóc Sơn	100	
9004	**SS**178	Nguyễn Thu Nguyệt	21/6/1975	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9005	**SS**179	Nguyễn Thị Ngân	02/4/1974	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9006	**SS**180	Nguyễn Thị Hương Duyên	30/11/1983	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9007	**SS**181	Phạm Thị Hồng Cúc	06/9/1988	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9008	**SS**182	Đàm Hồng Hạnh	30/4/1990	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9009	**SS**183	Cao Thúy Ngà	4/11/1982	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9010	**SS**184	Lương Thị Nương	27/7/1974	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9011	**SS**185	Nguyễn Thị Dịu	16/4/1990	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9012	**SS**186	Lê Thị Thu Hằng	14/02/1977	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9013	**SS**187	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/1984	Tiên Dược B	Sóc Sơn	100	
9014	**SS**188	Nguyễn Thị Như	12/09/1969	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9015	**SS**189	Đặng Thị Hằng	15/07/1981	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9016	**SS**190	Nguyễn Thị Hồng	08/03/1982	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9017	**SS**191	Nguyễn Thị Thu Hiền	22/9/1982	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9018	**SS**192	Nguyễn Thị Hồng	08/04/1983	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9019	**SS**193	Nguyễn Thị Thu Ngân	10/11/1983	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9020	**SS**194	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	20/06/1990	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9021	**SS**195	Lưu Thị Thắm	17/02/1987	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	
9022	**SS**196	Đàm Thị Hương Liên	22/6/1985	Tiên Dược C	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9023	**SS**197	Trần Thị Hướng	04/12/1970	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9024	**SS**198	Nguyễn Thị Bích Lan	27/12/1978	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9025	**SS**199	Trần Thi Thuỳ	19/09/1983	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9026	**SS**200	Nguyễn Thị Chuyện	15/01/1984	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9027	**SS**201	Nguyễn Ánh Tuyết	02/01/1992	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9028	**SS**202	Nguyễn Thị Bích Mỵ	11/08/1983	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9029	**SS**203	Quách Thị Đức	08/07/1971	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9030	**SS**204	Nguyễn Thị Thức	28/06/1983	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9031	**SS**205	Hoàng Thị Trang	08/01/1982	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9032	**SS**206	Nguyễn Thị Nhân Nghĩa	01/12/1980	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9033	**SS**207	Nguyễn Thị Phương	20/11/1990	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9034	**SS**208	Nguyễn Thị Ngân	30/03/1982	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9035	**SS**209	Vương Thị Hiền	05/06/1991	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9036	**SS**210	Nguyễn Thị Hà	19/08/1989	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9037	**SS**211	Đào Thị Hồng Diễn	23/9/1986	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9038	**SS**212	Nguyễn Thị Hằng	07/6/1990	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9039	**SS**213	Nguyễn Thị Thủy	25/9/1988	Đức Hoà	Sóc Sơn	100	
9040	**SS**214	Đỗ Thị Thúy Nam	16/7/1978	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9041	**SS**215	Nguyễn Thị Thu Hương	03/10/1973	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9042	**SS**216	Nguyễn Thị Đạc	15/10/1976	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9043	**SS**217	Nguyễn Thị Hến	05/10/1990	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9044	**SS**218	Nguyễn Thị Thanh Xuân	08/01/1990	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9045	**SS**219	Lã Thị Thuần	17/03/1981	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9046	**SS**220	Phạm Thị Hương	17/4/1986	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9047	**SS**221	Nguyễn Thị Hợp	25/11/1980	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9048	**SS**222	Nguyễn Thị Tâm	10/6/1985	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9049	**SS**223	Nguyễn Thị Bến	10/10/1983	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9050	**SS**224	Nguyễn Thị Thuỷ	12/3/1979	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9051	**SS**225	Nguyễn Thị Tâm	10/8/1983	Việt Long	Sóc Sơn	85	Không có QĐ bổ nhiệm CDNN GVMN hạng III (V07.02.26)
9052	**SS**226	Nguyễn Thị Việt Hà	08/11/1975	Việt Long	Sóc Sơn	100	
9053	**SS**227	Dương Thị Tuyên	17/11/1969	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9054	**SS**228	Vũ Thị Ánh	26/01/1973	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9055	**SS**229	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/04/1985	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9056	**SS**230	Nguyễn Thị Tình	02/10/1984	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9057	**SS**231	Nguyễn Thị Thúy Vân	25/11/1989	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9058	**SS**232	Vũ Thị Thanh Hải	02/10/1985	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9059	**SS**233	Nguyễn Thị Hạnh	21/05/1984	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9060	**SS**234	Nguyễn Thị Quyên	22/03/1976	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9061	**SS**235	Nguyễn Thị Hợp	06/02/1976	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9062	**SS**236	Nguyễn Thị Hiền	06/05/1995	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9063	**SS**237	Nguyễn Thị Hồng	10/05/1985	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9064	**SS**238	Nguyễn Thị Thu Trang	03/06/1988	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9065	**SS**239	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/11/1982	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9066	**SS**240	Nguyễn Thị Thanh Nga	22/05/1987	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9067	**SS**241	Dương Thị Ngãi	17/03/1971	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9068	**SS**242	Nguyễn Thị Toàn	06/08/1987	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9069	**SS**243	Nguyễn Thị Tuyền Phương	12/04/1988	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9070	**SS**244	Nguyễn Kim Chi	10/10/1983	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9071	**SS**245	Nguyễn Thị Hải	16/08/1986	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9072	**SS**246	Chu Thị Thà	10/05/1990	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9073	**SS**247	Hoàng Thị Phượng	25/07/1992	Xuân Giang	Sóc Sơn	100	
9074	**SS**248	Hoàng Thị Tiến	20/09/1982	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9075	**SS**249	Hoàng Thị Vinh	04/08/1985	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9076	**SS**250	Nguyễn Thị Vui	26/01/1981	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9077	**SS**251	Nguyễn Thúy Hồng	08/03/1982	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9078	**SS**252	Nguyễn Thị Tần	16/08/1979	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9079	**SS**253	Nguyễn Thị Vân	22/11/1981	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9080	**SS**254	Nguyễn Thị Thanh Thu	24/09/1989	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9081	**SS**255	Nguyễn Thị Hoan	01/01/1981	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9082	**SS**256	Hoàng Thị Hoa	02/06/1989	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9083	**SS**257	Nguyễn Thị Yến	04/07/1990	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9084	**SS**258	Đinh Thị Liên	19/10/1989	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9085	**SS**259	Bùi Thị Kim Chi	29/7/1988	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9086	**SS**260	Vũ Thị Lừng	14/10/1993	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9087	**SS**261	Nguyễn Thị Nhường	24/05/1983	Xuân Thu	Sóc Sơn	100	
9088	**SS**262	Trần Thị Vui	15/02/1975	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9089	**SS**263	Ngô Thị Dung	02/06/1985	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9090	**SS**264	Trần Thị Quyết	16/08/1986	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9091	**SS**265	Nguyễn Thị Minh Thảo	19/10/2981	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9092	**SS**266	Nguyễn Thị Biên	19/05/1990	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9093	**SS**267	Nguyễn Thị Hòa	21/06/1985	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9094	**SS**268	Bùi Thị Nhường	28/01/1985	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9095	**SS**269	Lê Ngọc Anh	30/05/1990	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9096	**SS**270	Nguyễn Thị Hương	13/09/1980	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9097	**SS**271	Lê Thị Duyên	05/04/1982	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9098	**SS**272	Nguyễn Thị Hải Yến	16/04/1981	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9099	**SS**273	Ngô Thị Hữu	03/07/1985	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9100	**SS**274	Nguyễn Thị Xuân Hương	22/08/1987	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9101	**SS**275	Đào Thị Viên	22/07/1988	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9102	**SS**276	Nguyễn Thị An	28/11/1987	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9103	**SS**277	Nguyễn Thị Thúy	06/10/1988	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9104	**SS**278	Nguyễn Thị Tuyết	17/07/1986	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9105	**SS**279	Nguyễn Thị Hoa	19/11/1987	Kim Lũ	Sóc Sơn	100	
9106	**SS**280	Nguyễn Thị Huyền Hải	05/10/1984	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9107	**SS**281	Dương Thị Thúy Hằng	15/10/1979	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9108	**SS**282	Phùng Thị Mến	29/08/1982	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9109	**SS**283	Hoàng Thị Thuý Hoà	13/8/1975	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9110	**SS**284	Nguyễn Thị Loan	06/8/1970	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9111	**SS**285	Trịnh Thị Hoa	11/8/1980	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9112	**SS**286	Đào Thị Thu Hà	20/5/1980	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9113	**SS**287	Nguyễn Thị Hồng Ngân	28/06/1973	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9114	**SS**288	Nguyễn Thị Luyến	25/12/1983	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9115	**SS**289	Lê Thị Thuỷ	17/08/1982	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9116	**SS**290	Nguyễn Thị Anh Đức	20/04/1983	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9117	**SS**291	Quách Thị Thanh Hoà	01/11/1983	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9118	**SS**292	Nguyễn Thị Kim Hảo	14/12/1985	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9119	**SS**293	Đỗ Thị Tâm	15/02/1984	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9120	**SS**294	Đỗ Thị Thanh Mai	10/07/1986	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9121	**SS**295	Nguyễn Thị Hường	02/08/1985	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9122	**SS**296	Trần Thị Thuý	02/09/1987	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9123	**SS**297	Tạ Thuý Hằng	23/03/1985	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9124	**SS**298	Nguyễn Thị Lợi	15/10/1993	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9125	**SS**299	Nguyễn Thị Trang	12/09/1985	Đông Xuân	Sóc Sơn	100	
9126	**SS**300	Trần Thị Thắng	26/12/1977	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9127	**SS**301	Nguyễn Hồng Hạnh	19/12/1981	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9128	**SS**302	Lê Thu Hằng	25/12/1982	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9129	**SS**303	Nguyễn Thị Hải Hà	06/01/1981	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9130	**SS**304	Trịnh Thị Kim Nhung	23/10/1978	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9131	**SS**305	Đoàn Thị Hợi	26/07/1983	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9132	**SS**306	Phùng Thị Thơm	28/12/1984	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9133	**SS**307	Hà Ngọc Oanh	27/09/1980	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9134	**SS**308	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	12/10/1981	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9135	**SS**309	Nguyễn Thị Thu Nga	04/10/1985	Phù Lỗ	Sóc Sơn	100	
9136	**SS**310	Lê Thị Thanh Lâm	10/03/1979	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9137	**SS**311	Khổng Thị Thanh	26/04/1973	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9138	**SS**312	Nguyễn Thị Hiên	01/08/1980	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9139	**SS**313	Trần Thị Bẩy	10/01/1976	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9140	**SS**314	Khổng Thị Thanh Hà	26/03/1980	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9141	**SS**315	Khổng Thị Huyền	24/03/1982	Phú Minh	Sóc Sơn	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
9142	**SS**316	Đường Thị Hiến Hằng	20/12/1984	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9143	**SS**317	Trần Thị Thu Hương	12/10/1984	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9144	**SS**318	Vũ Thị Hiếu	30/09/1985	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9145	**SS**319	Trần Thị Phương Lan	27/08/1985	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9146	**SS**320	Nguyễn Thị Chinh	19/08/1977	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9147	**SS**321	Lê Thị Thanh Lương	12/07/1983	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9148	**SS**322	Đường Thị Giang	10/02/1981	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9149	**SS**323	Khổng Thị Phương	28/12/1988	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9150	**SS**324	Nguyễn Thị Phương	21/07/1990	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9151	**SS**325	Hoàng Thị Thúy Ngần	02/11/1979	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9152	**SS**326	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/06/1990	Phú Minh	Sóc Sơn	100	
9153	**SS**327	Nguyễn Thị Sính	17/07/1974	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9154	**SS**328	Tạ Thị Nghi	01/01/1975	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9155	**SS**329	Nguyễn Thị Thúy Được	13/6/1973	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9156	**SS**330	Nguyễn Thị Phương	04/11/1978	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9157	**SS**331	Nguyễn Thúy Hà	05/10/1980	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9158	**SS**332	Nguyễn Thị Lơ	15/8/1985	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9159	**SS**333	Đỗ Thị Nguyệt	02/02/1987	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9160	**SS**334	Nguyễn Thị Thủy	20/5/1987	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9161	**SS**335	Nguyễn Thị Duyên	18/10/1990	Phú Cường A	Sóc Sơn	100	
9162	**SS**336	Lê Thị Tâm	22/12/1974	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9163	**SS**337	Nguyễn Thu Hường	30/5/1981	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9164	**SS**338	Nguyễn Thị Tuyết	02/9/1968	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9165	**SS**339	Nguyễn Thị Duyên	20/06/1981	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9166	**SS**340	Nguyễn Thị Thu Phương	16/7/1982	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9167	**SS**341	Tạ Thị Xuân	28/8/1988	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9168	**SS**342	Trần Thị Hải Yến	02/10/1989	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9169	**SS**343	Nguyễn Thị Hạnh	20/6/1982	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9170	**SS**344	Hạ Thị Kim Liên	12/4/1985	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9171	**SS**345	Nguyễn Thị Hồng	21/07/1978	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9172	**SS**346	Ngô KimThu	08/06/1974	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9173	**SS**347	Nguyễn Thị Thúy Sinh	13/6/1973	Phú Cường B	Sóc Sơn	100	
9174	**SS**348	Nguyễn Thị Yến Vân	25/12/1971	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9175	**SS**349	Dương Thị Ba Đượm	21/03/1987	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9176	**SS**350	Đoàn Thị Nghị	18/03/1982	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9177	**SS**351	Nguyễn Thị Thu Hà	16/8/1990	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9178	**SS**352	Nguyễn Thị Lan	22/7/1990	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9179	**SS**353	Hà Thị Vân	10/5/1985	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9180	**SS**354	Nguyễn Thị Hảo	15/9/1989	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9181	**SS**355	Nguyễn Thị Hoa	28/06/1974	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9182	**SS**356	Đỗ Thị Hoa	19/6/1981	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9183	**SS**357	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/05/1970	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9184	**SS**358	Hà Thị Phương	10/06/1985	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9185	**SS**359	Tạ Thị Phương	23/10/1988	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9186	**SS**360	Chu Thị Tự	04/08/1975	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9187	**SS**361	Lương Thị Hồng	11/02/1983	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9188	**SS**362	Nguyễn Thị Huyền	13/10/1985	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9189	**SS**363	Vương Thị Bích	20/03/1985	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9190	**SS**364	Nguyễn Thị Hạnh	16/04/1975	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9191	**SS**365	Nguyễn Thị Thu Hà	02/02/1976	Thanh Xuân	Sóc Sơn	100	
9192	**SS**366	Vũ Thị Hồng Hạnh	14/10/1982	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9193	**SS**367	Trần Ánh Vân	21/8/1976	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9194	**SS**368	Nguyễn Thị Thanh	25/11/1990	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9195	**SS**369	Nguyễn Thị Minh	15/11/1972	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9196	**SS**370	Nguyễn Thị Huyền	13/06/1988	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9197	**SS**371	Chu Thị Thu Phương	14/03/1994	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9198	**SS**372	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10/07/1985	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9199	**SS**373	Nguyễn Thị Thu Hạnh	07/11/1977	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9200	**SS**374	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/10/1991	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9201	**SS**375	Nguyễn Thị Quyến	15/05/1975	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9202	**SS**376	Dương Thị Loan	12/06/1984	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9203	**SS**377	Vũ Thị Út	25/02/1987	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9204	**SS**378	Vũ Thị Liên	28/06/1983	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9205	**SS**379	Nguyễn Thị Kim Liên	16/12/1989	Tân Dân	Sóc Sơn	100	
9206	**SS**380	Dương Thị Thu Huế	18/8/1982	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9207	**SS**381	Trần Thị Kim Anh	22/6/1981	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9208	**SS**382	Ngô Thị Dinh	21/7/1990	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9209	**SS**383	Phan Thị Sâm	18/01/1981	Minh Phú	Sóc Sơn	80	Giấy CN CSTĐ cơ sở năm học 2012-2013 (quá 6 năm)
9210	**SS**384	Vũ Thị Thoan	13/08/1988	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9211	**SS**385	Dương Thị Hương	30/7/1988	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9212	**SS**386	Dương Thị Giới	20/6/1975	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9213	**SS**387	Nguyễn Thị Thu Hường	02/9/1979	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9214	**SS**388	Nguyễn Thị Tươi	12/10/1986	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9215	**SS**389	Nguyễn Thị Hằng	19/5/1987	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9216	**SS**390	Nguyễn Thị Hồng Thức	10/01/1990	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9217	**SS**391	Nguyễn Minh Lan	25/5/1986	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9218	**SS**392	Nguyễn Thị Ngân Hà	07/10/1990	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9219	**SS**393	Bùi Thị Tâm	08/10/1978	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9220	**SS**394	Đoàn Thị Thủy	23/02/1984	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9221	**SS**395	Nguyễn Thị Lý	02/4/1982	Minh Phú	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9222	SS396	Nguyễn Thị Kim Nhung	02/5/1985	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9223	SS397	Đào Thị Ánh Tuyết	19/11/1987	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9224	SS398	Lê Thị Thu Trang	16/7/1980	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9225	SS399	Đoàn Thị Huệ	07/11/1990	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9226	SS400	Phan Thị Thanh Huyền	08/02/1990	Minh Phú	Sóc Sơn	100	
9227	SS401	Lê Thị Thắng	25/08/1973	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9228	SS402	Đào Thị Hà Giang	26/07/1980	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9229	SS403	Lê Bảo Thị Bảo Yến	15/01/1990	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9230	SS404	Trần Thị Mỹ Linh	24/01/1983	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9231	SS405	Vũ Thị Nụ	19/8/1988	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9232	SS406	Tạ Thị Linh	20/11/1967	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9233	SS407	Tạ Thị Hân	17/09/1983	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9234	SS408	Dương Thị Phương	22/6/1985	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9235	SS409	Tạ Thị Hạnh	01/11/1977	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9236	SS410	Hà Thị Nụ	02/10/1988	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9237	SS411	Nguyễn Thị Vân	20/5/1989	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9238	SS412	Nguyễn Thị Lợi	26/06/1989	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9239	SS413	Dương Thị Hương	07/6/1984	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9240	SS414	Hoàng Thị Yên	16/04/1986	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9241	SS415	Nguyễn Thị Thúy	13/07/1992	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9242	SS416	Tạ Thị Lụa	19/03/1988	Minh Trí A	Sóc Sơn	100	
9243	SS417	Nguyễn Thị Lan	09/9/1971	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9244	SS418	Nguyễn Thị Thanh Thủy	15/10/1973	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9245	SS419	Đinh Thị Hương Giang	15/08/1980	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9246	SS420	Đinh Thị Thảo	04/11/1981	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9247	SS421	Lê Huyền Trang	02/7/1987	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9248	SS422	Đinh Thị Hương Thu	16/01/1989	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9249	SS423	Ngô Thị Diệu Hương	23/11/1984	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9250	SS424	Lê Thị Thảo	17/12/1990	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9251	SS425	Dương Thị Hồng Nhung	20/09/1990	Minh Trí B	Sóc Sơn	100	
9252	SS426	Trần Thị Mai Phương	15/11/1983	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9253	SS427	Nguyễn Thị Thanh	21/5/1988	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9254	SS428	Nguyễn Thị Cúc	19/3/1988	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9255	SS429	Nguyễn Thị Thu	20/11/1984	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9256	SS430	Nguyễn Thị Châm	20/8/1988	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9257	SS431	Nguyễn Thị Tài	15/10/1989	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9258	SS432	Phạm Thị Lan	15/9/1981	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9259	SS433	Nguyễn Thị Thêm	14/3/1985	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9260	SS434	Nguyễn Thị Huyền Hảo	15/01/1985	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9261	SS435	Nguyễn Thị Hương	09/7/1992	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9262	SS436	Phạm Thị Hà	18/7/1987	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9263	SS437	Nguyễn Thị Hoàn	13/3/1988	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9264	SS438	Nguyễn Thị Minh Hoa	09/10/1978	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9265	SS439	Nguyễn Thị Ngọc Hà	06/4/1983	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9266	SS440	Nguyễn Thị Loan	24/9/1978	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9267	SS441	Chu Thị Lượng	22/4/1984	Hiền Ninh	Sóc Sơn	100	
9268	SS442	Nguyễn Thị Bích Hạnh	18/11/1982	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9269	SS443	Nguyễn Thị Ngân	12/09/1973	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9270	SS444	Nguyễn Thị Hằng	10/5/1971	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9271	SS445	Dương Thị Ngát	19/04/1985	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9272	**SS**446	Nguyễn Thị Thư	10/02/1984	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9273	**SS**447	Nguyễn Thị Ánh Xuân	10/05/1984	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9274	**SS**448	Nguyễn Thị Năng	14/12/1979	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9275	**SS**449	Hồ Thị Thơm	16/07/1980	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9276	**SS**450	Hà Thị Thủy	25/09/1986	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9277	**SS**451	Nguyễn Thị Trang	28/03/1990	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9278	**SS**452	Nguyễn Thị Mai	29/01/1991	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9279	**SS**453	Nguyễn Thị Út	30/10/1989	Quang Tiến	Sóc Sơn	100	
9280	**SS**454	Nguyễn Kim Hân	02/7/1969	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9281	**SS**455	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/02/1977	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9282	**SS**456	Đặng Thị Hải	22/12/1978	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9283	**SS**457	Nguyễn Thị Hương	30/6/1976	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9284	**SS**458	Nguyễn Thị Thu Hương	03/03/1978	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9285	**SS**459	Nguyễn Thị Bích Thiều	26/12/1977	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9286	**SS**460	Lê Thị Quế Hương	12/4/1983	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9287	**SS**461	Nguyễn Thị Diễn	31/8/1989	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9288	**SS**462	Nguyễn Thị Loan	14/01/1989	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9289	**SS**463	Ngô Thị Hà	14/4/1990	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9290	**SS**464	Trần Thị Kim Thanh	14/12/1978	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9291	**SS**465	Lương Thị Thúy Hà	04/6/1982	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9292	**SS**466	Trần Thị Quý	16/8/1984	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9293	**SS**467	Trần Thị Ánh	13/02/1990	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9294	**SS**468	Nguyễn Thị An	29/10/1989	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9295	**SS**469	Đào Thị Mai	18/10/1990	Mai Đình A	Sóc Sơn	100	
9296	**SS**470	Hoàng Yến Ngọc	08/02/1984	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9297	**SS**471	Nguyễn Thị Kim Liên	06/11/1976	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9298	**SS**472	Đỗ Thanh Thái	01/01/1980	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9299	**SS**473	Lương Thị Chắt	13/10/1974	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9300	**SS**474	Trần Thị Tân	12/11/1978	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9301	**SS**475	Nguyễn Thị Tuyền	15/8/1982	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9302	**SS**476	Trần Thị Huyên	10/5/1990	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9303	**SS**477	Nguyễn Thị Vi	01/01/1989	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9304	**SS**478	Trần Thị Ngân	02/10/1987	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9305	**SS**479	Đinh Thị Thoa	14/6/1989	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9306	**SS**480	Đặng Thị Hà	29/3/1993	Mai Đình B	Sóc Sơn	100	
9307	***ST***001	Nguyễn Ngọc Anh	01/11/1991	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9308	***ST***002	Nguyễn Thị Bình	08/11/1980	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9309	***ST***003	Lê Thị Thu Hòa	25/08/1979	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9310	***ST***004	Bùi Thị Mai Huê	12/11/1992	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9311	***ST***005	Khuất Thị Huệ	26/01/1978	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9312	***ST***006	Chu Thị Kim Khánh	04/03/1981	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9313	***ST***007	Kiều Thị Kim Ly	28/08/1978	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9314	***ST***008	Nguyễn Thị Nhung	18/12/1979	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9315	***ST***009	Vũ Thị Sáng	27/02/1987	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9316	***ST***010	Phan Thị Thanh	02/10/1978	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9317	***ST***011	Nguyễn Thị Thúy	20/05/1988	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9318	***ST***012	Nguyễn Thị Thanh Thủy	12/12/1991	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9319	***ST***013	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	04/08/1987	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9320	***ST***014	Giang Thị Tư	08/02/1989	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9321	***ST***015	Đặng Thị Thu Xuân	20/10/1979	Quang Trung	Sơn Tây	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9322	***ST*** 016	Đặng Thị Yến	05/10/1987	Quang Trung	Sơn Tây	100	
9323	***ST*** 017	Kim Thị Phương	18/8/1983	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9324	***ST*** 018	Trần Thị Minh Hiền	06/02/1969	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9325	***ST*** 019	Nguyễn Thị Thuý	07/11/1983	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9326	***ST*** 020	Nguyễn Thị Diệu	09/9/1990	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9327	***ST*** 021	Vũ Thị Trang	13/12/1986	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9328	***ST*** 022	Lại Thị Thu Hường	22/12/1991	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9329	***ST*** 023	Nguyễn Thị Mai Hương	18/9/1990	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9330	***ST*** 024	Nguyễn Thị Thương	31/8/1984	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9331	***ST*** 025	Nguyễn Thị Tú	10/13/1982	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9332	***ST*** 026	Phan Thị Thanh Xuân	24/11/1990	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9333	***ST*** 027	Phạm Tuyết Lan	12/17/1995	Hoạ Mi	Sơn Tây	100	
9334	***ST*** 028	Lê Thị Thương	14/09/1975	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9335	***ST*** 029	Hà Thị Tuyến	20/03/1983	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9336	***ST*** 030	Phùng Thị Hải Yến	14/07/1985	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9337	***ST*** 031	Kiều Thị Hồng Thanh	31/05/1981	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9338	***ST*** 032	Nguyễn Thị Kim Anh	12/04/1982	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9339	***ST*** 033	Vũ Kiều Chinh	23/08/1986	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9340	***ST*** 034	Nguyễn Thị Thanh	11/08/1971	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9341	***ST*** 035	Lê Thị Thanh	06/05/1982	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9342	***ST*** 036	Phùng Thị Hương	04/12/1982	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9343	***ST*** 037	Đỗ Thị Nhung	08/01/1992	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9344	***ST*** 038	Kiều Ngọc Ngư	16/05/1983	Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	100	
9345	***ST*** 039	Nguyễn Thị Kim Thủy	14/07/1979	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9346	***ST*** 040	Kiều Thị Thanh Loan	9/21/1980	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9347	***ST*** 041	Trần Thị Vân	8/1/1981	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9348	***ST*** 042	Vương Thị Dung	6/15/1989	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9349	***ST*** 043	Nguyễn Thị Thu Hà	9/10/1988	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9350	***ST*** 044	Nguyễn Thị Hạnh	10/26/1980	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9351	***ST*** 045	Nguyễn Thị Sâm	4/7/1981	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9352	***ST*** 046	Nguyễn Thị Diệu Thủy	10/6/1983	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9353	***ST*** 047	Quách Thị Hồng Thức	9/4/1988	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9354	***ST*** 048	Hạ Thị Trang	12/15/1992	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9355	***ST*** 049	Lâm Thu Trang	8/27/1982	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9356	***ST*** 050	Khuất Thị Tuyết	3/1/1978	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9357	***ST*** 051	Nguyễn Thị Vân	2/26/1988	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9358	***ST*** 052	Nguyễn Thị Yến	8/29/1990	Kim Sơn	Sơn Tây	100	
9359	***ST*** 053	Phạm Thị Thu Hải	02/10/1968	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9360	***ST*** 054	Nguyễn Thị Thanh Bình	08/6/1072	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9361	***ST*** 055	Đỗ Thị Kim Huệ	26/7/1983	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9362	***ST*** 056	Lê Thị Thanh Hậu	03/7/1980	Viên Sơn	Sơn Tây	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9363	***ST*** 057	Phùng Thị Đức	08/5/1985	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9364	***ST*** 058	Hà Thị Thu Giang	14/11/1981	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9365	***ST*** 059	Chu Thị Mai Thương	16/10/1982	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9366	***ST*** 060	Trần Thị Thu Huyền	25/10/1983	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9367	***ST*** 061	Nguyễn Thị Tuyết	03/01/1990	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9368	***ST*** 062	Nguyễn Thị Hoa Mai	22/12/1991	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9369	***ST*** 063	Nguyễn Thị Vân Anh	17/12/1992	Viên Sơn	Sơn Tây	100	
9370	***ST*** 064	Đinh Thị Thanh Hoa	26/12/1977	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9371	***ST*** 065	Cao Thị Thanh Hải	30/5/1976	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9372	***ST*** 066	Nguyễn Thị Thúy	17/10/1983	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9373	***ST*** 067	Nguyễn Thanh Hương	28/06/1992	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9374	***ST*** 068	Phan Thị Thủy	28/02/1987	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9375	***ST*** 069	Nguyễn Thị Hồng Lợi	25/7/1982	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9376	***ST*** 070	Ngô Tú Hà	11/01/1980	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9377	***ST*** 071	Vy Thị Kiều Ngân	24/3/1986	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9378	***ST*** 072	Phạm Thị Hằng	20/8/1982	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9379	***ST*** 073	Nguyễn Thị Toan	04/5/1988	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9380	***ST*** 074	Trần Thị Mai Phương	19/12/1986	Xuân Khanh	Sơn Tây	100	
9381	***ST*** 075	Phan Thị Hồng Sang	31/08/1975	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9382	***ST*** 076	Bùi Thị Hoàng Yến	10/07/1981	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9383	***ST*** 077	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/10/1984	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9384	***ST*** 078	Bùi Thị Thu Hiền	01/11/1989	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9385	***ST*** 079	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	31/10/1980	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9386	***ST*** 080	Nguyễn Thị Thương	08/03/1984	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9387	***ST*** 081	Phùng Thị Lộc	25/09/1978	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9388	***ST*** 082	Bùi Thị Thuỳ	19/12/1977	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9389	***ST*** 083	Chu Thị Hoa	11/04/1979	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9390	***ST*** 084	Kiều Thị Vân	08/01/1985	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9391	***ST*** 085	Nguyễn Thị Vân	25/03/1993	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9392	***ST*** 086	Liễu Thị Thái	29/01/1991	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9393	***ST*** 087	Cao Thị Hồng Bích	22/07/1990	Xuân Sơn	Sơn Tây	100	
9394	***ST*** 088	Nguyễn Thị Kim Dung	6/11/1978	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9395	***ST*** 089	Hà Thúy Hiền	14/06/1978	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9396	***ST*** 090	Cấn Thị Hồng Thắm	02/04/1078	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9397	***ST*** 091	Kiều Thị Thanh Vân	11/12/1978	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9398	***ST*** 092	Nguyễn Thị Hồng	8/3/1981	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9399	***ST*** 093	Đỗ Thị Hải Yến	20/07/1988	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9400	***ST*** 094	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/07/1984	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9401	***ST*** 095	Bùi Thị Thu Hương	15/06/1990	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9402	***ST*** 096	Khuất Thị Thập	19/04//1978	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9403	***ST*** 097	Nguyễn Thị Phương	20/07/1988	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9404	***ST*** 098	Đỗ Thị Trung Anh	25/11/1992	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9405	***ST*** 099	Tạ Thị Dịu	23/06/1089	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9406	***ST*** 100	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/10/1981	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9407	***ST*** 101	Khuất Thị Hoài	20/07/1981	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9408	***ST*** 102	Nguyễn Thị Hiên	11/11/1980	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9409	***ST*** 103	Hà Thị Thanh Lan	18/11/1979	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9410	***ST*** 104	Khuất Thị Thu Thủy	19/10/1982	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9411	***ST*** 105	Nguyễn Hữu Nội	28/01/1983	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9412	***ST*** 106	Khuất Thị Hòe	20/07/1971	Cổ Đông	Sơn Tây	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9413	***ST*** 107	Lê Thị Hồng	1/10/1975	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9414	***ST*** 108	Phan Thị Quyên	2/5/1993	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9415	***ST*** 109	Dương Hoài Thanh	22/10/1989	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9416	***ST*** 110	Nguyễn Thị Chuyên	10/11/1978	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9417	***ST*** 111	Nguyễn Thị Thân	29/09/1969	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9418	***ST*** 112	Nguyễn Thị Hằng	7/10/1985	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9419	***ST*** 113	Khuất Thị Như Quỳnh	6/1/1990	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9420	***ST*** 114	Phạm Thị Hằng Hải	6/3/1988	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9421	***ST*** 115	Ngô Thị Nhung	14/2/1973	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9422	***ST*** 116	Nguyễn Thị Thúy Nga	16/08/1988	Cổ Đông	Sơn Tây	100	
9423	***ST*** 117	Đinh Thị Thu Hương	4/24/1980	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9424	***ST*** 118	Phùng Thị Bích Hương	1/28/1983	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9425	***ST*** 119	Khuất Thị Bích Nhung	4/27/1983	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9426	***ST*** 120	Hà Thị Thúy Hà	7/6/1984	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9427	***ST*** 121	Phạm Thị Oanh	7/19/1988	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9428	***ST*** 122	Lường Thị Minh	2/13/1987	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9429	***ST*** 123	Hà Thị Vui	5/3/1982	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9430	***ST*** 124	Nguyễn Thị Tươi	5/11/1987	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9431	***ST*** 125	Hoàng Thị Hạnh Ly	9/12/1987	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9432	***ST*** 126	Nguyễn Thị Hồng Minh	9/17/1982	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9433	***ST*** 127	Phùng Thị hà	1/1/1984	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9434	***ST*** 128	Lê Thị Thúy Quỳnh	8/25/1992	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9435	***ST*** 129	Cao Thị Tuyết Hạnh	4/29/1990	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9436	***ST*** 130	Quách Thị Loan	8/4/1991	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9437	***ST*** 131	Nguyễn Thị Huyền	5/28/1989	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9438	***ST*** 132	Nguyễn Thị Thu Huyền	2/18/1992	Thanh Mỹ	Sơn Tây	100	
9439	***ST*** 133	Phùng Minh Thuỷ	15/11/1983	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9440	***ST*** 134	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	11/10/1979	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9441	***ST*** 135	Trần Thị Ngân	25/11/1987	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9442	***ST*** 136	Phan Thị Kim Oanh	10/03/1984	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9443	***ST*** 137	Nguyễn Thị Ngọc	06/6/1986	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9444	***ST*** 138	Quách Thùy Linh	17/7/1987	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9445	***ST*** 139	Chu Thị Tuyết Mai	08/12/1992	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9446	***ST*** 140	Đoàn Thị Huệ	05/03/1991	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9447	***ST*** 141	Phùng Thị Kim Dung	12/01/1983	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9448	***ST*** 142	Phan Thị Thu Phương	18/07/1979	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9449	***ST*** 143	Lưu Thị Kim Oanh	25/05/1984	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9450	***ST*** 144	Dương Quỳnh Hoa	26/12/1972	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9451	***ST*** 145	Chu Thị Hà	30/5/1975	Trung Hưng	Sơn Tây	100	
9452	***ST*** 146	Nguyễn Thị Minh Toan	5/7/1976	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9453	***ST*** 147	Cao Thị Mai Thùy	05/09/1978	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9454	***ST*** 148	Phí Thị Xoa	08/12/1983	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9455	***ST*** 149	Lưu Thị Thu Hà	31/08/1994	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9456	***ST*** 150	Dương Thị Minh Phương	15/06/1981	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9457	***ST*** 151	Phan Thị Ngọc Hiến	1/17/1987	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9458	***ST*** 152	Nguyễn Thị Chuyên	10/04/1990	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9459	***ST*** 153	Nguyễn Thị Hà	6/29/1990	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9460	***ST*** 154	Trần Thị Thanh Nhàn	9/20/1993	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9461	***ST*** 155	Phan Thị Hải Yến	9/25/1988	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9462	***ST*** 156	Hà Thị Thùy Giang	17/08/1983	Đường Lâm	Sơn Tây	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9463	***ST*** 157	Khuất Thị Minh Phương	1/21/1980	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9464	***ST*** 158	Hà Thị Hồng Hoa	9/7/1993	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9465	***ST*** 159	Phan Thị Thủy	1/15/1993	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9466	***ST*** 160	Lê Thị Thu Thúy	9/18/1994	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9467	***ST*** 161	Phan Thị Thu Huyền	06/06/1986	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9468	***ST*** 162	Nguyễn Thị Vân	2/24/1990	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9469	***ST*** 163	Phan Thị Lan Anh	1/18/1986	Đường Lâm	Sơn Tây	100	
9470	***ST*** 164	Trần Thị Hương	13/07/1974	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9471	***ST*** 165	Đỗ Thị Thu Hằng	10/10/1979	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9472	***ST*** 166	Trần Thị Kim Thôi	28/01/1982	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9473	***ST*** 167	Nguyễn Thị Hạnh	08/09/1987	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9474	***ST*** 168	Nguyễn Thị Kim Dung	17/01/1978	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9475	***ST*** 169	Nguyễn Thị Thu Hoàn	04/05/1983	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9476	***ST*** 170	Nguyễn Thị Thu Trang	29/10/1990	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9477	***ST*** 171	Từ Thị Như Huyền	15/08/1992	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9478	***ST*** 172	Nguyễn Thị Thanh Thủy	09/07/1987	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9479	***ST*** 173	Tô Thị Thu Hương	17/01/1975	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9480	***ST*** 174	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/08/1995	Phú Thịnh	Sơn Tây	100	
9481	***ST*** 175	Nguyễn Thị Minh Hảo	19/01/1977	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9482	***ST*** 176	Nguyễn Thị Xuân Hương	05/3/1979	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9483	***ST*** 177	Phùng Thị Thu Thủy	01/02/1982	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9484	***ST*** 178	Phùng Thị Hạnh	11/03/1984	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9485	***ST*** 179	Nguyễn Thị Phượng	30/09/1982	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9486	***ST*** 180	Nguyễn Thị Ánh Dương	28/12/1979	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9487	***ST*** 181	Cát Thị Ngọc Mai	29/4/1988	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9488	***ST*** 182	Giang Thị Phương	14/3/1991	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9489	***ST*** 183	Nguyễn Thị Liên	28/10/1975	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9490	***ST*** 184	Lương Thị Tạo	12/02/1994	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9491	***ST*** 185	Trần Thùy Linh	05/01/1991	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9492	***ST*** 186	Triệu Thu Hồng	22/10/1979	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9493	***ST*** 187	Hà Thị Phương Thảo	20/08/1991	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9494	***ST*** 188	Vũ Thị Thúy Chinh	05/04/1983	Sơn Ca	Sơn Tây	100	
9495	***ST*** 189	Ngô Thị Hải Yến	10/24/1985	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9496	***ST*** 190	Lê Thị Thu Sang	10/21/1979	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9497	***ST*** 191	Phùng Thị Dung	8/20/1978	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9498	***ST*** 192	Nguyễn Thị Hương	10/10/1982	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9499	***ST*** 193	Đỗ Thị Nga	1/24/1983	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9500	***ST*** 194	Ngô Thị Thu Thương	12/29/1991	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9501	***ST*** 195	Phùng Thị Lệ	4/11/1992	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9502	***ST*** 196	Đỗ Thị Lan Anh	12/16/1980	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9503	***ST*** 197	Nguyễn Thị Tơ	12/20/1984	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9504	***ST*** 198	Trần Thị Hường	3/19/1978	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9505	***ST*** 199	Bùi Thị Tuyển	6/8/1990	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9506	***ST*** 200	Phùng Thị Linh Nhâm	10/5/1993	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9507	***ST*** 201	Đinh Thi Thu Hương	7/25/1991	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9508	***ST*** 202	Phùng Thị Xuân	7/27/1980	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9509	***ST*** 203	Phùng Thị Mỹ Bình	11/29/1984	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9510	***ST*** 204	Đào Thị Mai Hương	12/17/1989	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9511	***ST*** 205	Nguyễn Thị Thanh Trang	7/24/1990	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9512	***ST*** 206	Phùng Thị Liên	8/30/1988	Sơn Đông	Sơn Tây	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9513	***ST*** 207	Phùng Thị Bích	10/18/1987	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9514	***ST*** 208	Đỗ Thị Mai Hoa	5/12/1985	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9515	***ST*** 209	Phùng Thị Chung	9/3/1987	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9516	***ST*** 210	Đỗ Thị Thanh Huyền	5/1/1985	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9517	***ST*** 211	Nguyễn Ngọc Ninh	12/14/1986	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9518	***ST*** 212	Lã Thị Thu Hằng	8/6/1991	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9519	***ST*** 213	Ngô Thị Bích Thủy	12/12/1994	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9520	***ST*** 214	Phùng Thị Hồng Tuyết	2/22/1987	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9521	***ST*** 215	Nguyễn Thị Thúy	3/9/1987	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9522	***ST*** 216	Nguyễn Thị Giang	7/17/1991	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9523	***ST*** 217	Lê Thị Thùy Linh	11/26/1991	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9524	***ST*** 218	Vũ Nữ Mai Anh	11/14/1991	Sơn Đông	Sơn Tây	100	
9525	***ST*** 219	Khuất Thị Tâm	26/10/1982	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9526	***ST*** 220	Trương Thị Hải Yến	23/09/1987	Sơn Lộc	Sơn Tây	80	Minh chứng không hợp lệ (Giấy khen GV dạy giỏi do chủ tịch phường ký)
9527	***ST*** 221	Hoàng Thị Phương	18/04/1982	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9528	***ST*** 222	Nguyễn Thị Thu Huyền	14/10/1983	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9529	***ST*** 223	Nguyễn Thị Thúy	11/10/1980	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9530	***ST*** 224	Nguyễn Thị Hoa	25/11/1991	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9531	***ST*** 225	Trần Hoài Thu	09/10/1990	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9532	***ST*** 226	Phùng Thị Kim Thanh	06/05/1993	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9533	***ST*** 227	Đặng Thùy Linh	20/08/1992	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9534	***ST*** 228	Nguyễn Thị Trang	18/11/1989	Sơn Lộc	Sơn Tây	100	
9535	**TH**001	Nguyễn Bích Huyền	2/27/1975	An Dương	Tây Hồ	100	
9536	**TH**002	Nguyễn Thị Kim Thanh	2/26/1977	An Dương	Tây Hồ	100	
9537	**TH**003	Phan Thị Nhi	9/14/1971	An Dương	Tây Hồ	100	
9538	**TH**004	Đào Thị Bích Hạnh	10/10/1978	An Dương	Tây Hồ	100	
9539	**TH**005	Lê Thái Hậu	12/26/1981	An Dương	Tây Hồ	100	
9540	**TH**006	Hoàng Thị Thu Huyền	2/4/1993	An Dương	Tây Hồ	100	
9541	**TH**007	Phạm Thu Huyền	11/9/1989	An Dương	Tây Hồ	100	
9542	**TH**008	Nguyễn Thị Mến	10/14/1982	An Dương	Tây Hồ	100	
9543	**TH**009	Nguyễn Thu Hương	1/8/1979	An Dương	Tây Hồ	100	
9544	**TH**010	Lê Thị Nga	6/29/1968	An Dương	Tây Hồ	90	Chứng chỉ CDNN là bản photo không có chứng thực
9545	**TH**011	Tạ Thị Ngọc Yến	8/22/1978	An Dương	Tây Hồ	100	
9546	**TH**012	Nguyễn Thị Bích Diệp	9/10/1979	An Dương	Tây Hồ	100	
9547	**TH**013	Nguyễn Vân Anh	9/29/1982	An Dương	Tây Hồ	100	
9548	**TH**014	Lê Thị Yến Ninh	10/21/1981	An Dương	Tây Hồ	100	
9549	**TH**015	Nguyễn Thị Vân Anh	9/2/1985	An Dương	Tây Hồ	100	
9550	**TH**016	Đỗ Thị Kim Phượng	20/08/1978	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9551	**TH**017	Vũ Thị Đoan Trang	22/09/1982	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9552	**TH**018	Trần Thị Vân Chi	9/10/1978	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9553	**TH**019	Phùng Hương Giang	12/10/1990	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9554	**TH**020	Lê Thị Thảo	10/10/1981	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9555	**TH**021	Hoàng Thị Thu Hường	9/9/1991	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9556	**TH**022	Nguyễn Thị Liên	8/11/1981	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9557	**TH**023	Vương Thị Thanh Nga	12/20/1979	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9558	**TH**024	Phan Thị Minh Hằng	5/18/1984	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9559	**TH**025	Đỗ Thị Lan Anh	9/16/1983	Tây Hồ	Tây Hồ	100	
9560	**TH**026	Trần Thị Liên	22/12/1970	Tứ Liên	Tây Hồ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9561	**TH**027	Nguyễn Hồng Nhung	17/10/1980	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9562	**TH**028	Nguyễn Thị Thanh Huyền	08/12/1979	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9563	**TH**029	Đỗ Thị Tuyết Lan	06/03/1979	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9564	**TH**030	Nguyễn Thị Việt Hà	07/09/1978	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9565	**TH**031	Trần Thị Ngọc Ánh	15/12/1990	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9566	**TH**032	Lương Thanh Loan	02/12/1979	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9567	**TH**033	Lê Tú Anh	24/07/1982	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9568	**TH**034	Trần Thị Thanh Hương	27/09/1973	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9569	**TH**035	Bùi Thị Lệ	05/05/1989	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9570	**TH**036	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/11/1986	Tứ Liên	Tây Hồ	100	
9571	**TH**037	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	3/2/1979	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9572	**TH**038	Công Thị Hồng Điệp	9/12/1980	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9573	**TH**039	Nguyễn Thị Hồng Vân	20/10/1984	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9574	**TH**040	Đinh Thị Thuý Mai	28/07/1976	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9575	**TH**041	Nguyễn Thị Nhàn	12/5/1983	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9576	**TH**042	Công Thị Bảo Vân	30/10/1979	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9577	**TH**043	Nguyễn Thị Thái Lĩnh	1/1/1976	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9578	**TH**044	Phùng Thi Cẩm Thuý	28/05/1978	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9579	**TH**045	Trần Thị Hiền	15/07/1987	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9580	**TH**046	Trịnh Thị Liên	6/7/1987	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9581	**TH**047	Công Thị Thu Oanh	28/06/1991	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9582	**TH**048	Công Thị Hoa	9/11/1984	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9583	**TH**049	Phạm Hồng Thắm	26/07/1974	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9584	**TH**050	Chu Thị Thanh Nhàn	19/03/1973	Đoàn Thị Điểm	Tây Hồ	100	
9585	**TH**051	Trần Thị Thanh Huyền	1/8/1977	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9586	**TH**052	Đỗ Thị Tuyết Nhung	19/11/1973	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9587	**TH**053	Nguyễn Thị Diệp	22/3/1973	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9588	**TH**054	Phạm Thị Bích Thùy	25/02/1984	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9589	**TH**055	Nguyễn Minh Thu	16/10/1983	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9590	**TH**056	Nguyễn Thị Phương Mai	14/01/1990	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9591	**TH**057	Nguyễn Thị Thúy Nga	27/8/1975	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9592	**TH**058	Nguyễn Thị Hương Lan	8/2/1984	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9593	**TH**059	Trần Thị Thơm	13/5/1983	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9594	**TH**060	Nguyễn Thu Hà	19/5/1978	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9595	**TH**061	Phạm Thị Xuân	5/7/1981	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9596	**TH**062	Đào Thanh Hà	22/10/1979	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9597	**TH**063	Nguyễn Thị Thùy	13/10/1981	Bình Minh	Tây Hồ	100	
9598	**TH**064	Nguyễn Thị Thanh Tâm	31/01/1981	Bình Minh	Tây Hồ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9599	**TH**065	Huỳnh Minh Hương	22/02/1969	Xuân La	Tây Hồ	100	
9600	**TH**066	Phương Thị Thanh Trang	18/01/1981	Xuân La	Tây Hồ	100	
9601	**TH**067	Ngô Thị Ngọc Lệ	27/04/1972	Xuân La	Tây Hồ	100	
9602	**TH**068	Trần Thị Thu Phương	21/05/1980	Xuân La	Tây Hồ	100	
9603	**TH**069	Lê Thị Thu Huyền	14/03/1978	Xuân La	Tây Hồ	100	
9604	**TH**070	Nguyễn Thị Bích Liên	18/07/1979	Xuân La	Tây Hồ	100	
9605	**TH**071	Phạm Thị Thu Trang	04/09/1980	Xuân La	Tây Hồ	100	
9606	**TH**072	Nguyễn Thị Lan	01/01/1979	Xuân La	Tây Hồ	100	
9607	**TH**073	Nguyễn Thị Thu Ngân	13/07/1976	Xuân La	Tây Hồ	100	
9608	**TH**074	Phùng Thị Linh Đan	27/10/1978	Xuân La	Tây Hồ	100	
9609	**TH**075	Lê Kim Minh Thu	25/09/1979	Xuân La	Tây Hồ	100	
9610	**TH**076	Lê Thị Thanh Huyền	11/06/1990	Xuân La	Tây Hồ	100	
9611	**TH**077	Công Thị Mai Linh	20/08/1983	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9612	**TH**078	Hồ Thị Hồng Nhung	15/01/1986	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9613	**TH**079	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/07/1986	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9614	**TH**080	Hoàng Thị Thanh Nhàn	28/06/1977	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9615	**TH**081	Đinh Thị Mai	19/10/1979	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9616	**TH**082	Công Thị Thùy Linh	28/09/1989	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9617	**TH**083	Lê Thị Bích Ngọc	15/11/1988	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9618	**TH**084	Hoàng Thị Mỹ Thu	4/9/1982	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9619	**TH**085	Công Thị Thu Hà	13/09/1980	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9620	**TH**086	Công Thị Thúy	11/3/1991	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9621	**TH**087	Nguyễn Thị Hương Lan	20/01/1987	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9622	**TH**088	Công Thị Xâm	24/06/1973	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9623	**TH**089	Lê Thị Thu Thủy	14/12/1978	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9624	**TH**090	Nguyễn Thị phương Liên	20/10/1982	Phú Thượng	Tây Hồ	100	
9625	**TH**091	Đinh Phương Hà	6/13/1983	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9626	**TH**092	Bùi Thị Thuý Hà	7/27/1980	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9627	**TH**093	Hoàng Thu Hà	10/19/1987	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9628	**TH**094	Nguyễn Thanh Nga	7/12/1985	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9629	**TH**095	Phạm Thị Vân	8/12/1977	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9630	**TH**096	Trương Thị Bích Hạnh	1/2/1987	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9631	**TH**097	Hồ Thu Hằng	11/30/1979	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9632	**TH**098	Nguyễn Hoài Thu	8/21/1974	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9633	**TH**099	Nguyễn T Hồng Nhung	10/21/1989	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9634	**TH**100	Quản Thị Huê	2/2/1990	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9635	**TH**101	Đàm Thị Kim Ngân	2/17/1992	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9636	**TH**102	Phí Hồng Liên	10/31/1991	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9637	**TH**103	Phạm Phương Mai	6/17/1989	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9638	**TH**104	Nguyễn Ngọc Huyền	12/30/1985	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9639	**TH**105	Nguyễn Hồng Nhung	8/20/1985	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9640	**TH**106	Bùi Thị Ngọc Ánh	6/23/1987	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9641	**TH**107	Nguyễn Hương Giang	11/25/1990	Chu Văn An	Tây Hồ	100	
9642	**TH**108	Đinh Phương Hiền	1/31/1979	Quảng An	Tây Hồ	100	
9643	**TH**109	Nguyễn Thị Hồng Linh	5/18/1979	Quảng An	Tây Hồ	100	
9644	**TH**110	Nguyễn Minh Trang	3/2/1970	Quảng An	Tây Hồ	100	
9645	**TH**111	Nguyễn Thu Trang	8/29/1985	Quảng An	Tây Hồ	100	
9646	**TH**112	Nguyễn Thu Huyền	3/5/1980	Quảng An	Tây Hồ	100	
9647	**TH**113	Trương Thị Trà My	11/23/1993	Quảng An	Tây Hồ	100	
9648	**TH**114	Văn Thị Hồng Diễm	8/31/1990	Quảng An	Tây Hồ	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9649	**TH**115	Hồ Thanh Hà	4/25/1984	Quảng An	Tây Hồ	100	
9650	**TH**116	Nguyễn Thị Thúy	1/8/1987	Quảng An	Tây Hồ	100	
9651	**TH**117	Nguyễn Thị Quỳnh	1/8/1990	Quảng An	Tây Hồ	100	
9652	**TH**118	Chu Thị Hồng Trang	6/8/1983	Quảng An	Tây Hồ	100	
9653	**TH**119	Nguyễn Hồng Hạnh	12/6/1978	Quảng An	Tây Hồ	100	
9654	**TH**120	Nguyễn Hồng Anh	4/2/1994	Quảng An	Tây Hồ	100	
9655	**TH**121	Phạm Thị Thùy	12/19/1982	Quảng An	Tây Hồ	100	
9656	**TH**122	Nguyễn Hồng Nhung	19/10/1981	Nhật Tân	Tây Hồ	90	Thiếu bằng chuyên môn
9657	**TH**123	Chử Thị Thu Huyền	12/12/1979	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9658	**TH**124	Đỗ Thị Chung Anh	20/8/1982	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9659	**TH**125	Nguyễn Thị Hiếu	8/12/1974	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9660	**TH**126	Nguyễn Thị Minh Lý	14/11/1981	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9661	**TH**127	Đặng Thị Khoa	3/5/1982	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9662	**TH**128	Đinh Thị Thanh Huyền	3/9/1984	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9663	**TH**129	Nguyễn Ngọc Thủy	10/9/1982	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9664	**TH**130	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/4/1974	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9665	**TH**131	Nguyễn Thị Minh Tuyến	9/8/1972	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9666	**TH**132	Chu Thị Hồng Phượng	23/12/1988	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9667	**TH**133	Phạm Thị Kim Anh	1/2/1982	Nhật Tân	Tây Hồ	100	
9668	**TT**001	Đặng Thị Tâm	21/8/1972	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9669	**TT**002	Kiều Thị Lý	29/6/1991	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9670	**TT**003	Nghiêm Thị Thủy	28/02/1990	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9671	**TT**004	Nguyễn Vân Anh	21/7/1985	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9672	**TT**005	Nguyễn Thị Duyên	03/03/1991	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9673	**TT**006	Nguyễn Thị Huệ	01/5/1991	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9674	**TT**007	Phương Thị Kiều Trang	16/01/1993	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9675	**TT**008	Doãn Diệu Linh	24/7/1984	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9676	**TT**009	Kiều Thị Liên	21/7/1968	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9677	**TT**010	Nguyễn Phong Lan	09/09/1972	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9678	**TT**011	Phí Thị Thu	10/9/1981	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9679	**TT**012	Nguyễn Thị Liên	29/12/1984	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9680	**TT**013	Nguyễn Thị Hồng	09/11/1988	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9681	**TT**014	Nguyễn Thị Nguyên	17/6/1983	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9682	**TT**015	Lê Thị Thu Hương	16/11/1992	MN 19-5	Thạch Thất	100	
9683	**TT**016	Phí Thị Mai	20/9/1991	MN 19-5	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9684	**TT**017	Nguyễn Thị Hạnh	10/07/1984	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9685	**TT**018	Cấn Thị Thủy	17/12/1984	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9686	**TT**019	Nguyễn Thị Xuân	29/11/1970	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9687	**TT**020	Nguyễn Thị Hương	07/02/1985	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9688	**TT**021	Nguyễn Thị Tuyết	13/03/1984	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9689	**TT**022	Nguyễn Ngọc May	05/01/1984	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9690	**TT**023	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/06/1973	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9691	**TT**024	Nguyễn Thị Thân	12/11/1991	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9692	**TT**025	Đàm Thị Thúy	17/10/1989	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9693	**TT**026	Nguyễn Thị Nhung	19/09/1979	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9694	**TT**027	Nghiêm Thị Kiều Oanh	20/10/1984	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9695	**TT**028	Nguyễn Thị Cúc	22/02/1990	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9696	**TT**029	Nghiêm Thị Thảo	19/12/1983	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9697	**TT**030	Nguyễn Thị Bốn	22/10/1972	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9698	**TT**031	Nguyễn Thị Nhàn	25/02/1987	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9699	**TT**032	Nguyễn Thị Tân	01/04/1981	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9700	**TT**033	Đỗ Thị Mùi	14/07/1979	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9701	**TT**034	Nguyễn Thị Thanh Mai	18/04/1984	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9702	**TT**035	Đỗ Thị Thanh	30/03/1979	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9703	**TT**036	Nguyễn Thị Chiến	21/09/1972	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9704	**TT**037	Nguyễn Thị Nhung	10/08/1979	Bình Phú A	Thạch Thất	100	
9705	**TT**038	Nguyễn Thị Cúc	01/8/1983	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9706	**TT**039	Tạ Thị Chung	11/02/1983	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9707	**TT**040	Nguyễn Thị Thu	05/10/1982	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9708	**TT**041	Cấn Thị Chuyên	17/9/1983	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9709	**TT**042	Nguyễn Thị Hồng	11/3/1987	Bình Phú B	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9710	**TT**043	Nguyễn Thị Hiên	19/7/1988	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9711	**TT**044	Nguyễn Thị Phượng	18/11/1988	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9712	**TT**045	Nguyễn Thị Quý	12/11/1989	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9713	**TT**046	Nguyễn Thị Hạnh	28/11/1990	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9714	**TT**047	Hồ Thị Thanh Hằng	08/3/1991	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9715	**TT**048	Nguyễn Thị Hằng	10/9/1970	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9716	**TT**049	Nguyễn Mai Thắm	23/11/1968	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9717	**TT**050	Đặng Thị Vinh	06/11/1971	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9718	**TT**051	Đỗ Thị Thìn	25/03/1985	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9719	**TT**052	Nguyễn Thị Hà	21/07/1989	Bình Phú B	Thạch Thất	100	
9720	**TT**053	Trần Thị Hải Yến	28/11/1979	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9721	**TT**054	Lê Thị Thanh Hoà	25/4/1973	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9722	**TT**055	Nguyễn Thị Kim Liên	29/5/1976	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9723	**TT**056	Trịnh Thị Thuý Điệp	10/6/1982	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9724	**TT**057	Nguyễn Thị Thu Hoài	07/02/1985	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9725	**TT**058	Đặng Thị Hoài Thu	13/11/1986	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9726	**TT**059	Vương Thị Thái	22/6/1985	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9727	**TT**060	Nguyễn Thị Khuyên	02/9/1982	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9728	**TT**061	Nguyễn Thị Kim Chiên	08/8/1978	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9729	**TT**062	Phùng Thị Phương	14/5/1989	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9730	**TT**063	Nguyễn Thị Thương	15/10/1989	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9731	**TT**064	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/12/1989	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9732	**TT**065	Nguyễn Thị Thêm	28/5/1989	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9733	**TT**066	Nguyễn Thị Thuỷ	19/8/1988	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9734	**TT**067	Nguyễn Thị Hồng Trang	17/10/1993	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9735	**TT**068	Nguyễn Thị Châu	19/12/1989	Bình Yên A	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9736	**TT**069	Cấn Thị Ngọc Hà	26/4/1976	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9737	**TT**070	Chu Thị Hoài	18/9/1992	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9738	**TT**071	Nguyễn Thị Dung	08/8/1989	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9739	**TT**072	Hoàng Thị Hường	17/10/1992	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9740	**TT**073	Phạm Thị Hương	10/6/1990	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9741	**TT**074	Phí Thị Biết	10/3/1987	Bình Yên A	Thạch Thất	100	
9742	**TT**075	Nguyễn Thị Ngà	25/4/1979	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9743	**TT**076	Ngô Thị Ngát	19/6/1992	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9744	**TT**077	Nguyễn Thị Linh	20/9/1983	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9745	**TT**078	Nguyễn Thị Mừng	16/6/1983	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9746	**TT**079	Đào Thị Đậm	01/3/1981	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9747	**TT**080	Phạm Thị Kim Huệ	31/5/1983	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9748	**TT**081	Cao Thị Trà Giang	15/11/1976	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9749	**TT**082	Đỗ Thị Tươi	27/12/1990	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9750	**TT**083	Kiều Thị Hòa	17/9/1983	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9751	**TT**084	Nguyễn Thị Kim Dung	19/8/1990	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9752	**TT**085	Chu Thị Nhung	14/9/1989	Bình Yên B	Thạch Thất	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
9753	**TT**086	Hoàng Thị Thu Hằng	21/7/1986	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9754	**TT**087	Nguyễn Thị Tuyền	21/9/1988	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9755	**TT**088	Trần Thị Tuyền	06/4/1987	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9756	**TT**089	Ngô Thị Thu Hường	23/8/1978	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9757	**TT**090	Nguyễn Thị Huyền	18/02/1986	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9758	**TT**091	Nguyễn Thị Thìn	26/7/1990	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9759	**TT**092	Nguyễn Thị Hoa	08/12/1980	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9760	**TT**093	Nguyễn Thị Anh	28/11/1993	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9761	**TT**094	Đặng Hồng Nhung	04/3/1985	Bình Yên B	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9762	**TT**095	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/8/1983	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9763	**TT**096	Nguyễn Thị Liên	02/10/1987	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9764	**TT**097	Nguyễn Thị Hiền	31/7/1981	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9765	**TT**098	Nguyễn Thị Thanh Hương	29/5/1994	Bình Yên B	Thạch Thất	100	
9766	**TT**099	Khuất Thị Ty	17/10/1984	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9767	**TT**100	Trần Thị Hằng	14/05/1983	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9768	**TT**101	Nguyễn Thị Tuyết	28/05/1986	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9769	**TT**102	Trần Thị Nga	'04/06/1986	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9770	**TT**103	Khuất Thị Hải	22/07/1983	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9771	**TT**104	Nguyễn Bích Ngọc	'16/11/1990	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9772	**TT**105	Nguyễn Thị Thu Huyền	'03/11/1983	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9773	**TT**106	Phan Thị Dịu	'19/07/1988	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9774	**TT**107	Hà Thị Tuyết	'14/10/1992	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9775	**TT**108	Trần Thị Tình	3/8/1991	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9776	**TT**109	Hoàng Thị Hồng Hà	10/5/1968	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9777	**TT**110	Đỗ Thị Tình	'08/04/1990	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9778	**TT**111	Nguyễn Thị Hường	'01/06/1989	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9779	**TT**112	Kiều Thị Huyền	02/04/1989	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9780	**TT**113	Kiều Thị Tâm	7/11/1990	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9781	**TT**114	Nguyễn Thị Hằng	16/12/1990	Cẩm Yên	Thạch Thất	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
9782	**TT**115	Hoàng Thị Phương	25/02/1971	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9783	**TT**116	Khuất Thị Tươi	8/7/1992	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9784	**TT**117	Cấn Thị Thắm	17/6/1991	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9785	**TT**118	Vũ Thúy Ngân	12/8/1995	Cẩm Yên	Thạch Thất	100	
9786	**TT**119	Nguyễn Thị Hải	10/02/1969	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9787	**TT**120	Nguyễn Thị Minh Thế	15/07/1978	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9788	**TT**121	Nguyễn Thị Tươi	31/07/1980	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9789	**TT**122	Trần Thị Kim Dung	13/10/1976	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9790	**TT**123	Kiều Thị Bích Thủy	23/9/1980	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9791	**TT**124	Vương Thị Khánh Dung	9/4/1982	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9792	**TT**125	Tạ Thị Mến	29/01/1987	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9793	**TT**126	Nguyễn Thị Nghiêm	28/12/1985	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9794	**TT**127	Kiều Thị Hằng	14/06/1984	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9795	**TT**128	Đỗ Thị Tuyết Mai	20/11/1985	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9796	**TT**129	Kiều Thị Thủy	24/01/1985	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9797	**TT**130	Cấn Thị Nga	07/08/1991	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9798	**TT**131	Nguyễn Thị Đào	04/06/1977	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9799	**TT**132	Tạ Thu Thủy	19/9/1980	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9800	**TT**133	Nguyễn Thị Phương	02/01/1982	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9801	**TT**134	Kiều Thị Sang	08/02/1985	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9802	**TT**135	Kiều Thị Thu Hằng	26/06/1979	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9803	**TT**136	Kiều Thị Thu Huyền	08/11/1989	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9804	**TT**137	Tạ Hoài Yên	01/09/1990	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9805	**TT**138	Tạ Thị Chung	06/07/1986	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9806	**TT**139	Nguyễn Thị Thủy	03/01/1990	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9807	**TT**140	Nguyễn Thị Bích	30/12/1985	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9808	**TT**141	Nguyễn Thị Thu	26/08/1980	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9809	**TT**142	Phí Bích Anh	16/10/1994	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9810	**TT**143	Trần Thị Tuyết Ngọc	19/03/1984	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9811	**TT**144	Tạ Thị Ánh	30/01/1991	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9812	**TT**145	Kiều Thị Phượng	10/01/1990	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9813	**TT**146	Kiều Thị Tâm	15/05/1982	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9814	**TT**147	Đỗ Thị Lụa	18/08/1990	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9815	**TT**148	Nguyễn Thị Hợi	11/05/1983	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9816	**TT**149	Phạm Thị Thư	18/01/1993	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9817	**TT**150	Đỗ Thị Hường	08/02/1991	Cần Kiệm	Thạch Thất	100	
9818	**TT**151	Nguyễn Thị Mai	16/12/1979	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9819	**TT**152	Nguyễn Thị Xuân	04/11/1971	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9820	**TT**153	Chu Thị Hương	15/07/1984	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9821	**TT**154	Phí Thị Hồng	28/01/1988	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9822	**TT**155	Nguyễn Thị Nhung	18/08/1990	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9823	**TT**156	Đỗ Thị Phương Hồng	24/10/1987	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9824	**TT**157	Tạ Thị Mầm	18/09/1980	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9825	**TT**158	Phí Thị Hòa	01/8/1983	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9826	**TT**159	Nguyễn Thị Tập	24/06/1988	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9827	**TT**160	Chu Thị Hằng	12/12/1987	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9828	**TT**161	Hoàng Hào Hiệp	18/10/1984	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9829	**TT**162	Đỗ Thị Thùy Giang	24/11/1988	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9830	**TT**163	Phí Thị Thuận	26/06/1985	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9831	**TT**164	Lê Thị Thúy	04/11/1990	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9832	**TT**165	Nguyễn Thu Hương	13/12/1988	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9833	**TT**166	Phí Thị Quỳnh	01/02/1992	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9834	**TT**167	Vũ Thị Thu Cúc	19/09/1979	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9835	**TT**168	Phí Thị Mai	01/07/1988	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9836	**TT**169	Đỗ Thị Hân	06/04/1990	Chàng Sơn	Thạch Thất	100	
9837	**TT**170	Kiều Thị Thuận	13/12/1972	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9838	**TT**171	Vương Thị Chính	19/11/1979	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9839	**TT**172	Kiều Thị Chinh	20/12/1979	Đại Đồng	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9840	**TT**173	Nguyễn Thị Mai	02/02/1980	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9841	**TT**174	Nguyễn Thị Lan	04/4/1981	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9842	**TT**175	Phạm Thúy Liễu	8/11/1982	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9843	**TT**176	Nguyễn Thị Huyền	25/3/1984	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9844	**TT**177	Nguyễn Thị Thu Phương	20/4/1985	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9845	**TT**178	Vũ Thị Thanh	23/7/1973	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9846	**TT**179	Vũ Thị Vụ Hương	20/6/1969	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9847	**TT**180	Trần Thị Nga	18/10/1981	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9848	**TT**181	Vũ Thị Hưởng	24/10/1982	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9849	**TT**182	Nguyễn Thị Tuyết	27/09/1983	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9850	**TT**183	Kiều Thị Liên	16/12/1978	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9851	**TT**184	Vũ Thị Hương	25/12/1984	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9852	**TT**185	Khuất Thị Chu	22/6/1973	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9853	**TT**186	Khuất Thị Duyên	26/11/1988	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9854	**TT**187	Kiều Thị Phượng	06/8/1968	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9855	**TT**188	Nguyễn Thị Trực	31/3/1971	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9856	**TT**189	Vũ Thị Thu	30/8/1971	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9857	**TT**190	Kiều Thị Hương	08/02/1980	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9858	**TT**191	Kiều Thị Thủy	04/8/1980	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9859	**TT**192	Vũ Thị Thủy	18/05/1981	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9860	**TT**193	Nguyễn Thị Thu	20/4/1984	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9861	**TT**194	Kiều Thị Thu	13/10/1985	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9862	**TT**195	Bùi Thị Huế	10/5/1986	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9863	**TT**196	Kiều Thị Hạnh	10/11/1989	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9864	**TT**197	Ngô Thị Hiền	12/10/1990	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9865	**TT**198	Khuất Thị Oanh	16/6/1992	Đại Đồng	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9866	**TT**199	Long Thị Tuyết	06/01/1984	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9867	**TT**200	Nguyễn Thị Bích Phượng	29/11/1980	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9868	**TT**201	Nguyễn Thị Thơ	13/12/1983	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9869	**TT**202	Kiều Thị Thu	27/10/1984	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9870	**TT**203	Nguyễn Thị Uyên	28/5/1992	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9871	**TT**204	Khuất Thị Thu Trang	10/8/1992	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9872	**TT**205	Nguyễn Thúy Hằng	22/6/1971	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9873	**TT**206	Vương Thị Nga	29/9/1989	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9874	**TT**207	Nguyễn Thị Chi	28/5/1990	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9875	**TT**208	Kiều Thị Lan Anh	28/1/1991	Đại Đồng	Thạch Thất	100	
9876	**TT**209	Nguyễn Thị Xuân	15/04/1987	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9877	**TT**210	Nguyễn Thị Lương	14/6/1986	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9878	**TT**211	Nguyễn Thị Lý	21/01/1974	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9879	**TT**212	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	07/11/1983	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9880	**TT**213	Nguyễn Thị Hoàn	30/9/1985	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9881	**TT**214	Nguyễn Thị Hương	30/09/1988	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9882	**TT**215	Đỗ Thị Hoa	06/10/1987	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9883	**TT**216	Nguyễn Thị Chiến	08/01/1989	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9884	**TT**217	Nguyễn Thị Thân	24/09/1982	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9885	**TT**218	Đỗ Thị Hảo	16/01/1969	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9886	**TT**219	Đỗ Thị Cúc	06/12/1991	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9887	**TT**220	Nguyễn Thị Xuân	09/12/1989	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9888	**TT**221	Nguyễn Thị Thanh Hương	24/04/1985	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9889	**TT**222	Nguyễn Thị Thơm	23/01/1991	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9890	**TT**223	Nguyễn Thị Lan	01/11/1989	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9891	**TT**224	Cao Thị Hằng	29/9/1979	Dị Nậu	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9892	**TT**225	Nguyễn Thị Hồng	27/12/1979	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9893	**TT**226	Nguyễn Thị Như Ngọc	04/09/1992	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9894	**TT**227	Nguyễn Thị Xuân	15/10/1969	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9895	**TT**228	Nguyễn Thị Thanh Hoa	15/02/1985	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9896	**TT**229	Nguyễn Thị Liễu	05/04/1977	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9897	**TT**230	Nguyễn Thị Hồng	03/05/1987	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9898	**TT**231	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/03/1975	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9899	**TT**232	Nguyễn Thị Thu	27/12/1972	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9900	**TT**233	Nguyễn Thị Ngân	16/01/1984	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9901	**TT**234	Nguyễn Thị Liên	14/07/1987	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9902	**TT**235	Nguyễn Thị Tâm	02/09/1977	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9903	**TT**236	Nguyễn Thị Tuyết	25/10/1988	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9904	**TT**237	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/07/1977	Dị Nậu	Thạch Thất	100	
9905	**TT**238	Kiều Thị Dung	11/12/1983	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9906	**TT**239	Kiều Thị Tuyết	01/8/1985	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9907	**TT**240	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/5/1975	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9908	**TT**241	Nguyễn Thị Tuyến	16/12/1990	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9909	**TT**242	Nguyễn Thị Hải Thu	10/08/1981	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9910	**TT**243	Kiều Thị Hỡi	08/7/1990	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9911	**TT**244	Đặng Thị Hiền Anh	05/09/1985	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9912	**TT**245	Nguyễn Thị Hà	11/08/1986	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9913	**TT**246	Đặng Thị Hồng	16/8/1988	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9914	**TT**247	Phí Thị Mai	01/03/1990	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9915	**TT**248	Phùng Thị Hiên	08/4/1991	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9916	**TT**249	Đặng Thị Ngọc Lanh	15/1/1984	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9917	**TT**250	Đặng Thị Thanh	10/03/1971	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9918	**TT**251	Đặng Thị Ngọc Linh	08/04/1981	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9919	**TT**252	Phùng Thị Lưu	02/04/1985	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9920	**TT**253	Phí Thị Hệ	02/03/1988	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9921	**TT**254	Nguyễn Thị Quỳnh	20/10/1992	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9922	**TT**255	Phí Thị Cún	03/03/1969	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9923	**TT**256	Kiều Thị Thu Hằng	30/5/1982	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9924	**TT**257	Kiều Thị Nguyệt	06/05/1983	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9925	**TT**258	Đặng Thị Thuyên	26/3/1986	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9926	**TT**259	Hoàng Thị Tân	03/01/1988	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9927	**TT**260	Đỗ Thị Hồng Nhung	19/6/1988	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9928	**TT**261	Kiều Thị Linh	03/01/1990	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9929	**TT**262	Hoàng Thị Hương	17/10/1990	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9930	**TT**263	Kiều Thị Lựu	18/10/1990	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9931	**TT**264	Đặng Thị Phượng	02/11/1991	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9932	**TT**265	Đỗ Thị Thân	18/12/1992	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9933	**TT**266	Trần Thị Mai Hường	04/02/1970	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9934	**TT**267	Trần Thị Chanh	08/05/1972	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9935	**TT**268	Phí Thị Tuông	23/7/1974	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9936	**TT**269	Nguyễn Hồng Phấn	26/2/1983	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9937	**TT**270	Đặng Thị Hạnh	10/11/1983	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9938	**TT**271	Kiều Thị Ba	04/03/1987	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9939	**TT**272	Kiều Thị Thảo	20/1/1989	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9940	**TT**273	Đỗ Thị Loan	02/9/1991	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9941	**TT**274	Nguyễn Thị Duyên	11/12/1993	Đồng Trúc	Thạch Thất	100	
9942	**TT**275	Cấn Thị Nhàn	06/11/1972	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9943	**TT**276	Phùng Thị Hoa	21/01/1982	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9944	**TT**277	Phùng Thị Thảo	09/10/1986	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9945	**TT**278	Phùng Thị Hạnh Nguyên	02/02/1990	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9946	**TT**279	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	08/12/1985	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9947	**TT**280	Tạ Thị Nguyệt	15/02/1986	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9948	**TT**281	Nguyễn Thị Dịu	23/06/1988	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9949	**TT**282	Trần Thị Huyên	25/07/1980	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9950	**TT**283	Trần Thị Duyên	10/07/1989	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9951	**TT**284	Nguyễn Thị Loan	13/06/1977	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9952	**TT**285	Nguyễn Thị Thu	08/10/1974	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9953	**TT**286	Trần Thị Hạnh	08/04/1977	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9954	**TT**287	Phùng Thị Thúy	11/10/1982	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9955	**TT**288	Nguyễn Thị Mậu	14/02/1968	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9956	**TT**289	Tạ Thị Hằng	18/01/1990	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9957	**TT**290	Đỗ Thị Thu	18/12/1989	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9958	**TT**291	Phùng Thị Hương Dung	26/05/1969	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9959	**TT**292	Nguyễn Thị Oanh	25/09/1969	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9960	**TT**293	Đỗ Thị Khánh Ly	28/10/1985	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9961	**TT**294	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	06/08/1985	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9962	**TT**295	Nguyễn Thị Lệ Hà	02/01/1982	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9963	**TT**296	Trần Thị Thủy	18/06/1982	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9964	**TT**297	Nguyễn Thị Hoa	01/09/1982	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9965	**TT**298	Đặng Thị Thúy Hằng	20/08/1983	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9966	**TT**299	Nguyễn Thị Hạnh	18/01/1979	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9967	**TT**300	Nguyễn Thị Hiền	01/11/1986	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9968	**TT**301	Bùi Thị Minh Hải	26/8/1988	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9969	**TT**302	Kiều Thị Hồng Thủy	04/02/1990	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9970	**TT**303	Nguyễn Thị Nhung	27/03/1992	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9971	**TT**304	Lê Thị Vân	05/02/1991	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9972	**TT**305	Nguyễn Thị Yến	26/04/1986	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9973	**TT**306	Nguyễn Thị Như Hoa	23/09/1990	Hạ Bằng	Thạch Thất	100	
9974	**TT**307	Nguyễn Thị Bích Dung	12/06/1972	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9975	**TT**308	Phí Thị Hồng	10/06/1980	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9976	**TT**309	Nguyễn Thị Hồng Minh	11/04/1979	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9977	**TT**310	Nguyễn Thị Thanh Thùy	04/02/1972	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9978	**TT**311	Nguyễn Thị Hương	11/05/1987	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9979	**TT**312	Nguyễn Thị Diễn	24/04/1992	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9980	**TT**313	Nguyễn Thị Cường	13/06/1984	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9981	**TT**314	Nguyễn Thị Thắm	26/02/1986	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9982	**TT**315	Vũ Thị Mơ	20/07/1989	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9983	**TT**316	Nguyễn Thị Duyên	26/12/1993	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9984	**TT**317	Đỗ Thị Tuyến	12/07/1986	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9985	**TT**318	Phí Thị Hằng	23/05/1986	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9986	**TT**319	Phí Thị Hằng	06/10/1987	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9987	**TT**320	Nguyễn Thị Hồng Quyên	14/03/1991	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9988	**TT**321	Nguyễn Thị Thu	27/03/1988	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9989	**TT**322	Đặng Thanh Nụ	02/11/1985	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9990	**TT**323	Nguyễn Thị Thu Hương	04/09/1990	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9991	**TT**324	Cấn Thị Thanh Nga	16/09/1991	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9992	**TT**325	Nguyễn Thị Mai	20/12/1981	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9993	**TT**326	Phí Thị Phượng	06/05/1992	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9994	**TT**327	Phí Thị Hạnh	13/07/1989	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9995	**TT**328	Vương Thị Huyền	13/12/1992	Hương Ngải	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
9996	**TT**329	Nguyễn Mai Nga	16/07/1988	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9997	**TT**330	Nguyễn Thị Chung	25/11/1989	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9998	**TT**331	Nguyễn Thị Đáng	15/01/1971	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
9999	**TT**332	Nguyễn Hương Giang	03/09/1980	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10000	**TT**333	Liêu Thị Sinh	17/05/1989	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10001	**TT**334	Phí Thị Bính	03/12/1976	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10002	**TT**335	Nguyễn Thị Hương	16/08/1983	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10003	**TT**336	Nguyễn Thị Lương	14/01/1989	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10004	**TT**337	Nguyễn Thị Lan Anh	16/02/1991	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10005	**TT**338	Vương Thị Minh Lý	26/04/1968	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10006	**TT**339	Phí Thị Thu Hằng	20/04/1985	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10007	**TT**340	Nguyễn Thị Kim Duyên	12/06/1981	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10008	**TT**341	Vương Thị Thuận	22/12/1972	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10009	**TT**342	Cấn Thị Vân	27/09/1972	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10010	**TT**343	Nguyễn Thị Thu Hồng	06/09/1984	Hương Ngải	Thạch Thất	100	
10011	**TT**344	Nguyễn Thị Kim Thu	14/03/1980	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10012	**TT**345	Phí Thị Tình	01/11/1972	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10013	**TT**346	Nguyễn Thị Như Quỳnh	29/12/1986	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10014	**TT**347	Kiều Thị Nhung	19/09/1985	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10015	**TT**348	Đỗ Thị Duyên	31/08/1985	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10016	**TT**349	Nguyễn Thị Thoa	15/09/1984	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10017	**TT**350	Nguyễn Thị Chính	12/07/1992	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10018	**TT**351	Nguyễn Thị Ngọc	25/03/1986	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10019	**TT**352	Nguyễn Thị Tuyết	01/06/1973	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10020	**TT**353	Nguyễn Thị Nhài	25/05/1985	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10021	**TT**354	Đặng Thị Thu Phương	16/10/1992	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10022	**TT**355	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	28/09/1983	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10023	**TT**356	Đặng Thị Sâm	06/04/1980	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10024	**TT**357	Nguyễn Thị Bích Liên	15/08/1986	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10025	**TT**358	Nguyễn Thị Nguyên	19/06/1987	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10026	**TT**359	Nguyễn Thị Lụa	09/01/1968	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10027	**TT**360	Nguyễn Thị Loan	26/11/1968	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10028	**TT**361	Cấn Thị Trị	06/12/1978	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10029	**TT**362	Phan Thị Thu Hương	21/10/1986	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10030	**TT**363	Hoàng Thị Thơm	17/11/1986	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10031	**TT**364	Nguyễn Thị Loan	03/07/1987	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10032	**TT**365	Nguyễn Thị Hiền	10/10/1985	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10033	**TT**366	Liêu Thị Hồng Dung	30/09/1983	Hữu Bằng	Thạch Thất	100	
10034	**TT**367	Phạm Thị Bảy	27/12/1968	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10035	**TT**368	Nguyễn Thị Mai Hiên	31/03/1980	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10036	**TT**369	Cấn Thị Ngọc Lan	27/07/1972	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10037	**TT**370	Nguyễn Thị Hương	04/08/1979	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10038	**TT**371	Cấn Thị Kim Tuyến	31/07/1984	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10039	**TT**372	Nguyễn Thị Hiền	21/12/1991	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10040	**TT**373	Đỗ Thị Hợi	02/11/1983	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10041	**TT**374	Nguyễn Thị Xuyến	01/10/1988	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10042	**TT**375	Nguyễn Thị Hạnh	29/04/1988	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10043	**TT**376	Cấn Thị Hạnh	16/09/1990	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10044	**TT**377	Cấn Thị Thu Huyền	02/02/1974	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10045	**TT**378	Nguyễn Thị Thạch	19/11/1979	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10046	**TT**379	Nguyễn Thị Nghi	01/09/1992	Kim Quan	Thạch Thất	80	Thiếu bằng cử nhân/Tốt nghiệp CĐ; thiếu Chứng chỉ BD CDNN
10047	**TT**380	Nguyễn Thị Hương	01/07/1990	Kim Quan	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10048	**TT**381	Nguyễn Thị Lệ Hằng	02/08/1978	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10049	**TT**382	Nguyễn Thị Huệ	21/03/1985	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10050	**TT**383	Vũ Thị Thơm	14/02/1989	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10051	**TT**384	Nguyễn Thị Thư	20/12/1978	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10052	**TT**385	Nguyễn Thị Hương Anh	05/08/1985	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10053	**TT**386	Nguyễn Thúy Hoàn	15/09/1970	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10054	**TT**387	Cấn Thị Hồng Hạnh	30/07/1972	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10055	**TT**388	Phùng Thị Lụa	14/03/1988	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10056	**TT**389	Đoàn Thị Hải	20/12/1987	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10057	**TT**390	Cấn Thị Minh Phương	27/07/1979	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10058	**TT**391	Nguyễn Thị Nho	20/06/1989	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10059	**TT**392	Nguyễn Thị Phương	18/10/1992	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10060	**TT**393	Nguyễn Thị Nga	16/12/1990	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10061	**TT**394	Nguyễn Thị Lưu	16/05/1969	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10062	**TT**395	Cấn Thị Tha	12/12/1982	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10063	**TT**396	Nguyễn Thị Cúc	28/09/1982	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10064	**TT**397	Phí Thị Thu Hồng	04/10/1983	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10065	**TT**398	Cấn Thị Hà	02/09/1988	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10066	**TT**399	Vũ Thị Hương	27/11/1993	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10067	**TT**400	Cấn Thị Thu Hằng	12/01/1992	Kim Quan	Thạch Thất	100	
10068	**TT**401	Nguyễn Thị Tam Giang	10/12/1968	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10069	**TT**402	Kiều Thị Oanh	25/06/1971	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10070	**TT**403	Nguyễn Thị Hương	09/06/1986	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10071	**TT**404	Khuất Thị Thanh Thúy	16/9/1992	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10072	**TT**405	Nguyễn Thị Thu Hà	01/11/1983	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10073	**TT**406	Nguyễn Thị Tươi	14/02/1988	Lại Thượng	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10074	**TT**407	Vương Thị Thủy	11/08/1983	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10075	**TT**408	Nguyễn Thị Anh	10/10/1985	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10076	**TT**409	Nguyễn Thị Hằng	13/02/1990	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10077	**TT**410	Vương Thị Thảo	13/08/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10078	**TT**411	Đỗ Thị Hương	28/11/1977	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10079	**TT**412	Khuất Thị Thu Hòa	12/11/1984	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10080	**TT**413	Nguyễn Thị Thu Giang	22/4/1987	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10081	**TT**414	Khuất Thị Hằng	11/12/1990	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10082	**TT**415	Nguyễn Thị Hạnh	20/11/1978	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10083	**TT**416	Nguyễn Thị Thu Hương	21/10/1986	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10084	**TT**417	Vũ Thị Thu Nga	28/10/1979	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10085	**TT**418	Vương Thị Ngọc Diễm	23/12/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10086	**TT**419	Phùng Thị Huyền Trang	03/10/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10087	**TT**420	Nguyễn Phương Thủy	10/8/1991	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10088	**TT**421	Lê Thị Thúy	23/4/1991	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10089	**TT**422	Vương Thị Xuyến	29/7/1991	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10090	**TT**423	Cấn Thị Lệ Quyên	06/08/1988	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10091	**TT**424	Khuất Thị Dung	13/4/1992	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10092	**TT**425	Cấn Thị Hoàng Anh	24/10/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10093	**TT**426	Kiều Thị Bình	22/12/1981	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10094	**TT**427	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/01/1990	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10095	**TT**428	Đỗ Thị Nguyệt	01/01/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10096	**TT**429	Nguyễn Thị Thu Hằng	27/08/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10097	**TT**430	Vương Thị Hương	10/01/1986	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10098	**TT**431	Nguyễn Thị Huệ	11/12/1992	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10099	**TT**432	Kiều Thị Phượng	20/08/1986	Lại Thượng	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10100	**TT**433	Khuất Thị Thanh Nhàn	21/11/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10101	**TT**434	Cấn Thị Dung	25/11/1989	Lại Thượng	Thạch Thất	100	
10102	**TT**435	Nguyễn Thị Thúy Mai	25/6/1977	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10103	**TT**436	Đặng Thị Huệ	11/04/1971	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10104	**TT**437	Nguyễn Thị Bích Nhuần	05/02/1983	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10105	**TT**438	Đinh Thị Quyên	25/9/1977	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10106	**TT**439	Nguyễn Thị Xuyến	09/2/1988	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10107	**TT**440	Phùng Thị Hảo	27/4/1984	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10108	**TT**441	Nghiêm Thị Duyên	20/11/1991	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10109	**TT**442	Nguyễn Thị Thảo	25/09/1990	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10110	**TT**443	Nguyễn Thị Hồng Hưởng	07/09/1983	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10111	**TT**444	Cấn Thị Thùy Dung	05/10/1990	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10112	**TT**445	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/06/1983	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10113	**TT**446	Hoàng Thị Mai	05/10/1988	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10114	**TT**447	Lê Thị Vân	14/8/1978	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10115	**TT**448	Nguyễn Thị Phong	06/06/1982	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10116	**TT**449	Nguyễn Thị Hằng	16/6/1991	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10117	**TT**450	Lê Thị Hoài Diễm	06/11/1991	Liên Quan	Thạch Thất	100	
10118	**TT**451	Vũ Thị Thu Hà	11/10/1979	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10119	**TT**452	Nguyễn Thị Toàn	26/02/1980	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10120	**TT**453	Đỗ Thị Dung	27/6/1984	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10121	**TT**454	Nguyễn Thị Loan	28/9/1986	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10122	**TT**455	Nguyễn Thị Tuất	21/7/1987	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10123	**TT**456	Bùi Thị Tuyết	16/6/1979	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10124	**TT**457	Nguyễn Thị Liên	01/9/1984	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10125	**TT**458	Đỗ Thị Quế	27/09/1985	Minh Hà	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10126	**TT**459	Nguyễn Thị Lịch	21/07/1987	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10127	**TT**460	Nguyễn Thị Hương	11/7/1974	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10128	**TT**461	Nguyễn Thị Thu	02/8/1982	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10129	**TT**462	Nguyễn Thị Mai	21/04/1974	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10130	**TT**463	Nguyễn Thị Hạnh	15/10/1982	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10131	**TT**464	Nguyễn Thị Hiền	5/5/1984	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10132	**TT**465	Nguyễn Thị Hằng	17/8/1979	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10133	**TT**466	Nguyễn Thị Chúc	28/6/1988	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10134	**TT**467	Nguyễn Thị Hòa	21/10/1979	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10135	**TT**468	Nguyễn Thi Lợi	18/06/1989	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10136	**TT**469	Đỗ Thị Thúy Hằng	30/11/1988	Minh Hà	Thạch Thất	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
10137	**TT**470	Đỗ Thị Thanh Vân	30/03/1983	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10138	**TT**471	Nguyễn Thị Thuỷ	10/9/1988	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10139	**TT**472	Nguyễn Thị Hợi	8/8/1983	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10140	**TT**473	Đỗ Thị Lượng	23/12/1982	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10141	**TT**474	Đỗ Thị Đông	25/12/1982	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10142	**TT**475	Nguyễn Thị Thu Thủy	24/7/1980	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10143	**TT**476	Nguyễn Thị Nguyệt	15/8/1979	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10144	**TT**477	Đỗ Thị Thu Thủy	17/11/1987	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10145	**TT**478	Đỗ Thị Lý	17/03/1980	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10146	**TT**479	Nguyễn Thị Xuyến	06/11/1991	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10147	**TT**480	Nguyễn Thị Lan	16/01/1978	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10148	**TT**481	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	26/9/1985	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10149	**TT**482	Nguyễn Thị Hà	8/10/1982	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10150	**TT**483	Nguyễn Thị Thoa	08/12/1987	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10151	**TT**484	Đỗ Thị Lý	27/03/1985	Minh Hà	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10152	**TT**485	Nguyễn Thị Yến	29/10/1981	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10153	**TT**486	Đỗ Thị Thắng	13/10/1982	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10154	**TT**487	Nguyễn Thị Đào	16/3/1991	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10155	**TT**488	Nguyễn Thị Tình	06/3/1980	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10156	**TT**489	Nguyễn Thị Hòa	02/6/1988	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10157	**TT**490	Nguyễn Thị Hợi	25/7/1985	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10158	**TT**491	Nguyễn Thị Lân	15/5/1988	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10159	**TT**492	Nguyễn Thị Liên	12/7/1980	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10160	**TT**493	Nguyễn Thị Xuân	19/10/1990	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10161	**TT**494	Nguyễn Thị Vân	18/01/1986	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10162	**TT**495	Nguyễn Thị Quế	03/03/1972	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10163	**TT**496	Đỗ Thị Hải	05/4/1988	Minh Hà	Thạch Thất	100	
10164	**TT**497	Đỗ Thị Thúy Vinh	14/09/1985	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10165	**TT**498	Nguyễn Thị Hạnh	07/10/1985	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10166	**TT**499	Cấn Thị Kỳ	11/12/1969	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10167	**TT**500	Cấn Thị Huế	19/06/1979	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10168	**TT**501	Cấn Thị Phúc Hồng	12/05/1972	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10169	**TT**502	Nguyễn Thị Minh Thêu	04/01/1980	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10170	**TT**503	Nguyễn Thị Hiền	04/08/1984	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10171	**TT**504	Đỗ Thị Phương Thúy	14/10/1986	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10172	**TT**505	Nguyễn Thị Hà	19/09/1986	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10173	**TT**506	Cấn Thị Kim Hạnh	10/03/1981	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10174	**TT**507	Nguyễn Thị Thuận	18/12/1980	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10175	**TT**508	Phí Thị Loan	18/07/1988	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10176	**TT**509	Nguyễn Thị Tình	16/01/1984	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10177	**TT**510	Cấn Thị Hiền	13/08/1985	Phú Kim	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10178	**TT**511	Kấn Thị Tuyết	06/11/1987	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10179	**TT**512	Nguyễn Thúy Hà	25/07/1987	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10180	**TT**513	Nguyễn Thị Thúy Vân	23/06/1972	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10181	**TT**514	Kiều Thị Kim Thanh	12/10/1993	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10182	**TT**515	Dương Thị Thoa	18/07/1986	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10183	**TT**516	Cấn Thị Hằng	19/12/1991	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10184	**TT**517	Vương Thị Yến	04/10/1992	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10185	**TT**518	Cấn Thị Phượng	02/12/1992	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10186	**TT**519	Hoàng Thị Dung	01/06/1986	Phú Kim	Thạch Thất	100	
10187	**TT**520	Nguyễn Thị Dung	23/11/1972	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10188	**TT**521	Ngô Thị Thanh Vân	30/4/1987	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10189	**TT**522	Phùng Thị Huyền	28/5/1985	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10190	**TT**523	Phùng Thị Hồng Huệ	22/4/1985	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10191	**TT**524	Phùng Thị Hà	24/05/1987	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10192	**TT**525	Nguyễn Thị Hằng	20/7/1988	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10193	**TT**526	Nguyễn Thị Bích	03/4/1986	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10194	**TT**527	Nguyễn Thị Lệ	13/10/1990	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10195	**TT**528	Nguyễn Thị Ngọc	25/10/1986	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10196	**TT**529	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/4/1990	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10197	**TT**530	Nguyễn Thị Tửu	10/10/1972	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10198	**TT**531	Nguyễn Thị Thơm	23/9/1990	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10199	**TT**532	Nguyễn Thị Nhâm	09/5/1992	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10200	**TT**533	Phùng Thị Ánh	01/02/1983	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10201	**TT**534	Phùng Thị Đào	04/10/1969	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10202	**TT**535	Đặng Thị Khánh Linh	19/5/1979	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10203	**TT**536	Nguyễn Thị Thư	20/10/1984	Phùng Xá	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10204	**TT**537	Nguyễn Thị Ngần	23/02/1985	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10205	**TT**538	Chu Thị Từ Chính	05/11/1986	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10206	**TT**539	Ngô Thị Biên	13/8/1991	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10207	**TT**540	Nguyễn Thị Liên	24/3/1970	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10208	**TT**541	Phùng Thị Tuyết	12/6/1973	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10209	**TT**542	Kiều Thị Thu Phương	28/5/1980	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10210	**TT**543	Phùng Thị Chinh Lan	07/8/1982	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10211	**TT**544	Kiều Thị Tố	02/6/1991	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10212	**TT**545	Nguyễn Thị Hương	09/3/1981	Phùng Xá	Thạch Thất	100	
10213	**TT**546	Nguyễn Thị Hải	01/07/1970	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10214	**TT**547	Nguyễn Thị Hạnh	28/03/1975	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10215	**TT**548	Nguyễn Thị Cảnh Tuyết	03/09/1970	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10216	**TT**549	Nguyễn Thị Thanh	01/12/1986	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10217	**TT**550	Trần Thị Hương	26/06/1984	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10218	**TT**551	Lê Thị Thể	19/02/1981	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10219	**TT**552	Hoàng Thị Hồng Nê	13/02/1983	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10220	**TT**553	Ngô Thị Hà Phương	03/04/1987	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10221	**TT**554	Đỗ Thị Oanh	22/05/1988	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10222	**TT**555	Lê Thị Hợp	10/01/1985	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10223	**TT**556	Nguyễn Thị Tình	15/07/1983	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10224	**TT**557	Nguyễn Thị Lệ	29/05/1993	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10225	**TT**558	Nguyễn Thị Tươi	05/10/1983	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10226	**TT**559	Nguyễn Thị Minh Bốn	19/08/1986	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10227	**TT**560	Đỗ Thị Lan	25/10/1989	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10228	**TT**561	Ngô Thị Thuyết	26/09/1992	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10229	**TT**562	Nguyễn Thị Hồng Linh	16/02/1983	Tân Xã	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10230	**TT**563	Nguyễn Thị Trang	18/02/1991	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10231	**TT**564	Phùng Thị Hạnh	09/10/1987	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10232	**TT**565	Lê Thị Mơ	20/06/1990	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10233	**TT**566	Khuất Thị Thu Lan	22/08/1990	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10234	**TT**567	Ngô Thị Phương Dung	07/05/1990	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10235	**TT**568	Lê Thị Tuyên	21/07/1991	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10236	**TT**569	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/11/1985	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10237	**TT**570	Nguyễn Thị Hằng	03/10/1993	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10238	**TT**571	Kiều Thị Nga	28/10/1990	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10239	**TT**572	Lê Thị Yến	01/02/1990	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10240	**TT**573	Nguyễn Thị Thái	20/01/1985	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10241	**TT**574	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/04/1985	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10242	**TT**575	Bùi Thị Ước Thanh	22/12/1991	Tân Xã	Thạch Thất	100	
10243	**TT**576	Kiều Thị Nhàn	01/09/1969	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10244	**TT**577	Nguyễn Thị Huyền	11/11/1977	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10245	**TT**578	Phùng Thị Dung	11/03/1990	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10246	**TT**579	Kiều Thị Như Quỳnh	10/10/1985	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10247	**TT**580	Nguyễn Thị Bích Diệp	13/03/1980	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10248	**TT**581	Phùng Thị Thuận	18/08/1990	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10249	**TT**582	Kiều Thị Vân	03/07/1981	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10250	**TT**583	Nguyễn Thị Mai Trang	15/10/1991	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10251	**TT**584	Cao Thị Thúy	28/06/1985	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10252	**TT**585	Nguyễn Thị Mai	14/10/1982	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10253	**TT**586	Nguyễn Thị Hằng	04/07/1990	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10254	**TT**587	Trần Thị Hòa	02/07/1982	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10255	**TT**588	Nguyễn Thị Nhung	10/08/1990	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10256	**TT**589	Nguyễn Thị Liên	26/08/1989	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10257	**TT**590	Bùi Thị Liên	16/10/1969	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10258	**TT**591	Nguyễn Thị Thà	01/09/1988	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10259	**TT**592	Nguyễn Thị Đang	18/08/1983	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10260	**TT**593	Đinh Thị Quỳnh	24/02/1989	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10261	**TT**594	Đinh Thị Quỳnh Tươi	11/9/1988	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10262	**TT**595	Đặng Thị Nga	27/04/1993	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10263	**TT**596	Lê Thị Huệ	22/03/1976	Thạch Hòa	Thạch Thất	100	
10264	**TT**597	Nguyễn Thị Mai	15/5/1971	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10265	**TT**598	Khương Diệu Hằng	05/7/1978	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10266	**TT**599	Nguyễn Thị Thu	21/7/1981	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10267	**TT**600	Nguyễn Thị Thanh Xuân	04/4/1984	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10268	**TT**601	Bùi Thị Thoa	23/01/1989	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10269	**TT**602	Nguyễn Thị Thủy	18/3/1984	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10270	**TT**603	Nguyễn Thị Thu Hằng	06/9/1992	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10271	**TT**604	Nguyễn Thị Hòa	18/8/1974	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10272	**TT**605	Nguyễn Thị Hương	12/9/1979	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10273	**TT**606	Khương Thị Liễu	23/02/1973	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10274	**TT**607	Đặng Thị Thu	20/7/1973	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10275	**TT**608	Nguyễn Thị Hải	11/9/1984	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10276	**TT**609	Nguyễn Thị Huyền	27/3/1984	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10277	**TT**610	Lê Thị Quế	06/12/1986	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10278	**TT**611	Lê Thị Hồng Oanh	10/4/1979	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10279	**TT**612	Nguyễn Thị Hồng	13/9/1983	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10280	**TT**613	Nguyễn Thị Phương	19/6/1987	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10281	**TT**614	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/10/1980	Thạch Xá	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10282	**TT**615	Nguyễn Lan Anh	09/11/1986	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10283	**TT**616	Nguyễn Thị Thanh Nga	17/4/1993	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10284	**TT**617	Nguyễn Thị Xuân	01/02/1973	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10285	**TT**618	Lê Thị Hồng Huệ	10/10/1973	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10286	**TT**619	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/8/1982	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10287	**TT**620	Cao Thị Thu Hiền	04/6/1977	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10288	**TT**621	Đỗ Thị Hương Mai	13/11/1983	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10289	**TT**622	Lê Thị Na	28/8/1987	Thạch Xá	Thạch Thất	100	
10290	**TT**623	Phạm Thị Thanh Lan	18/04/1976	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10291	**TT**624	Nguyễn Thị Mỉa	23/08/1977	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10292	**TT**625	Cấn Thị Tình	02/09/1969	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10293	**TT**626	Quách Thị Lý	27/03/1985	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10294	**TT**627	Nguyễn Thị Bích Xuyến	25/08/1982	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10295	**TT**628	Nguyễn Thị Mai Trang	01/09/1990	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10296	**TT**629	Nguyễn Thị Phương	29/08/1970	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10297	**TT**630	Cấn Thị Chuyên	12/04/1974	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10298	**TT**631	Bùi Thanh Nga	30/10/1979	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10299	**TT**632	Đỗ Thị Lan	26/06/1979	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10300	**TT**633	Nguyễn Thị Hoài	10/10/1990	Yên Bình	Thạch Thất	65	Thiếu tiêu chí về thi đua khen thưởng; không có quyết định TD, bổ nhiệm CDNN)
10301	**TT**634	Cấn Thị Luyến	25/03/1979	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10302	**TT**635	Nguyễn Thị Thanh Hoa	25/04/1988	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10303	**TT**636	Đặng Thị Kim Chi	08/04/1992	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10304	**TT**637	Nguyễn Thị Minh	21/12/1987	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10305	**TT**638	Nguyễn Thị Thanh Mai	05/07/1989	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10306	**TT**639	Bùi Thị Hạnh	12/09/1989	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10307	**TT**640	Nguyễn Thị Bài	28/10/1989	Yên Bình	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10308	**TT**641	Đặng Thị Thu Thuỷ	07/10/1994	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10309	**TT**642	Lê Thị Thoa	22/09/1986	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10310	**TT**643	Nguyễn Thị Yến	21/06/1990	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10311	**TT**644	Đinh Thị Mỹ Duyên	10/04/1992	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10312	**TT**645	Phạm Thị Thanh Mai	22/03/1970	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10313	**TT**646	Nguyễn Thị Thuỳ	16/12/1981	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10314	**TT**647	Kiều Thị Thuý Vân	19/05/1982	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10315	**TT**648	Nguyễn Thị Thảo	17/09/1988	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10316	**TT**649	Nguyễn Ngọc Thuý	26/12/1988	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10317	**TT**650	Nguyễn Thị Hiền	05/12/1991	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10318	**TT**651	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	15/11/1992	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10319	**TT**652	Nguyễn Thị Bông	29/09/1970	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10320	**TT**653	Ngô Thị Bích Hương	03/01/1992	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10321	**TT**654	Vũ Thị Khuyên	20/05/1975	Yên Bình	Thạch Thất	100	
10322	**TT**655	Kiều Thị Duyên	01/12/1972	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10323	**TT**656	Bùi Thị Minh	23/5/1972	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10324	**TT**657	Nguyễn Thị Huyền	06/05/1977	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10325	**TT**658	Quách Thị Chiến	10/12/1978	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10326	**TT**659	Quách Thị Sinh	01/04/1984	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10327	**TT**660	Lương Thị Minh Khuyên	19/9/1985	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10328	**TT**661	Nguyễn Thị Thu Hương	13/9/1989	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10329	**TT**662	Lê Thị Hồng Hiên	22/12/1972	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10330	**TT**663	Nguyễn Thị Khuyên	14/05/1992	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10331	**TT**664	Đinh Thị Lý	08/03/1980	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10332	**TT**665	Đinh Thị Quyên	28/04/1995	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10333	**TT**666	Đinh Thị Đào	03/02/1981	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10334	**TT**667	Đinh Thị Đằng	24/12/1986	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10335	**TT**668	Bùi Thị Phượng	22/06/1979	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10336	**TT**669	Đinh Thị Hải	12/02/1979	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10337	**TT**670	Nguyễn Thị Hân	21/09/1989	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10338	**TT**671	Nguyễn Thị Lệ Thu	08/03/1980	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10339	**TT**672	Nguyễn Thị Kim Cúc	13/9/1989	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10340	**TT**673	Lương Thị Phượng	01/05/1990	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10341	**TT**674	Bùi Thị Bích Ngọc	02/07/1988	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10342	**TT**675	Nguyễn Thị Thu Hồng	31/07/1971	Tiến Xuân	Thạch Thất	100	
10343	**TT**676	Đinh Thị Phương	20/01/1971	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10344	**TT**677	Đinh Thị Thúy Hường	13/10/1986	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10345	**TT**678	Đinh Thị Chinh	18/11/1985	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10346	**TT**679	Đinh Thị Tư Hiệp	07/05/1981	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10347	**TT**680	Hoàng Thị Yến	22/12/1984	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10348	**TT**681	Nguyễn Thị Nga	02/05/1989	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10349	**TT**682	Cấn Thị Hương Nhung	26/09/1980	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10350	**TT**683	Phùng Thị Hải Vân	23/01/1981	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10351	**TT**684	Hoàng Ánh Hồng	4/10/1980	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10352	**TT**685	Hoàng Thị Thoa	27/7/1977	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10353	**TT**686	Nguyễn Thị Bắc	12/02/1984	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10354	**TT**687	Nguyễn Thị Lan Anh	21/06/1989	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10355	**TT**688	Nguyễn Thị Bích Ngọc	26/02/1987	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10356	**TT**689	Hoàng Thị Liên	11/09/1986	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10357	**TT**690	Nguyễn Thị Lý	25/01/1988	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10358	**TT**691	Nguyễn Thị Hường	01/03/1992	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10359	**TT**692	Nguyễn Thị Mơ	16/03/1988	Yên Trung	Thạch Thất	100	
10360	***TA*** 001	Nguyễn Thị Hoa	12/14/1969	Bích Hòa	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10361	***TA*** 002	Phạm Hồng Liên	9/3/1973	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10362	***TA*** 003	Tào Thị Duyên	4/11/1987	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10363	***TA*** 004	Nguyễn Thị Vân Anh	3/28/1987	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10364	***TA*** 005	Đào Thị Thu Giang	7/20/1989	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10365	***TA*** 006	Nguyễn Minh Thiêm	8/2/1982	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10366	***TA*** 007	Nguyễn Thị Thanh Hòa	12/30/1991	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10367	***TA*** 008	Trần Thị Hà	10/29/1981	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10368	***TA*** 009	Nguyễn Thị Minh	12/20/1989	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10369	***TA*** 010	Nguyễn Thị Thơ	1/26/1979	Bích Hòa	Thanh Oai	100	
10370	***TA*** 011	Trần Thị Thuý Nga	1/17/1977	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10371	***TA*** 012	Bùi Thị Thu Hà	5/7/1983	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10372	***TA*** 013	Đinh Thị Lệ Xuân	1/4/1984	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10373	***TA*** 014	Nguyễn Thị Hương	4/7/1983	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10374	***TA*** 015	Nguyễn Phương Thanh	8/20/1984	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10375	***TA*** 016	Phạm Thị Hồng Chuyên	7/7/1987	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10376	***TA*** 017	Nguyễn Thị Phương Anh	1/13/1980	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10377	***TA*** 018	Lê Thị Thanh Nga	11/27/1979	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10378	***TA*** 019	Nguyễn Thị Nhung	25/11/1981	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10379	***TA*** 020	Nguyễn Thị Thảo	10/12/1985	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10380	***TA*** 021	Phạm Thị Thùy Linh	7/10/1988	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10381	***TA*** 022	Nguyễn Thị Hiền	8/13/1988	Bình Minh I	Thanh Oai	100	
10382	***TA*** 023	Lê Thị Tuyền	7/26/1983	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10383	***TA*** 024	Lê Thị Thanh Thuỳ	9/6/1980	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10384	***TA*** 025	Nhữ Thị Thuý	9/15/1983	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10385	***TA*** 026	Lý Lan Linh	4/27/1982	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10386	***TA*** 027	Lê Thị Hồng Nhung	4/6/1990	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10387	***TA*** 028	Vũ Hồng Tứ	9/10/1984	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10388	***TA*** 029	Bùi Minh Thuý	10/8/1983	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10389	***TA*** 030	Nguyễn Thị Bích Hạnh	1/3/1975	Bình Minh II	Thanh Oai	100	
10390	***TA*** 031	Phạm Thị Hoa	16/0/1979	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10391	***TA*** 032	Nguyễn Thị Mai Anh	17/07/1983	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10392	***TA*** 033	Nguyễn Thị Tươi	28/02/1981	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10393	***TA*** 034	Đặng Thị Liên Hoàn	11/12/1987	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10394	***TA*** 035	Nguyễn Thị Thùy	12/04/1990	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10395	***TA*** 036	Quách Thị Lan	11/01/1990	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10396	***TA*** 037	Nguyễn Thanh Hằng	22/07/1987	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10397	***TA*** 038	Nguyễn Thị Quyên	24/02/1986	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10398	***TA*** 039	Nguyễn Thị Thanh Hoa	04/08/1981	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10399	***TA*** 040	Ngô Thị Thủy	25/09/1987	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10400	***TA*** 041	Vũ Thị Thúy Ngân	04/12/1980	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10401	***TA*** 042	Vũ Thị Ngần	15/06/1992	Cao Dương	Thanh Oai	100	
10402	***TA*** 043	Nguyễn Thu Phương	06/06/1980	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10403	***TA*** 044	Vũ Thị Kim Thu	03/01/1985	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10404	***TA*** 045	Lê Hoàng Linh	07/11/1980	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10405	***TA*** 046	Đỗ Thị Thủy	20/07/1990	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10406	***TA*** 047	Đỗ Thị Thúy	04/09/1993	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10407	***TA*** 048	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/01/1973	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10408	***TA*** 049	Nguyễn Thị Vân	21/05/1988	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10409	***TA*** 050	Nguyễn Thị Thúy	01/11/1989	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10410	***TA*** 051	Nguyễn Thị Hằng	06/08/1991	Cao Dương II	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10411	***TA*** 052	Nguyễn Thị Hồng	21/10/1990	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10412	***TA*** 053	Nguyễn Thị Thu Hằng	21/01/1986	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10413	***TA*** 054	Vũ Thị Huyền	15/10/1992	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10414	***TA*** 055	Nguyễn Thị Thùy Dung	06/08/1991	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10415	***TA*** 056	Nguyễn Thị Ngọc	11/01/1993	Cao Dương II	Thanh Oai	100	
10416	***TA*** 057	Nguyễn Thị Thúy Nga	6/27/1983	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10417	***TA*** 058	Nguyễn Thị Hồng Nhung	8/16/1983	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10418	***TA*** 059	Vũ Thị Khuyên	9/20/1984	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10419	***TA*** 060	Nguyễn Thị Trang	3/19/1990	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10420	***TA*** 061	Đỗ Thị Xuân	12/21/1987	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10421	***TA*** 062	Nguyễn Thị Hường	2/5/1986	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10422	***TA*** 063	Nguyễn Thị Thu Nga	12/27/1992	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10423	***TA*** 064	Nguyễn Thị Thu Hà	8/10/1983	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10424	***TA*** 065	Nguyễn Thị Lâm	5/2/1983	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10425	***TA*** 066	Đào Thị Bích Thủy	11/9/1983	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10426	***TA*** 067	Đỗ Thị Hoa	1/28/1992	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10427	***TA*** 068	Vũ Thị Phương	6/26/1985	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10428	***TA*** 069	Vũ Thị Dung	11/19/1980	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10429	***TA*** 070	Nguyễn Thị Hồng	12/27/1994	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10430	***TA*** 071	Nguyễn Thị Nguyện	2/13/1990	Cao Viên	Thanh Oai	100	
10431	***TA*** 072	Nguyễn Thị Minh	5/12/1973	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10432	***TA*** 073	Nguyễn Thị Huệ	1/24/1968	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10433	***TA*** 074	Đỗ Thị Thanh Thủy	7/9/1979	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10434	***TA*** 075	Lê Thị Bích	2/10/1973	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10435	***TA*** 076	Nguyễn Thị Trinh	3/28/1983	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10436	***TA*** 077	Lê Thị Hằng	4/18/1976	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10437	***TA*** 078	Nguyễn Thị Hạnh	7/3/1987	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10438	***TA*** 079	Nguyễn Thị Hồng	2/2/1985	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10439	***TA*** 080	Lê Thị Hiên	11/25/1992	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10440	***TA*** 081	Phạm Thị Chiến	8/5/1985	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10441	***TA*** 082	Nguyễn Thị Thùy	11/12/1980	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10442	***TA*** 083	Nguyễn Thị Vân	11/13/1992	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10443	***TA*** 084	Nguyễn Thị Châm	9/23/1987	Cao Viên II	Thanh Oai	100	
10444	***TA*** 085	Lê Thị Quỳnh Trang	8/4/1977	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10445	***TA*** 086	Nguyễn Thị Nga	12/16/1981	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10446	***TA*** 087	Đỗ Thị Hạnh	9/18/1978	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10447	***TA*** 088	Lê Thị Minh Sáu	4/30/1980	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10448	***TA*** 089	Tạ Ngọc Diễm	11/20/1985	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10449	***TA*** 090	Lê Thị Liên	8/24/1990	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10450	***TA*** 091	Lê Thị Uyên	10/21/1979	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10451	***TA*** 092	Hoàng Thị Hoài	9/8/1982	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10452	***TA*** 093	Nguyễn Thị Mai	5/25/1993	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10453	***TA*** 094	Lâm Bảo Thoa	5/12/1993	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10454	***TA*** 095	Nguyễn Thu Trang	7/25/1993	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10455	***TA*** 096	Lâm Thị Hoài Thu	5/26/1990	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10456	***TA*** 097	Phạm Hà Cẩm Anh	12/16/1994	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10457	***TA*** 098	Hoàng Thị Mai	3/4/1991	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10458	***TA*** 099	Đào Thị Tiến	5/2/1984	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10459	***TA*** 100	Đặng Thị Thu Trang	12/7/1980	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10460	***TA*** 101	Đặng Thị Hiền	12/7/1978	Cự Khê	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10461	***TA*** 102	Nguyễn Thị Tuyết Nga	11/10/1987	Cự Khê	Thanh Oai	100	
10462	***TA*** 103	Nguyễn Thị Xuyến	15/03/1985	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10463	***TA*** 104	Trần Thị Phương Tú	02/01/1981	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10464	***TA*** 105	Phạm Thị Thu Hường	05/02/1987	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10465	***TA*** 106	Nguyễn Thị Thùy	12/06/1988	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10466	***TA*** 107	Nguyễn Thị Bích Giang	03/12/1988	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10467	***TA*** 108	Nguyễn Thị Hương	01/02/1985	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10468	***TA*** 109	Lê Thị Huế	24/04/1978	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10469	***TA*** 110	Mai Thị Út	24/08/1988	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10470	***TA*** 111	Trần Thị Mây	10/03/1987	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10471	***TA*** 112	Mai Thị Thảo	06/08/1983	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10472	***TA*** 113	Nguyễn Thị Minh Huệ	19/06/1973	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10473	***TA*** 114	Nguyễn Thị Đào	02/05/1986	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10474	***TA*** 115	Trần Thị Mai	13/05/1993	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10475	***TA*** 116	Nguyễn Thị Hiệp	08/12/1982	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10476	***TA*** 117	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	29/01/1984	Dân Hoà	Thanh Oai	100	
10477	***TA*** 118	Nguyễn Thị Thưởng	01/06/1977	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10478	***TA*** 119	Nguyễn Thúy Nga	10/03/1981	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10479	***TA*** 120	Nguyễn Thị Nhung	14/11/1983	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10480	***TA*** 121	Nguyễn Thị Thúy	25/03/1987	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10481	***TA*** 122	Nguyễn Thị Nghĩa	10/10/1987	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10482	***TA*** 123	Nguyễn Thị Thủy	16/12/1972	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10483	***TA*** 124	Nguyễn Thị Lan Phương	14/06/1977	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10484	***TA*** 125	Nguyễn Thị Hải	19/08/1974	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10485	***TA*** 126	Nguyễn Thị Phương	15/02/1986	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10486	***TA*** 127	Nguyễn Thị Hiền	24/06/1974	Đỗ Động	Thanh Oai	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp
10487	***TA*** 128	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/05/1980	Đỗ Động	Thanh Oai	100	
10488	***TA*** 129	Mai Thị Thanh Hảo	11/01/1975	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10489	***TA*** 130	Nguyễn Nguyệt Phương	21/09/1987	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10490	***TA*** 131	Đào Thị Thu Hình	06/08/1990	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10491	***TA*** 132	Nguyễn Thị Luyến	01/05/1989	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10492	***TA*** 133	Lê Thị Vui	14/02/1980	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10493	***TA*** 134	Lê Thị Quỳnh Trang	29/03/1981	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10494	***TA*** 135	Nguyễn Thị Nga	05/01/1990	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10495	***TA*** 136	Nguyễn Thị La	22/03/1982	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10496	***TA*** 137	Nguyễn Thị Lương	10/09/1990	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10497	***TA*** 138	Nguyễn Thị Thi	22/11/1991	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10498	***TA*** 139	Lê Hồng Ngọc	10/01/1993	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10499	***TA*** 140	Nguyễn Thị Sinh	09/01/1973	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10500	***TA*** 141	Nguyễn Thị Chuyền	16/10/1970	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10501	***TA*** 142	Nguyễn Thị Dân	01/02/1972	Hồng Dương	Thanh Oai	100	
10502	***TA*** 143	Nguyễn Thị Bình	10/21/1978	Kim An	Thanh Oai	100	
10503	***TA*** 144	Nguyễn Thị Quỳnh	4/10/1983	Kim An	Thanh Oai	100	
10504	***TA*** 145	Lê Thị Hòa	10/18/1982	Kim An	Thanh Oai	100	
10505	***TA*** 146	Nguyễn T. Hương Ly	7/7/1990	Kim An	Thanh Oai	100	
10506	***TA*** 147	Nguyễn Thị Nga	4/10/1983	Kim An	Thanh Oai	100	
10507	***TA*** 148	Quách Thị Quyến	3/8/1988	Kim An	Thanh Oai	100	
10508	***TA*** 149	Nguyễn Thị Phượng	4/4/1992	Kim An	Thanh Oai	100	
10509	***TA*** 150	Lê Thị Lan	3/3/1991	Kim An	Thanh Oai	100	
10510	***TA*** 151	Nguyễn Thị Tuyền	11/29/1990	Kim An	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10511	***TA*** 152	Nguyễn Thị Hương	5/15/1982	Kim An	Thanh Oai	100	
10512	***TA*** 153	Đào Thị Năm	14/9/1976	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10513	***TA*** 154	Lê Thị Ngà	25/6/1985	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10514	***TA*** 155	Lê Thị Thoa	10/2/1991	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10515	***TA*** 156	Nguyễn Thị Phượng	20/5/1989	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10516	***TA*** 157	Nguyễn Thị Hoài Phương	4/2/1985	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10517	***TA*** 158	Nguyễn Thị Thủy	28/11/1979	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10518	***TA*** 159	Lê Thị Hương	4/30/1984	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10519	***TA*** 160	Lê Thị Thúy	4/4/1991	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10520	***TA*** 161	Vũ Thị Kim Quyết	30/8/1984	Kim Thư	Thanh Oai	100	
10521	***TA*** 162	Hoàng Thị Nhàn	10/07/1972	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10522	***TA*** 163	Dương Thị Nở	20/04/1973	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10523	***TA*** 164	Đào Thị Bích Vân	06/09/1976	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10524	***TA*** 165	Hoàng Thị Thoa	20/11/1986	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10525	***TA*** 166	Dư Thị Lương	22/10/1982	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10526	***TA*** 167	Nguyễn Thị Thuyết	25/06/1987	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10527	***TA*** 168	Nguyễn Thị Huế	02/12/1988	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10528	***TA*** 169	Nguyễn Thị Thúy	09/07/1988	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10529	***TA*** 170	Đào Thị Phương	15/07/1984	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10530	***TA*** 171	Đỗ Thị Ánh Tuyết	29/10/1984	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10531	***TA*** 172	Nguyễn Thị Mai Lương	25/04/1992	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10532	***TA*** 173	Nguyễn Thị Dung	11/07/1985	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10533	***TA*** 174	Nguyễn Thị Sinh	15/12/1992	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10534	***TA*** 175	Trịnh Thị Dung	02/05/1986	Liên Châu	Thanh Oai	100	
10535	***TA*** 176	Nguyễn Thị Tú Uyên	9/30/1973	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10536	***TA*** 177	Đào Thị Thúy	2/19/1979	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10537	***TA*** 178	Kiều Thị Hằng	2/2/1982	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10538	***TA*** 179	Nguyễn Thị Thúy	11/11/1981	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10539	***TA*** 180	Hoàng Thị Thi	10/24/1985	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10540	***TA*** 181	Phạm Thị Hương	3/9/1980	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10541	***TA*** 182	Ngô Thị Nga	6/6/1985	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10542	***TA*** 183	Lê Thị Thanh Yên	6/28/1986	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10543	***TA*** 184	Phạm Thị Duyên	7/23/1987	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10544	***TA*** 185	Phạm Thị Như Ngọc	11/7/1990	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10545	***TA*** 186	Tạ Thị Dương	5/17/1990	Mỹ Hưng	Thanh Oai	100	
10546	***TA*** 187	Nguyễn Thị Thu	3/19/1983	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10547	***TA*** 188	Nguyễn Thị Hoà	6/28/1976	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10548	***TA*** 189	Hoàng Thị Nga	8/14/1985	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10549	***TA*** 190	Lê Thị Nga	8/6/1976	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10550	***TA*** 191	Lê Kim Hiền	5/1/1988	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10551	***TA*** 192	Phạm Thị Dung	4/20/1986	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10552	***TA*** 193	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8/16/1987	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10553	***TA*** 194	Phạm Thị Thu Hà	5/2/1989	Phương Trung I	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10554	***TA*** 195	Lê Thị Dung	8/25/1986	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10555	***TA*** 196	Lê Thị Thuỷ	11/25/1982	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10556	***TA*** 197	Phạm Thị Phương	8/9/1992	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10557	***TA*** 198	Lê Kim Anh	8/26/1991	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10558	***TA*** 199	Phạm Thị Thanh Thuỷ	8/2/1984	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10559	***TA*** 200	Nguyễn Thị Hoa	1/2/1981	Phương Trung I	Thanh Oai	100	
10560	***TA*** 201	Nguyễn Thị Hà	20/07/1984	Phương Trung II	Thanh Oai	95	Không có bản ĐG VC năm học 2021-2022
10561	***TA*** 202	Lê Thị Thắm	29/08/1987	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10562	***TA*** 203	Lê Thị Huyền Trang	23/02/1987	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10563	***TA*** 204	Đào Phương Châm	06/07/1987	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10564	***TA*** 205	Hoàng Thị Học	29/12/1986	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10565	***TA*** 206	Nguyễn Thị Hiền	06/02/1991	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10566	***TA*** 207	Lê Thị Tươi	08/10/1990	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10567	***TA*** 208	Phạm Thị Huệ	12/02/1973	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10568	***TA*** 209	Nguyễn Thị Thảo	06/02/1988	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10569	***TA*** 210	Lê Thị Loan	19/08/1984	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10570	***TA*** 211	Nguyễn Thị Thu	26/11/1985	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10571	***TA*** 212	Hoàng Thị Là	10/03/1984	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10572	***TA*** 213	Lê Thị Tuyền	25/06/1991	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10573	***TA*** 214	Lê Minh Phương	29/05/1990	Phương Trung II	Thanh Oai	100	
10574	***TA*** 215	Nhữ Thị Thủy	17/01/1971	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10575	***TA*** 216	Lê Thị Hoan	19/04/1972	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10576	***TA*** 217	Nguyễn Thị Liên	03/07/1972	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10577	***TA*** 218	Phạm Thị Hường	11/05/1988	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10578	***TA*** 219	Trần Thị Hà	28/10/1987	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10579	***TA*** 220	Phạm Thị Nhung	01/03/1978	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10580	***TA*** 221	Bùi Thị Ngọc	20/06/1982	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10581	***TA*** 222	Nguyễn Thị Văn	8/31/1985	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10582	***TA*** 223	Lê Hồng Thúy	30/10/1991	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10583	***TA*** 224	Bùi Thị Hiền	27/10/1969	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10584	***TA*** 225	Đỗ Thị Hồng Vân	30/07/1974	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10585	***TA*** 226	Lê Thị Hảo	13/12/1972	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10586	***TA*** 227	Nguyễn Thị Thoa	23/05/1972	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10587	***TA*** 228	Tào Thị Hiền	12/07/1984	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10588	***TA*** 229	Ngô Thị Hạnh	22/05/1990	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10589	***TA*** 230	Tào Thị Hoa	06/07/1988	Tam Hưng A	Thanh Oai	100	
10590	***TA*** 231	Nguyễn Thị Nguyệt	29/12/1979	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10591	***TA*** 232	Nguyễn Thị Chuyên	08/10/1983	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10592	***TA*** 233	Nguyễn Thị Mai	02/3/1982	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10593	***TA*** 234	Đào Thùy Hương	06/02/1983	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10594	***TA*** 235	Tào Thị Hằng	14/9/1985	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10595	***TA*** 236	Nguyễn Ngọc Huệ	27/6/1985	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10596	***TA*** 237	Lê Thị Vân Anh	29/01/1981	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10597	***TA*** 238	Đặng Thị Son	10/6/1979	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10598	***TA*** 239	Nguyễn Thị Mai Vinh	07/11/1986	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10599	***TA*** 240	Đỗ Thị Thắm	29/3/1984	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10600	***TA*** 241	Dương Thị Thủy Ngân	30/5/1979	Tam Hưng B	Thanh Oai	100	
10601	***TA*** 242	Nguyễn Thị Hường	6/23/1974	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10602	***TA*** 243	Lê Thị Hường	9/29/1971	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10603	***TA*** 244	Vũ Thị Phương Huyên	7/20/1985	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10604	***TA*** 245	Nguyễn Thị Anh Huyền	5/25/1982	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10605	***TA*** 246	Nguyễn Thị Huyền	10/6/1988	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10606	***TA*** 247	Nguyễn Thị Lệ	1/2/1980	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10607	***TA*** 248	Nguyễn Hải Hà	8/10/1987	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10608	***TA*** 249	Vũ Thị Thu Hà	8/12/1979	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10609	***TA*** 250	Đào Thị Mai Lan	10/18/1989	Tân Ước	Thanh Oai	100	
10610	***TA*** 251	Nguyễn Thị Hoa	2/5/1980	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10611	***TA*** 252	Lã Thị Hải	10/21/1982	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10612	***TA*** 253	Đỗ Thị Nhung	12/10/1984	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10613	***TA*** 254	Đoàn Thị Chinh	2/15/1994	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10614	***TA*** 255	Nguyễn Thị Loan	6/13/1986	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10615	***TA*** 256	Đỗ Thị Hồng Gấm	10/10/1988	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10616	***TA*** 257	Nguyễn Thị Thanh Thúy	4/20/1979	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10617	***TA*** 258	Nguyễn Phương Huyền	4/8/1990	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10618	***TA*** 259	Lê Thị Hướng	12/6/1983	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10619	***TA*** 260	Trần Thị Thảo	4/13/1980	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10620	***TA*** 261	Lê Thị Yến	3/17/1990	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10621	***TA*** 262	Lê Thị Thùy Trang	7/24/1994	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10622	***TA*** 263	Lý Thị Duyên	9/29/1994	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10623	***TA*** 264	Trương Thị Hậu	6/7/1985	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10624	***TA*** 265	Đỗ Thị Thu Huyền	10/20/1986	Thanh Cao	Thanh Oai	100	
10625	***TA*** 266	Hồng Hạnh	25/8/1972	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10626	***TA*** 267	Lê Thị Phương Anh	12/11/1987	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10627	***TA*** 268	Nguyễn Thị Hiên	10/8/1979	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10628	***TA*** 269	Nguyễn Thị Đức Hạnh	20/9/1986	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10629	***TA*** 270	Nguyễn Thị Kim Tuyến	12/7/1972	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10630	***TA*** 271	Trần Thị Hảo	12/8/1972	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10631	***TA*** 272	Hà Thị Luyến	25/6/1990	Thanh Mai	Thanh Oai	90	Không có nội dung nhận xét, đánh giá về việc chủ động tổ chức và phối hợp kịp thời với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em
10632	***TA*** 273	Tạ Thị Kim Ngân	09/9/1985	Thanh Mai	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10633	***TA*** 274	Bùi Thị Thái	21/8/1984	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10634	***TA*** 275	Phạm Kim Nhung	23/4/1989	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10635	***TA*** 276	Chu Thị Huyền	23/11/1987	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10636	***TA*** 277	Nguyễn Thị Thanh Hoa	09/6/1994	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10637	***TA*** 278	Vũ Thị Hồng Hạnh	08/8/1994	Thanh Mai	Thanh Oai	100	
10638	***TA*** 279	Nguyễn Thị Tuyến	18/5/1975	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10639	***TA*** 280	Vũ Thị Thanh Phúc	8/12/1978	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10640	***TA*** 281	Nguyễn Thị Lan	10/9/1982	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10641	***TA*** 282	Chu Thị Hiền	15/7/1986	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10642	***TA*** 283	Bùi Thu Hằng	11/23/1991	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10643	***TA*** 284	Lê Thị Sâm	8/5/1982	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10644	***TA*** 285	Nguyễn Thị Thu	2/9/1994	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10645	***TA*** 286	Vũ Thị Bao La	3/2/1985	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10646	***TA*** 287	Nguyễn Hải Yến	13/7/1979	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10647	***TA*** 288	Lê Thị Hoa	23/1/1986	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10648	***TA*** 289	Trương Thị Triều	1/29/1993	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10649	***TA*** 290	Nguyễn Thị Ngọc	3/7/1982	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10650	***TA*** 291	Đào Thị Hoa	11/20/1979	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10651	***TA*** 292	Hoàng Thị Toan	5/3/1984	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10652	***TA*** 293	Ngô Thị Thùy Trang	25/5/1990	Thanh Thùy	Thanh Oai	100	
10653	***TA*** 294	Nguyễn Thị Nghĩa	9/15/1968	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10654	***TA*** 295	Nguyễn Thị Nữ	1/13/1983	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10655	***TA*** 296	Nguyễn Thị Hà Ngân	11/26/1993	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10656	***TA*** 297	Quang Thị Chính	6/12/1982	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10657	***TA*** 298	Hoàng Thị Kim Phương	7/17/1969	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10658	***TA*** 299	Trương Thị Lan Anh	10/24/1971	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10659	***TA*** 300	Nguyễn Thị Huê	11/26/1980	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10660	***TA*** 301	Phạm Thị Hằng	9/8/1983	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10661	***TA*** 302	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2/12/1987	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10662	***TA*** 303	Nguyễn Thị Lan Anh	2/16/1989	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10663	***TA*** 304	Trương Thị Hợp	4/28/1983	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10664	***TA*** 305	Vương Thị Tâm	10/20/1992	Thanh Văn	Thanh Oai	90	Bằng Đại học là bản photo và không chứng thực
10665	***TA*** 306	Đỗ Thị Huyền	2/12/1980	Thanh Văn	Thanh Oai	100	
10666	***TA*** 307	Nguyễn Thị Lan Phương	25/05/1971	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10667	***TA*** 308	Vũ Thị Thuận	14/06/1978	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10668	***TA*** 309	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/07/1987	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10669	***TA*** 310	Bùi Phương Thảo	21/06/1992	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10670	***TA*** 311	Nguyễn Bích Ngọc	17/06/1992	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10671	***TA*** 312	Hà Thị Hường	18/12/1988	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10672	***TA*** 313	Phạm Thị Thu Trang	02/10/1986	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10673	***TA*** 314	Nhữ Thị Hường	21/10/1992	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10674	***TA*** 315	Ngô Thị Lường	22/08/1984	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10675	***TA*** 316	Nguyễn Thị Lan	06/03/1987	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10676	***TA*** 317	Lê Thị Hoài Phương	18/08/1987	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10677	***TA*** 318	Trương Thị Dung	07/09/1989	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10678	***TA*** 319	Trần Thị Nhung	03/01/1989	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10679	***TA*** 320	Nguyễn Thị Ảnh	28/08/1984	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10680	***TA*** 321	Nguyễn Thị Chình	16/06/1972	TTr Kim Bài	Thanh Oai	100	
10681	***TA*** 322	Nguyễn Thị Anh	08/03/1968	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10682	***TA*** 323	Nguyễn Thị Hạnh	23/09/1971	Xuân Dương	Thanh Oai	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10683	***TA*** 324	Đỗ Thị Sen	28/07/1973	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10684	***TA*** 325	Ngô Thị Phương Quý	17/02/1981	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10685	***TA*** 326	Nguyễn Thị Hiền	10/10/1971	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10686	***TA*** 327	Nguyễn Thị Vân Anh	18/09/1984	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10687	***TA*** 328	Nguyễn Thị Na	11/11/1986	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10688	***TA*** 329	Nguyễn Thị Xuân	10/11/1979	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10689	***TA*** 330	Lê Thị Thu Hoa	09/10/1988	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10690	***TA*** 331	Phùng Thị Ánh Tuyết	05/09/1990	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10691	***TA*** 332	Vũ Thị Loan	21/12/1970	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10692	***TA*** 333	Phan Thị Ngọc	28/05/1994	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10693	***TA*** 334	Hoàng Thị Lệ Thu	04/09/1987	Xuân Dương	Thanh Oai	100	
10694	**TR**001	Trần Thị Hải Yến	18/04/1970	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10695	**TR**002	Bùi Tuyết Mai	03/03/1979	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10696	**TR**003	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/12/1981	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10697	**TR**004	Nguyễn Thị Thuý	10/10/1991	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10698	**TR**005	Phạm Thị Huyền Trang	05/10/1989	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10699	**TR**006	Nguyễn Thị Định	06/09/1992	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10700	**TR**007	Trần Thị Hồng Thuý	20/03/1984	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10701	**TR**008	Phạm Thị Xiêm	19/11/1994	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10702	**TR**009	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	22/12/1981	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10703	**TR**010	Lê Thị Lệ Thuý	20/06/1982	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10704	**TR**011	Nguyễn Thị Dung	01/05/1982	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10705	**TR**012	Nguyễn Thị Dung	21/01/1987	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10706	**TR**013	Nguyễn Thị Huyền	6/21/1992	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10707	**TR**014	Nguyễn Thị Bình	11/7/1984	Ngũ hiệp B	Thanh Trì	100	
10708	**TR**015	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/27/1976	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10709	**TR**016	Vũ Thị Thùy Liên	8/11/1981	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10710	**TR**017	Nguyễn Thu Huyền	2/2/1983	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10711	**TR**018	Phạm Thị Thanh Thủy	5/12/1975	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10712	**TR**019	Trương Thị Thản	11/26/1982	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10713	**TR**020	Nguyễn Thị Thu Mai	12/31/1980	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10714	**TR**021	Vũ Hồng Hạnh	2/7/1987	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10715	**TR**022	Trần Thị Thúy	1/12/1982	Yên Ngưu	Thanh Trì	100	
10716	**TR**023	Nguyễn Thị Thuý	6/6/1974	Ngọc Hồi B	Thanh Trì	100	
10717	**TR**024	Nguyễn Thị Phương Loan	1/3/1971	Ngọc Hồi B	Thanh Trì	100	
10718	**TR**025	Trần Kim Phương	4/3/1976	Ngọc Hồi B	Thanh Trì	100	
10719	**TR**026	Khúc Thị Bích Ngọc	9/2/1984	Ngọc Hồi B	Thanh Trì	100	
10720	**TR**027	Lã Thị Mai Phương	5/10/1990	Ngọc Hồi B	Thanh Trì	100	
10721	**TR**028	Dương Thị Thanh Thuỷ	11/19/1983	Ngọc Hồi B	Thanh Trì	100	
10722	**TR**029	Lê Kim Ngân	10/11/1981	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10723	**TR**030	Nguyễn Thu Hà	19/10/1976	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10724	**TR**031	Trần Thị Hạnh	01/09/1985	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10725	**TR**032	Vũ Thị Thơm	10/07/1982	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10726	**TR**033	Phạm Thị Liên	11/06/1992	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10727	**TR**034	Trần Thị Thu Hiền	24/05/1982	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10728	**TR**035	Lưu Thị Thuý Nga	04/05/1990	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10729	**TR**036	Đỗ Như Huê	05/05/1988	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10730	**TR**037	Nguyễn Thị Bích Ngọc	26/07/1993	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10731	**TR**038	Tạ Thị Hồng Thuý	23/10/1983	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10732	**TR**039	Lục Thu Hà	06/01/1986	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10733	**TR**040	Đặng Thị Kim Ngân	23/01/1993	Ngũ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10734	**TR**041	Trần Mai Phương	11/2/1983	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10735	**TR**042	Nguyễn Thị Thu Hằng	7/17/1984	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10736	**TR**043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3/14/1983	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10737	**TR**044	Đỗ Minh Thu	12/1/1981	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10738	**TR**045	Nguyễn Thị Thu Linh	11/4/1991	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10739	**TR**046	Hoàng Thị Thu Hà	4/13/1987	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10740	**TR**047	Vũ Thị Mai Anh	11/28/1982	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10741	**TR**048	Nguyễn Thị Thưởng	6/8/1988	Liên Ninh B	Thanh Trì	100	
10742	**TR**049	Nguyễn Thị Thu Huyền	01/08/1973	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10743	**TR**050	Nguyễn Thị Hoa	27/11/1979	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10744	**TR**051	Nguyễn Thị Uyên	04/05/1981	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10745	**TR**052	Nguyễn Thị Hiền	05/05/1990	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10746	**TR**053	Nguyễn Thị Lan	25/07/1985	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10747	**TR**054	Đoàn Thị Phương Thảo	04/08/1985	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10748	**TR**055	Lê Thị Hằng	26/10/1988	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10749	**TR**056	Đinh Thị Lành	12/11/1983	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10750	**TR**057	Nguyễn Thị Thuý	20/03/1989	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10751	**TR**058	Tưởng Thị Quế	21/04/1989	Hữu Hoà	Thanh Trì	100	
10752	**TR**059	Trương Thị Ngọc Chinh	10/03/1987	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10753	**TR**060	Nguyễn Thị Mai	22/02/1971	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10754	**TR**061	Đoàn Thị Thu Hương	03/03/1981	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10755	**TR**062	Phùng Thị Thu Hường	27/06/1988	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10756	**TR**063	Nguyễn Thị Lý	25/10/1991	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10757	**TR**064	Trương Thị Tố Nga	15/03/1986	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10758	**TR**065	Nguyễn Ngọc Hà	13/10/1991	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10759	**TR**066	Nguyễn Thị Huế	21/09/1986	Đông Mỹ B	Thanh Trì	100	
10760	**TR**067	Phạm Thu Hương	10/31/1976	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10761	**TR**068	Nguyễn Thị Đông	9/1/1982	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10762	**TR**069	Lê Thị Kiều Trang	12/23/1989	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10763	**TR**070	Vũ Thị Thu Hường	7/19/1988	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10764	**TR**071	Trịnh Thị Loan	2/10/1983	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10765	**TR**072	Vũ Thị Hạnh	4/5/1991	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10766	**TR**073	Nguyễn Hồng Phượng	6/20/1988	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10767	**TR**074	Nguyễn Thu Hương	6/5/1990	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10768	**TR**075	Hoàng Thị Thu Phương	10/29/1985	Thanh Liệt A	Thanh Trì	100	
10769	**TR**076	An Thị Bích Đào	2/14/1982	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10770	**TR**077	Nguyễn Thị Bích Điệp	12/31/1982	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10771	**TR**078	Hoàng Thị Thanh Hà	9/13/1986	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10772	**TR**079	Nguyễn Thị Giang	5/20/1989	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10773	**TR**080	Trần Thị Thảo	4/10/1980	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10774	**TR**081	Phạm Thị Nhíp	7/27/1990	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10775	**TR**082	Nguyễn Thị Thanh Minh	1/4/1990	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10776	**TR**083	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	8/26/1985	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10777	**TR**084	Nguyễn Minh Chuyên	2/5/1983	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10778	**TR**085	Nguyễn Thị Loạt	7/2/1981	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10779	**TR**086	Đàm Thị Phượng	6/30/1993	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10780	**TR**087	Nguyễn Thị Thoa	8/29/1984	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10781	**TR**088	Đỗ Thị Thảo	7/13/1988	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	
10782	**TR**089	Nguyễn Thị Hà	3/26/1990	Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10783	**TR**090	Phạm Thị Thúy Linh	4/15/1983	TTr Văn Điển C	Thanh Trì	100	
10784	**TR**091	Vũ Thị Ánh Sao	3/17/1984	TTr Văn Điển C	Thanh Trì	100	
10785	**TR**092	Nguyễn Thị Thanh Huyền	6/3/1981	TTr Văn Điển C	Thanh Trì	100	
10786	**TR**093	Bùi Lê Thu Hà	12/5/1981	TTr Văn Điển C	Thanh Trì	100	
10787	**TR**094	Nguyễn Thị Hồng	8/23/1980	TTr Văn Điển C	Thanh Trì	100	
10788	**TR**095	Nguyễn Thị Thu Hà	22/6/1977	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10789	**TR**096	Nguyễn Thư Dung	05/4/1983	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10790	**TR**097	Nguyễn Thị Tuệ	07/11/1977	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10791	**TR**098	Đinh Thị Hiền	18/12/1987	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10792	**TR**099	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/9/1984	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10793	**TR**100	Nguyễn Thị Kim Ngát	21/10/1982	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10794	**TR**101	Phạm Thị Kim Thư	11/7/1984	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10795	**TR**102	Nguyễn Thị Mây	12/7/1985	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10796	**TR**103	Vũ Thị Chang	24/11/1992	Ngọc Hồi A	Thanh Trì	100	
10797	**TR**104	Đặng Thị Thanh Liêm	16/11/1973	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10798	**TR**105	Nguyễn Thị Hoàn	14/03/1972	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10799	**TR**106	Nguyễn Thị Ngọc Lan	22/09/1979	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10800	**TR**107	Nguyễn Thu Hương	14/05/1990	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10801	**TR**108	Đoàn Thị Hoa	12/06/1990	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10802	**TR**109	Ngô Thị Minh Phương	09/09/1993	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10803	**TR**110	Đặng Thị Mai Anh	17/04/1990	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10804	**TR**111	Trần Thị Mai Hương	30/07/1981	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10805	**TR**112	Nguyễn Lan Phương	10/12/1991	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10806	**TR**113	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/08/1990	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10807	**TR**114	Nguyễn Thị Kiều Trang	18/08/1991	Thanh Liệt B	Thanh Trì	100	
10808	**TR**115	Nguyễn Thu Hường	27/09/1977	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10809	**TR**116	Nguyễn Thị Hồng Măng	02/9/1974	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10810	**TR**117	Trần Huyền Trang	13/10/1988	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10811	**TR**118	Trần Thị Tuyết Nhung	20/02/1976	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10812	**TR**119	Đặng Bích Phượng	10/11/1989	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10813	**TR**120	Hoàng Thị Ngọc Ánh	31/07/1992	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10814	**TR**121	Nguyễn Thu Hà	01/09/1989	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10815	**TR**122	Nguyễn Thanh Huyền	28/12/1982	Yên Mỹ	Thanh Trì	100	
10816	**TR**123	Nguyễn Thuý Mai	10/12/1982	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10817	**TR**124	Nguyễn Thị Hoa	30/05/1977	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10818	**TR**125	Trịnh Thị Kiều Dung	01/11/1980	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10819	**TR**126	Vũ Thị Kim Vân	05/05/1974	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10820	**TR**127	Võ Thị Hồng Minh	01/12/1979	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10821	**TR**128	Nguyễn Thị Thuý	30/11/1983	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10822	**TR**129	Giang Thị Nguyệt Ánh	25/12/1986	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10823	**TR**130	Hoàng Thị Xuân	02/08/1990	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10824	**TR**131	Nguyễn Thị Mai Thanh	23/12/1991	Triều Khúc	Thanh Trì	100	
10825	**TR**132	Nguyễn Thị Thêm	09/05/1977	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10826	**TR**133	Nguyễn Thị Tuyết	28/10/1980	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10827	**TR**134	Đỗ Thị Hà	02/11/1987	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10828	**TR**135	Giang Thị Thu Hà	20/03/1984	Yên Xá	Thanh Trì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10829	**TR**136	Trần Thị Thuý Hà	24/10/1988	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10830	**TR**137	Nguyễn Thị Tuyên	12/01/1985	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10831	**TR**138	Nguyễn Thị Bích Ngân	17/07/1978	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10832	**TR**139	Phạm Thị Kim Chung	10/12/1982	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10833	**TR**140	Hoàng Lệ Thu	01/09/1984	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10834	**TR**141	Cung Nữ Thanh Hoa	26/08/1982	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10835	**TR**142	Phạm Thị Xuân	14/04/1986	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10836	**TR**143	Nguyễn Thị Thu Trang	27/11/1989	Yên Xá	Thanh Trì	100	
10837	**TR**144	Lê Thị Lệ Mỹ	28/07/1979	Tứ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10838	**TR**145	Nguyễn Thị Hà	31/12/1977	Tứ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10839	**TR**146	Đặng Thị Thu Hạnh	27/03/1978	Tứ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10840	**TR**147	Nguyễn Thị Trang	26/09/1984	Tứ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10841	**TR**148	Nguyễn Thị Kim Chi	27/10/1988	Tứ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10842	**TR**149	Trương Thị Thúy Hằng	14/03/1985	Tứ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10843	**TR**150	Nguyễn Thanh Huyền	07/08/1990	Tứ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10844	**TR**151	Phạm Thuý Hạnh	30/10/1979	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10845	**TR**152	Nguyễn Thị Hải Yến	09/02/1983	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10846	**TR**153	Lưu Hải Yến	29/01/1985	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10847	**TR**154	Trương Thị Phương Liên	16/8/1987	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10848	**TR**155	Nguyễn Thị Yến	22/3/1990	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10849	**TR**156	Bùi Thị Kết	18/02/1987	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10850	**TR**157	Nguyễn Thị Thanh Tuấn	06/01/1987	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10851	**TR**158	Nguyễn Thị Hải	21/9/1986	Tứ Hiệp C	Thanh Trì	100	
10852	**TR**159	Khúc Thị Thu Trang	12/21/1978	Đông Mỹ A	Thanh Trì	100	
10853	**TR**160	Nguyễn Thị Hường	7/10/1986	Đông Mỹ A	Thanh Trì	100	
10854	**TR**161	Phạm Thị Thơm	8/10/1986	Đông Mỹ A	Thanh Trì	100	
10855	**TR**162	Nguyễn Thị Xuyến	8/23/1979	Đông Mỹ A	Thanh Trì	100	
10856	**TR**163	Kim Thị Phương	12/15/1982	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10857	**TR**164	Nguyễn Thị Ngọc Vân	8/11/1984	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10858	**TR**165	Phạm Thị Phúc	5/29/1971	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10859	**TR**166	Trần Thị Thùy Trang	11/1/1980	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10860	**TR**167	Nguyễn Thị Phúc	11/27/1985	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10861	**TR**168	Lê Thị Hà Giang	9/10/1983	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10862	**TR**169	Nguyễn Thị Phương Trang	12/28/1979	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10863	**TR**170	Nguyễn Thị Thu Hằng	5/21/1977	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10864	**TR**171	Nguyễn Thị Hoa	2/27/1986	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10865	**TR**172	Nguyễn Thị Bích Hạnh	12/2/1985	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10866	**TR**173	Hoàng Thị Diệp	9/16/1989	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10867	**TR**174	Chử Thị Bảo Ngọc	9/27/1978	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10868	**TR**175	Trần Thị Ánh Tuyết	8/15/1975	Đại Áng	Thanh Trì	100	
10869	**TR**176	Trần Thị Thu Trang	8/18/1980	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10870	**TR**177	Nguyễn Thu Huyền	3/27/1983	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10871	**TR**178	Phạm Thị Tuyết	11/5/1984	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10872	**TR**179	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	5/9/1983	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10873	**TR**180	Chử Thanh Nga	5/23/1991	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10874	**TR**181	Thái Thị Thanh Thúy	9/4/1983	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10875	**TR**182	Nguyễn Thị Hồng Anh	9/2/1982	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10876	**TR**183	Trần Thị Hồng Vân	11/7/1984	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10877	**TR**184	Hoàng Thị Hồng Hạnh	7/14/1983	TTr Văn Điển B	Thanh Trì	100	
10878	**TR**185	Phan Thị Ngọc	9/27/1982	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10879	**TR**186	Nguyễn Thị Tình	7/13/1984	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10880	**TR**187	Lê Thị Thanh Hoà	5/3/1979	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10881	**TR**188	Nguyễn Thanh Sử	8/28/1986	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10882	**TR**189	Trần Thuỳ Trang	11/27/1984	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10883	**TR**190	Trịnh Thị Nụ	6/13/1990	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10884	**TR**191	Nguyễn Thị Hằng	11/8/1980	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10885	**TR**192	Đoàn Kim Nhung	12/6/1992	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10886	**TR**193	Nguyễn Thị Hải Hường	7/16/1983	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10887	**TR**194	Tưởng Thị Kim Chi	6/29/1986	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10888	**TR**195	Lê Thị Huệ	2/5/1984	Tả Thanh Oai B	Thanh Trì	100	
10889	**TR**196	Nguyễn Thanh Hương	2/24/1979	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10890	**TR**197	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	10/26/1976	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10891	**TR**198	Trần Thị Minh Hiếu	2/6/1985	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10892	**TR**199	Vũ Thị Loan	10/24/1983	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10893	**TR**200	Nguyễn Thị Thập	12/8/1986	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10894	**TR**201	Nguyễn Thị Phương	2/4/1986	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10895	**TR**202	Nguyễn Thị Thu	2/20/1988	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10896	**TR**203	Nguyễn Thị Bích Thảo	4/16/1978	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10897	**TR**204	Lê Thanh Loan	6/5/1986	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10898	**TR**205	Dương Thị Tuyết Chinh	10/28/1984	Quỳnh Đô	Thanh Trì	100	
10899	**TR**206	Trần Thị Thu Hiền	10/17/1982	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10900	**TR**207	Nguyễn Thị Nga	7/4/1972	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10901	**TR**208	Đào Thị Huế	11/11/1989	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10902	**TR**209	Lã Thị Xuân	4/1/1985	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10903	**TR**210	Lã Thị Phương Liễu	6/5/1985	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10904	**TR**211	Nguyễn Thị Thanh Hoa	4/26/1987	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10905	**TR**212	Trần Thị Liên	2/15/1982	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10906	**TR**213	Lã Thị Minh Xuyến	10/27/1971	Vạn Phúc B	Thanh Trì	100	
10907	**TR**214	Trương Thị Thu Huyền	9/23/1977	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10908	**TR**215	Nguyễn Thị Thanh Lý	6/15/1976	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10909	**TR**216	Cao Thị Thúy Nga	10/1/1980	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10910	**TR**217	Phạm Thị Thanh Tứ	4/10/1977	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10911	**TR**218	Nguyễn Thị Bình Nguyên	8/27/1982	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10912	**TR**219	Trần Thị Kim Ngân	12/15/1989	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10913	**TR**220	Nguyễn Thị Thúy	5/11/1987	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10914	**TR**221	Đặng Thị Ngọc Mơ	6/2/1988	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10915	**TR**222	Nguyễn Thị Hoa	6/9/1986	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10916	**TR**223	Đỗ Thị Bích Liên	8/6/1988	Tứ Hiệp A	Thanh Trì	100	
10917	**TR**224	Đỗ Mai Phượng	9/17/1973	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10918	**TR**225	Đặng Thị Liên	7/2/1984	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10919	**TR**226	Nguyễn Thị Minh Hải	6/5/1983	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10920	**TR**227	Phan Thị Thanh Vân	6/5/1980	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10921	**TR**228	Nguyễn Thị Hồng Lệ	5/4/1991	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10922	**TR**229	Nguyễn Thanh Mai	7/18/1991	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10923	**TR**230	Bùi Thị Thuỳ Dung	2/17/1985	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10924	**TR**231	Nguyễn Thị Thu Trang	1/15/1993	Vạn Phúc A	Thanh Trì	100	
10925	**TR**232	Trần Thị Hải	11/10/1975	Tả Thanh Oai A	Thanh Trì	100	
10926	**TR**233	Nguyễn Thị Lan	20/5/1985	Tả Thanh Oai A	Thanh Trì	100	
10927	**TR**234	Hoàng Thị Khánh Ly	18/01/1983	Tả Thanh Oai A	Thanh Trì	100	
10928	**TR**235	Trần Thị Hà	23/10/1990	Tả Thanh Oai A	Thanh Trì	100	
10929	**TR**236	Nguyễn Thị Thanh Hoa	19/7/1982	Tả Thanh Oai A	Thanh Trì	100	
10930	**TR**237	Đàm Thu Hường	07/01/1993	Tả Thanh Oai A	Thanh Trì	100	
10931	**TR**238	Nguyễn Thị Thơm	24/10/1987	Tả Thanh Oai A	Thanh Trì	100	
10932	**TR**239	Triệu Thị Kim Ngọc	10/24/1982	TTr Văn Điển A	Thanh Trì	100	
10933	**TR**240	Dương Thị Ngọc	10/11/1986	TTr Văn Điển A	Thanh Trì	100	
10934	**TR**241	Trần Thị Thanh Tâm	7/13/1983	TTr Văn Điển A	Thanh Trì	100	
10935	**TR**242	Phùng Ngọc Lan	3/31/1986	TTr Văn Điển A	Thanh Trì	100	
10936	**TR**243	Đàm Thị Thanh Huyền	8/1/1987	TTr Văn Điển A	Thanh Trì	100	
10937	**TR**244	Ngô Thị Minh Ngát	3/16/1975	Tựu Liệt	Thanh Trì	100	
10938	**TR**245	Vũ Thị Thanh Hà	6/15/1978	Tựu Liệt	Thanh Trì	100	
10939	**TR**246	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/20/1982	Tựu Liệt	Thanh Trì	100	
10940	**TR**247	Khúc Thị Phương	3/5/1986	Tựu Liệt	Thanh Trì	100	
10941	**TR**248	Lê Thị Thúy Quỳnh	11/10/1974	Tựu Liệt	Thanh Trì	100	
10942	**TR**249	Nguyễn Thị Thành	12/9/1980	Tựu Liệt	Thanh Trì	100	
10943	**TR**250	Lưu Thị Liên	3/11/1988	Tựu Liệt	Thanh Trì	100	
10944	**TR**251	Phạm Bích Ngọc	04/12/1978	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10945	**TR**252	Nguyễn Thu Hằng	8/15/1984	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10946	**TR**253	Trần Thị Thái Hà	9/16/1985	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10947	**TR**254	Trình Minh Phú	12/25/1981	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10948	**TR**255	Bùi Thanh Hương	2/12/1985	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10949	**TR**256	Trần Huyền Trang	11/10/1985	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10950	**TR**257	Nguyễn Thị Hồng Anh	12/08/1984	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10951	**TR**258	Trần Thị Thanh Tâm	7/23/1989	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10952	**TR**259	Nguyễn Thị Kim Oanh	05/09/1981	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10953	**TR**260	Phạm Thị Tuyết	7/30/1983	Huỳnh Cung	Thanh Trì	100	
10954	**TR**261	Nguyễn Thị Mai Thanh	01/05/1978	Tân Triều	Thanh Trì	100	
10955	**TR**262	Trương Thị Thu	23/10/1984	Tân Triều	Thanh Trì	100	
10956	**TR**263	Phạm Thị Thanh Hương	12/06/1976	Tân Triều	Thanh Trì	100	
10957	**TR**264	Nguyễn Kim Oanh	13/09/1986	Tân Triều	Thanh Trì	100	
10958	**TR**265	Phạm Thị Thanh	13/01/1987	Tân Triều	Thanh Trì	100	
10959	**TR**266	Nguyễn Thị Lan Hằng	23/12/1983	Tân Triều	Thanh Trì	100	
10960	**TR**267	Lê Thị Thu Hiền	6/17/1980	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10961	**TR**268	Đỗ Thị Thanh Huyền	3/14/1979	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10962	**TR**269	Trần Thị Thắm	12/25/1983	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10963	**TR**270	Hoàng Thị Tuyết Nhung	7/19/1981	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10964	**TR**271	Chử Thị Hồng Bích	12/20/1980	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10965	**TR**272	Phạm Thị Thanh Mai	11/13/1988	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10966	**TR**273	Đỗ Anh Phương	8/21/1985	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10967	**TR**274	Nguyễn Thị Thư	9/27/1979	Duyên Hà	Thanh Trì	100	
10968	**TR**275	Phạm Thị Thu Hiền	25/11/1981	Liên Ninh A	Thanh Trì	100	
10969	**TR**276	Hoàng Thị Oanh	25/07/1971	Liên Ninh A	Thanh Trì	100	
10970	**TR**277	Nguyễn Thị Soan	29/01/1977	Ngũ Hiệp B	Thanh Trì	100	
10971	**TR**278	Nguyễn Thị Thanh Mạch	23/03/1986	Liên Ninh A	Thanh Trì	100	
10972	**TR**279	Nguyễn Thị Thu Huyền	22/12/1978	Liên Ninh A	Thanh Trì	100	
10973	**TR**280	Hoàng Thị Thu Huyền	06/10/1988	Liên Ninh A	Thanh Trì	100	
10974	**TR**281	Nguyễn Thanh Minh	24/10/1985	Liên Ninh A	Thanh Trì	100	
10975	**TR**282	Hà Thị Thu Tình	28/12/1975	Liên Ninh A	Thanh Trì	100	
10976	**TX**001	Phan Ngọc Hà	15/5/1984	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10977	**TX**002	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/11/1986	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10978	**TX**003	Đào Thu Trang	02/5/1983	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10979	**TX**004	Lê Thị Thanh Toán	15/8/1982	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10980	**TX**005	Phạm Dân Dịu	13/11/1975	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10981	**TX**006	Đoàn Thị Ninh	01/01/1978	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10982	**TX**007	Ngô Thị Kim Ngân	30/11/1993	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10983	**TX**008	Nguyễn Thị Huyền	11/9/1990	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10984	**TX**009	Nguyễn Thị Giang	12/7/1985	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10985	**TX**010	Tưởng Thị Thu Dung	02/5/1975	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10986	**TX**011	Đỗ Thị Lan	01/4/1990	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10987	**TX**012	Lê Thị Thu Huyền	30/11/1991	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10988	**TX**013	Nguyễn Hồng Ngọc	03/01/1990	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	75	Tiêu chí thi đua khen thưởng không phù hợp; Thiếu QĐ bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp mã số V.07.02.26

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
10989	**TX**014	Trần Thị Chiu	19/8/1982	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	95	Không có QĐ bổ nhiệm CDNN GVMN hạng III (V07.02.26)
10990	**TX**015	Cao Thuỳ Dương	20/4/1985	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10991	**TX**016	Chu Thị Minh Nguyệt	16/9/1985	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10992	**TX**017	Phùng Thị Xuân	26/8/1992	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10993	**TX**018	Nguyễn Thị Tuyết Mai	28/01/1990	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10994	**TX**019	Nguyễn Thị Lý	05/6/1990	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10995	**TX**020	Nguyễn Thị Thanh Phương	08/5/1979	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10996	**TX**021	Nguyễn Thị Tuyết Mai	01/9/1991	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10997	**TX**022	Lê Thị Minh Hồng	04/01/1975	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	100	
10998	**TX**023	Nguyễn Thị Thanh Bình	29/10/1972	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	80	Danh hiệu chiến sỹ thi đua chưa phù hợp (photo chưa chứng thực)
10999	**TX**024	Bùi Thị Thu Hồng	08/08/1977	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11000	**TX**025	Lai Dương Thùy	10/08/1983	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11001	**TX**026	Khúc Kim Ngân	07/11/1991	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11002	**TX**027	Hoàng Thị Ngọc Anh	04/11/1993	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11003	**TX**028	Nguyễn Ngọc Quỳnh	02/12/1987	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11004	**TX**029	Đinh Thị Vịnh	09/02/1983	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11005	**TX**030	Vương Thị Mai Anh	12/03/1991	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11006	**TX**031	Nguyễn Thanh Hằng	18/07/1992	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11007	**TX**032	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	01/06/1993	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11008	**TX**033	Đào Thị Hương	05/08/1988	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11009	**TX**034	Nguyễn Thùy Linh	21/09/1987	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11010	**TX**035	Nguyễn Thị Nga Linh	23/08/1991	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11011	**TX**036	Nguyễn Thị Nga	17/09/1993	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11012	**TX**037	Nguyễn Thị Phương	18/08/1984	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11013	**TX**038	Đoàn Thị Phượng	16/06/1988	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11014	**TX**039	Lê Thị Thơm	23/05/1991	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11015	**TX**040	Đinh Thúy Nga	29/06/1979	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	95	Bản nhận xét đánh giá viên chức 2021-2022 hiệu trưởng ký sai thời điểm (ghi ngày 30/5/2023)
11016	**TX**041	Nguyễn Thị Tuyết	06/04/1975	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11017	**TX**042	Nguyễn Thị Phúc	18/08/1984	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11018	**TX**043	Lê Thị Hồng Thu	20/12/1987	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11019	**TX**044	Trần Thị Oanh	04/04/1979	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11020	**TX**045	Đỗ Thị Loan	10/08/1988	Tuổi Thần Tiên	Thanh Xuân	100	
11021	**TX**046	Thân Thị Thu Hoài	10/12/1977	Tuổi Thơ	Thanh Xuân	100	
11022	**TX**047	Vũ Thị Ngọc Đại	07/12/1978	Tuổi Thơ	Thanh Xuân	100	
11023	**TX**048	Võ Thị Minh Hằng	07/8/1976	Tuổi Thơ	Thanh Xuân	100	
11024	**TX**049	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/12/1975	Tuổi Thơ	Thanh Xuân	100	
11025	**TX**050	Nguyễn Thị Kim Dung	03/02/1978	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11026	**TX**051	Mẫn Thị Minh Thu	03/9/1988	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11027	**TX**052	Nguyễn Phương Anh	19/03/1997	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11028	**TX**053	Đàm Lê Dung	9/11/1980	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11029	**TX**054	Đỗ Thị Thu Hà	28/10/1986	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11030	**TX**055	Lê Thị Lệ Hằng	8/11/1969	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11031	**TX**056	Phan Thị Hiếu	12/12/1984	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11032	**TX**057	Nguyễn Thị Hòa	02/09/1981	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11033	**TX**058	Nguyễn Thị Huế	28/12/1986	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11034	**TX**059	Cung Thị Lan Hương	14/05/1982	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11035	**TX**060	Nguyễn Thị Ngọc Linh	01/7/1981	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11036	**TX**061	Phạm Thùy Linh	18/07/1997	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11037	**TX**062	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	14/05/1987	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11038	**TX**063	Đào Anh Thơ	15/08/1985	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11039	**TX**064	Nguyễn Minh Thủy	02/04/1982	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	
11040	**TX**065	Nguyễn Thị Trang	26/02/1990	Sơn Ca	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11041	**TX**066	Phan Thị Mùi	22/06/1972	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11042	**TX**067	Nguyễn Thị Thu Hiền	13/06/1979	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11043	**TX**068	Lã Thị Mai Hương	02/12/1974	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11044	**TX**069	Nguyễn Thị Đào	08/09/1988	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11045	**TX**070	Nguyễn Thị Phương Thúy	22/10/1977	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11046	**TX**071	Kiều Thị Nghĩa	24/04/1993	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11047	**TX**072	Phạm Thị Lan Anh	07/05/1979	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11048	**TX**073	Nguyễn Thùy Dung	05/11/1988	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11049	**TX**074	Đặng Thị Thu	20/09/1983	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11050	**TX**075	Vũ Thanh Tú	03/08/1989	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11051	**TX**076	Hoàng Thị Minh Thủy	25/08/1976	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11052	**TX**077	Nguyễn Thị Trang	17/07/1993	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11053	**TX**078	Nguyễn Diệu Linh	27/10/1988	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11054	**TX**079	Tưởng Thị Thạch	23/07/1988	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11055	**TX**080	Nguyễn Tường Vân	30/03/1980	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11056	**TX**081	Đặng Thị Linh	19/11/1993	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11057	**TX**082	Ngô Thị Thủy	09/06/1976	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11058	**TX**083	Nguyễn Thị Thùy Dung	27/02/1987	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11059	**TX**084	Nguyễn Thị Kim	28/4/1993	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	95	Năm 2021-2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
11060	**TX**085	Trần Thùy Linh	19/06/1987	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11061	**TX**086	Trịnh Thị Lan	08/02/1991	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11062	**TX**087	Bùi Khánh Linh	10/12/1994	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11063	**TX**088	Hoàng Thanh Loan	22/08/1974	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11064	**TX**089	Nguyễn Thị Quyên	20/03/1985	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11065	**TX**090	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	29/10/1994	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	95	Năm 2021-2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
11066	**TX**091	Đào Thị Hường	22/11/1980	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11067	**TX**092	Nguyễn Thu Hồng	04/10/1994	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	95	Năm 2021-2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
11068	**TX**093	Trần Thị Mộng Thu	10/10/1979	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11069	**TX**094	Vũ Thanh Hải	09/9/1985	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11070	**TX**095	Hoàng Thanh Hương	13/02/1985	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11071	**TX**096	Chu Thị Ngoan	03/08/1986	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	100	
11072	**TX**097	Đặng Hà My	25/04/1995	Tuổi Hoa	Thanh Xuân	95	Năm 2021-2022 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
11073	**TX**098	Chu Thị Thanh Bình	29/8/1975	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11074	**TX**099	Vũ Mai Dung	12/8/1979	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11075	**TX**100	Bùi Thị Quỳnh Anh	19/8/1988	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11076	**TX**101	Nguyễn Thị Diệp	26/4/1982	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11077	**TX**102	Đinh Lan Hương	24/5/1979	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11078	**TX**103	Bùi Thị Hiền	31/10/1980	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11079	**TX**104	Bùi Thị Ngọc	10/1/1992	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11080	**TX**105	Ngô Thị Phúc	28/5/1991	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11081	**TX**106	Nguyễn Thị Kim Liên	20/10/1972	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11082	**TX**107	Nguyền Minh Phương	23/2/1987	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11083	**TX**108	Tạ Thị Thu Phương	28/2/1982	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11084	**TX**109	Nguyễn Thị Thảo	5/2/1985	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11085	**TX**110	Cung Thị Thu Trang	6/6/1985	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11086	**TX**111	Ngô Huyền Trang	24/6/1987	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11087	**TX**112	Nguyễn Thị Thu Trang	7/10/1987	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11088	**TX**113	Đào Thị Vui	20/2/1989	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11089	**TX**114	Nguyễn Thị Thu Hương	16/6/1974	Tràng An	Thanh Xuân	70	Biên bản nhận xét, đánh giá về tiêu chuẩn, điều kiện của hạng II chưa có chữ ký của HT và đóng dấu của đơn vị
11090	**TX**115	Trịnh Thị Hồng Mười	8/6/1973	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11091	**TX**116	Nguyễn Thuỳ Linh	22/10/1992	Tràng An	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11092	**TX**117	Nguyễn Thúy Lan	25/7/1974	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11093	**TX**118	Đoàn Thanh Hà	8/2/1981	Tràng An	Thanh Xuân	100	
11094	**TX**119	Nguyễn Thị Thanh Thủy	19/1/1979	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11095	**TX**120	Lê Thị Thơm	29/12/1975	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11096	**TX**121	Đặng Thị Hồng Hạnh	20/6/1982	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11097	**TX**122	Ngô Lệ Linh	20/7/1977	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11098	**TX**123	Nguyễn Thị Thảo	26/3/1984	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11099	**TX**124	Nguyễn Thị Lan Anh	09/08/1981	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11100	**TX**125	Tạ Thị Xuân Hương	05/08/1983	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11101	**TX**126	Tạ Lê Phương	24/1/1990	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11102	**TX**127	Cung Thị Ánh Nguyệt	29/3/1983	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11103	**TX**128	Nguyễn Thị Yến Vy	26/6/1983	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11104	**TX**129	Vũ Thị Nhung	18/10/1980	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11105	**TX**130	Nguyễn Bích Hạnh	02/02/1987	Ánh Sao	Thanh Xuân	100	
11106	**TX**131	Chu Thuỳ Linh	25/9/1985	Hoa Hồng	Thanh Xuân	100	
11107	**TX**132	Nguyễn Thị Ngọc	04/6/1993	Hoa Hồng	Thanh Xuân	100	
11108	**TX**133	Nguyễn Thị Vân	08/8/1991	Hoa Hồng	Thanh Xuân	100	
11109	**TX**134	Nguyễn Thị Nguyên	05/10/1981	Hoa Hồng	Thanh Xuân	100	
11110	**TX**135	Vũ Hải Yến	03/9/1986	Hoa Hồng	Thanh Xuân	100	
11111	**TX**136	Hữu Thị Kiều Hoa	19/3/1988	Hoa Hồng	Thanh Xuân	100	
11112	**TX**137	Phạm Thị Thu Hà	16/12/1988	Hoa Hồng	Thanh Xuân	100	
11113	**TX**138	Nguyễn Thị Thúy	13/7/1976	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11114	**TX**139	Nguyễn Thị Kim Thanh	17/02/1974	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11115	**TX**140	Nguyễn Thị Minh Hiền	03/3/1975	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11116	**TX**141	Nông Thị Hảo	08/10/1987	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11117	**TX**142	Phan Thị Hồng	20/8/1990	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11118	**TX**143	Nguyễn Thị Hậu	03/10/1971	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11119	**TX**144	Nguyễn Thị Ngọc	20/10/1985	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11120	**TX**145	Lê Na	03/04/1975	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11121	**TX**146	Tạ Thị Thu	18/10/1986	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11122	**TX**147	Phạm Thuỳ Linh	10/02/1977	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11123	**TX**148	Nguyễn Thị Nhung	14/3/1996	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11124	**TX**149	Phạm Thị Liên	01/12/1976	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11125	**TX**150	Vũ Thuỳ Chi	21/6/1994	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11126	**TX**151	Lê Thị Luyến	05/7/1979	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11127	**TX**152	Kiều Thị Vân	10/7/1975	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11128	**TX**153	Nghiêm Thị Phương Thuý	02/11/1990	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11129	**TX**154	Lê Thị Tuyến	16/11/1973	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11130	**TX**155	Chu Thị Phương Hiền	20/10/1980	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11131	**TX**156	Nguyễn Thị Ngọc	28/01/1987	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11132	**TX**157	Nguyễn Việt Huệ	02/7/1973	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11133	**TX**158	Lại Thị Phượng	25/9/1985	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11134	**TX**159	Hoàng Thị Thu Hương	09/7/1977	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11135	**TX**160	Nguyễn Khánh Hoa	02/4/1984	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11136	**TX**161	Hoàng Thị Thanh Hương	01/02/1974	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11137	**TX**162	Trần Thị Kim Thoa	06/7/1975	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11138	**TX**163	Phạm Thị Thơm	20/10/1979	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11139	**TX**164	Nguyễn Thị Kim Chi	16/7/1986	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11140	**TX**165	Ngô Thu Uyên	20/12/1995	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	100	
11141	**TX**166	Hoàng Thị Hằng	16/7/1981	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11142	**TX**167	Nguyễn Thị Hiền	12/5/1976	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11143	**TX**168	Hà Ngọc Liên	08/4/1982	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11144	**TX**169	Lê Thị Dung	12/11/1979	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11145	**TX**170	Bùi Thanh Hoài	02/5/1992	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11146	**TX**171	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	01/02/1990	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11147	**TX**172	Cung Thị Ngọc Linh	08/11/1990	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11148	**TX**173	Vũ Thị Thủy	17/01/1988	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11149	**TX**174	Nguyễn Thị Thu Thủy	24/02/1990	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11150	**TX**175	Phan Thị Huyền	20/6/1991	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11151	**TX**176	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/10/1993	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11152	**TX**177	Hồ Thùy Linh	18/10/1994	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11153	**TX**178	Nguyễn Thị Trang	13/4/1991	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11154	**TX**179	Nguyễn Ngọc Tú	02/7/1990	T. Xuân Trung	Thanh Xuân	100	
11155	**TX**180	Hồ Lan Phương	30/12/1968	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11156	**TX**181	Nguyễn Minh Hằng	25/9/1988	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11157	**TX**182	Nguyễn Thị Hiền	27/03/1987	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11158	**TX**183	Nguyễn Thị Hương	16/9/1986	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11159	**TX**184	Trần Thị Hương	08/02/1990	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11160	**TX**185	Dương Thị Huyền	26/09/1988	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11161	**TX**186	Nguyễn Thị Phương Lan	17/7/1986	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11162	**TX**187	Trần Thị Linh	19/05/1990	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11163	**TX**188	Nguyễn Thị Nhi	10/12/1989	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11164	**TX**189	Nguyễn Thị Thúy Nhung	26/09/1993	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11165	**TX**190	Nguyễn Thị Sang	11/11/1990	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11166	**TX**191	Vũ Thị Thùy	20/02/1991	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11167	**TX**192	Lý Tố Trinh	12/01/1989	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11168	**TX**193	Nguyễn Thị Minh Xuân	25/11/1980	Thăng Long	Thanh Xuân	100	
11169	**TX**194	Lê Thị Thu Hương	31/05/1980	Sao Sáng	Thanh Xuân	80	Minh chứng thi đua, khen thưởng chưa phù hợp

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11170	**TX**195	Nguyễn Thị Thanh Tâm	14/01/1982	Sao Sáng	Thanh Xuân	75	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022; minh chứng Thi đua khen thưởng chưa phù hợp
11171	**TX**196	Nguyễn Kim Lan	23/05/1989	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11172	**TX**197	Nguyễn Thị Thu Hà	03/7/1981	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11173	**TX**198	Diêm Thị Hà	06/3/1989	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11174	**TX**199	Trần Thị Kỳ	04/7/1988	Sao Sáng	Thanh Xuân	100	
11175	**TX**200	Vũ Thị Phương Ly	9/11/1991	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11176	**TX**201	Nguyễn Thị Phương	25/02/1988	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11177	**TX**202	Nguyễn Thị Thanh Hường	13/07/1986	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11178	**TX**203	Lương Thị Huyền Liên	02/3/1980	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11179	**TX**204	Bùi Thị Xây Ta	03/01/1973	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11180	**TX**205	Nguyễn Thị Trang	05/6/1987	Sao Sáng	Thanh Xuân	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11181	**TX**206	Phạm Thị Hiền	10/11/1969	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11182	**TX**207	Vũ Thị An	23/12/1974	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11183	**TX**208	Nguyễn Thu Thủy	21/10/1976	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11184	**TX**209	Lưu Thị Thu Hiền	02/12/1985	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11185	**TX**210	Nguyễn Thị Hải Linh	14/01/1987	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11186	**TX**211	Đặng Thị Bích Liên	05/8/1971	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11187	**TX**212	Hoàng Kim Oanh	01/4/1977	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11188	**TX**213	Lê Thị Thanh	07/4/1986	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11189	**TX**214	Hoàng Yến	20/02/1981	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11190	**TX**215	Trần Thị Tuyết Trinh	27/8/1982	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11191	**TX**216	Đào Anh Hiền	27/7/1985	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11192	**TX**217	Phạm Thị Thu Hạnh	15/7/1978	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11193	**TX**218	Nguyễn Thị Duyên	23/4/1989	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11194	**TX**219	Nguyễn Thị Tuyết Lan	30/10/1972	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11195	**TX**220	Lại Thị Hồng Nhung	10/6/1968	Khương Trung	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11196	**TX**221	Vũ Ngọc Kim Tuyền	31/7/1995	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11197	**TX**222	Nguyễn Hương Giang	07/01/1980	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11198	**TX**223	Nguyễn Thị Tuyền	23/5/1988	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11199	**TX**224	Nguyễn Thúy Ngân	5/11/1992	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11200	**TX**225	Bùi Huyền Trang	24/2/1988	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11201	**TX**226	Đỗ Hồng Ngọc	14/6/1994	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11202	**TX**227	Phạm Thuỳ Dương	08/6/1995	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11203	**TX**228	Lê Thúy Thanh	06/11/1989	Khương Trung	Thanh Xuân	100	
11204	**TX**229	Nguyễn Thị Thu Hương	02/10/1973	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11205	**TX**230	Phạm Thị Hồng Sơn	28/06/1981	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11206	**TX**231	Nguyễn Thị Hoàng Lan	07/05/1977	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11207	**TX**232	Lê Thị Phương Hảo	17/05/1978	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11208	**TX**233	Đặng Thanh Hà	18/06/1974	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11209	**TX**234	Lê Thị Thanh Nhàn	18/09/1986	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11210	**TX**235	Phan Thị Thanh	15/11/1987	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11211	**TX**236	Nguyễn Thị Kim Tịnh	24/12/1984	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11212	**TX**237	Nguyễn Thùy Linh	26/05/1987	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11213	**TX**238	Nguyễn Thị Hậu	13/08/1989	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11214	**TX**239	Nguyễn Thu Hà	12/04/1986	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11215	**TX**240	Nguyễn Phương Lan	21/09/1985	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11216	**TX**241	Bùi Thị Phương	22/10/1978	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11217	**TX**242	Ngô Minh Thúy	26/11/1990	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11218	**TX**243	Đỗ Thị Minh Phương	21/09/1987	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11219	**TX**244	Nguyễn Thị Minh Yến	07/10/1992	Khương Đình	Thanh Xuân	100	
11220	**TX**245	Nguyễn Quỳnh Ngọc	08/09/1983	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11221	**TX**246	Đinh Thị Lan Hương	23/07/1979	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11222	**TX**247	Nguyễn Thị Hồng Châm	28/02/1980	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11223	**TX**248	Nguyễn Thị Ngà	18/03/1987	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11224	**TX**249	Nguyễn Thu Hương	21/11/1980	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11225	**TX**250	Kiều Thị Thư	20/08/1982	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11226	**TX**251	Dương Minh Huệ	20/03/1980	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11227	**TX**252	Đinh Thị Thu Hiền	11/10/1978	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11228	**TX**253	Nguyễn Thị Thu Hương	07/10/1978	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11229	**TX**254	Tạ Thị Thuỷ	04/10/1990	Nhân Chính	Thanh Xuân	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11230	**TX**255	Nguyễn Thiên Thương	29/01/1989	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11231	**TX**256	Dương Thị Phấn	08/11/1982	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11232	**TX**257	Trần Thị Hạnh Phúc	12/08/1986	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11233	**TX**258	Phạm Thị Hồng Liên	09/08/1990	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11234	**TX**259	Vũ Thị Huyền	26/02/1977	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11235	**TX**260	Nguyễn Thị Nguyệt	15/02/1990	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11236	**TX**261	Trịnh Thị Thanh Mai	10/03/1979	Nhân Chính	Thanh Xuân	100	
11237	**TX**262	Hoàng Bảo Ngọc	29/07/1982	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11238	**TX**263	Trần Thị Hồng Hiệp	20/10/1974	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11239	**TX**264	Nguyễn Hoàng Linh	17/02/1978	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11240	**TX**265	Tạ Thị Tuyết Thanh	14/09/1976	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11241	**TX**266	Nguyễn Thị Duyên	24/02/1977	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11242	**TX**267	Nguyễn Thuỳ Dương	27/10/1984	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11243	**TX**268	Nguyễn Thị Vân	04/06/1984	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11244	**TX**269	Nguyễn Ngọc Khánh	02/07/1986	Phương Liệt	Thanh Xuân	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11245	**TX**270	Nguyễn Thị Nhung	10/07/1980	Phương Liệt	Thanh Xuân	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11246	**TX**271	Nguyễn Thị An	10/10/1993	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11247	**TX**272	Đào Thị Bích Ngọc	07/03/1990	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11248	**TX**273	Nguyễn Thị Trà	14/11/1991	Phương Liệt	Thanh Xuân	100	
11249	**TX**274	Đinh Thị Hòa	30/04/1974	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11250	**TX**275	Nguyễn Bích Ngọc	09/10/1982	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11251	**TX**276	Lê Nguyệt Anh	09/4/1988	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11252	**TX**277	Lê Thị Hương Giang	18/9/1986	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11253	**TX**278	Vũ Thị Viết	14/10/1985	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11254	**TX**279	Hoàng Hà	01/8/1980	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11255	**TX**280	Bùi Thị Kim Ngọc	10/12/1989	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11256	**TX**281	Hoàng Thùy Dung	14/9/1994	Ánh Dương	Thanh Xuân	100	
11257	**TX**282	Lê Thị Phương Hảo	20/08/1978	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11258	**TX**283	Tưởng Minh Hường	11/12/1979	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11259	**TX**284	Phùng Thị Thảo	03/11/1980	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11260	**TX**285	Hà Thị Tuyết	30/03/1984	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11261	**TX**286	Nguyễn Thị Hằng	30/09/1985	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11262	**TX**287	Thái Ngọc Lan	15/09/1989	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11263	**TX**288	Đào Thanh Hương	01/12/1981	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11264	**TX**289	Lương Thị Thu Hiền	04/4/1984	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11265	**TX**290	Phạm Thị Vân	28/06/1983	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11266	**TX**291	Phan Thị Huyền	23/01/1974	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11267	**TX**292	Trần Thị Hà	15/08/1986	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11268	**TX**293	Hoàng Thị Xuân	21/02/1981	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11269	**TX**294	Lưu Lan Hương	28/03/1988	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11270	**TX**295	Vũ Thị Huyền	17/06/1988	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11271	**TX**296	Nghiêm Thị Yến	03/6/1990	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11272	**TX**297	Vũ Ngọc Tình	28/05/1989	Bình Minh	Thanh Xuân	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11273	**TX**298	Nguyễn Thị Vân Anh	22/04/1987	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11274	**TX**299	Nguyễn Phương Hoa	30/08/1994	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11275	**TX**300	Vũ Hồng Lệ	31/03/1991	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11276	**TX**301	Đào Thị Thùy Dung	07/11/1992	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11277	**TX**302	Phạm Thị Xuyến	13/09/1985	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11278	**TX**303	Nguyễn Thị Yến	06/11/1980	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11279	**TX**304	Nguyễn Thị Hải	22/05/1986	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11280	**TX**305	Đỗ Thị Thu Trang	08/3/1986	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11281	**TX**306	Bùi Thị Hằng	30/05/1995	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11282	**TX**307	Nguyễn Tuyết Trinh	03/2/1979	Bình Minh	Thanh Xuân	100	
11283	**TX**308	Trần Thị Kim Hưng	17/02/1978	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11284	**TX**309	Phan Thị Mai Trang	30/12/1980	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11285	**TX**310	Trần Thị Hằng	30/6/1985	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11286	**TX**311	Nguyễn Thị Lanh	22/08/1983	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11287	**TX**312	Trần Ái Thương	06/02/1980	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11288	**TX**313	Trần Hồng Oanh	06/4/1989	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11289	**TX**314	Nguyễn Thị Mai	24/12/1991	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11290	**TX**315	Nguyễn Thị Ngọc Bích	11/11/1984	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11291	**TX**316	Đinh Thị Thu Hà	04/12/1992	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11292	**TX**317	Nguyễn Thị Diệu Thuý	06/9/1973	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11293	**TX**318	Nguyễn Thị Ninh	03/9/1979	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11294	**TX**319	Nguyễn Thị Huyên	08/3/1990	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11295	**TX**320	Nguyễn Thị Mai	15/02/1990	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11296	**TX**321	Khúc Thu Mai	19/9/1992	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11297	**TX**322	Đinh Thị Hà	07/5/1990	Nguyễn Tuân	Thanh Xuân	100	
11298	***TN*** 001	Phùng Thị Thu Hằng	12/06/1978	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11299	***TN*** 002	Phùng Thị Xuân	01/10/1978	Chương Dương	Thường Tín	100	
11300	***TN*** 003	Đỗ Thị Lý	28/08/1971	Chương Dương	Thường Tín	100	
11301	***TN*** 004	Nguyễn Thị Mai Lan	02/01/1975	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11302	***TN*** 005	Đình Thị Lương	08/10/1987	Chương Dương	Thường Tín	100	
11303	***TN*** 006	Vũ Thúy Hiền	07/08/1983	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11304	***TN*** 007	Nguyễn Thị Hằng	19/12/1977	Chương Dương	Thường Tín	100	
11305	***TN*** 008	Trần Thị Thu Thành	02/05/1986	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11306	***TN*** 009	Đào Thị Kim Phượng	23/06/1990	Chương Dương	Thường Tín	100	
11307	***TN*** 010	Đặng Thị Thu Huyền	04/12/1989	Chương Dương	Thường Tín	100	
11308	***TN*** 011	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	14/12/1992	Chương Dương	Thường Tín	100	
11309	***TN*** 012	Đỗ Thị Hồng	03/03/1988	Chương Dương	Thường Tín	100	
11310	***TN*** 013	Trịnh Thị Ánh Thùy	25/06/1987	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11311	***TN*** 014	Nguyễn Thị Trang	05/09/1988	Chương Dương	Thường Tín	100	
11312	***TN*** 015	Nguyễn Thị Thúy	01/09/1990	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11313	***TN*** 016	Lương Thị Huyền	21/10/1984	Chương Dương	Thường Tín	100	
11314	***TN*** 017	Đỗ Thị Hiền	16/07/1993	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11315	***TN*** 018	Hoàng Thị Hải Âu	16/06/1980	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11316	***TN*** 019	Nguyễn Thị Phượng	04/06/1992	Chương Dương	Thường Tín	100	
11317	***TN*** 020	Lê Thị Ánh	16/08/1991	Chương Dương	Thường Tín	100	
11318	***TN*** 021	Đỗ Thị Quỳnh	16/03/1994	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11319	***TN*** 022	Trần Thị Oanh	04/12/1993	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11320	***TN*** 023	Nguyễn Thị Hương Sen	01/08/1982	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11321	***TN*** 024	Đỗ Thị Sang	05/04/1987	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11322	***TN*** 025	Hoàng Kim Quý	03/02/1993	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11323	***TN*** 026	Đặng Thị Thúy	15/09/1991	Chương Dương	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11324	***TN*** 027	Đặng Thị Nguyệt	16/10/1974	Dũng Tiến	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11325	***TN*** 028	Vũ Thị Thu Thủy	29/07/1984	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11326	***TN*** 029	Trần Thị Ánh Hồng	04/12/1987	Dũng Tiến	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11327	***TN*** 030	Vũ Thị Thắm	05/12/1986	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11328	***TN*** 031	Lê Thị Hợp	03/09/1987	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11329	***TN*** 032	Trần Thị Hồng Nhung	09/08/1990	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11330	***TN*** 033	Phạm Thị Mai	20/02/1985	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11331	***TN*** 034	Ngô Thị Tuyết	12/09/1992	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11332	***TN*** 035	Đào Thị Thùy Quyên	13/05/1984	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11333	***TN*** 036	Vũ Thị Loan	06/09/1989	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11334	***TN*** 037	Đặng Thị Khuyên	08/04/1988	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11335	***TN*** 038	Nguyên Thị Mai Thi	30/12/1990	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11336	***TN*** 039	Nguyễn Thị Hồng	01/09/1984	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11337	***TN*** 040	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	01/05/1979	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11338	***TN*** 041	Đặng Thị Hảo	06/03/1981	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11339	***TN*** 042	Nguyễn Thị Huê	10/12/1982	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11340	***TN*** 043	Nguyễn Thị Thu Vân	07/09/1984	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11341	***TN*** 044	Nguyễn Thị Bẩy	10/12/1992	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11342	***TN*** 045	Nguyễn Thị Tốt	16/06/1989	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11343	***TN*** 046	Nguyễn Thanh Huyền	27/04/1990	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11344	***TN*** 047	Nguyễn Thị Hiền	20/07/1987	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11345	***TN*** 048	Nguyễn Thị Xuân Thu	21/03/1994	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11346	***TN*** 049	Nguyễn Thị Thủy	23/08/1992	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11347	***TN*** 050	Nguyễn Thị Huyền	12/11/1978	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11348	***TN*** 051	Lưu Thị Kim Dung	23/05/1984	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11349	***TN*** 052	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	13/08/1993	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11350	***TN*** 053	Nguyễn Thúy Quỳnh	22/09/1989	Dũng Tiến	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11351	***TN*** 054	Lê Thị Yến	11/07/1988	Dũng Tiến	Thường Tín	100	
11352	***TN*** 055	Trần Thị Kim Anh	25/04/1972	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11353	***TN*** 056	Vũ Thị Minh Tuyết	28/02/1981	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11354	***TN*** 057	Đỗ Thị Thoan	31/05/1984	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11355	***TN*** 058	Nguyễn Thị Hồng	06/01/1975	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11356	***TN*** 059	Nguyễn Thị Hoàng Hà	15/01/1977	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11357	***TN*** 060	Trịnh Thị Oanh	18/01/1978	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11358	***TN*** 061	Đặng Thị Lan Hương	12/07/1982	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11359	***TN*** 062	Lê Hồng Thắm	02/12/1983	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11360	***TN*** 063	Nguyễn Thị Thu Hà	14/11/1984	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11361	***TN*** 064	Đỗ Thị Dung	18/02/1981	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11362	***TN*** 065	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/07/1971	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11363	***TN*** 066	Nguyễn Thị Thu Trang	28/08/1982	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11364	***TN*** 067	Nguyễn Thị Hằng	24/03/1980	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11365	***TN*** 068	Nguyễn Thị Thanh Nga	10/11/1986	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11366	***TN*** 069	Đặng Thị Phương Thảo	19/06/1985	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11367	***TN*** 070	Lê Thị Mai Hương	13/10/1981	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11368	***TN*** 071	Nguyễn Thị Kim Oanh	26/10/1969	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11369	***TN*** 072	Nguyễn Thị Lan	31/05/1983	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11370	***TN*** 073	Đặng Thị Mai Hương	21/12/1983	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11371	***TN*** 074	Đỗ Thị Hương	24/10/1982	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11372	***TN*** 075	Đặng Thị Thu Hường	01/07/1982	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11373	***TN*** 076	Đặng Thị Thúy Nga	05/05/1983	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11374	***TN*** 077	Nguyễn Thị Thúy Huyền	24/01/1978	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11375	***TN*** 078	Đỗ Thị Thúy Hằng	28/01/1981	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11376	***TN*** 079	Trần Thị Thắm	14/02/1986	Duyên Thái	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11377	***TN*** 080	Nguyễn Thị Luân	21/06/1992	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11378	***TN*** 081	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/01/1993	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11379	***TN*** 082	Vũ Thị Vân	25/04/1987	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11380	***TN*** 083	Nguyễn Thị Lan Anh	04/10/1994	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11381	***TN*** 084	Đặng Thị Hạnh	29/05/1983	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11382	***TN*** 085	Nguyễn Thị Hương	26/01/1983	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11383	***TN*** 086	Phùng Thị Mai Phương	17/09/1994	Duyên Thái	Thường Tín	100	
11384	***TN*** 087	Nguyễn Thị Thanh Bình	23/07/1975	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11385	***TN*** 088	Nguyễn Thị Thủy	11/10/1984	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11386	***TN*** 089	Lê Thị Phương Hà	20/04/1985	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11387	***TN*** 090	Lý Thị Ngọc Mỹ	17/04/1981	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11388	***TN*** 091	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	16/11/1977	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11389	***TN*** 092	Lê Thị Bích Ngọc	01/10/1989	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11390	***TN*** 093	Đinh Thị Út	15/08/1985	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11391	***TN*** 094	Nguyễn Thị Thủy	20/09/1985	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11392	***TN*** 095	Đặng Thị Khuyên	29/11/1987	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11393	***TN*** 096	Trần Thị Thúy Hằng	12/09/1984	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11394	***TN*** 097	Đặng Thị Bẩy	25/01/1991	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11395	***TN*** 098	Đỗ Thị Hà	23/8/1987	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11396	***TN*** 099	Vũ Thị Hồng Yến	04/06/1981	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11397	***TN*** 100	Nguyễn Thị Hương	26/10/1985	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11398	***TN*** 101	Nguyễn Thị Khánh Ly	20/9/1987	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11399	***TN*** 102	Nguyễn Thị Dung	3/9/1990	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11400	***TN*** 103	Đỗ Thị Thảo	5/5/1985	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11401	***TN*** 104	Trịnh Thị Phương Thanh	2/9/1983	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11402	***TN*** 105	Hán Thị Thuận	12/10/1982	Hà Hồi	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11403	***TN*** 106	Đinh Thị Thanh Hải	19/08/1981	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11404	***TN*** 107	Nguyễn Thái Bảo	3/9/1992	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11405	***TN*** 108	Lê Thị Trang	20/05/1986	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11406	***TN*** 109	Nguyễn Thị Hương Lan	25/11/1992	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11407	***TN*** 110	Đỗ Thị Bốn	18/10/1988	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11408	***TN*** 111	Đỗ Thị Oanh	06/11/1988	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11409	***TN*** 112	Hoàng Thị Lệ	26/9/1991	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11410	***TN*** 113	Ngô Thị Thanh Nhàn	12/12/1990	Hà Hồi	Thường Tín	100	
11411	***TN*** 114	Trần Thị Quyên	26/07/1979	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11412	***TN*** 115	Hoàng Thị Ngọc Bích	25/10/1983	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11413	***TN*** 116	Ngô Thị Như Quỳnh	05/04/1979	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11414	***TN*** 117	Trần Thị Trang	13/01/1981	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11415	***TN*** 118	Nguyễn Thị Bích Thảo	16/09/1988	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11416	***TN*** 119	Trần Thị Thu Hương	12/11/1986	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11417	***TN*** 120	Lê Thị Bích Thuận	21/01/1973	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11418	***TN*** 121	Nguyễn Thị Thu Lan	12/10/1974	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11419	***TN*** 122	Trần Thị Hiền	05/10/1975	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11420	***TN*** 123	Trịnh Thị Duyên	04/12/1980	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11421	***TN*** 124	Dương Thị Quỳnh Lâm	26/02/1988	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11422	***TN*** 125	Nguyễn Thị Nụ	22/10/1985	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11423	***TN*** 126	Nguyễn Thị Thu	21/07/1982	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11424	***TN*** 127	Trịnh Thị Ái Lương	15/07/1991	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11425	***TN*** 128	Đỗ Thị Bích Phượng	11/08/1990	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11426	***TN*** 129	Nghiêm Thị Hằng	24/12/1994	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11427	***TN*** 130	Nguyễn Thị Nga	20/05/1993	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11428	***TN*** 131	Đặng Thị Thanh Dung	14/04/1987	Hiền Giang	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11429	***TN*** 132	Nguyễn Thị Phương Thanh	07/11/1991	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11430	***TN*** 133	Vũ Phương Anh	16/09/1991	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11431	***TN*** 134	Nguyễn Thị Thanh Hải	29/04/1985	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11432	***TN*** 135	Ngô Thị Chiều	30/01/1981	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11433	***TN*** 136	Nguyễn Thị Ngân	01/11/1985	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11434	***TN*** 137	Lê Thị Kim Châm	30/06/1978	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11435	***TN*** 138	Ngô Thị Hồng	20/08/1994	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11436	***TN*** 139	Ứng Thị Hiên	01/10/1989	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11437	***TN*** 140	Hoàng Hải Yến	25/10/1986	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11438	***TN*** 141	Nguyễn Thị Phượng	09/06/1995	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11439	***TN*** 142	Ứng Thị Trang	19/08/1987	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11440	***TN*** 143	Bùi Thị Hường	25/08/1982	Hiền Giang	Thường Tín	100	
11441	***TN*** 144	Hà Thị Kim Loan	04/02/1970	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11442	***TN*** 145	Nguyễn Thị Dĩnh	22/07/1971	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11443	***TN*** 146	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	28/09/1990	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11444	***TN*** 147	Nguyễn Thị Hằng	25/01/1989	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11445	***TN*** 148	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	02/03/1983	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11446	***TN*** 149	Nguyễn Tuyết Chinh	25/08/1994	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11447	***TN*** 150	Nguyễn Thị Nhị	02/10/1991	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11448	***TN*** 151	Nguyễn Thị Hiền	05/05/1985	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11449	***TN*** 152	Nguyễn Thái Hà	20/12/1994	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11450	***TN*** 153	Hoàng Thị Nga	08/02/1978	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11451	***TN*** 154	Quản Thị Thanh Nga	04/9/1985	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11452	***TN*** 155	Ứng Thị Lanh	20/03/1987	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11453	***TN*** 156	Nguyễn Thị Nhung	16/12/1993	Hoà Bình	Thường Tín	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V07.02.26
11454	***TN*** 157	Nguyễn Thị Hồng Huế	10/07/1976	Hoà Bình	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11455	***TN*** 158	Lê Thị Phương	14/02/1989	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11456	***TN*** 159	Nguyễn Thị Linh	07/12/1994	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11457	***TN*** 160	Nguyễn Thị Bình	12/02/1981	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11458	***TN*** 161	Lê Thị Nguyệt Anh	11/10/1993	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11459	***TN*** 162	Hoàng Thị Minh Phương	26/9/1993	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11460	***TN*** 163	Nguyễn Thị Huyền	19/12/1983	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11461	***TN*** 164	Hoàng Thị Thuỷ	10/05/1987	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11462	***TN*** 165	Nguyễn Thu Hà	01/01/1985	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11463	***TN*** 166	Hoàng Thị Hà	01/8/1980	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11464	***TN*** 167	Nguyễn Xuân Mai	01/03/1971	Hoà Bình	Thường Tín	100	
11465	***TN*** 168	Lê Thị Thu Ngọc	5/3/1971	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11466	***TN*** 169	Lại Thị Ánh Tuyết	3/10/1978	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11467	***TN*** 170	Vũ Thị Thuý	12/02/1981	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11468	***TN*** 171	Nguyễn Thị Kim Lanh	06/03/1989	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11469	***TN*** 172	Nguyễn Thị Kim Thi	03/10/1992	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11470	***TN*** 173	Nguyễn Thị Xuân Hải	01/10/1992	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11471	***TN*** 174	Nguyễn Thị Lệ Quyên	19/08/1994	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11472	***TN*** 175	Phạm Thị Thuý	04/09/1988	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11473	***TN*** 176	Nguyễn Thị Huyền	14/11/1991	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11474	***TN*** 177	Nguyễn Thị Phương	22/11/1988	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11475	***TN*** 178	Nguyễn Như Quỳnh	15/08/1992	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11476	***TN*** 179	Trần Thị Phương Huế	31/10/1993	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11477	***TN*** 180	Dương Thị Luyến	15/08/1970	Hoa Sen	Thường Tín	95	Không có đánh giá của Hiệu trưởng trong Bản đánh giá XLVC năm học 2021-2022
11478	***TN*** 181	Vũ Thị Quyên	26/03/1990	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11479	***TN*** 182	Nguyễn Kim Tuyến	20/10/1984	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11480	***TN*** 183	Trần Thị Thanh Hương	22/11/1980	Hoa Sen	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11481	***TN*** 184	Vũ Thị Gấm	18/10/1988	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11482	***TN*** 185	Vũ Thị Ngọc	21/03/1990	Hoa Sen	Thường Tín	100	
11483	***TN*** 186	Nguyễn Thị Hòa	05/07/1972	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11484	***TN*** 187	Nguyễn Thị Phin	10/10/1976	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11485	***TN*** 188	Từ Thị Huyền	21/09/1983	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11486	***TN*** 189	Nguyễn Thị Hương Lan	13/11/1983	Hồng Vân	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11487	***TN*** 190	Hà Thị Kim Ánh	02/11/1979	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11488	***TN*** 191	Hà Thị Hường	27/08/1987	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11489	***TN*** 192	Trương Thị Minh Tú	20/10/1991	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11490	***TN*** 193	Nguyễn Thị Mai Lan	05/11/1972	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11491	***TN*** 194	Nguyễn Thị Như Anh	22/02/1989	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11492	***TN*** 195	Nguyễn Thị Lan Hương	03/11/1988	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11493	***TN*** 196	Đỗ Thị Tình	20/01/1976	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11494	***TN*** 197	Mai Thị Bích Thúy	29/09/1983	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11495	***TN*** 198	Nguyễn Thị Thanh Nhài	04/03/1995	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11496	***TN*** 199	Nguyễn Thị Bích	05/09/1985	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11497	***TN*** 200	Đỗ Thị Hay	12/08/1974	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11498	***TN*** 201	Hoàng Thị Thu Hằng	25/11/1989	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11499	***TN*** 202	Lương Thị Hương Thơm	26/12/1998	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11500	***TN*** 203	Nguyễn Thị Nụ	22/09/1991	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11501	***TN*** 204	Hà Thị Thủy	30/11/1988	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11502	***TN*** 205	Đỗ Thị Xuân Thu	16/01/1981	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11503	***TN*** 206	Nguyễn Thị Hoài Thương	28/07/1982	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11504	***TN*** 207	Nguyễn Thị Phúc	14/05/1988	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11505	***TN*** 208	Nguyễn Thị Hương	04/09/1986	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11506	***TN*** 209	Nguyễn Thị Thanh Huyền	08/06/1979	Hồng Vân	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11507	***TN*** 210	Nguyễn Hồng Hạnh	24/08/1979	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11508	***TN*** 211	Đỗ Thanh Huyền	06/01/1987	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11509	***TN*** 212	Nguyễn Thị Lệ	14/02/1982	Hồng Vân	Thường Tín	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V07.02.26
11510	***TN*** 213	Nguyễn Thị Nhàn	18/02/1991	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11511	***TN*** 214	Đỗ Thị Xuyền	11/07/1974	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11512	***TN*** 215	Dương Thị Vẻ	20/04/1984	Hồng Vân	Thường Tín	100	
11513	***TN*** 216	Nguyễn Thị Thủy	12/7/1973	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11514	***TN*** 217	Dương Thị Hiển	15/12/1983	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11515	***TN*** 218	Nguyễn Thị Tâm	11/09/1982	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11516	***TN*** 219	Nguyễn Thị Ái	13/06/1993	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11517	***TN*** 220	Nguyễn Thị Hải	09/03/1991	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11518	***TN*** 221	Nguyễn Thị Hạnh	23/08/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11519	***TN*** 222	Nguyễn Thị Hiên	18/09/1986	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11520	***TN*** 223	Lê Thị Hòa	27/12/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11521	***TN*** 224	Lê Thị Hồng	23/01/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11522	***TN*** 225	Lê Minh Huệ	02/11/1984	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11523	***TN*** 226	Dương Thị Liên	12/10/1988	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11524	***TN*** 227	Lương Thị Loan	08/08/1982	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11525	***TN*** 228	Đỗ Thị Hồng Loan	03/04/1994	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11526	***TN*** 229	Tô Thị Minh	03/02/1981	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11527	***TN*** 230	Đỗ Thị Mơ	13/01/1986	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11528	***TN*** 231	Dương Thị Mỹ	06/1/1989	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11529	***TN*** 232	Trịnh Thị Kim Ngân	09/11/1993	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11530	***TN*** 233	Nguyễn Thị Nhung	20/08/1991	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11531	***TN*** 234	Nguyễn Thị Thu Phương	12/02/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11532	***TN*** 235	Bùi Thị Kim Phượng	15/05/1988	Khánh Hà	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11533	***TN*** 236	Nguyễn Thị Sâm	09/07/1983	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11534	***TN*** 237	Dương Ngọc Sâm	27/07/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11535	***TN*** 238	Lê Thị Thắm	04/12/1980	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11536	***TN*** 239	Nguyễn Thị Thu	03/08/1986	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11537	***TN*** 240	Vũ Thị Thuần	19/02/1983	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11538	***TN*** 241	Nguyễn Rượu Thúy	09/12/1982	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11539	***TN*** 242	Nguyễn Thị Túy	01/10/1980	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11540	***TN*** 243	Nguyễn Thị Vui	02/05/1979	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11541	***TN*** 244	Nguyễn Thị Thanh Xuyên	13/03/1983	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11542	***TN*** 245	Lê Thị Yến	10/05/1985	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11543	***TN*** 246	Hoàng Ngọc Mai	15/10/1995	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11544	***TN*** 247	Vũ Thị Kim Thoa	09/03/1973	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11545	***TN*** 248	Nguyễn Thị Trang	07/10/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11546	***TN*** 249	Đỗ Thị Phương Chi	05/09/1984	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11547	***TN*** 250	Ngô Hồng Diệp	21/12/1987	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11548	***TN*** 251	Lương Thị Giang	05/10/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11549	***TN*** 252	Nguyễn Thị Hiền	15/07/1986	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11550	***TN*** 253	Nguyễn Thị Hiếu	04/04/1989	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11551	***TN*** 254	Lê Thị Lan Hương	09/11/1991	Khánh Hà	Thường Tín	95	Bản NXĐG XL VC năm 2021-2022 HT ký và nhận xét thời điểm T5/2021
11552	***TN*** 255	Đỗ Thu Huyền	10/03/1991	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11553	***TN*** 256	Nguyễn Thị Ngọc Kim	08/01/1982	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11554	***TN*** 257	Nguyễn Thị Lan	03/01/1986	Khánh Hà	Thường Tín	95	Bản NXĐG XL VC năm 2021-2022 HT ký và nhận xét thời điểm T5/2021
11555	***TN*** 258	Lương Thùy Linh	14/09/1987	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11556	***TN*** 259	Lê Thanh Loan	27/10/1989	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11557	***TN*** 260	Tô Thị Lý	10/08/1990	Khánh Hà	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11558	***TN*** 261	Trần Thị Nhung	15/12/1993	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11559	***TN*** 262	Đào Kim Phượng	25/10/1989	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11560	***TN*** 263	Nguyễn Thị Thảo	02/01/1994	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11561	***TN*** 264	Hà Thanh Thúy	15/08/1986	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11562	***TN*** 265	Nguyễn Trung Thủy	17/01/1980	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11563	***TN*** 266	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01/08/1989	Khánh Hà	Thường Tín	100	
11564	***TN*** 267	Đặng Thị Thúy Hường	06/04/1973	Lê Lợi	Thường Tín	100	
11565	***TN*** 268	Hà Thị Mơ	18/06/1985	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11566	***TN*** 269	Nguyễn T. Như Quỳnh	17/12/1980	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11567	***TN*** 270	Hoàng T Bích Ngọc	21/12/1979	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11568	***TN*** 271	Nguyễn Thị Tuyển	03/08/1980	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11569	***TN*** 272	Hà Thị Mến	19/01/1987	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11570	***TN*** 273	Nguyễn Thị Thu Hà	16/10/1989	Lê Lợi	Thường Tín	100	
11571	***TN*** 274	Nguyễn Thúy Hằng	20/07/1989	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11572	***TN*** 275	Bùi T Thúy Phương	07/06/1990	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11573	***TN*** 276	Kim Thị Oanh	18/06/1986	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11574	***TN*** 277	Đoàn T Thanh Nhàn	03/11/1987	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11575	***TN*** 278	Vũ Thị Hương	12/08/1982	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11576	***TN*** 279	Hà Thị Vui	13/11/1981	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11577	***TN*** 280	Đỗ Thị Huyền	12/05/1993	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11578	***TN*** 281	Vũ Thị Lan	25/06/1991	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11579	***TN*** 282	Vũ Thị Ánh Hồng	28/09/1987	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11580	***TN*** 283	Lê Thị Tươi	14/08/1989	Lê Lợi	Thường Tín	100	
11581	***TN*** 284	Phạm Thị Kiều Dung	18/03/1992	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11582	***TN*** 285	Hoàng Thị Thuận	10/04/1985	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11583	***TN*** 286	Quách Thị Ngoan	05/07/1980	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11584	***TN*** 287	Hà Thị Oanh	07/08/1990	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11585	***TN*** 288	Nguyễn Thị Phượng	27/05/1989	Lê Lợi	Thường Tín	100	
11586	***TN*** 289	Nguyễn Thị Khuyến	30/09/1988	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11587	***TN*** 290	Phùng Thị Hảo	20/06/1984	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11588	***TN*** 291	Hà Thị Phương	05/10/1989	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11589	***TN*** 292	Hà Thị Kim Nhung	26/12/1993	Lê Lợi	Thường Tín	100	
11590	***TN*** 293	Ngô Thị Hường	03/11/1992	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11591	***TN*** 294	Bùi Thị Hiền	04/08/1991	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11592	***TN*** 295	Phạm Thị Dung	19/04/1993	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11593	***TN*** 296	Hà Thị Xuân	21/11/1992	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11594	***TN*** 297	Uông Thị Ngọc Hoa	08/05/1994	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11595	***TN*** 298	Trần Thị Lệ Diễm	25/09/1992	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11596	***TN*** 299	Nguyễn Thị Trà	07/04/1994	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11597	***TN*** 300	Hà Thanh Nga	11/10/1986	Lê Lợi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11598	***TN*** 301	Phạm T Thanh Quyên	10/08/1994	Lê Lợi	Thường Tín	100	
11599	***TN*** 302	Nguyễn Thị Quý	11/9/1981	Liên Phương	Thường Tín	100	
11600	***TN*** 303	Đỗ Thị Khuyên	05/07/1983	Liên Phương	Thường Tín	100	
11601	***TN*** 304	Phạm Thị Thanh Huyền	02/01/1983	Liên Phương	Thường Tín	100	
11602	***TN*** 305	Lê Thị Mậu	27/09/1968	Liên Phương	Thường Tín	100	
11603	***TN*** 306	Đỗ Thị Kim May	29/04/1973	Liên Phương	Thường Tín	100	
11604	***TN*** 307	Nguyễn Thị Tuyết	04/01/1986	Liên Phương	Thường Tín	100	
11605	***TN*** 308	Nguyễn Thị Tố Loan	22/06/1983	Liên Phương	Thường Tín	100	
11606	***TN*** 309	Lê Thị Minh Thu	22/08/1991	Liên Phương	Thường Tín	100	
11607	***TN*** 310	Lê Thị Quỳnh Trang	02/09/1982	Liên Phương	Thường Tín	100	
11608	***TN*** 311	Lê Thị Nhàn	26/05/1985	Liên Phương	Thường Tín	100	
11609	***TN*** 312	Phan Thị Lan	20/12/1983	Liên Phương	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11610	***TN*** 313	Lê Thị Quỳnh	21/11/1994	Liên Phương	Thường Tín	100	
11611	***TN*** 314	Lê Thị Luyến	09/01/1987	Liên Phương	Thường Tín	100	
11612	***TN*** 315	Uông Thị Ninh	24/10/1987	Liên Phương	Thường Tín	100	
11613	***TN*** 316	Hoàng Thị Ngân	01/10/1987	Liên Phương	Thường Tín	100	
11614	***TN*** 317	Đỗ Thị Trang	03/04/1985	Liên Phương	Thường Tín	100	
11615	***TN*** 318	Nguyễn Thị Thảo	15/11/1994	Liên Phương	Thường Tín	100	
11616	***TN*** 319	Từ Thị Thanh Huyền	01/09/1982	Liên Phương	Thường Tín	100	
11617	***TN*** 320	Nguyễn Thị Ngà	04/10/1993	Liên Phương	Thường Tín	100	
11618	***TN*** 321	Lê Thị Tuyến	16/12/1989	Liên Phương	Thường Tín	100	
11619	***TN*** 322	Nguyễn Thị Hải Yến	06/10/1993	Liên Phương	Thường Tín	100	
11620	***TN*** 323	Tạ Thị Thu Loan	18/07/1980	Liên Phương	Thường Tín	100	
11621	***TN*** 324	Đỗ Thị Ninh Chi	09/10/1993	Liên Phương	Thường Tín	100	
11622	***TN*** 325	Từ Thị My	17/11/1988	Liên Phương	Thường Tín	100	
11623	***TN*** 326	Lê Thị Thủy	12/11/1989	Liên Phương	Thường Tín	100	
11624	***TN*** 327	Uông Thị Nhung	12/11/1989	Liên Phương	Thường Tín	100	
11625	***TN*** 328	Ngô Thị Bích Bằng	18/03/1994	Liên Phương	Thường Tín	100	
11626	***TN*** 329	Chu Thị Hà Trang	15/06/1994	Liên Phương	Thường Tín	100	
11627	***TN*** 330	Nguyễn Thị Hương Hà	13/11/1991	Liên Phương	Thường Tín	100	
11628	***TN*** 331	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	07/05/1988	Liên Phương	Thường Tín	100	
11629	***TN*** 332	Bùi Thị Thu	28/12/1993	Liên Phương	Thường Tín	100	
11630	***TN*** 333	Nguyễn Thị Trang	'18/10/1994	Liên Phương	Thường Tín	100	
11631	***TN*** 334	Đồng Thị Vui	10/9/1987	Liên Phương	Thường Tín	100	
11632	***TN*** 335	Nguyễn Thị Mai Trang	13/11/1986	Minh Cường	Thường Tín	100	
11633	***TN*** 336	Nguyễn Thị Phương	13/07/1980	Minh Cường	Thường Tín	100	
11634	***TN*** 337	Nguyễn Thị Thúy	30/10/1992	Minh Cường	Thường Tín	100	
11635	***TN*** 338	Nguyễn Thị Phương	12/05/1986	Minh Cường	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11636	***TN*** 339	Đinh Thị Hiệp	10/08/1983	Minh Cường	Thường Tín	100	
11637	***TN*** 340	Nguyễn Thị Phương Thúy	01/08/1989	Minh Cường	Thường Tín	100	
11638	***TN*** 341	Nguyễn Thị Phương Thúy	11/01/1986	Minh Cường	Thường Tín	100	
11639	***TN*** 342	Nguyễn Thị Hoa	07/08/1993	Minh Cường	Thường Tín	100	
11640	***TN*** 343	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/04/1985	Minh Cường	Thường Tín	100	
11641	***TN*** 344	Vũ Thị Lan	06/03/1982	Minh Cường	Thường Tín	100	
11642	***TN*** 345	Nguyễn Thị Huệ	22/02/1986	Minh Cường	Thường Tín	100	
11643	***TN*** 346	Hoàng Thị Hoa	24/02/1987	Minh Cường	Thường Tín	100	
11644	***TN*** 347	Trần Thị Kim Anh	10/09/1978	Minh Cường	Thường Tín	100	
11645	***TN*** 348	Nguyễn Thị Thúy	23/03/1992	Minh Cường	Thường Tín	100	
11646	***TN*** 349	Trần Thị Bạch	05/05/1973	Minh Cường	Thường Tín	100	
11647	***TN*** 350	Nguyễn Thị Nhung	13/11/1989	Minh Cường	Thường Tín	100	
11648	***TN*** 351	Nguyễn Thị Hồng Trang	17/06/1989	Minh Cường	Thường Tín	100	
11649	***TN*** 352	Lê Thị Hồng Nhung	31/08/1990	Minh Cường	Thường Tín	100	
11650	***TN*** 353	Trần Thị Thu Huệ	21/09/1974	Minh Cường	Thường Tín	100	
11651	***TN*** 354	Nguyễn Thị Huệ	05/10/1989	Minh Cường	Thường Tín	100	
11652	***TN*** 355	Lê Thị Hồng	05/09/1984	Minh Cường	Thường Tín	100	
11653	***TN*** 356	Trần Thị Hằng	04/04/1982	Minh Cường	Thường Tín	100	
11654	***TN*** 357	Trần Thu Hằng	06/06/1985	Minh Cường	Thường Tín	100	
11655	***TN*** 358	Phạm Thị Thảo	26/06/1984	Minh Cường	Thường Tín	100	
11656	***TN*** 359	Vũ Thị Vân Anh	31/08/1992	Minh Cường	Thường Tín	100	
11657	***TN*** 360	Nguyễn Hồng Chang	08/08/1986	Minh Cường	Thường Tín	100	
11658	***TN*** 361	Nguyễn Thị Quyên	07/01/1987	Minh Cường	Thường Tín	100	
11659	***TN*** 362	Hoàng Thị Hà	08/12/1991	Minh Cường	Thường Tín	100	
11660	***TN*** 363	Nguyễn Thị Hiền	10/08/1994	Minh Cường	Thường Tín	100	
11661	***TN*** 364	Nguyễn Thị Linh Chi	12/06/1992	Minh Cường	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11662	***TN*** 365	Phạm Thị Thắm	26/02/1994	Minh Cường	Thường Tín	100	
11663	***TN*** 366	Trần Thị Nga	09/10/1991	Minh Cường	Thường Tín	100	
11664	***TN*** 367	Dương Thị Vân Nga	02/08/1990	Minh Cường	Thường Tín	100	
11665	***TN*** 368	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/06/1979	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11666	***TN*** 369	Trịnh Thị Thúy Vân	23/12/1979	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11667	***TN*** 370	Đinh Thị Ban Mai	19/8/1982	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11668	***TN*** 371	Hoàng Thị Lan	01/4/1986	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11669	***TN*** 372	Nguyễn Thị Thu Hương	24/10/1986	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11670	***TN*** 373	Hoàng Thúy Uyên	09/01/1973	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11671	***TN*** 374	Ngô Thị Minh Chức	07/11/1982	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11672	***TN*** 375	Trịnh Hoài Phương	10/7/1991	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11673	***TN*** 376	Dư Thị Chung	30/6/1987	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11674	***TN*** 377	Đỗ Thị Duyên	11/02/1990	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11675	***TN*** 378	Nguyễn Thu Trang	11/01/1986	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11676	***TN*** 379	Lê Thị Thu Hằng	01/6/1993	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11677	***TN*** 380	Nguyễn Thị Bích Hạnh	01/01/1991	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11678	***TN*** 381	Nguyễn Thanh Hải	01/01/1993	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11679	***TN*** 382	Nguyễn Thị Phương	27/7/1991	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11680	***TN*** 383	Lê Trang Nhung	06/9/1990	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11681	***TN*** 384	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/01/1988	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11682	***TN*** 385	Dương Thị Huyên	05/02/1990	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11683	***TN*** 386	Nguyễn Thị Thanh Tươi	12/3/1986	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11684	***TN*** 387	Hoàng Thanh Lam	04/9/1992	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11685	***TN*** 388	Đào Thị Thu Phương	10/03/1984	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11686	***TN*** 389	Lê Thúy Nga	26/10/1994	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11687	***TN*** 390	Đỗ Thị Lên	30/10/1986	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11688	***TN*** 391	Hoàng Thị Thanh	23/5/1985	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11689	***TN*** 392	Lâm Thị Ánh Vân	06/9/1993	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	100	
11690	***TN*** 393	Trần Thị Thanh Tâm	03/08/1980	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11691	***TN*** 394	Nguyễn Thị Vân	20/11/1975	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11692	***TN*** 395	Lê Thị Loan Anh	27/04/1979	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11693	***TN*** 396	Phạm Thị Tuyến	14/03/1973	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11694	***TN*** 397	Tạ Thị Khuyên	27/12/1970	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11695	***TN*** 398	Nguyễn Thị Hồng	18/11/1972	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11696	***TN*** 399	Lê Thị Thúy Nga	20/12/1970	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11697	***TN*** 400	Đinh Thị Viễn	13/11/1976	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11698	***TN*** 401	Phạm Thị Lụa	15/07/1983	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11699	***TN*** 402	Trần Thị Vân Anh	05/08/1990	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11700	***TN*** 403	Đặng Thị Thời	20/01/1977	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11701	***TN*** 404	Lê Thị Thanh	13/06/1985	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11702	***TN*** 405	Lê Thị Tuyết	05/04/1984	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11703	***TN*** 406	Tạ Thị Diệu Linh	18/07/1992	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11704	***TN*** 407	Nguyễn Thị Ái Lập	11/10/1990	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11705	***TN*** 408	Trần Thị Hồng	04/01/1977	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11706	***TN*** 409	Lê Thị Ngọc Anh	23/10/1985	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11707	***TN*** 410	Phạm Ngọc Hân	13/07/1990	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11708	***TN*** 411	Nguyễn Thị Hương Giang	27/08/1983	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11709	***TN*** 412	Vũ Thị Hường	17/04/1983	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11710	***TN*** 413	Nguyễn Thị Việt Hà	12/04/1985	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11711	***TN*** 414	Đỗ Thị Thu Liễu	23/03/1968	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11712	***TN*** 415	Tạ Thị Thu Trang	09/03/1983	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11713	***TN*** 416	Trần Thị Hậu	27/12/1985	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11714	***TN*** 417	Lê Thị Khánh Hà	07/01/1981	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11715	***TN*** 418	Tạ Thị Thu Huyền	24/10/1985	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11716	***TN*** 419	Vũ Thị Thu Hường	11/07/1984	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11717	***TN*** 420	Dương Thị Diễm	27/10/1993	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11718	***TN*** 421	Dương Thị Phương	17/10/1988	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11719	***TN*** 422	Tạ Thị Quyên	10/03/1990	Nguyễn Trãi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11720	***TN*** 423	Nguyễn Thị Mai Phương	28/11/1988	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11721	***TN*** 424	Phạm Thị Bích Hoàn	19/09/1989	Nguyễn Trãi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11722	***TN*** 425	Trần Thị Thùy Linh	09/09/1993	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11723	***TN*** 426	Nguyễn Thị Thúy	03/11/1993	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11724	***TN*** 427	Trần Thị Lan Anh	25/09/1987	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11725	***TN*** 428	Nguyễn Thị Dơn	07/07/1990	Nguyễn Trãi	Thường Tín	100	
11726	***TN*** 429	Đào Thị Kim Oanh	14/07/1988	Nguyễn Trãi	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11727	***TN*** 430	Phạm Thị Lam	10/10/1980	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11728	***TN*** 431	Nguyễn Thị May	15/01/1980	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11729	***TN*** 432	Bùi Thị Oanh	31/01/1973	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11730	***TN*** 433	Phạm Thị Phương	8/8/1983	Nhị Khê	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11731	***TN*** 434	Trương Thị Hạnh	5/11/1971	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11732	***TN*** 435	Nguyễn Thị Hải	4/1/1983	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11733	***TN*** 436	Phạm Thị Hoa	1/6/1988	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11734	***TN*** 437	Vũ Thị Quỳnh Mai	22/01/1980	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11735	***TN*** 438	Nguyễn Thị Thu Thủy	8/5/1982	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11736	***TN*** 439	Nguyễn Thị Liễu	19/08/1982	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11737	***TN*** 440	Nguyễn Thị Xuân Hương	6/11/1988	Nhị Khê	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11738	***TN*** 441	Nguyễn Thị Thơi	29/01/1988	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11739	***TN*** 442	Lê Thị Hồng Thao	16/11/1983	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11740	***TN*** 443	Phạm Thị Quỳnh	16/10/1980	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11741	***TN*** 444	Nguyễn Thị Thùy Linh	28/08/1988	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11742	***TN*** 445	Nguyễn Thị Thanh Thúy	18/10/1982	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11743	***TN*** 446	Thiều Thị Hà	2/2/1984	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11744	***TN*** 447	Trương Thị Hồng Thu	15/09/1985	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11745	***TN*** 448	Trương Thị Tâm	21/06/1988	Nhị Khê	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11746	***TN*** 449	Nguyễn Thị Nhung	03/12/1980	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11747	***TN*** 450	Ngân Thị Khì	27/09/1985	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11748	***TN*** 451	Lương Thị Thu	05/03/1987	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11749	***TN*** 452	Nguyễn Thúy Quỳnh	28/11/1983	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11750	***TN*** 453	Phạm Hải Yến	23/02/1984	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11751	***TN*** 454	Nguyễn Thị Hoài	02/05/1994	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11752	***TN*** 455	Nguyễn Thị Thanh Tâm	05/09/1992	Nhị Khê	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11753	***TN*** 456	Trần Thị Minh Hoạt	25/12/1982	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11754	***TN*** 457	Trương Thị Thanh	28/09/1990	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11755	***TN*** 458	Nguyễn Thị Thúy	22/03/1981	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11756	***TN*** 459	Trương Thị Sâm	01/08/1994	Nhị Khê	Thường Tín	60	Bằng cử nhân, CC CDNN, các QĐ, ĐGXL VC là bản photo (không chứng thực)
11757	***TN*** 460	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	30/10/1991	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11758	***TN*** 461	Phạm Thị Thanh Vinh	7/1/1978	Nhị Khê	Thường Tín	100	
11759	***TN*** 462	Nguyễn Thị Thái Minh	14/7/1982	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11760	***TN*** 463	Nguyễn Thị Hiền	21/02/1981	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11761	***TN*** 464	Đặng Thị Mai Ngà	28/10/1982	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11762	***TN*** 465	Đặng Thị Hạnh	15/4/1985	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11763	***TN*** 466	Phạm Thị Hà Giang	02/7/1984	Ninh Sở	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11764	***TN*** 467	Trần Thị Loan	14/7/1988	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11765	***TN*** 468	Vũ Thanh Thủy	26/11/1977	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11766	***TN*** 469	Trần Thị Hải Yến	17/8/1986	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11767	***TN*** 470	Trần Thị Nguyệt Minh	15/9/1989	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11768	***TN*** 471	Vũ Thị Nhàn	05/7/1991	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11769	***TN*** 472	Nguyễn Thị Liên	10/10/1991	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11770	***TN*** 473	Trần Thị Thu Linh	01/7/1986	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11771	***TN*** 474	Vũ Thị Hiền	09/10/1990	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11772	***TN*** 475	Hoàng Thị Bình	29/10/1969	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11773	***TN*** 476	Nguyễn Thị Khuyên	14/5/1989	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11774	***TN*** 477	Vũ Thị Hà Trang	15/11/1993	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11775	***TN*** 478	Nguyễn Thị Thu Trang	12/5/1987	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11776	***TN*** 479	Nguyễn Thị Thùy	14/10/1984	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11777	***TN*** 480	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/7/1987	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11778	***TN*** 481	Phạm Thị Hồng Hạnh	13/02/1982	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11779	***TN*** 482	Phạm Thị Thu Hiền	19/10/1977	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11780	***TN*** 483	Phạm Thị Huệ	24/12/1979	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11781	***TN*** 484	Tạ Thị Hòa	09/02/1984	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11782	***TN*** 485	Nguyễn Thị Hạnh	18/10/1978	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11783	***TN*** 486	Phạm Thị Kiều Vân	15/02/1983	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11784	***TN*** 487	Nguyễn Thị Kim Thùy	7/2/1987	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11785	***TN*** 488	Nguyễn Thị Khánh Ly	23/3/1990	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11786	***TN*** 489	Nguyễn Thị Thim	07/5/1983	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11787	***TN*** 490	Phạm Thị Thanh Xuân	03/02/1978	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11788	***TN*** 491	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/02/1987	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11789	***TN*** 492	Trần Thị Hồng Nhung	13/9/1989	Ninh Sở	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11790	***TN*** 493	Đỗ Huyền Trang	05/9/1993	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11791	***TN*** 494	Nguyễn Thị Hồng Luyến	03/01/1992	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11792	***TN*** 495	Nguyễn Xuân Khiêm	14/8/1988	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11793	***TN*** 496	Trần Thị Thuận yến	17/5/1986	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11794	***TN*** 497	Lê Thị Thanh Hoa	01/4/1987	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11795	***TN*** 498	Đặng Thị Trang	17/5/1986	Ninh Sở	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
11796	***TN*** 499	Nguyễn Lệ Thu	14/11/1995	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11797	***TN*** 500	Phạm Thị Ngọc	11/11/1980	Ninh Sở	Thường Tín	100	
11798	***TN*** 501	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	25/4/1979	Quất Động	Thường Tín	100	
11799	***TN*** 502	Nguyễn Bích Ngọc	22/11/1968	Quất Động	Thường Tín	100	
11800	***TN*** 503	Tạ Thị Thanh Huyền	6/9/1978	Quất Động	Thường Tín	100	
11801	***TN*** 504	Đặng Thị Hồng Lụa	21/11/1991	Quất Động	Thường Tín	100	
11802	***TN*** 505	Lưu Thị Mai Loan	14/01/1990	Quất Động	Thường Tín	100	
11803	***TN*** 506	Đỗ Thị Nhàn	20/06/1987	Quất Động	Thường Tín	100	
11804	***TN*** 507	Tạ Thị Minh Thu	23/10/1990	Quất Động	Thường Tín	100	
11805	***TN*** 508	Hoàng Thị Yên	12/08/1969	Quất Động	Thường Tín	100	
11806	***TN*** 509	Ngô Thanh Tâm	8/2/1992	Quất Động	Thường Tín	100	
11807	***TN*** 510	Lê Thu Nhàn	19/05/1991	Quất Động	Thường Tín	100	
11808	***TN*** 511	Tạ Thị Nhung	10/7/1986	Quất Động	Thường Tín	100	
11809	***TN*** 512	Trương Thị Thu	24/02/1986	Quất Động	Thường Tín	100	
11810	***TN*** 513	Lê Thị Đua	7/8/1987	Quất Động	Thường Tín	100	
11811	***TN*** 514	Phạm Thị Nhiên	6/6/1991	Quất Động	Thường Tín	100	
11812	***TN*** 515	Dương Thị Thùy Linh	21/1/1987	Quất Động	Thường Tín	100	
11813	***TN*** 516	Lê Thị Thu Hà	28/10/1985	Quất Động	Thường Tín	100	
11814	***TN*** 517	Lê Thị Phương Đông	10/9/1969	Quất Động	Thường Tín	100	
11815	***TN*** 518	Tạ Thị Huyền	7/3/1985	Quất Động	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11816	***TN*** 519	Phạm Thị Huyền	10/5/1983	Quất Động	Thường Tín	100	
11817	***TN*** 520	Trịnh Thị Ngọc	26/10/1988	Quất Động	Thường Tín	100	
11818	***TN*** 521	Nguyễn Thị Thu Hương	29/6/1989	Quất Động	Thường Tín	100	
11819	***TN*** 522	Nguyễn Thị Diệu Thúy	01/7/1976	Quất Động	Thường Tín	100	
11820	***TN*** 523	Nguyễn Thị Yến	13/02/1987	Quất Động	Thường Tín	100	
11821	***TN*** 524	Ngô Thị Thu Hương	03/7/1981	Quất Động	Thường Tín	100	
11822	***TN*** 525	Nguyễn Thị Quỳnh	28/10/1991	Quất Động	Thường Tín	100	
11823	***TN*** 526	Vũ Thị Huệ	20/02/1991	Quất Động	Thường Tín	100	
11824	***TN*** 527	Đàm Thị Thu Huyền	10/1/1985	Quất Động	Thường Tín	100	
11825	***TN*** 528	Lưu Thị Anh	18/04/1983	Quất Động	Thường Tín	100	
11826	***TN*** 529	Nguyễn Thị Hoa	12/5/1968	Quất Động	Thường Tín	100	
11827	***TN*** 530	Nguyễn Thị Phương	1/12/1982	Quất Động	Thường Tín	100	
11828	***TN*** 531	Nguyễn Thị Đông	06/12/1983	Quất Động	Thường Tín	100	
11829	***TN*** 532	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/02/1987	Quất Động	Thường Tín	100	
11830	***TN*** 533	Trần Thị Hương	17/02/1977	Quất Động	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
11831	***TN*** 534	Nguyễn Thị Ngọc Linh	01/09/1979	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11832	***TN*** 535	Lương Ngọc Anh	11/01/1977	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11833	***TN*** 536	Đặng Thị Hồng Nụ	16/08/1988	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11834	***TN*** 537	Đinh Thị Phương	23/11/1988	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11835	***TN*** 538	Nguyễn Thị Minh Thi	07/08/1981	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11836	***TN*** 539	Nguyễn Thị Thu	07/09/1990	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11837	***TN*** 540	Đinh Thị Nụ	12/6/1984	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11838	***TN*** 541	Nguyễn Thị Hương Giang	19/08/1994	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11839	***TN*** 542	Giang Thị Lệ Quyên	27/05/1990	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11840	***TN*** 543	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/08/1994	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11841	***TN*** 544	Nguyễn Thị Yến	16/03/1993	Sao Khuê	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11842	***TN*** 545	Vũ Thị Hồng Hạnh	07/10/1992	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11843	***TN*** 546	Nguyễn Thị Hậu	15/4/1988	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11844	***TN*** 547	Bùi Thị Hồng Thanh	08/12/1985	Sao Khuê	Thường Tín	100	
11845	***TN*** 548	Nguyễn Thị Xuyên	15/02/1970	Tân Minh	Thường Tín	100	
11846	***TN*** 549	Phạm Thị Duyên	27/01/1972	Tân Minh	Thường Tín	100	
11847	***TN*** 550	Nguyễn Thị Huế	01/08/1980	Tân Minh	Thường Tín	100	
11848	***TN*** 551	Đỗ Thị Việt Oanh	07/11/1979	Tân Minh	Thường Tín	100	
11849	***TN*** 552	Nguyễn Thị Thuỷ	20/09/1976	Tân Minh	Thường Tín	100	
11850	***TN*** 553	Trần Thị Minh Ngọc	07/07/1981	Tân Minh	Thường Tín	100	
11851	***TN*** 554	Trần Thị Huệ	01/10/1984	Tân Minh	Thường Tín	100	
11852	***TN*** 555	Nguyễn Thị Loan	19/04/1993	Tân Minh	Thường Tín	100	
11853	***TN*** 556	Tạ Thị Thúy Ngọc	05/06/1983	Tân Minh	Thường Tín	100	
11854	***TN*** 557	Nguyễn Thị Thà	10/07/1981	Tân Minh	Thường Tín	100	
11855	***TN*** 558	Nguyễn Thị Nơ	04/03/1978	Tân Minh	Thường Tín	100	
11856	***TN*** 559	Nguyễn Thị Thuý	13/10/1973	Tân Minh	Thường Tín	100	
11857	***TN*** 560	Lê Ngọc Mai	10/03/1993	Tân Minh	Thường Tín	100	
11858	***TN*** 561	Lê Thị Hằng	07/11/1990	Tân Minh	Thường Tín	100	
11859	***TN*** 562	Lê Thị Thanh	21/08/1985	Tân Minh	Thường Tín	100	
11860	***TN*** 563	Nguyễn Thu Huyền	08/11/1989	Tân Minh	Thường Tín	100	
11861	***TN*** 564	Đàm Thị Hoa	14/11/1985	Tân Minh	Thường Tín	100	
11862	***TN*** 565	Đặng Thị Thảo	17/10/1992	Tân Minh	Thường Tín	100	
11863	***TN*** 566	Bùi Thị Hải	13/03/1993	Tân Minh	Thường Tín	100	
11864	***TN*** 567	Nguyễn Thị Mến	07/09/1994	Tân Minh	Thường Tín	100	
11865	***TN*** 568	Mai Thị Mỹ Hạnh	25/11/1994	Tân Minh	Thường Tín	100	
11866	***TN*** 569	Đinh Thị Phúc	16/09/1985	Tân Minh	Thường Tín	100	
11867	***TN*** 570	Nguyễn Phương Liên	18/12/1981	Tân Minh	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11868	***TN*** 571	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/09/1982	Tân Minh	Thường Tín	100	
11869	***TN*** 572	Nguyễn Thị Huyền	30/07/1994	Tân Minh	Thường Tín	100	
11870	***TN*** 573	Trần Thị Loan	24/11/1991	Tân Minh	Thường Tín	100	
11871	***TN*** 574	Lê Thị Phương Nam	26/12/1989	Tân Minh	Thường Tín	100	
11872	***TN*** 575	Lưu Thị Hồng Nhung	16/09/1989	Tân Minh	Thường Tín	100	
11873	***TN*** 576	Nguyễn Thị Uyên	18/07/1991	Tân Minh	Thường Tín	100	
11874	***TN*** 577	Trần Thị Tuyền	08/09/1994	Tân Minh	Thường Tín	100	
11875	***TN*** 578	Nguyễn Thị Dung	26/07/1993	Tân Minh	Thường Tín	100	
11876	***TN*** 579	Lưu Thị Phương Băng	12/08/1987	Tân Minh	Thường Tín	100	
11877	***TN*** 580	Nguyễn Thị Hồng	05/05/1988	Tân Minh	Thường Tín	100	
11878	***TN*** 581	Lê Thị vui	05/01/1985	Tân Minh	Thường Tín	100	
11879	***TN*** 582	Đào Thị Huân	15/09/2984	Tân Minh	Thường Tín	100	
11880	***TN*** 583	Nguyễn Thị Thuý Lan	01/08/1986	Tân Minh	Thường Tín	100	
11881	***TN*** 584	Nguyễn Thị Thuý	08/08/1983	Tân Minh	Thường Tín	100	
11882	***TN*** 585	Lê Thị Thu Cúc	06/07/1974	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11883	***TN*** 586	Nguyễn Thị Hoa	11/10/1983	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11884	***TN*** 587	Đỗ Thị Thu	20/05/1985	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11885	***TN*** 588	Phùng Thanh Thủy	30/11/1986	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11886	***TN*** 589	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	22/11/1986	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11887	***TN*** 590	Ngô Thị Hồng Thắm	26/05/1980	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11888	***TN*** 591	Ngô Thị Kim Oanh	24/03/1981	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11889	***TN*** 592	Lê Thị Thủy	19/05/1990	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11890	***TN*** 593	Lê Thị Nga	06/02/1993	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11891	***TN*** 594	Trần Thị Liên	08/08/1987	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11892	***TN*** 595	Lê Thị Thu Ánh	30/10/1991	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11893	***TN*** 596	Nguyễn Thị Hoa	04/05/1994	Thắng Lợi	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11894	***TN*** 597	Đỗ Thị Tâm	27/07/1987	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11895	***TN*** 598	Dương Thị Thu	24/11/1991	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11896	***TN*** 599	Lê Thúy Ngần	18/01/1990	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11897	***TN*** 600	Hoàng Thị Duyên	05/03/1988	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11898	***TN*** 601	Đoàn Thị Huyền	06/10/1989	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11899	***TN*** 602	Nguyễn Thị Phương Xa	04/09/1984	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11900	***TN*** 603	Vũ Thị Kim Tuyến	17/09/1986	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11901	***TN*** 604	Đặng Thị Tuyết Mai	09/06/1983	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11902	***TN*** 605	Đặng Kim Dung	11/04/1975	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11903	***TN*** 606	Tạ Thị Hồng	10/08/1975	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11904	***TN*** 607	Nguyễn Thị Quỳnh	10/09/1990	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11905	***TN*** 608	Trương Thị Lý	21/11/1988	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11906	***TN*** 609	Nguyễn Thị Dung	23/09/1994	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11907	***TN*** 610	Đoàn Thị Thu Hiền	28/12/1985	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11908	***TN*** 611	Nguyễn Thị Chiều	01/08/1987	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11909	***TN*** 612	Dương Thị Thu Xoan	17/09/1988	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11910	***TN*** 613	Nguyễn Thị Lan Anh	02/07/1972	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11911	***TN*** 614	Tạ Thị Huyền	15/09/1974	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11912	***TN*** 615	Lê Thị Thúy	20/2/1984	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11913	***TN*** 616	Đàm Thị Luyến	22/09/1992	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11914	***TN*** 617	Nguyễn Thị Huế	07/02/1987	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11915	***TN*** 618	Thái Thị Thu Xuê	26/09/1986	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11916	***TN*** 619	Phạm Thị Hồng Mai	20/09/1988	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11917	***TN*** 620	Hà Thị Yến	7/01/1983	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11918	***TN*** 621	Nguyễn Thị Nhuận	10/11/1988	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11919	***TN*** 622	Nguyễn Thị Thìn	03/12/1990	Thắng Lợi	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11920	***TN*** 623	Nguyễn Thị Kiên	27/12/1985	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11921	***TN*** 624	Phạm Thị Thanh Hằng	30/11/1992	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11922	***TN*** 625	Hoàng Phương Thúy	10/11/1993	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11923	***TN*** 626	Nguyễn Thị Hiền	17/01/1989	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11924	***TN*** 627	Lê Thị Uyên	28/06/1995	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11925	***TN*** 628	Nguyễn Thị Hường	17/06/1985	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11926	***TN*** 629	Lê Thị Lan	16/03/1989	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11927	***TN*** 630	Đặng Thị Thanh Dung	23/12/1984	Thắng Lợi	Thường Tín	100	
11928	***TN*** 631	Tạ Thị Quyên	23/03/1972	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11929	***TN*** 632	Trịnh Thu Hà	30/09/1973	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11930	***TN*** 633	Lê Thị Thà	12/07/1980	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11931	***TN*** 634	Nguyễn Thị Luật	12/07/1980	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11932	***TN*** 635	Nguyễn Thị Tuân	28/02/1989	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11933	***TN*** 636	Nguyễn Thị Lương	08/3/1992	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11934	***TN*** 637	Hoàng Thị Thu Hà	12/07/1991	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11935	***TN*** 638	Dương Thị Ngọc	18/11/1990	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11936	***TN*** 639	Dương Thị Duyên	13/08/1985	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11937	***TN*** 640	Nguyễn Thị Kim Huệ	19/12/1986	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11938	***TN*** 641	Đinh Thị Thùy Linh	24/04/1994	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11939	***TN*** 642	Lê Thị Minh	14/04/1974	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11940	***TN*** 643	Đào Thị Châm	25/02/1985	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11941	***TN*** 644	Bùi Thị Thanh Điềm	27/07/1974	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11942	***TN*** 645	Trần Thị Thanh	20/12/1993	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11943	***TN*** 646	Nguyễn Thị Mong	15/08/1968	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11944	***TN*** 647	Hoàng Thị Tuyển	07/10/1977	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11945	***TN*** 648	Hoàng Thị Thức	21/07/1986	Thống Nhất	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11946	***TN*** 649	Nguyễn Thị Hà	23/07/1995	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11947	***TN*** 650	Lê Thị Ánh Tuyết	17/07/1982	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11948	***TN*** 651	Phạm Thị Hợp	02/02/1984	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11949	***TN*** 652	Trần Hồng Tươi	14/08/1992	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11950	***TN*** 653	Quách Thị Bích Hạnh	10/02/1993	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11951	***TN*** 654	Hồ Thanh Hà	06/07/1984	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11952	***TN*** 655	Hồ Xuân Hương	26/12/1986	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11953	***TN*** 656	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/05/1994	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11954	***TN*** 657	Nguyễn Thị Thanh Mai	29/04/1982	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11955	***TN*** 658	Phạm Thị Huệ	05/01/1987	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11956	***TN*** 659	Dương Thị Lan	23/02/1991	Thống Nhất	Thường Tín	100	
11957	***TN*** 660	Nguyễn Thị Minh Duệ	25/2/1978	Thư Phú	Thường Tín	100	
11958	***TN*** 661	Lương Thị Thuỷ	24/6/1984	Thư Phú	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11959	***TN*** 662	Trần Thị Ngọc	02/12/1969	Thư Phú	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11960	***TN*** 663	Văn Thị Út	15/11/1985	Thư Phú	Thường Tín	100	
11961	***TN*** 664	Lương Thị Bắc	27/8/1987	Thư Phú	Thường Tín	100	
11962	***TN*** 665	Văn Thị Loan	30/10/1993	Thư Phú	Thường Tín	100	
11963	***TN*** 666	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	18/7/1982	Thư Phú	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11964	***TN*** 667	Nguyễn Thị Thắm	13/9/1986	Thư Phú	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11965	***TN*** 668	Nguyễn Thị Kim Dung	22/4/1986	Thư Phú	Thường Tín	100	
11966	***TN*** 669	Nguyễn Thị Xuân	10/9/1985	Thư Phú	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11967	***TN*** 670	Lương Thị Hoan	16/6/1977	Thư Phú	Thường Tín	100	
11968	***TN*** 671	Lê Thị Hoa	13/12/1987	Thư Phú	Thường Tín	100	
11969	***TN*** 672	Văn Thị Thuý Vinh	26/10/1986	Thư Phú	Thường Tín	100	
11970	***TN*** 673	Vũ Thị Như Quỳnh	18/8/1986	Thư Phú	Thường Tín	100	
11971	***TN*** 674	Dương Thị Xuân Lộc	25/5/1991	Thư Phú	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11972	***TN*** 675	Lương Thị Anh	01/9/1993	Thư Phú	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
11973	***TN*** 676	Đào Thị Huê	19/3/1985	Thư Phú	Thường Tín	100	
11974	***TN*** 677	Phạm Thị Minh	28/04/1972	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11975	***TN*** 678	Nguyễn T. Thu Hương	14/07/1968	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11976	***TN*** 679	Nguyễn Thị Mẫn	05/10/1975	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11977	***TN*** 680	Dương Thị Duyên	02/11/1987	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11978	***TN*** 681	Nguyễn Thị Thanh	08/01/1989	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11979	***TN*** 682	Dương Thị Hạnh	05/12/1986	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11980	***TN*** 683	Trần Thu Hương	13/01/1985	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11981	***TN*** 684	Phạm Thị Biên	07/03/1983	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11982	***TN*** 685	Phạm Thị Quý	05/11/1974	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11983	***TN*** 686	Nguyễn Thị Minh Phương	14/10/1977	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11984	***TN*** 687	Trần Thị Kim Phương	22/01/1978	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11985	***TN*** 688	Phạm Thị Tú	03/10/1978	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11986	***TN*** 689	Trịnh Ngọc Minh	02/01/1991	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11987	***TN*** 690	Dương Thị Thanh Thuỷ	16/10/1990	Tiền Phong	Thường Tín	85	Thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN V07.02.26
11988	***TN*** 691	Phạm Thị Hiên	12/06/1985	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11989	***TN*** 692	Dương Thị Hiển	20/08/1982	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11990	***TN*** 693	Dương Thị Đoài	06/05/1980	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11991	***TN*** 694	Nguyễn Thị Huyền	15/09/1994	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11992	***TN*** 695	Nguyễn Thị Thanh Hảo	28/08/1989	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11993	***TN*** 696	Dương Thị Nhung	09/08/1986	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11994	***TN*** 697	Ứng Thị Hiền Lương	25/08/1984	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11995	***TN*** 698	Phạm Thị Phương Ngọc	03/09/1982	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11996	***TN*** 699	Lê Thị Phương	21/03/1982	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11997	***TN*** 700	Phan Thị Nhung	23/10/1983	Tiền Phong	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
11998	***TN*** 701	Vũ Thị Ngọc Uyên	18/06/1977	Tiền Phong	Thường Tín	100	
11999	***TN*** 702	Nguyễn Thị Huế	03/03/1993	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12000	***TN*** 703	Phạm Thị Phượng	11/01/1993	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12001	***TN*** 704	Phạm Thị Hiền	28/02/1976	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12002	***TN*** 705	Phạm Thị Loan	04/12/1988	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12003	***TN*** 706	Nguyễn Thị Dương	20/10/1971	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12004	***TN*** 707	Phạm Thị Lan Anh	21/12/1993	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12005	***TN*** 708	Nguyễn Thị Điệp	28/11/1988	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12006	***TN*** 709	Dương Thuỳ Thảo	01/08/1986	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12007	***TN*** 710	Phạm Vân Anh	11/04/1979	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12008	***TN*** 711	Nguyễn Thị Hường	12/05/1988	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12009	***TN*** 712	Nguyễn Thị Lan	15/06/1987	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12010	***TN*** 713	Đàm Thị Đăng	18/10/1981	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12011	***TN*** 714	Lương Thị Thuỳ	06/02/1992	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12012	***TN*** 715	Đinh Thị Thư	06/04/1986	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12013	***TN*** 716	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/11/1986	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12014	***TN*** 717	Phạm Thị Thuỳ Linh	04/04/1990	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12015	***TN*** 718	Nghiêm Thị Huế	19/09/1982	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12016	***TN*** 719	Lê Thị Thuỷ	30/06/1990	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12017	***TN*** 720	Đặng Thu Hà	03/04/1983	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12018	***TN*** 721	Nguyễn Thị Thuý	04/12/1967	Tiền Phong	Thường Tín	100	
12019	***TN*** 722	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	06/05/1979	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12020	***TN*** 723	Trần Thị Năng	31/05/1987	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12021	***TN*** 724	Trần Thị Thanh Thủy	13/10/1987	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12022	***TN*** 725	Nguyễn Thị Kim Tiết	13/02/1975	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12023	***TN*** 726	Nguyễn Thị Trang Nhung	26/7/1978	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12024	***TN*** 727	Trần Thị Thu Phương	03/01/1988	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12025	***TN*** 728	Ngô Thị Mến	12/12/1978	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12026	***TN*** 729	Trần Thị Hiền	21/11/1980	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12027	***TN*** 730	Nguyễn Thị Mai Hương	08/10/1976	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12028	***TN*** 731	Dương Thị Mùi	21/02/1980	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12029	***TN*** 732	Nguyễn Thúy Mận	14/7/1982	Tô Hiệu	Thường Tín	100	
12030	***TN*** 733	Nguyễn Thị Ngân	11/9/1980	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12031	***TN*** 734	Đặng Thị Vân	07/7/1977	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12032	***TN*** 735	Ngô Thị Hồng Phương	02/8/1969	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12033	***TN*** 736	Nguyễn Thị Hương	15/9/1970	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12034	***TN*** 737	Ngô Thị Len	19/10/1979	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12035	***TN*** 738	Phạm Thị Thảo	26/6/1981	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12036	***TN*** 739	Trịnh Thị Vui	23/6/1973	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12037	***TN*** 740	Đặng Thị Nga	11/12/1984	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12038	***TN*** 741	Hà Thúy Liễu	25/11/1989	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12039	***TN*** 742	Trần Thị Uyên	24/12/1991	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12040	***TN*** 743	Phạm Thị Tuyển	05/9/1992	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12041	***TN*** 744	Phạm Thị Vinh	12/02/1972	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12042	***TN*** 745	Ngô Thị Khá	20/3/1982	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12043	***TN*** 746	Vũ Thị Thúy	04/11/1993	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12044	***TN*** 747	Nguyễn Thị Nhưng	23/11/1979	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12045	***TN*** 748	Lê Thị Vân Anh	19/03/1982	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12046	***TN*** 749	Phạm Thị Quyên	02/05/1981	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12047	***TN*** 750	Nguyễn Thị Thanh Huyền	31/8/1980	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12048	***TN*** 751	Phạm Thị Bang	30/7/1977	Tô Hiệu	Thường Tín	100	
12049	***TN*** 752	Ngô Thị Hồng Cẩm	30/07/1977	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12050	***TN*** 753	Nguyễn Thị Thúy Bằng	19/10/1977	Tô Hiệu	Thường Tín	80	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022; thiếu QĐ bổ nhiệm CDNN
12051	***TN*** 754	Phạm Thị Kim Thơ	04/02/1984	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12052	***TN*** 755	Phạm Thị Thơm	10/12/1995	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12053	***TN*** 756	Phạm Thị Thơm	08/05/1987	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12054	***TN*** 757	Trịnh Thị Hoa	25/12/1989	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12055	***TN*** 758	Trần Thị Ngon	24/07/1992	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12056	***TN*** 759	Nguyễn Thu Hường	19/08/1986	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12057	***TN*** 760	Đinh Thị Thảo	11/07/1991	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12058	***TN*** 761	Nguyễn Thị Thắm	20/06/1992	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12059	***TN*** 762	Nguyễn Thị Hoa	20/11/1995	Tô Hiệu	Thường Tín	100	
12060	***TN*** 763	Đinh Thị Mến	20/09/1987	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12061	***TN*** 764	Trịnh Thị Liên	05/04/1970	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12062	***TN*** 765	Nguyễn Thị Xiêm	15/07/1968	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12063	***TN*** 766	Doãn Thị Diệu Linh	12/06/1993	Tô Hiệu	Thường Tín	100	
12064	***TN*** 767	Quách Thị Thu Hường	21/07/1987	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12065	***TN*** 768	Nguyễn Thị Phượng	20/07/1990	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12066	***TN*** 769	Lưu Thị Thu Hòa	14/11/1990	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12067	***TN*** 770	Tạ Thị Thêm	09/11/1988	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12068	***TN*** 771	Nguyễn Thị Thảo	16/12/1994	Tô Hiệu	Thường Tín	100	
12069	***TN*** 772	Vũ Thị Thơm	22/09/1988	Tô Hiệu	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12070	***TN*** 773	Nguyễn Thị Chúc	28/9/1980	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12071	***TN*** 774	Nguyễn Thị Thúy Nương	16/9/1978	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12072	***TN*** 775	Nguyễn Thị Minh Phương	01/04/1971	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12073	***TN*** 776	Nguyễn Thị Chiên	24/08/1976	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12074	***TN*** 777	Nguyễn Thị Nhàn	12/08/1980	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12075	***TN*** 778	Đình Thị Thu Trang	18/11/1982	Tự Nhiên	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12076	***TN*** 779	Nguyễn Thị Tuyết	25/02/1984	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12077	***TN*** 780	Nguyễn Thị Ngọc Luyến	28/08/1981	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12078	***TN*** 781	Nguyễn Thị Hiền Dịp	01/02/1984	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12079	***TN*** 782	Nguyễn Thị Thảo	24/01/1984	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12080	***TN*** 783	Nguyễn Thị Hồng Luyên	28/11/1985	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12081	***TN*** 784	Nguyễn Thị Thu Trang	23/08/1993	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12082	***TN*** 785	Nguyễn Thị Thanh Huế	03/05/1985	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12083	***TN*** 786	Giang Thị Lự	01/09/1983	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12084	***TN*** 787	Nguyễn Thị Thắm	29/08/1987	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12085	***TN*** 788	Nguyễn Thị Thắm	19/05/1990	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12086	***TN*** 789	Lê Thị Giang	28/09/1984	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12087	***TN*** 790	Nguyễn Thị Thuấn	21/02/1986	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12088	***TN*** 791	Nguyễn Thị Hoa	18/10/1986	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12089	***TN*** 792	Nguyễn Thị Hoa	01/02/1970	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12090	***TN*** 793	Cấn Thị Minh Tuyết	07/07/1976	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12091	***TN*** 794	Nguyễn Thị Chúc	07/11/1979	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12092	***TN*** 795	Lê Thị Hạnh	10/10/1982	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12093	***TN*** 796	Giang Thị Phiến	23/07/1986	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12094	***TN*** 797	Nguyễn Thị Thúy	01/11/1982	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12095	***TN*** 798	Nguyễn Thị Phương Dung	03/09/1970	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12096	***TN*** 799	Nguyễn Thị Loan	22/04/1988	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12097	***TN*** 800	Hoàng Thị Tú Ân	28/12/1986	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12098	***TN*** 801	Nguyễn Thị Hà	10/12/1988	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12099	***TN*** 802	Đặng Thị Thanh	04/09/1984	Tự Nhiên	Thường Tín	100	
12100	***TN*** 803	Đoàn Thị Thủy	08/05/1970	Văn Bình	Thường Tín	100	
12101	***TN*** 804	Dương Thị Ngọc Ánh	12/10/1973	Văn Bình	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12102	***TN*** 805	Dương Thị Thu Thương	21/07/1983	Văn Bình	Thường Tín	100	
12103	***TN*** 806	Lưu Thị Vân Anh	06/02/1993	Văn Bình	Thường Tín	100	
12104	***TN*** 807	Nguyễn Thúy Anh	26/03/1979	Văn Bình	Thường Tín	100	
12105	***TN*** 808	Tạ Thị Lam Anh	23/12/1993	Văn Bình	Thường Tín	100	
12106	***TN*** 809	Trần Thị Châm	11/8/1979	Văn Bình	Thường Tín	100	
12107	***TN*** 810	Dương Thị Chực	26/10/1983	Văn Bình	Thường Tín	100	
12108	***TN*** 811	Dương Thị Thu Cúc	08/08/1988	Văn Bình	Thường Tín	100	
12109	***TN*** 812	Dương Thị Dung	04/05/1990	Văn Bình	Thường Tín	100	
12110	***TN*** 813	Lê Thị Hồng Duyên	26/12/1983	Văn Bình	Thường Tín	100	
12111	***TN*** 814	Nguyễn Thị Hải	28/07/1983	Văn Bình	Thường Tín	100	
12112	***TN*** 815	Trần Thị Hải	18/04/1989	Văn Bình	Thường Tín	100	
12113	***TN*** 816	Nguyễn Thị Hạnh	24/05/1974	Văn Bình	Thường Tín	100	
12114	***TN*** 817	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/07/1980	Văn Bình	Thường Tín	100	
12115	***TN*** 818	Trần Thị Hiền	15/11/1970	Văn Bình	Thường Tín	100	
12116	***TN*** 819	Bùi Thị Thu Hiền	16/09/1988	Văn Bình	Thường Tín	100	
12117	***TN*** 820	Hoàng Thị Hoa	25/07/1984	Văn Bình	Thường Tín	100	
12118	***TN*** 821	Dương Thị Huế	19/01/1982	Văn Bình	Thường Tín	100	
12119	***TN*** 822	Nguyễn Thị Huế	24/06/1985	Văn Bình	Thường Tín	100	
12120	***TN*** 823	Quách Thị Hưởng	28/10/1989	Văn Bình	Thường Tín	100	
12121	***TN*** 824	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/08/1977	Văn Bình	Thường Tín	100	
12122	***TN*** 825	Bùi Thị Huyền	09/12/1980	Văn Bình	Thường Tín	100	
12123	***TN*** 826	Trần Thị Thu Lan	17/01/1992	Văn Bình	Thường Tín	100	
12124	***TN*** 827	Hoàng Thị Phương Linh	06/03/1994	Văn Bình	Thường Tín	100	
12125	***TN*** 828	Nguyễn Thị Ly	11/02/1991	Văn Bình	Thường Tín	100	
12126	***TN*** 829	Trần Thị Hà Lý	01/12/1990	Văn Bình	Thường Tín	100	
12127	***TN*** 830	Nguyễn Thị Mai	09/01/1992	Văn Bình	Thường Tín	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12128	***TN*** 831	Nguyễn Thị Ngát	23/05/1991	Văn Bình	Thường Tín	100	
12129	***TN*** 832	Nguyễn Thị Nhài	25/07/1981	Văn Bình	Thường Tín	100	
12130	***TN*** 833	Nguyễn Hồng Nhanh	27/11/1975	Văn Bình	Thường Tín	100	
12131	***TN*** 834	Nguyễn Thị Nhung	10/09/1983	Văn Bình	Thường Tín	100	
12132	***TN*** 835	Vũ Thị Nhung	26/06/1989	Văn Bình	Thường Tín	100	
12133	***TN*** 836	Nguyễn Thị Kim Oanh	20/10/1992	Văn Bình	Thường Tín	100	
12134	***TN*** 837	Nguyễn Thị Phê	01/11/1982	Văn Bình	Thường Tín	100	
12135	***TN*** 838	Nguyễn Thị Phương	01/08/1981	Văn Bình	Thường Tín	100	
12136	***TN*** 839	Đào Thị Phượng	26/03/1982	Văn Bình	Thường Tín	100	
12137	***TN*** 840	Lê Thị Ngọc Quế	28/10/1984	Văn Bình	Thường Tín	100	
12138	***TN*** 841	Dương Thị Quyên	25/10/1993	Văn Bình	Thường Tín	100	
12139	***TN*** 842	Đỗ Thị Quyết	01/03/1982	Văn Bình	Thường Tín	100	
12140	***TN*** 843	Nguyễn Thanh Tâm	16/02/1984	Văn Bình	Thường Tín	100	
12141	***TN*** 844	Nguyễn Thị Thơm	13/08/1985	Văn Bình	Thường Tín	100	
12142	***TN*** 845	Trần Thị Thúy	18/05/1984	Văn Bình	Thường Tín	100	
12143	***TN*** 846	Đỗ Thị Ngọc Thúy	07/07/1990	Văn Bình	Thường Tín	100	
12144	***TN*** 847	Bùi Thị Huyền Trang	10/03/1993	Văn Bình	Thường Tín	100	
12145	***TN*** 848	Nguyễn Thị Thanh Tú	11/08/1992	Văn Bình	Thường Tín	100	
12146	***TN*** 849	Trần Thị Tươi	14/11/1986	Văn Bình	Thường Tín	100	
12147	***TN*** 850	Trần Thị Vân	24/10/1981	Văn Bình	Thường Tín	100	
12148	***TN*** 851	Trần Thị Thu Hà	27/09/1982	Minh Cường	Thường Tín	100	
12149	***TN*** 852	Nguyễn Thị Anh	04/08/1980	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12150	***TN*** 853	Lê Thị Minh Hằng	16/09/1973	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12151	***TN*** 854	Nguyễn Thị Quỳnh Lan	14/03/1977	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12152	***TN*** 855	Nguyễn Thị Tín	30/10/1975	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12153	***TN*** 856	Vũ Thị Tươi	16/02/1985	Vạn Điểm	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12154	***TN*** 857	Nguyễn Thị Hương	20/9/1983	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12155	***TN*** 858	Trần Thị Hường	08/03/1972	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12156	***TN*** 859	Trần Lan Phương	10/5/1989	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12157	***TN*** 860	Ngô Thị Thu Hiền	13/08/1990	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12158	***TN*** 861	Hoàng Thanh Tâm	06/12/1991	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12159	***TN*** 862	Nguyễn Thị Hường	20/11/1981	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12160	***TN*** 863	Dương Thị Dung	18/9/1988	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12161	***TN*** 864	Trịnh Thị Hiền	30/09/1984	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12162	***TN*** 865	Phạm Thị Thanh	18/12/1990	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12163	***TN*** 866	Nguyễn Thị Liên	19/12/1986	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12164	***TN*** 867	Nguyễn Thị Loan	26/12/1988	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12165	***TN*** 868	Nguyễn Thị Hoài Phương	12/12/1982	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12166	***TN*** 869	Nguyễn Thị Hường	20/11/1987	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12167	***TN*** 870	Bùi Thị Quế	27/06/1990	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12168	***TN*** 871	Hoàng Thị Hiên	22/04/1982	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12169	***TN*** 872	Phùng Thị Hường	26/06/1991	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12170	***TN*** 873	Hoàng Thị Thu Phương	18/09/1988	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12171	***TN*** 874	Nguyễn Như Trang	19/10/1993	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12172	***TN*** 875	Trần Thị Phương	29/05/1983	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12173	***TN*** 876	Ngô Thị Nhung	04/06/1982	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12174	***TN*** 877	Lê Anh Vân	06/09/1987	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12175	***TN*** 878	Phùng Thị Khánh Vân	14/11/1980	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12176	***TN*** 879	Đỗ Thị Tâm	16/06/1993	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12177	***TN*** 880	Nguyễn Thị Huyền	05/03/1992	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12178	***TN*** 881	Phùng Thị Bích Hậu	18/10/1976	Vạn Điểm	Thường Tín	100	
12179	***TN*** 882	Nguyễn Thị Ngoan	08/6/1975	Văn Phú	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12180	***TN*** 883	Nguyễn Thị Thu Hà	07/06/1971	Văn Phú	Thường Tín	100	
12181	***TN*** 884	Bùi Thị Huyền	18/03/1981	Văn Phú	Thường Tín	100	
12182	***TN*** 885	Nguyễn Thị Vân Anh	18/10/1986	Văn Phú	Thường Tín	100	
12183	***TN*** 886	Đinh Thị Phượng	30/9/1985	Văn Phú	Thường Tín	100	
12184	***TN*** 887	Nguyễn Thị Hồng	10/11/1987	Văn Phú	Thường Tín	100	
12185	***TN*** 888	Nguyễn Thị Sao	06/05/1989	Văn Phú	Thường Tín	100	
12186	***TN*** 889	Nguyễn Thị Như Ngọc	25/10/1983	Văn Phú	Thường Tín	100	
12187	***TN*** 890	Đinh Thị Hạnh	24/11/1985	Văn Phú	Thường Tín	100	
12188	***TN*** 891	Lê Thị Mốt	05/9/1976	Văn Phú	Thường Tín	100	
12189	***TN*** 892	Đinh Thị Diệu Linh	06/12/1993	Văn Phú	Thường Tín	100	
12190	***TN*** 893	Đinh Thị Tích	02/05/1984	Văn Phú	Thường Tín	100	
12191	***TN*** 894	Đinh Thị Phương Thảo	19/02/1990	Văn Phú	Thường Tín	100	
12192	***TN*** 895	Nguyễn Thị Trang Nhung	24/06/1987	Văn Phú	Thường Tín	100	
12193	***TN*** 896	Lê Thị Phương	03/02/1981	Văn Phú	Thường Tín	100	
12194	***TN*** 897	Lê Thị Vân	09/01/1985	Văn Phú	Thường Tín	100	
12195	***TN*** 898	Ngô Thị Hồng Nhật	29/11/1988	Văn Phú	Thường Tín	100	
12196	***TN*** 899	Nguyễn Thị Ngọc Huế	28/11/1980	Văn Phú	Thường Tín	100	
12197	***TN*** 900	Đinh Thị Thủy	07/08/1993	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
12198	***TN*** 901	Đào Thị Ngân	28/11/1993	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
12199	***TN*** 902	Nguyễn Thị Lệ Thủy	25/05/1988	Văn Phú	Thường Tín	100	
12200	***TN*** 903	Nguyễn Thị Huyền	18/9/1984	Văn Phú	Thường Tín	100	
12201	***TN*** 904	Nguyễn Thị Loan	06/11/1985	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
12202	***TN*** 905	Lưu Thị Liên	10/01/1991	Văn Phú	Thường Tín	100	
12203	***TN*** 906	Lương Thị Thanh Phương	19/01/1986	Văn Phú	Thường Tín	100	
12204	***TN*** 907	Lê Thị Chung Thủy	21/11/1991	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12205	***TN*** 908	Đinh Thị Lan	23/08/1991	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
12206	***TN*** 909	Nguyễn Thị Thanh Mai	16/04/1983	Văn Phú	Thường Tín	100	
12207	***TN*** 910	Nguyễn Thị Hảo	19/7/1988	Văn Phú	Thường Tín	100	
12208	***TN*** 911	Nguyễn Thị Thúy	28/11/1994	Văn Phú	Thường Tín	100	
12209	***TN*** 912	Lê Thị Phương Lan	08/03/1995	Văn Phú	Thường Tín	100	
12210	***TN*** 913	Nguyễn Thị Thơi	05/05/1992	Văn Phú	Thường Tín	100	
12211	***TN*** 914	Nguyễn Thị Soát	07/08/1993	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
12212	***TN*** 915	Lưu Thị Phương	11/03/1994	Văn Phú	Thường Tín	100	
12213	***TN*** 916	Lê Thị Giang	10/10/1992	Văn Phú	Thường Tín	100	
12214	***TN*** 917	Nguyễn Thị Hương	25/10/1992	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau thời điểm 31/8/2023
12215	***TN*** 918	Lê Thị Trang	25/12/1995	Văn Phú	Thường Tín	100	
12216	***TN*** 919	Nguyễn Thị Hưng	09/7/1990	Văn Phú	Thường Tín	100	
12217	***TN*** 920	Nguyễn Thị Ánh	16/7/1988	Văn Phú	Thường Tín	90	Chứng chỉ BD CDNN cấp sau ngày 30/6/2022 (không có bổ sung CĐ 7, 8)
12218	***TN*** 921	Đỗ Thị Thanh Huyền	07/08/1972	Vân Tảo	Thường Tín	90	Thiếu Chứng chỉ BD tiêu chuẩn CDNN giáo viên
12219	***TN*** 922	Phạm Thị Bích Hà	17/07/1975	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12220	***TN*** 923	Nguyễn Thị Lịch	18/03/1969	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12221	***TN*** 924	Nguyễn Thị Vân	15/08/1969	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12222	***TN*** 925	Trương Thị Ly	14/06/1970	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12223	***TN*** 926	Nguyễn Thị Luyên	01/10/1971	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12224	***TN*** 927	Vũ Thị Hà	09/01/1975	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12225	***TN*** 928	Phạm Thị Khuyến	04/12/1978	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12226	***TN*** 929	Nguyễn Thị Hiền	11/02/1978	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12227	***TN*** 930	Nguyễn Thị Huyền	16/04/1980	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12228	***TN*** 931	Nguyễn Thị Thu	01/01/1981	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12229	***TN*** 932	Đỗ Thị Thanh Thuỳ	01/01/1981	Vân Tảo	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12230	***TN*** 933	Nguyễn Thị Thuý	07/09/1987	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12231	***TN*** 934	Lê Thị Huyền	04/08/1990	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12232	***TN*** 935	Trần Ngọc Lê	23/09/1990	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12233	***TN*** 936	Lê Thị Thu	15/11/1992	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12234	***TN*** 937	Lương Thị Diên	01/10/1986	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12235	***TN*** 938	Đỗ Thị Hồng Thái	03/07/1992	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12236	***TN*** 939	Trần Thị Bích Ngọc	17/08/1989	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12237	***TN*** 940	Nguyễn T Thanh Huyền	17/10/1987	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12238	***TN*** 941	Trần Thị Thu Trang	07/09/1984	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12239	***TN*** 942	Nguyễn Thị Hồng	01/02/1992	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12240	***TN*** 943	Nguyễn Như Quỳnh	11/09/1992	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12241	***TN*** 944	Nguyễn Thị Thanh	14/04/1987	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12242	***TN*** 945	Nguyễn T Thúy Trang	19/12/1982	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12243	***TN*** 946	Nguyễn Thị Hà	06/03/1994	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12244	***TN*** 947	Đặng Thị Nguyên	14/10/1981	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12245	***TN*** 948	Nguyễn Thị Đào	12/08/1981	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12246	***TN*** 949	Đỗ Thị Bích	10/01/1989	Vân Tảo	Thường Tín	100	
12247	***TN*** 950	Nguyễn Thị Đức	10/08/1969	Văn Tự	Thường Tín	100	
12248	***TN*** 951	Lưu Thị Nguyệt	24/05/1978	Văn Tự	Thường Tín	100	
12249	***TN*** 952	Phạm Thị Huyền	29/02/1976	Văn Tự	Thường Tín	100	
12250	***TN*** 953	Lê Thị Ngân	10/09/1977	Văn Tự	Thường Tín	100	
12251	***TN*** 954	Trịnh Thị Hải Yến	01/07/1975	Văn Tự	Thường Tín	100	
12252	***TN*** 955	Nguyễn Thị Thắm	12/10/1972	Văn Tự	Thường Tín	100	
12253	***TN*** 956	Đàm Thị Chín	14/05/1977	Văn Tự	Thường Tín	100	
12254	***TN*** 957	Phạm Thị Hiên	15/11/1987	Văn Tự	Thường Tín	100	
12255	***TN*** 958	Lê Thị Hồng Tư	02/04/1985	Văn Tự	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12256	***TN*** 959	Phạm Thị Uyến	20/08/1977	Văn Tự	Thường Tín	100	
12257	***TN*** 960	Lê Kim Ngân	13/04/1981	Văn Tự	Thường Tín	100	
12258	***TN*** 961	Lê Thị Nhẫn	02/09/1976	Văn Tự	Thường Tín	100	
12259	***TN*** 962	Lê Thị Thúy	6/4/1984	Văn Tự	Thường Tín	100	
12260	***TN*** 963	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/11/1981	Văn Tự	Thường Tín	100	
12261	***TN*** 964	Phùng Thị Thành	02/09/1983	Văn Tự	Thường Tín	100	
12262	***TN*** 965	Trần Thị Thu Huyền	25/09/1987	Văn Tự	Thường Tín	100	
12263	***TN*** 966	Đinh Thị Kim An	02/11/1989	Văn Tự	Thường Tín	100	
12264	***TN*** 967	Nguyễn Thị Huyền	14/01/1989	Văn Tự	Thường Tín	100	
12265	***TN*** 968	Vũ Thị Hợp	14/11/1979	Văn Tự	Thường Tín	100	
12266	***TN*** 969	Đoàn Thị Hà	24/03/1983	Văn Tự	Thường Tín	100	
12267	***TN*** 970	Trịnh Thị Lệ Quyên	30/08/1984	Văn Tự	Thường Tín	100	
12268	***TN*** 971	Vũ Thị Ngoan	08/11/1988	Văn Tự	Thường Tín	100	
12269	***TN*** 972	Vũ Thị Huyền	10/03/1989	Văn Tự	Thường Tín	100	
12270	***TN*** 973	Vũ Thị Giang	13/03/1984	Văn Tự	Thường Tín	100	
12271	***TN*** 974	Lăng Hải Yến	16/8/1983	Văn Tự	Thường Tín	100	
12272	***TN*** 975	Dương Thị Mận	20/06/1973	Văn Tự	Thường Tín	100	
12273	***TN*** 976	Dương Thị Tạm	01/01/1970	Văn Tự	Thường Tín	100	
12274	***TN*** 977	Vũ Thị Nhài	22/02/1975	Văn Tự	Thường Tín	100	
12275	***TN*** 978	Nguyễn Thị Thu Vân	30/12/1989	Văn Tự	Thường Tín	100	
12276	***TN*** 979	Nguyễn Thị Phương	29/09/1989	Văn Tự	Thường Tín	100	
12277	***TN*** 980	Vũ Thị Duyên	21/08/1990	Văn Tự	Thường Tín	100	
12278	***TN*** 981	Vũ Thị Lan Duyên	20/06/1987	Văn Tự	Thường Tín	100	
12279	***TN*** 982	Hoàng Như Quỳnh	22/09/1986	Văn Tự	Thường Tín	100	
12280	***TN*** 983	Phạm Thuỳ Dung	27/08/1993	Văn Tự	Thường Tín	100	
12281	***TN*** 984	Nguyễn Thị Ánh Vân	08/12/1991	Văn Tự	Thường Tín	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12282	***TN*** 985	Lê Thị Cúc	04/06/1986	Văn Tự	Thường Tín	100	
12283	***TN*** 986	Phạm Thị Ngọc Yến	10/03/1993	Văn Tự	Thường Tín	100	
12284	***TN*** 987	Phạm Thị Tâm	20/01/1984	Văn Tự	Thường Tín	100	
12285	***TN*** 988	Vũ Thị Duyên	15/02/1992	Văn Tự	Thường Tín	100	
12286	***TN*** 989	Đinh Thị Hương Huyền	01/10/1994	Văn Tự	Thường Tín	100	
12287	***TN*** 990	Vũ Thị Thịnh	30/10/1995	Văn Tự	Thường Tín	100	
12288	***TN*** 991	Nguyễn Thị Hà	16/04/1995	Văn Tự	Thường Tín	100	
12289	***TN*** 992	Nguyễn Thị Huyền	14/11/1994	Văn Tự	Thường Tín	100	
12290	***TN*** 993	Ngô Thị Lý	05/12/1987	Văn Tự	Thường Tín	100	
12291	**UH**001	Vũ Thủy Hoàn	22/12/1974	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12292	**UH**002	Trần Thị Hương Giang	08/04/1985	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12293	**UH**003	Ngô Hải Yến	15/03/1979	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12294	**UH**004	Nguyễn Thị Hường	16/09/1983	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12295	**UH**005	Vũ Thanh Huyền	14/11/1980	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12296	**UH**006	Nguyễn Thị Mỹ Liên	14/08/1987	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12297	**UH**007	Nguyễn Thị Thảo	12/09/1994	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12298	**UH**008	Nguyễn Thị Ngân	08/09/1994	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12299	**UH**009	Nghiêm Thị Dịu	20/06/1981	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12300	**UH**010	Trần Thị Út Thảo	03/08/1992	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12301	**UH**011	Trần Thị Thảo	10/02/1992	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12302	**UH**012	Kiều Thị Thúy Nga	07/03/1990	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12303	**UH**013	Vũ Thị Mai Hương	12/05/1994	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12304	**UH**014	Mai Thị Thu Hà	28/07/1980	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12305	**UH**015	Đào Thị Liệu	16/09/1993	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12306	**UH**016	Nguyễn Thị Hiệp	12/08/1986	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12307	**UH**017	Hoàng Thị Phai	20/05/1970	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12308	**UH**018	Nguyễn Thị Thơi	08/02/1971	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12309	**UH**019	Nguyễn Thị Hồng	30/08/1991	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12310	**UH**020	Nguyễn Thị Nhung	23/06/1988	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12311	**UH**021	Cấn Thị Thủy	20/06/1970	Lưu Hoàng	Ứng Hòa	100	
12312	**UH**022	Tạ Liên Hoa	03/12/1975	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12313	**UH**023	Dư Thị Kim Xuân	14/08/1973	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12314	**UH**024	Nguyễn Thị Thêm	18/8/1987	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12315	**UH**025	Nguyễn Thị Hảo	22/11/1983	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12316	**UH**026	Nguyễn Thị Huệ	11/11/1982	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12317	**UH**027	Nguyễn Thị Tuyết	01/01/1984	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12318	**UH**028	Dương Thị Thoa	18/6/1983	hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12319	**UH**029	Nguyễn Thị Hà	10/08/1992	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12320	**UH**030	Nguyễn Thị Hằng	16/04/1990	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12321	**UH**031	Nguyễn Thi Thu Dung	20/08/1987	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12322	**UH**032	Nguyễn Thị Kim Chung	08/03/1987	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12323	**UH**033	Đỗ Thu Thảo	19/6/1992	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12324	**UH**034	Lại Thị Phương	05/07/1993	Hồng Quang	Ứng Hòa	100	
12325	**UH**035	Nguyễn Thị Đàm	01/06/1972	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12326	**UH**036	Đặng Thị Thu Huyền	20/10/1983	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12327	**UH**037	Đặng Thị Thanh Hà	29/05/1981	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12328	**UH**038	Dư Thị Thu Hương	16/01/1986	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12329	**UH**039	Đào Thị Thu Thủy	19/05/1987	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12330	**UH**040	Trần Thị Lan	23/11/1985	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12331	**UH**041	Đặng Thị Thanh Bình	20/01/1972	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12332	**UH**042	Trần Phương Dung	19/12/1984	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12333	**UH**043	Trần Thị Thanh Thùy	20/08/1986	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12334	**UH**044	Dương Thị Đông	03/08/1983	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12335	**UH**045	Đỗ Thị Hiền	04/12/1971	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12336	**UH**046	Đỗ Thị Du	14/04/1969	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12337	**UH**047	Nguyễn Thị Hiền	14/06/1988	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12338	**UH**048	Nguyễn Thị Hiên	05/03/1989	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12339	**UH**049	Nguyễn Thị Duyên	17/11/1992	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12340	**UH**050	Đặng Thị Ngân	10/01/1991	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12341	**UH**051	Kiều Thị Hồng Vân	06/11/1992	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12342	**UH**052	Đào Thị Luyến	08/09/1994	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12343	**UH**053	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30/08/1991	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12344	**UH**054	Nguyễn Thị Khanh	01/09/1988	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12345	**UH**055	Nguyễn Thị Hoa	31/07/1989	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12346	**UH**056	Vũ Thị Tâm	17/08/1988	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12347	**UH**057	Đào Thị Thanh Nga	28/06/1994	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12348	**UH**058	Đặng Thị Sáu	16/06/1970	Đội Bình	Ứng Hòa	100	
12349	**UH**059	Hoàng Thị Thoan	15/09/1973	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12350	**UH**060	Nguyễn Thị Hạ	03/01/1985	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12351	**UH**061	Đặng Thị Hà	18/07/1982	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12352	**UH**062	Phùng Thị Huệ	29/7/1981	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12353	**UH**063	Nguyễn Thị Oanh	26/08/1986	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12354	**UH**064	Nguyễn Thị Xuân	03/12/1972	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12355	**UH**065	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/12/1983	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12356	**UH**066	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/07/1994	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12357	**UH**067	Nguyễn Thị Huyền	01/01/1985	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12358	**UH**068	Phan Thị Thu Hà	01/08/1993	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12359	**UH**069	Nguyễn Thị Yến	04/10/1988	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12360	**UH**070	Nguyễn Thị Huyền	25/10/1986	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12361	**UH**071	Lê Thị Hồng Nhung	14/12/1992	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12362	**UH**072	Ngô Thị Thu	10/11/1981	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12363	**UH**073	Hoàng Thị Minh	30/12/1969	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12364	**UH**074	Nguyễn Thị Minh Quý	05/10/1982	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12365	**UH**075	Nguyễn Thị Uyên	06/11/1994	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12366	**UH**076	Ngô Thị Thảo	11/05/1982	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12367	**UH**077	Đặng Thị Hiệp	16/04/1972	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12368	**UH**078	Nguyễn Thị Thảo	01/06/1987	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12369	**UH**079	Nguyễn Thị Thu Hà	20/02/1977	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12370	**UH**080	Lê Thị Minh Tuệ	25/03/1986	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12371	**UH**081	Lê Thị Thuỳ Hanh	14/02/1993	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12372	**UH**082	Đỗ Thị Thảo	20/09/1989	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12373	**UH**083	Đỗ Thị Nhâm	15/10/1991	Phương Tú	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12374	**UH**084	Nguyễn Thị Tiếp	20/03/1985	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12375	**UH**085	Đỗ Thị Thuý Hiên	27/02/1994	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12376	**UH**086	Nguyễn Thị Như	27/02/1980	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12377	**UH**087	Đinh Thị Thu Lý	11/10/1983	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12378	**UH**088	Lê Thị Hảo	24/06/1983	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12379	**UH**089	Hoàng Thị Nhâm	31/10/1992	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12380	**UH**090	Phạm Thị Xuyến	20/11/1991	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12381	**UH**091	Đặng Thị Trà My	03/10/1992	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12382	**UH**092	Phạm Thị Thanh Huyền	19/03/1990	Phương Tú	Ứng Hòa	100	
12383	**UH**093	Lê Thị Vọng	18/06/1971	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12384	**UH**094	Trần Thị Minh Tâm	08/08/1978	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12385	**UH**095	Nguyễn Thị Mến	09/08/1980	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12386	**UH**096	Nguyễn Thị Hợp	07/11/1986	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12387	**UH**097	Nguyễn Thị Hương Nhài	13/11/1994	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12388	**UH**098	Lưu Thúy Hằng	21/11/1994	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12389	**UH**099	Trần Thị Xuân	09/10/1990	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12390	**UH**100	Nguyễn Thị Thu Hà	12/10/1974	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12391	**UH**101	Nguyễn Thị Hoa	10/01/1989	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12392	**UH**102	Vương Thu Canh Hà	18/09/1991	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12393	**UH**103	Đàm Hồng Ngọc	14/08/1993	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12394	**UH**104	Phạm Thị Ngọc Thúy	14/09/1989	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12395	**UH**105	Đỗ Thị Hiên	02/05/1994	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12396	**UH**106	Nguyễn Thị Hồng	19/02/1983	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12397	**UH**107	Chu Thị Vàng	29/08/1991	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12398	**UH**108	Trần Thị Nhàn	10/11/1993	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12399	**UH**109	Nguyễn Thị Bốn	25/04/1981	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12400	**UH**110	Ngô Diệu Linh	01/02/1993	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12401	**UH**111	Đào Thị Bốn	16/12/1991	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12402	**UH**112	Bùi Thị Hương Dịu	07/09/1985	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12403	**UH**113	Trần Thị Hoa	18/12/1992	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12404	**UH**114	Nguyễn Thị Thanh Thủy	17/9/1978	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12405	**UH**115	Phạm Thị Thanh	21/9/1984	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12406	**UH**116	Nguyễn Thị Duy	10/10/1971	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12407	**UH**117	Ngô Thị Hoài Lơ	29/5/1979	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12408	**UH**118	Nông Thị Hiến	11/08/1988	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12409	**UH**119	Ngô Thị Thắm	16/02/1972	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12410	**UH**120	Phạm Thị Kim Thành	14/05/1987	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12411	**UH**121	Nghiêm Thị Độ	02/11/1969	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12412	**UH**122	Nguyễn Thị Quỳ	17/02/1968	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12413	**UH**123	Chu Thị Hiến	21/08/1980	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12414	**UH**124	Chu Thị Thu	27/09/1990	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12415	**UH**125	Trần Thị Huế	18/08/1986	Trung Tú	Ứng Hòa	100	
12416	**UH**126	Ngô Thị Kiều Phương	28/01/1968	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12417	**UH**127	Nguyễn Thị Đông	02/9/1980	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12418	**UH**128	Đoàn Thị Tươi	01/01/1980	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12419	**UH**129	Bùi Thị Nhung	17/05/1990	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12420	**UH**130	Hoàng Thị Việt	09/9/1979	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12421	**UH**131	Nguyễn Thị Nhâm	14/10/1982	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12422	**UH**132	Nguyễn Thị Phương	15/08/1987	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12423	**UH**133	Chu Thị Yến Chi	28/10/1994	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12424	**UH**134	Nguyễn Thị Hồng Hinh	26/12/1979	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12425	**UH**135	Trịnh Thị Diệu	08/7/1991	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12426	**UH**136	Phạm Thị Uyển	12/9/1975	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12427	**UH**137	Ngô Thị Phương	01/11/1994	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12428	**UH**138	Trịnh Thị Dịu	08/4/1986	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12429	**UH**139	Nguyễn Thị Hợp	09/10/1985	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12430	**UH**140	Lê Thị Luyến	30/07/1991	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12431	**UH**141	Phạm Thị Thúy	25/01/1972	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12432	**UH**142	Nguyễn Thị Huyền	15/10/1994	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12433	**UH**143	Nguyễn Thị Tươi	30/9/1971	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12434	**UH**144	Nguyễn T Thu Phương	02/11/1981	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12435	**UH**145	Ngô Thị Liên	20/6/1973	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12436	**UH**146	Ngô Thị Linh	04/02/1981	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12437	**UH**147	Nguyễn Thị Hải	08/04/1972	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12438	**UH**148	Đặng Thị Hằng	25/10/1988	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12439	**UH**149	Trịnh Thị Thúy	21/01/1972	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12440	**UH**150	Đỗ Thị Trà	06/5/1982	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12441	**UH**151	Chu Thị Thật	03/5/1972	Đồng Tân	Ứng Hòa	100	
12442	**UH**152	Trần Thị Sáu	2/3/1970	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12443	**UH**153	Phạm Thị Thanh	20/10/1971	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12444	**UH**154	Đoàn Thị Hường	26/09/1979	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12445	**UH**155	Nguyễn Thị Mỹ	16/01/1975	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12446	**UH**156	Nguyễn Thị Chung	12/10/1972	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12447	**UH**157	Chu Thị Hương Quế	14/02/1985	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12448	**UH**158	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	25/07/1977	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12449	**UH**159	Nguyễn Thị Luật	05/01/1990	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12450	**UH**160	Nguyễn Thị Vân Anh	10/01/1978	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12451	**UH**161	Nguyễn Thị Diệp	12/11/1981	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12452	**UH**162	Nguyễn Thị Lan Anh	05/12/1983	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12453	**UH**163	Đặng Thị Tư	04/07/1985	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12454	**UH**164	Lê Thị Huế	12/11/1988	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12455	**UH**165	Đinh Hồng Dương	28/03/1991	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12456	**UH**166	Đoàn Thị Nhàn	07/08/1994	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12457	**UH**167	Phạm Thị Huế	07/03/1986	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12458	**UH**168	Hoàng Thị Phương Thảo	12/11/1994	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12459	**UH**169	Vũ Thị Huyền	22/03/1994	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12460	**UH**170	Bùi Thị Thuỷ	01/09/1993	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12461	**UH**171	Ngô Thị Phương Chi	28/01/1987	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12462	**UH**172	Lê Thị Thanh	06/12/1984	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12463	**UH**173	Nguyễn Thị Tuyến	09/02/1994	Trầm Lộng	Ứng Hòa	100	
12464	**UH**174	Vũ Thị Hồng	08/08/1971	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12465	**UH**175	Dự Thúy Vân	20/11/1973	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12466	**UH**176	Nguyễn Thị Dung	17/08/1983	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12467	**UH**177	Nguyễn Thị Hoa	30/12/1992	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12468	**UH**178	Nguyễn Thị Hương	14/04/1989	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12469	**UH**179	Nguyễn Thu Hoài	20/12/1993	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12470	**UH**180	Lưu Thị Hoà	18/9/1984	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12471	**UH**181	Nguyễn Thị Thuỷ	24/02/1982	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12472	**UH**182	Nghiêm Thị Tâm	19/02/1979	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12473	**UH**183	Đoàn Thị Thu Huyền	11/06/1989	Minh Đức	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12474	**UH**184	Nguyễn Thuý Lan	16/09/1979	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12475	**UH**185	Nguyễn Thị Thương	30/01/1992	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12476	**UH**186	Lê Thị Hoài Phương	21/02/1993	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12477	**UH**187	Dư Thu Phương	08/08/1992	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12478	**UH**188	Nguyễn Thị Tuyền	30/04/1974	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12479	**UH**189	Đinh Thị Tâm	10/12/1994	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12480	**UH**190	Trịnh Thị Quyên	28/4/1994	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12481	**UH**191	Nguyễn Thị Thơm	18/05/1972	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12482	**UH**192	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/4/1993	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12483	**UH**193	Phạm Thu Dần	27/07/1974	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12484	**UH**194	Nguyễn Thị Vân Anh	25/02/1993	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12485	**UH**195	Dương Thị Tuyền	15/12/1995	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12486	**UH**196	Nguyễn Thị Dịu	04/09/1985	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12487	**UH**197	Nguyễn Thị Đào	21/09/1985	Minh Đức	Ứng Hòa	100	
12488	**UH**198	Kiều Thị Hồng	25/08/1970	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12489	**UH**199	Dương Thị Tựu	02/09/1972	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12490	**UH**200	Đặng Thị Kim Quy	01/12/1983	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12491	**UH**201	Trần Thị Ngoan	07/09/1990	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12492	**UH**202	Nguyễn Thị Thu Hường	01/10/1983	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12493	**UH**203	Nguyễn Thúy Mười	29/4/1982	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12494	**UH**204	Tô Thị Hoa	07/06/1990	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12495	**UH**205	Đỗ Thị Thơm	25/10/1989	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12496	**UH**206	Nguyễn Thị Hạnh	06/04/1992	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12497	**UH**207	Nguyễn Thị Mai Phương	30/9/1992	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12498	**UH**208	Phùng Thị Kim Dung	24/09/1986	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12499	**UH**209	Nguyễn Thị Lừng	11/08/1973	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12500	**UH**210	Trần Thị Minh	21/04/1985	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12501	**UH**211	Nguyễn Thị Hường	19/01/1989	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12502	**UH**212	Trần Thị Hiền	24/02/1991	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12503	**UH**213	Nguyễn Thị Xim	18/05/1992	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12504	**UH**214	Nguyễn Thị Hảo	30/03/1992	Đại Hùng	Ứng Hòa	100	
12505	**UH**215	Nguyễn Thị Nữ	09/08/1984	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12506	**UH**216	Lê Thị Bạch Tuyết	25/12/1971	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12507	**UH**217	Nguyễn Thị Mai	03/12/1974	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12508	**UH**218	Lưu Thị Thúy	23/10/1976	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12509	**UH**219	Đỗ Thị Hoàng Vân	05/02/1981	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12510	**UH**220	Nguyễn Thị Kim Luyến	16/11/1980	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12511	**UH**221	Bùi Thị Thùy Phương	03/01/1989	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12512	**UH**222	Đào Thị Thủy	18/03/1988	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12513	**UH**223	Phạm Thị Hằng	03/02/1982	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12514	**UH**224	Phùng Thị Thu	20/10/1973	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12515	**UH**225	Lê Thị Hợi	20/04/1978	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12516	**UH**226	Nguyễn Thị Anh Khuyên	30/01/1973	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12517	**UH**227	Nguyễn Thị Thanh Huyền	31/10/1978	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12518	**UH**228	Nguyễn Thị Nga	24/07/1994	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12519	**UH**229	Bùi Tuyết Nhung	29/05/1988	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12520	**UH**230	Nguyễn Thị Mùi	25/08/1982	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12521	**UH**231	Nguyễn Thị Hòa	06/07/1984	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12522	**UH**232	Lê Thị Phương Loan	25/08/1992	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12523	**UH**233	Phạm Thị Cúc	09/02/1979	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12524	**UH**234	Trần Thị Hiền	16/02/1986	Đông Lỗ	Ứng Hòa	100	
12525	**UH**235	Chu Thị Minh Lưu	14/10/172	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12526	**UH**236	Hoàng Thị Hà	23/03/1975	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12527	**UH**237	Nguyễn Thị Diên	25/10/1989	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12528	**UH**238	Nguyễn Thị Thanh	10/04/1980	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12529	**UH**239	Nguyễn Thị Thu	10/03/1994	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12530	**UH**240	Tưởng Thị Minh	17/05/1975	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12531	**UH**241	Vũ Thị Hà Chuyên	27/10/1991	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12532	**UH**242	Nguyễn Thị Tâm	24/05/1992	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12533	**UH**243	Nguyễn Thị Thủy	05/08/1970	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12534	**UH**244	Nguyễn Thị Cúc	30/09/1990	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12535	**UH**245	Nguyễn Hải Phượng	24/01/1973	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12536	**UH**246	Đỗ Thị Trang	26/07/1990	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12537	**UH**247	Ngô Thị Huế	14/11/1990	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12538	**UH**248	Đặng Thị Thanh Hà	10/06/1974	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12539	**UH**249	Tạ Thị Nguyệt	17/07/1983	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12540	**UH**250	Đỗ Thị Thu Hường	27/06/1971	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12541	**UH**251	Nguyễn Thị Huyền	26/02/1988	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12542	**UH**252	Nguyễn Thị Hợp	06/01/1984	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12543	**UH**253	Nguyễn Thị Úy	04/04/1975	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12544	**UH**254	Nguyễn Thị Bích	08/11/1981	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12545	**UH**255	Nguyễn Thị Cúc	17/02/1972	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12546	**UH**256	Nguyễn Thu Phượng	15/08/1993	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12547	**UH**257	Đào Thị Chung	08/05/1982	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12548	**UH**258	Đỗ Thị Hòa	21/04/1972	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12549	**UH**259	Đỗ Thị Nguyên	07/08/1983	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12550	**UH**260	Tưởng Thị Lân	12/01/1974	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12551	**UH**261	Đỗ Thị Hà	21/01/1986	Tảo Dương Văn	Ứng Hòa	100	
12552	**UH**262	Lê Thị Hoàng Anh	21/06/1982	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12553	**UH**263	Lưu Thị Trang	02/02/1984	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12554	**UH**264	Đặng Thị Thủy	4/6/1973	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12555	**UH**265	Nguyễn Thị Quý	01/03/1973	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12556	**UH**266	Nguyễn Thị Nhường	26/09/1990	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12557	**UH**267	Nguyễn Thị Thư	14/11/1985	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12558	**UH**268	Bùi Thị Ngà	13/03/1981	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12559	**UH**269	Nguyễn Thị Thảo	10/11/1972	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12560	**UH**270	Nguyễn Thị Chang	31/01/1991	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12561	**UH**271	Nguyễn Thị Hoa	20/06/1983	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12562	**UH**272	Đào Thị Kim Lành	12/02/1973	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12563	**UH**273	Nguyễn Thị Trang	24/08/1993	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12564	**UH**274	Lê Thị Kim Thoa	07/03/1979	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12565	**UH**275	Đào Thanh Huyền	11/11/1982	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12566	**UH**276	Nguyễn Thị Hiên	18/12/1972	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12567	**UH**277	Dương Thị Hương Lan	09/02/1975	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12568	**UH**278	Nguyễn Thị Thành	28/05/1993	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12569	**UH**279	Nguyễn Thị Hạnh	01/03/1980	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12570	**UH**280	Nguyễn Thị Anh	30/11/1986	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12571	**UH**281	Nguyễn Thu Hằng	02/08/1990	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12572	**UH**282	Nguyễn Thị Tuyết	31/12/1972	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12573	**UH**283	Phạm Thị Thoa	14/11/1993	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12574	**UH**284	Phan Thị Minh Huệ	09/06/1991	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12575	**UH**285	Đỗ Thị Thanh Lam	02/08/1992	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12576	**UH**286	Lê Thị Thanh Phương	30/07/1980	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12577	**UH**287	Trần Thị Thìn	08/09/1988	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12578	**UH**288	Đặng Thị Tân	01/07/1983	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12579	**UH**289	Quản Thị Nhàn	15/10/1987	Tân Phương	Ứng Hòa	100	
12580	**UH**290	Nguyễn Thị Kim Loan	26/8/1983	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12581	**UH**291	Nguyễn Thị Hoàn	23/01/1984	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12582	**UH**292	Nguyễn Thị Thanh	18/8/1990	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12583	**UH**293	Hồ Thị Hà	20/8/1987	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12584	**UH**294	Nguyễn Thị Ngọc Bé	20/3/1984	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12585	**UH**295	Nguyễn Thị Liên	09/02/1984	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12586	**UH**296	Nguyễn Thị Huy Phượng	28/8/1979	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12587	**UH**297	Nguyễn Thị Như Mão	14/01/1988	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12588	**UH**298	Vũ Thị Vân	26/9/1995	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12589	**UH**299	Nguyễn Thị Hiền	31/3/1991	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12590	**UH**300	Vũ Thị Nhung	09/10/1988	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12591	**UH**301	Nguyễn Thị Thương	07/04/1988	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12592	**UH**302	Nguyễn Thị Phương	17/6/1991	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12593	**UH**303	Ngô Thị Thảo	05/5/1988	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12594	**UH**304	Trần Thị Thu Hiền	12/02/1984	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12595	**UH**305	Nguyễn Thu Nguyệt	06/02/1993	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12596	**UH**306	Nguyễn Thị Hoa	18/11/1992	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12597	**UH**307	Nguyễn Thị Tươi	26/01/1991	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12598	**UH**308	Nguyễn Lệ Thủy	21/4/1991	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12599	**UH**309	Bùi Thị Dung	14/3/1994	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12600	**UH**310	Nguyễn Thị Minh	20/6/1987	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12601	**UH**311	Lưu Thị Oanh	11/8/1977	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12602	**UH**312	Nguyễn Thị Kim Tuyến	04/3/1972	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12603	**UH**313	Cao Thị Tuyền	03/4/1983	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12604	**UH**314	Nguyễn Thị Thủy	05/5/1992	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12605	**UH**315	Nguyễn Thị Huệ	02/01/1990	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12606	**UH**316	Nguyễn Thị Yến	02/3/1984	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12607	**UH**317	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	02/9/1980	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12608	**UH**318	Lê Thị Hằng	15/4/1972	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12609	**UH**319	Nghiêm Thị Thu Hà	10/9/1974	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12610	**UH**320	Nguyễn Thị Cúc	22/6/1983	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12611	**UH**321	Đắc Thị Hoa	29/9/1971	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12612	**UH**322	Nguyễn Thu Hường	01/6/1972	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12613	**UH**323	Đoàn Thị Vinh	17/12/1978	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12614	**UH**324	Mai Thị Thư	29/12/1971	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12615	**UH**325	Nguyễn Thị Khoa	28/10/1970	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12616	**UH**326	Đắc Thị Thu Hà	16/01/1970	Hoa Sơn	Ứng Hòa	100	
12617	**UH**327	Ngô Thị Hợi	22/03/1971	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12618	**UH**328	Khuất Thị Toàn	15/10/1984	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12619	**UH**329	Đỗ Thị Dung	12/02/1973	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12620	**UH**330	Nguyễn Thị Minh Tám	11/11/1977	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12621	**UH**331	Đỗ Thị Vẻ	11/08/1970	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12622	**UH**332	Nguyễn Thị Thơm	12/11/1983	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12623	**UH**333	Nguyễn Thị Liên	27/05/1973	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12624	**UH**334	Mai Thị Thu Hằng	21/10/1981	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12625	**UH**335	Đỗ Thị Sơn	15/11/1991	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12626	**UH**336	Nguyễn Thị Liên	19/04/1994	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12627	**UH**337	Vũ Thị Hòa	23/07/1993	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12628	**UH**338	Nguyễn Thị Huệ	11/06/1983	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12629	**UH**339	Trần Thị Hảo	28/06/1984	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12630	**UH**340	Trần Thị Huệ	12/12/1994	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12631	**UH**341	Trần Thị Minh Tới	05/05/1987	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12632	**UH**342	Đỗ Thúy Liên	06/05/1993	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12633	**UH**343	Nguyễn Thị Thúy Nga	15/01/1972	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12634	**UH**344	Nguyễn Thị Kim Anh	16/03/1969	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12635	**UH**345	Nguyễn Kim Ánh Vi	16/08/1969	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12636	**UH**346	Đỗ Thị Tươi	15/03/1991	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12637	**UH**347	Nguyễn Thị Nhàn	02/03/1993	Cao Thành	Ứng Hòa	100	
12638	**UH**348	Nguyễn Thị Thu Hương	15/10/1969	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12639	**UH**349	Nguyễn Thị Hồng Luyến	06/5/1978	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12640	**UH**350	Đặng Thị Thu	15/08/1987	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12641	**UH**351	Hồ Thị Giang	09/09/1979	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12642	**UH**352	Nguyễn Thị Thu	22/04/1974	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12643	**UH**353	Nguyễn Thu Trang	03/03/1991	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12644	**UH**354	Bùi Thị Lệ Thuỷ	25/03/1974	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12645	**UH**355	Nguyễn Thị Yến	26/01/1989	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12646	**UH**356	Nguyễn Thị Thu	17/09/1989	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12647	**UH**357	Bùi Thị Hằng	21/10/1991	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12648	**UH**358	Nguyễn Thị Hướng	22/03/1992	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12649	**UH**359	Bùi Thị Lý	22/02/1978	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12650	**UH**360	Nguyễn Thị Quyên	04/08/1987	Viên Nội	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12651	**UH**361	Bùi Thị Hoa	11/12/1972	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12652	**UH**362	Hồ Thị Hồng	25/05/1973	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12653	**UH**363	Nguyễn Thị Hà	16/02/1971	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12654	**UH**364	Hồ Thị Hồng Giang	16/03/1992	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12655	**UH**365	Nguyễn Thị Huệ	10/04/1993	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12656	**UH**366	Trương Thị Loan	20/11/1985	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12657	**UH**367	Nguyễn Thị Lý	13/07/1986	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12658	**UH**368	Nguyễn Thị Mai	05/09/1984	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12659	**UH**369	Kim Thị Nhung	20/08/1982	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12660	**UH**370	Nguyễn Thị Phương	10/07/1980	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12661	**UH**371	Lê Thị Thơm	25/11/1993	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12662	**UH**372	Lê Thị Hồng Thư	15/01/1984	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12663	**UH**373	Bùi Thị Thuỷ	20/10/1980	Viên Nội	Ứng Hòa	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
12664	**UH**374	Ngô Thị Trang	27/07/1983	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12665	**UH**375	Lê Thị Va	24/03/1991	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12666	**UH**376	Nguyễn Thị Đào	14/02/1982	Viên Nội	Ứng Hòa	100	
12667	**UH**377	Nguyễn Thị Thu	12/5/1971	Viên An	Ứng Hòa	100	
12668	**UH**378	Nguyễn Thị Minh Lý	10/10/1972	Viên An	Ứng Hòa	100	
12669	**UH**379	Nguyễn Thị Huyến	1/6/1975	Viên An	Ứng Hòa	80	Thiếu minh chứng về thi đua khen thưởng
12670	**UH**380	Trần Thị Siêm	02/02/1971	Viên An	Ứng Hòa	100	
12671	**UH**381	Vũ Thị Huệ	10/02/1972	Viên An	Ứng Hòa	100	
12672	**UH**382	Trần Thị Hương	06/02/1991	Viên An	Ứng Hòa	100	
12673	**UH**383	Nguyễn Thị Hương	07/3/1982	Viên An	Ứng Hòa	100	
12674	**UH**384	Ngô Thị Hồng Thanh	13/09/1989	Viên An	Ứng Hòa	100	
12675	**UH**385	Đặng Thị Thắm	17/10/1990	Viên An	Ứng Hòa	100	
12676	**UH**386	Ngô Minh Hoàn	02/8/1972	Viên An	Ứng Hòa	100	
12677	**UH**387	Ngô Thị Tâm	01/05/1977	Viên An	Ứng Hòa	100	
12678	**UH**388	Lê Thị Hậu	01//10/1978	Viên An	Ứng Hòa	100	
12679	**UH**389	Bùi Thị Cam	03/01/1983	Viên An	Ứng Hòa	100	
12680	**UH**390	Lê Thị Thủy	07/12/1978	Viên An	Ứng Hòa	100	
12681	**UH**391	Lê Thị Thu Hằng	28/03/1991	Viên An	Ứng Hòa	100	
12682	**UH**392	Lê Thị Ngân	15/5/1982	Viên An	Ứng Hòa	100	
12683	**UH**393	Đặng Thị Nga	16/01/1985	Viên An	Ứng Hòa	100	
12684	**UH**394	Nguyễn Thị Thanh	09/7/1984	Viên An	Ứng Hòa	100	
12685	**UH**395	Đỗ Thị Khánh Vân	21/11/1979	Viên An	Ứng Hòa	100	
12686	**UH**396	Ngô Thị Thanh Thủy	24/7/1971	Viên An	Ứng Hòa	100	
12687	**UH**397	Nguyễn Thị Thơm	30/9/1968	Viên An	Ứng Hòa	100	
12688	**UH**398	Bùi Thị Thanh	02/10/1992	Viên An	Ứng Hòa	100	
12689	**UH**399	Đặng Thị Linh	27/8/1991	Viên An	Ứng Hòa	100	
12690	**UH**400	Trần Thị Nhàn	30/8/1990	Viên An	Ứng Hòa	100	
12691	**UH**401	Trương Thị Thu Hà	20/08/1988	Viên An	Ứng Hòa	100	
12692	**UH**402	Đặng Thị Hương	28/8/1988	Viên An	Ứng Hòa	100	
12693	**UH**403	Đặng Thị Bình	28/02/1989	Viên An	Ứng Hòa	100	
12694	**UH**404	Nguyễn Thị Lài	16/10/1988	Viên An	Ứng Hòa	100	
12695	**UH**405	Nguyễn Thị Phượng	20/11/1991	Viên An	Ứng Hòa	100	
12696	**UH**406	Lê Thị Ngọc	18/01/1994	Viên An	Ứng Hòa	100	
12697	**UH**407	Nguyễn Thị Loan	05/9/1974	Viên An	Ứng Hòa	100	
12698	**UH**408	Vũ Thị Nhuận	02/06/1972	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12699	**UH**409	Lê Bích Hồng	15/05/1979	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12700	**UH**410	Vũ Thị Thúy Hồng	18/10/1972	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12701	**UH**411	Đặng Thị Tám	15/12/1970	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12702	**UH**412	Nguyễn Thị Hoa	19/07/1972	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12703	**UH**413	Đỗ Thị Huệ	13/06/1977	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12704	**UH**414	Nguyễn Thị Thúy	15/07/1975	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12705	**UH**415	Nguyễn Thị Thúy	01/07/1978	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12706	**UH**416	Đặng Thị Lan Anh	27/07/1979	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12707	**UH**417	Nguyễn Thị Điều	11/03/1970	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12708	**UH**418	Vũ Thị Hường	28/10/1979	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12709	**UH**419	Quách Thị Sáu	26/12/1970	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12710	**UH**420	Phạm Thị Oanh	28/04/1970	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12711	**UH**421	Nguyễn Thị Phượng	31/10/1980	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12712	**UH**422	Lê Thị Hiền	10/02/1983	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12713	**UH**423	Đỗ Thị Quyên	26/08/1987	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12714	**UH**424	Nguyễn Thị. Hồng Gấm	21/12/1983	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12715	**UH**425	Đỗ Thị Hiền	08/11/1991	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12716	**UH**426	Nguyễn Thị Nên	03/07/1986	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12717	**UH**427	Cao Thị Toán	06/10/1985	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12718	**UH**428	Hoàng Thị Thắm	26/11/1986	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12719	**UH**429	Nguyễn Thị Thúy Phương	12/12/1994	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12720	**UH**430	Đoàn Thị Loan	01/09/1988	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12721	**UH**431	Nguyễn Thị Hằng	05/06/1989	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12722	**UH**432	Đỗ Thị Thúy Hà	27/09/1989	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12723	**UH**433	Cao Thị Thảo	23/06/1992	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12724	**UH**434	Đặng Thị Thu Trang	02/05/1995	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12725	**UH**435	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	28/06/1990	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12726	**UH**436	Nguyễn Thanh Hồng	24/01/1991	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12727	**UH**437	Nguyễn Thị Hạnh	02/11/1993	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12728	**UH**438	Trần Thị Dung	23/02/1993	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12729	**UH**439	Dương Thị Huế	03/02/1994	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12730	**UH**440	Đặng Thị Diệp	08/02/1994	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12731	**UH**441	Nguyễn Thị Ngọc	18/08/1993	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12732	**UH**442	Cao Thị Phượng	26/11/1985	Trường Thịnh	Ứng Hòa	100	
12733	**UH**443	Nguyễn Thị Mai Lan	10/11/1975	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12734	**UH**444	Nguyễn Thị Thu Hà	25/02/1978	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12735	**UH**445	Dương Thị Huệ	18/09/1981	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12736	**UH**446	Nguyễn Thị Liên	26/02/1985	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12737	**UH**447	Lê Thị Hà Trang	14/09/1987	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12738	**UH**448	Trịnh Thị Loan	28/12/1984	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12739	**UH**449	Nguyễn Thị Huyền	23/09/1976	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12740	**UH**450	Vũ Thị Thảo	06/04/1987	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12741	**UH**451	Nguyễn Thị Ngát	01/08/1991	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12742	**UH**452	Nguyễn Thị Dung Hòa	04/01/1979	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12743	**UH**453	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/11/1982	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12744	**UH**454	Chu Thị Thanh Bình	13/08/1974	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12745	**UH**455	Nguyễn Thị Bích Phương	16/09/1990	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12746	**UH**456	Phạm Thị Hải Yến	29/07/1973	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12747	**UH**457	Lương Thị Hòa	20/10/1981	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12748	**UH**458	Cao Thị Huyền	20/06/1994	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12749	**UH**459	Nguyễn Thị Trang Nhung	04/12/1994	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12750	**UH**460	Trần Thị Hà	25/12/1992	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12751	**UH**461	Nguyễn Thị Bích Hạnh	11/06/1979	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12752	**UH**462	Nguyễn Thị Hải Yến	06/03/1992	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12753	**UH**463	Nguyễn Khánh Ly	25/05/1985	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12754	**UH**464	Lưu Thị Thu Hằng	16/08/1992	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12755	**UH**465	Phạm Thị Nghĩa	07/09/1985	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12756	**UH**466	Lê Bích Liên	03/11/1979	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12757	**UH**467	Nguyễn Thị Bích Hạnh	26/10/1985	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12758	**UH**468	Nguyễn Thị Hương	29/07/1991	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12759	**UH**469	Trần Thị Hợp	12/08/1986	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12760	**UH**470	Nguyễn Thị Tuyến	12/02/1992	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12761	**UH**471	Nguyễn Thanh Thúy	03/08/1989	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12762	**UH**472	Hoàng Minh Anh	27/07/1987	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12763	**UH**473	Lê Thị Lương	01/09/1994	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12764	**UH**474	Nguyễn Thị Luyến	08/03/1989	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12765	**UH**475	Nguyễn T. Hồng Hạnh	01/05/1982	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	100	
12766	**UH**476	Chu Thị Lan	20/02/1977	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12767	**UH**477	Cao Thị Vui	03/09/1973	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12768	**UH**478	Chu Thị Tuyết	12/01/1976	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12769	**UH**479	Chu Thị Ngoãn	20/01/1977	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12770	**UH**480	Nguyễn Thị Thủy	12/11/1969	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12771	**UH**481	Chu Thị Quyến	04/08/1979	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12772	**UH**482	Nguyễn Thị Ngân	24/12/1992	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12773	**UH**483	Nguyễn Thị Thu	05/01/1990	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12774	**UH**484	Cao Thị Đang	27/07/1983	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12775	**UH**485	Lò Thị Châm	10/07/1989	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12776	**UH**486	Trần Thị Thơm	26/05/1991	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12777	**UH**487	Nguyễn Thị Hương	20/10/1978	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12778	**UH**488	Chu Thị Khanh	30/04/1986	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12779	**UH**489	Đặng Thị Bích Hòa	12/08/1977	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12780	**UH**490	Đặng Thị Thu Thanh	01/11/1984	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12781	**UH**491	Nguyễn Thị Thảo	24/05/1977	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12782	**UH**492	Lê Thị Lệ Giang	13/12/1992	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12783	**UH**493	Trần Hồng Hạnh	25/06/1989	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12784	**UH**494	Hoàng Thị Huyền	22/09/1987	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12785	**UH**495	Đặng Thị Hường	12/09/1982	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12786	**UH**496	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	19/11/1987	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12787	**UH**497	Nguyễn Thị Chiêm	24/11/1982	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12788	**UH**498	Đỗ Thị Thắng	16/11/1988	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12789	**UH**499	Lê Thị Hiền	20/08/1978	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12790	**UH**500	Đỗ Thị Phương Thuỷ	23/01/1976	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12791	**UH**501	Trần Thị Hậu	08/10/1993	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12792	**UH**502	Đặng Thị Lý	10/11/1991	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12793	**UH**503	Vương Thị Phương Thảo	09/06/1991	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12794	**UH**504	Lê Thị Thảo	01/10/1980	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12795	**UH**505	Nguyễn Thị Như Ngọc	03/03/1991	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12796	**UH**506	Đặng Thị Phương	04/10/1995	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12797	**UH**507	Lưu Thuý Hằng	27/12/1994	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12798	**UH**508	Đặng Thị Huệ	15/10/1981	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12799	**UH**509	Nguyễn Thị Thảo	07/06/1979	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12800	**UH**510	Chu Thị Hường	7/12/1978	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12801	**UH**511	Phạm Thị Hưởng	25/03/1987	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12802	**UH**512	Đặng Thị Oanh	11/10/1972	Liên Bạt	Ứng Hòa	100	
12803	**UH**513	Đỗ Thị Thu Thảo	16/08/1972	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12804	**UH**514	Nguyễn Thị Hòa	20/08/1981	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12805	**UH**515	Nguyễn Thị Thanh Thúy	21/05/1976	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12806	**UH**516	Trần Thị Giang	20/10/1971	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12807	**UH**517	Nguyễn Thị Thanh Hương	01/01/1990	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12808	**UH**518	Trần Thị Hương	03/06/1980	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12809	**UH**519	Bùi Thị Lan	06/04/1993	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12810	**UH**520	Nguyễn Thị Thanh	04/04/1993	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12811	**UH**521	Nguyễn Thị Thúy	17/07/1992	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12812	**UH**522	Đặng Thị Anh Hà	25/02/1988	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12813	**UH**523	Đào Thị Mai Liên	08/10/1985	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12814	**UH**524	Nông Thị Hoa	08/06/1979	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12815	**UH**525	Dư Thị Hồng	29/09/1991	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12816	**UH**526	Nguyễn Thị Huyền	23/02/1987	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12817	**UH**527	Nguyễn Thị Oanh	24/06/1969	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12818	**UH**528	Tạ Hoàng Diệu Linh	04/10/1990	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12819	**UH**529	Cao Thị Ngọc Liên	10/01/1984	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12820	**UH**530	Đỗ Thị Thu Hương	18/01/1981	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12821	**UH**531	Nguyễn Thị Thanh	24/01/1985	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12822	**UH**532	Nguyễn Thị Thanh Mai	07/06/1977	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12823	**UH**533	Nguyễn Thị Hồng Vân	03/02/1993	TTr Vân Đình	Ứng Hòa	100	
12824	**UH**534	Đặng Thị Lan Anh	31/12/1972	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12825	**UH**535	Lưu Thị Dung	1/5/1980	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12826	**UH**536	Đỗ Thị Hiểu	01/06/1979	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12827	**UH**537	Vũ Thị Huyền	25/11/1994	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12828	**UH**538	Vũ Thị Nga	10/02/1985	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12829	**UH**539	Vũ Thị Kỷ	21/01/1975	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12830	**UH**540	Nguyễn Thị Nụ	08/03/1981	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12831	**UH**541	Nguyễn Thị Thu Hương	02/11/1981	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12832	**UH**542	Nguyễn Thị Hiền	25/06/1989	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12833	**UH**543	Nguyễn Thanh Hoa	02/05/1991	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12834	**UH**544	Nguyễn Thị Nhị Nữ	11/03/1992	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12835	**UH**545	Trần Thị Định	31/03/1991	Sơn Công	Ứng Hòa	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12836	**UH**546	Trịnh Thị Thuận	30/04/1983	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12837	**UH**547	Đỗ Thị Hạnh	07/04/1976	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12838	**UH**548	Nguyễn Thị Nhung	08/09/1986	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12839	**UH**549	Nguyễn Thị Yên	10/09/1988	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12840	**UH**550	Vũ Thị Kim Thanh	22/11/1987	Sơn Công	Ứng Hòa	95	Không có bản đánh giá xếp loại VC năm học 2021-2022
12841	**UH**551	Đinh Thị Thuyên	09/07/1987	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12842	**UH**552	Nguyễn Thị Linh	28/09/1984	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12843	**UH**553	Nguyễn Thị Ngân	16/05/1970	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12844	**UH**554	Nguyễn Thị Thuỳ	25/12/1975	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12845	**UH**555	Đặng Thị Thu Lý	30/09/1987	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12846	**UH**556	Phạm Thị Thu Trang	22/05/1992	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12847	**UH**557	Nguyễn Thị Thảo	07/04/1988	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12848	**UH**558	Lê Thị Lựu	09/05/1986	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12849	**UH**559	Vương Thị Hải Đường	23/03/1980	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12850	**UH**560	Đặng Thị Lý	20/09/1983	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12851	**UH**561	Nguyễn Thị Tuyết	06/09/1982	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12852	**UH**562	Ngô Thị Uyên	21/09/1993	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12853	**UH**563	Nguyễn Thị Thu Hương	15/08/1974	Sơn Công	Ứng Hòa	100	
12854	**UH**564	Lê Thị Ngọc Cơ	17/5/1970	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12855	**UH**565	Lê Thị Lan Phương	8/28/1970	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12856	**UH**566	Nguyễn Thị Chung	12/27/1971	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12857	**UH**567	Bùi Thị Hà	20/9/1990	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12858	**UH**568	Nguyễn Thị Đỗ	28/11/1972	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12859	**UH**569	Phạm Thị Liên	20/5/1971	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12860	**UH**570	Quản Thị Liên	13/3/1978	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12861	**UH**571	Nguyễn Thị Vân Hường	20/9/1978	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12862	**UH**572	Phạm Thị Kim Hạnh	12/9/1991	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12863	**UH**573	Vũ Thị Bích	28/6/1983	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12864	**UH**574	Quản Thị Kim Xuyến	06/10/1987	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12865	**UH**575	Bùi Thị Lan	16/8/1983	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12866	**UH**576	Nguyễn Thị Mười	01/6/1985	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12867	**UH**577	Đặng Thị Hòa	01/6/1983	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12868	**UH**578	Đặng Thị Dung	30/01/1980	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12869	**UH**579	Hoàng Thị Thơm	04/7/1994	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12870	**UH**580	Trần Thị Phương	03/10/1982	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12871	**UH**581	Lưu Thị Nhinh	20/10/1982	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12872	**UH**582	Nguyễn Thị Thoa	30/8/1981	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12873	**UH**583	Phạm Thị Hạnh	11/4/1992	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12874	**UH**584	Nguyễn Thị Phương Liên	19/11/1983	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12875	**UH**585	Nguyễn Thị Vân	01/02/1980	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12876	**UH**586	Quản Thị Nga	11/4/1983	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12877	**UH**587	Phạm Thị Thúy Diệu	02/9/1985	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12878	**UH**588	Nguyễn Thị Gấm	05/7/1984	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12879	**UH**589	Nguyễn Thị Thanh Thúy	29/10/1992	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12880	**UH**590	Ngô Thị Bích Ngọc	05/9/1983	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12881	**UH**591	Lê Thị Huyền Trang	25/9/1995	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12882	**UH**592	Nguyễn Thị Lan	20/8/1993	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12883	**UH**593	Trương Thị Dung	24/10/1987	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12884	**UH**594	Nguyễn Thị Toan	23/10/1986	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12885	**UH**595	Nguyễn Thị Huyền	19/7/1984	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12886	**UH**596	Quản Thị Thương	25/10/1985	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12887	**UH**597	Quản Thị Dung	15/11/1986	Đồng Tiến	Ứng Hòa	100	
12888	**UH**598	Đặng Thị Nhinh	15/8/1968	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12889	**UH**599	Dư Thị Lanh	12/10/1982	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12890	**UH**600	Ngô Thị Thu Oanh	08/8/1980	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12891	**UH**601	Phạm Thị Huyền	12/11/1988	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12892	**UH**602	Trần Thị Hường	20/11/1986	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12893	**UH**603	Nguyễn Thị Minh Thu	04/9/1970	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12894	**UH**604	Trần Thị Thúy Nga	09/4/1976	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12895	**UH**605	Nguyễn Thị Quy	22/8/1983	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12896	**UH**606	Ngô Đông Hinh	17/11/1978	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12897	**UH**607	Nguyễn Thị Thư	27/3/1980	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12898	**UH**608	Trần Thị Lành	10/5/1983	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12899	**UH**609	Phạm Thị Nguyệt	12/6/1988	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12900	**UH**610	Phạm Thị Năm	18/1/1981	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12901	**UH**611	Trần Thị Lý	24/2/1988	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12902	**UH**612	Nguyễn Thị Bình	14/6/1986	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12903	**UH**613	Phạm Thị Thanh Thủy	30/10/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12904	**UH**614	Nguyễn Thị Huyên	15/10/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12905	**UH**615	Ngô Thị Hòa	05/11/1991	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12906	**UH**616	Nguyễn Thị Ngân	17/8/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12907	**UH**617	Đặng Thị Hồng Lan	20/5/1983	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12908	**UH**618	Trần Thị Bền	15/7/1984	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12909	**UH**619	Phạm Thị Lan Hương	14/6/1987	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12910	**UH**620	Trần Thu Hường	07/9/1992	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12911	**UH**621	Nguyễn Thị Tám	12/4/1983	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12912	**UH**622	Nguyễn Thị Tình	21/6/1992	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12913	**UH**623	Nguyễn Thị Hiền	02/9/1994	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12914	**UH**624	Bùi Như Quỳnh	25/11/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12915	**UH**625	Tạ Thị Nhâm	01/01/1992	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12916	**UH**626	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/06/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12917	**UH**627	Phạm Thị Thúy Ngần	22/7/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12918	**UH**628	Lê Thị Nga	08/12/1986	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12919	**UH**629	Lê Thị Thúy	07/02/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12920	**UH**630	Nguyễn Thị Duyên	30/10/1988	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12921	**UH**631	Nguyễn Thị Liễu	09/02/1989	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12922	**UH**632	Quản Thị Hoa	24/04/1990	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12923	**UH**633	Trần Thị Tỉnh	27/10/1987	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12924	**UH**634	Đỗ Thị Thành	13/9/1988	Vạn Thái	Ứng Hòa	100	
12925	**UH**635	Nguyễn Thị Thơ	28/01/1973	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12926	**UH**636	Lê Thị Hải Yến	06/04/1972	Hòa Xá	Ứng Hòa	90	Không có Chứng chỉ BD CDNN
12927	**UH**637	Lưu Thị Hồng Trang	11/02/1981	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12928	**UH**638	Đỗ Thị Tố Uyên	13/12/1976	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12929	**UH**639	Đỗ Thị Hợp	02/09/1982	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12930	**UH**640	Đặng Thị Thanh	25/04/1987	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12931	**UH**641	Phùng Thị Hồng Anh	26/04/1984	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12932	**UH**642	Phùng Thị Ánh	17/05/1972	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12933	**UH**643	Phùng Thị Thanh Bình	10/07/1988	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12934	**UH**644	Kim Thị Thùy Dung	24/05/1986	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12935	**UH**645	Vũ Thị Nga	25/02/1972	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12936	**UH**646	Đỗ Thị Biên Thùy	29/01/1973	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12937	**UH**647	Lê Thị Hưởng	08/10/1991	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12938	**UH**648	Nguyễn Thị Nhung	28/02/1984	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12939	**UH**649	Phùng Thị Hạnh	08/01/1978	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12940	**UH**650	Đinh Thị Tâm	08/02/1992	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12941	**UH**651	Phùng Thị Bảy	07/08/1974	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12942	**UH**652	Nguyễn Thị Thu	15/11/1990	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12943	**UH**653	Trần Thị Mai Thu	09/05/1988	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12944	**UH**654	Lưu Thị Quỳnh Lương	10/10/1980	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12945	**UH**655	Phùng Thị Thanh Huyền	22/12/1990	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12946	**UH**656	Trần Thị Hiền	11/06/1986	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12947	**UH**657	Cao Trà My	15/11/1985	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12948	**UH**658	Đỗ Thu Hiền	28/11/1984	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12949	**UH**659	Đỗ Lan Phương	10/3/1989	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12950	**UH**660	Đỗ Thị Liên	07/6/1973	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12951	**UH**661	Tạ Thị Mơ	23/01/1994	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12952	**UH**662	Hoàng Thị Kim Thu	30/07/1988	Hòa Xá	Ứng Hòa	100	
12953	**UH**663	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/03/1969	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12954	**UH**664	Trương Thị Thu Hiền	3/23/1975	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12955	**UH**665	Đinh Thị Ánh	6/1/1979	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12956	**UH**666	Đỗ Thị Hà	11/18/1974	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12957	**UH**667	Vũ Thị Hà	8/23/1974	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12958	**UH**668	Lê Thị Hạnh	2/4/1973	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12959	**UH**669	Đỗ Thị Ánh	12/1/1976	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12960	**UH**670	Nguyễn Thị Hiền	9/18/1987	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12961	**UH**671	Đinh Thị Lan	03/08/1989	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12962	**UH**672	Nguyễn Thị Hơn	5/16/1982	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12963	**UH**673	Bùi Thị Hiền	6/5/1985	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12964	**UH**674	Đỗ Thị Hương	10/30/1988	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12965	**UH**675	Phạm Thị Thu Hương	25/10/1984	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12966	**UH**676	Nguyễn Thị Thuận	02/02/1970	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12967	**UH**677	Hồ Thị Thủy	17/5/1981	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12968	**UH**678	Nguyễn Thị Duyên	11/5/1990	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12969	**UH**679	Vũ Hoàng Yến	15/9/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
12970	**UH**680	Nguyễn Thị Hiền	28/12/1993	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12971	**UH**681	Vũ Thị Long	27/11/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12972	**UH**682	Đoàn Thị Thùy	11/4/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12973	**UH**683	Lê Thị Hương	16/8/1991	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12974	**UH**684	Nguyễn Thị Hằng	07/01/1993	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12975	**UH**685	Đoàn Thu Hường	04/02/1989	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12976	**UH**686	Lê Thị Ngọt	09/02/1983	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12977	**UH**687	Bùi Thị Lan	25/9/1984	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12978	**UH**688	Nguyễn Thị Vân	20/11/1985	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12979	**UH**689	Nguyễn Thị Hằng	13/8/1991	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12980	**UH**690	Vũ Thị Hương	22/5/1985	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12981	**UH**691	Nguyễn Thúy Hương	03/7/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12982	**UH**692	Kiều Thị Cải	16/5/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12983	**UH**693	Lê Thị Hồng Oanh	27/10/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12984	**UH**694	Đinh Thị Xuyên	14/9/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12985	**UH**695	Nguyễn Thị Hiền	05/6/1987	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12986	**UH**696	Nguyễn Thị Loan	08/3/1988	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12987	**UH**697	Thiều Thị Kim Ngân	27/02/1985	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12988	**UH**698	Nguyễn Thị Hải	19/11/1994	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12989	**UH**699	Đỗ Thị Tâm	20/10/1986	Hòa Nam	Ứng Hòa	100	
12990	**UH**700	Đặng Thị Hằng	22/07/1983	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12991	**UH**701	Nguyễn Thị Lan	29/01/1980	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12992	**UH**702	Đặng Thị Tuyết	24/11/1974	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12993	**UH**703	Đặng Thị Thanh Thuỷ	08/07/1985	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12994	**UH**704	Lê Thị Kim Oanh	08/01/1973	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12995	**UH**705	Dương Thị Hoa	15/08/1984	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12996	**UH**706	Lê Thị Đào	23/06/1978	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12997	**UH**707	Nguyễn Kim Tuyến	03/08/1972	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12998	**UH**708	Đoàn Thị Thu Hiền	04/07/1987	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
12999	**UH**709	Lê Thị Huyền	13/09/1982	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13000	**UH**710	Trịnh Thị Hoa	29/09/1988	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13001	**UH**711	Nguyễn Thị Bắc	30/08/1984	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13002	**UH**712	Trần Thị Vi	13/10/1983	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13003	**UH**713	Nguyễn Thị Kim Hằng	06/05/1987	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13004	**UH**714	Đặng Thị Hưởng	21/02/1983	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13005	**UH**715	Nguyễn Thị Hằng	02/11/1982	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13006	**UH**716	Nguyễn Thị Mai Hoa	14/05/1990	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13007	**UH**717	Lê Thị Thu Dung	07/09/1984	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13008	**UH**718	Nguyễn Thị Lý	23/10/1991	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13009	**UH**719	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/11/19981	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13010	**UH**720	Lê Thị Thảo	09/10/1985	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13011	**UH**721	Đỗ Thùy Linh	07/02/1987	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13012	**UH**722	Nguyễn Thị Ánh	05/12/1991	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13013	**UH**723	Nguyễn Thị Nhàn	12/06/1984	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13014	**UH**724	Kiều Thị Hạnh	02/09/1979	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13015	**UH**725	Chu Thị Phương	09/03/1994	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13016	**UH**726	Chu Thị Thúy	19/03/1994	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13017	**UH**727	Nguyễn Thị Duyên	07/11/1985	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13018	**UH**728	Đỗ Thị Thùy Linh	19/05/1990	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13019	**UH**729	Nghiêm Thị Lộc	19/06/1975	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
13020	**UH**730	Đỗ Thị Minh Châu	17/01/1986	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13021	**UH**731	Nguyễn Thị Ngoan	23/06/1986	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13022	**UH**732	Lê Thị Thảo	09/01/1990	Hòa Phú	Ứng Hòa	100	
13023	**UH**733	Nguyễn Thị Huyên	17/7/1970	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13024	**UH**734	Nguyễn Thị Lan Anh	4/3/1973	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13025	**UH**735	Lê Thị Thuận Yến	29/9/1984	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13026	**UH**736	Lê Thị Quý Chúc	22/3/1973	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13027	**UH**737	Đào Thị Thúy	12/6/1984	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13028	**UH**738	Trần Thị Thanh Nga	29/10/1989	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13029	**UH**739	Nguyễn Thị Vĩnh	04/9/1981	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13030	**UH**740	Hoàng Thị Cần	06/01/1985	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13031	**UH**741	Hoàng Thị Ly	04/5/1973	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13032	**UH**742	Nguyễn Thị Thoa	06/8/1986	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13033	**UH**743	Trần Thị Bích	18/12/1987	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13034	**UH**744	Vũ Thị Thu Liên	30/9/1983	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13035	**UH**745	Chu Thị Xuyến	13/6/1976	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13036	**UH**746	Nguyễn Thị Hường	24/9/1993	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13037	**UH**747	Nguyễn Thị Nga	29/10/1984	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13038	**UH**748	Chu Thị Hảo	05/9/1985	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13039	**UH**749	Nguyễn Thị Thuận	08/11/1981	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13040	**UH**750	Nguyễn Thị Làn	16/7/1990	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13041	**UH**751	Nguyễn Thị Huề	01/12/1981	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13042	**UH**752	Trần Thị Thu	23/7/1992	Hòa Lâm	Ứng Hòa	100	
13043	**UH**753	Nghiêm Thị Quyên	01/7/1973	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13044	**UH**754	Tạ Thị Bằng	04/08/1977	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13045	**UH**755	Trần Thị Loan	23/9/1988	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13046	**UH**756	Nguyễn Thị Khen	26/8/1992	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13047	**UH**757	Nguyễn Thị Duyên	17/02/1987	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13048	**UH**758	Nguyễn Thị Thùy Dương	26/4/1988	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13049	**UH**759	Nguyễn Thị Hòa	06/5/1991	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13050	**UH**760	Trần Thị Lợi	23/10/1991	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13051	**UH**761	Đỗ Thị Thìn	10/10/1992	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13052	**UH**762	Vũ Thị Thanh Mai	5/2/1991	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13053	**UH**763	Nguyễn Thị Liên	08/3/1993	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13054	**UH**764	Kiều Thị Tám Ngọc	25/6/1977	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13055	**UH**765	Trần Thị Thanh Tâm	11/10/1988	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13056	**UH**766	Nguyễn Thị Hương	20/6/1984	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13057	**UH**767	Nguyễn Thị Hạnh	16/6/1973	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13058	**UH**768	Nguyễn Thị Thúy	03/02/1993	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13059	**UH**769	Trần Thị Phúc	05/10/1973	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13060	**UH**770	Nguyễn Thị Xoa	05/11/1981	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13061	**UH**771	Phạm Thị Bích	20/3/1991	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13062	**UH**772	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/4/1990	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13063	**UH**773	Trần Thị Doan	25/10/1992	Phù Lưu	Ứng Hòa	100	
13064	**UH**774	Đoàn Thị Hương	16/01/1974	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13065	**UH**775	Phạm Thị Thúy Nga	17/6/1984	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13066	**UH**776	Trần Thị Mai Hương	01/11/1980	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13067	**UH**777	Đoàn Thanh Tâm	11/02/1994	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13068	**UH**778	Đào Thị Hà	24/9/1984	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13069	**UH**779	Lê Thị Doãn	18/9/1982	Đại Cường	Ứng Hòa	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
13070	**UH**780	Đoàn Thị Thúy Nữ	30/9/1979	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13071	**UH**781	Nguyễn Thị Thu Thủy	06/9/1984	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13072	**UH**782	Lê Thị Hoa	10/01/1982	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13073	**UH**783	Đào Thị Quyên	26/7/1986	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13074	**UH**784	Nguyễn Thị Vân	14/3/1994	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13075	**UH**785	Nguyễn Thị Quý	12/6/1994	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13076	**UH**786	Đoàn Thị Hồng Hạnh	15/8/1979	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13077	**UH**787	Nguyễn Thị Thu	25/8/1991	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13078	**UH**788	Trần Thị Lừng	06/02/1970	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13079	**UH**789	Tạ Thị Tính	03/10/1970	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13080	**UH**790	Đỗ Thị Tín	26/02/1983	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13081	**UH**791	Lê Thị Thuận	10/02/1987	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13082	**UH**792	Phạm Thị Bích Thủy	20/10/1968	Đại Cường	Ứng Hòa	100	
13083	**UH**793	Hồ Thị Thúy Hoàn	5/4/1973	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13084	**UH**794	Chu Thị Thơm	02/9/1980	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13085	**UH**795	Đoàn Thị Liễu	17/06/1981	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13086	**UH**796	Hoàng Thị Thuý	20/03/1987	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13087	**UH**797	Phạm Thị Thanh	19/04/1991	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13088	**UH**798	Phạm Thị Hải Yến	19/04/1989	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13089	**UH**799	Hoàng Thị Nga	26/10/1987	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13090	**UH**800	Phạm Thanh Quý	25/07/1991	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13091	**UH**801	Nguyễn Thị Luyến	11/10/1987	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13092	**UH**802	Hoàng Thị Thu Hằng	03/11/1989	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13093	**UH**803	Phạm Thanh Tình	03/04/1992	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13094	**UH**804	Phạm Thị Hà Giang	26/06/1992	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13095	**UH**805	Nguyễn Thu Hường	12/02/1983	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13096	**UH**806	Nguyễn Thị Thủy	03/02/1992	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13097	**UH**807	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/08/1985	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13098	**UH**808	Phạm Thị Hằng	04/05/1983	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13099	**UH**809	Nguyễn Thị Thu Trang	26/12/1988	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13100	**UH**810	Phạm Thị Hải Yến	01/7/1989	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13101	**UH**811	Nguyễn Thị Tuyết	28/01/1991	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13102	**UH**812	Vũ Thị Mừng	05/11/1984	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13103	**UH**813	Hoàng Thị Hân	09/8/1989	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13104	**UH**814	Nguyễn Thị Cẩn	10/5/1970	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13105	**UH**815	Nguyễn Thị Thuyết	26/11/1985	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13106	**UH**816	Hoàng Thị Thảo	12/10/1994	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13107	**UH**817	Nguyễn Thị Sen	28/03/1984	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13108	**UH**818	Nguyễn Thị Nhớ	24/04/1988	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13109	**UH**819	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	02/07/1982	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13110	**UH**820	Nguyễn Thị Thu	02/03/1980	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13111	**UH**821	Đoàn Thị Mến	03/7/1989	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13112	**UH**822	Hoàng Thị Thắm	16/10/1990	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13113	**UH**823	Đoàn Thị Quý	01/03/1991	Kim Đường	Ứng Hòa	100	
13114	***GD*** 001	Hoàng Thị Hoài	09/10/1978	BDCBGDHN	Sở GD&ĐT	100	
13115	***GD*** 002	Phạm Thùy Chung	11/20/1977	PTCS Xã Đàn	Sở GD&ĐT	100	
13116	***GD*** 003	Nguyễn Thị Bích Ngọc	6/30/1979	PTCS Xã Đàn	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
13117	***GD*** 004	Hồ Mỹ Linh	12/23/1978	PTCS Xã Đàn	Sở GD&ĐT	100	
13118	***GD*** 005	Vũ Thị Như Quỳnh	2/29/1976	PTCS Xã Đàn	Sở GD&ĐT	100	
13119	***GD*** 006	Nguyễn Thị Hoa	10/2/1990	PTCS Xã Đàn	Sở GD&ĐT	100	
13120	***GD*** 007	Đinh Bích Hà	9/19/1983	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13121	***GD*** 008	Nguyễn Thị Thanh Huyền	6/5/1976	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13122	***GD*** 009	Phan Thị Hoa Lê	7/22/1983	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13123	***GD*** 010	Nguyễn Thị Hương Trà	8/17/1973	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13124	***GD*** 011	Triệu Thị Thanh Huyền	12/5/1975	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13125	***GD*** 012	Lê Hồng Bích	3/6/1980	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13126	***GD*** 013	Đặng Thị Yên	6/11/1983	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13127	***GD*** 014	Đào Thanh Tú	10/9/1980	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13128	***GD*** 015	Nguyễn Thị Hằng	8/13/1987	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13129	***GD*** 016	Trần Thị Vân Anh	1/25/1982	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT	100	
13130		Phạm Thu Hường	1/7/1976	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13131		Nguyễn Thi Hà	18/011969	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13132		Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/8/1975	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13133		Nguyễn Thị Thu Hương	14/121971	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13134		Nguyễn Bích Hạnh	9/5/1975	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13135		Lý Thị Thu Huyền	18/9/1978	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13136		Nguyễn Thị Hồng Chuyên	30/8/1979	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13137		Vương Ngọc Minh	1/6//1981	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13138		Nguyễn Thị Trang	12/4/1990	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13139		Nguyễn Phương Thanh	12/121987	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13140		Đào Diệu Hoa	6/12/1991	ViệtTriều H.nghị	Sở GD&ĐT		Không có hồ sơ
13141	***GD*** 017	Nguyễn Thu Thùy	16/7/1975	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	
13142	***GD*** 018	Nguyễn Ngọc Anh	2/5/1981	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	
13143	***GD*** 019	Thái Quỳnh Lan	11/1/1978	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	

TT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị đang làm việc	Cơ quan	Điểm hồ sơ	Diễn giải
13144	***GD*** 020	Nguyễn Ngọc Tâm	9/19/1981	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	
13145	***GD*** 021	Vũ Hồng Phương	4/9/1977	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	
13146	***GD*** 022	Phan Thị Ngọc Loan	7/27/1987	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	
13147	***GD*** 023	Nguyễn Thu Trang	3/9/1988	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	
13148	***GD*** 024	Ngô Thị Thơm	1/19/1978	Trường MNB	Sở GD&ĐT	85	Thiếuquyết định bổ nhiệm CDNN GVMN hạng III mã số V07.02.26
13149	***GD*** 025	Nguyễn Thị Hoa	8/11/1979	Trường MNB	Sở GD&ĐT	100	

**** Danh sách gồm 13.149 người***